Library HoangSa.Org

sử địa

ĐỒ MỘT NHÓM GIÁO SƯ, SINH VIÊN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM SAIGON CHỦ TRƯƠNG

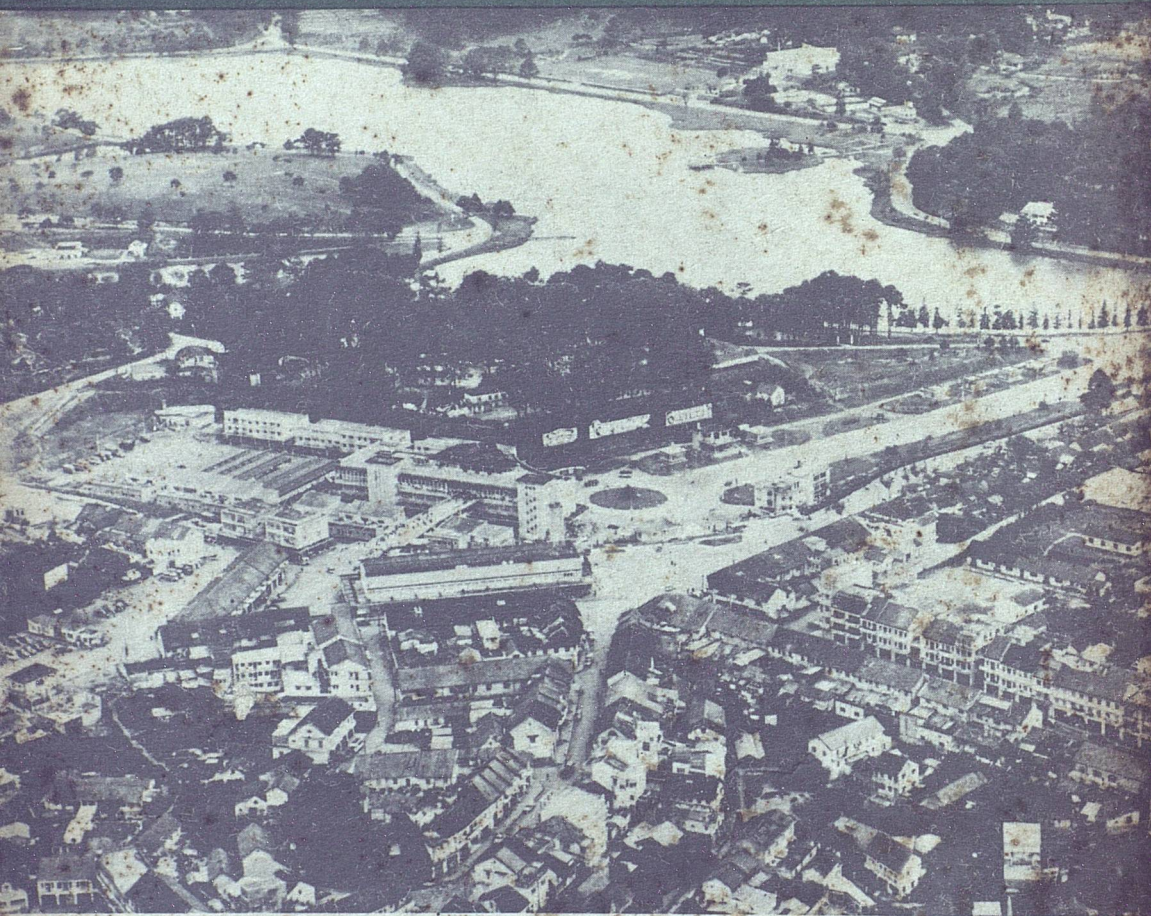

Đặc Khảo DALAT

XUÂN NHÂM TÝ

NHÀ SÁCH KHAI-TRÍ BẢO TRỢ

1971

23 & 24

Library HoangSa.Org

sử địa

*TẬP SAN * SƯU TẦM * KHẢO CỨU * GIÁO KHOA*

BAN CHỦ BIÊN:

NGUYỄN THẾ ANH — BỬU CẦM — PHAN KHOANG — LÂM THANH LIÊM — PHẠM VĂN SƠN — THÁI VIỆT ĐIỂU — PHẠM CAO DƯƠNG — PHỦ LANG — ĐẶNG PHƯƠNG NGHI — QUÁCH THANH TÂM — TRẦN ĐĂNG ĐẠI — PHẠM ĐÌNH TIẾU — NGUYỄN KHẮC NGỮ — NGUYỄN HUY — TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG — PHẠM LONG ĐIỀN — TRẦN ANH TUẤN — NGUYỄN THÁI AN — TRẦN QUỐC GIÁM — NGUYỄN SAO MAI — MAI CHƯỞNG ĐỨC — THÁI CÔ NGTỤNG.

VỚI SỰ CỘNG TÁC CỦA:

HOÀNG XUÂN HÃN — CHEN CHING HO — THÍCH THIỆN ÂN — LÊ VĂN HẢO — NGUYỄN VĂN HẦU — TẠ TRỌNG HIỆP — NGUYỄN TRẦN HUÂN — NGUYỄN NGỌC CƯ — PHẠM VĂN DIÊU — BỬU KẾ — NGUYỄN KHẮC KHAM — TRƯƠNG BỬU LÂM — LÊ HỮU MỤC — NGUYỄN PHƯƠNG — HỒ HỮU TƯỜNG — LÊ THỌ XUÂN — ƯNG TRÌNH — NGHIÊM THẦM — TÔ NAM — BÙI QUANG TUNG. — VƯƠNG HỒNG SỂN

BAN TRỊ SỰ:

nguyễnnhã - nguyễnnhựttấn - phạmthịhồngliên - nguyễnngọc trác - trầnđìnhthọ - nguyễnhữuphước - phạmthịkimcúc - trần ngọcban - phạmvănquảng - phạmđứcliên

LIÊN LẠC — *Thư từ, bài vở, ngân chi phiếu, xin đề:* NGUYỄN NHÃ

TRÌNH BÀY — NGUYỄN NHỰT TẤN

TRƯƠNG MỤC — TẬP SAN SỬ ĐỊA *Sài-gòn T/M 2763 Chánh Trung Khu chi phiếu — Sài-gòn*

TÒA SOẠN — *221, Cộng Hòa. Sài-gòn B.P: 380*

Library HoangSa.Org

Nhân dịp tết nguyên đán Nhâm Tý, kính chúc quí đọc giả cùng các thân hữu một mùa xuân dân tộc như ý và cầu mong thanh bình sớm trở về với quê hương thân yêu.

TẬP SAN SỬ ĐỊA

Library HoangSa.Org

Núi Đà-lạt xa quanh mình uốn éo
Lững-lưng đồi, ai khéo vẽ rừng thông
Mặt hồ xanh, mây bạc bóng gương lồng
Trên cỏ lục, lối hồng đang uốn khúc

. . . . . .

HOÀNG XUÂN HÃN

(Trích trong bài hát nói ghi lại cảnh vật và tâm tình của Hoàng Tiên Sinh khi dự hội nghị Đà-lạt 1946).

Library HoangSa.Org

Số đặc khảo Đà-lạt
Xuân Nhâm Tý
du xuân... Đà-lạt

sử địa

tam cá nguyệt san. Số 23 và 24 từ tháng 6 đến tháng 12 năm 1971

* *Lá thư tòa soạn* 1

HOÀNG XUÂN HÃN
- *Một vài Kí-vãng về Hội-nghị Đà-lạt* 3

HÃN NGUYÊN
- *Lịch Sử phát triển Đà-lạt (1893-1954)* 265

TRẦN VĂN TUYÊN
- *Ít dòng Nhật-ký về Hội-nghị Trù-bị Đà-lạt 1946* 255

NGUYỄN VĂN Y
- *Bác sĩ Yersin, người đầu tiên tìm ra vùng đất Đà-lạt* 34

NGUYỄN NHÂN BẰNG
- *Ấp Hà Đông* 93

THÁI CÔNG TỤNG
- *Các Điều-kiện Đất-đai và vài Cảm-nghĩ về Sinh-môi tại vùng Đà-lạt* 161

Chủ nhiệm : NGUYỄN NHÃ
Tòa soạn 221 Cộng Hòa, Sài-gòn
Hộp thơ 380 Sài-gòn

In tại nhà in Việt Hương
34 Lê Lợi Sài-gòn
giá 350$

Library HoangSa.Org

VÕ ĐÌNH NGỘ
- *Vài Nét Đại Cương về Hình Thể Đất Đai của vùng Đà-lạt (Tuyên-Đức)* 195

NGUYỄN VĂN VÂN
- *Địa Chất vùng Đà-lạt* 42

NGUYỄN KIM MÔN
- *Khí hậu Đà-lạt* 180

VŨ VĂN TIẾP
- *Rau cải Đà-lạt* 47

NGUYỄN HỮU ĐÍNH và NGUYỄN HỮU HÀI
- *Quần-thụ Thông 3 lá ở Cao-nguyên Đà-lạt: Một Tài nguyên Thiên nhiên Quan trọng cần phải Cứu vãn* 65

PHẠM VĂN LỘC
- *Tình trạng Hiện tại và Triển vọng Tương lai của Ngành trồng cây ăn trái Ôn-đới tại Đạ-lạt* 112

NGUYỄN VĂN TÀI
- *Thông Hai lá ở Cao-nguyên Đà-lạt* 126

PHẠM VĂN LƯU và NHÓM SỬ ĐỊA ĐÀ-LẠT
- *Khái lược về Sinh hoạt Nhân văn và Kinh tế của Đà-lạt* 142

NHÓM SỬ ĐỊA VIỆN ĐẠI HỌC ĐÀ-LẠT
- *Phần Chỉ dẫn Du lịch về thành phố Đà-lạt* 291

NHA ĐỊA DƯ QUỐC GIA
- *Bản đồ Du lịch thành phố Đà-lạt — Bản đồ Đà-lạt và các vùng phụ cận và 30 phụ bản.*

CÁO LỖI

Vì lý do kỹ thuật, số báo đặc khảo nầy đã ra trễ kỳ hạn dự liệu và đã được ấn hành vào đúng dịp xuân Nhâm Tý.

Vì là số đôi và cũng do vật giá leo thang, giá báo xin được ấn định theo thời giá.

TẬP SAN SỬ ĐỊA

Library HoangSa.Org

lá thư tòa soạn

Lần đầu tiên, Sử Địa thực hiện một số chuyên khảo thiên về địa lý. Đây cũng là lần đầu tiên, Sử Địa khảo cứu về một địa phương, một hình thức địa phương chí.

Đà-lạt đã được chọn mở đầu những số đặc khảo về những địa phương ; trong đó sẽ có những vùng đất như Sài-gòn, Huế, Đà Nẵng, Nha Trang, Cam Ranh...

Sở dĩ chúng tôi đã chọn Đà-lạt khởi đầu, vì Đà-lạt là thủ phủ của miền Tây Nguyên tương đối còn xa lạ, rất ít có những địa phương chí đã xuất bản Đà-lạt lại có nhiều những đặc điểm khá khác thường về phong cảnh, khí hậu, sinh hoạt nhân văn, kinh tế và cả về lịch sử... Đà-lạt có nhiều triển vọng phát triển về hoạt động văn hóa cũng như sẽ trở thành một thành phố du lịch quan trọng của vùng Đông Nam Á.

Chúng tôi rất lấy làm khích lệ khi thực hiện số đặc khảo về Đà-lạt. Sự hợp tác của học giới Đà-lạt cũng như các chuyên viên về địa chất, đất đai, khí tượng, canh nông... nhứt là sự hợp tác của Nha Địa Dư Quốc Gia thật hết sức quí giá, khiến cho nội dung số báo này có một giá trị vững vàng và kỹ thuật ấn loát cũng thật đặc biệt. Đây là lần đầu tiên Sử Địa có được những hình ảnh rất rõ ràng cũng như những bản đồ với kỹ thuật tinh vi do Nha Địa Dư phụ trách ấn loát.

Library HoangSa.Org

Chúng tôi hy vọng rằng sự hợp tác quí giá về văn hóa này sẽ tiếp tục hầu giúp cho Sử Địa đóng góp nhiều vào sự phát triển ngành sử địa cũng như nền văn hóa nước nhà.

Chúng tôi thành thật xin chuyển lời cảm tạ tới Đại Tá Giám Đốc Nha Địa Dư Quốc Gia cùng toàn thể các viên chức của Nha Địa Dư Quốc Gia, đã tận tình trợ giúp số đặc khảo này.

Đặc biệt kỳ báo này, chúng tôi khởi sự đăng loại bài «chứng nhân lịch sử» như bài «Một vài kỉ vãng về Hội Nghị Dà-lạt» của Hoàng Xuân-Hãn. Với một tinh thần khoa học và sự hiểu biết rộng rãi, Hoàng Tiên sinh sẽ cống hiến cho quí độc giả những sử liệu quí giá. Chúng tôi cũng mong rằng rồi đây sẽ có rất nhiều những chứng nhân lịch sử khác sẽ lần lượt cung cấp những sử liệu sống động giá trị.

Sử Địa hiện đương sửa soạn số đặc khảo về Nguyễn Trường Tộ cùng các số về Văn Minh Việt Nam, Hùng Vương và các địa phương: Sài-gòn, Huế...

Sử Địa lúc nào cũng mong có sự hợp tác của quí bạn đọc.

TẬP SAN SỬ ĐỊA

TIN BUỒN

Nhóm Chủ Trương TẬP SAN SỬ ĐỊA rất lấy làm đau đớn khi được tin:

Học Giả PHAN KHOANG

(Trong ban chủ biên Tập San Sử Địa) đã từ trần hồi 18 giờ ngày 22-10-1971 tại Sài-gòn. Cầu chúc hương hồn Cố Học Giả Phan Khoang sớm tiêu diêu miền cực lạc và thành kính chia buồn cùng tang quyến.

NHÓM CHỦ TRƯƠNG TẬP SAN SỬ ĐỊA

Library HoangSa.Org

MỘT VÀI KÍ-VÃNG VỀ HỘI-NGHỊ ĐÀ-LẠT

▽ HOÀNG XUÂN-HÃN

Lời nói đầu. *Sử-Địa* cố nài tôi kể chuyện Hội-nghị Đà-lạt mà tôi có dự. Tôi đã khuyên nên nhờ ai còn giữ được các tài-liệu chính-thức về vụ ấy, vì riêng tôi, thì hồi quân Pháp chiếm lại Hà-nội, những tài-liệu đầy đủ ấy đã bị mất. Tôi cũng đã khuyên nên đăng lại những bài lược trình về các buổi tranh-luận về những vấn-đề chính-trị, tài-chính, vũ-bị, và văn-hóa mà Vũ Văn-Hiền, một bạn khác và tôi đã viết trong tạp-chí *Dư luận* xuất-bản năm 1946, rồi sau được góp lại xuất-bản thành sách nhỏ. Nay, báo và sách tôi đều không có nữa. Chuyện mới xảy ra cách một phần tư thế-kỉ, mà tài-liệu ở nước nhà không còn. Ở Paris hẳn có, nhưng chưa có phương-tiện tìm-tòi.

May sao, trong những quyển sổ tay của tôi, tôi còn thấy ghi lại một số sự-kiện, riêng, chung về hành-trình đi dự hội-nghị nầy. Tôi cũng chiều ý Sử-Địa một phần nào, bằng sẽ kê một vài mẩu chuyện và một vài đại-ý về việc nầy, để độc-giả ngày nay và ngày sau còn cảm-thông với những người đương-sự trong giai-đoạn cực-kì gian-nan cho vận-mệnh nước nhà trong buổi tái-sinh của dân Việt. Kí vãng là chép chuyện xưa liên-hệ đến mình. Vậy tôi xin lỗi sẽ nói nhiều về cá-nhân tôi.

✠

Đêm mồng 9 tháng 3 năm 1945, chế-độ thuộc-địa Pháp bị hủy. Ngày 15 tháng 8, đế-quốc quân-phiệt Nhật đầu hàng. Từ khi chính-quyền thực-dân tan, dân Việt thấy rằng tương lai mình sẽ do các cường-quốc chiến-thắng đã đành, nhưng nhất-là do thái-độ và năng-lực của mình trước. Vì vậy, tuy trong nội-bộ có chính-biến, nhưng quốc-dân đều một lòng xiết chặt chung-quanh những kẻ cầm quyền, để đợi những biến-cố tầy trời sắp giồn-giập tới.

Tuy chính-quyền *Pháp-mới* loan báo sắp phái tướng Leclerc sang tái-phục và đô-đốc D'Argenlieu sang quản-trị Đông-dương, nhưng dân Việt vẫn mong rằng Mĩ và Trung sẽ cản chế-độ thực-dân tái-lập. Phải

Library HoangSa.Org

đợi đến sau ngày 12 tháng 9, quân Anh vũ-trang người Pháp ở Sài-gòn, rồi sau ngày 21, tàu Anh chở quân viễn-chinh Pháp đổ bộ lên đất Nam-bộ, thì dân Việt mới thấy cái họa mất nước lần thứ hai. Ngoài một số người vong-bản hoặc bị phỉnh-phờ theo hùa lập ra nước *Nam-kì tự-trị*, nhân-dân đã quyết chống nạn ngoại-xâm, tuy trong nội-bộ có sự đảng-tranh, nó đã đem lại nhiều thảm-kịch tai-hại. Ngày 19 tháng 11, mặt trận *Việt-minh*, đảng *Quốc-dân* và nhóm *Đồng-minh* cam-kết liên-hiệp để đối-phó với thời-cơ.

Trong khi ấy, quân-đội viễn-chinh và Chính-phủ Pháp đã thi-hành những giai-đoạn từng thấy hơn sáu mươi năm về trước để chiếm-đoạt toàn lãnh-thổ Việt-nam: chiếm Nam-phần, dỗ Miên, Lào, điều-đình với Trung-quốc để tìm cớ đem quân ra Bắc. Ngày 28 tháng 2 năm 1946, *thỏa-hiệp Trung-Pháp* được kí, nhận quân-đội Pháp ra Bắc thế quân-đội Trung, đặt Hải-phòng làm hải-cảng tự-do cho hàng-hóa Trung-quốc. Bấy giờ những hiện-tượng Jean Dupuis, Francis Garnier ngày xưa lù-lù tái hiện. Không đủ vũ-lực chống lại, kẻ cầm quyền chỉ có cách điều-đình. Với sự đoàn-kết tất cả nhân-dân thì may gì sẽ giữ được những điều-kiện tối thiểu của một nước.

Sau khi Nhật-hoàng chịu đầu hàng, quốc-trưởng *Bảo-đại* và chính-phủ *Trần Trọng-Kim* đánh điện-tín cho các quốc-trưởng bốn nước có thể liên-quan với vận-mệnh Việt-nam, bày tỏ thái-độ toàn quốc sẽ cương-quyết chống thực-dân Pháp trở lại chinh-phục nước mình. Tuy lời kêu gọi ấy không có một tiếng trời nào, nhưng muốn tỏ sự toàn dân đoàn-kết, chính-phủ đã mời cựu-hoàng ra Hà-nội làm cố-vấn, rồi lại để đi sang Trung-quốc. Cũng vì lẽ ấy, ngày mồng 6 tháng giêng (1946), toàn dân bầu-cử quốc-hội, có dành 70 ghế cho các nhóm Quốc-dân và Đồng-minh. Ngày mồng 2 tháng 3, họp hội-nghị toàn quốc, và ngày hôm sau thành-lập chính-phủ chính-thức « *đoàn-kết kháng-chiến* », có *Hồ Chí-Minh* chủ-tịch, *Nguyễn Hải-Thần* phó chủ-tịch, Huỳnh Thúc-Kháng bộ-trưởng Nội-vụ, *Nguyễn Tường-Tam* bộ-trưởng bộ Ngoại-giao, và *Phan Anh* bộ-trưởng bộ Quốc-phòng. Tuy thực-lực vũ-trang phần lớn trong tay quân-trưởng *Võ Nguyên-Giáp*, nhưng sự thành-lập một chính-phủ dung-hòa mọi xu-hướng chính-trị đã tăng uy-thế của vị chủ-tịch đang điều-đình rất gắt-gao với phái-viên Pháp là *Sainteny*. Chủ-soái quân-đội viễn-chinh Pháp, tướng *Leclerc* muốn đổ bộ gấp rút lên đất Bắc, đã ép chính-nhân Pháp phải nhận phần tối thiểu: *tên nước Việt-nam và phẩm-giá tự-do*.

Library HoangSa.Org

Ngày mồng 6 tháng 3, Hồ Chí-Minh và Sainteny kí một hiệp-ước giữa Việt-nam và Pháp, mang xưng-hiệu *Hiệp-định sơ-bộ mồng 6 tháng 3*. Hai bên giao hẹn rằng:

« 1.— *Chính-phủ Pháp nhìn nhận nước Cộng-hòa Việt-nam là một nước tự-do có chính-phủ riêng, có quốc-hội riêng, có quân-đội riêng và có tài-chánh riêng, nhập-phần Liên-bang Đông-dương và Liên-hiệp Pháp. Về điều thống-nhất ba « KỲ », thì Chính-phủ Pháp cam-đoan sẽ chấp-nhận sự quyết-định của những dân-tộc sẽ được trưng-cầu ý-kiến.*

« 2.— *Chính-phủ Việt-nam tuyên-bố sẵn-sàng đón một cách thân-thiện quân-đội Pháp, khi, theo đúng những liên-hiệp quốc-tế, quân-đội nầy thay thế quân-đội Trung-hoa. Một khế-ước phụ tiếp vào Hiệp-định sơ-bộ nầy sẽ định những cách-thức theo đó những tác-động thay-thế sẽ cử-hành.*

« 3.— *Những điều-khoản đề-xuất trên đây sẽ được thi-hành lập-tức. Liền sau khi trao đổi chữ kí, mỗi một bên giao-kết sẽ thi-thố những sự cần-thiết để ngừng chiến lập-tức, để cầm bộ-đội mình đóng tại chỗ hiện có, để gây nên bầu không-khí thuận-lợi, cần-thiết cho sự mở lập-tức những cuộc đàm-phán thân-thiện và chân-thành. Những cuộc đàm-phán ấy hướng nhất về :*

a) *Những liên-lạc ngoại-giao giữa Việt-nam và các nước ngoài,*

b) *Điều-lệ tương-lai của Liên-bang Đông-dương,*

c) *Quyền-lợi kinh-tế và văn-hóa Pháp ở Việt-nam.*

Hà-nội, hoặc Sài-gòn, hoặc Paris có thể được chọn làm nơi trụ-sở cho cuộc đàm-phán. »

KHẾ ƯỚC PHỤ

« *Giữa hai bên kí-kết đã chỉ-định trong Hiệp-ước sơ-bộ, đã giao hẹn những điều sau :*

1.— *Binh-lực thay thế sẽ gồm :*

a) *một vạn người Việt-nam, với cán-bộ Việt-nam, dưới quyền những binh-quyền Việt-nam.*

b) *mười lăm nghìn Pháp, kể cả binh-lực Pháp hiện ở trên lãnh-thổ Việt-nam ở phía bắc vĩ-tuyến 16. Những phần-tử ấy phải chỉ gồm người Pháp gốc chính-quốc, trừ ra những bộ-đội canh giữ tù-binh Nhật.*

« *Toàn-bộ các binh-lực ấy sẽ đặt dưới Thượng-đẳng Chỉ-huy Pháp có đại-biểu Việt-nam hộ-trợ. Sự tiến, sự đóng và sự dùng những binh-lực*

Library HoangSa.Org

ấy sẽ định trong một cuộc đàm-phán Tham-mưu giữa những đại-diện chỉ-huy Pháp và Việt-nam ; cuộc đàm-phán ấy sẽ nhóm lập-tức sau khi có những đơn-vị quân Pháp đồ bộ.

« Những ủy-ban hỗn-hợp sẽ được đặt ra tại các cấp để bảo-nhậm, với tinh-thần hợp-tác thân-thiện, sự liên-lạc giữa quân-đội Pháp và quân-đội Việt-nam.

2.— Những phần-tử binh-lực thay-thế Pháp sẽ chia làm ba hạng :

a) Những đơn-vị có trách-nhiệm bảo-đảm sự canh-giữ tù-binh Nhật-bản. Những đơn-vị nầy sẽ được hồi-hương liền sau khi nhiệm-vụ không còn có lí-do, vì tù-binh Nhật-bản đã được thải đi ; trong mọi trường-hợp phải rút sau không quá mười tháng.

b) Những đơn-vị có trách-nhiệm bảo-đảm, với hợp-tác của quân-đội Việt-nam, giữ-gìn trật-tự và an-toàn lãnh-thổ Việt-nam. Những đơn-vị nầy sẽ được thay thế, mỗi năm một phần năm, bởi binh-đội Việt-nam. Vậy sự thay thế ấy sẽ hoàn thành trong thời-hạn năm năm.

c) Những đơn-vị có trách-nhiệm phòng thủ các căn-cứ Hải-quân và Không quân. Thời-hạn nhiệm-vụ giao cho các đơn-vị ấy sẽ định trong những cuộc đàm-phán sau.

3.— Trong những địa-điểm có quân-đội Pháp và Việt-nam đóng đồn, những khu đóng trại có giới-hạn rõ-ràng sẽ chỉ-định dành cho các quân-đội ấy.

4.— Chính-phủ Pháp cam-đoan không dùng tù-binh Nhật-bản về việc binh.

Làm tại Hà-nội ngày mồng 6 tháng 3 1946

Kí : SAINTENY

Kí : Hồ CHÍ-MINH

VŨ HỒNG-KHANH

Lấy tình-cảm mà phán, hầu hết quốc-dân đã thất-vọng vì hai ước-nguyện ĐỘC-LẬP và THỐNG-NHẤT có một thời-gian tưởng đã đạt, nay bị tiêu-tan. Nhưng những nhà đương-sự phải đối-phó với thật-tế ; mà thật-tế là trong khi điều-đình, chính-phủ Trung-quốc đã cho phép quân Pháp năm trước chạy sang Vân-nam khi quân Nhật tấn-công, được vũ-trang trở lại chiếm vùng Tây-bắc ; và sáng ngày mồng 6 tháng 3, các tàu chở quân-đội Pháp đã vào Cửa Cấm và vừa đối pháo với một tiểu-đội Trung-quân, trái với sự thỏa-thuận của tướng đề quân

Library HoangSa.Org

Pháp đổ bộ lên Hải-phòng. Trước thái-độ hững hờ của các cường-quốc, biết binh-lực mình còn non nớt không thể công-nhiên đương đầu với cơ-khí của Anh, Mĩ mà quân Pháp được trang-bị, chính-phủ Liên-hiệp Kháng-chiến chỉ có hai đường: một là chống lại bằng vũ-lực nhưng rồi phải bỏ các đô-thị để kháng-chiến một cách anh-dũng nhưng tối-tăm như các tiền-bối Trương Công-Định, Phan Đình-Phùng, Hoàng Hoa-Thám; hai là chịu lép đương thời để được Pháp và quốc-tế nhìn nhận có nước Việt-nam, rồi tựa vào dư-luận dân Pháp và dân hoàn-cầu và nhất là vào sự đồng-tâm kiên-quyết không chịu nô-lệ của quốc-dân, để tái-lập dần-dần sự hoàn-toàn độc-lập.

Thật ra, bấy giờ còn có một con đường thứ ba là lợi-dụng sự hiện có mặt quân-đội Trung-quốc mà chống quân Pháp đổ-bộ. Đó là một kế mà một phần-tử tướng và chính-khách Trung-hoa xui ngầm một số người Việt-nam yêu nước. Nguyên là, hơn 60 năm về trước, Pháp đã lấy vũ-lực ép triều nhà Thanh phải để Pháp làm chủ trên đất Việt-nam. Nay Trung-quốc có thể giành lại thế-lực ở đây với Pháp. Chính vì vậy tướng Trương Phát-Khuê trấn-thủ Quảng-tây đã che-chở những chí-sĩ Việt lưu-ngụ ở đó và đã giúp lập nên những nghĩa-hội để khôi-phục Việt-nam. Trong hồi đại-chiến ở châu Âu còn nồng, tổng-thống Mĩ, F. Roosevelt hình như đã tán-thành ý ấy, nhưng bấy giờ, năm 1946, Mĩ phải gờm thế-lực Nga bành-trướng ở Đông-Âu, sợ cách-mạng cộng-sản ở Pháp, sợ quân Trung-cộng thắng quân Quốc-dân ở Mãn-châu. Vì vậy, Mĩ nuông chiều Pháp, và ép các sư-đoàn tinh-nhuệ nhất Trung-quân đang đóng ở Việt-nam phải chở lên miền bắc Bắc-kinh. Chung-qui những sự họ xui ngầm, hay là quấy rối Pháp ở Việt-nam chỉ có kết-quả là tăng cái giá mà ngoại-giao khôn-khéo của Pháp (tuy dân-chúng nghèo nan vì bị chiếm-đóng, nhưng tư-bản vẫn giàu) phải giả trong khi mà-cả để quân-đội Trung-hoa chịu rút về. Giá bằng vàng nén, theo tướng Salan, nhân-viên Pháp quan-trọng trong mọi việc điều-đình (Mémoires, 1 trang 355).

Chắc rằng những lãnh-tụ Việt-nam «thân Hoa» đã cân nhắc lợi hại con đường nầy, cho nên vẫn ủng-hộ chính-phủ «Liên-hiệp Kháng-chiến». Nhưng phần lớn người đồng-chí không tán-thành. Đó là nguồn gốc sự nồi da nấu thịt sau nầy sẽ diễn dưới sự tán-thành và thỏa-mãn của quân Pháp. Vậy sau ngày 6 tháng 3, Vũ Hồng-Khanh, phó chủ-tịch ủy-ban quân-sự thường cùng chủ-tịch Võ Nguyên-Giáp đi điều đình với quân-nhân Pháp, và bộ-trưởng ngoại-giao Nguyễn Tường-Tam tiếp-

Library HoangSa.Org

xúc với đại-diện các ngoại-bang, nhất là yêu-cầu tổng-thống Mĩ nhìn-nhận Việt-nam là nước tự-do, rồi cầm đầu phái-đoàn đi dự *Hội-nghị Đà-lạt*.

✠

Vì sao có Hội-nghị nầy? Muốn hiểu những sự sẽ xảy ra trong những tháng sau, ta phải biết có sự xung-khắc giữa hai vai chính trùm người Pháp ở Đông-dương: tướng cầm quân, Leclerc, có trách-nhiệm chiếm lại lãnh-thổ thuộc-địa cũ; và đô-đốc chính-trị, D'Argenlieu, được giao quyền tái-lập cai-trị thực-dân. Hiệp-định sơ-bộ nhờ lập-trường của Leclerc mới có: nhận những điều-kiện rộng-rãi về danh-từ để quân-đội mình có thể đổ bộ lên Bắc-bộ vào đầu tháng 6 mà không phải chiến-tranh với một chính-phủ ẩn-nấp vào rừng. Còn D'Argenlieu thì vừa là một đô-đốc thủy-sư, vừa là một thầy tu đạo Cơ-đốc, rất bảo-thủ về chính-trị lại muốn theo gương các đô-đốc chinh-phục Đông-dương ngày xưa. Vì vậy, những điều Leclerc đã nhận thì D'Argenlieu chống, nhất là việc trưng-cầu dân-ý về thống-nhất ba kì. Hồ Chí-Minh đã thấy sự mâu-thuẫn ấy, cho nên đã găng để cố-nài đòi họp hội-nghị ở Paris. Nhưng D'Argenlieu thì muốn họp ở Đông-dương để đặt những sự điều-đình vào nội-bộ địa-phương mà thôi. Lấy cớ ở Pháp chưa có quốc-hội chính-thức, chính-phủ Pháp chưa chịu mở hội-nghị điều-đình. Nhưng sợ trong khi chờ, Cao-ủy Pháp lấn dần tư-thế của ta, chính-phủ Việt-nam đã đề nghị, và Pháp đã chấp-thuận, một phái-đoàn quốc-hội sang thăm nước Pháp, và một phái-đoàn khác bắt đầu điều-đình với Pháp những điểm đã nêu rõ trong Hiệp-định sơ-bộ mồng 6 tháng 3. Pháp muốn hội-nghị nầy nhóm ở nơi cô-quạnh, ngoài áp-lực của dân-chúng: Đà-lạt. Hội-nghị lại chỉ có tính-cách soạn-sửa cho cuộc điều-đình chính-thức tại Pháp. Vì vậy nó đã mang tên *Hội-nghị trù-bị Đà-lạt*.

✠

Sau những ngày chính-phủ Trần Trọng-Kim từ chức, cách-mạng tháng 8 nổi dậy và chính-phủ dân-chủ cộng-hòa thành-lập, tôi được bỏ quên, yên-phận sửa-soạn thi-hành sự dạy và viết sách môn toán-học bằng tiếng Việt, và nỗ-lực cứu vớt những sách tàn giấy cũ mà bấy giờ nhân-dân cho đã lỗi thời, đưa bán làm hồ, làm giấy lộn khắp đường Hà-nội. Thình lình, một hôm, một học trò cũ Đại- học mà đã thành một nhân-viên quan-trọng trong chính phủ, tới thăm ở thư-trai tại xã Hoàng-mai. Sứ-giả tươi cười nói: "...Riêng tôi muốn tới thăm thầy đã lâu.

Library HoangSa.Org

Nay chính-phủ định lập một ủy-ban soạn sửa giao-thiệp với nước ngoài, bắt đầu với Trung-quốc. Các anh đã nghĩ đến thầy...»

Tuy không lấy sự mời nầy làm lạ, nhưng tôi rất e ngại vì nội-bộ bấy giờ đang rất lục-đục: đảng Quốc-dân và nhóm Đồng-minh bất hòa với mặt trận Việt-minh, và quân-nhân Trung-quốc bênh vực các phe trên chống chính-phủ lâm-thời. Tôi đã trả lời rằng nếu tôi xét sự tham-dự có ích thì tôi không từ-nan, nhưng muốn ngoại-giao có kết-quả hay thì phải dàn-xếp cho chóng êm đã. Ngày ấy là ngày 18 tháng 11 (1945). Tuy dưới áp-lực Tiêu Văn, quân-nhân chính-trị của đạo quân Quảng-tây, các đảng phái đã bắt đầu liên-lạc nhưng sự đả-kích nhau ngoài phố chưa yên. Tôi tự hỏi vì sao mà «Các Anh đã nghĩ đến tôi»? và sực nhớ đến một câu chuyện liên-quan đến mình xảy ra hơn một tháng trước.

Nguyên là, từ khi quân-đội Trung-quốc vào đóng ở Bắc-phần Đông-dương, những phần-tử lánh uy-quyền Pháp trên đất Trung-quốc lục-tục trở về. Trước sự cách-mạng đã nắm chính-quyền trong nước, mà phần-tử nầy không được dự, nếu kẻ cầm-quyền không khôn-khéo, thì không sao tránh được sự bất hòa biến thành đảng-tranh. Mà chính-phủ và quân-đội Trung-hoa bấy giờ tự-nhiên nuông tìm-ý ủng-hộ những người ý-tưởng gần mình và thế-lực cũng phải nhờ mình. Một việc đảo-chánh gây ra bởi quân-đội Trung-quốc rất có thể xảy ra. Đó là lẽ cốt-yếu của sự kình-thị và công-kích giữa đảng-phái. Mà nếu kình-thị khuyếch-trương thành đại-loạn thì nước Việt-nam *không còn hi-vọng gì* sống lại nữa. Thế mà trong khoảng đầu tháng 10, nó đang khuếch-trương. Tôi tới tìm vị cựu hoàng, bấy giờ đã thành *cố-vấn Vĩnh Thụy*, tỏ sự hoang-mang, rồi nói rằng: «Ngài có lúc mang tiếng chỉ giữ hư-vị. Nay giữ chân cố-vấn chính-phủ, chính là lúc có thể bày tỏ vị ấy không hư».

Cố-vấn hỏi: «Vậy nên nói gì?» Tôi bàn nên khuyên chính-phủ dàn xếp một cách ổn-thỏa và chính-đáng với những người yêu nước thuộc những đảng khác để cùng đối-phó với thời-cơ cực-kì gian-nan. Thế rồi ngày 13 tháng 10, Cố-vấn cho hay rằng: «Cụ Hồ sẽ tiếp Hãn vào ba giờ chiều».

Tuy không biết hẳn đó là ý muốn của chủ-tịch, hay cố-vấn đã bịa ra sự tôi xin gặp, đến giờ tôi cứ tới dinh Chủ-tịch. Lúc đến nơi, gặp một đại tá Mĩ cũng tới; nghe nói là để gỡ một đại-diện bí-mật Pháp, Sainteny, bị giữ vì cắm cờ Pháp trên xe đi diễu ngoài phố. Chủ-tịch tiếp tôi hơn một giờ. Hai lần xin cáo biệt, nhưng cụ giữ lại. Ban đầu bình-phẩm về chính quyền. Tôi có nói: (Nay ta chưa độc-lập, đang

Library HoangSa.Org

cần dư-luận ngoại-bang bênh-vực. Nếu tỏ ra bất-lực, hoặc có thái-độ độc-tài, thì khó lòng họ giúp mình). Cụ bảo rằng ủy-ban địa-phương làm bậy, chứ chính-phủ không có ý chuyên quyền. Cụ hỏi đi hỏi lại: «Thế ra họ nói chính-phủ cộng-sản, thực chăng?» Tôi đáp: (Cụ đã nghe vậy, thì có thật). Cụ nối: «Còn nói chính-phủ độc-tài, thì có đâu. Trong nội-các có nhiều người không phải ở trong mặt trận Việt-minh...»

Cụ lại phân-trần lâu việc bài-xích hạng trí-thức. Cụ nói chính-phủ không làm điều ấy; nhưng có người làm thì chính-phủ phải nhận lỗi. Rồi tôi nói sang chuyện đảng-tranh làm dân-chúng hoang-mang. Chủ-tịch rất chăm-chú nghe, cặp mắt sáng trương to như rót vào mặt tôi. Cụ hỏi: «Trí-thức theo cụ Nguyễn Hải-Thần nhiều phải không? Ông giao-thiệp rộng chắc biết» Trong trả lời, tôi có nói: «Hình như khi ở nước ngoài các cụ đã trù-tính việc chung. Nay đều về, lại thấy các cụ chia rẽ, cho nên họ hoang-mang. Nếu cụ Nguyễn Hải-Thần chỉ kéo bè đảng mà thôi, thì chắc họ không theo. Cụ Nguyễn có tìm gặp tôi, tôi đã thưa rằng người trí-thức chân-chính không tìm địa-vị. Các cụ già cứ hòa-hiệp với nhau, rồi thì hạng trẻ như chúng tôi theo. Các cụ có cần gọi ra quét đường, họ cũng nhận».

Nét mặt không di-chuyển, Chủ-tịch đặt câu hỏi thẳng: «Đối với ông, thì cụ Nguyễn là thế nào?» Tôi đáp: «Tôi không được biết rõ. Nhưng cảnh huống bây giờ thì tuy là bậc cách-mệnh lão-thành nhưng trở về chậm nước, cụ phải ép vào thế non,... xem ra thế nào!» Cụ hỏi gặn: «Thế nào?» Tôi nói: «Thế nào... tôi không tiện nói, chỉ có thể nói thế cụ Nguyễn không được thuận. Tuy nhiên, làm cách-mạnh trong bốn mươi năm nay, cụ ấy có thanh-thế. Vả hạng trí-thức ai cũng sẵn-sàng làm việc nước, mà bị chính-phủ đem lòng ngờ-vực, thì họ có đi theo cụ Nguyễn, cũng là người ái-quốc, đó cũng không nên lấy làm lạ!»

Trong lúc nói chuyện, có người mang bát thuốc sắc cho Chủ-tịch uống, lại có người mang giấy lại lấy chữ kí, một thanh-niên ngồi đàng xa túc-trực luôn-luôn. Tôi đứng dậy xin về mấy lần. Chủ-tịch vẫn giữ lại. Cuối cùng, cụ lại hỏi thẳng một cách cụ-thể rằng: «Tôi có hai chuyện muốn hỏi ông. Ông cứ trả lời thật... Câu đầu là đối với cụ Nguyễn Hải-Thần nên làm thế nào?» Tôi đáp: «Nếu cụ Nguyễn có thể làm dễ cho sự ngoại-giao, thì nên dùng cụ. Tuy không nên cải-tổ hấp-tấp ra dang sợ áp-lực, nhưng nên cải-tổ chính-phủ để hợp-tác. Sự hợp-tác phải thành-thật, đừng để có cảm-tưởng lấy danh mà thôi» Không động nét mặt một mảy-may, Chủ-tịch hỏi tiếp: «Vấn-đề thứ hai là ông cho biết một câu sát-kết về Chính-phủ» Tôi phải lựa lời để đáp cho

Library HoangSa.Org

khách-quan. Đại-ý ở trong những câu nầy: «Trước khi thầm-kết về Chính-phủ, xin nói về mặt trận Việt-minh. Chủ-trương mặt trận là chống Pháp và chống Nhật. Chống Pháp là chí-nguyện tất-nhiên chung cho cả nước. Chống Nhật cũng là tất-nhiên cho cách-mạng và thuận với Đồng-minh đang thuận với độc-lập Việt-nam. Vậy cái khẩu-hiệu ấy là hợp. Nhưng trong hành-động, sau ngày Nhật diệt chính-quyền thực-dân Pháp và tuyên-bố để Việt-nam tự-chủ vận-mệnh của mình. Tự-nhiên rằng người cách-mạng chống Nhật không thể ra công-khai nhận lấy chủ-quyền cho nước. Con thuyền bị buộc đã được cắt dây. Nước tự-hào có lịch-sử vẻ-vang, gồm hăm lăm triệu người; há lại để thuyền trôi không lái. Cả Nhật Pháp và Đồng-minh sẽ đánh giá lòng yêu chuộng độc-lập của dân ta ra sao. Vì vậy đã có Chính-phủ Trần Trọng-Kim. Chỉ tiếc rằng Mặt-trận không làm dễ cho Chính-phủ công-khai quản-lí việc dân và dự-bị sự giao-tiếp khi quân Nhật tất phải đầu hàng. Dẫu sao, sau khi Nhật đầu hàng, Mặt trận ra nắm chính-quyền là hợp lẽ và có thể lợi cho độc-lập được nhìn-nhận. Nghĩ như vậy, Chính-phủ Trần Trọng-Kim đã có tác-động cuối cùng là khuyên cựu-hoàng mời các nhà cách-mệnh ra chính-thức lập chính-phủ, nhưng thiếu chuẩn-bị, sự ấy không thể thành. Kết quả là những sự tổn thất về vật-chất và tinh-thần trong khi cướp chính-quyền và không thể lợi-dụng sự hoang-mang của quân-nhân Nhật khi được lệnh phải đầu-hàng. Nói về Chính-phủ thì chủ-trương đại-thế chính-trị hợp lẽ, nhưng hành-động hình như tưởng đã thành công cho nên sợ chia trách-nhiệm và chính-quyền. Chắc riêng Chủ-tịch hiểu rằng đường đi đến độc-lập và thống-nhất còn dài và khó, nhưng đại đa-số còn lầm tưởng gần xong.»

Chủ-tịch cảm ơn và thêm: «Hôm nay, ông cho tôi biết được nhiều điều» Tôi đứng dậy, từ giã, xuống lầu, cảm-động vì đã có dịp tỏ nhiều lời tâm-huyết, vì thấy vận-mệnh của dân nước đè trên vai một vị cách-mệnh thâm niên gầy ốm, nhưng tinh-thần tinh-anh, mặc-tĩnh, thâm-trầm và cử-chỉ ôn-tồn, gãy-gọn và kiên-quyết. Không biết cảm-tưởng Chủ-tịch đối với cá-nhân tôi và những trực-ngôn tôi ra sao. Có lẽ không ai biết. Dẫu sao hơn tháng sau Cụ nhận hợp-tác của các phái đối-phương, và riêng đối với tôi, «các anh đã nghĩ đến». Thật ra thời-thế cấp-bách phải đi đến thế. Rồi bầu Quốc-hội (mồng 1 tháng giêng 1946), lập Chính-phủ chính-thức (mồng 3 tháng 3), kí Hiệp-định sơ-bộ với Pháp (mồng 6 tháng 3), đón Leclerc tới Hà-nội (18 tháng 3), gặp D'Argenlieu ở vịnh Hạ-long (24 tháng 3), gửi một phái-bộ sang thăm Pháp và một phái-đoàn lên Đà-lạt bắt đầu tranh-biện về những chi-tiết thực-hiện

Library HoangSa.Org

Hiệp-định sơ-bộ (16 tháng 4 lên đường). Phạm Văn-Đồng cầm đầu phái-bộ Paris, Nguyễn Tường-Tam cầm đầu phái-đoàn Đà-lạt. Tôi được sai dự phái-đoàn nầy. Lần nầy tôi nhận lệnh vì có nhiều triệu-chứng tỏ rằng Cao-ủy D'Argenlieu đang phá Hiệp-định kia, bắt đầu phá điều trưng-cầu dân-ý về Thống-nhất ba kì.

✠

Quả vậy, ngày 12 tháng 3 (1946), cơ-quan tối cao mà chính-sách thực-dân đã tái-lập ở Sài-gòn, là Hội-đồng Tư-vấn Nam-kì, đã nhóm-họp dưới quyền ủy-viên Pháp *Cédille*. Bác-sĩ *Nguyễn Văn-Thinh* đặt một đề-nghị sửa-soạn lập xứ *Nam-kì tự-trị*. Lời đề-nghị dịch ra tiếng Việt theo báo *Tân Việt* (Sài-gòn, số 36, ngày 13 tháng 3 1946, nghĩa là đúng một tuần sau ngày kí Hiệp-định sơ-bộ) như sau:

— Nghĩ vì trong bản tuyên-ngôn ngày 24-3-1945, chính-phủ Pháp đã nhìn nhận một cách chánh-thức nền tự-trị của mỗi xứ trong Liên-bang Đông-dương, nghĩa là có xứ Nam kì;

— Nghĩ vì bản sơ-ước Pháp-Việt vừa kí kết ngày 6-3-46 ở Hà-nội không nói rõ rằng bản sơ-ước chỉ áp-dụng riêng cho hai xứ Bắc và Trung-kì, và tiếng VIỆT-NAM dùng trong bản sơ-ước có thể cho người ta hiểu lầm là có xứ Nam-kỳ trong đó, vì từ trước đến giờ, tiếng « VIỆT-NAM » ấy vẫn dùng để chỉ cả ba kỳ: Bắc, Trung, Nam;

— Nghĩ vì bản sơ-ước ấy có nói qua sự mở một cuộc trưng-cầu dân-ý ở Nam-kỳ, mà Hội-đồng tư-vấn Nam-kỳ chưa được hỏi ý-kiến; nghĩ vì dân-chúng Nam-kì rất xôn-xao bất-bình vì những lời trong bản sơ-ước ấy còn mờ-ám, nó có thể làm người ta tưởng lầm rằng quyền của dân-chúng Pháp-Việt ở Nam-kỳ không còn nữa;

— Nghĩ vì xứ Nam-kỳ, đã 6 tháng nay, bị tàn phá vì sự đô-hộ của Việt-minh, nên nay không thể cực-lực phản đối sự gia-nhập vào Khối Việt-nam, mà xứ Nam-kỳ sẽ phải đưa về cho những kẻ sát nhơn rồi sự tuyên-truyền, sự hăm dọa của chúng sẽ làm cho sai cả cuộc trưng-cầu dân-ý;

Cho nên chúng tôi mong rằng:

1.— Vị đại diện của nước Pháp ở Đông-dương sẽ công-bố chánh-thức rằng bản sơ-ước 6-3-46 sẽ để cho xứ Nam-kỳ hoàn-toàn tự-trị.

2.— Theo đúng với quyền dân tự định-đoạt, xứ Nam-kỳ phải được tự-do định lấy những điều-kiện về chính-trị, không được cưỡng-bách, bất-cứ do lệnh ai.

Library HoangSa.Org

3.— *Sự trưng-cầu dân-ý sẽ không tránh khỏi mờ ám, lộn-xộn nếu các điều-kiện cần yếu về trật-tự và yên-ổn chưa được lập lại đàng-hoàng trong xứ, để có thể xét tánh danh hạnh-kiểm của những người bỏ thăm, mà trong cuộc loạn-lạc vừa qua, giấy tờ và sổ bộ đã bị đốt phá đi mất nhiều.*

Và cần phải có phương-sánh đảm-bảo sự tự-do, sự kín-đáo của lá thăm và sự thành-thật trong khi dọ ý-kiến dân.

Kí tên :

Béziat, Clogne, Bazé, Nguyễn Văn-Thinh, Trần Tấn-Phát, Trần Thiện-Vàng, Nguyễn Tấn-Cường, Lê Văn-Định.

Báo *Tân Việt* còn ghi rằng : « Bản đề-nghị đọc xong, ông Cédile, chủ-tịch, xin hội-đồng bỏ thăm. Kết cục bản đề-nghị của ông Thinh được đa-số táng-đồng với 9 thăm chống 1. »

Tám tháng sau, thấy mình bị thực-dân lừa gạt, đã đem bánh vẽ đưa mình làm việc phi-nghĩa, Nguyễn Văn-Thinh đành tự-tử, nhưng trước khi họp hội-nghị Đà-lạt, cái đề-nghị trên đã báo hiệu cho mọi người biết thái-độ của thực-dân. Tôi đã tự hỏi đi Đà-lạt còn có ích gì nữa chăng, hay chỉ có thực-lực mới ép thực-dân tôn-trọng Hiệp-định vừa mới kí. Sự đoàn-kết cũng là một phần thực-lực ; phái-đoàn có Nguyễn Tường-Tam, Võ Nguyên-Giáp, sự có mặt của những người không đảng-phái càng tỏ sự đoàn-kết thêm. Vả chăng thái-độ phá-hoại Hiệp-định sơ-bộ có lẽ chỉ là thái-độ thực-dân, còn dân Pháp, trí-thức Pháp, quân-nhân Pháp vừa trải qua sự giải-phóng đất nước Pháp một cách đau thương thấm-thía, lẽ nào lại không thông-thông-cảm với lòng ham muốn độc-lập thống-nhất của dân Việt-nam. Riêng cá-nhân tôi, đã từng có sự-quan-hệ với các bạn Pháp, hoặc chức-trách Pháp, và đã có nhiều lần bày tỏ ý-kiến nguyện-vọng dân-tộc mình. Gần đấy, khi bạn đồng-môn *Nguyễn Ngọc-Bích* bị bắt ở bưng-điền, tôi đã viết bức thư ngỏ, đăng ở báo LA REPUBLIQUE tại Hà-nội, giải-thích cho các sĩ-quan Pháp cũng học đồng-môn, cái lẽ vì sao họ phải đương đầu với toàn dân Việt trong-sạch, kể cả những kẻ hầu như đã Pháp-hóa như bạn Bích. Vậy bấy giờ, tôi nhận đi Đà-lạt ; vì có dịp công-nhiên bày tỏ cho Pháp và cho mọi người rõ sự đòi độc-lập thống-nhất không phải như thực-dân lầm tưởng chỉ là khẩu-hiệu của « bọn cách mạng quấy rối mà thôi ».

Vả chăng hồi trước cuộc đảo-chánh Nhật ở Đông-dương, tôi đã có dịp gần phe « Kháng địch Pháp » tại Đông-dương và đã có dịp tỏ nguyện-vọng dân-tộc-mình cho họ biết.

Library HoangSa.Org

Trong hồi làm giáo-sư Toán-học, tuy tôi không làm chính-trị, nhưng cũng không hề giấu ý-kiến về chính-trị và thời-thế, khi có dịp bày tỏ ý mình. Cũng nhờ vậy, mà đã tránh được mọi cạm bẫy hư-danh chính-trị. Khi quân Nhật đến đóng tại Đông-dương, chính-khách Pháp tại đây đã để ý đến tôi và một số bạn-hữu. Đối với chính-quyền, thì sự giao-thiệp chỉ có tính-cách hình-thức mà thôi, như sự đô-đốc Decoux, toàn-quyền Đông-dương, thỉnh-thoảng mời, riêng rẽ hay cùng « nhân-sĩ » khác để lòa mắt người Nhật và nhân-dân ta. Sự giao-tế ấy nhã-nhặn nhưng vô-bổ. Trái lại trong nhóm người Pháp chống Pétain, có kẻ đã lân-la dò ý-kiến về tương-lai khối Đông-dương ; có lẽ là hậu-quả tuyên-ngôn của *De Gaulle* tại *Brazzaville* đổi chế-độ thuộc-địa ra chế-độ Liên-hiệp Pháp, vào tháng giêng 1944. Từ đó, cựu tiết-chế quân-đội thuộc-địa ở Đông-dương nhiều lần mời tôi tới nhà hoặc lại nhà tôi, trò chuyện về chính-sách hiện-thời và tương-lai ở xứ ta. Cựu tiết-chế, tướng Mordant, đã vì không đồng ý-kiến với toàn-quyền Decoux, nên đã từ chức, để cầm đầu nhóm Kháng-địch sửa-soạn đón quân Đồng-minh tới giải-phóng Đông-dương. Đô-đốc Decoux cũng biết sự ấy, nhưng đối với quân Nhật thì phải có thái-hộ ẫm-ờ.

Mordant đã đưa kín cho tôi đọc bản tuyên-ngôn Brazzaville, và đề-nghị với tôi, nếu bằng lòng, thì sẽ tổ-chức đưa tôi và một nhân-sĩ cao tuổi ra ngoài nước để bàn-tính tương-lai xứ Đông-dương. Sau khi bàn-luận với một nhóm bạn-bè, chúng tôi đã nhận-định rằng : bấy giờ, nước Anh là một nước sức và thế mạnh hơn Pháp nhiều, mà cũng đã hứa độc-lập cho Ấn-độ và Miến-điện, thì Việt-nam không thể không đòi lời hứa độc-lập. Sau khi tôi đã trao lại ý ấy cho tướng Mordant, tướng sửng-sốt bảo rằng : « Không bao giờ có sự ấy được ! »

Tôi ôn-tồn trả lời : « Vì ông hỏi ý-kiến nhân-dân Việt-nam đối với tương-lai họ, thì tôi đã nói thật ; chứ tôi không sợ rằng tương-lai gần của *chúng ta* chưa biết ra sao... »

Tướng nói : « Chúng ta sẽ được giải-phóng. Nước Pháp vẫn chủ-quyền. Quân Nhật có làm trò gì được nữa ».

Tôi tiếp lời : « Bây giờ, Pháp còn chủ-quyền ở đây thì một lời hứa ấy sẽ kéo lại hoàn-toàn thiện-cảm của nhân-dân Việt-nam. Nếu người ngoài, gần hay xa, có ác-ý đối với Pháp ở đây, họ cũng phải dè-dặt vì đã không có cớ thì sợ nhân-dân Việt-nam sẽ ủng-hộ Pháp. Chứ không, ví bằng sau nầy một nước thứ ba tặng cho chúng tôi độc-lập,

Library HoangSa.Org

thì chúng tôi sẽ không đáng độc-lập nếu không không can-đảm nhận món quà ấy. Mà tôi sợ rằng độc-lập trong trường-hợp ấy không lợi cho nước ông, và chưa chắc đã lợi cho chúng tôi bằng cách độc-lập với sự thỏa-thuận của các ông tự bây giờ».

Trong trả lời trên, tôi đã ngụ ý đến hai việc đang phát-hiện: tin Cường-để lập đảng trong nước và sắp được đưa về, và sự toàn-quyền Decoux mời riêng nhiều người Việt và bảo rằng đừng tin tuyên-truyền Anh và Mĩ và phải coi chừng ảnh-hưởng đế-quốc chúng. Không hiểu tướng Mordant nghĩ tới Nhật hay Anh Mĩ. Tướng liền đáp: «Nếu vậy, chúng tôi sẽ đem quân chinh-phục lại Đông-dương».

Tôi còn nhớ rõ câu bực-tức ông nói cuối cùng: « Muốn đặt một khối chóp thăng-bằng mà lại đặt đầu nhọn ở dưới! »

Từ đó ông lại kính nể tôi. Một hôm ông hỏi tôi: «Tôi muốn bảo những người chức-trách thay-thế người cộng-sự An-nam, vì chúng phần nhiều chỉ biết tùy-tùng, ton hót và tham-nhũng. Nhưng lấy đâu ra những người tốt và trong?» Tôi trả lời: « Hư hèn thường gây ra bởi nô-lệ. Còn những người tốt và trong có nhiều ở ngục-thất. Chính-phủ biết cả đó... » Tôi hơi mỉm cười, chắc ông nhớ lại một câu chuyện cũ tôi đã nói, ông nối lời: « Các người ấy ở Sơn-la và Côn-lôn, có phải không? »

Vào cuối năm 1944, phái Kháng-địch đã ngầm làm chủ ở phủ Toàn-quyền, đô-đốc Decoux chỉ giữ hư-vị để lòa mắt người Nhật. Tướng Mordant cho tôi biết rằng phủ Toàn-quyền sẽ lập một hội đồng cố-vấn tối cao gọi là Hội-đồng Đông-dương và tôi sẽ được mời tham-dự. Ông lại cho hay rằng chắc không phải là hư-vị. Đáp một lời tôi hỏi, ông nói rằng sự chọn tôi không phải tự ý ông và tôi tùy ý nhận hay không. Vài ngày sau, Khâm-sứ Bắc kì mời tôi để chnyển ý Toàn-quyền. Lần nầy, chính-thức tôi nói mong chính-phủ Pháp đổi hẳn chính-sách đối với các nước Đông-dương thì những người mới như tôi với hợp-tác về chánh trị được

Hơn một năm sau, người Việt và người Pháp sắp gặp mặt nhau trở lại để bàn-định tương-lai của nước Việt-nam, nhưng lần nầy địa-vị ngang nhau: sứ giả đối phương của hai nước. Tôi sẽ có ít nhiều ảnh-hưởng đến kết-quả Hội-nghị. Mong vậy, tôi nhận tham-dự phái-đoàn đi Đà-lạt.

✠

Library HoangSa.Org

Phái-đoàn Đà-lạt gồm 12 đại-biểu, 12 cố-vấn.

Ngoài trưởng-đoàn Nguyễn Tường-Tam và phó-trưởng-đoàn Võ Nguyên-Giáp, các đại-biểu là Trịnh Văn-Bính, Cù Huy-Cận, Hoàng Xuân-Hãn, Vũ Văn-Hiền, Vũ Hồng-Khanh, Trần Đăng-Khoa, Dương Bạch-Mai, Nguyễn Văn-Luyện, Phạm Ngọc-Thạch, Bùi Công-Trừng và Nguyễn Mạnh-Tường.

Cố-vấn là: Tạ Quang-Bửu, Khá Vang-Cân, Kiều Quang-Cung, Đinh văn-Hớn, Phạm Khắc-Hoè, Nguyễn Văn-Huyên, Hồ Đắc-Liên, Phan Văn-Phác, Nguyễn Văn-Tình, Nguyễn Duy-Thanh, Nguyễn Tường-Thụy và Hồ Hữu-Tường.

Trong khi chọn lọc ủy-viên, chắc chính-phủ đã chú-ý chọn những nhân-vật có tiếng ở miền Nam về chuyên-môn và chính-trị. Trong các nhân-viên giúp việc cho phái-đoàn có: Trần Văn-Tuyên về nội-vụ và lễ-nghi, Võ Hữu-Thu về văn-phòng, Duông về vô-tuyến truyền tin, một sĩ-quan bảo-vệ Võ Nguyên-Giáp. (Tôi chỉ ghi tên và quên họ).

Từ ngày 19 tháng 3, bộ Ngoại-giao đã lập ban nghiên-cứu Hiệp-định Sơ-bộ, để định-nghĩa những chữ dùng trong đó và lập những bảng kê một chương-trình yêu-sách tối-đa, còn mực tối-thiểu thì sẽ có Hội-nghị Paris sau nầy và chính-phủ định-đoạt. Đại-khái, ủy-ban đề-nghị rằng:

Nước tự-do là một nước có đủ các cơ-quan tự-chủ để sinh-tồn và bảo-vệ; chỉ bị ràng buộc bởi những hiệp-ước với các xứ Liên-bang Đông-dương và Pháp.

Liên-bang sẽ tạo-thành bởi những dây liên-lạc định rõ-ràng: liên-hiệp quan-thuế, hiệp-ước tiền-tệ, hiệp-định vận-tải, bưu-điện, công-tác có ích chung, hoặc có nhận thì yêu-cầu nguyên-tắc lập theo dân-số ở trong các xứ Liên-bang.

Liên-hiệp Pháp là liên-hiệp về văn-hóa, kinh-tế và về ngoại-giao với nước ngoài Liên-hiệp. Sẽ yêu-cầu có đại-sứ ở đâu cần, nhất là ở PARIS có đại-biểu đặc-biệt, nhưng Việt-nam cam-kết không kí hiệp-ước gì với nước ngoài làm trái quyền-lợi Pháp.

Được tin sáng ngày 16 tháng tư sẽ có máy bay Pháp đưa đi Đà-lạt. Ngày 15, soạn-sửa va-li: vài bộ áo rét, một ít vật-dụng. Chiều, bốn giờ, Chính-phủ họp phái-bộ để dặn-dò.

Cụ Chủ-tịch dặn phải trù-bị mọi việc cho thận-trọng, vì hội-nghị nầy sẽ có ảnh-hưởng lớn về sau. Nguyên-tắc Chính-phủ đặt ra là:

Library HoangSa.Org

1.— Hết sức đoàn-kết từ ý-kiến đến hành-động;

2.— Hết sức cẩn-thận;

3.— Giữ bí-mật;

4.— Trước lúc tuyên-ngôn gì với đại-biểu Pháp, phải thảo-luận trước;

5.— Sau khi thảo-luận với đại-biểu Pháp một vấn-đề gì, lúc về phải cùng nhau kiểm-thảo lại để xem lẽ mình thắng hay bại ở chỗ nào;

6.— Mỗi khi thảo-luận, nên chia ra làm ba nhóm: xung-phong, hậu-thuẫn và trừ-bị. Cụ Chủ-tịch nói: «Phải có người đấm, người xoa».

7.— Mình chỉ xướng ra những vấn-đề quan-trọng. Ngoài ra, để đại-biểu Pháp đặt đề ra;

8.— Khi gặp vấn-đề gì hai bên chưa thỏa-thuận với nhau, thì để tách nó ra; chứ đừng nói để hỏi ý-kiến Chính-phủ, vì nếu làm như vậy thì sẽ thắt Chính-phủ vào việc đàm-phán nầy (ý là hội-nghị nầy chỉ là sơ-bộ; ta dự là để tùy ý D'Argenlieu, chứ Chính-phủ chỉ tham-dự chính-thức vào hội-nghị sẽ nhóm tại Pháp).

Cụ phó chủ-tịch [1] can-thiệp vào, hỏi: «Về vấn-đề Nam-bộ thì nghĩ thế nào?» Theo bút-kí của tôi chép liền lúc bấy-giờ thì Chủ-tịch trả lời: «Không nên nêu vấn-đề đình-chiến». Có lẽ bấy giờ Cụ đã nghĩ rằng sự tác-chiến tiếp-tục ở miền Nam là hậu-thuẫn cho Hội-nghị chăng? Trái với ý trên, trong khi hội-đàm, vấn-đề đình-chiến ta sẽ nêu ra và sự tranh-thủ rất là gay-gắt mà phái-đoàn Pháp nhất-định không chịu nhận bàn.

Cụ Huỳnh lại dặn: «Về hòa-ước Trung-Pháp, ta đừng tỏ ý-kiến gì».

Cụ Hồ nối lời dặn. Về Hiệp-định sơ-bộ, đại-đề phải giữ những lập-trường sau nầy:

1.— *Nước tự-do* (Etat libre).— Phải nói rõ trình-độ tự-do; nhất là về lãnh-thổ, phải có thống-nhất toàn-chỉnh.

2.— *Liên-bang* (Fédération).— Liên-bang Đông-dương chỉ có về mặt kinh-tế mà thôi. Nhất-định không nhận Chính-phủ Liên-bang.

3.— *Liên-hiệp* (Union).— Nhận tự-do liên-hiệp với Pháp, nhưng quyền-hạn và nhiệm-vụ của Việt-nam phải định rõ. Việt-nam phải được

1. Thực ra phó chủ-tịch là Nguyễn Hải-Thần, nhưng cụ Nguyễn đã tự bỏ chức vị để rút lui.

Library HoangSa.Org

quyền thảo-luận và biểu-quyết trong sự định-đoạt ở Liên-hiệp. Về ngoại-giao ta phải có tối thiểu: là ngoại-giao độc-lập với các nước lớn ANH, MĨ, TRUNG, NGA và các nước láng-giềng XIÊM, ẤN, PHI-LUẬT-TÂN. Pháp phải giới-thiệu nước ta vào ONU.

Về tài-chánh, phải có ngân-hàng, tiền-tệ;

Về Kinh-tế thì chủ-quyền kinh-tế phải thuộc nhà nước;

Về Quân-sự thì không chịu quân-sự liên-bang. Phải định rõ số-lượng quân Pháp, nhiệm-vụ, các địa-điểm đóng quân và thời-gian đóng quân.

Kết-luận, Chủ tịch dặn: « Cần căn-cứ vào Hiệp-định sơ-bộ để đi đến cộng-tác thực-thà với Pháp. »

Nguyễn Tường-Tam trả lời thay cho phái-đoàn: « Xin cảm ơn Chính-phủ đã đề-cử chúng tôi đàm phán. Xin hứa sẽ làm tròn nhiệm-vụ và yêu-cầu Chính-phủ điều-khiển nhân-dân ủng-hộ Phái-đoàn, và yêu-cầu các đảng-phái đoàn-kết. »

Phó trưởng-đoàn, Võ Nguyên-Giáp, cũng biểu đồng-ý rồi thêm rằng: « Về việc các đại-biểu đoàn-kết với nhau, thì không đáng lo. Còn về phần đảng-phái đoàn-kết thì hai đảng-phái đã quyết-nghị thống-nhất bộ-đội. »

Cuối cùng, cụ Huỳnh Thúc-Kháng tuyên-bố: « Khi nào anh em muốn được ủng hộ, thì tôi có thể họp đông dân-chúng được liền. »

Sau hơn sáu tháng đảng-tranh, thấy bây giờ ai cũng đồng lòng nghĩ đến tổ-quốc trước hết, tôi rất cảm-động và nghe như đang sống một phút thiêng-liêng, và nhớ lại lúc nhận cùng cụ Trần Trọng-Kim họp Chính-phủ tự-lập đầu-tiên để tìm phương phục-sinh cho dân nước.

✠

Năm giờ rưỡi sáng ngày 16 tháng tư, phái-đoàn hội-tụ ở phủ Bắc-bộ, trước khi lên đường. Cụ Chủ-tịch, cụ Huỳnh và một vài bạn thân nhân-viên Phái-đoàn tới tiễn chân. Một chi-tiết đặc-biệt: Chính-phủ phát cho mỗi nhân-viên một món tiền, 20 tờ bạc một trăm. Tuy rằng ăn ở tại Đà-lạt đã được Cao-ủy Pháp mời, nhưng số tiền ấy giữ để phòng có sự bất-trắc. Nếu không cần tới thì lúc về lại nộp lại cho Chính-phủ. Không-khí thật có vẻ gia-đình, y như đàn con được cha chú tiễn chân khi sắp trẩy.

Ra đến trường bay Gia-lâm, thấy *Phái-đoàn thân-thiện* đi Paris

Library HoangSa.Org

đang sắp-sửa lên máy bay. Các máy bay bấy giờ là do Chính-phủ Pháp cho mượn. Chúng tôi lên một chiếc Junker là tàu bay chở binh của Đức mà Pháp đã tịch-thu. Thứ tàu ấy có ba động-cơ, thân vuông, lại hay hỏng máy, cho nên bấy giờ được đặt tên chế-diễu là cái *quan-tài bay*. Trong lòng tàu trang-bị cực sơ-sài, chỉ có hai cái ghế dài hai bên như trong chiếc xe đò ở bên ta. Bay thì không quá ba nghìn thước và tốc-độ chỉ chừng 200 kí-lô-mét mỗi giờ.

Chúng tôi lục-tục lên tàu, một người có vẻ khác mọi người là vị sĩ-quan ngồi kèm Võ Nguyên-Giáp, mặc binh-phục mầu vàng, mang nhãn hiệu sao vàng ở mũ và khẩu tiểu-liên làm phồng to cái bao da áp đùi. Mỗi người chỉ đem đi một cái va-li nhỏ. Võ Nguyên-Giáp có cái cặp da căng bởi giấy-tờ. Đặc-biệt nữa là có cái hòm to dài rất nặng; đó là cái máy vô-tuyến-điện thu phát tin-tức mà kĩ-sư Tình phụ-trách mang theo.

Mặt trời đã cao, trời nửa nắng nửa mây. Tám giờ kém hai mươi, máy bay tôi ngồi bắt đầu chuyển máy. Mười lăm phút sau máy bay lìa đất, lượn nửa vòng sang bên sông Nhuệ rồi bay hướng Nam. Đấy là lần đầu tiên, tất cả chúng tôi được nhìn «đất nước» của ta từ trên không-trung. Ai nấy đều quay đầu nhìn qua những cửa sổ nhỏ: phong-cảnh thật là tuyệt đẹp: đồng vàng, sông đỏ, làng-mạc xanh thâm. Trông xa ở chân trời núi non lam nhạt. Lòng yêu nước càng nồng và sực nghĩ thấy nỗi lo mất nước càng mạnh. Phút chốc hình non sông đã biến; máy bay đang vượt dặm trên từng mây trắng trải mênh-mông. Một giờ sau, ngoài khung cửa kính, thấy le-te mấy hòn đảo, lốm-đốm bóng thuyền rải-rắc trên nền nước xanh. Lấy chừng giờ bay, đoán đang lướt trên cửa Biện là một cửa bể và thương-phụ có tiếng đời xưa ở chỗ ranh giới hai tỉnh Thanh-hóa và Nghệ-an. Máy bay vẫn giữ hướng Nam, lục-địa xa dần về phía phải. Chín giờ băm bảy phút, máy bay vòng vào phía đất. Giáp nước xanh; từ từ hiện rõ một cái thành vuông; đường-sá, sông ngòi, nhà-cửa trông rõ và xinh như vẽ. Đó là tỉnh-thành Hà-tĩnh, tỉnh quê của Cù Huy-Cận, Phạm Khắc-Hoè và tôi. Cố rán nhìn về phía bắc: đây là núi Hồng-lĩnh, xa hơn nữa hình như thấy vết sông Lam. Các làng chúng tôi xúm-xít ở đâu về phía ấy. Rồi máy bay lên cao trở lại, vượt núi Truông-bát, vào đất anh dũng Hương-khê, chỗ nghĩa-quân của Phan Đình-Phùng đã đánh mấy trận cuối cùng với kẻ ngoại-xâm.

Máy bay vẫn ỳ-ạch gắng lên cao, chui qua truông Mụ-già đến địa-phận Cam-môn, Cam-cát. Núi rừng mù-mịt một mầu xanh thẳm, thỉnh-thoảng hiện ra mấy lườn núi đá đen sì, vạch trên nền xám. Sông ngòi vô-tận, quanh-co chia rìa như đường sống lá cây.

Library HoangSa.Org

Mười giờ năm mươi, đã thấy sông Khóng phía xa, và con đường quan-lộ thẳng ro. Máy bay sà xuống thấp, lướt trên đồng ruộng ướt, rải rác nhà chòi, qua sông rồi vòng trở lại hạ cánh trên một bãi cỏ rộng: sân bay PAKSE. Mười một giờ năm phút. Bay mất ba giờ, vượt được sáu trăm năm mươi cây số. Thế mà máy đã hết hơi, phải dừng lại nghỉ.

✠

Chúng tôi xuống duỗi chân. Bên cạnh sân bay, có quán bán thực-phẩm cho lính Pháp. Chúng tôi mua bánh mì và cá hộp để ăn trưa. Một giờ mười lăm, lại lục-tục trở lên ngồi trên ghế sắt trong tàu, đợi khi tàu cất cánh. Nhưng phi-công tới bảo phải đi xuống vì động-cơ giữa chết, đang phải gọi máy bay khác từ Sài-gòn lên đón. Quan-binh chức-trách Pháp tới sân bay đem tất cả phái-đoàn về nghỉ đêm tạm ở nhà khách của tỉnh Paksé.

Chúng tôi rủ nhau đi giạo trên đường phố. Dọc sông, đường khá rộng, nhà cửa sạch-sẽ. Trông sang bên kia sông Khóng, thấy có hai quả núi; một quả đầu bằng như núi Ngự-bình. Nhân-dân phần nhiều ngồi xổm trước cửa, lố mắt nhìn lũ Việt-nam này, làng-thang trên mặt đường, ăn bận âu-phục lịch-sự; lại có một võ-quan mũ mang nhãn-hiệu tròn nền đỏ, sao vàng, bao súng áp đùi, kè kè bên cạnh một chàng trán rộng mắt sắc, xách kệ-nệ một cặp sách kếch-xù! Tôi đi chậm lại, lẻ một mình ở sau để quan-sát dễ-dàng. Có người dân đứng lấp-ló trong cửa nhìn ra, xem ra dáng người Việt. Tôi vờ hỏi thăm đường, rồi nhân hỏi thăm tình-trạng người Việt bên ấy, nhất là tin-tức những «*thanh-niên tiền-tuyến*» ngày trước đã phải sang Lào nhiều. Người kia cho biết rằng người Việt đã phải chạy sang Xiêm đến hai phần ba, nhưng ở lại còn đông. Sự buôn-bán vẫn ở tay người Việt quê Bắc-bộ, hoặc quê Vinh và Bình, Trị, Thiên.

Một bọn lính Pháp từ trong một tiệm rượu thất-thểu đi ra, chuyện trò như cãi-cọ, tiến gần đến phía sau tôi. Tôi để ý nghe. Một người nói: «Cho hai quả lựu-đạn thì hết điều-đình! — *Deux grenades dedans et finies les négociations*» Tôi cố trấn-tĩnh nhưng quay lại thấy có đứa mang đủ vũ-khí ở người. Tôi sợ chúng có thể làm càn, nhất là nếu chúng chạm trán với viên võ-quan Việt-quốc-quân. Tôi cố ý đi chậm lại để nghe thêm. Một tên lính khác nói: «Phải buộc tất cả chúng nó vào cột bắn. — *Il faut les mettre tous au poteau*». Tôi lanh ý, muốn kìm chúng lại, để các nhân-viên, nhất là viên đại-úy và Võ Nguyên-Giáp, đi cách xa. Bấy giờ chúng tiến đến ngang tầm tôi. Tôi vẫn thản-nhiên đi lẫn với

Library HoangSa.Org

chúng. Tôi quay đầu lại tên vừa nói câu trên và nhẹ-nhàng hỏi : « Anh nói vậy là nói cho tôi à ? — *Vous dites cela pour moi ?* » Người ấy trả lời : « Nếu anh là Việt-minh thì ừ ! —*Si vous êtes Vietminh, oui !* Anh có phải Việt-minh không ? — *Est-ce que vous êtes Vietminh ?* »

Tôi nhận thấy nó không xưng mình bằng « mầy », và xem bọn lính nầy rất trẻ, mặc mũi tuy ngang-tàng như con trai trẻ tinh-nghịch, nhưng không có tinh-thần ác như một số lính mũ đỏ đã thấy ở trên đường Hà nội. Tôi bèn trả lời : « Việt-minh là một đảng chính-trị. Đây là người của Chính-phủ Việt-nam, mà Chính-phủ Việt-nam đã kí một hiệp-ước hòa-bình với Chính-phủ Pháp. »

Một người lính khác hỏi : « Các anh đi đâu ? » Tôi đáp : « Chúng tôi đi Đà-lạt để bàn-luận chi-tiết về Hiệp-định ấy. Chúng tôi dừng lại đây vì máy bay hỏng động-cơ. »

Một người thứ ba nói : « À ! Chúng nó đi hội-đàm với phái-đoàn Pháp tại Đà-lạt. »

Tôi đã đứng lại trong khi nói chuyện với bọn lính nầy. Chúng đứng xúm xung quanh. Các nhân-viên Phái-đoàn đã đi xa không ai nhìn lại sau, nên không biết chuyện. Tôi lại bước đi rất chậm và tiếp tục nói chuyện một cách hồn-nhiên. Tôi nói : « Chúng ta giết nhau thì thật là ngu — *C'est idiot de nous entretuer* ». Một người lính Pháp nói : « Chúng tôi vừa bị tập-kích khoảng giữa Savanakhet và... (tôi không nghe rõ). Một xe bị bắn. »

Tôi phải lựa lời để làm quên câu chuyện : « Đó chắc là có sự hiểu lầm. Chúng tôi sẽ bàn về chuyện đình-chiến... Nầy ! các anh có mặt ở Paris ngày Paris được giải-phóng không ? » Phần lớn trả lời rằng có. Tôi nói tiếp : « Các anh khi ấy nghe sung-sướng nhỉ ! Đã vậy thì các anh hiểu rằng bây giờ đánh người Việt-nam là vô-lí — *Vous comprenez alors qu'il est absurde de faire la guerre aux Vietnamiens* » Chúng đều im. Bấy giờ coi bộ chúng hơi thắc-mắc. Tôi nhân đó, chào rồi tháo vòng vây. Chúng rẽ ra để tôi đi về chỗ nhà trọ.

Ấy là một cái nhà gạch nhỏ, mà hồi trước Công-sứ Pháp dành cho những khách Pháp đi qua Paksé phải trú lại ban đêm. Chung quanh có vườn nhỏ và có tường thấp. Trong nhà thì trống không, không cửa đóng. Nhà binh Pháp cho mượn ghế bố và chăn. Nhân rỗi chúng tôi họp bàn sửa-soạn công việc mọi người phải làm khi đến Đà-lạt và chia trách-nhiệm tổ-chức : *Hoè* coi bí-thư, *Thu* thường-thư, *Tuyên* nội-vụ và

Library HoangSa.Org

điền-lễ. *Khoa* liên-lạc địa-phương có Hoè giúp (Hoè trước có làm quản-đạo Đà-lạt và Khoa đã làm kĩ-sư vùng nầy), *Cận* điều-tra, *Tình* và *Thanh* việc liên-lạc xa bằng vô-tuyến-điện. *Mạnh-Tường* và *Huyên* là phát-ngôn-nhân. *Tam, Giáp, Hãn, Hiền, Trừng* dự tiểu-ban thảo những tuyên-ngôn. Riêng tôi được giao công-việc liên-lạc thường-trực.

Lại dự-bị khi tới thì đặt vòng hoa ở Nghĩa-địa ta, Hoè sẽ hỏi chương-trình Pháp đề-nghị và định rằng khi gặp Phái-đoàn Pháp, nếu D'Argenlieu diễn-thuyết thì Tam sẽ trả lời vắn-tắt mà thôi.

Giời gần tối, Giáp lại nằm trên ghế bố cạnh Mạnh-Tường và tôi, trông ra vẻ rất tư-lự, chắc vì việc chính-trị và quân-sự chung, nhưng có lẽ cũng vì câu chuyện tụi lính ban chiều mà tôi đã kể lại. Còn Mạnh-Tường thì vẫn tươi cười đùa bỡn như ngày thường. Giáp kể chuyện Chiến-khu, và nói: « Phong-cảnh Chiến-khu rất đẹp. Đời sống ở đó say-sưa. Lúc về, thế nào tôi cũng sẽ đưa các anh lên thăm Chiến-khu » Tôi không nhớ câu chuyện dây-dưa thế nào mà Tường nói bông rằng: « Anh Giáp phải lấy vợ » Giáp cũng đùa rằng: « Nhờ các anh kén cho » Tường nói buột ra tên một cô Phụ-nữ Cứu-quốc có tiếng đang thời. Giáp coi vẻ ngạc-nhiên, chỉ cười nhạt. Rồi Tường lại nói về tướng số. Cuối cùng Tường nói: « Nghe nói Hãn có lá số tốt, nhưng bị thiếu mất một ngôi sao » Tôi không thể giữ miệng, liền nói đùa: « một ngôi sao vàng! » Tường im lặng, Giáp cười nửa miệng. Tôi phải đỡ lời: « Đó là nói đùa cho vui. Chúng ta đều đang lo cho số-mệnh nước. »

Lần nầy là lần đầu tôi biết cá nhân Võ Nguyên-Giáp. Trái với tiếng đồn là người róng-riết, Giáp đã tỏ thái-độ nhã-nhặn, có tình-cảm nhiều, nhưng ý-tưởng thì rất cương-quyết. Trong hơn ba tuần ở cùng nhau, làm việc cùng nhau xa không-khí sôi-nổi ở thành-thị dưới đồng bằng, tôi đã nhìn thấy rõ cái bản-lệnh đặc-biệt của nhà cách-mệnh trẻ tuổi nầy.

Giời tối đã lâu, có lính tới gác ở ngoài và viên đại-úy Pháp tới thăm; ngồi ghế vải nói chuyện nhàn-đàm đến khuya mới về. Rạng ngày, ông ta lại đến thăm, hỏi ngủ có ngon giấc không, và cho biết rằng tối hôm qua có tụi lính nhảy dù qua đây chực tới hành-hung Phái-đoàn, cho nên ông ta phải đem lính tới canh và ngồi lại khuya như thế. Ông ta nói: « Cả đêm tôi ngủ không yên. »

✠

Library HoangSa.Org

Đợi cả buổi sáng ngày 17 mà không thấy máy bay tới. Chúng tôi bàn tính việc điều-đình. Quá trưa mới ra phi-trường.

Một giờ chiều, máy bay lại cất cánh, rồi tiến thẳng hướng Đông-nam, Cũng một Junker, nhưng nghe nói tàu nầy chỉ bay được 165 cây số mỗi giờ. Trông xuống đất, chỉ thấy mông-mênh rừng thẳm xám xanh, thỉnh-thoảng có vạch đường cong queo sắc bạc bởi dòng nước của sông ngòi. Một lúc gặp bức tường mây trắng xóa. Tàu lắc-lư gắng vượt lên cao. Trong tàu ai cũng nôn-nao. Muốn nói chuyện phải ghé miệng vào tai mà nói lớn. Hết rừng rậm đến rừng khô, rồi đến cao-nguyên cỏ bụi. Máy bay bắt mối được một ngọn sông chảy từ Bắc xuống Nam. Rồi thấy có hồ dài, có đường quanh-co. Tàu đâm đầu xuống một quả núi cây, rồi trượt trên một bãi cỏ dốc. Đó là sân bay Liên-khang gần phía nam Đà-lạt. Đồng-hồ chỉ bốn giờ mười lăm.

Mấy người của Chính-quyền Pháp chực đó, đón Phái-bộ. Hai ba phóng-viên báo tiến tới phỏng-vấn đoàn-trưởng. Trong đó có một cô gái Việt, người đẫy-đà, mặc áo dài chấm gót, màu sặc-sỡ, bó sát thân. Trông mặt mày vẽ phấn tô son ghê tởm. Chúng tôi suốt một năm nay đã sống trong không-khí hồi-hộp và trong-trẻo, chỉ thấy những kẻ tranh giành độc-lập cho xứ-sở; mà phút chốc đứng trước cảnh-tượng một cô gái Việt theo hùa người Pháp, thì thấy tự xấu hổ cho người mình. Cù Huy-Cận đi cạnh tôi, nói nhỏ với tôi rằng: « Việt-gian no béo thật! » Rồi đi sau cô. Thấy mình cô vặn-vẹo chồng-chềnh trên đôi giày cao gót bước trên bãi cỏ, nhà thi-sĩ vui đùa nhắc lại bài thơ *Le Bateau ivre* (con thuyền say sóng) của thi-nhân Pháp Rimbaud.

Ô-tô nhà binh Pháp đưa về Đà-lạt cách sân bay ba mươi cây số. Dọc đường nhận thấy đường và các cầu không bị hư hỏng. Phái đoàn được đưa về khách-sạn Langbian, dựng trên đồi cao ngoanh mặt xuống hồ, trừ đoàn-trưởng sẽ ở phòng đặc-biệt tại khách-sạn sang hơn, là khách-sạn Hoa-viên (Hotel du Parc). Bấy giờ khách-sạn mới mở lại, các phòng trống không, thiếu hết mọi đồ dùng. Trời khá lạnh. Thay quần áo ấm rồi xuống họp ở phòng khách, nghe-ngóng tin tức.

✠

Thoạt tiên, những tin Pháp cho biết đều báo-hiệu nhiều sự không hay. Một viên công sứ cũ, phụ-trách đón tiếp, cho hay rằng đã dành riêng hai phòng lịch-sự nhất ở khách-sạn Hoa-viên cho hai chủ-tịch Phái-đoàn: Nguyễn Tường-Tam và Max André, và một phóng-viên Pháp

Library HoangSa.Org

nói: «Ngày mai, trước khi Phái-đoàn đi chào Cao-ủy, tôi xin phép chụp tấm ảnh».

Bấy giờ mới biết rằng Pháp đã thay thế đoàn-trưởng và họ đã đặt chương-trình hành-động mà không hỏi ý mình. Phái-đoàn mình có Bộ-trưởng Ngoại-giao cầm đầu, thì tất-nhiên phái-đoàn Pháp ít ra cũng có Cao-ủy Pháp chủ-tịch. Trái lại họ đã định hạ Phái-đoàn mình vào hàng đại-biểu địa-phương trong xứ Đông-dương và đã đặt Cao-ủy trùm lên trên hai Phái-bộ. Sự tranh-thủ đầu tiên của Phái-bộ ta là giữ vững lập-trường quốc-tế ngang hàng với Pháp trong khi điều-đình, nghĩa là khi chưa qui-định tổ-chức Liên-bang và Liên hiệp. Còn Chính-quyền Pháp thì vẫn coi người Việt là đàn trẻ «chơi trò độc-lập». Họ cố ý đánh đòn tâm-lí đầu tiên hoặc để thử tinh-thần chống-cự của dân ta, hoặc để làm át thế và ức-chế lòng tin-tưởng của ta.

Quả như vậy. Sáng ngày sau, 18 tháng tư, Chính-quyền Pháp tới khách-sạn đòi trục-xuất *Tạ Quang-Bửu* và một người tên *Chi* lên để giúp Trần Đăng-Khoa trong sự giao-thiệp với người địa-phương. Họ lấy cớ rằng các người ấy không có tên trong sổ dự-định trước. Đối với Bửu thì họ nhận để ở lại, tuy họ sợ có liên-lạc với quân-đội kháng-chiến ở vùng nầy. Còn đối với Chi, thì nhất-định họ đem đi. Thế mới biết thám-tử của họ ở Hà-nội đã cho họ biết rõ nhiệm-vụ từng phái-viên ta. Tôi còn nhớ rằng trong khi họp bàn đến Hội-nghị Đà-lạt và các vấn-đề khác ở trong ban *Kiến-thiết*, Võ Nguyên-Giáp một hôm ra hiệu cho tôi cùng đi ra ngoài phòng; rồi bảo tôi rằng: «Hôm nay, anh đừng nói gì về những việc quan-trọng, vì có kẻ rình nghe» Tôi rất ngạc-nhiên và trả lời: «Ở đây chỉ có người trong Chính-phủ và người được Chính-phủ đã chọn» Giáp bảo thật tôi rằng: «Có bác-sĩ kia, Pháp đã cho lọt vào Đồng-minh-hội. Chúng tôi biết chắc rằng những chuyện bàn ban ngày trước mặt anh ta, thì tối phòng Nhì quân-đội Pháp đã biết» Tôi im, nhưng cũng chưa tin chắc hoàn-toàn. Chuyện trục-xuất nầy chứng tỏ Pháp có tay trong. Rồi sau nầy, sau ngày chiến-tranh Pháp Việt bùng nổ ở Hà-nội, vào tháng Chạp, quả-nhiên bác-sĩ kia được huy-chương và cất làm trưởng Hội-đồng An-dân, nhưng rồi bị ám-sát mấy tuần sau.

Đại-diện Pháp tới bảo: mười giờ, hai phái-đoàn sẽ đi chào đô-đốc D'Argenlieu rồi mười một giờ họp Toàn-thể đại-hội. Ta không bằng lòng. Thế là khi chưa bắt đầu hội-nghị, hai bên đã cãi gắng. Ta nói: «Ông Tam sẽ lên thăm ông Đô-đốc» Đại-biểu Pháp đáp: «Thì để cả ông Max André cùng tới một lần».

Library HoangSa.Org

Ý bên Pháp muốn coi Đô-đốc là chủ trùm cả hai phái, mà ta chỉ nhận Đô-đốc là trưởng đoàn Pháp mà thôi. Nhưng cũng phải tìm cách hòa-giải, bèn đề-nghị: « Ông Tam sẽ tới thăm Đô-đốc, rồi Đô-đốc sẽ cho biết rằng vì bận việc nên sẽ giao quyền cho ông Max André cầm đầu phái-đoàn Pháp. Trong thông-cáo sẽ có lời sau này: *M. TAM a eu une première entrevue avec l'Amiral D'ARGENLIEU. Les deux chefs de délégations ont arrêté en commun le programme de travail des deux délégations. Monsieur l'Amiral a présenté à M. TAM son remplaçant, M. Max ANDRÉ, à la tête de délégation française* — Ông Tam đã hội-kiến lần đầu với Đô-đốc D'Argenlieu. Hai trưởng-đoàn đã định chương-trình công-tác cho hai phái-đoàn. Ông Đô-đốc đã giới-thiệu với ông Tam người thay-thế mình, ông Max André, cầm đầu phái-đoàn Pháp. »

Bên Pháp tạm nhận đề-nghị, nhưng yêu cầu tất cả Phái-đoàn ta sẽ tới liền sau đó, vì « Champagne sẵn-sàng rồi! »

Trong khi bàn luận lôi-thôi, Pignon, phái-viên chính-trị của Đô-đốc, tới nói chuyện với Nguyễn Tường-Tam. Theo lời Tam báo-báo thì Pignon đã cho hay rằng: Đô-đốc nhất-định phải giữ danh-hiệu Cao-ủy, nhưng trong thông-cáo có thể xưng là Đô-đốc Trưởng-đoàn Pháp và Cao-ủy Pháp. Còn về thông-cáo thì cả hai bên đều bằng lòng mới tuyên, nếu không thì thôi. Pignon lại cho hay rằng Đô-đốc mời ăn cơm trưa.

Sự cãi-cọ gay-go cả buổi sáng làm không-khí khá căng-thẳng, vì phủ Cao-ủy đã cho các nhà báo biết trước chương-trình mà họ đã tự-định cho công việc sáng nay. Các phóng-viên Pháp và Mĩ cứ kèo-nèo hỏi tại sao không thấy họp Toàn-thể hội-đồng như đã định. Ta chỉ trả lời rằng chưa có dự-định gì.

Lúc 12 giờ rưỡi, thấy có tuyên-ngôn của Cao-ủy trách.[1] Lời rằng:

« Theo tục-lệ quốc-tế, Cao-ủy Pháp, đại-diện chính-phủ Cộng-

1. Nguyên Pháp-văn là:

Selon les usages internationaux, le Haut Commissaire de France, Représentant du Gouvernement de la République, attendait M. Nguyễn Tường-Tam, Ministre des Affaires étrangères, Président de la Délégation du Gouvernement de la République du Vietnam à 10 heures 45. Outre les exigences du Protocole, cette visite devait permettre de lui présenter M.Max André, vice président du conseil général de la Seine, Délégué du Ministère des affaires étrangères et du Ministère des Armées, choisi pour exercer la présidence de la Délégation française. La Délégation de la République du Vietnam devait être pareillement introduite par son Président.

Library HoangSa.Org

hòa, đã đợi ông Nguyễn Tường-Tam bộ-trưởng bộ Ngoại-giao, trưởng Phái-đoàn của chính-phủ Cộng-hòa Việt-nam, lúc 10 giờ 45 phút. Ngoài sự yêu-cầu về điển-lễ, sự tiếp-kiến nầy đáng lẽ là dịp để giới-thiệu cho ông ấy ông MAX ANDRÉ, là phó chủ-tịch hội-đồng quận-hạt quận Seine, đại-diện bộ Ngoại-giao và bộ Binh, đã được chọn để làm chủ-tịch phái-bộ Pháp. Phái-đoàn của Cộng-hòa Việt-nam cũng đáng lẽ được dẫn yết bởi chủ-tịch đoàn.

« Bây giờ là 11 giờ 45 phút, các nhân-viên Phái-đoàn Pháp đã hội-họp để đón tiếp các đồng-liêu họ ở Hội-phòng.

« Nếu tình-trạng nầy kéo dài, thì chỉ tổn-hại cho công-tác của Hội-nghị. Vậy, Cao-ủy ngỏ cùng Bộ-trưởng Ngoại-giao Cộng-hòa Việt-nam, một lần nữa, ý-nguyện tiếp ông liền bây giờ để gây nên một hoàn-khí thuận-lợi cần-thiết. »

Ta giả lời rằng sở-dĩ có sự so-le là vì Phái-đoàn Pháp không dự-định gì trước với Phái-đoàn Việt-nam. Nhưng trưởng đoàn Nguyễn Tường-Tam sẽ lên thăm Đô-đốc, lấy nguyên-tắc đoàn-trưởng thăm đoàn-trưởng. Rồi một giờ chiều, D'Argenlieu tiếp Nguyễn Tường-Tam và giới-thiệu Max André, và cũng nhận nguyên-tắc trong hội-nghị không có ai làm chủ cả hai bên, và trong các buổi họp, mỗi bên lần-lượt chủ-tọa.

Một giờ rưỡi, Đô-đốc mời ăn ở dinh Cao-ủy. Đô-đốc đọc diễn-văn ; Ng. T. Tam trả lời vắn-tắt nhưng đầy đủ. Bữa ăn xong, hai phái-đoàn trò chuyện rất vui-vẻ, như là đã không xảy ra chuyện găng-co gì. Rồi phát lời tuyên-ngôn chung đầu tiên. Rằng :

« Sau khi nhiều chậm-trễ trong sự thi-hành chương-trình Hội-nghị trù-bị, gây nên bởi máy bay hỏng ở PAKSÉ, ông Nguyễn Tường-Tam, bộ-trưởng bộ Ngoại-giao chính-phủ Việt-nam, trưởng phái-đoàn Việt-nam, đã tới nhã-kiến Đô-đốc D'Argenlieu, Cao-ủy nước Pháp, đại-diện nước Pháp ở Đông-dương, trưởng phái-đoàn Pháp.

« Cuộc đàm-thoại đã triển-khai một cách cảm-thông và thân-thiện

---

Il est actuellement 11 heures 45, les membres de la Délégation française se sont réunis pour accueillir leurs collègues dans la salle de conférence.

Cette situation ne pouvant se prolonger qu'au détriment des travaux de la Conférence. le Haut Commissaire exprime au Ministre des Affaires étrangères de la République du Vietnam, une fois encore, le désir de recevoir dès maintenant sa visite, afin de créer le climat favorable indispensable.

Library HoangSa.Org

tột bậc. Đô-đốc đã thết một tiệc, trong bữa ấy hai phái-đoàn đã gặp nhau. Cuối tiệc, Đô-đốc đã mở lời đề chào Phái-đoàn Việt-nam, tỏ tiếc rằng chủ-tịch Hồ Chí-Minh không thể dự buổi khai-mạc công-tác; rồi giải-thích tầm quan-trọng mà Chính-phủ Pháp đặt vào Hội-nghị Đà-lạt, lại giải rõ ý nghĩa các chữ Liên-bang Đông-dương và Liên-hiệp Pháp. Đô-đốc cũng đã tuyên-bố rằng sự tiếp-dẫn tốt-đẹp những công-tác ở đây sẽ ảnh-hưởng đến những kết-quả tốt đẹp cho Hội-nghị chính-thức ở Paris. Trong khi tặng lời chúc cho hai Phái-đoàn, Đô-đốc đề xướng nâng cốc rượu chúc mừng chủ-tịch Hồ Chí-Minh và nước Dân-chủ Cộng-hòa Việt-nam.

«Ông Nguyễn Tường-Tam cảm ơn trưởng Phái-đoàn Pháp và tuyên-bố rằng nhiệm-vụ độc-nhất của Phái-đoàn Việt-nam là trù-bị cho Hội-nghị chính-thức Paris. Ông không muốn dự-đoán những bàn-luận sau nầy, vì đó là mục-đích công-tác của hai Phái-đoàn; nhưng ông chắc rằng định-ý của Phái-đoàn Việt-nam, cũng như Phái-đoàn Pháp, là đem hết tâm-nguyện ra làm việc đề lợi cho hai nước, nước Pháp và nước Việt-nam tự-do trong khối Liên-hiệp Pháp theo đúng tinh-nghĩa của Hiệp-ước mồng 6 tháng 3 năm 1946. Ông bèn nâng cốc rượu, biểu-dương vinh-dự của hai Phái-đoàn, chúc Đô-đốc mạnh khỏe và Hội-nghị Đà-lạt thành công.

«Sau khi chuyện trò, những đại-biểu hai Phái-đoàn họp lại đề bàn soạn lễ khai-mạc Hội-nghị. Theo lời ông Max André đề-nghị, lễ nầy sẽ cử với trưởng đoàn Việt-nam làm chủ-tọa. Đã định rằng mỗi một Phái-đoàn sẽ sửa-soạn trong hôm nay cái sổ kê những ủy-ban sắp nhóm và những vấn-đề mà mình thấy cần nêu ra.

Một Toàn-thể đại-hội sẽ nhóm ngày mai, 19 tháng tư, vào chín giờ sáng ở trường Lycée Yersin. Hai Phái-đoàn nhắm mục-đích xáp lại những đề-nghị của hai bên và điều-hiệp lại.»

Thông-cáo trên tóm-tắt đủ những sự-kiện xảy ra ngày đầu mà Phái-đoàn ta phải chạm trán với Chính-quyền Pháp ở Đông-dương và với Phái-đoàn Pháp. Đô-đốc D'Argenlieu là một người rất rắn-rỏi, độc-đoán, bảo-thủ, tự cao, nhưng cũng là rất nhã-nhặn. Trong việc tiếp-xúc với Phái-đoàn Việt-nam, ông bị chống lại. Chắc ông đã tức-tối lắm, nhưng không hề đề lộ sự giận trong khi tiếp Phái-đoàn. Trái lại, tôi có cảm-tưởng rằng ông đã hiểu rằng «tụi trẻ con» nầy không dễ ức-chế; cho nên câu đầu ông nói trong buổi tiệc, là: «*La France prend au sérieux le Viet-*

Library HoangSa.Org

nam», nghĩa là nước Pháp quan-tâm đến nước Việt-nam, với ý rằng coi đó là một nước thật, chứ không phải là một sự đùa của trẻ con. Nhưng liền sau đó, ông đã nhấn mạnh vào chế-độ chính-trị của Liên-bang Đông-dương.

Còn Phái-đoàn Việt-nam, trong bữa tiệc cũng vẫn tranh-đấu. Phái-đoàn đã dự-định rằng trưởng đoàn sẽ trả lời Đô-đốc bằng tiếng Việt để tỏ ý-chí độc-lập của dân-tộc. Khi Nguyễn Tường-Tam đứng dậy đáp lời, biết rằng tâm-lí Việt vẫn găng, những người Pháp trong tiệc bắt đầu hơi khó chịu. Nhưng liền sau, Nguyễn Mạnh-Tường đứng dậy ở cuối bàn, nét mặt tươi cười, dịch lời trưởng đoàn ra tiếng Pháp, một cách chải chuốt, thanh nhã, hùng-hồn, thì ai nấy cũng quay nhìn với vẻ ngạc-nhiên và thích-thú. Không-khí khác hẳn. Một phái-viên Pháp khen nức-nở, quay hỏi tôi dịch-giả là ai. Sau khi tôi cho biết đó là một tiến-sĩ văn-khoa và luật-khoa, ông ta bảo đùa với tôi rằng. «ông ấy Pháp hơn người Pháp, như hầu hết các anh. Chắc điều-đình sẽ không khó» Tôi đã trả lời: «Với các ông thì chắc không khó, nhưng với Chính-quyền Pháp thì không biết sẽ ra sao».

Chiều hôm ấy, còn dư thời-giờ; một số phái-viên đi du-lịch thăm cảnh đập nước và nhà thủy-điện Angkroet. Chính-quyền đề ba ô-tô cho Phái-đoàn dùng. Đường sá xấu. Dọc đường nhiều nhà đóng cửa. Ít thấy bóng đàn ông. Chúng tôi có dừng lại thăm làng Nghệ-Tĩnh mà chính Phạm Khắc-Hoè đã lập, khi làm quản-đạo tại đây. Làng vắng tanh, chỉ còn một ít đàn bà trẻ con.

Tối, kiểm-điểm lại công-việc hôm đầu, thấy Phái-đoàn mình đã làm trọn nghĩa-vụ không hao-tổn quốc-thể, đã biết cương-quyết và hòa-nhã. Tuy những sự vật tranh đấu không quan-trọng về công-tác điều-đình, nhưng về đại-thể, Phái-đoàn đã tỏ rõ thái-độ của một nước tự-do không chịu nhận một điều gì mà mình không cùng dự định-đoạt.

✠

Sáng ngày hôm sau, 19 tháng tư, toàn hai Phái-đoàn họp ở nhà trường Yersin để lập các ủy-ban và định các chương-trình nhóm họp.

Phái-đoàn Pháp cũng gồm 12 phái-viên. Trưởng đoàn thực-tế là Max André, một chính-khách thuộc đảng MRP, là một trong ba đảng lớn chung quyền tại Pháp. Đảng ấy ở về phía bảo-thủ, nhất là dựa trên nền-tảng đạo Cơ-đốc. Chuyên-môn chính-trị, hoặc đúng hơn là hành-chánh,

Library HoangSa.Org

có *Messmer, Pignon, Torel, Bousquet*. Messmer đã nhảy dù xuống vùng Thái-nguyên ngày 22 tháng 8 với chức ủy-viên chính-phủ Pháp (nghĩa là thống-đốc Bắc-kì trong chế-độ thuộc-địa) và đã bị công-an ta bắt giữ đến tháng 10. Torel nguyên ở trong chính-quyền Decoux nhưng đã theo nhóm Kháng-địch. Pignon là viên cai-trị lão-luyện cố-vấn đắc-lực của Cao-ủy. Chuyên-môn về tài-chính nguyên có đề tên *Bloch-Lainé* trong sổ, nhưng sau chỉ còn *Gonon*. Chuyên-môn về kĩ-nghệ là hai kĩ-sư cầu-cống vốn làm việc ở Đông-dương: *Bourgoin* và *Guillanton*. Đặc-biệt là Bourgoin đã từng chống Decoux và đã trốn sang Trung-quốc. Chuyên-môn về quân-sự có tướng *Salan* là một võ-quan đã làm việc phòng Nhì lâu năm ở Đông-dương và đã cầm đầu ủy-ban điều-đình về binh-bị với Trung-quốc và Viêt-nam. *Gourou*, cựu giáo-sư ở trường Sarraut ở Hà-nội về môn sử-kí và địa-dư và tác-giả sách *LES PAYSANS TONKINOIS*, là chuyên-nhân về vấn-đề văn-hóa. Người thứ mười hai là *CLARAC*, cố-vấn về ngoại-giao cho Cao-ủy. Nói chung thì các phái-viên Pháp không phải những nhà chính-trị. Nhưng một phần đã trải qua giai-đoạn chiến-tranh chống Na-zi và Fat-xit, cho nên cũng có óc chính-trị mới một phần nào. Dẫu sao, họ đều là những người từng trải xã-giao, cho nên những cuộc bàn-cãi tuy gay-go nhưng không khi nào gây ác-cảm nặng.

Theo thông-cáo hôm trước, Nguyễn Tường-Tam chủ-tọa buổi họp đại-hội lần đầu, nói mấy lời mở màn, hứa nỗ-lực làm việc, tranh-luận thật-thà. Max André đáp lời cảm ơn và cũng hứa-hẹn như vậy. Nhân không-khí trịnh-trọng khi khai-hội, Dương Bạch-Mai đề-nghị tuyên-bố chung ý-nguyện *đình chiến* [1] để hội-nghị tiến-hành trong bầu không-khí hòa-bình. Max André ngỏ lời dè-dặt. Ta cũng không cố tấn-công; Võ Nguyên-Giáp chỉ yêu cầu Phái-đoàn Pháp chuyển ý-nguyện ấy lên Cao-ủy. Max André nói khéo rằng mình cũng muốn có đình-chiến trong toàn cõi, nhưng Phái-đoàn bất-lực về việc ấy; nhưng cũng hứa sẽ chuyển ý-nguyện lên Đô-đốc D'Argenlieu.

Rồi bàn đến sự lập các ủy-ban. Có bốn ủy-ban: Chính-trị, Kinh-tế và Tài-chánh, Quân-sự, Văn-hóa. Trong mỗi ủy-ban mỗi bên đặt một số người, phái-biên và cố-vấn; một người có thể dự nhiều ủy-ban.

1. Như trên đã nói. Lúc ra đi, hình như chỉ-thị của chủ-tịch là đừng khơi vấn-đề Đình-chiến. Tôi không nhớ đây là ý riêng của Mai hay mới có chỉ-thị mới mà tôi không được biết.

Library HoangSa.Org

Trong mỗi một ủy-ban, mỗi bên cử một chủ-tịch để lần-lượt chủ-tọa những buổi nhóm.

Ủy-ban *Chính trị :*

Bên Việt có Trừng, Giáp, Mai, Hiền, Huyên, Hữu-Tường, Mạnh-Tường và Hãn chủ-tịch ;

Bên Pháp có Messmer chủ-tịch, Bousquet, Bourgoin, Clarac, Max André, Pignon, Torel ; sau có thêm D'Arcy.

Ủy-ban *Kinh-tế và Tài-chánh :*

Bên Việt có Bính chủ-tịch, Luyện, Hiền, Cận, Trừng, Mạnh-Tường, Giáp, Khoa và Đinh Văn-Hớn.

Bên Pháp có Bourgoin chủ-tịch, Bousquet, Gonon, Gourou, Guillanton, Messmer.

Ủy-ban *Quân-sự :*

Bên Việt có Giáp chủ-tịch, Khanh, Hãn, Bửu, Phác, Cung ;

Bên Pháp có Max André chủ-tịch, tướng Salan, Messmer, Clarac.

Ủy-ban *Văn-hóa :*

Bên Việt có Mạnh-Tường chủ-tịch, Huyên, Hữu-Tường, Cần, Hãn ;

Bên Pháp có Gourou chủ-tịch, Clarac, Guillanton, Pignon, Torel.

Ngoài những người có tên trên đây, mỗi phiên họp, có thể thêm các chuyên-viên. Ủy-ban Chính-trị ngày nào cũng họp vào buổi sáng từ 9 giờ đến 11 giờ rưỡi, trừ thứ năm và Chủ-nhật. Ủy-ban Kinh-tế và Tài-chính thì họp ban chiều. Có ngày họp cả ban tối.

Trong các buổi họp, có người lấy tốc-kí, rồi đánh máy biên-bản mà phát cho hai Phái-đoàn. Cũng vì vậy mà trong sổ tay của tôi ít ghi những lời bàn-luận hằng ngày. Vả chăng, ai cũng còn nhớ rằng Hội-nghị Đà-lạt đã không đem lại được một điểm thỏa-thuận nào quan-trọng. Vậy sau đây, tôi chỉ chép lại một vài sự-kiện mà tôi đã ghi, chắc vì bấy giờ tôi đã coi là quan-trọng đối với chung hoặc chỉ đối với cá-nhân tôi. Tôi tin rằng những chi-tiết « vụn-vặt » ấy tả đúng đức-tính, tình-cảm đương-thời của phái-viên và không-khí chung của Đà-lạt và Hội-nghị.

✠

Chiều hôm ấy (20/4), họp ủy-ban Tài-chính và Kinh-tế. Tối, họp ủy-ban Văn-hóa. Sáng hôm sau ủy-ban Chính-trị họp phiên-đầu. Trong

Library HoangSa.Org

những phiên đầu, nguyên-tắc là mỗi bên đề-nghị nhật-trình nghị-sự, rồi bàn cãi để cùng nhận một nhật-trình chung. Những vấn-đề đưa ra và thứ-tự đề-nghị tỏ-rõ thâm-ý của mọi Phái-đoàn.

Bourgoin chủ-tọa buổi họp ủy-ban Tài-chính và Kinh-tế, nhấn mạnh về sự cần-thiết lập một khối chung về Kinh-tế, bình-đẳng giữa các nước Liên-bang và đề-nghị các vấn-đề:

1.— Ngoại-thương và Quan-thuế,

2.— Tiền-tệ, Ngân-khố, Hối-đoái,

3.— Tham-dự của Liên-hiệp Pháp vào sự mở-mang kinh-tế Đông-dương, Quyền-lợi kinh-tế Pháp ở Việt-nam,

4.— Liên-quan tài-chánh giữa Liên-bang Đông-dương và Việt-nam, Bỏ ngân-phiếu hiện-hành,

Công-nghệ hiện-hữu của Pháp ở Việt-nam,

Tham-dự của tư-bản Pháp vào sự kiến-thiết kinh-tế Việt-nam.

Gourou chủ-tọa buổi họp tiểu-ban Văn-hóa, hứa-hẹn nhiều về sự giáo-thụ và văn-hóa và nêu ra những điểm:

1.— Tình-hình những cơ-sở khoa-học lớn hiện có trên địa-phận Việt-nam.

2.— Giảy bằng tiếng Pháp trong các cấp giáo-thụ,

3.— Tham-dự của Pháp vào giáo-thụ tại Việt-nam,

4.— Các trường Pháp tại Việt-nam,

5.— Liên-quan về văn-hóa,

Viện Viễn-đông bác-cổ,

Viện Pasteur,

Viện Tàng-cảo và Thư-viện.

Về các vấn-đề Kinh-lế, Tài-chánh và Văn-hóa nêu lên trên đây, đại-khái ta đồng ý thảo-luận, nhưng giữ lập-trường căn-bản của một nước tự-do: nhận, hoặc từ, những điều-ước định sau. Nếu nước Pháp tôn-trọng quan-niệm ấy, thì sự điều-đình sẽ dễ-dàng, vì ta cũng muốn có sự liên-lạc mật-thiết với Pháp về kinh-tế và văn-hóa. Vậy sự điều-đình về Chính-trị và Quân-sự là cốt-yếu và sẽ chi-phối những điều-đình kia.

✠

Library HoangSa.Org

Ngày hôm sau, thứ bảy 20 tháng tư, ủy-ban Chính-trị nhóm họp. Messmer chủ-tọa, ngồi cạnh Max André. Bên Việt, N.T.Tam không dự, vì lẽ chúng tôi đã định rằng đoàn-trưởng chỉ dự Toàn-thể đại-hội mà thôi. Phía ta, V.N. Giáp ngồi cạnh tôi.

Chúng tôi đề nghị ba vấn-đề lớn:

1.— Hợp nhất ba Kì, kể cả vấn-đề gây nên tại Nam-bộ một hoàn-khí thuận lợi cho sự điều-đình,

2.— Liên-lạc ngoại-giao giữa Việt-nam và các nước ngoài,

3.— Quan-hệ giữa Việt-nam và Liên-hiệp Pháp.

Chúng tôi đã cố-ý gác vấn-đề Liên-bang ra ngoài để tỏ rõ ý Việt-nam chỉ nhận một Liên-bang kinh-tế mà thôi, vậy nó không đáng đem ra bàn ở ủy-ban chính-trị.

Phái-đoàn Pháp không chịu và đề-nghị những vấn đề sau:

1.— Sự đại-biểu ngoại-giao của Việt-nam tại các nước ngoài, (ý muốn nói Việt-nam có đại-diện ở nước ngoài nhưng không có ngoại-giao tự-do),

2.— Điều-lệ tương-lai của Đông-dương,

3.— Tổ-chức trưng-cầu dân-ý,

4.— Liên-hiệp Pháp.

Hai bên thảo-luận rất găng để giữ đề-nghị của mình: vấn-đề và thứ-tự nêu ra. Ta tranh-thủ để được bàn về việc Nam-bộ đầu tiên. Pháp nhất-định không nghe và không nhận đem bàn vấn-đề đình-chiến; lại cố nài để hai vấn đề Trưng-cầu dân-ý và Liên-hiệp Pháp về cuối. Lí-do sự cố nài ấy là ở Pháp chưa có Hiến-pháp để định-đoạt thể-thức Liên-hiệp; vả Cao-ủy và thực-dân Pháp ở Nam-bộ đang vận-động mạnh để thành-lập nước *Nam-kì tự-trị*. Cuối cùng ta đành phải nhận nhật-trình nghị-sự như sau:

1.— Liên-quan ngoại-giao của Việt-nam với các nước ngoài,

2.— Liên-hệ giữa Việt-nam với Liệp-hiệp Pháp,

3.— Vấn-đề Liên-bang Đông-dương,

4.— a) Hợp-nhất ba Kì. Hỏi ý các nhân-dân bằng cách trưng-cầu.

b) Tạo một hoàn-khí[1] chính-trị thuận-lợi cho các cuộc điều-đình.

(*Xem tiếp trang 210*)

1. Tôi dùng tiếng nầy để dịch Pháp-ngữ *climat* và dành *không khí* cho ý *atmosphère*.

Library HoangSa.Org

BÁC-SĨ YERSIN, NGƯỜI ĐẦU TIÊN TÌM RA VÙNG ĐẤT ĐÀ-LẠT

▽ NGUYỄN - VĂN - Y

Ngày nay, đứng trước phong cảnh nên thơ, những hàng thông thẳng ngọn, những hồ nước trong xanh, những ngôi nhà kiến trúc tối tân của Đà-lạt xinh đẹp, có bao giờ ta nghĩ rằng xưa kia nơi đây chỉ là một vùng đất trơ trọi hoang vu, và tự hỏi ai là người đầu tiên tìm ra miền cao-nguyên thơ mộng ấy không? Tôi xin dựa theo một ít tài liệu trong mấy tờ tạp chí Pháp xuất bản ở Đông-dương trước đây, lược thuật lại cuộc đời và sự nghiệp của bác-sĩ Yersin, người được coi là có công trong việc khám phá ra vùng đất Đà-lạt, để gọi là tỏ chút lòng tưởng nhớ một bậc danh nhân đã giúp cho chúng ta một nơi nghỉ mát tốt lành và tô điểm cho quê hương mình thêm đẹp thêm xinh.

✠

Alexandre Yersin sinh ngày 22 tháng 9 năm 1863, tại miền đồng quê tổng Vaud, hạt Lavaux, nước Thụy-Sĩ. Tổ-tiên ông gốc người Pháp, sang định cư ở làng Rougemont (thuộc hạt Lavaux) vào thời vua nước Pháp hủy bỏ sắc luật cho phép dân chúng theo đạo Gia-tô cải cách (Révocation de l'Edit de Nantes). Sắc luật mới nầy do vua Louis thứ 14 ký ngày 18-10-1685. Thân phụ ông là một nhà khảo cứu Côn-trùng-học hữu danh, làm giáo-sư dạy khoa Vạn-vật học.

Thuở nhỏ, Yersin học ở tỉnh Morges. Lúc hai mươi tuổi (1883) ông khởi đầu học thuốc ở học viện Lausanne bên cạnh hồ Léman (Thụy-Sĩ). Kế tiếp ông đến học ở Marbourg (Đức), rồi sang tới Paris (Pháp). Ba năm sau ông giúp việc tại phòng thí nghiệm ở Hotel Dieu. Vào lúc đó, Pasteur đang nổi tiếng về công cuộc tìm ra thuốc trừ bịnh chó dại. Ông bèn xin vào làm ở phòng thí nghiệm của Pasteur và tôn ông này như là một bậc thầy.

Năm 24 tuổi (1887), Yersin nhập quốc tịch Pháp, và trình một luận án đặc sắc về bịnh lao của giống thỏ nhà để thi lấy bằng Bác-sĩ Y-khoa. Sau đó, ông đến Bá-linh ở một năm theo học hỏi bác-sĩ Koch, người đã nổi tiếng nhờ sự tìm ra vi-trùng bịnh lao.

Library HoangSa.Org

Năm 1888, ông trở về Pháp tiếp tục nghiên cứu ở Viện Pasteur Paris vừa mới được khánh thành. Ông được bác-sĩ Roux mến tài mời cộng tác tìm thuốc chữa bịnh Yết-hầu. Ông ký với Roux ba bản Kỷ yếu (trois mémoires) quan trọng, chứng nhận rằng vi-trùng Klebs—Lœffler là giống vi-trùng truyền bịnh yết-hầu. Ba bản kỷ-yếu đó sau này trở nên những bản làm quy tắc trong các đại học đường Khoa-học và chính nhờ đó mà khoa vi-trùng độc chất học (Toxicologie microbienne) được tiến triển, đồng thời còn giúp ích cho sự phát minh các thứ thuốc khử độc (Antitoxines) và phòng bịnh (Sérothérapie). Chính trong thời gian nầy ông quen biết bác-sĩ Calmette.

Bấy giờ, mới 26 tuổi đầu, danh tiếng ông đã vang lừng trong giới khoa học. Nhưng ông không vì thế mà tự mãn, lúc nào cũng chịu khó cầu tiến.

Cuối năm 1889, ông bắt đầu sang Đông-dương, làm Y-sĩ cho hãng tàu Messageries Maritimes. Mỗi lần tàu cặp bến Nha-Trang, ông thích thú đưa mắt nhìn ngắm dãy Trường-sơn bao la hùng-vĩ. Trước sức hấp dẫn của cảnh trí thiên nhiên đó, ông chợt có ý định đi bộ từ Nha-Trang đến Sài-gòn, dù lúc đó chưa có đường xe hơi và xe lửa.

Năm 27 tuổi, vào khoảng tháng 7 năm 1890, ông từ Nha-Trang đi ngựa vào Phan-Rí. Từ Phan-Rí, ông nhờ một người dẫn đường lần mò vào rừng, và sau hai ngày đường khổ cực, ông tới Di-linh. Cuối cùng ông xuống Phan-Thiết, đi thuyền buồm đến Nha-Trang rồi ra tới Qui-nhơn.

Vào những năm 1890 — 1894, các miền rừng núi dọc dãy Trường-sơn từ phía bắc Nam-kỳ đến phía nam Trung-kỳ và Hạ Lào hãy còn là những vùng bí hiểm, chưa được khai khẩn, ngoài một ít bộ lạc thiểu số, chưa ai đặt chân đến vùng đất hoang vu ấy. Vậy mà một người ngoại quốc như bác-sĩ Yersin, đơn thân độc mã, không kẻ tùy tùng, dám dấn thân vào miền rừng sâu nước độc, bất chấp cả dã thú và sự giết người của thổ dân, thì thật là có gan mạo hiểm phi thường.

Trong cuộc thám hiểm miền Dran vào năm 1893, ông bị bọn cướp chém đứt nửa ngón tay cái trái và bị đâm nhiều nhát dao găm vào ngực đến ngất ngư. Theo hồi ký của ông, bọn cướp nầy do tên Thouk cầm đầu, vốn là những tên tù chính trị ở Bình-Thuận, sau khi thất bại trong việc mưu toan đánh chiếm tỉnh lỵ nầy mới trốn vào miền rừng núi. Mặc dù trong lần thám hiểm nầy có ba người Việt-Nam tháp

Library HoangSa.Org

tùng ông với ba cây súng trường và một cây súng lục, ông vẫn bị chúng tước khí giới, ba người tùy tùng đều bỏ chạy, một mình ông đành chịu trận bán sống bán chết đương cự với bọn cướp. Theo lời khai của viên đầu đảng sau khi bị nhà cầm quyền bắt thì, nếu mấy tên kia gan dạ hơn một chút, chúng đã cắt cổ ông xong rồi.

Sau khi thoát nạn, nửa đêm ông nhờ người ta võng ông về Phan-Rang. Dọc đường lại rơi vào giữa đàn voi. Mấy người võng ông hoảng sợ bỏ chạy trốn hết, còn ông một mình bơ vơ giữa rừng. Ông kiệt sức, không hoạt động gì được, đành nằm chờ chết. Nhưng may đàn voi rẽ đi đường khác, không chà đạp thân thể ông. Dù bị thương nặng, thoát chết trong đường tơ kẽ tóc, ông vẫn không từ bỏ lòng say mê thám hiểm.

Đi đến đâu ông cũng ghi chép địa thế từ dòng sông, từ con suối, ông còn nhận xét về phong tục, về giá trị kinh tế của từng miền. Ông không là nhà du-lịch đi ngắm cảnh đẹp thiên nhiên như một khách nhàn du; ông chính là một nhà thám hiểm say mê tìm cái lạ, học cái hay để mở mang kiến thức và mưu ích cho con người.

Sau ba cuộc thám hiểm liên tiếp, bác-sĩ Yersin tìm ra cao-nguyên Lâm-Viên. Ngày 21 tháng 6 năm 1893, đứng trước phong cảnh hùng vĩ ở độ cao cách mặt biển 1.500 thước, ông bày tỏ cảm nghĩ của mình như sau: «*Cảm tưởng của tôi rất sâu xa khi vượt khỏi rừng thông; tôi đối diện với một cao nguyên mênh mông, không cây cối và hoang vu, có dáng như một vùng biển xao động mãnh liệt bởi một loạt sóng cồn ba động màu xanh biếc. Dãy núi Lâm-Viên đứng sừng sững ở phía chơn trời tây bắc cao nguyên, làm cho phong cảnh tăng thêm vẻ đẹp và nổi bật trên một hậu cảnh mỹ lệ*».

(Tôi cảm thấy chưa dịch được hết ý mấy câu văn đặc sắc của tác giả, nên xin chép lại nguyên văn của ông: Mon impression a été profonde lorsque, débouchant de la forêt de pins, je me suis trouvé en face de ce vaste plateau dénudé et désert, dont l'apparence rappelait celle d'une mer bouleversée par une houle énorme d'ondulations vertes. Le massif du Lang-bian se dressant à l'horizon nord-ouest du plateau, accentuait la beauté du site en lui donnant du relief et en lui formant un arrière-plan splendide). [1]

1. Theo Genevray: *Indochine*. Nº 133, 18 Mars 1943 p. 4.

Library HoangSa.Org

Theo hồi ký ông viết, lúc ông đặt chơn đến vùng nầy, thì ở đây chỉ có rải rác vài làng của thổ dân người Lát tụ họp dưới chân núi, dân cư thật là thưa thớt.

Vì nhận thấy vùng đất nầy khí hậu tốt lành và phong cảnh xinh đẹp, bác-sĩ Yersin đề nghị cùng Toàn quyền Paul Doumer nên lập một thành phố tại đây để làm nơi nghỉ mát và dưỡng bịnh. Đề án đó được chấp nhận, và sau khi phái hai đoàn thám hiểm vào năm 1897 và 1898 lên quan sát tại chỗ, Toàn quyền Pháp cho khởi công xây dựng sở Khí-tượng và căn cứ thí nghiệm trồng trọt, lại mở một con đường chạy dài từ miền duyên hải Trung-kỳ lên tận miền sơn cước. Thành phố Đà-lạt bắt đầu khai sinh từ đấy.

Nhờ ở vị trí cao lại không xa bờ bể là mấy nên quanh năm khí hậu ở Đà-lạt mát mẻ, thời tiết không thay đổi, trung bình là 18 độ. Từ năm 1933, sau khi quốc lộ số 20 dài 300 cây số được hoàn thành, bao nhiêu du khách ở đồng bằng miền Nam đều có thể dùng xe hơi đến viếng Đà-lạt một cách dễ dàng để nghỉ mát trong những ngày nóng bức.

Người có công tìm cho chúng ta một nơi nghỉ mát nên thơ đó chính là bác sĩ Yersin.

Đến năm 31 tuổi (1894), bác sĩ Yersin dẫn theo mười lăm người lính tập từ phía nam đi lần lên tỉnh Darlac và Kontum, vào các xóm Mọi phía bắc dãy núi Lâm-Viên.

Lần đi thám hiểm cuối cùng này về, ông nghe tin bệnh dịch hạch đang phát hiện ở Vân-Nam, gần biên giới Việt-Hoa, làm chết ngót sáu mươi ngàn người ở miền nam Trung-quốc. Ông liền xin Chánh phủ đến tại nơi quan sát bịnh tình về phương diện «vi-trùng». Đang lúc ấy bịnh dịch hạch lại lan tràn sang Hồng-Kông. Ông quay lại đáp tàu ra Hải-Phòng đi Hồng-Kông. Thế rồi 48 giờ sau, ông đặt chơn đến Hồng-Kông, thuê người cất một căn nhà bằng tre lợp tranh dùng để làm phòng thí nghiệm. Ông mua mấy xác chết về mổ xẻ, lấy vi-trùng trong các hạch người chết, cấy vào giống chuột bạch và chuột Ấn-Độ, thì nhận thấy các con chuột này cũng chết vì dịch hạch. Ông bèn kết luận: Bịnh dịch hạch của người ta giống y như bịnh dịch hạch của loài chuột.

Sau đó ông gởi loại vi-trùng dịch hạch về Paris cho các bác-sĩ thí nghiệm; họ cũng đồng một ý kiến với ông là thứ vi-trùng ấy chính là căn nguyên bịnh dịch hạch.

Library HoangSa.Org

Đến năm 1895, ông lập viện Pasteur ở Nha-Trang, rồi trở về Pháp, cùng với hai bác-sĩ Calmette và Roux kiếm thuốc ngừa bịnh dịch hạch; năm sau ông trở lại Viễn-Đông, mang theo thuốc ngừa dịch hạch vừa tìm ra.

Bấy giờ bịnh dịch hạch lại tràn sang Quảng-Châu và Hạ-Môn. Ông bèn đến tận nơi, thử dùng thứ thuốc mới trị bịnh, ông cứu sống được một số người, đủ chứng tỏ là thuốc do nhóm ông tìm ra rất hiệu nghiệm.

Sau đó ông trở lại Việt-Nam, làm việc ở viện Pasteur Nha-Trang cho đến ngày từ giã cõi trần, ngoại trừ mấy năm (từ 1902 đến 1904) ông lo mở trường Cao-đẳng Y-khoa ở Hà-Nội và về Pháp mấy lần thăm bác-sĩ Roux.

Từ năm 1905 đến 1918, ông làm Giám-đốc hai viện Pasteur Sài-gòn và Nha-Trang. Năm 1925, ông làm Tổng Thanh-tra các viện Pasteur ở Đông-Pháp.

Từ ngày lập viện Pasteur Nha-Trang, ông chuyên môn quan sát các bịnh của súc vật và tìm ra được thứ thuốc chữa và phòng bịnh trâu bò. Ông lại cùng với các người giúp việc quan sát các chứng bịnh khác như Barbone, Sura và Piroplasmose.

Ngoài việc nghiên cứu về Y-học, bác-sĩ Yersin còn là một nhà trồng tỉa, một nông học gia nổi danh. Ông lập ra vườn trồng cây để thí nghiệm những giống cây vùng nhiệt đới. Các loại cây như Guttapercha, Coca, Cacao, cây cọ dầu Phi-châu và nhứt là cây cao su lấy giống ở Mã-Lai đều được ông trồng có kết quả rất tốt tại đồn-điền Suối Đầu. Năm 1918, ông lại thử trồng cây Quinquina trên đảo Hòn Bà, nhưng kết quả không tốt vì đất cứng và khí hậu không hợp như ở Suối Dầu. Ông lại đi tìm những vùng đất màu tốt và khí hậu thích hợp ở Dran, Diom, Di-Linh. Từ đó về sau, người nước ta khỏi mua chất Quinine ở nước ngoài về làm thuốc, ấy là nhờ công lao hai mươi lăm năm chịu khó ương giống, thử đất, trồng cây của bác-sĩ Yersin.

Lúc làm việc tại Nha-Trang, ông sống rất giản dị thanh bạch, mặc dù ông có thừa phương tiện để hưởng thụ cuộc đời phù phiếm xa hoa. Ông ở trong một tòa nhà vuông, cao, có hai từng. Nhà được cất trên nền cái đồi thứ nhất dựng ở Nha-Trang, tại cửa sông, đối diện với di-tích Chàm Po-Nagar, dưới thấp chung quanh là những căn nhà lụp xụp của dân chài lưới. Bốn mặt nhà đều có hành lang chạy vòng q anh, đứng

Library HoangSa.Org

ở đấy có thể phóng mắt nhìn ra bốn phương trời, núi non hiện ra trước mặt thật là bát ngát hùng vĩ. Quanh nhà, các loại bìm bìm, bông bụp lục và đỏ, hồng và tím mọc đầy, không hề có một vườn rau, hoa trái, hay cây cảnh dùng trang hoàng cho ngôi nhà của ông thêm đẹp mắt.

Bác-sĩ Yersin là một người sống rất bình dân, thường chỉ mặc bộ ka-ki màu vàng, và dù đã 80 tuổi rồi mà sáng nào ông cũng cỡi xe đạp tới viện Pasteur. Ông lại có lòng nhân ái, hay dùng thời giờ rỗi rảnh dạy dỗ mở mang thêm cho những người dân chài lưới chất phác ở miền ông cư trú. Ông thương cả đến loài cầm thú, chim muông và mỗi khi gọi con vật nào cũng lót hai chữ «người ta» ở trước: người ta chó, người ta mèo, người két...

Ngày 1 tháng 3 năm 1943, bác-sĩ Yersin mất tại Nha-Trang, hưởng thọ 80 tuổi.

Thi hài ông được an-táng trên một khoảnh đồi ở khu đồn điền Suối Dầu đẹp đẽ, bên cạnh những cây cao su thẳng ngọn lên trời xanh. Đây chính là nơi ông đã khai khẩn trồng trọt rộng ngót năm trăm mẫu đất, và di sản này ông tặng cho viện Pasteur Nha-Trang. Theo di chúc của ông, đám táng diễn ra cực kỳ giản dị, chẳng có một bài điếu văn nào, nhưng mọi người tiễn đưa ông về ba tấc đất ai cũng ngậm ngùi mến tiếc sự ra đi vĩnh viễn của một bậc vĩ nhân.

Xét cuộc đời của bác-sĩ Yersin, chúng ta phải thán phục trước những công trình giúp ích nhân loại của ông. Chưa đầy 30 tuổi, đã nổi danh khắp thế giới, vậy mà ông vẫn không ở lại quê hương thụ hưởng danh lợi, ông đến Việt-Nam, coi đây như là quê hương thứ hai, tận tâm làm việc cho đến khi trút hơi thở cuối cùng. Chính vào năm bác-sĩ Roux mất (1933) và sau khi bác-sĩ Calmette từ trần, ông được mời về giữ chức vụ nối tiếp điều khiển viện Pasteur Paris. Nhưng ông đã từ chối, ý muốn ở lại Việt-Nam mãn đời, và chỉ chịu nhận chức Giám-đốc hàm cho viện Pasteur lừng danh thế-giới đó mà thôi.

Ông xứng đáng là một ông thầy thuốc trứ danh, một nhà thám hiểm can trường, một nông học gia uyên bác. Lúc sống, ông từng được tặng chức Gám-đốc hàmviện Pasteur Paris, có chân trong Bác-sĩ học viện và Y-học Hàn-lâm viện, được thưởng Nhị đẳng Bắc đẩu Bội tinh và nhiều huy chương ngoại quốc. Năm 1935, ông được vinh dự mời đến chủ tọa buổi lễ khánh thành một ngôi trường khang trang đẹp đẽ ở Đà-lạt mang tên Yersin. Lúc chết bao nhiêu người dân quê mùa làm nghề đánh cá ở

Library HoangSa.Org

vùng bờ biển Nha-Trang lũ lượt đến đốt nhang sụp lạy trước quan tài ông để tỏ lòng kính mến thương tiếc một bậc ân nhân đã sống với họ bằng tấm lòng nhân hậu vô biên, có nhiều bậc trí thức hết lời tán tụng tài cao đức trọng của ông và nhiều đường phố ở Việt-Nam được mang tên họ ông.

Hơn năm mươi năm say mê làm việc không ngừng, trước ngày chết một hôm ông còn gắng đo mực nước thủy triều ở bờ biển miền Trung Việt dù người ta khuyên ông nên tịnh dưỡng, ông đã phụng sự nhân loại một cách nhiệt thành bất cầu tư lợi, thật xứng danh là một vĩ nhân mà mọi người đều ngưỡng mộ sâu xa. Đời bác-sĩ Yersin quả là một tấm gương sáng lưu lại cho nghìn sau.

Đêm 18 tháng 4 năm 1943 tại câu lạc viện Nha-Trang, nhơn kỳ cúng tuần 50 ngày ông mất, Nguyễn-Tư-Trực có soạn đọc một bài văn truy niệm gói ghém được tất cả cuộc đời bác-sĩ Yersin mà tôi xin chép lại vào đây để kết thúc bài này :

« Hôi ôi !

Đất Pháp mây mù,
Trời Nam sấm nổ ;
Non Yến cây xiêu,
Biển Cù sóng bổ
Lầu thiên văn sao rụng lúc bây giờ,
Nhà bác-sĩ gương treo người thiên cổ.

Nhớ Thánh xưa :

Nhơn đức trời sanh, thông minh trời phú,
Mạo hiểm ai bằng, kiệm cần ai có.
Mặc áo thường mặc ka-ky vàng,
Đi công sở đi xe máy cũ.
Mề đay long bội chẳng mấy khi chưng,
Ra vách phô-côn không hề buộc cổ.
Siêu thoát nguồn tình biến dục, hồn nhẹ thinh thinh,
Tới lui viện sách phòng văn, thân riêng vọ vọ.
Chỗ sang giầu ông chẳng giao du,
Nơi bần bạc ông hay tế độ.
Đời ông hay nói những tiếng « người ta »,
Đời ông hay chơi những phường trẻ nhỏ.

Library HoangSa.Org

Đàn bà, con nít, dân xóm Cồn xem tợ như cha,
Kẻ bịnh, người già, nơi Sở thuốc thảy đều chiếu cố.
Nhớ những lúc thừa nhàn giải trí, quay phim về chiếu bóng để người xem;
Cùng những khi khuyên trẻ lành ngoan, móc túi ra thưởng xu cho lũ nó.
Ấy việc thường trông thấy hằng ngày,
Còn việc lớn chép ghi mấy sổ.
Xứ Hương cảng tràn lan dịch chuột, thầy thuốc Anh đành chịu vô phương;
Nhà Pat-tơ khảo cứu dày công, phép châm chích đáng xưng quốc thủ.
Bịnh hạch vi trùng giết được, cứu sanh linh đời để thuốc thần,
Đất tiên Đà-lạt tìm ra, trông phong cảnh người vui nước tổ.
Nghề Y-khoa ông đã tinh nghề, thú lâm bác ông càng thích thú.
Non nước tìm đường, mọi mường dẫn ngõ.
Một giải tây kỳ, mấy miền hoang thổ.
Biết bao thuở trèo non lội suối, hết lòng tham cứu, còn sợ gì nước độc nguồn cao,
Đã lắm khi vào tử ra sanh, quyết chí mở mang, để cho được dân phong quốc phú.
Lựa giống cỏ cây, trồng theo khí hậu,
Công ông đầy núi thẳm rừng sâu,
Đức ông đủ hàng ma phục hổ.
Ôi! Non Nhạc về thần,
Thành Nha để dấu.
Ông tuy mất mà thanh danh nào mất, tiếng Suối Dầu reo rắc giữa giang sơn,
Ông qua đời mà sự nghiệp để đời, viện y thú rõ ràng trong vũ trụ.
Nếu nhơn loại in như ông cả, trên địa cầu đâu có chiến tranh,
Vì nhơn tâm khác với ông xa, dưới trần tục nên còn thống khổ.
Ôi thôi! Kể lắm thêm thương, nói nhiều nghĩ hổ,
Thương là thương, ngoài ngàn muôn dặm, cảnh tình kia tiêu điều thế cuộc, ông là người mà người thế nước hãy đương cần.
Hổ là hổ, trong mấy mươi năm, chúng ta đây gần gũi vĩ nhân, ông tiếng thánh mà tiếng hiền sao ta chẳng có.

Library HoangSa.Org

Như ông !

Sống phi thường cho đến chết cũng phi thường,
Mạng đã thọ, mà lại danh càng thêm thọ.
Người xa biết đâu, người gần mới rõ.
Hôm nay, theo lễ An-Nam, năm mươi ngày giỗ,
Câu lạc viện ta, quan viên đông đủ,
Dâng bình hoa thơm, đốt lư trầm đỏ,
Truy điệu đôi lời quê kịch, gọi là tấm dạ tinh thành.
Kể qua ít chuyện đinh ninh, cảm thay ơn người bảo hộ.
Hồn Thánh chứng tri, lòng phàm ngưỡng mộ.
Hỡi ôi ! Thương thay ! ! »

NGUYỄN-VĂN-Y

TÀI LIỆU THAM KHẢO

BAUDRIT : Alexandre Yersin. *Bulletin general de l'instruction publique.* 22e année, N° 8 Avril 1943, p. 181-194.

NOEL BERNAD : Le docteur Yersin. *Indochine.* 2e année, N° 66, jeudi 11 Décembre 1941, p. 1-2.

GENEVRAY : A. Yersin. *Indochine.* 4e année, N° 133 jeudi Mars 1943, p. 3-5.

EDITIONS DU GOUVERNEMENT GÉNÉRAL : Le Docteur A. Yersin. Hà-nội, 1943 (64 p.).

PHẠM GIA TRIẾP : DALAT, (41 trang Ronéo).

HÃNG BÔNG

COBOVINA

BẠCH TUYẾT

SẢN XUẤT BÔNG, BĂNG, GẠC,

148/1 NGUYỄN MINH CHIẾU TÂN SƠN NHỨT

Library HoangSa.Org

ĐỊA-CHẤT VÙNG ĐÀ-LẠT

▽ NGUYỄN VĂN VÂN

Đà-lạt là một vùng có địa hình cao thuộc phần cuối Nam của dãy Trường Sơn Việt-Nam. Địa chất vùng nầy với nét kiến tạo rõ rệt đã trình ra một số nham thạch xuất hiện tạo nên một địa hình đồi núi nhấp nhô. Tính chất nham thạch, các đường nét kiến tạo đó đã chứng minh sự xáo trộn của vùng trong suốt các giai đoạn lịch sử địa chất tạo lập vùng cao-nguyên Đà-lạt ngày nay.

I. KHÁI LƯỢC ĐỊA HÌNH VÙNG ĐÀ-LẠT

Thị xã Đà-lạt được xây cất trên một vùng tương đối phẳng và thấp với các đồi tròn và các đỉnh núi bao bọc chung quanh. Vì thế sự phóng lộ từ các vùng bình nguyên đến Đà-lạt phải trải qua các đỉnh đồi hay qua các hông núi hiểm trở và có triền dốc khá cao, cường độ thoái hóa của nham thạch cấu tạo nên các ngọn đồi nầy tương đối mạnh mẽ nên sự lộ diện của nền đá cứng rất hiếm. Tuy nhiên, ta có thể phân định được hai loại đồi: loại do nham trầm tích và loại do hỏa nham tạo nên. Loại thứ nhất thường có địa hình cân đối triền dốc và được phủ bởi một lớp tụ-sa khá dầy. Loại sau thường có những khối tròn hay nhẵn mặt của đá cứng lộ ra bên triền. Triền dốc cũng bất thường đôi khi thẳng đứng. Tụ-sa mỏng hơn loại thứ nhất. Chính lớp tụ-sa của hai loại đồi trên đã làm trở ngại việc khảo sát nham thạch, vì thế phần lớn sự nhặt mẫu chỉ được thực hiện trong các hầm đá đang khai thác hay dọc theo các trục lộ giao thông. Các trục lộ nầy được thiết lập bằng cách vạt hẳn triền đồi, do đó lớp nham còn tươi dưới lớp tụ-sa có thể lộ ra.

Từ thành phố, ta có thể theo bốn trục lộ chính tỏa ra bốn hướng và các nét địa chất được lần lượt khảo sát theo các trục lộ nầy. Đó là các trục lộ dẫn đến Suối Vàng về hướng Bắc, đến Cam-ly về hướng Tây, đến Liên Khương về hướng Nam và đến Đơn Dương về hướng Đông.

Library HoangSa.Org

II. TÍNH CHẤT NHAM THẠCH

1.— Hướng Bắc thành phố Đà-lạt

Theo trục lộ từ Đà-lạt dẫn đến đập nước Suối Vàng, ta phải đi qua một vùng có các đồi hình bầu tròn được tạo lập bởi các loại sa và diệp thạch biến tính. Các lộ tầng nầy rất hiếm chỉ lộ ra ở dọc theo vách lộ hay dọc theo bờ suối. Phần lớn các mẫu nham đều ở trong tình trạng thoái hóa do tác nhân khí hậu, và những mẫu nham nào còn tươi có màu sậm với cấu thể rất nhuyễn hạt. Phiến tính và diệp tính được nhận rõ. Các mẫu nham bắt đầu bị bủn nát có màu vàng bần. Loại diệp thạch ở Suối Vàng có màu đen sậm và tương đối cứng chắc. Mẫu nham quan sát bằng mắt thường có ánh ngời lóng lánh do ánh chớp của các vảy mica. Loại tinh-khoáng nầy gồm mica đen và mica trắng xếp thành từng dòng dọc theo phiến tính. Sự bủn nát của nham phóng thích những vảy mica trắng màu bạc chiếu lóng lánh dưới dòng suối. Quan sát trong kính hiển vi, thạch anh xuất hiện dưới dạng những hạt nhuyễn có cạnh góc bất thường và xếp thành từng dòng xen kẽ với những dòng mica. Bờ đập nước được xây trên lớp nền gồm loại dịp thạch biến tính nầy.

2.— Hướng Tây thành phố Đà-lạt

Trục lộ dẫn đến vùng thác và phi-trường Cam-ly đã trải qua vùng nham hoa-cương, một loại hỏa nham được nguội đặc ở sâu trong lòng đất. Tại thác Cam-ly, các khối hoa cương được lộ ra với màu trắng xám. Nham có cấu thể hình hạt nhuyễn và khó phân biệt bằng mắt thường. Sự hiện diện của khoáng màu ít và những đốm hay những vết nhỏ màu đen đậm xuất hiện rải rác xen lẫn với những hạt màu trắng đục hay trong. Nham chất được quan sát rõ qua kính hiển vi. Các hạt gồm đa số là loại tràng khoáng potat màu trắng đục hay hồng lợt và tinh khoáng thạch anh. Tinh khoáng màu đen nhiều nhất là loại biotit hay mica đen; nhiều tinh khoáng đã đổi sang màu lục dợt vì hiện tượng hóa chlorit. Một số ít hạt hàm khoáng và khoáng Fe cũng được hiện diện trong nham.

Cạnh bên khối hoa cương lợt màu là một mạch hoa cương khác có cấu thể hình hạt to hơn và có màu sậm do sự hiện diện khá nhiều của khoáng màu đen. Mắt thường có thể nhận diện được các loại tinh khoáng dễ dàng. Cấu thể hình hạt xuyên nhau tạo nên dạng thể kết chằng giữa các tinh khoáng thạch anh và tràng-khoáng. Hạt độ trung bình thay đổi

Library HoangSa.Org

từ 4mm đến 8mm. Khoáng có màu đen gồm biotit đen lóng lánh và loại hỏa-hàm lục có tinh thể dài và màu xanh đen. Đây là loại hoa cương rất hiếm của vùng Đà-lạt và sự tiếp xúc với loại hoa cương nhuyễn hạt chưa được quan sát tường tận vì quá ít lộ tẳng.

3.— Hướng Nam thành phố Đà-lạt

Trục lộ từ Đà-lạt dẫn đến phi trường Liên Khương đã trải qua nhiều vùng có nham tính rất khác nhau.

Từ thành phố đến thác Datanla, là vùng của những đồi diệp thạch biến tính giống như những đồi ở phía Bắc Đà-lạt. Bắt đầu ngay khúc uốn Datanla, con lộ uốn theo vách đồi được vạt thẳng đứng với loại đá màu trắng xám cứng chắc. Đây là loại sa thạch biến tính có hướng gấp nếp thẳng đứng. Khối nham bên sườn đồi được nứt theo hệ thống đường nứt dài đề có thể tách ra thành từng khối nhỏ có cạnh góc bén nhọn. Nham rất nhuyễn hạt nhưng rất cứng vì được cấu tạo bởi các hạt thạch anh kết dính bằng chất xi-măng silic và đất sét. Trong suốt đoạn đường từ đây cho đến thác Prenn, loại sa thạch nầy tạo ra những ngọn đồi được phủ bởi một lớp tụ-sa mỏng.

Tại thác Prenn, nham hỏa sơn huyền vũ bắt đầu xuất hiện và thác nước được chảy qua và đổ xuống trên nền đá huyền vũ. Bắt đầu từ đây, nham huyền vũ được trải dài theo quốc lộ đến Liên Khương và chính dòng suối nầy đã len lỏi theo lớp nham hỏa sơn mềm nầy đến thác nước Liên Khương. Sự trải dài của nham huyền vũ là do sự chảy tràn theo thung lũng và từ địa hình cao lan xuống dưới thấp. Trong vùng nham hỏa sơn nầy, thỉnh thoảng ta còn gặp nhữug dạng thể đồi thấp cô-đọc nhô lên và có hình bầu tròn. Đó là những họng hỏa sơn đã tạo ra loại nham huyền vũ thung lũng đó và chưa bị mài mòn hẳn. Loại huyền vũ tại thác Prenn có kiến trúc trụ thể hình lục giác và có màu đen đậm. Nham có cấu thể rất nhuyễn hạt. Trong khối nền màu đen có lẫn những hạt thấy rõ có màu vàng lục đậm của lãm khoáng. Đây là loại nham huyền vũ có olivin hay lãm khoáng và được xếp vào loại huyền vũ β. Trong kính hiển vi, các que vi tinh tràng khoáng rất nhiều bao quanh các hạt lớn gồm lãm khoáng và huy khoáng. Loại huyền vũ ở Liên Khương có màu lợt hơn thường là màu xám đen, hạt độ cũng lớn hơn loại ở Prenn.

4.— Hướng Đông thành phố Đà-lạt

Trục lộ từ thành phố Đà-lạt đổ xuống Đôn Dương trải qua các

Library HoangSa.Org

vùng Trại Hầm, Trại Mát và Cầu Đất. Nơi các vùng nầy, một số nham thạch giống như các nham của ba vùng kể trên. Từ thành phố đến Trại Hầm, ta phải trải qua các ngọn đồi cấu tạo bởi loại diệp thạch biến tính. Nhiều ngọn đồi được phủ bởi một lớp tụ-sa dầy và rất hiếm lộ tầng được phát kiến. Về nham tính, các tinh khoáng cấu tạo cũng giống như loại diệp thạch ở phía Bac Đà-lạt. Từ Trại Hầm đến Trại Mát, trục lộ xuyên qua một vùng hoa cương khá rộng. Đây là loại hoa cương có tính chất gần giống với loại hoa cương nhuyễn hạt ở Cam-ly nhưng nham có hạt độ lớn hơn và có màu sậm hơn do sự hiện diện nhiều của các khoáng màu. Nhiều khối to có mặt ngoài trơn nhẵn được lộ ra ở các sườn đồi như ở Trại Mát. Đến Đôn Dương, các ngọn đồi diệp thạch biến tính tái xuất hiện và đập nước Đa-Nhim được xây cất trên lớp diệp thạch nầy. Một vài hầm đá của vùng nầy còn cho thấy có nham hỏa sơn huyền vũ xuất hiện. Nham huyền vũ nầy cũng có cùng một thành phần tinh khoáng với loại ở Prenn hoặc Liên Khương.

III. NHỮNG NÉT KIẾN TẠO VÀ ĐỊA SỬ VÙNG ĐÀ-LẠT

Dựa trên địa hình của vùng và sự gấp nếp của các nham trầm tích, ta có thể kết luận về kiến tạo của vùng như sau:

1.— Hướng và độ nghiêng của các lớp nham trầm tích

Hầu hết các lớp diệp thạch và sa thạch biến tính được dở lên từ những lớp bình hàng thành những lớp dựng đứng có độ nghiêng từ 70 độ đến 90 độ. Đối với độ nghiêng nầy ta có thể kể như các lớp nham có gấp nếp dựng đứng. Sự kiện nầy là do lực kiến tạo của thời kỳ tạo sơn đã tác động lên vùng và làm các lớp gấp nếp theo hướng Đông Bắc — Tây Nam.

2.— Sự trợt sụp, phay

Nhiều dấu vết của sự chà-xát vào nhau giữa các khối nham còn lưu lại trong những vùng nham hoa cương. Đó là do sự trợt sụp giữa các khối nham lớn gây ra. Một hậu quả của sự toạc nứt có tính cách sâu rộng hơn là tạo ra những kẽ nứt từ vài tấc đến hàng thước và được trám bởi một loại đá khác với loại bị nứt. Đó là các thạch bích như thạch bích an sơn thạch đã cắt phăng khối hoa cương ở một hầm đá vùng Trại Mát theo

Library HoangSa.Org

hướng Đông Bắc — Tây Nam. Sự sụp đổ trở nên to rộng hơn làm các khối nham hay từng vùng bị sụp xuống để tạo ra những phay. Một trong những phay đã được phát kiến dựa trên phi ảnh là phay chạy từ Bắc thành phố đến hướng Nam xuyên qua hồ Xuân-Hương tại trung tâm thành phố.

3.— Địa sử của vùng

Vùng Đà-lạt đã được thành lập cách nay bao lâu, cho đến nay vấn đề nầy còn đang được bàn cãi nhiều. Tuy nhiên nếu lồng vùng nầy vào khung cảnh miền Nam Việt-Nam thì ta có thể tóm lược như sau:

— Đầu tiên đây là một vùng do biển hoàn toàn chiếm ngự và nơi đáy biển cạn nầy các chất trầm tích lần lượt tích tụ thành từng lớp dầy. Sự tích tụ được thể hiện cho đến cuối Đệ I Nguyên Đại hay đầu Đệ II Nguyên Đại thì bị sự tạo sơn tác động đến.

— Sự tạo sơn nầy là cơ nguyên tạo ra sự nổi núi của nham hoa cương và chính đây là hậu quả của sự đẩy lên từ vùng dưới đáy biển thành một vùng cao như ngày nay. Vì thế trong nhiều vùng ta thấy hình thể xuất hiện của hoa cương đã đội hẳn các lớp sa và diệp thạch nầy lên và làm gấp nếp chúng.

— Các chuyển động về sau đã làm cho khối cứng chắc nầy bị toạc nứt để tạo ra các nét kiến tạo cũng như nơi nào yếu nhất của địa hình thì dung nham huyền vũ được tràn ra và chiếm các thung lũng sâu. Sự xuất hiện của nham huyền vũ đã đánh dấu giai đoạn cuối cùng của sự tạo lập vùng Đà-lạt và từ đó đến nay địa hình vẫn giữ nguyên vẹn.

NGUYỄN VĂN VÂN
Ban địa-chất-học (Khoa học Đại học Sài-gòn)

Library HoangSa.Org

RAU CẢI ĐÀ-LẠT

▽ VŨ VĂN TIẾP

I. VÀI NÉT ĐẠI-CƯƠNG:

Đà-lạt từ lâu đã nổi tiếng không những vì là một trung-tâm du-lịch mà còn vì các nông phẩm đặc-biệt của địa-phương như các loại trái cây: mận, hồng, đào, các loại hoa: glaieul, hồng v.v... và nhất là các loại rau cải: cải bắp, khoai tây, cải bông, sà lách, dâu tây v.v...

Về phương-diện hành chánh, ta cần phân-biệt Đà-lạt và Tuyên-Đức: Thị-xã Đà-lạt với 10 khu phố có diện-tích tổng cộng 7100 Ha, và dân số khoảng 84.000, tỉnh Tuyên-Đức gồm 3 quận Đôn-Dương, Đức-Trọng và Lạc-Dương có diện-tích 484.900 Ha và dân-số khoảng 94.000. Tuy nhiên, do thói quen lâu nay, rau cải trồng ở Tuyên-đức cũng vẫn được gọi là rau cải Đà-lạt, vì vậy rau cải dù trồng ở Tuyên-Đức hay ở Đà-lạt cũng đều được gọi chung là rau cải Đà-lạt. Rau cải Đà-lạt với số lượng sản-xuất hàng năm khoảng 70.000 tấn và diện-tích canh tác gần 4.000 Ha đã chiếm một tỷ-lệ khá cao so với toàn quốc (diện-tích canh tác rau trong toàn quốc năm 1968 là 13.620 Ha và sản ngạch là 193.000 tấn). Không những thế, ngay trong địa-phương, số đất sử-dụng cho việc trồng rau cũng chiếm một tỷ lệ rất lớn là 80% diện-tích canh tác tại Thị-xã Đà-lạt và 65% diện-tích canh tác tại tỉnh Tuyên-Đức.

Yếu tố khí hậu cũng ảnh hưởng rất lớn tới việc trồng rau cải tại Đà-lạt Tuyên-Đức, thực vậy, khí hậu Đà-lạt có thể được coi như là khí hậu miền ôn đới, chính vì vậy mà nhiều loại rau cải đặc biệt chỉ trồng được ở Đà-lạt mà không trồng ở các tỉnh khác như khoai tây, bông cải, sà lách, cải thảo, dâu tây v.v..., đó là nhờ nhiệt độ khá thấp, trung bình 21 độ bách phân. Vũ lượng hàng năm trung bình khoảng 1.600m/m với hai mùa mưa khô phân biệt rõ ràng: mùa mưa từ giữa tháng tư đến giữa tháng mười dương lịch mùa khô trong các tháng còn lại, cũng ảnh hưởng nhiều vào việc trồng rau, vì các thứ rau như cải bắp, cải bông, cải thảo, củ cải, cà rốt, mặc dù có thể trồng suốt năm, nhưng mùa mưa đã làm cho việc canh tác gặp nhiều khó khăn, khiến cho mức sản xuất thua sút mùa khô rất nhiều.

Library HoangSa.Org

Trong hoàn cảnh canh tác rau cải Đà-lạt hiện nay với nhiều khiếm khuyết về kỹ thuật canh tác, sự thay đổi bất thường của giá cả rau trên thị trường do ảnh hưởng của tình trạng an-ninh, số lượng rau sản xuất hẳn phải thua kém so với số lượng sản-xuất trong hoàn cảnh tốt đẹp khi chiến tranh kết thúc với sự canh tân kỹ thuật canh tác, hợp lý hóa sự phân phối do sự phát triển lại tổ chức hợp-tác xã rau, và sự giúp đỡ tích cực của chính quyền đối với nông gia trong việc tìm thêm thị trường tiêu thụ tại quốc ngoại.

II. HIỆN-TRẠNG SẢN-XUẤT

A. TÌNH HÌNH CHUNG

Rau cải đã được trồng tại Đà-lạt Tuyên-Đức từ lâu, tuy nhiên, cùng với thời gian, diện tích canh tác càng ngày càng mở rộng: năm 1960 diện-tích canh tác rau cho cả Đà-lạt và Tuyên-Đức là 900 Ha, tới năm 1965 diện tích này lên tới gần 3.000 Ha, và cho tới nay diện tích trồng rau tại đây đã tăng lên tới con số gần 4.000 Ha. Trong tương lai diện tích trồng rau còn có thể tăng lên rất nhiều nếu việc trồng rau cải lại cho nông gia nhiều tiền lời.

Trong năm 1969, diện tích các loại rau cải được trồng tại Đà-lạt Tuyên-Đức được ghi nhận như sau:

— Cải bắp, diện tích canh tác	1.525 Ha
— Khoai tây	500 —
— Sà lách búp	422 —
— Cải bông	309 —
— Su su	222 —
— Cải bắp thảo	211 —
— Cà-Rốt	183 —
— Hành tây	183 —
— Tỏi	117 —
— Củ cải trắng	90 —
— Su hào	40 —
— Pôrô	32 —
— Dâu tây	10 —
— A-ti-sô	10 —

Library HoangSa.Org

Trong bản ghi nhận trên ta chưa kể tới các loại đậu mà tổng số diện tích canh tác lên tới 760 Ha, vì con số này không ghi rõ mỗi loại đậu có diện tích canh tác là bao nhiêu.

Việc trồng rau tại Đà-lạt Tuyên-Đức có tính cách gia-đình, diện tích canh tác chia thành từng phần nhỏ, tại Thi-xã Đà-lạt diện tích trung bình mỗi nông trại là 0,37 Ha, và tại tỉnh Tuyên-Đức, diện tích trung bình mỗi nông trại lớn hơn: 0,73 Ha. Nếu tính chung thì 90% số nông trại có diện tích dưới 1 Ha.

Phương tiện canh tác trước đây còn rất thô-sơ nhưng nay đã tân tiến rất nhiều. Kỹ thuật canh tác cũng rất tiến bộ mặc dù còn rất nhiều khuyết điểm.

B. CÁC VẤN-ĐỀ THUỘC PHẠM-VI KỸ-THUẬT CANH-TÁC:

Các vấn đề liên quan kỹ-thuật canh tác rau cải là phân bón, hạt giống, thuốc trừ sâu bệnh, nông cơ nông cụ và nhân công.

1.— Vấn đề phân bón:

Phân bón đã được nhà vườn đặc biệt chú trọng, nhất là các loại phân cá. Có 3 loại phân cá được dùng:

— Phân xác mắm (xác mắm còn tươi sau khi đã lấy nước mắm) được dùng để bón căn-bản sau khi sửa soạn đất.

— Phân cá ủ (xác mắm đã ủ cho hoai) dùng để bón vun gốc.

— Phân cá xay (xác nắm đã xấy khô và xay nhỏ như bột) thường được dùng để bón cho cây cải bắp còn nhỏ.

Đối với phân hóa chất, các thứ phân hợp chất thường được dùng nhiều hơn các thứ phân đơn chất, và riêng về phân đơn chất thì phân đạm thường được dùng nhiều hơn các thứ khác. Trong năm 1968, số lượng phân bón sử dụng tại Đà-lạt Tuyên-Đức được ghi nhận như sau:

— Phân cá các loại	22.558 tấn
— Phân chuồng	17.738 —
— Tricalcium phosphate	2.303 —
— Amophosko	2.197 —
— Phân con cò (8-8-19)	1.747 —
— Urea	1.560 —

Library HoangSa.Org

— Potassium sulfate	343 tấn
— Diamo phosphate	500 —
— Potassium chloride	254 —
— Ammonium sulfate	194 —
— Fertidrine (10-10-12)	192 —
— Vôi	719 —

Các nhà vườn tại Đà-lạt Tuyên-Đức đã mắc phải một khuyết điểm khá quan trọng vì đã coi việc sử-dụng các loại phân cá như một điều bắt buộc trong việc trồng rau cải mặc dù loại phân này chỉ hơn phân chuồng về ảnh hưởng mau chóng trên sự tăng trưởng của rau trong khi giá cao gấp mười lần phân chuồng, đó là chưa kể đến ảnh hưởng không tốt cho đất vườn do chất muối có trong phân cá, một điều mà các nhà vườn không để ý tới.

Vì các nông gia chưa biết rõ rệt công dụng của mỗi loại phân cũng như cách thức sử-dụng nên đã tỏ ra rất dè dặt trong việc sử-dụng các loại phân hóa chất, vì vậy vấn đề hướng dẫn cần được chú trọng hơn nữa. Việc sử-dụng các loại phân cá gia tăng chi phí canh tác tức là làm giảm lợi tức của các nhà vườn, vì vậy chính phủ cần chỉ dẫn cho nông gia quen sử-dụng phân chuồng để thay phân cá, trong đó việc dùng các thí điểm trình-diễn so sánh ảnh hưởng giữa phân cá và phân chuồng trên rau cải tỏ ra hữu hiệu hơn cả.

Ngoài ra, chính-phủ cũng cần có các biện pháp hữu-hiệu để khuyến khích các tư nhân đầu tư vào việc thiết lập các nhà máy chế tạo các loại phân bón ngay tại trong nước, nhất là các loại phân hỗn hợp có thể dùng riêng cho mỗi loại rau cải.

Các phương pháp ủ phân nhân tạo và phân chuồng đáng được phổ biến rất rộng rãi trong dân chúng.

2.— Vấn đề thuốc trừ sâu bệnh :

Giá thuốc cao đôi khi khan hiếm và nhất là vấn đề sử dụng thuốc bừa bãi là các vấn đề có ảnh hưởng lớn tới tình trạng sản xuất rau cải Đà-lạt.

Trước đây, trong các năm đầu của chương trình Viện-trợ Mỹ, các loại thuốc sát trùng và sát khuẩn được Sở Bảo-Vệ Mùa Màng trực thuộc Nha Nông Vụ nhập cảng và phân phối tới các Ty Nông-Vụ để bán rẻ cho nông gia với mục đích khuyến khích việc sử-dụng. Về sau này việc nhập cảng và bán đều do thương-gia đảm nhiệm, vì vậy tình trạng khan hiếm một số

Library HoangSa.Org

loại thuốc cũng như tình trạng giá cả lên cao rất thường xảy ra. Ngoài ra, tuy nông gia rất chú trọng tới việc sử-dụng các loại thuốc trừ sâu bệnh, nhưng lại chưa biết rõ công dụng cũng như cách thức sử-dụng, nên đã dùng một cách bừa bãi, pha chế quá nồng độ, pha chế quá nhiều loại với nhau, xịt thuốc quá nhiều lần, không chú trọng tới vấn đề thuốc có thể gây ngộ độc cho người xịt thuốc cũng như giới tiêu thụ rau, kết quả là ngoài việc phí phạm tiền bạc, thời giờ, còn làm cho sâu quen thuốc cũng như làm cho các người tiêu thụ cũng như người sử-dụng bị ngộ độc dần dần. Tuy nhiên, cũng có nhiều nhà vườn rất đáng khen ngợi về việc chịu khó tìm hỏi để mua được các loại thuốc trừ sâu bệnh một cách rất hiệu quả.

Sau đây là số lượng thuốc sát trùng sát khuẩn đã được sử-dụng trong năm 1968 tại Đà-lạt Tuyên-Đức:

— D.D.T	128.597 kgs
— Mytox	204.655 —
— Thuốc trừ sên	53.427 —
— Vantox	52.942 —
— Malathion	36.363 —
— Dieldrin	28.079 —
— Dithane	23.968 —
— Aldrin	54.946 —
— Parathion	20.960 —
— Endrin	3.399 —
— Vapona	220 —

Để cải thiện việc sử-dụng thuốc trừ sâu bệnh trước hết, cần lưu ý hướng dẫn các nhà vườn về độc tính của các loại thuốc cũng như thời gian ngưng xịt thuốc trước khi thu hoạch rau để tránh hại cho người tiêu thụ vì các chất độc còn lưu lại trong rau. Sau đó các cơ quan liên hệ cần làm các thí nghiệm trình-diễn cho nông dân biết hiệu quả của mỗi loại thuốc trên mỗi loại sâu bệnh cho từng loại rau cải, tiếp theo là hướng dẫn nông dân cách thức sử-dụng các loại thuốc. Ngoài ra chính phủ cũng cần kiểm soát việc nhập cảng những loại thuốc trừ sâu bệnh về phương diện phẩm chất cũng như giá cả, và đặc biệt kiểm soát về phẩm chất đối với các loại thuốc pha chế trong nước. Các loại thuốc có hiệu quả tốt trên rau cải cần được lưu ý cho nhập cảng và bán đầy đủ. Việc phân phối và hướng dẫn sử-dụng các loại thuốc trừ sâu bệnh nếu được giao cho các hợp tác xã rau có lẽ sẽ có nhiều kết quả tốt đẹp.

Library HoangSa.Org

Trong năm 1969, một số thí nghiệm về thuốc trừ sâu đã được thực hiện tại Trung-Tâm Khảo-Cứu Nông-Nghiệp Đà-lạt do cô Sabina G. Fajado thuộc tổ chức IVS Việt-Nam điển hình là thí-nghiệm ảnh hưởng của 6 loại thuốc trên loại sâu xanh phá hoại cải bắp (Plutella xylostella Linn).

Kết quả thí-nghiệm này cho ta thấy thuốc VCS. 506 có ảnh hưởng tốt nhất. Kế đến là thuốc Cibro 50 rồi đến thuốc Gardona 24.

3.— Nhân công:

Việc trồng rau đòi hỏi rất nhiều công phu săn sóc hơn bất cứ loại hoa màu nào khác, vì vậy nhân công là một vấn đề rất quan trọng trong việc trồng rau cải. Nhưng hiện nay tình trạng nhân công tại Đà-lạt Tuyên-Đức rất khan hiếm: trong số 2.173 nông trại tại Đà-lạt thì có tới 877 nông trại thiếu nhân công, và 3.752 nông trại tại Tuyên-Đức thiếu nhân công trong số 5.078 nông trại. Ngoài ra giá biểu nhân công tại Đà-lạt cũng rất cao: 400$/1 ngày cho đàn bà và 500$/1 ngày cho đàn ông cộng thêm bữa ăn trưa. Tình trạng nhân công tại đây sở dĩ khan hiếm vì:

— Đa số thanh niên đều nhập ngũ.

— Nhiều lao công đã bỏ nghề nông để sang làm các công việc khác có nhiều lợi tức hơn.

Chính vì lý do thiếu nhân công mà các nhà vườn đã cố gắng mua sắm nông cơ và nông cụ. Ngoài ra có nhiều giới như công tư chức, quân nhân, học sinh ngoài các giờ làm việc hoặc học hành cũng đã cố gắng tham gia công tác.

Để giải quyết vấn đề thiếu nhân công, có lẽ chỉ có biện pháp cơ giới hóa tới mức tối đa có thể làm được, đó là:

— Sử-dụng các loại máy cày thích hợp cho tình trạng của mỗi vùng: máy cày lớn tại các nơi bằng phẳng, có diện tích lớn máy cày nhỏ cho các vườn nhỏ mà việc di chuyển khó khăn.

— Sử-dụng tối đa các loại máy bơm nước để đưa nước lên tận các vườn rau ở cao phối hợp với hệ thống tưới tự động (Sprinkle).

4.— Nông cơ và nông cụ:

Việc khai phá rừng để trồng rau do các máy ủi thực hiện, việc sử-dụng các loại máy cày lớn rất ít vì có lẽ đa số các vườn rau đều

Library HoangSa.Org

được làm thành từng băng hình bậc thang bên các sườn đồi, tuy nhiên các loại máy cày tay rất được nhà vườn ưa chuộng để băm đất cho nhuyễn sau khi đã nĩa lên với giá khoảng 400$/1 giờ. Việc dùng nĩa để nĩa đất vườn rau bằng tay được hầu hết nhà vườn sử-dụng.

Việc tưới nước trước đây thực hiện bằng cách gánh nước và tưới bằng thùng có vòi sen, ngày nay hầu hết nhà vườn đều dùng máy bơm nước phối hợp cùng với ống nilon và búp sen để tưới. Nhiều nhà vườn tiến bộ đã sử-dụng các hệ thống ống sắt để dẫn nước từ các suối nước lên vườn để tưới. Về máy bơm, hầu hết nhà vườn đều thích dùng loại máy chạy gasoil với loại bơm đặc biệt có thể đưa nước lên cao trên sườn đồi của Nhật, loại máy chạy xăng ít được nông gia ưa chuộng.

Ngoài ra cũng còn nhiều nơi vì quá cao vẫn chỉ trồng rau vào mùa mưa mà thôi.

Các loại bình xịt thuốc sâu bệnh đã được nông gia ưa dùng, nhất là loại bình xịt hiệu Hudson X. pert, nhưng loại bình xịt này hiện đang khan hiếm trên thị trường Đà-lạt và giá cả cũng rất cao. Bình xịt này cũng đã được một số nông gia sử-dụng.

Để cải thiện tình trạng sử-dụng nông cơ nông cụ, việc quan trọng nhất là nên giao cho Hợp Tác Xã Rau việc nhập cảng và bán lại cho các nhà vườn với giá rẻ các loại máy bơm, ống dẫn nước bằng sắt, vòi tưới tự động, bình xịt và máy cày tay; sau đó nên giúp vốn cho các nhà vườn trong việc mua sắm các loại nông cơ, nông cụ trên (thực ra Ngân Hàng Phát Triển Nông Nghiệp địa phương đã làm các nghiệp vụ cho vay, cũng như Hợp Tác Xã Rau Đà-lạt đã nhập cảng và bán một số nông cụ nhưng vẫn chưa được bao nhiêu).

5.— *Hạt giống:*

Hạt giống các loại rau cải Đà-lạt một phần do chính các nhà vườn để giống lấy, một phần nhà vườn mua hột giống nhập cảng từ ngoại quốc tại các tiệm bán hột giống, các loại rau cải có thể tự để giống được là: Tỏi — Artichaut — su su — khoai tây — cải bông — cà rốt — cần tây — sa lách búp mỡ — sa lách soong — hành ta; các loại rau cải mua giống ngoại quốc là: cải bông, cải bắp, cải thảo, sa lách búp dòn, củ cải trắng, pô rô hành tỏi, hành tây, tỏi, su hào, khoai tây.

Các loại rau cải quan trọng nhất là cải bắp và cải thảo nhà vườn phải mua giống ngoại quốc, giống cải bắp nhà vườn thường dùng là giống N-S Cross. Khoai tây tuy nhà vườn để giống lấy được nhưng năng

Library HoangSa.Org

xuất không cao, giống thường được ưa chuộng là giống Désirée vì màu da củ hồng bán rất được giá so với các loại củ da màu vàng.

Để cải thiện tình trạng sử-dụng giống rau cải ngó hầu tăng gia năng xuất cũng như bảo đảm phẩm chất, cần phải bảo đảm các biện pháp sau đây:

— Trong chương trình ngắn hạn, cần thí nghiệm các giống rau cải ngoại quốc có năng xuất cao, phẩm chất tốt để phổ biến cho dân chúng sử-dụng, các cơ quan nông nghiệp cần hướng dẫn nông gia trong việc lựa chọn hạt giống, việc nhập cảng các giống tốt nên giao cho Hợp Tác Xã Rau đảm nhiệm để bảo vệ phẩm chất cũng như giá cả.

— Trong chương trình dài hạn, việc sản xuất các giống rau ngay tại quốc nội trong các giới hạn có thể được. Đối với các giống rau cải không thể sản xuất giống trong xứ được cũng nên thực hiện việc sản xuất giống bậc nhất.

Viện Khảo-Cứu, trong các chương trình thí nghiệm giống trước đây, đã cho phóng thích nhiều giống của các loại rau có năng xuất cao và phẩm chất tốt.

Các giống rau cải dưới đây đã được thí-nghiệm và có thể sử-dụng để sản-xuất tại Đà-lạt, Tuyên-Đức:

— *Đậu hòa lan*: (Pisum Sativum, L. Leguminosae) gồm các giống Mammoth Melting Sugar (USA) — Taichung $N^0 9$ và $n^0 10$ (Đài-Loan) —: Merveille de Kelvedon (Pháp).

— *Cần tây* (Apium graveolens. L. Umbellifereae) gồm có các giống: Utah 52-70 (USA) và Tall Utah 54-70 H (USA).

— *Cà chua* (Lycopersicmm esculentum Mill, Solanuceae) gồm có các giống: Pritchard, Manalucie, Manalee, Heinz 1350, Roma và San Marzano đều của Hoa-Kỳ.

— *Cải bắp* (Brassica Oléracea Var. Capitata L. Crucifereae) gồm các giống: O.S. Cross, A-S. Cross, K-Y. Cross, M-S. Cross và N-S. Cross, tất cả đều của Nhật Bản.

— *Cải bông* (Brassica Oleraceae Var. Botrytis, L. Cruciferae) có giống Fengshan late của Đài-Loan.

— *Hành tây* (Allium cepa L. Liliaceae) gồm có các giống: Texas Early Grano 502, Granex (giống lai), Red Creole, Yellow Dessex tất cả đều của Hoa-Kỳ.

Library HoangSa.Org

— *Khoai tây* (Solanum Tubersosum L. Solanaceae) gồm các giống: Cosima, Tondra của Tây Đức, Patrones, Désirée của Hòa Lan.

— *Tỏi* (Allium Sativum Liliaceae) gồm các giống: Si-Luo white leaf, Hsuehchia softstem, Annan very Early, và Tzutung Black leaf tất cả đều của Đài-Loan.

— *Cải bắp thảo* (Brassica Pe-tsai Bailey, Cruciferae) gồm các giống: Nagaoka Ideal Market, Nagaoka King và Nagaoko Champion tất cả đều là giống lai và của Nhật.

— *Cải bẹ xanh* (Brassica Juncea Coss, Cruciferae) có giống Head Type của Đài-Loan.

— *Cà-rốt* (Daucus Carotta, Umbelliferea) gồm các giống: Half long Nantes, Royal Chantenay của Hoa-Kỳ và giống Rouge Longue obtuse de colmar của Pháp.

— *Dâu tây* (Fragaria chiloensis Duch. Var. Ananassa hort. Rosaceae) gồm có giống Cambridge Flavorite và Wilgourt của Hoa-Kỳ.

— *Dưa leo* (Cucumis sativus L. Cucurbitaceae) có giống Fengyuan green skin của Đài-Loan.

— *Củ cải trắng* (Raphanus acanthiformis, Morel. Cruciferae) gồm các giống: Mine early long white, Winter Queen và Mino Early white của Nhật, 40 days của Đài-Loan.

Ngoài ra Trung Tâm Khảo-Cứu Nông-Nghiệp cũng đã khởi-sự các chương trình thí-nghiệm về lai giống để tiến tới việc sản-xuất hạt giống ngay tại trong xứ, nhưng vì nhân viên chuyên-môn chưa có nên chương trình này chưa thể xúc tiến được bao nhiêu.

C. CÁC VẤN ĐỀ THUỘC PHẠM-VI KINH-TẾ:

Các vấn đề thuộc phạm-vi kinh-tế của việc sản-xuất rau-cải Đà-lạt gồm có: thị-trường và giá cả, trung-gian và chuyên-chở, vấn đề chi thu và triển vọng tương lai.

1.— *Thị-trường và giá cả:*

Đối với thị-trường tiêu-thụ, rau cải Đà-lạt, sau khi sản-xuất đã được tiêu-thụ như sau:

— Một phần được tiêu-thụ ngay tại địa-phương và được du khách mua mang đi với số lượng khoảng mười tấn mỗi ngày.

Library HoangSa.Org

— Khoảng 80% số rau sản-xuất được tiêu-thụ tại Sài-gòn và các tỉnh miền Nam.

— Khoảng dưới 10% số lượng sản-xuất được tiêu-thụ tại các tỉnh miền Trung như Phan-Rang, Nha-Trang, Qui-Nhơn v.v...

— Khoảng 3 — 4% được cung-cấp cho các đơn-vị quân-đội Đồng-Minh đồn-trú tại Việt Nam.

— Một số rất ít được biến chế với tính cách gia-đình như muối dưa, phơi khô, làm rượu v.v...

Chính vì thiếu các cơ-sở biến chế qui mô nên mỗi khi giao-thông gián-đoạn, rất nhiều rau cải bị hư thối.

Ngoài ra, vấn đề xuất cảng cũng đã được thực hiện trong các năm 1958, 1959, 1960, 1961, 1962 sang Tân Gia Ba và Hồng Kông nhưng vì chuyên chở khó khăn, phương pháp đóng hàng sơ-sài nên khi rau tới ngoại quốc tỷ-lệ hư thối quá cao làm nông phẩm kém giá trị, hơn nữa vì giá vốn sản-xuất và chuyên chở cao nên khó cạnh tranh với rau của các nước khác.

Trong hiện tại, thị-trường quốc nội rất dồi dào nên việc tìm kiếm thêm thị-trường quốc ngoại chưa mấy cần thiết, nhưng trong tương lai, khi hòa-bình văn-hồi, số người sản-xuất gia-tăng trong khi số người tiêu-thụ sút giảm, việc tìm kiếm thêm thị-trường quốc ngoại sẽ tỏ ra rất cần thiết nếu muốn phát-triển việc canh-tác rau cải Đà-lạt.

Về giá cả rau, ta thấy giá rau ảnh-hưởng rất lớn vào việc trồng rau tại Đà-lạt: giá rau cao khuyến-khích nông-gia đầu-tư nhiều vào việc trồng rau cũng như gia-tăng diện-tích canh-tác, ngược lại nếu giá loại rau nào hạ, nhà vườn bắt buộc phải thu-hẹp diện-tích canh-tác hoặc chuyển hướng sang việc canh-tác các loại rau khác có giá hơn.

Giá rau thay đổi tùy theo các yếu-tố sau đây:

— Giá rau tăng theo sự gia-tăng của giá sinh-hoạt: từ năm 1960 đến nay, giá rau đã thay đổi rất nhiều, từ 4,90$ mỗi kilô năm 1960 đến nay, 27$/kg năm 1.969, trong khi đó gạo sóc nâu giá từ 5$/kg năm 1.960 cũng lên đến 28,5$ năm 1969, đối với khoai tây, giá lẽ tại địa-phương là 12,2$/kg năm 1960 lên đến 73$/kg năm 1969, và chỉ số giá tiêu-thụ tăng lên đến 700 đối với thực phẩm cho hạng lao-động (lấy năm 1959 làm căn bản).

— Giá rau thay đổi tùy theo tình trạng an-ninh các trục giao-thông: trong những thời gian các trục giao-thông từ Đà-lạt tới các nơi

Library HoangSa.Org

tiêu-thụ, nhất là miền Nam bị gián đoạn rau chở đi không được và giá rau tại Đà-lạt xuống rất thấp, và các nhà vườn hầu hết bị lỗ lã, nhất là đối với các nhà vườn trồng các loại rau cải không thể giữ lâu được như cải-bắp, cải thảo v.v...

— Giá rau thay đổi tùy theo tình-trạng sản xuất: trong các tháng mưa, việc sản xuất rau gặp khó khăn nên giá rau tương đối cao hơn về mùa khô, ngoài ra, trong những thời gian một số loại rau bị sâu bệnh phá hoại, số lượng sản-xuất bị sút giảm, và giá cả cũng lên cao.

— Giá rau cũng thay đổi tùy theo nhu cầu của giới tiêu-thụ: trong các dịp tết, giá rau thường tăng cao so với ngày thường, và qua tết giá rau thường hạ xuống.

Riêng về cải bắp, trong mấy tháng đầu năm 1970 từ sau tết, giá đã xuống rất thấp (6$/kg) khiến các nhà vườn trồng cải bắp đã bị lỗ rất nhiều.

Nói chung, vì giá rau tăng rất cao từ các năm 1966 trở lại đây, nên các nhà vườn tỏ ra có mức sống tương đối rất khả quan.

2.— *Trung-gian và chuyên-chở:*

Trừ một số ít nhà vườn có diện tích canh-tác nhỏ hẹp, tự mang rau ra chợ bán, còn hầu hết rau cải trước khi tới tay người tiêu-thụ đã phải qua các trung-gian sau:

— Nhà buôn mua rau tại các vườn rau để bán lại cho chủ xe vận tải hoặc cho các nhà buôn lớn hơn thuê xe chở về Sài-Gòn.

— Chủ xe hoặc nhà buôn chở rau về Sài-Gòn bán lại cho các chủ vựa rau tại chợ Cầu Muối.

— Chủ vựa rau bán lại cho các nhà bán lẻ.

— Các nhà bán lẻ bán lại cho người tiêu-thụ.

Việc bán rau của nhà vườn sẽ theo một trong các cách sau đây:

— Nhà buôn mua với giá trước: trước khi thu-hoạch một thời gian từ một tháng trở lại, các nhà buôn sẽ vào từng vườn để mua luôn đám rau với giá cả thị-trường lúc bấy giờ, tiền được trả trước một phần và sẽ trả hết khi thu-hoạch xong, đám rau trong khi chờ đợi thu-hoạch sẽ vẫn do nhà vườn chăm sóc, việc thu-hoạch rau thường do nhà buôn đảm nhiệm, đôi khi vì khó có thể ước lượng được số lượng có thể thu-hoạch được là bao nhiêu như trường hợp khoai tây, người mua thường cân kilô để tính tiền với nhà vườn khi thu-hoạch.

Library HoangSa.Org

— Nhà buôn mua với giá như sau: nhà vườn có thể giao rau của họ cho nhà buôn chở đi Sài-Gòn bán, sau khi bán xong nhà buôn mới tính tiền và trả cho nhà vườn tùy theo giá họ đã bán được tại Sài-Gòn. Thể thức bán này thường chỉ được thực hiện giữa các nhà vườn và nhà buôn đã từng tín nhiệm nhau, và các nhà vườn này thường được mượn tiền trước để trồng rau hoặc mua chịu phân bón, thuốc sát trùng, nông cơ nông cụ của nhà buôn.

Rau cải Đà-lạt thường được chuyên chở tới nơi tiêu thụ bằng các phương tiện sau đây:

— Đường bộ: hầu hết rau cải thường được chuyên chở bằng đường bộ từ Đà-lạt đến Sài-Gòn hoặc các tỉnh miền Trung. Một phần lớn do xe của các nhà buôn chở đi, một số rất ít do các tư nhân khác tự ý chở đi.

— Đường hàng không: một số rất ít cũng được chở đi các nơi nhất là các tỉnh miền Trung bằng Hàng Không Việt-Nam. Trước đây các loại rau bán cho các đơn vị đồng minh cũng được chở bằng đường Hàng Không tại Phi Trường Cam-Ly.

Vấn đề quá nhiều trung gian và việc các trung gian có toàn quyền trong việc ấn định giá cả rau tại thị trường đã khiến cho giá rau từ nơi sản xuất tới tay giới tiêu thụ lên quá cao, vì vậy mà chính phủ của nền đệ I Cộng Hòa đã cho thành lập Hợp Tác Xã Rau Đà-lạt với mục đích nâng đỡ các nhà vườn bằng cách thu góp rau của xã viên để chở về vựa rau do Hợp Tác Xã đỡ đầu bán hộ xã viên, và mua về bán rẻ cho xã viên phân bón, thuốc trừ sâu bệnh, nông cơ nông cụ. Nhưng tiếc thay Hợp Tác Xã Rau Đà-lạt đã thất bại vì(1) Nghiệp Đoàn các vựa rau chợ Cầu Muối chèn ép bằng cách phá giá rau (2) Hợp Tác Xã thiếu kinh nghiệm về vấn đề thương mãi nên bị thua lỗ (3) các xã viên thiếu ý thức về quyền lợi đoàn thể (4) Chính Quyền tỏ ra thờ ơ không thực tâm giúp đỡ Hợp Tác Xã. Chính vì sự thất bại của Hợp Tác Xã Rau Đà-lạt mà việc thu mua rau, việc ấn định giá cả cũng như việc cung cấp phân bón thuốc sát trùng, nông cơ nông cụ ngày nay đều do các nhà buôn đảm nhiệm hầu hết, Hợp Tác Xã Rau Đà-lạt chỉ còn sống thoi thóp với một số rất ít dịch vụ về cung cấp nông cơ nông cụ mà thôi.

Để cải thiện tình trạng quá nhiều thương gia, và cũng để nâng đỡ các nhà vườn, không gì hay hơn là phải phát triển trở lại Hợp Tác Xã Rau Đà-lạt, để một mặt bán rau giúp xã viên, mặt khác hướng dẫn xã viên trong vấn đề sản xuất rau, về kỹ thuật canh tác cũng như định hướng loại rau trồng cho thích hợp với từng vùng và với nhu cầu thị trường

Library HoangSa.Org

đồng thời cung cấp cho xã viên với giá rẻ các loại nông cơ nông cụ và vật phẩm cần thiết trong việc trồng rau (phân bón, thuốc sát trùng v.v...). Nhưng muốn phát triển trở lại Hợp Tác Xã Rau Đà-lạt, các vấn đề quan trọng cần phải được lưu ý, đó là:

— Chính quyền cần phải quyết tâm giúp đỡ tổ chức này, nhất là để chống lại mọi sự chèn ép của các chủ vựa rau tại chợ Cầu Muối.

— Các xã viên phải ý thức rõ ràng về quyền lợi lâu dài của họ, đừng bị để các mối lợi trước mắt do các nhà buôn đưa ra mà xiêu lòng.

Hợp Tác Xã cần có một kỷ luật cứng rắn kèm theo với việc giác ngộ và giáo dục đối với các xã viên thiếu tinh thần đoàn thể. Các nhân viên về quản lý cần phải có một tinh thần hăng say làm việc và trong sạch.

3.— Vấn đề chi thu trong việc sản xuất rau cải:

Cũng như bất cứ ngành sản xuất nào, vấn đề chi thu rất quan trọng cho việc sản xuất rau cải tại Đà-lạt. Tuy nhiên, cũng như các nông gia trong các ngành canh tác khác, lợi tức của các nhà vườn trồng rau không hẳn là số thặng dư giữa thu và chi, mà hầu hết là họ lấy công làm lời, vì lẽ khi phân tách về chi và thu, ta thấy nhiều khi số thu còn nhỏ hơn số chi, nhất là những lúc mà giá cả các loại rau xuống thấp trong khi giá cả phân, thuốc sát trùng nông cụ lên cao. Lý do để giải thích tại sao các nhà vườn vẫn sống tạm đầy đủ mặc dù số chi nhiều khi bằng hoặc lớn hơn số thu là trong tổng số chi phí, phần chi và nhân công chiếm khoản 50% mà nhân công hầu hết nhà vườn đều tự cung cấp, khiến cho tổng số chi bằng tiền mặt rất thấp, và số thu bao giờ cũng lớn hơn số chi tiền mặt (nghĩa là nếu bị lỗ trong việc trồng rau thì các nhà vườn sẽ chỉ lỗ một phần công trong khi nếu phải bỏ tiền ra mướn nhân công thì họ sẽ bị lỗ tiền mặt).

Để cải thiện tình trạng chi thu trong việc trồng rau, tức là để nâng cao lợi tức về canh tác rau cải, ta cần phải áp dụng các biện pháp sao cho sai biệt giữa thu chi càng lớn càng tốt, tức là phải tăng thu bằng cách bảo đảm giá cả rau, tăng năng xuất cũng như phẩm chất rau, đồng thời giảm chi tới mức có lợi nhất bằng cách hợp lý hóa việc sử dụng phân bón, thuốc trừ sâu bệnh, cơ giới hóa trong các giới hạn có thể áp dụng được để giảm bớt chi phí về nhân công.

Sau đây là bản ước tính sơ lược về vấn đề chi thu của các loại rau cải quan trọng tại Đà-lạt, Tuyên-Đức, đó là cải bắp và khoai tây.

Library HoangSa.Org

BẢNG ƯỚC TÍNH CHI-THU CỦA MỘT MẪU CẢI BẮP: (Canh-tác trong mùa khô)

A.— PHẦN CHI:

Liệt kê các chi-phí	*số lượng*	*giá đơn vị*	*giá thành*	*cước-chú*
Nhân công:				
— Nĩa đất	80cđô	500$	40.000$	cđô: công
— Lên luống, bón phân và làm cỏ vun gốc	100cđô	500$	50.000$	đàn ông cđb: công
— Trồng	30cđb	400$	12.000$	đàn bà
— Tưới nước	300cđô	400$	120.000$	
— Xịt thuốc	100cđô	500$	50.000$	
Vật liệu:				
— Cây con giống	22.000	0,5$	11.000$	tính giá
— Phân cá các loại	10 tấn	20.000$	200.000$	vốn sản
— Phân hóa học	40 bao	800$	32.000$	xuất cây
— Thuốc trừ sâu bệnh các loại			60.000$	con
— Nhiên huợt liệu chạy máy bơm nước			10.000$	
Linh linh:				
— giảm trái nông-cơ, chi phí nông-cụ, đất			15.000$	
Tổng cộng:			600.000$	

B.— PHẦN THU:

— Năng-suất thu-hoạch: 2kgs × 20.000 cây = 40.000kgs
— Giá bán trung bình tại vườn: 18/kilô
— Tổng số tiền thu: 18$ × 40.000kgs = 720.000$

C.— KẾT QUẢ:

— Tiền lời: 720.000 — 600.000$ = 120.000$
— Tỷ-lệ lời trên vốn đầu tư: $\frac{120.000\$}{600.000\$} = 30\%$

Library HoangSa.Org

BẢNG ƯỚC TÍNH CHI-THU MỘT MẪU KHOAI TÂY: (Canh-tác trong mùa khô)

A.— PHẦN CHI:

Liệt kê các chi-phí	*số lượng*	*giá đơn vị*	*giá thành*	*cước-chú*
Nhân công:				
— Nĩa đất	80cđô	500$	40.000$	cđô: công đàn ông
— Lên luống, bón phân và làm cỏ vun gốc	100cđô	500$	50.000$	cđb: công đàn bà
— Trồng	40cđb	400$	16.000$	
— Tưới nước	270cđb	40c$	108.000$	
— Xịt thuốc	80cđô	500$	40.000$	
— Thu-hoạch	100cđb	400$	40.000$	
Vật-liệu:				
— Khoai giống	1.200kgs	100$	120.000$	
— Phân cá	5 tấn	20.000$	100.000$	
— Phân chuồng	10 th. kh	2.000$	20.000$	
— Thuốc trừ sâu bệnh các loại			20.000$	
— Phân hóa chất	25 bao	800$	20.000$	
— Nhiên huợt liệu chạy máy bơm nước			10.000$	
Linh tinh:				
— Giảm trái nông cơ nông cụ, địa-tô			16.000$	
Tổng cộng:			600.000$	

B.— PHẦN THU:

— Năng suất thu-hoạch : 15 tấn/Ha
— Giá bán tại vườn : 50$/kilô
— Tổng số tiền thu : 50$ × 15.000kgs = 750.000$

C.— KẾT QUẢ:

— Tiền lời: 750.000$ — 600.000$ = 150.000$
— Tỷ-lệ lời trên vốn đầu-tư: $\frac{150.000\$}{600.000\$} = 25\%$

Library HoangSa.Org

Nhận xét về tình-trạng chi-thu trong việc trồng cải bắp, ta nhận thấy :

— Chi phí về nhân công tưới nước lên tới 120.000$ và chi phí về nĩa đất là 40.000$, nếu ta dùng hệ thống tưới tự-động (sprinkler) và dùng máy cày để cày đất thì chi phí cho cả 2 công tác trên chỉ cần khoảng 40.000$, tức là giảm chi được tới 120.000$, so với số vốn đầu tư.

— Phân cá các loại tốn tới 200.000$, nếu thay 10 tấn phân cá bằng 50 thước khối phân chuồng, chi phí chỉ còn 100.000$ tức là giảm bớt được thêm 100.000$ nữa (17% so với vốn đầu tư).

— Phối hợp cả 2 biện pháp giảm chi cùng một lúc, số vốn đầu tư để trồng 1 Ha cải bắp sẽ còn 380.000$, khi đó tỷ-lệ lời trên vốn sẽ suýt soát 90%.

Đối với tình-trạng chi-thu của khoai tây ta thấy :

— Chi phí cho việc nĩa đất và tưới là 148.000$, nếu cơ-giới hóa, ta có thể giảm bớt khoảng 100.000$ tức 17% tổng phí.

— Việc sử-dụng phân cá tốn tới 100.000$, nếu thay thế bằng 30 m^3 phân chuồng thì chi phí có thể giảm bớt được 40.000$ tức 7% tổng phí.

— Phối hợp cả 2 biện pháp giảm chi cùng một lúc, đồng thời thay thế khoai vàng bằng các giống khoai hồng (Désirée, Urgenta) giá khoai sẽ tới trên 60$/kilô, số chi trường hợp này sẽ là 460.000$ so với số thu là 900.000$, tỷ-lệ lời trên vốn đầu tư gần 100%

4.— Triển-vọng tương-lai :

Việc canh-tác rau-cải tại Đà-lạt cũng như mọi ngành sản-xuất khác không tránh khỏi sự chi phối của luật cung-cầu : số cung càng cao nghĩa là số lượng rau sản-xuất càng nhiều thì giá cả càng hạ bớt, ngược lại số cầu càng lớn thì giá cả càng cao. Trên lý thuyết, biểu tuyến cung và cầu dưới đây sẽ gặp nhau tại một điểm E gọi là điểm quân-bình (hình 1) tại đó số cung và cầu cân bằng nhau và giá cả sẽ được giữ vững, nhưng trên thực-tế có nhiều yếu-tố khác đã ảnh hưởng mạnh mẽ làm giá cả thay đổi không chừng, đó là :

— Tình-trạng giao-thông giữa Đà-lạt tới các nơi tiêu-thụ : những khi giao-thông bị gián đoạn ngắn hoặc đài hạn, giá cả rau hạ xuống rất thấp.

— Tình-trạng mùa màng : Giá rau có thể lên rất cao khi tình trạng

Library HoangSa.Org

khan hiếm xảy ra bởi sự hư-hại của mùa màng do thời-tiết hoặc sâu bệnh gây nên (phần nhiều xảy ra trong mùa mưa).

— Mức cầu gia-tăng đặc-biệt trong các dịp tết, hoặc những khi thị-trường được mở rộng thêm (xuất cảng hoặc bán cho các đơn-vị quân-đội đồng-minh).

Giá cả rau cải Đà-lạt đã gia-tăng rất lớn từ năm 1963 tới nay, nhưng đồng thời giá sinh hoạt cũng gia tăng không ít, vì vậy rất khó mà kết luận được rằng việc canh-tác rau-cải có triển vọng phát triển trong tương lai gần đây hay không nếu không căn-cứ vào tỉ-số đồng suất giữa tỷ-lệ gia-tăng giá cả rau và tỷ-lệ gia-tăng giá tiêu thụ. Tỷ-lệ gia-tăng về giá cả rau từ năm 1963 tới năm 1970 là 900% so với tỷ-lệ gia-tăng về giá tiêu-thụ của hạng lao-động là 640%, tỷ-số đồng-suất đã có các con số 119 (1964), 131 (1965), 155 (1966), 139 (1967), 123 (1968), 136 (1969) và 146 (1970) (hình 2).

Tỷ-số đồng-suất luôn luôn có trị-số trên 100 suốt từ năm 1963 trở về sau chứng tỏ rằng mặc dù giá sinh-hoạt có gia-tăng rất nhiều, nhưng việc canh-tác rau cải vẫn đem lại cho nông-dân nhiều lợi tức hơn, và càng ngày càng thu-hút nhiều người đầu-tư vào việc trồng rau hơn trước. Trong thực-tế, cuộc sống của các nhà vườn trồng rau ngày càng dễ chịu hơn, diện tích canh-tác rau ngày càng mở rộng hơn, việc đầu tư vào ngành trồng rau càng ngày càng lớn đã chứng tỏ hùng hồn sự phát-triển càng ngày càng gia-tăng của ngành sản-xuất rau cải Đà-lạt đúng như kết luận dựa vào các con số về tỷ-số đồng-suất nêu trên.

III. KẾT LUẬN:

Rau cải Đà-Lạt là một loại nông phẩm tối cần thiết, và chính việc trồng rau cải cũng đem lại cho các nhà trồng rau tại Đà-Lạt, Tuyên-Đức một đời sống tạm đầy đủ, vì vậy vấn đề sản-xuất rau cải Đà-lạt cần được chính quyền lưu tâm để cải-thiện ngõ hầu tăng mức sản-xuất cung ứng cho nhu cầu quốc nội, tăng lợi tức canh-tác rau để nâng cao mức sống các nhà vườn, và trong tương lai có thể xuất cảng để đem về cho quốc gia một số lượng ngoại tệ quan-trọng.

Muốn thực hiện được các mục tiêu tốt đẹp kể trên, chính phủ cần phải có một chính sách rõ rệt để phát triển ngành sản xuất này bằng cách đào tạo chuyên viên, khuyến khích sản-xuất trong xứ hạt giống, thuốc trừ sâu bệnh, phân bón, nông-cơ nông cụ, bảo vệ giá cả rau bằng cách phát triển trở lại tổ chức Hợp-tác xã Rau Đà-Lạt, hướng dẫn nông

Library HoangSa.Org

dân về kỹ thuật canh-tác để tăng gia năng suất và mức sản-xuất, cũng như lựa chọn loại rau canh-tác sao cho thích hợp với từng địa phương, đáp ứng nhu cầu của thị trường.

VŨ VĂN TIẾP
Trung Tâm Nghiên Cứu Nông Nghiệp Đà-Lạt

CÔNG-TY GIẤY VÀ HÓA-PHẨM ĐỒNG-NAI
(Socicété de Papeterie et de Produits Chimiques du DONNAI)

COGIDO

CÔNG-TY NẶC-DANH VỐN 799.680.000$00
Văn-Phòng Hành-Chánh : *2 B, Nguyễn-Huy-Tự — DADAO*
ĐT : 41.049 — 92.466
Nhà máy *An-Hảo — Biên-Hòa*
Văn-Phòng Thương-Mại : *63-65, Đại-lộ Hàm-Nghi, SAIGON*
Điện thoại : 25.659 — 20.481 — 24.849

▽

CHUYÊN SẢN-XUẤT CÁC LOẠI

Giấy viết	Bìa mềm
Giấy in	Bìa xám
Giấy RONÉO	Bìa rơm
Giấy gói	Bìa DUPLEX
Giấy BRISTOL	Bìa TRIPLEX

NGANG HÀNG VỚI SẢN-PHẨM NGOẠI-QUỐC

Library HoangSa.Org

QUẦN-THỤ THÔNG 3 LÁ Ở CAO-NGUYÊN ĐÀ-LẠT: MỘT TÀI-NGUYÊN THIÊN-NHIÊN QUAN-TRỌNG CẦN PHẢI CỨU VÃN

▽ NGUYỄN-HỮU-ĐÍNH và NGUYỄN-HỮU-HÀI
Hoài niệm đất nước thân yêu, non sông gấm vóc, đang bị chiến tranh tàn phá

Người du-khách từ Sài-gòn lên Đà-lạt, theo quốc-lộ 20, sau khi đã đi qua các địa-điểm Định-quán, Bảo-lộc, Di-linh, Lang-hanh, hoặc từ Phan-rang lên, theo quốc-lộ II sau khi đi qua Tân-mỹ, Sông-pha, đèo Ngoạn-mục, Đơn dương, Trạm-hành..... đều có cảm-tưởng rất rõ là mình đã theo triền-dốc một quần-sơn mãnh-liệt, với những khu rừng, những quần-thụ rất biến-thiên, về trạng thái cũng như thảo-mộc. Mỗi nơi phong-cảnh mỗi khác, hùng-vĩ, xinh-xắn, lắm chỗ bất ngờ. Và ấn-tượng chung, sau một thời-gian ở Đà-lạt là nơi đây không khí trong sạch, mát dịu, với những rừng Thông thanh cao quyến rũ. Khi rời Đà-lạt, người du-khách không khỏi mến-tiếc, mong được có ngày tái ngộ, như mong được gặp lại một người bạn vừa mới chia tay.

Người chuyên-viên lâm-nghiệp lên đây cố nhiên cũng không sao tránh khỏi những ý-nghĩ và tình-cảm thông thường ấy. Nhưng họ còn nhìn sự việc với một cặp mắt khám-phá, họ tìm hiểu quá-khứ của rừng rú, qua tình trạng hiện tại, lo-lắng và e ngại cho tương lai, bởi vì họ thấy rõ vai trò của rừng núi.

Nếu ta nhìn chung vào địa-đồ, ta sẽ thấy quần-sơn Lâm-viên mà Cao-nguyên Đà-lạt nằm trùm ở chóp, với những ngọn núi cao về phía bắc và tây-bắc, là một cái thùng cao chứa nước quanh năm cho miền nam nước ta. Thật vậy, nước ấy một phần do các lưu-vực tiếp thủy hứng và đưa về theo các con sông phát nguyên từ quần-sơn, để rồi phân phối cho mọi nơi trong vùng đồng bằng, một phần thấm vào đất để dần dần chảy ra, tăng cường lưu-lượng, điều-hòa mực nước cho sông ngòi, làm cho đất đủ ẩm, cho giếng khỏi kiệt về mùa khô. Nói tóm lại, quần-sơn Lâm-viên chính là một cái bầu chứa đựng những điều kiện tất yếu để bảo-vệ và điều-hòa sự sinh-tồn cho một vùng rộng lớn ở miền nam nước ta.

Library HoangSa.Org

Ngoài vai-trò bảo-vệ và điều-hòa ấy, vai-trò kinh-tế quần-sơn Lâm-viên cũng rất quan-trọng về phương-diện rừng rú. Thật vậy, lâm-phần ở quần-sơn nầy, mới chỉ nói đến các quần-thụ Thông 3 và 2 lá đã là một kho tàng quí giá để cung-cấp nguyên-liệu cho những nhà máy giấy, ván ghép, ván sợi, ván dăm trong tương lai, chưa nói đến cây gỗ hiện đương được khai thác để dùng trong việc tạo-tác thông thường, trụ điện nông thôn...

Trong bài khảo-luận nầy, chúng tôi sẽ giới-hạn việc khảo-sát trong phạm-vi «Quần-thụ Thông 3 lá tại cao-nguyên Đà-lạt».

NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT VỀ CÂY THÔNG 3 LÁ Ở CAO-NGUYÊN ĐÀ-LẠT

Trước khi nói đến loại Thông 3 lá Đà-lạt cũng nên biết qua, các loại Thông khác tìm được ở nước ta.

A.— CÁC LOẠI THÔNG Ở VIỆT-NAM — Cho đến nay, 6 loại Thông được phát hiện trên lãnh thổ Việt-nam :

1.— *Pinus merkusii* Jungh. và De Vr. (2 lá)

2.— *Pinus khasya* Royle (3 lá)

3.— *Pinus dalatensis* De Fer. (5 lá)

4.— *Pinus fenzeliana* (?) (5 lá)

5.— *Pinus krempfii* Lecomte (2 lá dẹp)

6.— *Pinus massoniana* Lamb. (2 lá)

Hai loại đầu được biết nhiều hơn cả vì mọc thành quần-thụ lớn và rất quan trọng về phương diện kinh tế. Loại *Pinus merkusii* tạo thành những quần-thụ, có khi thuần, nhưng thường mọc chung với diệp-loại, đặc-biệt với Dầu Trabeng (Dipterocarpus obtusifolius Teysm.) như ở núi Cana (Ninh-Thuận), ở cao-nguyên Di-linh Lang-hanh..., được tìm thấy ở nhiều nơi tại Đông-Dương (Bắc-việt, Trung-việt, Cao-nguyên Trung-việt, Lào, Campuchia) từ cao-độ 600m đến 1000m, nhưng có khi cũng mọc ở cao-độ rất thấp, ở đồng bằng, (Khê-lan, Vạn-lộc — Quảng-bình — Huế, Campuchia...) Ngoài gỗ, loại *Pinus merkusii* còn cung-cấp nhựa, nhiều và rất tốt. Đó là một trong các loại Thông cho nhiều nhựa nhất trên thế giới.

Library HoangSa.Org

Loại *Pinus khasya* mọc nhiều ở cao-nguyên Đà-lạt là loại được đề cập đến trong bài khảo-luận nầy.

Loại *Pinus dalatensis* được bà Y. de Ferré, Giám-Đốc Viện Khảo-cứu Lâm-học Toulouse (Pháp) chuyên về Họ Thông đặt tên và mô tả năm 1960, là một loại Thông 5 lá (thật ra số lá không nhất định lắm, từ 4 đến 6) thuộc nhóm *Pinus excelsa* của quần-sơn Hy-mã, tìm ra được nhiều nơi, tại Trại-Mát, cách Đà-lạt 6km, tại các núi đá hoa-cương, ở phía đông đô-thị nầy, tại núi Chu-Yang-Sinh từ cao độ 1500m trở lên và khá nhiều ở đỉnh, vào khoảng 2000m. Theo ông M. Schmid, đó là một loại ưa sáng, lan tràn những nơi đất trụt, những cây tốt cao đến 40m và đường kính tới 1m. Nhưng những cây chúng tôi thấy được ở Trại-Mát, mọc riêng rẽ chung với diệp-loại, theo suối, trên đất ẩm, xem ra mảnh khảnh, không to lắm. Được tin ở phía bắc Kontum, cũng có những đám Thông 5 lá, có lẽ cũng thuộc loại *Pinus dalatensis*.

Loại *Pinus fenzeliana* — Ngày 14-5-1918, Hạt Thủy-lâm Thừa-lưu (Thừa-Thiên) đã hái tại núi Pou-Atouat, trên đường Hội-an Attopeu, giữa Huế và Bolovens, một mẫu Thông 5 lá ở cao-độ 1500m, vỹ-tuyến $15^{0}30$ Bắc. Mẫu nầy được gửi đến Viện Vạn-Vật-học Paris. Ông Auguste Chevalier, nguyên Giám-Đốc Viện Vạn-Vật-học và đã có lần qua Đông-Dương, đã nghiên cứu mẫu Thông nầy và trong một bài «Notes sur les Conifères d'Indochine» đăng ở Tạp-chí «Revue de Botanie appliquée et d'Agriculture tropicale» 1944, ông cho rằng có lẽ loại nầy thuộc loại *Pinus armandi*. Nhưng bà Y. de Ferré sau khi nghiên cứu kỹ đã quả quyết (1960) không phải như thế và mẫu Thông hái ở Pou-Atouat thuộc nhóm Pinus parviflora, và có thể là loại *Pinus fenzeliana*. Nhưng bà cho việc định loại còn thiếu chính-xác, vì mẫu thực-vật duy nhất không có trái. Ông Henri Guibier, nguyên Giám-đốc Thủy-Lâm Trung-việt, cho biết (1938), sau 1918 đã nhiều lần ông cho tìm lại mẫu Thông 5 lá nầy nhưng k hông còn được nữa. Mặc dù thiếu chính-xác trong việc định loại, loại Thông núi Pou Atouat vẫn được cơ-quan Thủy-Lâm Hoa-Kỳ xem như thuộc loại *Pinus fenzeliana* (U.S. Forest Service — Geographic distribution of the pines of the world — 1966).

Thông 5 lá lục-địa Âu-Á đều thuộc Giống phụ Cembrapinus và chia thành 3 nhóm (Y. de Ferré):

Nhóm thứ nhất: Nhóm *Pinus armandi* đặc-biệt trái lớn, thô, vẩy dày, hột không cánh, gồm có: P. armandi, P. koraiensis, P. cembra, P. sibirica.

Library HoangSa.Org

Nhóm thứ hai: Nhóm *Pinus excelsa*, trái nhỏ, dài, vẩy mỏng, hột nhỏ, có cánh và gồm có: P. excelsa, P. peuce và P. uyematsui.

Nhóm thứ ba: Nhóm *Pinus parviflora*, trái ngắn, vẩy cứng, mộc-hóa, hột tương đối lớn, có cánh, gồm có: P. parviflora, P. formosana, P. fenzeliana và P. pumila.

Như vậy, *Pinus dalatensis* De Fer. thuộc nhóm thứ hai và loại Thông tìm được ở núi Pou Atouat, phía tây Huế, thuộc nhóm thứ ba. *Pinus armandi* không có ở Việt-nam. Gần đây, nhiều tác-giả (B. Rollet, Nguyễn-Kha, M. Schmid), mặc dù sau khi bà Y. de Ferré đã mô tả rất rõ loại *Pinus dalatensis* và đã nói những khác biệt giữa loại nầy và loại *Pinus armandi*, vẫn còn lẫn lộn loại P.dalatensis và loại tìm được ở núi Pou Atouat, có khi lại còn cho rằng P. dalatensis và P. armendi (trái dài gần 20cm và đường kính trên 6cm) chỉ là một.

Loại *Pinus krempfii* — Một loại Thông khá kì dị, tìm được tại Hòn Bà (Núi Vọng-phu, Khánh-hòa), từ 1200m đến 1800m theo Poilane, tại miền thượng-lưu Sông-Mao, ở cao-độ 1350m (theo Krempf), hoặc mọc thành chòm nhỏ ở bắc và đông-bắc Đà-lạt, ở triền nam Núi Kong Klang, vào cao-độ 1800m, Bidoup..., nghĩa là một loại biệt sinh, phạm-vi sinh trưởng rất hẹp, cũng như trường hợp loại *Pinus datatensis*. Được Henri Lecomte mô tả năm 1921, đặt một giống mới, Ducampopinus (để hoài niệm ông Roger Ducamp, Quản-Thủ Thủy-Lâm Pháp, người đã tổ-chức cơ-quan Thủy-Lâm của Liên-bang Đông-Dương thuộc Pháp), và lấy tên Ducampopinus krempfii để đặt cho loại Thông lá dẹp nầy. Tuy vậy loại nầy thường được gọi là *Pinus Krempfii*.

B.— LOẠI THÔNG 3 LÁ Ở CAO NGUYÊN ĐÀ-LẠT — Thông 3 lá cao-nguyên Đà-lạt, thuộc loại *Pinus khasya* Royle, là một loại biệt sinh ở vùng Đông-Nam-Á, và gồm có nhiều thứ sinh trưởng từ phía bắc Ấn-Độ, Miến-Điện, Vân-Nam (Trung-hoa), đến Thái-Lan, Lào, Việt-nam và bắc Phi-Luật-Tân.

Ở Ấn-Độ, loại Thông 3 lá nầy mọc trên các đồi núi Khasy và Naga ở Manipur (Assam), và cũng mọc ở quần-sơn Hy-Mã, lên đến cao-độ 2 500m, trên những đất thoát nước và ở những nơi có vũ-lượng mỗi năm từ 1000 đến 2000mm.

Ở Miến-Điện những quần-thụ *Pinus khasya* chiếm những diện-tích rất lớn, từ cao-độ 800m đến 2300m, khi thì thuần-loại, khi thì mọc chung với các Diệp-loại, phần nhiều thuộc họ Dẻ. Ở đây, *Pinus khasya* ưa chuộng những nơi có vũ-lượng 1900mm trung bình mỗi năm.

Library HoangSa.Org

Ở Phi-Luật-Tân, Thông 3 lá, trước được định loại là *Pinus insularis* Endl. Nhưng theo Giáo-sư H. Gaussen (Les Gymnospermes actuelles et fossiles), thì loại nầy và loại *Pinus khasya* Royle không khác nhau, và chỉ có thể là hai thứ trong một loại. Có một điều đáng lưu ý là *Pinus insularis* ở đảo Luzon, thường mọc thành quần-thụ thuần, từ cao-độ 1000m đến 2000m mà ít khi mọc lẫn lộn với các loại khác. Phải chăng đó chỉ vì tình trạng Thông đủ dày để có thể loại được các mộc-loại khác.

Ở Thái-Lan, *Pinus khasya* mọc thành quần-thụ lớn ở phía bắc, tại miền giáp giới Mien-Điện. Nhưng ở trung và nam Thái-Lan người ta chỉ gặp những quần-thụ nhỏ riêng rẽ, không quan trọng mấy, cũng như ở Lào và phía tây nam tỉnh Vân-Nam Trung-Hoa.

Ở Việt-nam, Thông *Pinus khasya* mọc nhiều và tốt ở Cao-nguyên Đà-lạt, từ 1000m đến cao-độ ít nhất 2000m. Ngày trước cây Thông 3 lá Đà-lạt được Auguste Chevalier đặt tên là *Pinus langbianensis*, nhưng sau đó loại nầy chỉ được xem như một thứ thuộc loại *Pinus khasya* Royle.

Cũng nên đề cập đến loại *Pinus yunnanensis* Franchet mọc ở miền nam Trung-Hoa, tại tỉnh Vân-Nam. Có tác-giả (J. Greguss) cho rằng không thể phân biệt được loại *Pinus yunnanensis* Franchet với loại *Pinus khasya* Royle. Những sự khác-biệt về hình dáng giữa hai loại nầy chỉ do môi trường sinh trưởng mà thôi. Gaussen chỉ đặt nghi-vấn: có phải chăng Thông 3 lá ở Việt-Nam và *Pinus yunnanensis* chỉ là một.

Nói tóm lại, loại *Pinus khasya* Royle gồm nhiều thứ: *khasya* ở Ấn-Độ và Miến-Điện, *insularis* ở Phi-Luật-Tân, *langbianensis* ở Việt-Nam và có lẽ cả *yunnanensis* ở miền nam Trung-Hoa.

C.— *NGUYÊN LAI CỦA CÂY THÔNG 3 LÁ ĐÀ-LẠT* — Cây Thông 3 lá ở cao-nguyên Đà-lạt từ đâu đến? Cho đến nay chưa có một giả-thuyết nào được xem như có phần chắc.

Schnell, trong bài khảo-luận «Les forêts montagnardes de la région de Đà lạt» (1962), cho rằng: «Thật khó mà nghĩ rằng loại Thông nầy đến từ rất xa. Một sự vận chuyển nhờ gió đối với loại hột lượn nặng như hột Thông khó lòng đặt thành giả thuyết. Chắc chắn sự lan tràn của các rừng thông hiện tại xuất phát từ những nơi ẩn náu nhờ thổ-nhưỡng, chóp núi đá chẳng hạn, ở đó rừng dày ẩm không xâm chiếm được, nhưng những cây Thông có thể phát đạt và sinh tồn được lâu dài, có thể từ một thời kỳ khí hậu khác và trong đó chúng có một phạm-vi sinh trưởng rộng, liên-tục hoặc gần liên-tục, ở vùng Đông-Nam-Á. Ảnh

Library HoangSa.Org

hưởng của người, do các sự khai phá và nạn lửa từ một thời kỳ chắc chắn dài đã giữ một vai trò quan trọng trong việc tạo sinh các rừng Thông hiện tại ».

Bernard Rollet trong bài khảo-luận « Note sur la végétation du V.N. au Sud du 17 ème parallèle Nord » (1960) cũng có ý kiến tương-tự: « Cũng khó mà nói chính xác được nguyên lai của các loại Thông. Gần chắc là Thông ở đây xuất phát từ những loại xưa còn sót lại. Lửa đã duy trì và phân tán chúng từ các đỉnh núi. Có những thí dụ ở vùng ba biên giới tại đó *Pinus merkusii* mọc thành những quần-thụ nằm xen vào giữa rừng dày ẩm, hoặc những cây mọc riêng rẽ và hiếm hoi ở bìa rừng dày ẩm hay ở trên những vết đất khô khan, cằn cỗi ».

Ý kiến của M. Schmid, trong bài « Les gymnospermes de la partie orientale indochinoise » (1964) có phần táo bạo hơn : « Những đại-diện của các họ tùng-loại khác (trong đó có họ Thông), tuồng như xuất phát từ những yếu-tố di cư đã theo các đỉnh núi nối tiếp từ Vân-Nam đến Đà-lạt. Sự di cư ấy đã ngưng lại ở phía tây nam, theo châu thổ sông Cửu-Long. Vì vậy các loại do quan-hệ Hy-Mã Trung-Hoa chi phối không vào được quần-sơn Cardamomes, dọc theo Vịnh Thái-Lan ».

Theo giả-thuyết trên, ta có thể tự hỏi phải chăng *Pinus khasya* đã từ bắc Miến-điện và Vân-Nam, tiến dần theo dãy Trường-sơn, xuống đến quần-sơn Lâm-viên, đã ngưng lại đây và không qua được quần-sơn Cardamomes vì châu thổ sông Cửu-Long? Ở cao-nguyên Lâm-viên, cây Thông 3 tá đã gặp những điều-kiện thuận-tiện, đất thoát nước, rẫy, cháy rừng, cao-độ thích nghi, vũ-lượng và ẩm-độ không khí vừa phải... để phát triển và lan tràn. Nhìn kỹ địa đồ khu vực sinh trưởng của cây Thông 3 lá *Pinus khasya* (xem địa đồ) ta thấy giả-thuyết nầy khá hấp dẫn, nhưng cố nhiên, vẫn chỉ là một giả-thuyết và không giúp ta hiểu được sự hiện diện của loại nầy (thứ insularis) ở bắc Phi-Luật-Tân.

Về sản-lực trung bình mỗi năm trên mỗi hecta của rừng Thông 3 lá đúng mực cho đến nay chưa được nghiên cứu một cách chính xác ở V. N. Tuy nhiên ở những nơi khác, nhiều tác-giả đã cho những con số rất khả quan. Ở Nan Phi (Afrique du Sud), từ 10 đến 14 m^3/ha/năm (U. Aung Din — L'utilisation des pins dans les régions tropicales — Unasylva — 1958). Ở Malagasy (Madagascar) cũng như ở Cameroun, những cuộc thí nghiệm có theo dõi cho biết sản-lực trung bình của *Pinus khasya*, đến 15 tuổi là 15-20 m^3/ha/năm (gỗ làm bột giấy) và đến 40 tuổi

Library HoangSa.Org

là 16 m^3/ha/năm (gỗ tạo tác) (Centre Technique Forestier Tropical — Les plantations de Pins à Madagascar et au Cameroun — 1966).

Những con số trên rất mỹ-mãn nếu đem so sánh với rừng diệp-loại thường (không kể các loại Bạc-hà và Dương-liễu), chỉ được 2-5 m^3/ha/năm.

Ở nước ta vấn đề chưa được nghiên-cứu chính-xác. Tuy vậy sản-lực Thông 3 lá chắc chắn là trên 10 m^3/ha/năm ở đất trung bình, nếu chúng ta chỉ đưa ra một số khiêm-tốn.

D.— MÔI-TRƯỜNG SINH-TRƯỞNG — Chúng ta không thể nói đến cây Thông 3 lá *Pinus khasya* mà không đề-cập đến cây Thông 2 lá *Pinus merkusii* để so sánh, nhất là về phương diện điều-kiện môi-trường. Vì vậy khi nghiên cứu về cao-nguyên Đà-lạt là nơi sinh sống của cây Thông 3 lá, chúng ta cũng phải nói qua cao-nguyên Di-dinh là nơi sinh sống của cây Thông 2 lá, mới hiểu rõ được sự khác-biệt của hai loại Thông nầy về phương-diện sinh thái.

Nhìn một cách tổng quát, hai cao-nguyên Đà-lạt và Di-linh nằm kế cận, cao-nguyên Đà-lạt ở phía đông bắc và cao-nguyên Di-linh ở phía tây nam. Cao-nguyên Đà-lạt là một bình-nguyên lồi lõm cao-độ 1500m, và cao-nguyên Dil-inh cũng là một bình-nguyên lồi lõm cao-độ trên dưới 1000m. Ở phía tây bắc và đông bắc cao-nguyên Đà-lạt lại có những chóp núi cao, tương đối không cao thấp hơn nhau bao nhiêu và cao vào khoảng trên 2000m. Nhưng chóp núi chính là :

Langbian (Núi Bà)	2153m
Bi-doup	2297m
Chu-Yang-Sinh	2405m

Cao-nguyên Đà-lạt gồm một tập-thể đồi bằng bằng, triền ít dốc, hoặc trọc, hoặc có rừng thuần-loại Thông 3 lá, dày thưa tùy chỗ, hoặc bao trùm bởi những rừng dày ẩm diệp-loại, không hoặc có tùng-loại mọc xen, nhiều hay ít, ở những nơi thung lũng ẩm ướt, hoặc ở những triền dốc hiểm trở không bị nạn du canh hoặc cháy rừng.

Về phía bắc, như đã nói ở trước, cao-nguyên Đà-lạt giáp với các chóp núi cao thường cấu tạo bằng đá hoa-cương. Về phía đông là bờ dốc đưa về đồng bằng Phan-rang và phía nam là bờ dốc đưa xuống cao-nguyên Di-linh. Bờ dốc nầy cao khoảng 500m, cấu tạo bằng đá hoa-cương về

Library HoangSa.Org

phía tây nam, và đá dacite về phía nam. Về phía tây, bờ dốc cũng rất rõ và cũng đổ về cao-nguyên Di-linh.

Chúng ta có thể nói một cách khái quát rằng cao-nguyên Đà-lạt chính là phạm-vi sinh trưởng của cây Thông 3 lá *Pinus khasya*, và cao-nguyên Di-linh, phạm vi sinh trưởng cây Thông 2 lá *Pinus merkusis*.

Chúng tôi không đề cập đến các yếu-tố của môi-trường sinh-trưởng của cây Thông 3 lá, bởi vì số Tập-san Sử Địa nầy dành riêng cho Đà lạt, và đã có những bài khảo-luận rõ ràng và đầy đủ về các yếu tố nói trên.

NHỮNG HIỂM HỌA HIỆN ĐƯƠNG ĐE DỌA CÁC QUẦN-THỤ THÔNG 3 LÁ — PHƯƠNG-TIỆN VÀ CÔNG-TÁC CẢI-THIỆN.

CÁC HIỂM HỌA HIỆN ĐƯƠNG ĐE DỌA CÁC QUẦN-THỤ THÔNG 3 LÁ:

1.— *Nạn rẫy và nạn lửa:* Rầy mở cửa cho lửa vào ở rừng dày ẩm. Người ta thường nói rừng dày ẩm bị khai phá để canh tác về nông nghiệp nếu không trồng trọt nữa và bỏ hoang lâu ngày sẽ trở lại tình trạng rừng dày ẩm như xưa. Kinh nghiệm cho biết đó là những ý nghĩ không tưởng và trong thực tế, không bao giờ có việc như vậy. Rừng dày ẩm bị phá không trở lại như xưa.

Đối với rừng thông ở những triền dốc đất còn tốt, các quần-thụ hoặc hỗn loại (Thông, Dẻ và các diệp-loại khác mọc chung) hoặc thuần loại, hay gần thuần, vẫn bị nạn rẫy. Lửa rừng do nạn rẫy gây nên rất tai hại và dễ lan tràn. Người Thượng hạ cây và đốt rẫy vào cuối mùa khô, khi mùa mưa sắp đến. Vì vậy sức lửa gặp những điều kiện thuận tiện lan tràn rất mạnh. Nạn rẫy, nạn lửa sẽ dần dần đưa rừng thông đến tình trạng đất trụi, lúc đầu với cỏ cao, dần dần với cỏ thấp. Nạn xoi mòn sẽ hoành hành và đất sẽ thoái hóa đến độ không trồng trọt hoặc gây rừng lại được nữa, trừ trường hợp bỏ tiền rất nhiều để vượt qua khó khăn.

Nạn cháy không những chỉ nguy hiểm đối với rừng thông thiên nhiên mà cũng rất nguy hiểm đối với các quần-thụ nhân tạo. Vì nạn cháy rừng mà tất cả các chu vi trồng thông ở Đà-lạt đều bị hư hỏng và

Library HoangSa.Org

ngày nay sau bao nhiêu năm công tác, kết quả thu thập được thật không mấy khả quan.

Nhưng có một sự kiện cần phải được lưu ý: Nếu chúng ta bài trừ được lửa rừng, thì rừng Thông 3 lá sẽ tiến hóa đến một loại rừng khác không? Các diệp loại có thể dần dần cạnh tranh với cây Thông, vì các diệp loại ngăn chặn cây Thông tái sinh thiên nhiên và loại dần hẳn cây Thông. Đó là một giả thuyết mà nhiều tác giả cho là chắc chắn. Auguste Chevalier cho rằng cây Thông là mộc loại tiền phong cho một loại rừng tương lai gồm nhiều diệp loại (Notes sur les conifères de l'Indochine — 1944) Jules Vidal, trong tác phẩm «La végétation du Laos» (1960) sau khi nhận xét về rừng thông *Pinus khasya* ở Trấn Ninh, cho rằng các giai đoạn tiến hóa của rừng Thông ở đây có thể như sau:

a) Rừng Thông chiếm dần các đồi cỏ

b) Dần dần có Ngo tùng (*Keteleeria*) mọc thêm

c) Thông + *Keteleeria* + các diệp loại

d) Thông biến mất dần dần, các loại Quercus xuất hiện *(O. Griffithii* và *Q. Serrata)*

e) *Kateleeria* biến dần các loại Quercus mọc nhiều thêm và trở thành mộc loại đa số cho loại rừng thưa.

Nhưng J. Vidal thêm rằng tại Trấn-Ninh cũng như các nơi khác có rừng Thông ở Lào, nạn lửa đang hoành hành ngăn chặn sự tiến hóa nói trên.

Ở cao nguyên Đà-lạt chúng ta có thể tin vào giả thuyết rừng Thông 3 lá sẽ có thể dần dần bị loại để dành chỗ cho các diệp loại nếu nạn lửa hoàn toàn được bài trừ. Nhưng chúng ta cũng nhận thấy rằng ở những quần thụ Thông 3 lá tốt và đủ dày, những diệp loại ở tầng dưới rất yếu, hoặc không có. Sự kiện nầy cho ta tin rằng một khi chúng ta có những công tác dưỡng lâm, thể chế và điều chế hợp lý để có những quần thụ Thông 3 lá tốt và dày, chúng ta có thể cố định tình trạng quân bình của một loại rừng Thông 3 lá thuần, không bị các diệp loại chen lấn.

Nhưng một vấn đề được nêu lên: chúng ta nên có những quần thụ Thông 3 lá thuần loại, hay hỗn loại mọc lẫn lộn với các Diệp loại. Cố nhiên về phương diện kinh tế, quần thụ thuần loại có rất nhiều ưu điểm: khai thác dễ, lượng mộc liệu thuần khai thác một lần được

Library HoangSa.Org

nhiều hơn, để dùng vào trong một mục đích kỹ nghệ nhất định, như để làm bột giấy. Về phương diện kỹ thuật thể chế và điều chế, quần thụ thuần cũng có nhiều ưu điểm : công tác giản dị hơn, rừng chỉ gồm có một tầng, một mộc loại ưu sáng, ra trái nhiều, tái sinh dễ.

Nhưng về phương diện thổ nhưỡng, dưỡng lâm và tương lai của quần thụ, tính chất thuần của rừng sẽ có nhiều nhược điểm quan trọng. Ở Pháp, vấn đề đã được nghiên cứu nhiều, đối với các quần thụ Thông thuần loại và kinh nghiệm ở đó cho biết « Lúc đầu kết quả rất mỹ mãn về phương diện kinh tế. Nhưng về sau kết quả rất tai hại. Đất xấu thêm, sản lực xuống, quần thụ thiếu quân bình, dần dần sẽ bị tiêu diệt vì lửa rừng, bịnh tật hay sâu bọ » (P. Duchaufour — Précis de Pédologie — 1965) Giáo sư Henri Gaussen, trong tác phẩm « Les Gymnospermes actuelles et fossiles », cũng không nghĩ khác và khuyên trồng lẫn lộn trong rừng Thông các diệp loại làm cho lớp mùn bớt acid, nhiều dưỡng chất, và làm cho đất tốt hơn. Ngoài ra, các diệp loại mọc tầng dưới giữ cho đất ẩm hơn, làm cho lớp cỏ cao không mọc được, và nạn cháy nhờ vậy được giảm bớt nhiều.

Nói tóm lại chúng ta có thể nghĩ rằng một quần thụ Thông 3 lá tốt nhất sẽ là một quần thụ hỗn loại gồm có :

— Một tầng trên Thông mật độ khá dày. Số cây trên mỗi hecta cần phải được nghiên cứu, tùy theo công dụng của rừng : gỗ cưa (tạo tác) gỗ lạng khoanh, gỗ làm trụ điện, trụ mỏ, gỗ làm bột giấy v.v...

— Một tầng dưới gồm những diệp loại nhỏ cây, che phủ đất, mục đích để chống nạn lửa rừng, làm cho đất tốt, giữ đất ẩm. Tầng dưới nầy có thể là cây hạt hoặc chồi.

Chúng ta có thể lựa trong các mộc loại thiên nhiên mọc chung với thông 3 lá, những loại có đủ tính cách nói trên và mọc được dưới bóng vừa.

— Về phương diện kinh tế, Thông của từng trên là mộc loại chính. Tầng dưới chỉ dùng vào việc làm củi, than, hoặc gỗ tạo tác nhỏ, dụng cụ, trụ chống, hàng rào v.v... tuy không quan trọng lắm, nhưng vẫn rất hữu ích và có thể cung cấp lợi tức đủ để bù đắp các chi phí công tác như chống nạn lửa rừng, nạn thả súc, công tác dưỡng lâm v.v...

2.— *Nạn thả súc* — Nạn thả súc hiện giờ ở cao-nguyên Đà-lạt không trầm trọng lắm, bởi vì số gia súc tương đối không nhiều, nhưng vẫn phải cần được lưu ý. Chúng ta chỉ cần nhìn kỹ những nơi ít cây

Library HoangSa.Org

hay cây còn nhỏ có thả súc vật, thì sẽ thấy hậu quả tai hại của nạn thả súc. Cây con không lên nổi, chết dần vì trâu bò, ngựa chà đạp. Những cây đã lớn lên được, cao độ 3-5m thì cây quăn queo, gãy nhánh, đứng xơ xác, xiêu vẹo không khác gì những người tật nguyền, cụt tay cụt chân. Lẽ tất nhiên, những cây như vậy thì làm sao mà lớn được, làm sao mà có thể trở nên những quần-thụ có giá trị.

Chúng ta thường không lưu tâm đúng mức đến nạn trâu bò (chỉ nói trâu bò vì đó là hai gia súc nhiều nhất ở xứ ta) nhưng thật sự đó là một tai nạn lớn, nhất là đối với những quần-thụ cây còn nhỏ, thiên nhiên hoặc nhân tạo. Cấm ngặt trâu bò là một việc tuyệt đối phải được thi hành. Đó là một việc không phải dễ như người ta có thể nghĩ. Nạn trâu bò âm thầm, không ồ ạt nhưng chắc chắn và rất khó bài trừ vì tính cách âm thầm của nó. Ngoài sự phá phách cây, trâu bò còn làm cho đất đẹ, một sự rất bất lợi cho sự tái sinh thiên nhiên, và ở những nơi triền dốc, luống đi gia súc, lâu ngày sẽ trở thành những đường nước chảy, dẫn đến nạn xoi mòn mãnh liệt — chưa nói đến nạn cháy do trẻ chăn trâu bò gây nên.

Để bài trừ tai nạn trâu bò, việc rào các chu vi trồng cây, cũng như những quần-thụ mới tái sinh thiên nhiên phải được thực hiện ở những nơi cần. Đó là những công tác rất tốn kém. Để khỏi rào dậu, việc thả súc phải được định khu vào những nơi nhất định đối với dân làng thượng. Đối với các chủ chăn nuôi to lớn, phải có những đồng cỏ nhất định, không được tự do thả súc, có thể gây thiệt hại nặng cho lâm phần quốc gia. Trong đạo lâm luật sau nầy của nước ta, nên lưu ý đến vấn đề thả súc một cách chu đáo và dự liệu những hình phạt thích đáng.

3.— *Nạn khai thác hỗn loạn* — Nạn khai thác không tổ chức, hỗn loạn, thiếu hoặc không kiểm soát hiện đương hoành hành ở xứ ta, chắc chắn sẽ đưa lâm phần chúng ta đến chỗ thoái hóa trong tương lai gần, và hủy diệt trong tương lai xa. Nói riêng về các quần thụ thông 3 lá, việc khai thác vô tổ chức lại còn nguy hiểm hơn nữa, bởi vì rừng thông thường nằm trong những điều kiện quân bình dễ khuynh đảo. Sự khai thác lâm diện một cách hỗn loạn, không có công tác dưỡng lâm thích hợp, có thể làm cho lớp cỏ mọc lên, gây nạn cháy rừng, làm đất xoi mòn và thoái hóa mau chóng. Hiện nay việc tái sinh thiên nhiên của rừng không được lưu ý và cây con mọc lên được phó thác cho thiên nhiên và lửa rừng.

Trong những điều kiện trên, một khu rừng bị khai thác là một khu rừng bị hư hỏng. Những phương tiện eo hẹp dành cho cơ quan

Library HoangSa.Org

chuyên môn hiện nay không cho chép làm được việc gì để có thể cứu vãn tình thế. Và nếu không có một sự thay đổi mạnh trong đường lối quản trị lâm phần, thì chắc chắn những quần thụ thông 3 lá vô cùng quí báu của chúng ta một ngày kia sẽ bị đưa vào dĩ vãng.

PHƯƠNG-TIỆN VÀ CÔNG-TÁC CẢI-THIỆN — Để đối phó với những khó khăn nêu trên, thật sự không phải chỉ những sửa đổi vụn vặt mà có thể đưa lại những kết quả cụ thể. Chúng tôi tưởng phải có một chương trình cải tổ lớn lao và toàn diện. Và sau đây theo thiển kiến chúng tôi là những cải tổ có thể thi hành nhắm mục đích cứu vãn và thăng tiến giá trị lâm phần quốc gia nói chung, và những quần thụ Thông 3 lá nói riêng.

1.— *Cần có một sự quản trị hữu hiệu, đủ phương tiện* — Đó là điều kiện tất yếu, tiên đoán cần phải có, để có thể thi hành bất cứ một chương trình công tác nào. Từ trước, từ thời Pháp thuộc cho đến ngày nay, ở nước ta lâm phần được xem như một hầm mỏ chỉ đem khai thác để bồi bổ cho ngân sách mà không có những công tác chuyên môn để bồi dưỡng và cải thiện rừng. Nha Thủy Lâm chỉ được xem như một cơ quan có nhiệm vụ làm lãi cho công quĩ. Giáo sư Paul Maurand trong tập « L'Indochine forestière » (1943) đã chẳng viết: « *Cho đến ngày nay người ta chỉ thu hoạch một di sản (rừng)* »... « *Những phương tiện của các sở Thủy Lâm về người và ngân khoản, không đủ vì lẽ các sở ấy chỉ được xem như những sở kinh tài* ». Thật vậy, chúng ta chỉ thu hoạch lâm sản, coi rừng như một « *kho vô tận* ». Trong một chính sách như vậy, số nhân viên chuyên môn chỉ đủ để đóng búa gỗ, bắt gỗ lậu và thu tiền. Mà chưa chắc đã đủ. Những công tác lâm sâm, thể chế và điều chế nếu có thi hành cũng chỉ để gọi là có.

Nói tóm lại, công việc đầu tiên phải được thực hiện là thay đổi chính sách lâm sâm, phải coi rừng như một cái vốn cần phải biết khai thác, cần phải biết duy trì và bồi dưỡng, phải coi rừng không phải chỉ có nhiệm vụ thấp kém là làm lãi cho ngân sách mà có vai trò cao cả bảo vệ đất đai, điều hòa khí hậu, tiết chế mực nước sông ngòi, tạo những điều kiện tốt đẹp cho môi trường sinh sống của con người, đồng thời cung cấp lâm sản cần thiết và nguyên liệu cho nhiều kỹ nghệ biến chế mộc liệu, như làm giấy, làm ván ép, ván dăm, ván sợi... để bồi bổ cho nền kinh tế quốc gia. Một chánh sách như vậy có thể chấp nhận một sự thâm hụt của cơ quan Thủy-Lâm về phương diện tài chánh để có thể có những thành công trong nhiều lãnh vực khác: chăn nuôi, nông

Library HoangSa.Org

nghiệp, kỹ nghệ... bởi vì sự hiện diện của rừng là điều kiện tất yếu cho các ngành hoạt động nói trên. Mà có thể nói chắc là một sự tổ chức đúng mức và một sự quản trị lành mạnh lại rất có khả năng quân bình hóa được việc chi thu, hoặc cũng có thể có sự thặng thu nữa là khác. Cố nhiên chỉ có sự thực hiện việc thay đổi chánh sách thực sự, mới cho chúng ta những yếu tố chính xác trong việc tính toán nầy. Lẽ đương nhiên một việc thay đổi chính sách như vậy không phải nằm trong phạm vi thẩm quyền của cơ quan chuyên môn. Một sự thay đổi đường lối lớn lao như vậy là công việc của chế độ chính trị. Nói rõ ra, đó là công việc của hành pháp trung ương. Và cũng vì vậy mà chúng ta thấy trước những khó khăn.

2.— *Cần có một chương-trình phối-hợp trong việc thu hoạch, sử dụng mộc-liệu, bồi-dưỡng và điều-chế rừng* — Ở các nước lâm học tiên tiến phần lớn nếu không nói gần hết công việc đều xếp đặt đâu vào đó. Rừng đáng điều chế đã được điều chế, những nơi đáng gây rừng đã hay đang được gây rừng, những nơi cần khai thác gỗ để dùng vào ví dụ kỹ nghệ làm giấy, đương được khai thác... Ở nước ta tình trạng khác hẳn: Có công việc thì làm đã từ lâu, nhưng lại làm một cách vô tổ chức như việc khai thác. Có công việc thì làm quá ít và không có một chương trình nào, như công tác trồng cây gây rừng. Có công việc lại đã được làm một ít nhưng không thành công ở nhiều nơi, vì thiếu phương tiện và vì tình trạng rừng rú, như công tác điều chế rừng v.v...

Nói tóm lại trong mỗi lãnh vực, công tác xem ra như mới bắt đầu (và bắt đầu là khó) mà lại bắt đầu trong những điều kiện rất gay go. Trong những điều kiện hiện tại, việc phối hợp các lãnh vực công tác xét ra là một điều kiện tất yếu để thành công, một thí dụ cụ thể: Để điều chế rừng thông 3 lá, chúng ta phải nghĩ ngay đến việc khai thác gỗ thông và sử dụng gỗ ấy trong công việc kỹ nghệ làm giấy. Đồng thời vấn đề điều chế nêu lên công việc trồng cây, phong phú hóa những chỗ trống, làm sao cho các cúp khai thác xong phải được hoàn toàn tái sinh, hoặc thiên nhiên, hoặc nhân tạo. Ngoài ra công tác chống nạn cháy rừng, chống nạn thả súc... để bảo vệ những cây thông con mới mọc hay mới trồng v.v... Chúng ta thấy, đối với một vùng nào đó, các công tác sẽ hỗ trợ nhau. Đầu tư để thiết lập một nhà máy làm giấy, lập một chương trình khai thác để có thể cung cấp nguyên liệu, chương trình khai thác song song diễn tiến với một chương trình điều chế và những công tác gây rừng, bảo vệ rừng v.v... Chỉ một sự phối hợp như thế mới có thể đem lại

Library HoangSa.Org

những kết quả thật sự. Lẽ tất nhiên, một chương trình như vậy đòi hỏi nhiều phương tiện, chuyên viên cũng như tài chánh.

3.— *Thể chế và điều-chế rừng thông 3 lá* — Như đã trình bày trước, Thông 3 lá *Pinus khasya* là một mộc loại ưa sáng, ra hoa kết trái đều, hột phân tán dễ và mạnh, cây con ưa ánh sáng tỏa đầy, không gì che phủ. Đó là những đặc tính rất quí cho việc tái sinh trong công tác điều-chế.

Tuy vậy phương pháp điều-chế rừng thông 3 lá ở cao nguyên Đà-lạt hiện chưa biết rõ được một cách chính xác cũng như đối với loại thông 2 lá ở nước ta. Trong tác phẩm « Lâm học nhiệt đới » do F.A.O. xuất bản (1959), các tác giả (I. T. Haig, M. A. Huberman, U. Aung Din) đã viết :

« *Mặc dù người ta chưa biết gì về điều chế phần lớn các tùng loại nhiệt đới, kinh nghiệm thu thập được ở Châu Á, đối với rừng thiên nhiên hoặc nhân tạo, cho biết rằng các phương pháp điều-chế được áp dụng giống các phương pháp áp dụng cho tùng loại ôn đới.*

« *Người ta có kết quả tốt, hoặc với những cúp tái sinh tiệm tiến, hoặc với những cúp chặt trụi với lối tái sinh nhân tạo, bằng cách gieo hột hoặc trồng cây con, ở rừng Châu Á, cũng như Châu Mỹ. Nói một cách tổng quát, thường thường là những cố gắng đơn độc xuất phát từ những luận cứ chưa đủ chính xác. Vì vậy toàn bộ vấn đề tái sinh thiên nhiên Tùng loại nhiệt đới, mặc dù mới xem tưởng như không có gì khó khăn, vẫn còn phải được nghiên cứu kỹ hơn. Trong những điều kiện ấy, nhiều hiểu biết, mà sự nghiên cứu đã đưa lại từ miền ôn đới, về khoa dưỡng lâm và bảo vệ tùng loại, có thể dùng làm căn bản để ấn định những phương pháp sâm lâm hợp lý cho các tùng loại nhiệt đới. Nói riêng, cần lưu ý đến các cuộc thí nghiệm địa phương về tái sinh thiên nhiên và việc chống lại các diệp loại cạnh tranh với sự áp dụng các công tác xới đất, dùng chất độc và lửa đốt có tổ chức. Sự đốt lửa có tổ chức cũng cần nghiên cứu xem như một phương tiện sửa soạn đất để tiếp thu dễ dàng việc tái sinh thiên nhiên, ít nữa cũng đối với các loại thông và để giảm bớt những nguy cơ cháy rừng, là những nguy cơ rất lớn đối với những quần thụ tùng loại nhiệt đới* » (*Sylviculture tropicale — T. I. 1959*).

Những nhận xét trên tuy có tính cách tổng quát cho các tùng loại nhiệt đới, nhưng vẫn rất đúng cho các loại Thông 3 lá và 2 lá ở xứ ta. Những khó khăn gặp phải không phải là phương pháp điều-chế, mà là những điều kiện có tính cách địa phương và nhất thời, như nạn cháy rừng đối với sự tái sinh thiên nhiên. Việc bài trừ nạn cháy rừng đã khó

Library HoangSa.Org

lại tốn, mặc dù mới xem qua ta có thể nghĩ việc chống lửa không khó lắm.

Một mặt khác, chúng ta có thể mong rằng Trung Tâm Thí Nghiệm Lâm Học Manline lưu tâm nghiên cứu các vấn-đề nêu trong lời chỉ dẫn trên của tập Lâm Học Nhiệt Đới, để có những kết quả cụ thể và chính xác giúp cho các chuyên viên dưỡng lâm và điều chế:

a) Việc tái sinh thiên nhiên. Việc xới đất để giúp đỡ cho hột mọc thiên nhiên.

b) Việc cạnh tranh của các diệp loại mọc chung với Thông 3 lá. Cách dùng chất độc để bài trừ các diệp loại ấy.

c) Việc đốt lửa có tổ chức để sửa soạn đất trong việc tiếp thu hột và giúp đỡ việc tái sinh thiên nhiên, đồng thời cũng chống lại những hiểm họa của lửa rừng.

Những cuộc nghiên cứu như vậy sẽ giúp cho cơ quan Thủy Lâm rất nhiều và chắc cũng không tốn kém lắm.

Nói tóm lại, chúng ta có thể đối với Thông 3 lá áp dụng phương pháp điều chế: Rừng hạt đều, tái sinh bằng cúp chặt trụi có chừa cây giống. Việc tái sinh như thế được thi hành theo phương pháp thiên nhiên và nếu cần, bổ túc với phương pháp nhân tạo, gieo hột giống hay trồng cây con, tùy trường hợp.

Luân kỳ (tuổi khả thác) tùy theo công dụng của gỗ sản xuất. Sau đây là các loại tuổi khả thác trung bình được xem là vừa phải đối với Thông 3 lá:

— Để làm giấy : 30 năm (luân kỳ 30 năm).

— Để làm gỗ lạng : 45 năm (luân kỳ 45 năm).

— Để làm gỗ xẻ (tạo tác) : 65 năm (luân kỳ 65 năm).

4.— *Công-tác gây rừng* — Những công tác gây rừng với Thông 3 lá tại cao nguyên Đà-lạt, trong mấy năm sau đây, vì thiếu ngân khoản, nên đã bị đình chỉ. Ngày trước những công tác này tại Đà-lạt đã có lúc thi hành đại qui mô, sau đây là các công tác đã thi hành:

1961 — Trồng 13.100 cây bứng ở rừng gieo thẳng 300.000 hốc trên 145 ha.

1963 — Trồng 200.000 cây con trong chậu đất và 20.000 cây bứng trong rừng. Diện tích trồng 150 ha.

Library HoangSa.Org

1964 — Trồng 800.000 cây con trong chậu đất và túi nylon. 15.000 cây con bứng ở rừng. Diện tích trồng 350 ha.

1965 — Trồng 1.200.000 cây con trong chậu đất và túi nylon. Diện tích trồng 750 ha.

1966 — Trồng 1.200.000 cây con trong chậu đất và túi nylon. Diện tích trồng 750 ha.

1967 — Trồng 600.000 cây con trong chậu đất và túi nylon. Diện tích trồng 300 ha.

1968 — Trồng 202.000 cây con trong chậu đất và túi nylon. Diện tích trồng 90 ha.

Nói tóm lại, từ 1961 đến 1968 đã trồng cả thảy hơn 4 triệu cây, trên 2.400 ha, chưa kể công tác gieo thẳng.

Sau một thời gian, nếu chúng ta nhìn lại, kết quả không mấy khích lệ. Những chu vi trồng cây, vì thiếu bảo vệ bị cháy, cây chết dần, hoặc bị nám thân, khô cành, hư hỏng, tiều tụy. Những nơi nào ít bị cháy hay nạn súc vật phá phách, thì còn rất đẹp. Nhưng những nơi như vậy không được nhiều lắm. Như vậy, kết quả không mỹ mãn không phải vì phương pháp gây rừng hay điều kiện khí hậu đất đai, mà chỉ vì thiếu tinh thần liên tục, thiếu công tác bảo vệ và bồi dưỡng sau khi trồng.

Từ trước nhiều phương pháp đã được áp dụng:

— Gieo thẳng

— Đào cây con ở rừng đem về trồng

— Nuôi cây con ở vườn ươm và đem về trồng

a) *Gieo thẳng* — Phương pháp gieo thẳng về sau nầy không được áp dụng nữa. Thật ra chúng tôi không được thấy tận mắt những quần thụ xuất phát từ phương pháp gieo thẳng mà hiện nay còn tốt đẹp, ngoại trừ một sườn đồi mà ông Trưởng Trung Tâm Manline cho biết là Thông 3 lá ở đây do hột gieo thẳng mà ra. Quần thụ nầy khá đẹp và đều, đó là một chứng cớ hùng hồn rằng phương pháp gieo thẳng có thể thành công ở Đà-lạt.

Ý kiến các chuyên viên trong Khu và Ty Thủy Lâm Đà-lạt về phương pháp gieo thẳng ở đây không giống nhau. Có người cho rằng gieo thẳng khó thành công. Nhưng cũng có người nghĩ rằng nếu áp dụng đúng chỗ và đúng phương pháp với những công tác thích nghi thì chắc chắn việc gieo thẳng sẽ đưa lại kết quả tốt.

Library HoangSa.Org

Trước đây, vào khoảng 1961 — 1962 có gieo thẳng thí nghiệm ở khu đồi Võ-bị và các nơi khác ở Đà-lạt. Ngân khoản sử dụng khá lớn (796.353$) và diện tích gieo thẳng theo hồ sơ lên đến 145 ha. Trong số tiền trên gồm có sự trồng 12.000 cây con bứng tại rừng. Như vậy kinh phí gieo thẳng mỗi hecta lên đến trên 5.000$, một số tiền khá lớn lúc bấy giờ. Kết quả nói chung xem như thất bại và cơ quan Lâm-vụ Đà-lạt bị mất uy tín về công tác gieo thẳng nầy. Từ đó người ta tuồng như không muốn nói đến vấn đề gieo thẳng nữa. Tuy vậy có vài chuyên viên cấp dưới ở Ty T. L. Đà-lạt tin rằng gieo thẳng chưa hẳn là một phương pháp đáng bỏ và cho biết ở khu đồi Võ bị, kết quả như sau:

Ở chóp đồi, cây lên nhiều nhưng không đều và mạnh lắm. Đến mùa mưa, phần lớn cây bị úa vàng. Lý do: có thể là vì chóp đồi đất nghèo và đẹ. Thiếu khuẩn căn chăng? ngoài ra vì lỗ đào quá nhỏ, hệ thống rễ phát triển chậm, và khi mùa mưa đến, những lỗ nhỏ đào khi gieo trở thành những cái bộng nhỏ chứa nhiều nước. Cây con bị nạn ủng thủy, rễ bị ngột, khuẩn căn dầu có cũng không phát triển vì đất quá ướt. Cây thiếu chất đạm, và trong những điều kiện ấy làm sao mà phát triển mạnh được.

Trái lại, ở triền đồi cây con mọc nhiều và đều, phát triển mạnh hơn, ít bị vàng úa khi mùa mưa đến. Lý do: đất triền xốp hơn, tốt hơn, thoát thủy hơn. Hệ thống rễ thông phát triển chóng, làm cho đất càng thêm thoát thủy và khuẩn căn giúp đỡ cây hữu hiệu hơn.

Chúng tôi tiếc không được xem cây xuất phát từ hạt gieo thẳng ở khu đồi Võ-bị, vì các quần thụ nầy đã bị tiêu hủy hết vì nạn cháy rừng. Nhưng những nhận xét trên của vài chuyên viên cấp dưới của Ty Thủy Lâm Đà-lạt cho phép chúng ta tin rằng phương pháp gieo thẳng có thể thành công với những công tác thích nghi. Theo ông Kỹ sư Từ Câu nguyên Trưởng Khu Đà-lạt, người đã gây đồi thông gieo thẳng ở Trung Tâm Thí Nghiệm Manline thì phương pháp gieo thẳng ở Đà-lạt sẽ thành công dễ, với điều kiện đất được xáo trộn, cày, hoặc đào lỗ lớn, trước khi gieo. Dầu sao công việc nên được thí nghiệm chu đáo hơn, vì phương pháp nầy, một khi được hoàn bị, sẽ là phương pháp gây rừng tương đối rẻ và mau hơn.

b) *Bứng cây con thiên-nhiên ở rừng đưa về trồng* — Phương pháp nầy chỉ được áp dụng trong trường hợp trồng cây trang trí, muốn có những cây lớn để trang trí tại một công viên hay một công thự. Được áp dụng vào năm 1961 — 1962 trong một phạm vi hẹp (chỉ bứng trồng 12.000 cây).

Library HoangSa.Org

Lẽ tất nhiên phương pháp chỉ áp dụng để đối phó với những trường hợp cấp thời và kết quả chắc không mỹ mãn, khó khăn, tốn kém (27$ 1 cây) cây về sau có sống cũng không phát triển mạnh. Hiện nay không ai nói đến phương pháp nầy nữa.

c) *Nuôi cây ở vườn ương và bướng trồng* — Được xem như hợp lý nhất và kết quả rất mỹ mãn. Không vào chi tiết, chúng ta cũng xét qua các lối được áp dụng ở ba cơ quan và nói qua rất tóm tắt những khác biệt giữa các lối ấy :

— Phương pháp của công ty kỹ nghệ giấy Tân-Mai ở Đơn-Dương

— Phương pháp của Trung Tâm Thí Nghiệm Lâm Học Manline

— Phương pháp của Ty Thủy Lâm Đà-lạt

Phương-pháp của công-ty kỹ-nghệ giấy Tân-Mai ở Đơn-Dương — Trước đây công ty nầy được phép khai thác khu rừng Bannoc để cung cấp gỗ thông cho nhà máy giấy. Theo khế ước công ty nầy mỗi năm phải trồng lại khu rừng đã khai thác. Sự tái sinh rừng được thi hành theo hai lối thiên nhiên và nhân tạo.

Về lối thứ hai (nhân tạo) cây con được nuôi trong những bao nhựa trong thời gian 6 tháng. Trong mỗi bao gieo 3 hột và khi cây mọc một cây con sẽ được tỉa bớt, và chỉ để 2 cây. Hai cây nầy sẽ được trồng và như vậy quần thụ trồng sẽ gồm những cây đôi trong 1 bao. Đó là một đặc điểm của phương pháp công ty giấy Tân Mai.

Một đặc điểm nữa là không dùng phân chuồng để bón cho cây vì ngại sự phát sinh của sùng trắng Holotrichia, (vào khoảng 1962 loại trùng nầy xuất hiện rất nhiều ở các nơi trồng thông 3 lá ở cao nguyên Đà-lạt và có nhiều tác hại quan trọng).

Khi trồng cây cao trên 0,20m, và sau một năm cây lên độ trung bình 1,10m. Một trong 2 cây sẽ được tỉa quang về sau và gỗ do sự tỉa quang nầy cung cấp cũng sẽ được dùng vào việc làm giấy. Việc trồng cây đôi nầy còn có thể giúp cho việc rụng nhánh thiên nhiên. Theo chương trình cây sẽ khai thác vào 30 tuổi và khi đó đường kính sẽ được độ 0,30m. Cây trồng cách nhau 2,50 × 2,50m, mỗi hecta có 1.600 cây đôi. Phí tổn trồng mỗi hecta là 120.000$ có rào, và mỗi cây đôi tốn độ 7,50$. Kết quả được ghi chép lúc bấy giờ 1964 — 1965 là rất mỹ mãn. Thành công 95%. Phương pháp trồng cây đôi được xem như là một sự cải tiến nhiều ưu điểm. Ở trên là theo các tài liệu hồ sơ, nhưng khi

Library HoangSa.Org

thăm viếng các khu trồng cây ở Đơn Dương, thì chúng tôi nhận thấy cây đôi không nhiều. Có lẽ ý kiến hay nầy không được thực hiện nhiều nơi. Hiện nay những chỗ trồng bị hư hỏng nhiều vì lửa rừng hay bị dân chúng phá phách. (Lưu ý: tại Trung Tâm Thí Nghiệm Manline ở khu rừng gieo thông thẳng, có nhiều cây mọc đôi đất đẹp, đường kính trên 0,20m hai cây mọc song song đều nhau).

Phương pháp của Trung-Tâm Khảo-Cứu Manline — Ở Trung Tâm nầy chậu đất làm với một cái máy «Prespoterre» do một hãng Pháp «G. Roussin 45, Rue Myrha Paris XVII», sản xuất. Trước đây những hãng ở Sài-gòn cũng có làm. Chậu đất nầy cao 10cm, đường kính 9cm. Đất để làm chậu phải có tỷ lệ sét và thịt vừa phải để chậu không bể, nhưng cũng không thành một cục đất cứng, rễ khó đâm vào. Một ngày một người thợ lành nghề có thể làm được 500 chậu. Trung bình 300 — 400, mỗi chậu một cây. Kết quả thu thập được rất tốt, tương đương với phương pháp dùng túi nylon (bao nhựa).

Phương-pháp của Ty Thủy-Lâm — Cây con được ương trong túi nylon (cũng có dùng chậu đất) mỗi túi một cây. Khi trồng vào khoảng tháng 6, cây con đươc độ 8 tháng, cao chừng 25cm. Cây trồng cách nhau 2,50 × 2,50m. Lỗ đào 30 × 30 × 30 cm. Phí tổn mỗi cây vào lúc đó hết 6,37$ (có rào) và 6,07$ (không rào) kết quả rất mỹ mãn. Thành công 95%.

Nói tóm lại các phương pháp áp dụng ở 3 nơi của Công ty giấy Tân Mai (ở Đơn Dương) Trung Tâm Thí-Nghiệm Manline và Ty Thủy-Lâm Đà-Lạt không khác nhau bao nhiêu và kết quả đều mỹ mãn. Sự không thành công về lâu về dài là do sự thiếu một chương trình liên tục, thiếu sự bảo vệ chống lửa rừng, chống sự phá phách.

Tuy vậy hiện nay vì các chu vi bị hư hỏng nên chúng ta thiếu yếu tố để so sánh, để nghiên cứu. Vì vậy, như đã nêu lên ở đoạn trước, cần phải có một chính sách rõ ràng, một sự quản trị hữu hiệu và một chương trình liên tục.

Một mặt khác, cũng nên đặt lên vấn đề: nên tạo lập những rừng Thông 3 lá thuần loại hay hỗn loại với một tầng dưới gồm những diệp loại thấp có nhiệm vụ bồi dưỡng đất, chống nạn cháy rừng và cung cấp những sản phẩm có tính cách thứ yếu. Đành rằng với một tầng dưới như vậy, công việc sẽ phức tạp hơn, về phương diện dưỡng lâm cũng như điều chế, nhưng những nhận xét, những kinh nghiệm và kết quả ở các nước khác nên được chúng ta lưu ý. Cố nhiên cần phải có sự nghiên

Library HoangSa.Org

cứu lâu dài. Hiện nay ở nước ta vì chiến tranh các cơ quan chuyên môn chưa lưu tâm đến và thật ra, có thể xem đó là một điều đáng tiếc. Đáng tiếc bởi vì có thể thi hành, nghiên cứu mặc dù có chiến tranh.

5.— *Công-tác khảo-cứu* — Cho đến nay việc khảo-cứu về cây thông 3 lá của Viện Khảo Cứu Nông Lâm Súc cũng như của Nha Thủy Lâm vì thiếu phương tiện, nên không được thi hành một cách liên tục và hữu hiệu. Chúng ta có thể nêu lên những điểm quan trọng cần phải nghiên cứu để có thể có những kết luận chính xác ngõ hầu hướng dẫn những công tác gây rừng, thể chế và điều chế về cây Thông 3 lá. Những điểm cần nghiên cứu đại khái thuộc những lãnh vực sau :

a) *Tăng-trưởng và sản-lực.*

1.— *Tăng trưởng về đường kính* — Hiện nay chúng ta biết *Pinus khasya* tăng trưởng đường kính mỗi năm trên dưới 1cm thế thôi. Nhưng chưa có những hiểu biết chính xác tăng trưởng đường kính theo các hạng phì nhiêu của đất thế nào và các hạng tuổi khai thác thế nào.

2.— *Sản-lực hàng năm* — Của mỗi ha theo các hạng phì nhiêu của đất và các hạng tuổi khai thác. Cũng chưa có một con số nào có thể gọi là chính xác.

3.— *Rừng đúng mực* — Chưa có một ý niệm nào chính xác về phương diện nầy.

Nói tóm lại, về phương diện tăng lực và sản lực cho đến nay, chúng ta chưa có những con số chính xác và đó là công việc cần phải bắt đầu ngay của cơ quan hữu trách. Chúng ta cần tạo những quần thụ trên các hạng phì nhiêu đất và sau đó thành lập những bản sản xuất (table de production) cho mọi cở tuổi khai thác thông thường (30 tuổi cho thông để làm bột giấy, 45 để làm gỗ lạng và 65 để làm gỗ xẻ...) của những loại rừng đúng mực. Đó là công việc của Viện Khảo Cứu.

b) *Di truyền học* — Cho đến nay, vấn đề nầy chưa được đặt ra. Cố nhiên đó là một thiếu sót. Vấn đề sản lực quá quan trọng và chúng ta không thể không nghĩ đến việc cải tiến sản lực bằng cách tạo ra những chủng thông 3 lá có sản lực cao, có đặc tính quí, như ít mắt vì rụng nhánh thiên nhiên dễ v.v... thân thẳng, hệ số đáng lớn v.v... Về những điểm nầy chúng ta nên liên lạc với các cơ-quan khảo cứu lâm học nhiệt đới và các nước có trồng thí nghiệm thông *Pinus khasya* như Malagasy, Cameroun, Nam Phi v.v...

Library HoangSa.Org

c) *Trồng cây gây rừng.*

1.— *Hạt giống* — Vấn đề hạt giống hiện nay trong thực tế chưa được lưu ý đúng mức. Chúng ta dùng hạt giống bất cứ thế nào, không chọn cây giống, không chọn hột xấu tốt, chín, chưa chín. Nói tóm lại, chúng ta chưa lưu ý đến vấn đề hột giống. Đó là một thiếu sót quá quan trọng. Nên bắt đầu chọn những cây dáng đẹp, rụng nhánh dễ, thân thẳng để hái hột giống. Những cây ấy nên được đánh số riêng, ghi vào một bản đồ vị trí và mỗi năm chính người cơ quan hữu trách phải đi hái trái và không nên đặt khoán cho người ngoài.

2.— *Vườn cây giống* — Việc thứ hai phải làm là lập những vườn cây giống. Đó là những việc không phải khó làm và quá tốn kém, mà kết quả thì thật là quan trọng.

3.— *Thí nghiệm gieo thẳng* — Ở Trung Tâm Khảo Cứu Lâm Học Manline, như đã nói trước, có một khu rừng được thành lập với phương pháp gieo thẳng. Tuy không rộng lắm nhưng khu rừng nầy chứng tỏ việc gieo thẳng có thể thành công trong những điều kiện nào. Cần tiếp tục thí nghiệm để có những kết quả chính xác.

4.— *Khoảng cách giữa các cây trồng* — Hiện nay chúng ta trồng cây cách nhau 2,50 × 2,50 m. Chúng ta ít nghĩ đến khoảng cách như trên có hợp lý không. Ở Malagasy thường thường *Pinus khasya* được trồng cách nhau 2m × 2,50m, hoặc 2m × 3m tùy đất xấu tốt. Ở Cameroun, khoảng cách được áp dụng là 2,50m × 2,50m và 3m × 3m. Ở Nam Phi (Afrique du Sud), những cuộc thí nghiệm thường áp dụng với các loại *Pnuis patula*, elliottii, taeda và radiata... Tuy vậy với các loại thông nhiệt đới nầy, kết quả có thể tương đương với loại *Pinus khasya*. Kết quả được ghi nhận như sau: khoảng cách tùy độ phì nhiêu đất, và tùy công dụng của gỗ về sau (gỗ làm bột giấy, gỗ tạo tác). Khoảng cách 3 × 3m được xem như không nên áp dụng, bởi vì công việc chăm sóc sau khi trồng (lắm cỏ) tốn công thêm nhiều và quần thụ cần nhiều năm mới khít ngọn, để che cho chết cây nhỏ và cỏ ở dưới. Khoảng cách 2m × 2m đòi hỏi đất tốt, nhưng cũng không giúp ích lợi cho sự rụng nhánh thiên nhiên được bao nhiêu, và việc trẩy nhánh trong quần thụ trồng 2m × 2m vẫn phải thi hành.

Vì những lý do trên khoảng cách được áp dụng thường là 2,70 × 2,70m hay là 3m × 2,50m nếu người ta muốn dùng dụng cụ cơ giới để chăm sóc về sau.

Library HoangSa.Org

Ở nước ta khoảng cách 2,50 × 2, 50m xem ra có phần hợp lý, nhưng dầu sao phải được thí nghiệm và so sánh trước khi có những kết luận chắc chắn.

d) *Công-tác dưỡng lâm.*

1.— *Trầy nhánh* — Các loại thông nhiệt-đới thường rụng nhánh thiên nhiên kém, vì vậy cần trầy nhánh thiên nhiên. Ở Nam Phi kỹ thuật trầy nhánh, sau khi đã thí-nghiệm, được qui định như sau :

— Đối với gỗ làm bột giấy trầy nhánh một lần từ 2,50m trở xuống, khi quần thụ cao được độ 10m.

— Đối với gỗ tạo tác « gỗ xẻ » kỹ thuật áp dụng như sau : Trầy nhánh lần thứ nhất khi thông cao 7m, từ 2,50m trở xuống. Khi thông cao 9m, trầy nhánh lần thứ hai, từ 4,50m trở xuống, và khi thông cao đến 12m trầy nhánh lần thứ ba từ 6,50m trở xuống. Cuối cùng lần thứ tư, khi thông cao được 17m, trầy nhánh từ 11m trở xuống.

Trong mọi trường hợp, ở xứ ta cần phải có những cuộc thí nghiệm mới có những kết luận chắc chắn.

2.— *Tỉa quang* — Hiện nay ở nước ta chưa được thí nghiệm. Ở Nam Phi theo những cuộc thí nghiệm xưa, trên các quần thụ 1300 cây mỗi hecta khi trồng (2,70 × 2,70m) thường thường người ta tỉa quang dần để đưa quần thụ đến mật độ 300 cây/ha khi thông đến 18-20 tuổi. Mật độ nầy còn tùy đất tốt xấu. Nhưng tại đây Bác-sĩ O'Connor đương nghiên cứu một phương pháp mới gọi là phương pháp « C. C. T. Plots » (Correlated Curve Trend Plots). Trong phương pháp nầy, người ta so sánh trong một luân kỳ, cách tăng trưởng của một số quần thụ đồng tuổi nhưng mật độ khác nhau, để xem mật độ nào lợi nhất về phương diện sản lực và phẩm gỗ.

Lẽ tất nhiên, ở nước ta, việc trầy nhánh cần được thí nghiệm đối với *Pinus khasya*. Cho đến nay, chưa có một công tác nghiên cứu nào được thi hành.

3.— *Thể-chế dưỡng lâm* — Cho đến nay thật ra chưa được áp dụng một thể chế dưỡng lâm nào trong công tác dưỡng lâm, thể chế và điều chế rừng. Rất có thể là phương pháp thể chế sẽ giống phương pháp áp dụng ở Châu Âu, đối với thông bề ở Pháp, nghĩa là phương pháp rừng hạt đốn tất có chừa cây giống. Dầu sao việc nghiên cứu một thể chế dưỡng lâm hợp lý với những chi tiết công tác, cần được thi hành để có một phương thức chính xác và nhất định.

Library HoangSa.Org

4.— *Cấu-trạng quần-thụ* — Cấu trạng quần thụ nào sẽ là hợp lý nhất? Thuần loại hay hỗn loại? Trong trường hợp sau, cần phải dùng những diệp loại nào ở tầng dưới.

Như đã trình bày ở trước, một quần thụ thuần *Pinus khasya* sẽ có những nhược điểm. Trong các nhược điểm ấy, nhược điểm chính sẽ là sự thoái hóa của đất rừng, sự bớt dần sản lực của rừng trong các luân kỳ sau, việc mất quân bình trạng của quần thụ để đưa quần thụ đến hiểm họa bịnh tật hay nạn cháy. Nhưng nếu chọn cấu trạng hỗn loại, thì phải dùng những diệp loại nào ở tầng dưới?

Hiện nay trong các diệp loại mọc chung với thông 3 lá phần lớn đều là những diệp loại ưa sáng, nếu chúng ta đề cập đến các diệp loại chính, các loại Dẻ (Pasania và Quarcus) Nói rằng các loại trên mọc ở dưới thông, thật ra chỉ đúng một phần. Các loại Dẻ ấy vì ưa sáng nên chỉ mọc được ở các nơi ít thông, hoặc thành từng đám riêng và cũng cạnh tranh ráo riết với Thông. Thông được lửa rừng giúp sức. Nhưng các loại Dẻ, vì cây con có thể mọc và sống được một thời gian dưới bóng, vẫn có sinh lực mạnh, và nếu không bị cháy thì có thể ngăn chận được sự tái sinh của thông 3 lá, và có thể thắng được loại nầy, nếu rừng thông không đủ dày để diệt các loại Dẻ.

Nếu ta chọn trong các loại mọc chung với thông vài lori chịu được bóng vừa, như các loại Castanopsis (Dẻ gai ăn trái được) Machilus odoratissima (Bời lời) Talauma Gioi (Giổi) Pithecolobium sp. Aibizzia lucida... để thí nghiệm sống chung với thông ở tầng dưới, thì vấn đề có thể đưa lại vài kết quả về phương diện dưỡng lâm cũng như kinh tế. Nhưng trước hết, phải biết rõ nhu cầu về ánh sáng của các loại nầy.

Về phương diện dưỡng lâm, đất rừng sẽ được bồi dưỡng, độ ẩm được duy trì, nạn lửa rừng cũng như nạn soi mòn được kìm hãm bớt. Về phương diện kinh tế những sản vật do tầng dưới cung cấp, sẽ giải quyết cho ta rất nhiều vấn đề: than củi, dụng cụ nông nghiệp, cây cọc để làm giàn cho su su, bí, bầu v.v... Hiện nay dân miền cao-nguyên Đà-lạt được tự do đốn phá cây cối để dùng vào trong các công việc trên mà không trả gì cho ngân quĩ. Nhưng một sự quản trị, đứng đắn sẽ chấm dứt hành động vô tổ chức như vậy, rất tai hại cho rừng thông.

Việc nghiên cứu một thể trạng hợp lý cho rừng thông, sẽ đòi hỏi nhiều công phu và thời gian, nhưng mà đó là một vấn đề nên đưa vào chương trình nghiên cứu.

Library HoangSa.Org

TẦM QUAN TRỌNG VỀ PHƯƠNG-DIỆN KINH-TẾ CỦA CÁC QUẦN-THỤ THÔNG 3 LÁ.

A.— TẦM QUAN TRỌNG CỦA CÂY THÔNG 3 LÁ — Tuy diện tích các quần-thụ Thông 3 lá ở cao nguyên Đà-lạt ước định một cách khá chính xác theo không ảnh (Bernard Rollet) chỉ là 90.000 ha nghĩa là chỉ có tỷ lệ 0,54% so với diện tích toàn lãnh thổ miền Nam Việt Nam các quần thụ ấy vẫn có một tầm quan trọng rất lớn đối với xứ ta, vì nhiều lý do:

1.— Chúng ta rất thiếu những loại gỗ mềm, nhẹ, để dùng trong công việc kỹ nghệ. Cây Thông 3 lá *Pinus khasya* là một trong những mộc loại có đủ những điều kiện ấy.

2.— Trong tương lai gần, chúng ta rất cần những khối rất lớn gỗ mềm, nhẹ, thuần loại dùng vào công việc kỹ nghệ, để phát triển nền kinh tế chung của quốc gia.

3.— Cây thông 3 lá có tăng suất cao, sản lực lớn. Đó là mộc loại thông bản xứ có sinh lực mạnh, lan tràn dễ, phát triển mau, ít bị bệnh nấm hay côn trùng phá hoại.

4.— Về phương diện gây rừng nhân tạo rất dễ thành công với thông 3 lá. Chúng ta đã nắm chắc kỹ thuật gây rừng với loại nầy, mặc dù, chưa có những chi tiết chính xác.

5.— Về phương diện dưỡng lâm và điều chế với cây Thông 3 lá công tác tương đối dễ và chúng ta không phải tìm kiếm hoặc sáng chế những phương pháp phức tạp, khó khăn mà chắc chúng ta phải gặp với các diệp loại bản xứ.

B.— CÔNG-DỤNG CỦA CÂY THÔNG 3 LÁ — Gỗ Thông 3 lá có thể dùng vào nhiều công việc :

1.— Đó là một loại gỗ tạo tác thông thường, làm nhà cửa, làm bàn ghế, hoặc mọi công việc tạo tác khác.

2.— Cây Thông 3 lá thân thẳng, dài, hình trụ, nhánh tương đối ít, có thể dùng làm trụ điện. Chúng ta cần rất nhiều trụ điện trong tương lai, nhưng nếu được nên trồng các loại Bạc hà để dùng làm trụ điện, đã dễ tầm thấm mà có lẽ lại tốt hơn thông. Gỗ thông 3 lá nên để dùng vào công việc khác.

Library HoangSa.Org

3.— Thông 3 lá đủ điều kiện để lạng khoanh và dùng vào kỹ nghệ ván ép, ván sợi, hoặc ván dăm.

4.— Gỗ Thông 3 lá có thớ dài 3,6 đến 4mm, rộng 150 đến 250mu. Có thể dùng làm bột giấy rất tốt. Những cuộc thí nghiệm của Trung Tâm Kỹ thuật Sâm Lâm nhiệt đới ở Pháp đã có kết luận rất mỹ mãn đối với loại thông nầy.

C.—CÂY THÔNG 3 LÁ VÀ VẤN-ĐỀ LÀM GIẤY Ở VIỆT-NAM

Mỗi năm hiện giờ chúng ta tiêu dùng độ 60.000 tấn giấy các loại, và có những nhà máy sau:

— Cogido, sản lực	:	9.000 tấn mỗi năm
— Công ty Kỹ nghệ Giấy V.N.	:	9.000 tấn mỗi năm
— Nagico	:	6.000 tấn mỗi năm
— Cogimeco	:	4.500 tấn mỗi năm
— Givina (carton)	:	5.000 tấn mỗi năm
— Các nhà máy nhỏ khác	:	2.500 tấn mỗi năm
Tổng cọng	:	36.000

Hiện nay chỉ có công ty kỹ nghệ giấy V.N. dùng một ít gỗ thông 3 lá để làm giấy theo phương pháp cơ học, ngoài ra công ty nầy và các nhà máy khác dùng một phần rất lớn bột giấy nhập cảng. Mỗi năm chúng ta lại mua nước ngoài độ 30 000 tấn giấy.

Nhiều chuyên viên đã đồng ý nên lập tại nước ta một nhà máy để dùng thông 3 lá, sản xuất mỗi năm 100.000 tấn giấy để thỏa mãn nhu cầu trong nước và xuất cảng số còn thừa. Một nhà máy như vậy, theo các chuyên viên, sẽ đòi hỏi một ngân khoản thiết lập ước độ 40 triệu Mỹ kim và có thể mang lại độ 10 triệu Mỹ kim mỗi năm.

Để có thể sản xuất mỗi năm 100.000 tấn giấy phải cần độ 450.000m3 gỗ thông 3 lá với phương pháp hóa học (công ty kỹ nghệ giấy V.N. cho biết với phương pháp cơ học chỉ số biến chế sẽ nhỏ hơn). Nếu cho rằng sản lực của rừng Thông 3 lá đúng mực sẽ là 10m3/ha/năm với tuổi khai thác 30 năm (thông để làm giấy) thì chúng ta chỉ cần có một diện tích ước 50.000ha rừng Thông 3 lá đúng mực là đủ để có 500 000m3 gỗ Thông 3 lá mỗi năm.

Các quần thụ Thông 3 lá ở cao nguyên Đà-lạt là một tài nguyên vô cùng quí giá của lâm phần chúng ta, mặc dầu diện tích không được lớn lắm. Ngoài những cảnh trí thiên nhiên xinh đẹp vô song mà cây thông

Library HoangSa.Org

với những hình dáng thanh tao và cao quý, đã dày công bồi đắp qua bao nhiêu thế kỷ, tài nguyên nầy có một tiềm thế kinh tế rất cao bởi vì có thể phát triển mạnh mẽ về phẩm cũng như về lượng và trong tương lai gần, có thể đùng vào trong các kỹ nghệ gỗ đòi hỏi những lượng mộc liệu thuần loại quan trọng. Những kỹ nghệ nầy sẽ giúp chúng ta khỏi phụ thuộc vào nước ngoài về những sản phẩm như giấy, ván sợi, ván ép, ván dăm... và còn có thể giúp chúng ta xuất cảng để có ngoại tệ góp vào công cuộc kiến thiết quốc gia. Gỗ là một sản phẩm không có nước nào dám nói là có thừa, nhất là loại gỗ có công dụng kỹ nghệ. Đó là một mặt hàng không bao giờ ế, không bao giờ ứ đọng, bởi vì thời hạn thu hoạch không bị tuyệt đối hạn định. Cây Thông 3 lá với những đặc tính của nó, có thể đáp ứng được nhu cầu của xứ sở một khi hòa bình được vãn hồi.

Nhưng hiện nay các quần thụ thông 3 lá đang gặp những tai nạn trầm trọng : nạn du canh, nạn lửa, nạn thả súc, nạn khai thác vô tổ chức, khai thác để có gỗ tạo tác, để có gỗ làm giấy, gỗ làm trụ điện, gỗ xuất cảng qua Nhật...

Bao nhiêu tai họa trên đang đổ lên đầu những quần thụ Thông 3 lá. Một tài nguyên vô cùng quý giá đương trên con đường phá hủy trước sự thản nhiên của mọi người. Thần chiến tranh đã tiêm vào cơ thể chúng ta một liều độc dược làm cho chúng ta tê liệt trên mọi lãnh vực. Nhưng lẽ nào không nói ra đây những mối lo lắng mà chắc ai cũng chia xẻ một khi đã viếng thăm thành phố thân yêu Đà-lạt và đã đến những nơi phụ cận để chứng kiến những sự suy sụp của núi rừng. Nhưng chúng tôi cũng tin tưởng, một khi hòa bình được vãn hồi, với một luồng gió mới, với những ngày mai sáng sủa hơn, nhiều nhựa sống hơn, một tinh thần thương yêu xứ sở hơn, chúng ta sẽ góp sức bảo vệ và phát triển một kho tàng quý báu thiên nhiên đã dành cho đất nước.

Kỹ sư Thủy Lâm NGUYỄN-HỮU-ĐÍNH và
NGUYỄN-HỮU-HÀI

✠

Library HoangSa.Org

THƯ TỊCH

Phạm Xuân Bách. *Công Tác Gây Rừng ở Đà-lạt:* Tài liệu thuyết trình tại Viện Khảo Cứu Nông Lâm Súc. Sài-gòn, 1970.

Bois et Forêts des Tropiques (1945, N^0 35) «Pins d'Indochine».

Boullard. *Les Mycorrhizes,* 1968.

Carton et Bruzon. *Le Climat de l'Indochine et les Typhons de la Mer de Chine,* 1930.

Centre Technique Forestier Tropical. *Les Plantations de Pins à Madagascar et au Cameroun,* 1966.

Champsoloix. «La Forêt des Pays Montagnards du sud V.N. et ses produits». *Bois et forêts des Tropiques,* 1955, N^0 40.

Champsoloix. «Le Pin à 3 Feuilles du Langbian» Bois et Forêts des Tropiques, 1958, N^0 57.

Chevalier. «Notes sur les Conifères de l'Indochine» *Revue de Botanique appliquée et d'Agronomie tropicale,* 1944.

Cosigny. *Les Pins d'Indochine,* 1936.

Debazac. *Manuel des Conifères,* 1964.

U. Aung Ding. L'utilisation des pins dans régions tropicales. *Unasylva V. 12,* 1958.

Dommergues et Mangenot. *Ecologie microbienne du sol,* 1970.

Duchaufour. Précis de Pédologie, 1970.

Nguyễn Hữu Đính. *Giảng Tập «Công Tác Bồi Dưỡng Rừng Cao Độ và Rừng Tùng-loại»,* 1971.

Gaussen. *Les Gymnospermes Actuelles et Fossiles Fasc. VI. Le genre Pinus,* 1960.

Guéneau «L'utilisalion des Pins à Madagascar» *Boiset Forêts des Tropiques,* 1970, N^0 133.

Haig, Huberman et U. Aung Ding. *Syviculture Tropicale, Tome 1,* 1959

Nguyễn Kha. «Les Forêts de Pinus Khasya et de Pinus merkusii de Centre V.N». *Annales* des Sciences forestières, 1966.

Library HoangSa.Org

Nguyễn Huy Lang. *Đất Đai Vùng Cao Nguyên Đà Lạt.* Tài liệu Thuyết Trình tại Viện Khảo Cứu, Nông Lâm Súc. Sài-gòn, 11-1970.

Lâm Bình Lợi. *Trồng Thông 3 lá để cung cấp gỗ làm Bột giấy* — luận trình Mãn Khóa, 1965.

Maurand. *L'Indochine Forestière,* 1943

Moormann. Les sols de la République du Việt-Nam.

Rollet. *Note sur la végétation du Việt Nam au sud du 17 Parallèle Nord,* 1960

Saurin. *Les pénéplaines et les Formations récentes du Massif Sud Annamitique* 1937.

Schmid. Les Gymnospermes de la Partie Orientale Indochinoise. *Bulletin de la société de Biologie du Việt Nam,* 1964.

Schnell. Les forêts Montagnardes de la Région de Dalat. *Revue générale de Botanique,* 1962.

Hoàng Sĩ, Trương Đau, Nguyễn Văn Tài. *Sinh Cảnh Thực Vật Đà-lạt Tuyên Đức.* Tài liệu thuyết trình tại Viện Khảo Cứu Nông Lâm Súc, 11-1970.

Chu Quang Tâm. *Les Etudes de reboisements de la ville de Đà-lạt* luận trình Mãn Khóa 1962.

Thủy Lâm (Khu Liên Tỉnh và Ty Đà-lạt Tuyên-Đức). Các phúc trình về công tác Gây Rừng và các Hồ Sơ Rừng Vĩnh Viễn.

Thái Công Tụng. *Thổ Nhưỡng Học Đại Cương,* 1971.

Vidal. *La Végétation du Laos,* 1956.

Tiệm tạp-hóa **Vĩnh-Hòa**

1 Minh Mạng Đà-lạt

— Bán Đường Sữa

— Gạo và đủ loại

Library HoangSa.Org

ẤP HÀ-ĐÔNG

▽ NGUYỄN NHÂN BẰNG

L. T. S. : Sở dĩ ấp Hà-Đông được chọn làm mẫu khảo cứu vì ấp Hà-đông là một ấp di dân được thành lập kỳ cựu nhất để trồng rau miền ôn đới. Các rau cỏ miền ôn dới hầu hết được trồng đầu tiên tại ấp Hà-đông và rồi sau các ấp khác bắt chước theo. Đó là một ấp điển hình đã góp phần quan trọng xây dựng kinh tế cho Đà-lạt. Tác giả đã dành cả một tập tiểu luận hàng mấy trăm trang đánh máy để khảo cứu về lịch sử cùng địa lý ấp này. Sử Địa xin giới thiệu với quí bạn đọc một phần nhỏ của tập tiểu luận khảo cứu công phu ấy với ước mong rằng loại khảo cứu địa phương này càng ngày càng được phát triển. Được như thế thì chúng ta không lo gì ngành Sử Địa nước nhà không sớm được phát triển mạnh mẽ.

SỰ THÀNH LẬP ẤP

Ấp Hà-đông được thành-lập năm 1938 với mục-đích :

1.— Giúp cho thành-phố Đà-lạt, nhất là quân-đội Pháp có rau tươi để ăn.

2.— Giúp cho những người biết nghề trồng rau có dịp phát-triển tài-năng để nâng cao mức sống của họ.

3.— Nằm trong chương-trình di-dân lập ấp của Ông Võ-hiển Hoàng-trọng-Phu [1] để giải-quyết một phần nào nạn nhân-mãn của tỉnh Hà-đông.

Ấp được thành-lập do sáng kiến của các ông Võ-hiển Hoàng-

1. Ông Hoàng-trọng-Phu sinh năm 1873 tại Hà-Tĩnh, con quan Phụ-chánh Đại-thần Hoàng-cao-Khải, nguyên Tổng-Đốc Hà-đông và phó Chủ-tịch Hội-đồng tư-vấn Bắc-kỳ (Vice président du Conseil Privé du Tonkin) Chức Võ-hiển điện Đại-học-sĩ. Mất năm 1946 tại Hà-đông, thọ 73 tuổi.

Library HoangSa.Org

trọng-Phu, Quản-đạo Trần-văn-Lý [1] và Thương-tá Lê-văn-Định [2] sau này làm chánh án Tòa án Hỗn-hợp Đà-lạt.

Ấp được thiết lập trên vùng đất có địa thế thoai-thoải, với một con suối nhỏ [3] chảy qua.

Năm 1937, công-việc trồng rau hoàn-toàn làm bằng tay : tưới nước bằng bình tưới (Arrosoir de jardin), làm đất bằng cuốc (houe) và nia (fourche à bêcher) Nên địa-điểm này rất thích hợp cho nhà vườn. Ngày nay, với những máy bơm nước cỡ lớn (từ 10 đến 20 mã lực) nhà vườn có thể bơm nước tưới tới đỉnh những ngọn đồi cao, thành-thử những khu đất thấp như ấp Hà-đông hiện tại trở nên bất lợi, vì đất dưới thung-lũng quá ẩm-ướt (độ thoát thủy kém) và thường hay bị lụt khi trời mưa to.

Vấn đề đầu tiên và cũng là vấn đề then chốt cần phải có cho cuộc di dân lập ấp này là tài chánh.

Ông Lê-văn-Định nhân-danh Hội Tiểu Canh-nông Công-nghệ, đứng ra vay của ủy-ban Tương-tế Xã-hội Trung-ương Bắc-Kỳ (Comité

---

1. Ông Trần-văn-Lý sinh năm 1901 tại Quảng-trị, tri-phủ Thọ-Xuân Thanh-Hóa (1934-1935). Quản-đạo Thành-phố Đà-lạt (1936-1940). Tổng-Đốc Lâm-đồng-Bình-Ninh (Lâm-đồng, Đồng-nai-Thượng, Bình-thuận, Ninh-thuận) (1944-1945) Thủ-hiến Trung-việt (952-1954). Ứng cử viên Tổng-Thống Việt-nam Cộng-Hòa (1967). Mất năm 1970, thọ 69 tuổi.

— Quản-đạo là một chức quan Nam-triều, tòng tứ phẩm, phụ giúp công việc cai-trị thành-phố cho viên Đốc-Lý Công-Sứ (Résident Maire) người Pháp (Phạm-văn-Sơn, Việt-sử Tân-biên quyển IV, Saigon 1961, trang 325, 326).

2. Ông Lê văn-Định sinh năm 1897 tại Hải-dương, tốt nghiệp trường Pháp-chính (Ecole de Droit et d'Administration) năm 1922, Thương-tá Canh-nông tỉnh Hà-đông (1922-1933) 1933 nhập ngạch Huyện, Hội-trưởng Hội Tiểu-Canh-Nông Công-Nghệ (Association du petit Artisan Agriculteur) (1948-1954). Chánh án Tòa án Hỗn-hợp Đà-lạt (1950-1954) (Tribunal administratif de Đà-lạt).

3. Con suối nhỏ này đến năm 1942 được ty Công-chánh thị-xã ngăn lại làm thành hồ Vạn-Kiếp ngày nay. Cũng năm 1942, Toàn-quyền Jean Decoux cho xây cất một khu cư-xá cho công-chức Pháp ở Đông-dương lên nghỉ mát có chỗ ở. Khu cư-xá này nằm trong phạm-vi ấp Hà-đông, rải-rác xung quanh Hồ Vạn-kiếp và có tên là Cité Decoux. Năm 1950, một phần khu cư-xá được dùng làm doanh-trại của Liên-đoàn Ngự-lâm-quân (Garde Impériale) phần còn lại là trường Quốc-gia nghĩa-tử Bảo-Long. Năm 1957 trường này cải thành trường Trung-học Trần-hưng-Đạo và doanh-trại của Ngự-lâm-quân được dùng làm cư-xá viện Đại-học Đà-lạt ngày nay.

Library HoangSa.Org

Central d'aide mutuelle et d'assistance social du Tonkin) [1] một số tiền là 500$ (năm 1938) [2]. Ông trích ra 300$ gửi bưu-phiếu vào Đà-lạt cho Ông Trần-văn-Lý để nhờ Ông Lý thuê đồng-bào Thượng địa-phương làm giúp cho ba căn nhà, mỗi căn ba gian bằng gỗ lợp tranh, đồng thời chặt bớt những cây cỏ mọc quá cao.

Với nhiệt-tâm giúp-đỡ đồng-bào di dân, ông Trần-văn-Lý nhờ ông Huyện Thượng Hàn-Đăng [3] ở Đơn-dương mướn giúp một số đồng-bào Thượng ở gần Đà-lạt để cất mấy căn nhà trên và phát cỏ phá vườn.

Sau này những người đầu-tiên vào khai-phá đất đai, họ cũng nhờ Quan Quản-đạo Trần-văn-Lý mượn đồng-bào Thượng giúp họ, qua sự trung-gian của ông Huyện Thượng.

Tổn-phí làm ba căn nhà và phát cỏ hết 150$ [4]. Số tiền 150$ còn lại ông Trần-văn-Lý mua gạo, nước mắm để tiếp tế cho những người vào đợt đầu.

1. Ủy-ban Tương-tế Xã-hội Trung-ương Bắc-Kỳ là một Ủy-ban do Thống-sứ Bắc-kỳ đặt ra để cứu trợ những đồng-bào Bắc-kỳ bị thiên-tai (lụt, bão, hỏa-hoạn) quỹ của Ủy-ban là những cuộc lạc-quyên, xổ-số, chiếu bóng. Trụ sở đặt tại Câu-lạc-bộ Hội Việt-Nam Khai-trí Tiến-Đức (Cerle de l'association pour la formation intellectuelle et morale des Annamites-A F.I.M.A.—) đường Hàng Trống (Jules Ferry) Hà-nội. Chủ-tịch ủy-ban quản-trị (Le Président du Conseil d'Administration du Comité) là ông Võ-hiển Hoàng-trọng-Phu. Thủ-quĩ là Ông Lê-văn-Phúc.

2. Số tiền 500$ hồi năm 1938 tương-đương với 200.000$ năm 1969. (Theo tài-liệu của Ông Nhơn, Phụ-tá Giám-đốc Nha Khảo-cứu Ngân-hàng Quốc-gia Việt-Nam và Cô Trần-thị-Kim-Tú, Chủ-sự Phòng Vật-giá và Xã-hội Viện Quốc-gia Thống-kê Saigon.

3 Huyện Thượng hồi năm 1938 gọi là Huyện Mọi, là một Huyện của tỉnh Lâm viên (Langbian) ngày xưa. Ngày nay Huyện này là Quận Đơn-dương (Dran) và một phần của Quận Lạc-dương, Đức-trọng tỉnh Tuyên-Đức. Huyện này quản-trị hết tất cả đồng-bào Thượng cư-ngụ tại tỉnh Lâm-viên ngày xưa.

Quan tri-huyện hồi đó là Ông TOUNEH Hàn-Đăng, thuộc bộ-lạc Churu, sinh tại xã DIOM A, quận Dran tỉnh Đồng-nai-Thượng, nay là xã Kado quận Đơn-dương tỉnh Tuyên-đức.

Đồng-bào Thượng hồi đó, không biết tiếng Việt, không giao-tiếp gì với người Việt, nên khó mượn họ làm, họ chỉ làm công cho các chủ vườn theo lệnh của Ông Huyện Hàn-Đăng và theo sự hướng dẫn của một vài người lính Đạo gốc Thượng, những người lính này do quan Quản Đạo Trần-văn-Lý phái tới làm trung gian cho các chủ vườn và những đồng-bào Thượng đó. Đồng-bào Thượng tự đem trâu và dụng-cụ làm vườn của họ đến để cày đất, tự-túc ăn uống, tối đốt lửa và ngủ ngay tại vườn, không chịu vào nhà, dù chủ nhà có mời mọc.

4. Năm 1938, số tiền 150$ tương-đương với 60.000$ năm 1969.

Library HoangSa.Org

Trước khi vào Đà-lạt, Ông Lê-văn-Định tập họp các nhà vườn được tuyển-chọn đến nhà ông Victor Vouillon ở làng Ngọc-hà huyện Hoàn-long tỉnh Hà-đông (cạnh vườn Bách-thảo Hà-nội) để nghe ông này chỉ-dẫn thêm về cách trồng rau hoa theo phương-pháp tân-tiến của Âu-châu và ông Vũ-đình-Mấm, tham-tá Canh-nông chỉ-dẫn cách trồng rau đậu.

Sau đó họ còn được hướng dẫn đi xem các vườn tược của người Pháp ở Ngọc-Hà và trại nuôi gà của ông Võ-hiển.

Trong thời-gian sửa-soạn, mỗi nhà vườn được ông Lê-văn-Định cho vay ba tháng tiền, mỗi tháng 7$00 × 3 = 21$00 [1] để mua sắm vật liệu và chi-phí đi đường trích trong số tiền 200$ còn lại và tiền quĩ của Hội Tiểu Canh-nông Công-nghệ.

Khi vào Đà-lạt, ông Định còn can thiệp với Ủy-ban Tương-tế Xã-hội trung-ương Bắc-kỳ, để họ được tiếp tục vay mỗi nhân-khẩu hàng tháng và theo hoàn cảnh, họ có thể được vay liên tiếp trong khoảng thời gian từ sáu đến 18 tháng (Số tiền mà ông Định mượn của Ủy-ban Trung-ương Bắc-kỳ tổng-cộng lên tới 4000$ [1] trong năm 1938[2].

Muốn lên Đà-lạt, tất cả mọi người đều phải có giấy chứng chỉ sức khỏe và giấy chứng nhận đã chích ngừa các bịnh dịch hạch, trồng đậu, vì chính quyền Pháp ở Đà-lạt sợ dân chúng đem vi-trùng bệnh tật vào thành phố này.

Các nhà vườn được bác-sĩ Cao-xuân-Cẩm, một hội-viên của hội Tiểu Canh-nông Công-nghệ, khám sức khỏe và chích thuốc ngừa cho tại tỉnh Hà-đông.

Các nhà vườn vào Đà-lạt khai phá đất đai đầu tiên có 33 người.

Ấp Hà-đông hiện nay là một trong số 43 ấp của thành phố Đà-lạt, thuộc khu-phố Chín, nằm trong một thung-lũng dài ở phía Bắc thị-xã, giữa các ngọn đồi 1549, 5-1502, 7-1551, 00-1509 và 1525, 9 [3]. Phía bắc giới-hạn bằng đường vòng Lâm-viên (Route du tour de chasse) phía Nam là đường Nguyễn-công-Trứ, Phía Đông giáp đường Phù-Đổng Thiên-Vương ở mạn trên (Đông Bắc) và đường mòn phân ranh giữa ấp

1. 21$ hồi năm 1938 tương đương với 8.500$ năm 1969.
— 4000$ năm 1938 tương-đương với 1.600 000$ năm 1969.

2. Revue Indochine hebdomadaire 3e année N.122 jeudi 31 décembre 1942, page 10.

3. Những số trên chỉ cao-độ của những ngọn đồi ở trong ấp Hà-đông.

Library HoangSa.Org

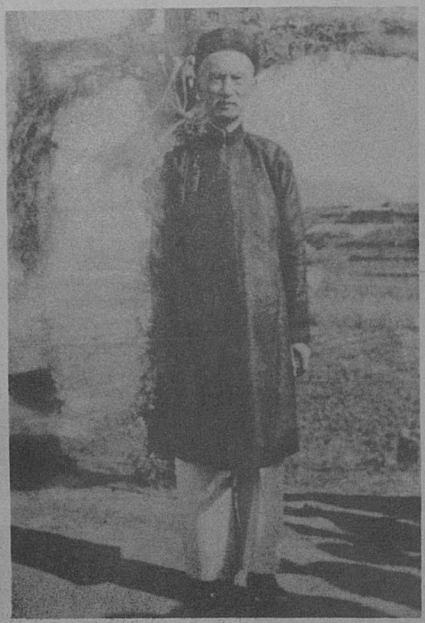

Ảnh chụp năm 1942

Hình 27 – Ông Võ Hiển Hoàng trọng Phụ (1873–1946)

Ảnh chụp năm 1967

Hình 28 – Ông Quản đạo Trần văn Lý (1901–1970) nguyên Ứng cử viên Tổng Thống

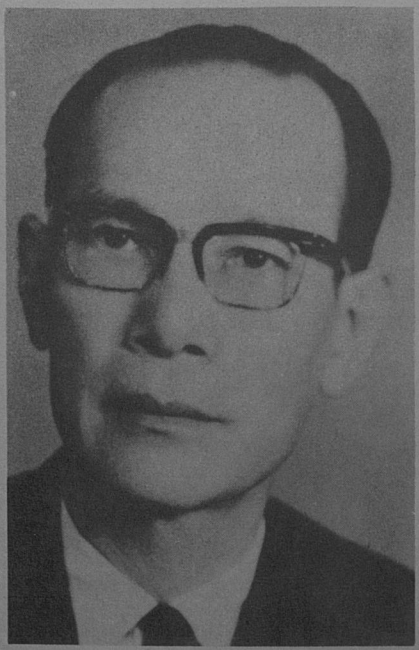

Ảnh chụp năm 1955

Hình 29 – Thẩm phán Lê văn Định

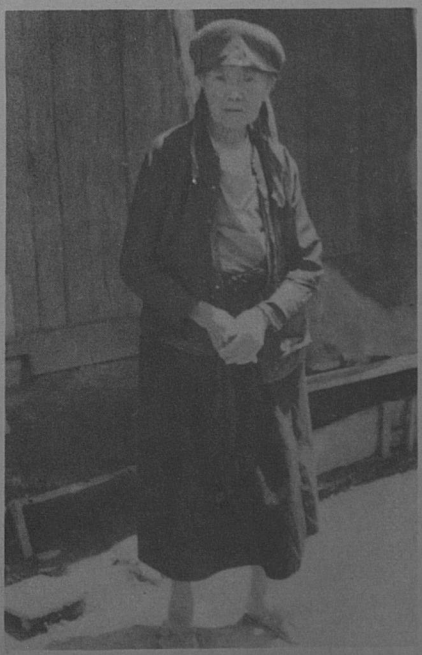

Ảnh chụp năm 1970

Hình 30 – Bà Nguyễn thị Huyến (Liên gia 5 ấp Hà đông) 76 tuổi với y phục của dân quê miền Bắc (mặc váy)

Library HoangSa.Org

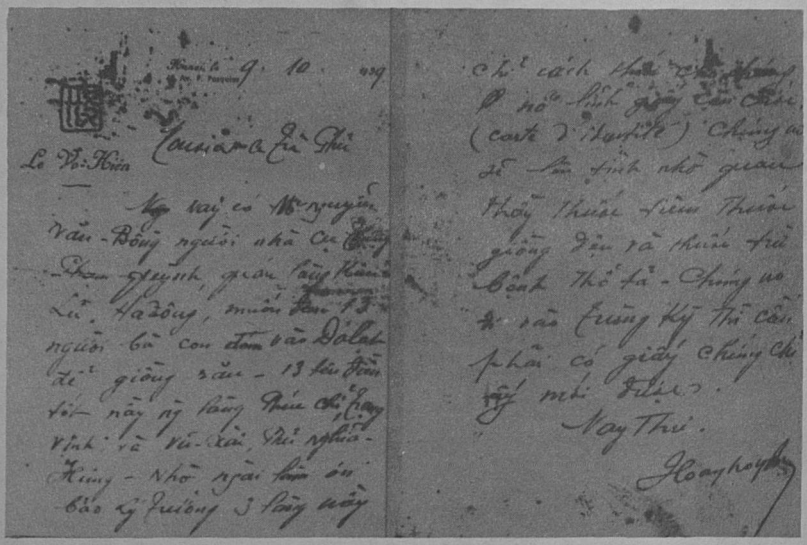

Hanoi, le 9. 10. 1939

Le Vô-Hiên

Cousin-Cu Trù Phú

Nay vậy có Mr Nguyễn Văn-Bồng người nhà Cụ Chung Phan-Quỳnh, quán làng Kim-Lu, Hadông, muốn đem 13 người bà con đem vào Dalat để giồng rau - 13 tên đều tốt nầy ng làng Phúc chỉ Trang Vịnh và Vũ-Xài, Phú nghĩa-Hùng - Nhờ ngài làm ơn bảo lý trưởng 3 làng nầy chỉ cách thức cho chúng nó lính giấy cần cước (carte d'identité) Chúng nó sẽ lên tỉnh nhờ quan thầy thuốc tiêm thuốc giồng đậu và thuốc trừ bệnh thổ tả - Chúng nó vào trường kỳ thì cần phải có giấy chứng chỉ ấy mới được.

Nay Thư.

Hoàng Trọng Phu

Hình 31 _ Giấy giới thiệu của Ông Võ Hiển Hoàng trọng Phu để Ông Nguyễn văn Bồng lo thủ tục người làm công vào Dalat năm 1939

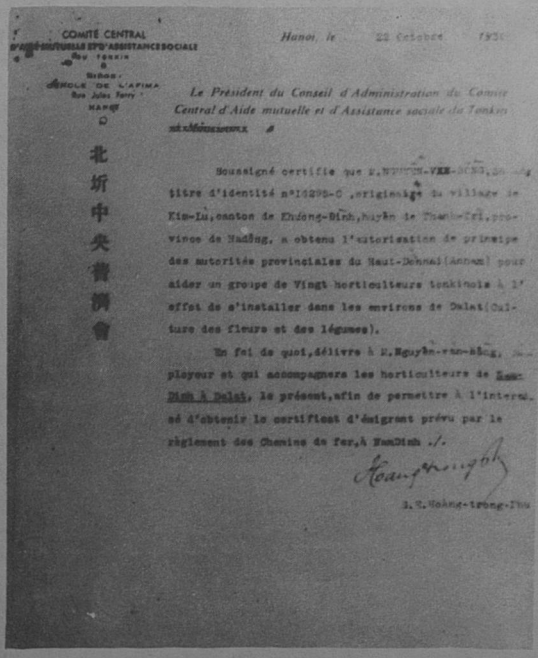

COMITÉ CENTRAL D'AIDE MUTUELLE ET D'ASSISTANCE SOCIALE
Rue Tonkin
Bidon
Cercle de l'Afima
Rue Jules Ferry
Hanoi

北圻中央普濟會

Hanoi, le 22 Octobre 1939

Le Président du Conseil d'Administration du Comité Central d'Aide mutuelle et d'Assistance sociale du Tonkin

Soussigné certifie que M. NGUYỄN-VĂN-BỒNG, [illegible] titre d'identité n°16295-C, originaire du village de Kim-Lu, canton de Khương-Đình, huyện de Thanh-Trì, province de Hadông, a obtenu l'autorisation de principe des autorités provinciales du Haut-Donnai (Annam) pour aider un groupe de Vingt horticulteurs tonkinois à l'effet de s'installer dans les environs de Dalat (Culture des fleurs et des légumes).

En foi de quoi, délivre à M. Nguyễn-văn-Bồng, employeur et qui accompagnera les horticulteurs de Nam-Dinh à Dalat, le présent, afin de permettre à l'intéressé d'obtenir le certificat d'émigrant prévu par le règlement des Chemins de fer, à NamDinh ./.

Hoàng trọng Phu

G. H. Hoàng-trọng-Phu

Hình 32 _ Giấy giới thiệu của Ông Hoàng trọng Phu để đem nhân công vào Dalat xin giảm giá vé xe lửa năm 1939

Library
HoangSa.Org

Ảnh chụp năm 1969

Hình 33 _ Một nhà vườn trong ấp Hà Đông cày đất bằng máy cày Kubota của Nhật Bản

Hình 34 _ Nhà vườn ấp Hà Đông làm đất bằng nĩa

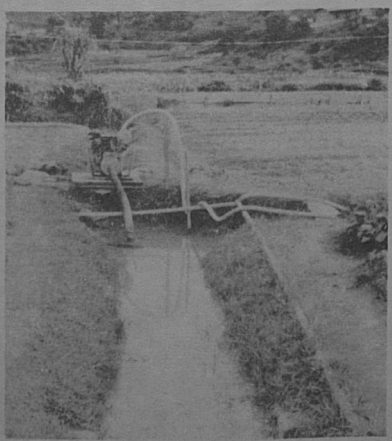

Hình 35 _ Nhà vườn ấp Hà Đông dùng máy bơm nước để tưới cây

Hình 36 _ Hai nhà vườn tưới rau bằng thùng

Library HoangSa.Org

Ảnh chụp năm 1969

Hình 37 _ Một giàn tưới nước tự động của Ông Nguyễn văn Bích tại ấp Hà đông

Hình 38 _ Đất được chia từng bậc để tránh soi mòn

Ảnh chụp năm 1969

Library HoangSa.Org

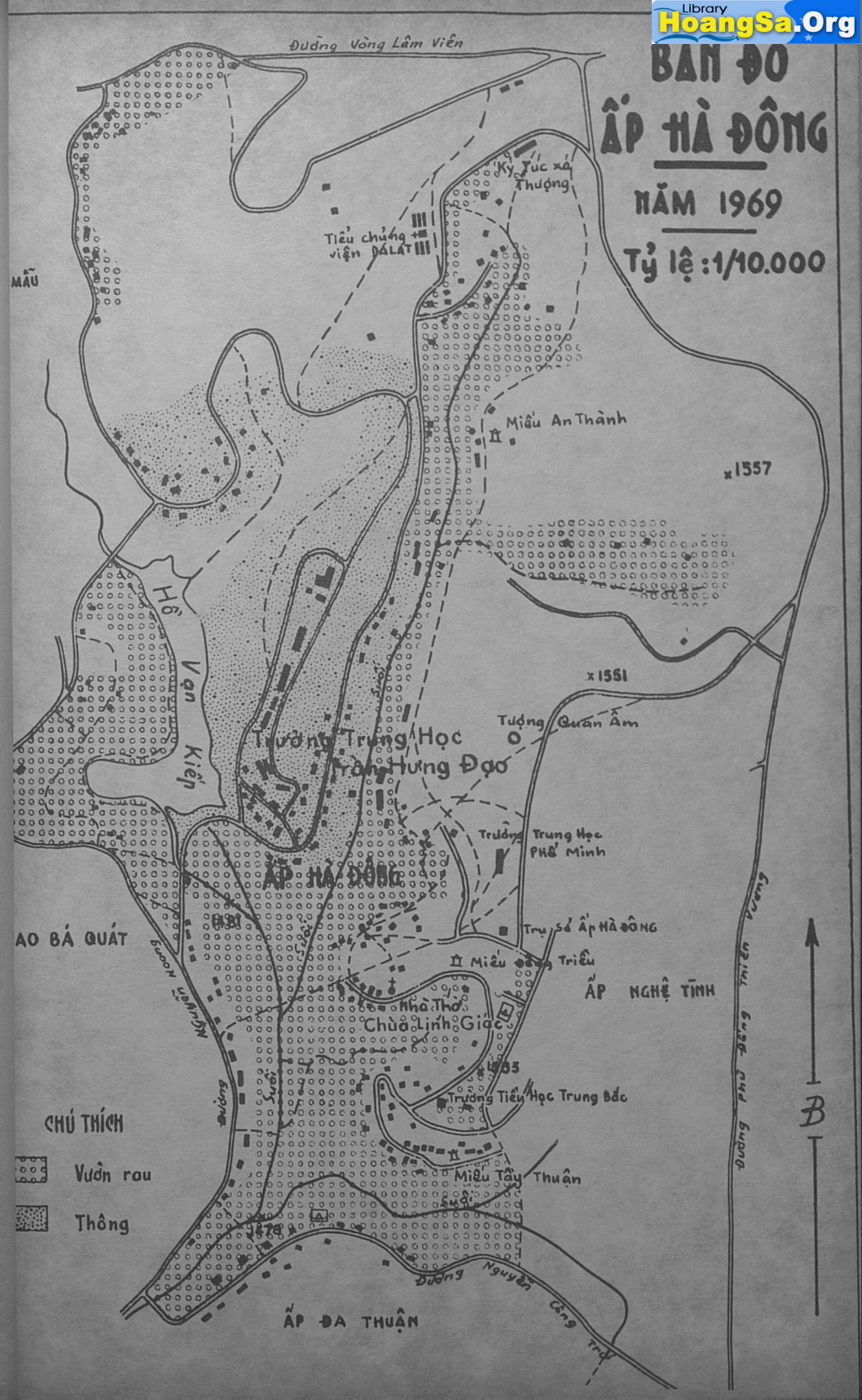

Library HoangSa.Org

Hà-đông và ấp Nghệ-tĩnh ở mạn dưới (Đông Nam), phía Tây giáp đường mòn phân ranh giữa ấp Thánh-mẫu và ấp Hà-đông (Tây Bắc) đường Nguyễn-Hoàng (Tây Nam).

Hồi mới thành-lập (năm 1938) theo ranh-giới lúc bấy giờ, ấp nằm ở phía Tây thành-phố.

Diện-tích của ấp là 166 mẫu tây (hectare) hay 1km², 66. Trong đó có 76 mẫu tây đất trồng trọt, 36 mẫu tây đất xây cất và 54 mẫu đất bỏ hoang.

DÂN CƯ ẤP HÀ-ĐÔNG

Dân số trong ấp tính đến tháng 12 năm 1969 là 1253 người, trong số này gồm có 596 nam và 657 nữ, ở rải-rác trong chín liên gia của ấp.

Người lớn tuổi nhất của ấp thuộc về phái nữ (82 tuổi) [1] và phái nam, người nhiều tuổi nhất được 79 tuổi [1], tuổi trung-bình của các nghiệp chủ là 45 tuổi.

Để tiện việc lập tháp tuổi cho ấp, chúng tôi chia số tuổi ra từng gấp năm tuổi một và theo giới tính.

GẤP TUỔI	NAM	NỮ	CỘNG	CƯỚC-CHÚ
1 tuổi đến 5 tuổi.	105	111	216	
6 — 10	102	120	222	
11 — 15	101	98	199	
16 — 20	75	81	156	
21 — 25	39	34	73	
26 — 30	16	31	47	
31 — 35	22	35	57	
36 — 40	24	37	61	
41 — 45	22	25	47	
46 — 50	34	34	68	
51 — 55	15	8	23	
56 — 60	13	16	29	
61 — 10	28	26	54	

(Tài-liệu của ban trị-sự ấp Hà-đông)

1. Cụ Nguyễn-thị-Lỏ 82 tuổi ở liên-gia 1 và Cụ Vũ-hữu-Ngùng 79 tuổi ở liên-gia 5.

Library HoangSa.Org

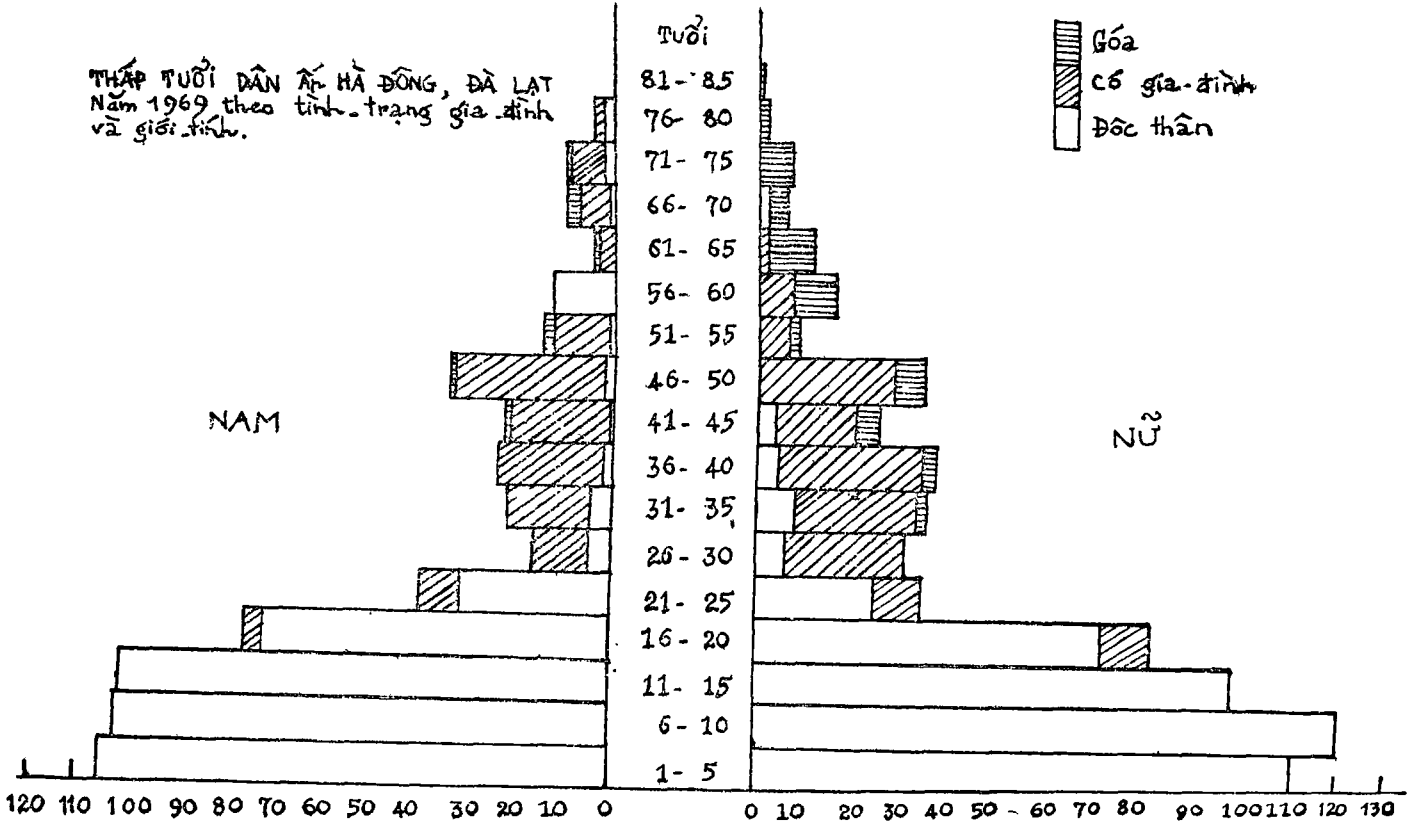

Library HoangSa.Org

Tháp-tuổi có dạng-hình nón, đỉnh là phía trên cùng của trục tung, đáy là trục hoành. Hình nón này có đáy rộng, nhưng hai bên sườn bị thót (hóp) lại và lồi lõm, dài, ngắn không đều.

Bốn gấp tuổi đáy khá nhiều người và cân-đối (từ một đến hai mươi tuổi). Chứng-tỏ sinh-xuất của ấp cao và đều, lớp tuổi này là những người dự-trữ cho mai sau, hiện nay họ chưa hoạt-động được nhiều.

Lớp tuổi từ 21 đến 25 là lớp tuổi hoạt-động nhiều nhất của ấp, lại sút giảm một cách bất thường.

Gấp tuổi 16 đến 20 tuổi có 156 người, gấp kế-tiếp 21 tuổi đến 25 tuổi, đột-nhiên lại giảm hơn một nửa còn 73 người.

Gấp tuổi 26 đến 30 tuổi là gấp ít người nhất trong lớp thanh-niên, có 47 người (chưa bằng 1/3 gấp tuổi 16 đến 20 tuổi).

Hiện-tượng trên cho ta thấy rõ ảnh-hưởng của tình-trạng chiến-tranh hiện nay. Chiến-tranh đã tiêu-hao một số thanh-niên và phân-tán một số đi khắp các nơi trong toàn quốc. Thanh-nữ, một số ở lại ấp, một số đi theo chồng, nên tháp tuổi bị lệch-lạc nhiều (16 nam đối với 31 nữ).

Từ gấp 31 tuổi đến 35 tuổi trở lên, tháp tuổi giảm dần cho tới hết. Đặc-biệt gấp tuổi 46 đến 50 tuổi đột nhiên nhiều hơn các gấp khác trong lớp tuổi hoạt-động (68 người: có 34 nam và 34 nữ), vì tuổi 46 đến 50 tuổi, không phải tòng ngũ và tới ấp làm lụng nhiều.

Các Cụ già không hoạt-động ở trong ấp cũng vừa phải (54 người chia ra 28 cụ ông và 26 cụ bà).

Tóm lại tháp tuổi của dân ấp Hà-đông là một tháp tuổi bất thường, tuy có dạng hình nón, nhưng trũng ở giữa chứng tỏ rằng dân ấp thiếu người sản-xuất rất nhiều. Trong tương-lai, khoảng mươi năm nữa, lớp người trẻ lớn lên, có thể sẽ tạo cho ấp một tháp tuổi hình nón đều đặn.

So sánh tháp tuổi của ấp Hà-đông với tháp tuổi của thị-xã Đà-lạt cùng năm 1969, ta thấy tháp tuổi của Đà-lạt đều đặn hơn, tuy rằng mấy gấp tuổi trên cũng hơi ít một chút, nhưng đó là những người không thể sản-xuất được nhiều, mà còn chứng tỏ thành-phố Đà-lạt là thành-phố của những lớp người trẻ và hoạt-động. Với tháp tuổi của ấp Nghệ-tĩnh, ta thấy hai tháp tuổi của hai ấp Hà-đông và Nghệ-tĩnh gần giống nhau,

Library HoangSa.Org

nhưng với tháp tuổi của ấp Đa-thiện, thì tháp tuổi của ấp Hà-đông còn cân-đối và đều-đặn hơn ấp Đa-thiện nhiều.

Như đã trình-bày ở trên, ấp Hà-đông được thành-lập do những người ở tỉnh Hà-đông di-dân vào để trồng tỉa rau hoa. Lúc đầu vào lập ấp (năm 1938) gồm toàn những người cư-ngụ xung-quanh Hồ Tây thuộc huyện Hoàn-long tỉnh Hà-đông, gần thành phố Hà-nội. Sau mới nới rộng đến những làng khác xa hơn, nhưng vẫn thuộc tỉnh Hà-đông. Trong khoảng từ năm 1939 đến năm 1942, vì vấn-đề nhân-công, nên một số người ở nnững tỉnh miền Bắc như Hà-nam, Hải-dương, Nam-định, Hưng-yên, Bắc-ninh... được các chủ vườn mượn vào làm công. Một số những người làm công này, sau khi mãn hạn đã ở lại ấp lập nghiệp luôn. Có 16 gia-đình ở trong ấp thuộc giới này.

Từ năm 1954 về sau, ấp không còn thuần-túy của người miền Bắc nữa, mà người Trung, miền Nam cũng đến ấp cư-ngụ rất nhiều.

Tuy vậy số người miền Bắc vẫn chiếm đa-số, kế đến người miền Trung và sau cùng là người miền Nam.

Kể theo thứ-tự thì số người sinh tại Đà-lạt nhiều nhất với 649 người, kế đến Hà-đông với 158 người, thứ ba là Quảng-ngãi với 94 người.

Người Quảng-ngãi vào Đà-lạt cư-ngụ nói chung và ấp Hà-đông nói riêng, thật sự nhiều từ các năm 1958, 1959 trở về sau, nhưng ấp Hà-đông đã mượn người Quảng-Ngãi từ năm 1955.

Sở-dĩ người Quảng-ngãi vào Đà-lạt sinh sống vì những lý-do sau:

1.— *Nông-dân thiếu đất màu mỡ để khai-thác:*

Thật vậy, đất đai tỉnh Quảng-ngãi hầu hết là núi đồi và rừng-rậm, tuy diện-tích toàn tỉnh khá lớn 6.981 km^2 [1]. Ruộng đất tại đây quá cằn cỗi không đủ để nuôi sống dân-chúng địa-phương, nên họ phải tìm đến những nơi trù phú để sinh-nhai, trong đó Đà-lạt là nơi họ đến nhiều nhất.

2.—*Vì lý-do an-ninh:* hầu hết dân-chúng ở các miền quê xa xôi hẻo lánh bỏ nhà cửa lên tỉnh-lỵ lánh cư. Tình-trạng trên xảy ra nhiều từ năm 1960 đến nay, gây nạn thất nghiệp trầm-trọng cho những nông-dân

1. Dân-số Việt-Nam theo đơn-vị hành-chánh trong năm 1964. Viện Quốc-gia Thống-kê xuất-bản, Saigon 1965, 250 trang, trang 214.

Library HoangSa.Org

này, khiến họ phải đi tới các tỉnh lân-cận kiếm việc. Nghề làm vườn khá thích-hợp với họ mà lại dễ tìm do đó họ lên Đà-lạt nhiều.

Riêng ấp Hà-đông, người Quảng-ngãi đến cư-ngụ nhiều vì ấp nằm trung độ, không quá xa trung-tâm thành-phố, mà cũng không ở hẳn ngoại-ô, ấp có an-ninh, nhiều chủ vườn có nhà trống cho họ ở nhờ, hoặc cho mướn, tiền công phải chăng và có việc làm thường-xuyên.

Sau hết là bởi dân ấp sẵn-sàng chấp nhận cho họ tới cư-ngụ tại ấp, không phân-biệt địa-phương, chủ thợ.

Có một số ấp, nhất là những ấp của các người Bắc Thiên-Chúa-Giáo di-cư, họ không chấp thuận cho người lạ đến cư-ngụ để bảo-đảm an-ninh và thuần-nhất cho ấp họ.

Từ năm 1955 tới nay (15 năm) người Quảng-ngãi tới ấp cư-ngụ là 94 người (39 nam và 55 nữ), xum họp trong 17 gia-đình. Tính trung-bình mỗi năm tăng sáu người hay một gia-đình. Lúc đầu tất cả đều ở nhà mướn, lần hồi có năm gia-đình đã mua đất cất nhà riêng để ở. Hiện nay chưa có gia-đình nào làm chủ được một thửa vườn cả, vì tiền làm ra chỉ đủ nuôi gia-đình, thảng hoặc có dư chút ít họ lại phải gửi về Quảng giúp đỡ bà con. Vài ba gia-đình khá hơn, đã có thể thuê đất của các chủ vườn không khai thác hết để trồng hoặc làm chia (Họ phải có vốn để mua phân, hạt giống).

Về phương-diện canh-tác, mấy chục người Quảng đến cư-ngụ tại ấp đã giúp cho các nhà vườn có nhân-công để trồng tỉa rau hoa.

Trước năm 1954, nguồn nhân công chính của các nhà vườn ấp Hà-đông là những người làm công gốc miền Bắc, từ năm 1954 đến nay, người Quảng-ngãi đã thay thế số nhân công mà dân ấp không thể mượn ở ngoài Bắc vào được.

Ấp Hà-đông nằm trong khu phố 9 thị xã Đà-lạt. Khu phố 9 có 3 ấp:

— Ấp Hà-đông.

— Ấp Nghệ-tĩnh.

— Ấp Đa-thiện.

Ấp Hà-đông thành-lập năm 1938 kế đến ấp Nghệ-tĩnh năm 1940 và sau cùng là ấp Đa-thiện năm 1956.

Về dân-số ấp Đa-thiện, nhiều người nhất với 2545 người, thứ

Library HoangSa.Org

nhì là ấp Hà-đông, với 1253 người, và sau cùng là ấp Nghệ-tĩnh với 786 người.

Tuy ít người, nhưng ấp Nghệ-tĩnh có mật-độ cao nhất 2.183 người/Km^2. Ấp Hà-đông 755 người/Km2 và ấp Đa-thiện 509 người/Km^2. Hai ấp Đa-thiện và Hà-Đông có mật-độ dưới 1.000 người (dân-số tương đối ít, so với đất đai hiện có. Ấp Hà-đông còn 54 mẫu (ha) chưa khai-thác, ấp Đa-thiện còn 150 mẫu (ha).

Ấp Nghệ-tĩnh hiện nay đã hết đất để trồng trọt, chỉ có một nửa dân ấp làm nghề trồng tỉa phân nửa còn lại làm các nghề khác.

Ấp Đa-thiện, xưa là nơi nuôi các thú rừng (sơn-dương, nai...) để Quốc-trưởng Bảo-Đại săn bắn. Đến năm 1956, ấp được thành-lập, nên người các ấp khác đến khai-phá rất nhiều.

Trong số này có 55 người, gồm 30 nam và 25 nữ nguyên là dân ấp Hà-đông. Họ là con cái các chủ vườn có tuổi ở trong ấp có tiền nhưng thiếu đất để khuếch-trương canh-tác, hoặc là cựu nhân-viên trong Ủy-ban Hành-chánh Khu-phố Chín, những người sau này được tòa thị-chánh Đà-lạt cấp đất cho không (các Ông Nguyễn-văn-Huyền, Nguyễn-hữu-Bái v.v...) Còn những người khác phải sang lại với giá rẻ, đất của những người được cấp, mà không thể tự khai khẩn được (các ông Nguyễn-phượng-Hiến, Nguyễn-phượng-Chai, Chu-văn-Chung).

Về nhà cửa, ấp Hà-đông có 190 nóc gia, trung-bình bảy người một căn, ấp Nghệ-tĩnh 121 nóc gia, trung-bình sáu người một căn và ấp Đa-thiện 379 nóc gia, trung bình sáu người một căn.

Các ấp trên đều có một mực sống trung-bình nhưng ấp Đa-thiện đồng đều hơn, vì mỗi gia-đình đều làm chủ đất của mình. Còn ấp Hà-đông và Nghệ-tĩnh có một số gia-đình không có đất, nên mực sống của họ không được sung túc bằng những gia-đình có đất.

✠

Library HoangSa.Org

BẢNG SO SÁNH DÂN-SỐ, SINH-QUÁN,
DIỆN-TÍCH VÀ NHÀ CỬA CỦA ẤP HÀ-ĐÔNG, NGHỆ-TĨNH
VÀ ĐA-THIỆN ĐÀ-LẠT NĂM 1969.

(Tổng hợp các tài liệu của Hội-đồng Hành-chánh
Khu-phố 9 Đà-lạt năm 1969)

ĐỀ-MỤC	Ấp Hà-đông	ấp Nghệ-tĩnh	Ấp Đa Thiện
A.— Dân số:			
1.— *Tổng số dân:*	1253	786	2545
— Nam	596	384	1227
— Nữ	657	402	1318
Mật-độ	755 người/ Km^2	2183 người/ Km^2	509 người/ Km^2
2.— *Sinh quán:*			
— Hà-đông	158	8	55
— Bắc-phần (trừ Hà-đông)	153	14	209
— Trung-phần (trừ Quảng-ngãi)	800	576	1604
— Quảng-ngãi	94	116	541
— Nam phần	48	72	136
B.— Diện tích canh-tác:			
a) Diện-tích ấp	166 ha	36 ha	500 ha
b) Diện-tích đã khai-thác	112 ha	36 ha	350 ha
c) Diện-tích chưa khai-thác	54 ha	0 ha	150 ha
C.— Nhà cửa:			
— Nhà ngói	65căn	11 căn	72 căn
— Nhà lợp tôle	152căn	110 căn	307 căn
— Nhà thờ	1	0	1
— Chùa	1	0	2
— Miếu	3	2	2
CỘNG	195căn	123 căn	384 căn

Library HoangSa.Org

Về tình trạng gia đình, dân ấp Hà-đông chia ra:

— Độc thân : 873 người.
— Có gia-đình : 319 người.
— Góa : 61 người.

a) *Những người độc thân*:

Số người độc thân là 873 người chia ra như sau:

— Trẻ nít (từ 1 đến 5 tuổi) : 216 người.
— Học-sinh (từ 6 đến 17 tuổi) : 489 người.
— Sinh-viên (từ 18 đến 25 tuổi) : 18 người.
— Tu-sĩ : 12 người.
— Người giúp việc (con gái) : 30 người.
— Chưa và không thích lập gia-đình : 42 người.
— Thợ làm vườn (trai và gái) : 66 người.

CỘNG : 873 người.

b) *Những người có gia-đình*: là 319 người chia ra:

— Gia-đình một vợ một chồng:

138 gđ × 2: 276 người.

— Gia đình đa thê:

16 gđ gồm 43 người (2 vợ 10 gia-đình, 3 vợ ba gia-đình, 4 vợ ba gia-đình)

c) *Những người góa*: có 61 người, chia ra:

— Đàn ông : 11 người.
— Đàn bà : 50 người.

Vấn đề sinh xuất và tử xuất: những tài-liệu thu-thập được của chúng tôi, một phần là tài-liệu của Phòng Thống-kê Địa-phương Đà-lạt, và một phần do sự tìm kiếm riêng của chúng tôi ở các ấp, các khu-phố, Tòa-án Đà-lạt và thị-xã Đà-lạt.

a) *Sinh-xuất của ấp Hà-đông trong bốn năm 1964, 1965, 1968 và 1969:*

Sinh xuất của ấp Hà-đông năm 1964 là 43,57‰, năm 1965 là 41,3‰, năm 1968 là 35,10‰ và, năm 1969 là 19,15‰. Sinh xuất trung

Library HoangSa.Org

bình bốn năm trên là 34,78‰ [1] trong khi sinh xuất trung bình trong bốn năm trên là 52,40%.

Sở dĩ sinh xuất của dân ấp Hà-đông kém sinh xuất thị xã vì số trẻ sơ sinh ở trong ấp không được làm khai sinh ngay tại khu phố mình ở. Bởi ấp Hà-đông và cả Khu-phố Chín Đà-lạt không có một nhà bảo sanh-công hay tư nào. Nếu sinh tại các nhà bảo sanh công, đứa trẻ được phép khai sinh tại khu phố cha mẹ chúng cư ngụ, trái lại sinh tại nhà bảo sanh tư, cha mẹ đứa trẻ phải khai sinh cho con mình ở khu phố có nhà bảo sanh đó. Đa số các bà mẹ ở trong ấp thích sinh ở nhà bảo sanh tư, vì họ có tiền và để đỡ phiền phức cho gia đình như mang cơm và giặt giũ hàng ngày...

Theo sự dò hỏi của chúng tôi thì khoảng một nửa các bà chủ vườn sinh con ở nhà bảo-sanh tư, chỉ những người sinh con đầu lòng, những người sợ khó sinh, những người không dư giả lắm và đa-số vợ công-chức, quân-nhân là sinh con tại nhà bảo-sanh công của thị-xã.

Trung-bình số người làm khai-sinh cho con mình ở các khu-phố khác khoảng 40% tổng-số các trẻ sơ-sinh của dân ấp.

b) *Tử xuất ấp Hà-đông những năm 1964, 1965, 1968:*

Tử xuất năm 1964 là 4,15‰, năm 1965 là 4,91‰, năm 1968 là 5,71‰, và năm 1969 là 2,4‰. Tử xuất trung-bình trong 4 năm trên là 4,29‰. Trogn khi tử xuất thị xã Đà-lạt trung-bình trong 3 năm (từ 1964, 1965, 1668) là 4,67‰ và riêng năm 1968 là 7,00‰ (với 571 người chết và dân số 81.487). [2]

Năm 1968, là biến-cố «Mậu-thân», nên tử-xuất tăng lên 7‰ nhiều gấp hai lần, hơn các năm khác. Năm 1969, chưa có tài-liệu, nên chưa tính được, tử-xuất của ấp HÀ-ĐÔNG (4,29‰ cũng suýt-soát với tử-xuất của thị-xã Đà-lạt (4,67‰) tỷ-lệ tương-đối thấp so với các thành-phố-khác.

---

1. Các tỉ lệ trên căn cứ vào các số trích trong sổ khai-sinh của Khu-phố Chín Đà-lạt, các sổ năm 1964, 1965, 1968, 1969, hiện lưu-trữ tại trụ sở ủy-ban Hành-chánh Khu-phố Chín Đà-lạt và tại Tòa-án Sơ-thẩm Đà-lạt cùng tài-liệu của Phòng Thống-kê địa-phương Đà-lạt và số đếm ở trong sổ danh-bộ ấp Hà-đông, lưu-trữ tại nhà Ông Trưởng-ấp Hà-đông Đà-lạt năm 1969.

2. Các tỉ lệ trên căn cứ vào các con số trong sổ khai-tử của Khu-phố Chín Đà-lạt, lưu-trữ tại trụ-sở Ủy-ban Hành-chánh Khu-phố Chín và Tòa án Đà-lạt.

Library HoangSa.Org

Cũng như sinh-xuất, tử-xuất của ấp trong những năm nêu trên được rút trong sổ khai-tử của Khu-phố Chín thị-xã Đà-lạt. Nhưng theo sự nhật-xét của các ông Trưởng ấp Hà-đông Nguyễn-hữu-Tý và ông Nguyễn-duy-Viễn, cựu Ủy-viên Hộ-tịch Khu-phố Chín (Năm 1959-1963), thì tử-xuất của ấp có khác đôi chút, chẳng hạn năm 1964 là 4 thay vì 2 và năm 1968 là 7 người thay vì 5.

Sở-dĩ có sự sai-biệt như vậy, nguyên-do vì có một số trẻ em chết không chịu khai-tử (họ tự động mang chôn, ấp ở sát nghĩa-trang thành-phố, chỉ cách một con đường lộ) và một số quân-nhân tử-trận ngoài đơn-vị, được thân-nhân khai-tử tại địa phương tử-trận rồi mới đem xác về ấp chôn. Dầu sao thì mức chênh-lệch cũng không quá lớn lắm.

c) *Tăng-xuất* (*accroissement naturel*) :

Tăng-xuất của ấp Hà-đông là 31,42‰

Và của thị-xã Đà-lạt là 47,73‰

Tăng-xuất của ấp Hà-đông và của thị-xã Đà-lạt tương-đối cao là vì khí-hậu Đà-lạt tốt, mực sống tương đối đầy đủ, dân chúng biết sống theo phép vệ-sinh, nên ít bệnh tật, tử-xuất nhỏ.

d) *Các giai-đoạn gia-tăng dân-số* :

Sau hơn 30 năm thành-lập, một thời-gian khá ngắn ngủi, mà ấp Hà-đông đã trải qua ba biến-cố quan-trọng của lịch-sử nước nhà. Các biến-cố này ảnh-hưởng rất nhiều đến sự phát-triển dân-số của ấp, đó là các biến-cố năm 1945, 1954 và 1963, trừ biến-cố năm 1945, làm giảm sự gia-tăng dân-số của ấp. Hai biến-cố năm 1954 và năm 1963 là hai giai-đoạn gia-tăng chính của ấp.

Ta có thể chia sự gia-tăng dân-số của ấp làm hai giai-đoạn :

— Giai-đoạn 1 :

Năm 1938 đến năm 1955.

— Giai-đoạn 2 :

Năm 1956 đến năm 1969.

1.— *Giai-đoạn 1* :

Giai-đoạn này có thể chia ra hai giai-đoạn nhỏ nữa là giai-đoạn năm 1938 đến năm 1945, tức là giai-đoạn thành-lập ấp và giai-đoạn năm 1946 đến năm 1955 hay giai-đoạn phát-triển.

a) *Giai-đoạn thành-lập ấp* : từ năm 1938 đến năm 1945.

Library HoangSa.Org

Được thành-lập khoảng cuối tháng 5 năm 1938, đợt đầu tiên có 33 người, ở các làng Quảng-bá, Nghi-tàm, Vạn-phúc và Ngọc-hà.

Sau đó hai tháng, vào đầu tháng tám năm 1938, có thêm bốn gia-đình, chứ thực ra họ là những người cùng một làng nhập lại, mỗi làng ở một căn nhà, nên gọi là bốn gia-đình.

Qua năm 1939, có vài gia-đình vào thêm, thì lại có mấy gia-đình, thuộc các làng Nghi-tàm và Ngọc-hà, vì nhớ quê và không chịu được sự cực nhọc, nên họ bỏ về, do đó dân-số coi như không tăng là bao nhiêu.

Từ năm 1940 đến đầu năm 1942, sau khi làm lụng mấy năm trời, dành-dụm được mỗi người một số tiền và mỗi người cất được một căn nhà, lúc bấy giờ họ mới về Bắc đón vợ con, hoặc người nhà vào.

Số gia-đình đang từ 11 lên đến 28 gia-đình và số người từ 40 lên tới 200 người.

Cuối năm 1942 và đầu năm 1943, ấp thêm 31 gia-đình nữa là 59 gia-đình, những người vào dịp này, phần nhiều là những người đi làm công cho mấy người vào hồi đầu.

Bắt đầu từ cuối năm 1943 đến năm 1948, vì tình-hình bất an, sự giao-thông gián-đoạn [1] nên không có người vào thêm. Ngược lại, năm 1946, theo lệnh tản-cư và tiêu-thổ kháng-chiến của Ủy-ban Nhân-dân thành-phố. Các gia-đình trong ấp, một số tản cư xuống Đơn-dương (Dran), Cầu-đất (Arbre-Broyé) hay đi Phan-rang (Ninh-thuận), Phan-thiết (Bình-thuận). Một số về thẳng Bắc, đó là mấy gia-đình thuộc các làng Tây-tựu, Ngọc-hà, họ về Bắc vì cảm thấy không ưa-thích nghề trồng rau hoa.

b) *Giai-đoạn phát-triển :*

Từ năm 1946 đến năm 1955. Dân ấp tản-cư đi các nơi gần hai năm trời (từ đầu năm 1946 đến cuối năm 1947) mới hồi-cư. Thời kỳ này, vườn tược cỏ mọc xanh rì, hột giống không có, nhà vườn hết sức cực khổ, nhưng ấp cũng thêm được năm gia-đình, họ là những gia-đình hỗn-hợp Bắc Trung đầu tiên của ấp, vì trước đó, ấp toàn là người Bắc, đến thời kỳ này, có một số trai-tráng khi tản cư họ lập gia-đình với những người địa-phương.

---

1. Cuối năm 1945 đường xe lửa Hà-nội Đà-lạt bị gián-đoạn vì phi cơ đồng-minh oanh-tạc phá hủy nhiều đoạn. Mãi tới năm 1948 mới có đường hàng không Đà-lạt Hà-nội.

Library HoangSa.Org

Dân-số cứ tiếp-tục tăng đều đều khi sự giao-thông trở lại bình-thường.

Đến ngày 20 tháng 7 năm 1954, hiệp-định Genève phân-chia đất nước ra làm hai miền. Số người Bắc di-cư vào Ấp trong hai năm 1954 và 1955 lên đến 31 gia-đình.

Tính từ 1938 đến nên năm 1955 ấp tăng từ bảy gia-đình lúc đầu lên đến 108 gia-đình.

2.— *Giai-đoạn 2* :

Từ năm 1956 đến năm 1969. Giai-đoạn này không có người Bắc vào, hay trở về Bắc lại nữa. Chỉ có những gia-đình ở Trung tới, mà phần lớn là người Quảng-ngãi, tính trung-bình mỗi năm tăng thêm vài ba gia-đình.

Từ năm 1963 trở về sau, tình-hình miền Trung bất-an, dân chúng rời quê quán vào Đà-lạt làm ăn nhiều.

Ấp Hà-đông cũng có một số gia-đình đến cư-ngụ. Họ vì không có tiền và không biết nghề nên thường tìm đến các ấp trồng rau cư-ngụ, làm công cho chủ vườn.

Năm 1964, ấp tiếp-nhận thêm 17 gia-đình người Quảng vào cư-ngụ, năm 1965 thêm 7 gia-đình và năm 1966 thêm 11 gia-đình, cho nên năm 1969 ấp có 181 gia-đình cư-ngụ.

Trung-bình mỗi năm ấp tăng thêm sáu gia-đình khoảng 42 người.

Vì địa thế của ấp gần thành-phố, giao-thông thuận-lợi, đất còn rộng và an-ninh, nên chắc-chắn dân-số của ấp còn tăng-thêm nữa.

3.— TỔ-CHỨC HÀNH-CHÁNH ẤP HÀ-ĐÔNG

Về phương-diện hành-chánh, hiện nay ấp thuộc Khu-phố Chín, thị-xã Đà-lạt.

Hiện nay, ấp có một ban trị-sự gồm một trưởng-ấp, một phụ-tá trưởng ấp, một ủy-viên hành-chánh và một ủy-viên an-ninh. Ban trị-sự do dân ấp bầu lên bằng cách phổ-thông đầu phiếu, nhiệm-kỳ là ba năm.

Hồi mới thành-lập (1938) ấp trực thuộc văn-phòng quan Quản-đạo. Đến năm 1942 ấp sát-nhập vào phường đệ tứ (Quatrième Quartier).

Library HoangSa.Org

Năm 1948, khi hai ấp Hà-đông và Nghệ-tĩnh đã phát-triển và khá đông người. Ông Lê-văn-Định vận-động với chính-quyền địa-phương tách hai ấp trên ra khỏi phường đệ Tứ, để lập một phường mới gọi là phường Trung — Bắc hay làng Trung-Bắc. (Quartier de Trung-Bắc) do nghị-định số 89 ngày 8 tháng 9 năm 1948 của Thị-trưởng Đà-lạt [1]

Ban hội-đồng làng có Lý-trưởng, Phó-lý và một số tuần-tráng để giữ an-ninh.

Về Lý-trưởng và Phó-lý thì hai ấp cứ luân-phiên nhau để cử người trong ấp mình ra đảm trách khỏi phải bầu.

Nghiệm kỳ này ấp Hà-đông được cử lý-trưởng thì ấp Nghệ-tĩnh cử Phó-lý và nhiệm kỳ sau thì ngược lại [2].

---

1. Arrêté municipal N⁰ 89 le 8 septembre 1948 pour l'Administrateur-Maire de la ville de Dalat:

— *Article 1er:* Il est créé à Dalat un quartier Vietnamien pour fusion des anciens hameaux d'horticulteurs Tonkinois Hà-Đông et Nghệ-tĩnh qui prendre le nom de Quartier de Trung-Bắc.

— *Article 2è:* Les limites de ce Quartier sont celles portées au plan annexé au présent arrêté.

— *Article 3è:* Ce Quartier disposera d'élément de l'Administration communale traditionnelle Vietnamienne.

2. Trong nhiệm kỳ đầu năm 1948-1949, Lý-trưởng là người ấp Nghệ-tĩnh, còn Phó-lý là người ấp Hà-đông.

Số thứ tự	Nhiệm kỳ	Lý-trưởng	Phó-Lý
1	1948-1949	Ô. Lê-Khôi (Nghệ-tĩnh)	Ô. Nguyễn-xuân-Tảo (Hà-đông)
2	1949-1950	Ô. Nguyễn-xuân-Tảo (Hà-đông)	Ô. Nguyễn-Chỉnh (Nghệ-tĩnh)
3	1950-1951	Ô. Nguyễn-thiện-Chín (Hà-đông)	Ô. Nguyễn-Chinh (Nghệ-tĩnh)
4	1951-1952	Ô. Nguyễn-Chinh (Nghệ-tĩnh)	Ô. Nguyễn-hữu-Bái (Hà-đông)
5	1952-1953	Ô. Nguyễn-hữu-Bái (Hà-đông)	Không có

Năm 1953 làng Trung-Bắc được cải thành khu-phố Chín, Ông Nguyễn-hữu-Bái, được bầu làm Chủ-tịch Ủy-ban Hành-chánh khu-phố 9 đến mãn 1965.

Library HoangSa.Org

Năm 1953 làng Trung-bắc được đổi thành khu-phố Chín như ngày nay do nghị-định số 757/NĐ/HTCT ngày 17-11-1953 của Khâm-mạng Hoàng-triều Cương-thổ tại Đà-lạt [1].

Theo nghị-định này, khu-phố Chín, ngoài hai ấp Hà-đông và Nghệ-tĩnh còn thêm ấp Đa-thiện, ranh giới này, ngày nay vẫn còn dùng.

NGUYỄN NHÂN BẰNG

---

1. Arrêté Nº 757-NĐ-HTCT le 17 novembre 1953 pour le Directeur du Cabinet de sa majesté Bảo-Đại Ministre d'état, Délégué Impérial pour les pays Montagnards du Nord et les pays Montagnards du sud du domaine de la couronne.

Vu l'ord.....

Arrêté :

Article 1er : La ville de Da-lat est divisée administrativement en dix quartiers dont les limites respectives précisées par le plan au 1-20000 annexé à l'original du présent arrêté, sont définies comme suit :

. . . . . .

9. Le neuvième quartier ou Trung-Bắc est limité :

a) Au nord par le tour de 99 points.

b) A l'Ouest par la route Nguyễn-Hoàng.

c) Au sud par la route Nguyễn-công-Trứ, une partie de l'Avenue de Bà Huyện Thanh-Quan et la rivière Cam-Ly.

d) A l'Est par la rivière Cam-Ly.

— *Article 2e* : Le secrétaire général des pays Montagnards du Sud du Domaine de la Couronne et le Maire de Da-lat sont chargés, chacun en ce qui concerne de l'exécution du présent arrêté...

Library HoangSa.Org

TÌNH-TRẠNG HIỆN TẠI VÀ TRIỂN-VỌNG TƯƠNG-LAI CỦA NGÀNH TRỒNG CÂY ĂN TRÁI ÔN-ĐỚI TẠI ĐÀ-LẠT

▽ PHẠM VĂN LỘC

Việt-Nam là một nước thuộc vùng Nhiệt-Đới cho nên đa số các loại cây ăn trái đều là các loại cây thuộc vùng này. Tuy nhiên một số các loại cây ăn trái thuộc vùng Ôn-Đới cũng được du nhập do người Pháp hay Trung-Hoa (Mận, Hồng, Đào, Táo.v.v...) trồng tại các vùng Cao-Nguyên (Đà-lạt) và các tỉnh miền Bắc, có khí hậu ôn hòa tương đối hợp với c c loại cây này.

Tại Đà-lạt một số cây ăn trái Ôn-Đới đã được các nhà trồng tỉa chú ý đến, nhất là các loại Mận, Đào, Hồng, và khai thác với một diện tích rất khiêm nhượng 32,4 mẫu cho riêng Thị-Xã Đà-lạt và 160,4 cho các quận Đơn-Dương, Đức-Trọng và Lạc-Dương. Vì các loại cây hiện trồng tại Đà-lạt không được tuyển chọn kỹ, và kỹ thuật canh-tác rất thô-sơ không được các nhà vườn chú trọng đến nhiều nên phẩm chất cũng như sản lượng rất kém, tuy thế trong năm 1969, Thị-Xã Đà-lạt đã sản-xuất được 106 tấn mận, 8, 7 tấn hồng và 4, 8 tấn đào.

Trở ngại duy nhất cho việc phát triển ngành trồng cây ăn trái Ôn-Đới tại Đà-lạt là độ lạnh cần thiết (Chilling requirement) cho cây trong thời gian hưu miên quá ngắn. Thường tại các xứ thuộc Ôn-Đới lá của các loại cây này sẽ rụng hoàn toàn trong mùa Thu, cây chỉ còn trơ lại cành sẽ đi vào thời gian hưu miên, thời gian mà mọi hoạt động sinh lý của cây, trừ hệ-thống rễ, ngưng hẳn kể cả sự hấp thụ quang tổng hợp để cấu tạo các lục diệp tố. Bộ phận hoạt động duy nhất của cây trong thời gian này là hệ thống rễ; rễ sẽ hấp thụ các dưỡng chất trong đất để nuôi dưỡng cây và cấu tạo các chất tán-thán (Carbohydrate) hầu cung cấp cho các chồi hoa, lá trong mùa tới. Trong thời gian hưu-miên trên, một độ lạnh tối th ều rất cần thiết, tùy theo loại cây, để các chồi hoa-lá giữ nguyên trạng thái bất động (chồi ngủ), chờ đến khi cây đã xúc tích đầy đủ các chất tán thán mới nẩy nở và phát-triển. Trong trường hợp thời gian và độ lạnh tối thiểu trên quá ngắn, sự cấu tạo các chất tán-thán chưa đủ, các chồi hoa lá sẽ tiếp tục bất-động (ngủ), hoặc thời gian trổ hoa và trái của cây sẽ kéo dài, hoặc cây trổ hoa-lá cùng một lượt, trái với nguyên tắc căn bản về sinh lý của cây là chồi hoa phải trổ trước chồi lá; kết quả trên cũng ảnh-

Library HoangSa.Org

hưởng đến hình dáng của trái (Trái to, Trái nhỏ) và phẩm lượng rất kém.

Vì các trở ngại trên nên các loại cây ăn trái ôn-đới chỉ được trồng tại Đà-lạt, một vùng Cao-nguyên với một cao độ 1.500 thước; nhiệt độ trung bình hàng năm là 20^0C và nhiệt độ tối thiểu tuyệt đối một đôi khi xuống đến 4^0 hay 5^0C trong các tháng một và hai dương lịch. Mùa mưa bắt đầu từ tháng 4 và chấm dứt vào tháng 10. Khí hậu Đà-lạt tương đối lạnh và ẩm ướt. Sương mù có rất thường do đó quang độ bị giảm đồng thời ẩm-độ gia-tăng. Trung bình nước mưa hứng được tại Đà-lạt hàng năm là 1.600 ly.

Đà-lạt là một vùng có đất Podzolic vàng đỏ, các tầng đất A, B, C, hiện ra rất rõ ràng; dưới tầng A nhiều chất hữu cơ, màu đất thay đổi rất rõ từ đỏ sang vàng (B và C) và nhiều sét ở tầng dưới hơn trên. Nồng độ (pH) thường từ 4,5 đến 5,0.

Phụ-bảng 1. Nhiệt độ và Vũ lượng tại Đà-lạt.

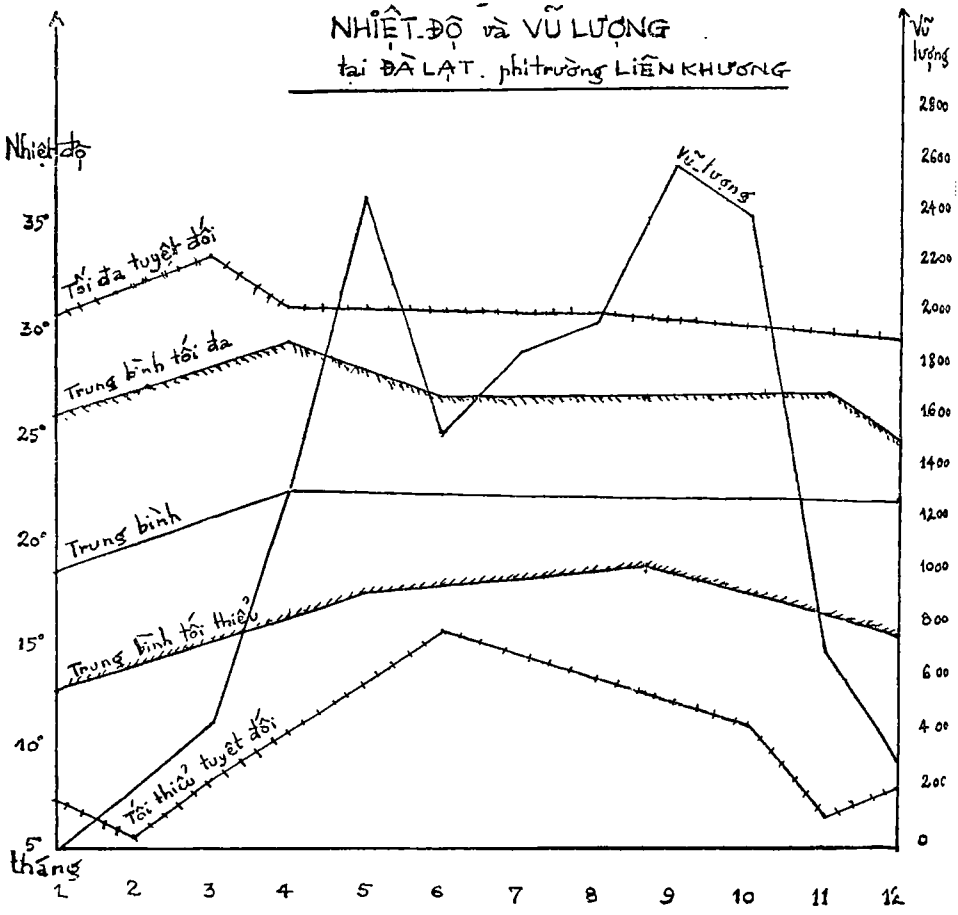

Library HoangSa.Org

TÌNH-TRẠNG HIỆN-TẠI

1.— *Diện-tích canh-tác :* Tại miền Nam Việt-Nam, các loại cây ăn trái ôn-đới chỉ được trồng tại Đà-lạt và các vùng phụ cận thuộc Tỉnh Tuyên-Đức. Loại cây được các nhà vườn chú trọng và khai thác nhiều nhất là Mận, Hồng và Đào, tuy nhiên một số các loại cây khác như Táo, Lê (Xá-lị) Nho cũng được trồng tại một số các tư gia. Vì kỹ thuật canh tác không được các nhà vườn lưu ý đến, nên tuy diện tích trồng các loại cây này rất lớn (192,8 mẫu) nhưng sản lượng rất kém. Theo tài liệu thống kê trong năm 1969, Đà-lạt đã sản xuất 140 tấn, trong đó Mận đã chiếm hết 106 tấn còn lại là Hồng và Đào. Phần lớn các giống hiện trồng tại Đà-lạt đều xuất xứ từ Pháp và Trung Hoa.

Phụ-bảng 2. Diện-tích canh tác các loại Mận, Hồng, Đào tại Đà-lạt và Tỉnh Tuyên-Đức.

Nơi Canh-Tác	Diện-Tích Canh-Tác (Mẫu)	Năng xuất hàng năm
Quận Đơn-Dương	108,0 mẫu	346 tấn
" Đức-Trọng	48,4 "	182 "
" Lạc-Dương	4,0 "	14 "
Thị-Xã Đà-lạt	32,4 "	140 "
Tuyên-Đức + Đà-lạt	192,8 mẫu	682 tấn

Phụ-bảng 3. Địa-điểm canh-tác, diện-tích và sản lượng hàng năm của các loại cây ăn trái ôn-đới tại Đà lạt.

Loại Cây	Địa-Điểm Trồng	Diện-Tích (Mẫu)	Số Cây Trồng	Năng Xuất/Năm
Mận		21,66 mẫu	18.220 cây	106,100 tấn
	Quảng-Hiệp	11,80 "	10.080 "	52,500 "
	Trại-Hầm	5,20 "	4.480 "	53,400 "
	Hồng-lạc	0,16 "	160 "	1,700 "
	Vài nơi khác	4,50 "	3.500 "	18,500 "
Hồng		2,93 mẫu	1.460 cây	8,700 tấn
	Trại-Hầm	1,23 "	680 "	4,500 "
	Hồng-Lạc	0,40 "	130 "	1,500 "
	Đa-Thiện	0,50 "	240 "	0,700 "
	Vài nơi khác	0,80 "	390 "	2,000 "
Đào		1,60 mẫu	520 cây	4,800 tấn
	Hồng-Lạc	0,10 "	40 "	1,000 "
	Vài nơi khác	1,50 "	480 "	3,800 "

Library HoangSa.Org

2.— *Kỹ-Thuật Canh-Tác:* Hiện nay kỹ-thuật canh-tác các loại cây này không được các nhà vườn chú trọng đến; sự tỉa cành và bón phân hầu như bị các nhà vườn quên lãng do đó cây mọc rất sum sê, rất nhiều cành, nhưng các cành này không được phát triển mạnh, rất nhỏ và yếu, nên năng xuất rất kém. Khoảng cách thường được các nhà trồng tỉa áp dụng là 3 × 3m hay 4 × 4m. Khoảng cách giữa các cây quá nhỏ nên cây dễ bị các bệnh nấm và côn trùng phá hại, ngoài ra các nhà vườn không chịu xịt thuốc trừ sâu hay bệnh nấm nên số cây bị chết và hư rất nhiều.

Các giống Mận, Hồng, Đào hiện trồng tại Đà-lạt đều là những giống du nhập, chỉ biết nơi xuất xứ còn tên của giống cây không một nhà vườn nào biết cả. Phẩm lượng các loại trái sản xuất tại Đà-lạt nếu so sánh với các loại trái trồng tại các xứ ôn-đới, rất kém. Nguyên do của sự yếu kém về phẩm lượng là vì độ lạnh cần thiết trong thời gian hưu miên của cây không đủ để thỏa mãn nhu cầu, do đó các chồi hoa-lá phát triển chậm không đúng với thời gian ấn định, hoặc phát triển cùng một lúc hoa và lá. Ngoài nguyên do trên, kỹ thuật canh tác và sự tuyển chọn giống cũng ảnh hưởng rất nhiều đến phẩm chất của trái.

Sau đây là sự khảo sát của các loại cây ăn trái ôn-đới hiện đang trồng tại Đà-lạt.

A.— *MẬN:*

a) Sơ đồ sự tương quan giữa thời tiết và sự tăng trưởng của cây Mận.

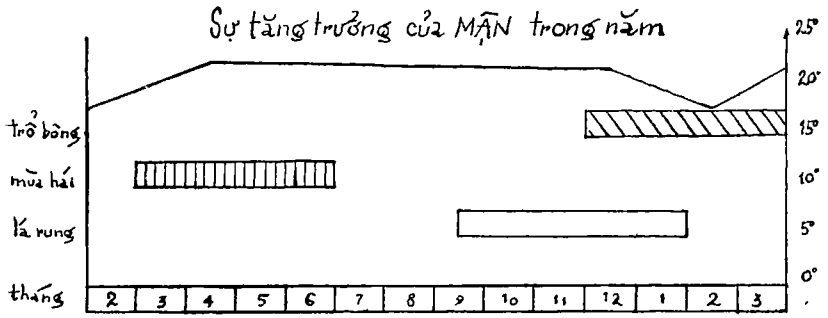

b) *Các nhận xét về kỹ thuật canh-tác:*

Hình thể của cây : Cây phát triển tự do.
Sự cắt tỉa cành : Không được thực hiện
Khoảng cách trồng : 3 × 3 hay 4 × 4 thước

Library HoangSa.Org

Phân bón : Phân chuồng và phân ba chất bón trước và sau khi cây trổ bông.

Bệnh : Đốm lá (Bacterial leaf spot), cây bị ghẻ (Bacterial Cancer).

Sâu : Rầy (Laccifer lacca, Aphis Gossypii, Oregma lanigera), Sâu (Andraca bipunctata).

Xịt thuốc trừ bệnh sâu: KHÔNG

c) *Phẩm chất, năng xuất và số dự thu một cây:*

Phụ-bảng 4: Phẩm chất của trái và năng xuất của một cây.

Giống mận	Hình dạng trái	Màu da trái	Trọng lượng một trái	Phẩm Chất	Năng xuất 1 cây	G. bán 1 kg	Số thu 1 cây
VânNam Xanh	Tròn	Xanh	17,8 gr	A	25 kg	300$	7.500
Vân Nam Đỏ	Tròn	Đỏ	23,8 gr	A	25 kg	300$	7.500
Trại Hầm	Tròn	Vàng	15,4 gr	B	30 kg	200$	6.000
Địa-Phương	Tròn	Xanh+V	15,6 gr	C	30 kg	150$	4.500

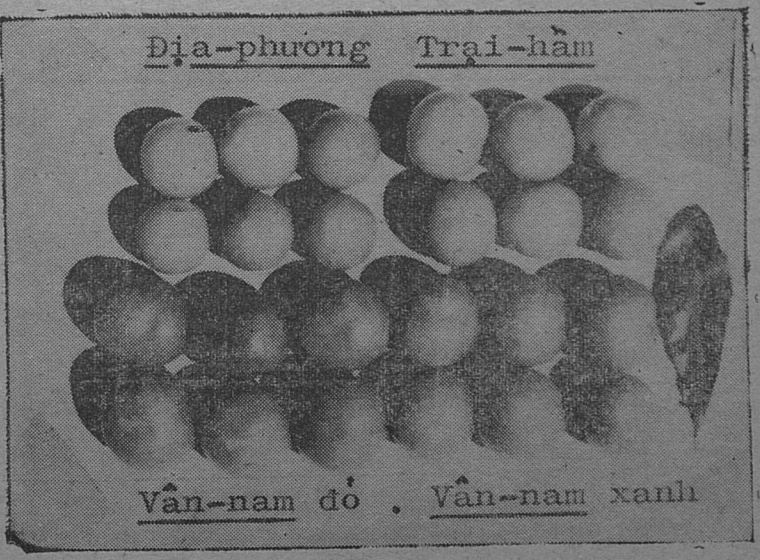

MẬN ĐÀ-LẠT

Library HoangSa.Org

HỒNG ĐÀ-LẠT

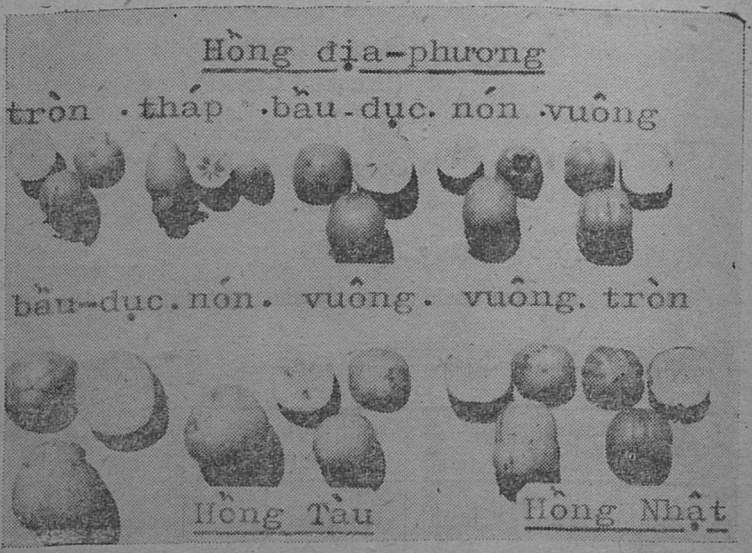

B.— *HỒNG.*

a) *Sơ đồ sự tương quan giữa thời tiết và sự tăng trưởng:*

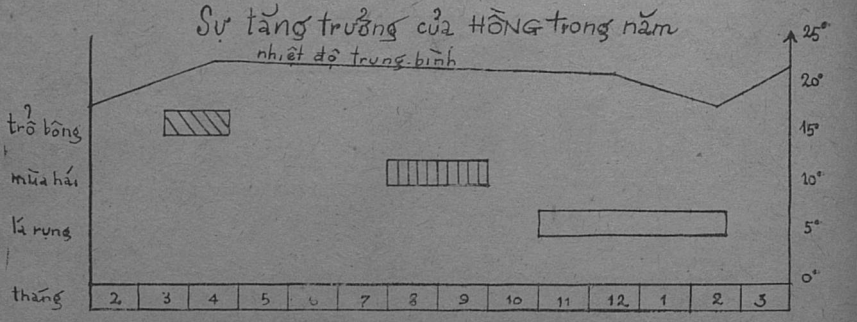

b) *Các nhận xét về kỹ thuật canh tác:*

Hình thể của cây	: Cây phát triển tự do
Sự cắt tỉa cành	: Không được thực hiện
Khoản cách trồng	: 4 × 4 hay 5 × 5m
Phân bón	: Phân chuồng và phân ba chất, bón trước và sau khi cây trổ bông.
Bệnh	: Anthracnose, và Đốm nâu (Brown spot)

Library HoangSa.Org

Sâu : Rầy (Laccifer lacca, Chrysomphalus ficus Aphis Gossypii; Myzus persicae) Sâu cuốn lá (Taphrina deformans), Sâu lá (Noto lophus posticus; Chlorita biguttala).

Xịt thuốc trừ bệnh sâu : KHÔNG

c) *Phẩm chất, năng xuất và số thu của 1 cây :*

Phụ-bảng 5 : Phẩm chất và năng xuất của một cây

Giống/theo hình dạng của trái	Mùa hái	Trọng lg. 1 trái	Số hột trg tr.	Phẩm Chất	Năng xuất của 1 cây	G. bán 1 kg	Số thu 1 cây
Giống Địa Phương							
Trái vuông	Giữa tg 9	65,5gr	0 hột	E	35 kg	300$	10.500$
Trái bầu dục	Cuối tg 9	89,8gr	3 "	C	40 kg	500$	20.000$
Trái hình nón	Đầu tg 9	58,5gr	7 "	D	35 kg	400$	14.000$
Trái hình tháp	Cuối tg 9	45,1gr	6 "	E	40 kg	300$	12.000$
Trái tròn	Giữa tg 9	49,0gr	0 "	D	40 kg	350$	14.000$
Giống Nhật Bản							
Trái tròn	Giữa tg 9	87,5gr	5 hột	C	30 kg	500$	15.000$
Trái vuông	Đầu tg 9	127,8gr	2 hột	B	40 kg	600$	24.000$
Giống Hồng Tàu							
Trái vuông	Đầu tg 9	109,0gr	2 hột	B	40 kg	600$	24.000$
Trái bầu dục	Đầu tg 9	228,3gr	0 hột	A	55 kg	700$	38.000$
Trái hình nón	Đầu tg 9	226,0gr	1 "	A	60 kg	700$	42.000$

C.— *ĐÀO :*

a) *Sơ đồ sự tương quan giữa thời tiết và sự tăng trưởng :*

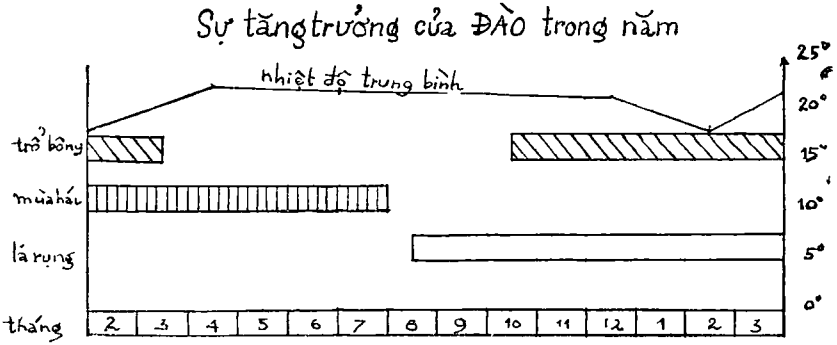

b) *Các nhận xét về kỹ-thuật canh-tác :*

Hình thể của cây : Cây phát triển tự do

Library HoangSa.Org

Sự cắt tỉa cành : Không được thực hiện

Khoảng cách trồng : 4 × 4 hay 3 × 3m

Phân bón : Phân chuồng và phân ba chất bón trước và sau khi cây trổ hoa.

Bệnh : Đốm lá (Bacterial leaf spot) và cây bị ghẻ (Bacterial Cancer).

Sâu : Rầy trắng (Oregma lanigera) Rầy cứng (Chrysomphalus ficus) xanh (Aphis Gossypii, Myzus persicae) Sâu bướm cuốn lá (Taphrina deformans, Chlorita biguttala, Andraca bipuntata, notolophus posticus)

Xịt thuốc trừ bệnh và sâu: KHÔNG

c) *Phẩm chất, năng xuất và số dự thu của một cây :*

Phụ-bảng 6 : Phẩm chất và năng xuất của một cây.

Giống	H. dáng của trái	Màu sắc khi trái chín	Trọng lg. một trái	Phẩm Chất	Năng xuất Một cây	G. bán 1 kg	Số thu 1 cây
Đào Vân Nam	Tròn	Hồng-Nâu	69,7 gr	B	25 kg	400$	10.000
Đ. Pháp	Tròn	Vàng lợt	103,7 gr	A	30 kg	500$	15.000
Đào Ai-Lao	Bầu dục	Vàng lợt	79,2 gr	B	30 kg	500$	15.000
Đ. Việt-nam	Bầu dục	Vàng lợt	42,2 gr	C	35 kg	250$	8.750

Ngoài các loại ăn trái ôn đới kể trên, một số nhà vườn hiện đang trồng các loại TÁO, LÊ (XÁ-LỊ), NHO. Tuy nhiên các loại này chưa được khai thác triệt để, chỉ được trồng thí nghiệm chung quanh nhà. Vì kỹ-thuật canh tác không được chú trọng nên các loại cây trên không có trái do đó bị các nhà vườn phá bỏ hoặc bỏ mọc hoang, nhưng cũng có một số cây được săn sóc kỹ lưỡng hiện đang trổ bông và có trái. Phẩm chất của Táo sản xuất tại Đà-lạt không kém các loại Táo nhập cảng, một đôi khi còn hơn so với một vài loại, tuy nhiên trái hãy còn nhỏ và năng xuất của một cây rất kém (từ 5 đến 7 kg). Nếu các nhà vườn lưu tâm đến các kỹ-thuật canh tác, đến sự tuyển chọn giống cho hợp với khí hậu Đà-lạt, trong tương lai Đà-lạt sẽ sản xuất một số lượng đáng kể về Táo.

Library HoangSa.Org

3.— *Phương diện kinh-tế :*

Ngoài các sản phẩm chính tại Địa-Phương là Rau-Hoa, Đà-lạ còn sản xuất một số lượng đáng kể về các loại trái cây vùng ôn đới như Mận (106, T) Hồng (8,7 T) Đào (4,8 T) v.v... đem lại cho các nhà vườn một lợi tức lớn. Trong tương lai, nếu kỹ-thuật canh tác được phát triển và được các nhà vườn lưu tâm đến, năng xuất trên còn gia tăng rất nhiều. Dưới đây là bảng liệt kê năng xuất và số thu trung bình của các loại Mận, Hồng, Đào trong 1.000 thước vuông.

Phụ-bảng 7 : Năng xuất và số thu trung bình của các loại Mận, Hồng, Đào trong 1.000 thước vuông, trồng sau 7 năm.

Loại cây	Năng xuất một cây	Số cây trồng trong 1,000	Năng xuất trong 1,000	Giá bán 1 kg	Số dự thu trung-bình trong 1 năm
MẬN	30 kg	60 cây	1.800 kg	200$	360.000$00
HỒNG	35 kg	48 "	1.680 kg	300$	504.000$00
ĐÀO	25 kg	60 "	1.500 kg	250$	375.000$00

TƯƠNG LAI CỦA NGÀNH TRỒNG CÂY TRÁI ÔN-ĐỚI TẠI ĐÀ-LẠT :

Mặc dầu Đà-lạt đã sản xuất một số lượng đáng kể về Mận, Hồng và Đào nhưng số lượng trên vẫn không thỏa mãn nhu cầu đòi hỏi của thị-trường tiêu-thụ. Theo các tài liệu thống kê, Việt-Nam đã nhập cảng rất nhiều các loại cây trái ôn-đới và số lượng đã gia tăng kinh-khủng từ 774 tấn năm 1964 lên đến 7.612 tấn năm 1969 và số ngoại tệ hiện hữu để nhập cảng số lượng trên là 223.199.000$00 hay 1.891.516$ U.S. (dollard).

✠

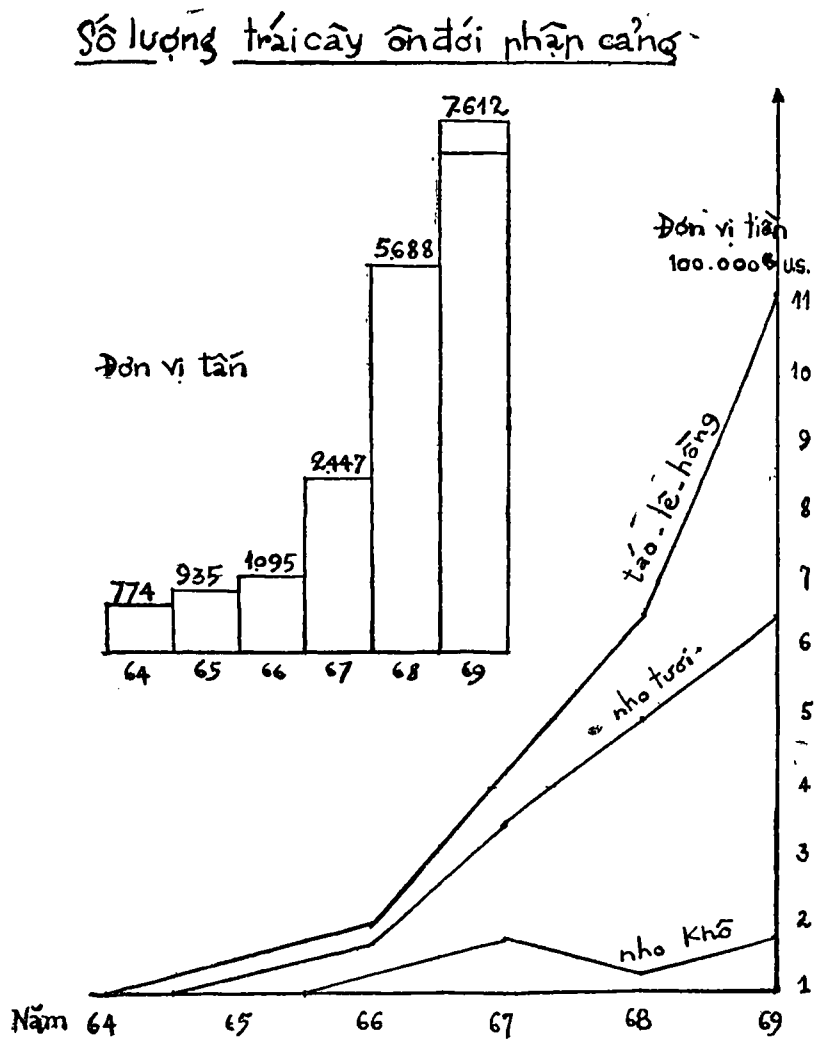

Để giảm thiểu số lượng nhập cảng kể trên và cũng để gia-tăng sản lượng địa-phương, Chính-Phủ cần giúp đỡ khuyến khích các nhà trồng tỉa tại Đà-lạt, bằng cách du nhập những giống cây có những điều kiện tăng trưởng hợp khí hậu Đà-lạt, cho chuyên viên đến chỉ dẫn tường tận kỹ-thuật canh tác cùng hướng dẫn họ về cách dùng các hóa chất giúp cho cây phát triển mạnh, trổ hoa và kết trái nhiều, cùng dùng thuốc diệt trừ các bệnh nấm và sâu phá hại cây.

Library HoangSa.Org

1.— *Tuyển lựa giống :*

Như trên đã viết, các loại cây ăn trái ôn đới trong thời gian hưu miên cần có một độ lạnh tối thiểu cần thiết để cây nghỉ ngơi và cấu tạo các chất tán thán đủ để cung cấp cho các chồi hoa và lá trong mùa sau. Độ lạnh trên thay đổi tùy theo loại cây và giống cây. Đà-lạt có một khí hậu tương đối lạnh và nhất là trong các tháng 1 và 2 dương lịch, độ lạnh tối thiểu tuyệt đối tại đây có thể thỏa mãn nhu cầu đòi hỏi trong thời gian hưu miên của một số cây. Do đó ta cần tuyển lựa các loại cây và giống cây có nhu cầu sinh lý trong thời gian hưu miên phù hợp với độ lạnh có tại Đà-lạt. Theo các tài liệu đã được phổ biến từ thời gian và độ lạnh cần thiết cho các loại cây ăn trái ôn đới được các nhà nghiên cứu ấn định như sau :

Phụ-bảng 8 : Độ lạnh và thời gian cần thiết cho các loại cây ăn trái ôn đới trong thời gian hưu miên.

Loại cây	Nhiệt độ cần thiết	Số giờ cần thiết	Theo tài liệu của
TÁO	$7^0$2 C	1400 giờ	AVERY
	$7^0$2 C	1000 "	MORTENSEN
LÊ (XÁ-LỊ)	$7^0$2 C	1130 giờ	CHILDER
	$7^0$2 C	648-744 giờ	WESTWOOD
ĐÀO	$7^0$2 C	1000 giờ	AVERY
	$7^0$2 C	500 (Earlygold)	Đại học FLORIDA
	$7^0$2 C	200 (Flordowon)	SHARPE
	$7^0$2 C	50-100 (Flordared)	SHARPE
NHO	$7^0$2 C	200 giờ	AVERY
	$7^0$2 C	1000-2000 giờ	MAGOUN
HỒNG	8^0 đến 11^0 C	886 giờ	YOSIMURA

Nếu đem so sánh, nhiệt độ và thời gian cần thiết của phụ-bảng trên với nhiệt độ tại Đà-lạt trong các tháng 12, 1 và 2 (nhiệt độ tối thiểu tuyệt đối trong các tháng này từ 11^0 C trở xuống có tháng 2 nhiệt độ xuống đến 4^0 hay 5^0 C về đêm), ta thấy Đà-lạt có triển vọng sản xuất được các loại Táo, Lê (Xá-Lị), Đào, Nho và Hồng. Dưới đây là danh sách các loại cây và giống cây có nhu cầu độ lạnh hợp với khí hậu Đà-lạt :

Library HoangSa.Org

Phụ-bảng 9 : Các giống cây có thể trồng được tại Đà-lạt.

LOẠI	TÊN GIỐNG CÂY
TÁO	White pearmain ; Winter banana ; Bevery hills ; Delicious ; Yellow siberien; Wilf river; Emilia; Hyslop; Early harvest.
LÊ (XÁ - LỊ)	Kiffer ; Leconte ; Garber ; Wilder early , Pineapple ; Hood ; Baldwin ; Douglas ; Orient ; Richard perters.
MO (Apricot)	Earlygold ; Royal ; Reeves ; Travatts.
ĐÀO	Red ceylon ; Flordared ; Okinawa ; Peento ; Frank ; Flordasun ; June gold ; Flamingo ; Flordawon ; Sunred nectarine ; Flordaqueen ; Flordagen ; Early down ; Flordahome ; Springtime ; Early amber.
MẬN	Santa rosa ; Red bud ; Satsuma ; Mariposa ; Willson ; Beauty ; Red neart ; Hollywood.
NHO	Lake emerald ; Blue lake ; Tamiami ; Red niagara ; Queen of vineyard Delight ; Everglades ; Perlette.

2.— Cải-thiện kỹ thuật canh tác :

Có giống tốt thôi cũng chưa đủ, các nhà vườn cần phải lưu tâm đến kỹ thuật canh tác. Sự khác biệt về sinh lý của các loại cây ăn trái ôn-đới với các loại cây ăn trái nhiệt-đới là thời gian hưu miên, thời gian mà các hoạt động về sinh lý của cây hoàn toàn bất động, cây chỉ còn trơ lại những cành, các đọt bông lá đều là những đọt ngủ. Hoạt động chính của hệ thống rễ lúc này là cấu tạo các chất tán thán để cung cấp cho các chồi hoa lá trong mùa tới. Thời gian trên rất quan trọng, nó ảnh hưởng nhiều đến sự đơm bông trổ trái cây sau này, do đó một vài kỹ thuật canh tác cần được thực hiện trong lúc này.

a) *Sự cắt tỉa cành :*

Đối với các loại cây ăn trái ôn-đới, sự cắt tỉa rất quan trọng, vì nó ảnh-hưởng đến năng xuất của cây. Một vài giống, (nho, táo, lê) nếu cây không được cắt tỉa hàng năm sẽ không thể trổ bông, hoặc nếu có, bông

Library HoangSa.Org

trổ rất ít và ít trái đậu. Ta có thể lấy trường hợp điển hình là cây NHO, nếu NHO không được cắt tỉa hoặc cắt tỉa sai nguyên tắc thì cây sẽ không bao giờ trổ bông kết trái. Muốn cho Nho trổ bông và kết trái, hàng năm ta phải cắt tỉa những nhánh mới phát triển trong mùa vừa rồi từ những mắt mà ta chừa lại trong vụ cắt tỉa mùa vừa rồi.

Sự cắt tỉa không những ảnh-hưởng đến năng xuất trái của cây mà còn làm cho cây ít rườm rà dễ bị bệnh nấm và sâu phá hại. Tuy nhiên các nhà vườn cần lưu ý và tham khảo các tài liệu về sự cắt tỉa, không nên cắt tỉa bừa bãi tránh gây thiệt hại cho cây.

b) *Bón phân :*

Trong thời gian hưu miên, cây hoàn toàn nghỉ, kể cả sự hấp thụ quang tổng hợp để cấu tạo lục diệp tố vì bao nhiêu lá của cây đều rụng cả. Trong thời gian này chỉ có hệ thống rễ là hoạt động để nuôi dưỡng cây và để cấu tạo các chất tán thán hầu cung cấp cho chồi hoa-lá. Do đó sự bón phân cho cây trước thời gian này rất cần-thiết để có đủ các dưỡng chất nhằm cung cấp hệ thống rễ.

Thường tại Đà-lạt, các loại Mận, Hồng, Đào, bắt đầu rụng lá vào giữa tháng chín dương lịch và thời gian hưu miên của các loại cây này khởi sự một tháng sau khi lá đã rụng hết. Sau khi cây đã được cắt tỉa, phân phải được bón ngay cho cây ; nếu được các loại phân chuồng đã mục rất tốt, nếu không có phải bỏ các loại phân có nhiều chất đạm. Lần bón phân thứ hai, tùy theo khả năng của nhà vườn, tuy nhiên rất cần thiết là sau thời gian hưu miên khi cây đã bắt đầu đâm chồi trổ bông và lá.

Thường trong lần bón này người ta dùng các loại phân ba chất (20-20-15 hay 16-16-8).

c) *Dùng các chất điều hòa tăng trưởng.*

Vì độ lạnh cần thiết cho cây trong thời gian hưu miên tại Đà-lạt không đủ để thỏa mãn nhu cầu của cây, nên một số cây đâm chồi rất chậm, có rất ít chồi hoa nên năng xuất trái rất kém. Để điều hòa sự tăng trưởng của cây, giúp cho cây đâm chồi đúng với thời gian ấn định và cũng để gia tăng các chồi hoa trái, một số các hóa chất điều hòa tăng trưởng đã được dùng trong Nông Nghiệp. Các hóa chất này giúp cho cây tăng trưởng điều hòa, trổ bông kết trái đúng với sự sinh lý của cây không bị nhu cầu độ lạnh chi phối. Dưới đây là một số hóa chất điều hòa tăng trưởng hiện đang dùng trong canh nông.

Library HoangSa.Org

DN (Dinitrophenol)
DNO (Dinitro-O-Cyclohexyl phenol)
Ethylene
Thio Sulfate de Sodium
2-4 D
IAA (Indol Acetic Acid)
NAA (Naphtalene Acetic Acid)
B-9

d) *Dùng thuốc trừ bệnh nấm và sâu :*

Để cây ít bị bệnh nấm cũng như côn trùng phá hại, khoảng cách giữa những cây cần được điều chỉnh lại. Đối với những loại cây có tàn lớn như Hồng, khoảng cách thường được áp-dụng là 7 × 7m, Mận, Đào, Táo khoảng cách thường là 5 × 5m.

Ngoài ra các nhà vườn cần lưu tâm đến sự xịt các loại thuốc sát trùng và sát khuẩn để trừ côn trùng, sâu, rầy v.v... và bệnh nấm. Sự xịt thuốc nhất là trong mùa mưa, không những để ngăn ngừa nấm và côn-trùng phá hại cây mà còn giúp cho cây tăng trưởng điều hòa và cho năng xuất trái cao.

KẾT-LUẬN :

Trở ngại duy nhất hiện nay cho sự phát triển ngành trồng cây ăn trái ôn-đới tại Đà-lạt là độ lạnh cần thiết cho cây trong thời gian hưu miên không đủ để thỏa mãn nhu cầu sinh lý của cây. Trạng thái trên chỉ xảy ra trên các loại Táo, Đào, Nho và một phần trên cây Mận, riêng đối với loại Hồng thì nhiệt độ trong thời gian hưu miên của cây tại Đà-lạt rất thích hợp.

Để tránh trở ngại trên và để phát triển ngành trồng cây ăn trái ôn-đới tại Đà-lạt (Táo, Lê Đào, Nho), NHA CANH-NÔNG nên du nhập các loại và giống cây có nhu cầu sinh lý về độ lạnh trong thời gian hưu miên hợp với khí hậu Đà-lạt; ngoài ra một số kỹ thuật canh tác như sự cắt tỉa cành, bón phân, cách dùng các loại hóa chất điều hòa tăng trưởng, và sự xịt thuốc sát trùng, sát khuẩn cần được Ty Nông Nghiệp địa phương phổ biến sâu rộng trong giới trồng tỉa.

Để kết luận, dưới đây là các trở ngại và những phương thức cải-thiện đang được Trung Tâm Khảo Cứu Nông Nghiệp Đà-lạt nghiên cứu :

Library HoangSa.Org

Trở ngại đang gặp phải	Phương thức cải-thiện áp-dụng	Triển vọng
HỒNG:		
a) Có rất nhiều giống khả năng sản xuất và phẩm chất rất kém. b) Trái rụng rất sớm khi chưa chín.	a) Du nhập những giống có phẩm lượng cao từ Nhật, Đại-Hàn, Trung Hoa. b) (1) Trồng những giống có năng xuất trái cao. (2) Dùng những hóa chất điều hòa tăng trưởng như 2.4 D, 2.4.5 T v.v...	100%
ĐÀO và MẬN:		
a) Thời gian và độ lạnh cần thiết không đủ.	a) (1) Tuyển lựa những giống có hưu miên ngắn. (2) Cải thiện kỹ thuật canh tác nhất là sự cắt tỉa cành và bón phân.	100%
TÁO và LÊ (XÁ-LỊ):		
a) Thời gian và độ lạnh cần thiết không đủ.	a) (1) Tuyển lựa những giống có hưu miên ngắn. (2) Cải thiện kỹ thuật canh tác: tỉa cành, bón phân. (3) Dùng những hóa chất điều hòa tăng trưởng: IAA, NAA, 2.4-D, B-9.	
b) Kỹ thuật canh tác các loại này hiện rất kém.	b) Cần phổ biến và chỉ dẫn cách thức trồng các loại cây này.	TÁO 50%, LÊ 70%
NHO:		
a) Thời gian và độ lạnh cần thiết không đủ.	a) (1) Tuyển lựa những giống có thời gian hưu miên ngắn. (2) Cải thiện kỹ thuật canh tác: Tỉa cành, bón phân.	90%
b) Nồng độ (pH) của đất cao (4,5-5,0).	b) Hạ thấp nồng độ, bón vôi và hóa chất có nhiều Magnesium.	
c) Mùa mưa tại Đà-lạt rất dài. 1.—Màu da của trái xấu. 2.—Trái không ngọt. 3.—Cây nhiều bệnh.	c) Kiểm soát được mùa hái trái bằng cách du nhập những giống sớm, và thực hành sự cắt tỉa và bón phân cho đúng kỳ hạn.	

PHẠM VĂN LỘC
Kỹ-Sư Canh-Nông
Trung-Tâm Khảo-Cứu Nông-Nghiệp Đà-Lạt

Library HoangSa.Org

THÔNG 2 LÁ Ở CAO-NGUYÊN ĐÀ-LẠT

▽ NGUYỄN VĂN TÀI

Danh-từ Cao-Nguyên Đà-lạt mà chúng tôi dùng đây là vùng Cao-Nguyên Lâm-Viên (Langbian) và vùng Cao-Nguyên Đồng-Nai-Thượng (Haut-Donnai) của Tỉnh Đồng-Nai-Thượng thuộc Cao-Nguyên Trung-Phần miền Nam (Plateaux montagnards du Sud viết tắt là PMS), Cao-Nguyên Trung-Phần (Plateaux du Centre Việt-Nam). Hồi thời Pháp-thuộc lúc Bảo-Đại còn làm vua, Cao-Nguyên Đà-lạt còn gọi là Hoàng-Triều Cương-Thổ (Domaine de la Couronne). Đến nay tỉnh Đồng-Nai-Thượng được chia ra làm hai là Tỉnh Tuyên-Đức và Tỉnh Lâm-Đồng.

Rừng là một tài-nguyên thiên-nhiên của Quốc-Gia, choáng trên một diện-tích 5.620.000 ha so với diện-tích 17.000.000 ha của miền Nam Việt-Nam.

Diện-tích rừng thông được 125.000 ha, gồm rừng thông 3 lá tên khoa-học là Pinus khasya, với diện-tích là 90.000 ha và rừng thông 2 lá tên khoa-học là Pinus Merkusii 35.000 ha.

Ở Cao-nguyên Đà-lạt có bốn loại thông chính:

— Loại thông 2 lá Pinus Merkusii Jungh et De Vriese.

— Loại thông 3 lá Pinus khasya Royle.

— Loại thông 5 lá Pinus dalatensis De Ferré.

— Loại thông 2 lá dẹp, hay thông Sré Pinus krempfii H. Lecomte.

— Cây thông 2 lá tên khoa-học là Pinus Merkusii, được tìm thấy từ năm 1.841 bởi Ông Junghuhn trong lúc Ông này đi du-ngoạn tại vùng Bắc Sumatra và lấy tên của Thống-Đốc «Merkus» ở Indes-Néerlandaises. Cây thông 2 lá còn cho nhựa và khả-năng gây rừng các chỗ trống, thông này được đem du-nhập tại các xứ Java, Bali, miền

Library HoangSa.Org

Nam Célèbes và đến cả Queensland ở Úc-Châu. Du-nhập trồng tại miền Nam Phi-Châu, cây thông 2 lá đem lại kết-quả rất khả-quan tại các vùng nóng và ẩm-ướt. Rừng thông 2 lá cũng có ở Lào, Kampuchia, Thái-Lan và Miến-Điện. Rừng thông 2 lá ở Kampuchia chiếm một diện-tích khá quan-trọng độ 70.000 ha trong các tỉnh Kompong-Thom, Siemreap, Battambang, Pursat, Kompong-Chnang và Kompong-speu.

— Cây thông 3 lá tên khoa-học là Pinus khasya được tìm thấy bởi Ông Royle. Cây thông 3 lá cũng có ở Ấn-Độ trên các đồi núi Khasi và từ Naga đến Manipur (Assam) trong vùng Hy-Mã Lạp-Sơn, phía Bắc Miến-Điện.

Vì cây thông 3 lá tuy rằng ít đáng để ý hơn cây thông 2 lá, cũng được nghiên-cứu du-nhập trồng trong các vùng nhiệt-đới thay thế các vùng thiên-nhiên. Cây thông 3 lá trồng mau lớn hơn cây thông 2 lá, người ta ước lượng mỗi năm cây thông 3 lá có thể cao từ 61 đến 91 cm và sản-xuất trung-bình hàng năm từ 10 đến 14 m^3 mỗi ha và người ta cho rằng cây thông 3 lá là một loại cây để trồng trong những vùng có cao-độ từ 1.000 đến 2.000 m tại vùng nhiệt-đới Phi-Châu.

— Cây thông 5 lá tên khoa-học là Pinus dalatensis được tìm thấy bởi Ông De Ferré. Cây thông 5 lá chỉ ở vùng thật cao, hiếm có quần thọ đơn-thuần. Cây thông 5 lá tìm thấy ở đồi núi Pou-Atouat, giữa Huế và Bolovens, trên cao-độ chừng 1.500 m.

Trên núi Chu-Yang-Sinh cao-độ 2.400m,cũng có một khu rừng nhỏ.

Ngoài ra có vài chục cây thông 5 lá ở vùng Trại-Mát cách Thị-xã Đà-lạt 8 cây số mọc lẫn lộn với các diệp-loại khác.

— Cây thông 2 lá dẹp hay thông Sré, tên khoa-học là Pinus krempfii được tìm thấy bởi Ông H. Lecomte. Loại thông này rất khác biệt với 3 loại thông trên vì lá không phải hình kim đầu nhọn mà lại dẹp, sắp xếp như hình cây kéo và không có túi bao ở cuống lá. Đây là giống cây thông rất hiếm, chỉ có ở Đà-lạt trong vùng Ankroet và Dankia (cao-độ 1.600 m) Nha Trang trong cánh rừng «Hòn Vọng-Phu» (2.022m) và trong những khe núi cao của Song-Mao (1.300m).

Hai loại thông 5 lá và 2 lá dẹp không đem lại cho Quốc-Gia một nền kinh-tế quan-trọng, chúng tôi xin đề cập tới loại thông 2 lá sau đây mà thôi.

Riêng ở miền Nam Việt-Nam, vùng Cao-Nguyên Đà-lạt mà khu-vực phân tán chánh của hai loại thông 2 lá và 3 lá, gồm chung trong 2

Library HoangSa.Org

tỉnh Lâm-Đồng và Tuyên-Đức trước gọi là Đồng-Nai-Thượng (Haut Donnai) kể cả lãnh vực tại Thị-xã Đà-lạt.

RỪNG THÔNG 2 LÁ

1.— *Vị trí và diện tích rừng thông 2 lá.*

Chính Cao-Nguyên Đồng-Nai-Thượng (Haut Donnai) là khu-vực sinh-trưởng chính của cây thông 2 lá; loại thông này không có những cánh rừng liên-tục hay mọc đơn-thuần và đều-đặn cũng như rừng thông 3 lá ở Cao-nguyên Langbian. Đó là một yếu-tố khó giải-quyết trong sự định ranh rừng này, nếu đồ-họa cho nhiều, người ta có thể phân-biệt 2 vùng rộng lớn:

— Trước hết là những cánh rừng cực Nam của Langbian tạo ra một vùng nối tiếp giữa cây thông 3 lá và cây thông 2 lá. Hai loại cây này có khi sống lẫn lộn nhau thành quần thụ hỗn-hợp, có khi mọc chung với diệp-loại khác, thường là họ Dầu (Dipterocarpacées) mà chúng ta nhận xét có cây Dầu Trà beng (Dipterocarpus obtusifolius).

Đó là trường-hợp thí-dụ các rừng ở Pongour (1.100 ha) ở Prey (4.930 ha) ở Danja (2.100 ha). Trường-hợp này cũng có ở rừng Lang Hanh và Fimnom.

— Kế đó, đi xuống độ-cao thấp hơn, cây thông 3 lá không còn thấy nữa. Mật-độ cây thông 2 lá tăng dần từ Đông-Bắc đến Tây-Nam, từ Fimnom đến Djiring bao gồm cánh rừng Dargna (17.500 ha).

Thấp hơn nữa đi về phía Phan-Rang, cánh rừng Cana có một quần-thụ thông 2 lá (độ 2.000 ha) ở trên các đồi núi cao-độ 800 m.

Người ta ước-lượng chung của rừng thông 2 lá là 35.000 ha.

2.— *Hình-dáng và sinh-cảnh thực-vật chính:*

Nhìn chung rừng thông 2 lá có 2 hình-dáng thật khác nhau:

— Một loại đơn-thuần có cây mọn rất ít.

— Và một loại sống chung với các diệp-loại khác.

— Loại đơn-thuần chỉ có vài ngàn ha. Ở Đông-Bắc Blao, ngoài ra cũng hiếm có loại rừng thông 2 lá này.

— Thường là rừng thông 2 lá mọc chung với các diệp-loại khác thưa hay dày gồm có phần nhiều họ Dipterocarpaceae (Dầu Trà-Beng = Dipterocarpus obtusifolius) và họ Fagaceae (Quercus, Pasiana và một ít Castanopsis).

Library HoangSa.Org

Trên đất sâu nâu-đỏ huyền-vũ thường thông 2 lá sống chung với Dầu-Trà-Beng ở tầng trên và tầng dưới là họ Fagaceae.

Trên đất nông-cạn xám huyền-vũ hay pseudorendzines thông 2 lá mọc chung với Cà-Chắc (Shorea obtusa hay Cẩm-Liên Pentacme siamensis đều họ Dipterocarpaceae). Trong vùng này cũng có cây mọn họ Myrtaceae.

Thảm cỏ xanh thường là họ Gramineae và Cyperaceae.

3.— *Mật-độ của rừng thông 2 lá hay khía cạnh phong-phú của rừng này.*

Rừng thông 2 lá có mật-độ không đồng đều và cũng tùy theo quần-thụ đơn-thuần hay quần-thụ hỗn-hợp.

— Theo kiểm-kê, rừng ở Dargna gần Blao có trung-bình 105 cây có bề kính trên 30 cm trong mỗi ha có thể cho được 76 m^3 và rừng ở Dangia lại ít hơn chỉ có 48 cây có bề kính trên 30cm và có thể tính được 65 m^3 trong mỗi ha. Sau đây là những bảng kiểm-kê trong mỗi ha:

— Rừng Dangia.

Mộc-loại bề kính ngang vai (bằng cm)	Thông 2 lá		Dầu-Trà-Beng		Mộc-loại khác	
	Số cây	Thước khối	Cây số	Thước khối	Số cây	Thước khối
30	10	7.000	10	7.000	15	10.500
35	11	8.800	7	5.600	10	8.000
40	10	12.000	9	10.800	3	3.600
45	5	7.000	6	8.400		
50	5	9.000				
55	3	6.600	4	8.800		
60	2	5.400	3	8.100		
65	1	3.200				
70						
80	1	5.200				

Rừng vĩnh-viễn	Cây từ 20 đến 35cm bề kính	Cây từ 35 — 45cm bề kính	Cây trên 45cm bề kính	Cộng chung
Da Pratt	14	8	7	29
Prey	26	15	10	51
Dangia	25	19	17	61

Library HoangSa.Org

Sự xác-định thước khối trung-bình rất khó-khăn vì mật-độ rất thay đổi. Theo kiểm-kê trên, ta phỏng định (với số cây trên 45cm bề kính).

Da Pratt	$17m^3$
Prey	$22m^3$
Dargna	$35m^3$

Nếu tính trung-bình số lượng thông 2 lá có thể khai-thác $25m^3$ trong mỗi mẫu thì tổng-số lượng dự-trữ trên Cao-nguyên được ước lượng vào khoảng 1.500.000 thước khối.

✠

Sau đây là những đặc-tính và sự khác biệt giữa thông 3 lá và thông 2 lá:

— Thông 2 lá

- — Có nhiều giống khác từ hình dáng chùy, vỏ cây v.v..., bắt đầu cho trái vào khoảng từ 17 đến 20 tuổi.
- — trái rụng hàng năm và chín vào tháng 3 — 4
- — Khó tái sinh thiên-nhiên hơn cây thông 3 lá.
- — Chịu đất sâu hơn đất nông-cạn.
- — Khai-thác nhựa thông.
- — Không gặp ở cao-độ trên 1.000m.
- — Thường mọc xen lẫn với Dầu-Trà-Beng ở thượng tầng.

— Thông 3 lá

- — Có một giống, hình dáng chùy và vỏ cây ít có phân biệt nhiều, bắt đầu cho trái vào khoảng 7 đến 10 tuổi.
- — Trái những năm trước còn dính lại trên cây, chín vào lúc tháng 11 — 12.
- — Không kén đất có thể mọc trên đất nông hoặc đá lồm-chồm.
- — Tái sinh thiên-nhiên dễ-dàng và tăng-trưởng mau lẹ hơn cây thông 2 lá.
- — Cây chịu ánh-sáng, không chịu chen lấn với các diệp-loại khác.
- — Có một sinh-tầng duy-nhất.

Library HoangSa.Org

Về hình dáng bề ngoài, chúng ta có thể phân-biệt được 2 loại thông này như sau:

Cây thông 2 lá có vỏ xám đen, vỏ sần-sùi, với những đường kẻ dọc sâu, lá mọc chụm 2 hình kim nhọn đầu, tầng nhánh thưa không đều khi cây còn nhỏ, nhánh lớn.

— Cây thông 3 lá có vỏ màu xám tro, hồng hồng, dễ gỡ, vỏ có hình dáng như vầy con rùa trên cây to lớn, lá mọc chụm ba hình kim nhọn đầu, tầng nhánh đều khi cây còn nhỏ, trái năm trước còn dính lại trên cây.

TÌNH TRẠNG KHAI THÁC TRONG QUÁ KHỨ

Từ ngày thành-lập Sở Thủy-Lâm, chúng ta chỉ có phần nhiều những bảng thống-kê về sự sản-xuất gỗ mà thôi. Khu Thủy-Lâm Đà-lạt được thành-lập từ năm 1916.

Trước hết, Sở Thủy-Lâm chú-ý đến những tài-nguyên lâm sản của vùng Cao-nguyên Kontum và kế đến là vùng Cao-nguyên Lâm-Viên và Đồng-Nai-Thượng. Sau đây là tình-trạng về khai-thác:

— Trước năm 1927, sự sản-xuất vẫn thường không thay đổi với số 3.000 thước khối mỗi năm. Trong số đó cây thông 3 lá được khai-thác nhiều nhất. Sự khai-thác do những nhà thầu Việt-Nam cho hạ cây đó đây trong rừng gần Đà-lạt và xẻ gỗ bằng cưa xẻ để dùng tại địa-phương. Không có vấn-đề xuất-xứ gỗ vì đường đi Sài-gòn phải qua Phan-Thiết và đèo Yankar, đường xe lửa đang thiết-lập và trong năm 1925 chỉ đi đến Dran. Một phần lúc đó Đà-lạt chỉ là một làng và các đồn-điền mà bệnh sốt-rét rất ghê-tởm không đến Đồng-Nai-Thượng. Năm 1928, dân-số của tỉnh Đồng-nai-Thượng chỉ có 150 người Âu-Châu, 200 người Tàu, 6.000 người Việt-Nam và 45.000 đồng-bào Thượng.

— Từ năm 1928 đến 1931, Đà-lạt có tính cách quan-trọng như địa-điểm du-lịch ở cao độ. Sự xây cất tăng lên và thường-thường là bằng gỗ (Khách-Sạn Desanti, Tòa Khâm-Sứ Thị-xã, Sở Thủy-Lâm v.v...) Các nhà xí-nhiệp ở Sài-gòn lên xây cất, dựng những biệt-thự bằng gỗ để nghỉ hè và sự xây cất cần gỗ. Một phần đường xe lửa có thể chuyên-chở xuống những sản-phẩm địa-phương với giá vừa phải. Cũng vì thế sự khai-thác lâm-sản từ tính cách tiểu công-nghệ sang tính cách kỹ-nghệ .Những xí-nghiệp lớn chú-ý đến sự việc trên và có thị-trường

Library HoangSa.Org

quan-trọng, như Công-Ty Kỹ-Nghệ Đà-lạt và xí-nghiệp Aviat nên đặt một trại cưa máy tại Dran và phần nhiều cưa cây thông 3 lá.

— Từ năm 1932 đến năm 1937, lúc đó là khủng-hoảng kinh-tế có một số xí-nghiệp gặp khó-khăn và không nghĩ đến sự xây-dựng ở Đà-lạt nữa. Sự khai-thác lâm-sản suy-vi, trong 1933, sự sản-xuất gỗ được ghi là 800m^3, số thấp nhất từ xưa đến bây giờ. Cây thông 3 lá lại bỏ quên từ đó.

— Từ năm 1938 đến 1945, sự khai-thác tái khởi, lúc đầu chậm chạp sau lại tăng dữ-dội bởi chiến-tranh, vài công-ty khai thác lần lần đi vào sâu. Vấn đề chuyên-chở gỗ tự đặt ra, muốn giải-quyết, những trại cưa được dựng lên để giảm sự chuyên-chở gỗ quá nặng : Công-ty Xáng-Múc (dragages) và công-chánh Đà-lạt, Đông-Á Đan-Mạch tại rừng Dasar, Aviat tại Dran, gỗ được gởi đi theo sự sản-xuất và tăng từ 2.000 m^3 trong năm 1938 đến 15.000 m^3 trong năm 1941, từ đó sự sản-xuất và xuất-xứ tăng lên vì ngoài các xí-nghiệp Pháp-Việt, còn các công-ty Nhật-bản như Mitsui Butohi Khaysha và công-ty Atalca.

— Sau năm 1945, những công ty cũ bị lộn xộn, trại cưa Aviat và Đông-Á bị phá hủy. Tuy vậy, tại Saigòn cũng đòi hỏi gỗ, vì tình hình không an-ninh nên không cho phép đem gỗ về đều được từ Kampuchia hay từ rừng miền Đông-Nam-Việt. Có 2 công-ty mới chú-ý đến cây thông của Lâm-viên, đó là hảng SIFA làm diêm-quẹt và Hợp Tác-xã lâm-sản. Khởi đầu khai-thác 950m^3 năm 1946 và tăng lên đến 47.000 m^3 năm 1970.

— Sau đây là bảng kê số lượng gỗ thông đã khai-thác trích trong các phúc-trình hàng năm của Ty Thủy-Lâm Tuyên-Đức.

Năm	Thông 2 lá	Thông 3 lá
	Gỗ thông	*Nhựa thông*
1964	17.068 m^3	899 Tấn
1965	9.771 "	380 "
1966	11.568 "	222 "
1967	10.117 "	200 "
1968	8.082 "	50 "
1969	27.242 "	0 "
1970	47.358 "	1 "

Library HoangSa.Org

Trong dĩ-vãng và cũng theo thói quen, Sài-gòn thường tiêu-thụ gỗ của Kampuchia và ở miền Nam Việt-Nam thường là cây Dầu, Vên-Vên, Sao, Bằng-Lăng, vì những lý-do sau đây:

— Về vị-trí, Đà-lạt cách Sài-gòn 300 cây số bằng đường bộ, 450 cây số bằng đường xe lửa, Lộc-Ninh trái lại cách Sài-gòn 150 cây số bằng đường xe lửa, Phan-Thiết 150 số và Biên-Hòa dưới 80 cây số.

— Gỗ đi từ Kampuchia hay miền Nam Việt-Nam được thả theo đường thủy kết bè, đó là cách chuyên-chở tiết-kiệm nhất. Như vậy trong năm 1951, tiền chuyên-chở gỗ trên vùng Cao-nguyên về tới Sài-gòn là 400$ 1 m^3 và những gỗ ở miền Nam Việt-Nam chỉ chịu với giá từ 100 đến 150$. Gỗ Kampuchia cũng được thả bè về Sài-gòn theo sông Mékong với giá biểu rất có lợi.

— Giá thuê nhân-công ở Kampuchia rẻ hơn ở Việt-Nam.

Vì những lý-do trên, gỗ thông ít biết đến và có khi sử-dụng không đúng chỗ. Cây thông 2 lá không cho phép khai-thác nếu cây chưa được đến kỳ trích nhựa diệt cây 4 năm.

TÌNH TRẠNG KHAI THÁC HIỆN NAY.

— *Sự tiêu hao của rừng trong trong thời gian chiến-tranh:*

Sự tiêu hao của rừng ở vùng Cao-Nguyên Đà-lạt không do chất khai quang, một phần lớn do:

— Đồng bào Thượng phá rừng làm rẫy. Sự làm rẫy đã làm tiêu hao gỗ rừng và làm cho đất đai càng thêm xấu.

— Lửa rừng chỉ gây thiệt hại cho rừng trong mùa nắng. Nguyên-nhân do người đốt cỏ hay bụi rậm, trong thời kỳ chiến-tranh thường do quân-đội hành-quân đốt để khai quang. Cháy rừng rất thiệt hại vì làm chết những cây con dưới 8 tuổi và làm giảm sức tăng-trưởng của cây lớn. Sau đây là bảng công-tác chống lửa rừng tại Ty Thủy-Lâm Tuyên-Đức.

*

Library HoangSa.Org

	Diện-tích bảo-vệ			Diện-tích bị cháy	Cước-chú
	Rừng Thông	Chu-vi trồng cây	Thắng cảnh		
1958	210.000 Ha				Diện - tích rừng bảo-vệ do kinh-phí cho.
1959	"	110 Ha		175 ha	
1960	"	225 "	189.700 ha	3.606 "	
1961	"	614 "	64.178 "	3.105 "	
1962	"	1.234 "	19.000 "	2.508 "	
1963	"	1.920 "	40.021 "	458 "	
1964	"	2.843 "	1.000 "	204 "	
1965	"	5.090 "	1.800 "	137 "	
1966	"	8.834 "	1.800 "	363 "	
1967	"	14.306 "		368 "	
1968	6.000 "	2.400 "	2.000 "	1.434 "	

— Sự khẩn hoang để làm hoa-màu-phụ dọc theo Quốc-lộ 20 và tỉnh lộ 21, từ Liên-Khương đi Fyan, Tỉnh lộ 8 từ Di-Linh đi Phan-Thiết, Tỉnh lộ-8 kép từ Di-Linh đi Quảng-Đức.

— Sự ủi quang theo Quốc-lộ 20 mỗi bên rộng 1 cây số (tỉnh Lâm-Đồng).

— Khai-quang để lập Ấp như Ấp Ch'Rai, Bồng-Lai, Da Me, Quảng Thừa v.v...

— Sự lạm-thác và sự khai-thác thiếu kiểm-soát vì vấn-đề an-ninh.

Những khu rừng bị tàn phá hoàn-toàn:

— Rừng Pampei chỉ còn là núi trọc.

— Rừng lấy nhựa thông Fimnom bây giờ là Ấp Bồng-Lai.

— Rừng cấm Daparatt đã cải-hóa là Ấp R'Chai.

— Rừng X'Nhion, Ganreo, Klongtum, Riong Serignac, Riong Bolieng không còn trên bản đồ nữa.

Diện-tích này bị tàn phá phỏng định lối 10.000 ha.

Những khu rừng cấm còn lại chưa bị tàn phá tại Tỉnh Tuyên-Đức gồm có:

— Rừng Papeng số 310	diện-tích	1.023 ha.
— Rừng K'lang-Yang số 349	" "	4.800 "
— Rừng Dapla số 404	" "	4.100 "
— Rừng Manine số 346	" "	8.800 "
— Rừng Pongour số 423	" "	1.100 "
Cộng chung		19.823 ha

Library HoangSa.Org

Những rừng được bảo-vệ còn lại là rừng Dasar, Panthieng, Teurnoun, Kongtachtria; Préboyau, Prékanass, Kréan và một số rừng dày háo-ẩm.

— Rừng Tùng loại diện-tích độ 100.000 ha.
— Rừng dày háo-ẩm " " " 290.000 ha
Cộng chung 390.000 ha.

Những khu rừng cấm ở Tỉnh Lâm-Đồng gồm có:

— Rừng vĩnh-viễn số 308 Yankar diện-tích 1.900 ha
— " " " " 309 Dangia " " 2.100 "
— " " " " 554 Dargna " " 17.500 "
Cộng chung 21.500 ha.

Diện-tích rừng diệp-loại ước-độ 230.000 ha.
" " " Tùng-loại " " 100.000 "
" " " Tre, đồi trọc " " 50.000 "

Ở Tỉnh Lâm-Đồng rừng Tùng-loại (Thông, Bạch-Tùng, Hoàng-Đàng v.v...) chỉ có bắt đầu từ đèo Blao đến ranh tỉnh Tuyên-Đức

Khả-năng cung-cấp lâm-sản chánh và phụ.

Trong năm 1969.

Lâm-sản chánh	Tuyên-Đức	Lâm-Đồng
— Gỗ thượng hạng		1.444 m^3
— Gỗ hạng 1	655 m^3	6.252 "
— Gỗ hạng 2	47.097 m^3	37.973 "
— Gỗ hạng 3	2.800 "	573 "
— Tạp	2.524 "	2.543 "
Cộng chung	53.076 m^3	48.785 m^3
Lâm-sản phụ		
— Củi	5.396 site	2.700 site
— Than	197 tấn	
— Bột nhang	70 "	44 tấn
— Tùng hương	540 "	
— Nhựa thông		2 tấn 400
— Tre		6.500 site
Trong năm 1970		
Lâm-sản chánh		196 m^3
— Gỗ thượng hạng	48 m^3	1.962 "
— Gỗ hạng 1	57.797 "	23.094 "
— Gỗ hạng 2	35 "	228 "
— Gỗ hạng 3	23 "	886 "
— Tạp		
Lâm-sản phụ		
— Củi	5.081 site	2.607 site
— Than	2.228 tấn	
— Bột nhang	67 "	57 tấn
— Nhựa thông	1 "	18 "
— Tre		5 600 site

Library HoangSa.Org

— *Gỗ tròn xuất-xứ trong năm 1970*

Gỗ thông xuất-cảng sang Nhật	4.000 m^3
Bạch-Tùng chở về hãng SIFA	1.429 "
Thông làm trụ điện chở đi Phan-Rang	3.573 "
Thông làm bột giấy chở đi Biên-Hòa	7.500 "

Ngoài ra ở hai tỉnh Lâm-Đồng và Tuyên-Đức cũng cho hãng SIFA khai-thác cây Bạch-Tùng (Podocarpus imbricatus) để làm hộp-quẹt, diêm quẹt, cấp mỗi « quota » là 900 m^3. Cây Bạch-Tùng cũng được khai-thác làm tăm xỉa răng cho hãng Đại-Nguyên Tùng-Nghĩa làm và được cấp mỗi năm độ 100 m^3.

Đến năm 1971, Nhật bắt đầu nhập-cảng luôn cả gỗ thông 2 lá, mục-đích cũng làm nhà, nhưng gỗ thông 2 lá khó tẩm thuốc hơn vì có nhiều nhựa.

✠

Năm 1970, Nha Thủy-Lâm cũng có ý-kiến nên cấm khai-thác cây thông 2 lá vì để khai-thác nhựa thông. Sau khi xét lại, vì chiến tranh có thể xảy ra chuyện lạm dụng cây thông 2 lá và cây thông 3 lá, cơ-quan trung-ương không thể kiểm-soát nổi, vì vậy việc khai-thác cây thông 2 lá chưa được thực-hiện.

Hiện nay Tỉnh Tuyên-Đức có 28 xưởng cưa trang bị 69 máy CD. 4 và Tỉnh Lâm-Đồng có 9 trại cưa trang bị 20 máy CD. 4. Mỗi máy cưa CD. 4 có thể xẻ được trung-bình mỗi ngày 6 m^3 gỗ tròn, như vậy trong một tháng làm trung-bình 20 ngày, một máy cưa CD. 4 có thể xẻ 120 m^3 gỗ tròn và nếu tất cả 89 máy cưa của 2 Tỉnh Lâm-Đồng và Tuyên-Đức đều hoạt-động, tính ra gỗ tròn cung-cấp cho máy cưa đến 10.680 m^3 gỗ tròn và cho 66% gỗ xẻ tức là được khoảng 7.049 m^3 gỗ xẻ. Như vậy hàng năm phải có số gỗ tròn là 10.680m^3 × 12=128.160 m^3, nhưng việc khai-thác gỗ hàng năm của 2 Ty Lâm-Đồng và Tuyên-Đức chỉ đến trong năm 1969 là 91.049 m^3 và trong năm 1970 vừa qua là 80.997 m^3.

Việc cung-cấp gỗ tròn riêng cho các xưởng cưa để khai-thác bằng Bài chỉ A trực-dụng là 300 m^3 cho trại cưa có một máy, 400 m^3 cho trại cưa 2 máy và không quá 800 m^3 mỗi năm cho 1 xưởng cưa. Như vậy có chủ xưởng cưa phải mua lại thêm gỗ do các nhà khai-thác trúng đấu giá lô với giá mắc hơn để có đủ số cây cho trại cưa hoạt-động.

Library HoangSa.Org

TÌNH TRẠNG KHAI THÁC TRONG TƯƠNG LAI

Rừng là nguồn tài-nguyên lâm-sản vô-tận đóng góp về mặt kinh-tế quốc-gia rất quan-trọng. Người ta cho rằng « rừng vàng bạc bể », nên rừng cần được luôn-luôn bảo-tồn.

Trong tương-lai, khi hòa-bình vãn-hồi, để duy-trì sự phong-phú của rừng và để bù-đắp và sự tiêu-hao vì chiến tranh, cơ-quan Thủy-Lâm nên gia-tăng bảo-vệ và bồi-dưỡng lâm phần, kiểm-soát và điều-hành việc khai-thác lâm-sản và đặt một chương-trình như sau :

1.— *Thiết lập lâm-phần*

— Thành-lập lâm-phần vĩnh-viễn bảo-đảm sự sản-xuất gỗ đủ cỡ cần-thiết cho sự thương-mãi gỗ trong xứ và xuất-cảng ra ngoại-quốc. Tất cả các rừng đã có Nghị-định lập thành rừng cấm và phải theo đúng qui-chế khai-thác.

— Chọn lựa những cánh rừng để bảo-vệ cần-thiết cho sự bảo-tồn đất-đai trên các triền núi và sự điều-hòa các số lượng mực nước.

— Cần có sự bảo-vệ lâm-phần một cách vĩnh-viễn để tránh nguyên-nhân do lửa rừng, sự phá rừng làm rẫy, sự khẩn hoang bất hợp-pháp để trồng hoa màu phụ hay trồng rau cải v. v...

Vấn đề phá rừng làm rẫy của đồng-bào Thượng và sự chiếm canh bất hợp-pháp của đồng-bào Kinh để trồng rau cải tại Đà-lạt vẫn đang bành-trướng mạnh. Sự làm rẫy rất tai hại vì đất sẽ bị thoái-hóa, soi-mòn hư-hỏng không còn trồng được nữa.

2.— *Điều-chỉnh lâm-phần*

Điều-chỉnh lâm-phần dựa vào một thể-chế dưỡng-lâm nào cung-cấp một huê-lợi bền vững và có thể cao được. Các rừng ở Cao-nguyên cũng như trong các vùng khác ở Việt-Nam, chưa được trong tình-trạng chính-xác của thể-chế dưỡng-lâm nào : cách dưỡng-lâm theo chế-độ rừng hạt hay chế-độ rừng chồi và ở một chế-độ theo thể thức đốn tất, đốn tuyền, đốn dần v.v...

Điều-chỉnh lâm-phần cốt-yếu là :

— Chuẩn-bị tức là định ranh rừng và cắm móc cánh rừng, kế đó mở mang các đường vận-xuất, cấp một số nhân-viên đầy đủ, nhà cửa và phương-tiện chuyên-chở v.v...

— Kiểm-kê, tức là quan-sát khu rừng, mô-tả hình dáng từng phần rừng đồng-nhất giới hạn bởi các đường ranh để sau này trở thành

Library HoangSa.Org

một cúp trong việc điều-chỉnh, quan-sát các cây gỗ có thể khai-thác được, đếm và ghi kích-thước các cây, nghiên-cứu sức tăng-trưởng để lập bảng tính thể-tích điều-chỉnh.

— Gầy-dựng lại hay tái-sinh lại rừng bằng:

Phương-pháp thiên-nhiên, thay thế cây già cỗi, không còn tăng-trưởng được nữa bằng một số cây vừa đủ sức cho hột giống tự gầy lại cây con theo dự-án của thể chế dưỡng-lâm nào để cần có số cây ít nhất cũng bằng số cây đã cho khai-thác.

Tăng-gia diện-tích lâm-phần bằng cách gầy rừng nhân-tạo trên những đồi trọc, đất hoang, trên những diện-tích cho khai-khác cây thông làm trụ điện, bột giấy, khai-quang.

Cần phải bảo-vệ ít nhất trong thời hạn 7, 8 năm để cho cây khỏi bị lửa rừng thiêu-hủy. Người ta ước-lượng một đám cháy rừng, làm cháy chết tất cả cây thông con 3 lá từ 4 đến 5 tuổi và cây từ 8 đến 10 tuổi mới chịu đựng được lửa rừng. Một đám cháy rừng đem lại nhiều tai-hại trong rừng thông 2 lá hơn rừng thông 3 vì cây thông 2 lá khó tái-sinh thiên-nhiên hơn cây thông 3 lá và sức tăng-trưởng chậm hơn cây thông 3 lá.

3.— *Khai-thác hợp-lý*

Có 2 mục-đích để khai-thác được hợp-lý :

a) *Tránh sự phí-phạm gỗ :*

— Cây phải được hạ sát gốc và lấy gỗ có thể dùng được. Cần huấn-luyện thợ rừng về kỹ-thuật khai-thác, hay ít nhất đặt một người Cai hiểu biết kỹ-thuật khai-thác.

— Ngọn cây có thể cho dứt lóng xẻ ván đóng thùng hay làm củi, dùng trong kỹ-nghệ.

— Nên hạn chế hay hủy bỏ hẳn việc khai-thác cây thông 3 lá làm trụ điện để thay thế bằng cây Bạc-Hà (Eucalyptus).

Có vài loại Eucalyptus đã trồng có kết-quả khả-quan ở vùng Cao-Nguyên như Eucalyptus saligna, Eucalyptus robusta.

— Khuyến-khích việc sử-dụng các loại gỗ ít thông-dụng và ít khai-thác như cây Ngo-tùng (Keteleeria) để làm bàn ghế rất tốt, các cây trong rừng háo ẩm như Chò-Sót (Schima crenata), Giổi (Talauma), Thủy Tùng (Taxus baccata) v.v...

— Chánh-phủ sẽ dành phần dễ dãi cho Công-ty được quyền mua khế-ước dài hạn những khu rừng chưa khai-thác diện-tích, từ 50.000 ha

Library HoangSa.Org

trở lên để khai-thác, đồng thời Công-ty đó phải trồng lại rừng theo tỷ-lệ gỗ đã khai-thác.

b) *Tránh giá gỗ quá mắc cho người tiêu-thụ :*

— Tìm biện-pháp hạ sở phí khai-thác bằng cách :

— Cơ-giới-hoá việc khai-thác : hạ cây bằng cưa máy xách tay, kéo bằng máy kéo, vợi cây bằng xe be hay xe có cần trục.

— Tránh việc mua lại « quota » thêm sở phí bất thường.

— Tránh trung-gian đứng giữa ăn lời và đôi khi kiếm cách bóp chẹt các nhà khai-thác.

— Cho khai-thác gỗ tròn trong mùa nắng nhiều hơn trong mùa mưa để cho nhà khai-thác dễ cho vợi cây ra đường và chủ xưởng cưa có một số gỗ tròn dự-trữ để cưa trong mùa mưa.

— Trở ngại lớn nhất hiện nay trong ngành khai-thác lâm-sản là vấn-đề an-ninh, nên việc khai-thác chưa được đúng mức. Cây gỗ phải chở đem tập trung chỗ nào tương-đối an-ninh vì vậy gỗ được vợi ra xa khỏi rừng và làm mất nhiều thì giờ để di-chuyển vào rừng. Chính-quyền địa-phương giúp đỡ vấn-đề an-ninh để nhà khai-thác cho đốn hay vợi gỗ khỏi rừng không bị trở-ngại.

— *Tìm biện-pháp phát-triển sản-xuất lâm-sản :*

Lập Công-ty khai-thác bỏ vốn đầu tư việc khai-thác.

— Lập Nghiệp-đoàn kỹ-nghệ để biến-chế lâm-sản bán ra thị-trường, như nghiệp-đoàn xưởng cưa máy, nghiệp-đoàn trại mộc v.v...

Nếu có Công-ty hay Nghiệp-đoàn, chính-phủ sẽ dễ-dàng kiểm-soát về phương-diện chính-trị, chuyên-môn, kỹ-thuật, ấn-định mức lời vừa phải, tránh lủng-đoạn giá cả trên thị-trường. Các Nghiệp-đoàn biến-chế lâm-sản không phải lo thiếu nguyên-liệu do Công-ty khai-thác cung-cấp.

— Ngân-hàng Phát-triển Nông-Nghiệp cần giúp đỡ cho các xí-nghiệp lâm-sản vay tiền để tiếp-tục biến chế nguyên-liệu trong lúc chờ đợi một sự đặt mua nào.

Chánh-phủ cần giúp đỡ cho các xí-nghiệp lâm-sản được mua các lưỡi cưa, giây trân và dụng-cụ máy-móc với giá chính thức.

✠

Library HoangSa.Org

Trong tương-lai vai-trò của Viện Khảo-Cứu cũng rất quan trọng như :

Nghiên cứu khoảng cách nào hợp-lý để trồng cây gầy rừng, có cần tỉa quang rừng thông hay không. Ở rừng có nhiều cây thông mọc gần sát nhau, nhưng hai cây vẫn có sức tăng-trưởng đồng đều.

— Nghiên-cứu sử-dụng các cây đủ cỡ, đúng mức, đúng chỗ bằng cách xấy, tẩm thuốc và nghiên-cứu sự bền bỉ của mỗi cỡ cây.

— Nghiên-cứu sử-dụng trong các diệp-loại thay thế cây thông trong việc làm gỗ tạo-tác, làm củi, đốt than v.v...

Trong rừng thông 2 lá, nghiên-cứu sự tái-sinh và sức tăng-trưởng của cây Dầu-Trà-Beng giúp cho rừng thông 2 lá ngăn-ngừa lửa rừng, thay thế cây Dầu-Trà-Beng làm gỗ tạo-tác trong lúc cây thông 2 lá dùng để trích lấy nhựa. Nghiên-cứu cách lấy nhựa Thông, làm cách nào để dưỡng cây đến kỳ khai thác.

— Nghiên-cứu gầy lại rừng những Tùng-loại hiếm có ở vùng Cao-Nguyên như Thông 2 lá dẹp (Pinus krempfii), Tô-Hạp (Libocedrus macrolepis), Pemou (Fokienia Hoodgensii), Thông 5 lá (Pinus dalatensis).

— Nghiên-cứu du-nhập các loại thông ngoại-quốc để trồng gầy lại rừng có sức tăng-trưởng mau như Pinus caribaea, Pinus elliottii (để lấy nhựa), Pinus patula (thông rủ), Pinus taeda... đã trồng thí-nghiệm có kết-quả khả-quan.

— Nghiên-cứu làm ván ép, nghiên-cứu tận-dụng mạc cưa, ngọn cây bỏ trong lúc khai-thác để dùng trong kỹ-nghệ làm ván ghép, ván vách, ván gỗ vụn Okal v.v...

Rừng thông tại Cao-Nguyên Đà-lạt là nguồn tài-nguyên trường-cữu cho miền Nam Việt-Nam, không những nó cho bóng mát để cho du-khách và cư-dân mà nó còn giúp cho nền kinh-tế nước nhà trong vai-trò khuếch-trương kỹ-nghệ lâm-sản hiện thời đang có, ngoài ra kỹ-nghệ cưa gỗ xẻ như :

— Gỗ làm bột giấy, kỹ-nghệ làm giấy là một kỹ-nghệ đang được phát-triển mạnh-mẽ tại các nước trên thế-giới.

— Gỗ làm trụ-điện, rất tiện-lợi cho chương-trình điện-hóa nông-thôn, đem lại ánh sáng cho người dân trong đêm tối ở hang cùng ngõ hẻm.

— Nhựa thông dùng trong kỹ-nghệ làm sơn, làm đồ bằng nhựa, xà-bông, mực in, vẹt-ni v.v...

Library HoangSa.Org

Trong tương-lai gỗ thông còn làm ván ghép, người ta có thể biến-đổi những lóng gỗ nhỏ thành những miếng ván ghép lớn mặt đẹp màu, không bị mối mọt nhờ những tiến-bộ trong khoa tẩm thuốc, phơi sấy, nhuộm màu và lạng gỗ. Gỗ thông sẽ còn dùng chế-tạo những nhà tiền-chế rẻ tiền.

Rừng thông với những phong-cảnh đẹp và khí trời mát-mẻ cũng là nơi nghỉ-ngơi của những ngày mệt-nhọc, để du-khách ngắm cảnh thiên-nhiên và có thể tiêu-khiển về môn săn-bắn, cắm trại v. v...

Rừng thông còn được mô-tả nhiều trong văn-chương, nhạc và thơ. Gỗ thông cả vỏ được cắt xéo vẽ hình, vỏ, nhánh và trái thông được dùng trong tiểu công-nghệ làm kỷ-vật lưu-niệm Đà-lạt được trưng-bày bán cho du-khách.

Chúng ta nhận thấy sự ích-lợi quan-trọng của rừng thông, chẳng những quan-trọng về phương-diện vật-chất mà luôn cả về tinh-thần, sự tàn-phá lâm-phần này sẽ rất tai-hại cho tương-lai đất nước và nhân-loại.

Đà-lạt 15-7-71
NGUYỄN-VĂN-TÀI
Quản-Đốc Trung-Tâm Khảo-Cứu Lâm-Học Đà-lạt

Đã Phát Hành:

CHO CUỘC ĐỜI, Thơ TẠ TỴ
Du Tử Lê viết Bạt
KHAI PHÓNG XUẤT BẢN

— *MỘT THI PHẨM*

Mà người yêu thơ chờ đợi từ lâu.

Không thể thiếu trong tủ sách gia đình.

Giá 200$00

Library HoangSa.Org

KHÁI LƯỢC VỀ SINH HOẠT NHÂN VĂN VÀ KINH TẾ CỦA ĐÀ-LẠT

▽ PHẠM VĂN LƯU

1. DÂN SỐ ĐÀ-LẠT

Dân số Đà-lạt là 85.000 nnười, nếu so sánh với dân số miền Nam Việt Nam hiện nay, nó chỉ chiếm một tỷ lệ khá nhỏ bé vào khoảng 0,5%. Ngoài những đặc tính cố hữu của các quốc gia kém mở mang, Đà-lạt cũng như các thành phố khác tại Việt Nam, còn phải gánh chịu hậu quả của một trận chiến tranh kéo dài trên 20 năm, nên thành phần dân số dưới 25 tuổi đã chiếm khoảng 61% tổng số dân [1]. Điều này chứng tỏ dân số Đà-lạt rất trẻ.

I.— *Nguồn gốc :*

Thành phố Đà-Lạt được khai sinh vào những năm cuối cùng của thế kỷ thứ 19. Với một quá khứ rất ngắn ngủi như vậy, nhưng nguồn gốc dân số lại vô cùng phức tạp. Sau đây, chúng tôi xin đề cập sơ lược đến những thành phần chính trong lớp người đầu tiên đến khai sơn phá thạch tại thành phố này.

1.— *Người Pháp :*

Những người Pháp sau Bác sĩ Yersin đã đặt chân lên Cao nguyên Lâm Viên, là những nhân viên của phái đoàn Thouard và phái đoàn Guynet. Trong thời gian công tác, (từ 10-1897 đến 9-1898), phái đoàn Thouard đã chọn Dankia làm trung tâm điểm đề trắc địa các vùng chung quanh. Cũng tại đây, họ đổi chác với dân miền núi những vật bằng thủy tinh để lấy thức ăn.

Một người lính của phái đoàn, ông Missigbrod đã biến nơi đây thành một khu vườn rau cải, và bắt đầu chăn nuôi một ít súc vật để tiếp tế cho phái đoàn. Đó là những bước đầu tiên của nông trại Dankia sau này.

---

1. Dựa vào các dữ kiện trong Niên Giám Thống Kê Việt Nam 1964-1965 do Viện Quốc Gia Thống Kê xuất bản 1966, tr. 38.

Library HoangSa.Org

Sau đó, song song với chương trình mở mang của chính phủ, một số người Pháp khác được đưa lên Đà-lạt.

Phần lớn những người này đến khai phá và thành lập các nông trại, đồn điền như trại chăn nuôi Dankia, đồn điền Cam Ly... và nhất là mở mang các khách sạn...

2.— *Người Việt :*

Những người Việt đầu tiên đến Đà-lạt là những tội nhân. Thay vì bị đày đi Lao Bảo hay Côn Sơn, họ được người Pháp đưa lên Đà-lạt.

Ngoài ra, một số người Việt khác đã đặt chân lên cao nguyên này, trong giai đoạn đầu là 30 người lính khố xanh đi theo một viên đồn trưởng người Pháp để áp tải những tội nhân và đã đóng ở một đồn lính mà vị trí là dinh thự Thị trưởng hiện nay.

Thêm vào đó, còn có một số người Việt sống lẻ tẻ bên cạnh các bộ lạc Thượng, đáng kể nhất là những con buôn lưu động. Họ từ Sài gòn lên và nhất là từ Phan Rang mang theo hàng hóa, phần lớn là thực phẩm để tiếp tế cho dân cư ở đây. Việc buôn bán và đổi chác với người Thượng đã đem lại một nguồn lợi đáng kể. Vì thế đã thu hút được một số khá đông các con buôn Việt và Trung Hoa đến Đà-lạt.

Trong giai đoạn này, dân chúng tự do xây cất nhà cửa và họ thường tụ tập lại thành từng khu như ấp Ánh Sáng, khu cây số 4, Trại Hầm...

Dần dần, những công chức của Tòa Công sứ cũng được dời lên Đà-lạt và cư xá công chức cũng được chính phủ xây cất và hiện nay còn tồn tại ở đường Thành Thái.

Trên đây là những người Việt đã đến Đà-lạt với tư cách cá nhân. Ngoài ra, năm 1938, ông Hoàng Trọng Phu đã bắt đầu đưa dân từ ngoài Bắc vào Đà-lạt lập nghiệp. [1]

Đầu tiên, bảy gia đình khoảng gần 40 người được chọn trong những làng Ngọc Hà, Quảng Bá, Nghi Tam, Tây Thu, Xuận Thảo, Văn Phúc tỉnh Hà Đông đưa vào Đà-lạt, lập nên ấp gọi là ấp Hà Đông.

Đến tháng 12 năm 1942, ấp Hà Đông đã có 42 gia đình với khoảng 200 người.

---

1. Theo Đinh Am «Une visite aux Maraichers de Đà-lạt», *Indochine, hebd. Illustré*, (Jeudi 31 déc. 1942) No 122, trang X-XI.

Library HoangSa.Org

Ngoài ra, tháng 4 năm 1942, chương trình di dân lập ấp được tăng thêm với những người Nghệ tĩnh, lập nên ấp Nghệ tĩnh sát cạnh ấp Hà Đông.

II.— *Phân phối :*

Đà-lạt có mật độ trung bình 1232 người/km^2. Dân số Đà-lạt phân phối không đều, trên 36% dân số tập trung tại khu phố 1, nơi có những sinh hoạt thương mại phồn thịnh nhất gồm khu Chợ Mới, hội trường Hòa Bình và những hiệu buôn lớn của thành phố, mật độ ở đây lên tới 3.292 người/km^2.

Thứ đến là khu phố 7, nơi tọa lạc của những công sở lớn như Tòa Đại Biểu Chính phủ (cũ), Tòa Thị Chính, Nha Thanh Tra Kinh tế vùng II chiến thuật, Ty Cảnh Sát Quốc Gia và ngoài ra có Chợ cũ (đường Nhà Chung) nên dân số ở đây cũng khá đông, mật độ lên đến 2.200 người/km^2.

Ngược lại, những khu biệt thự như đường Lê Thái Tổ và những vùng trồng cây ăn trái, mận, hồng, dâu... thuộc khu phố 4, dân số rất thưa thớt, mật độ chỉ còn 128 người/km^2.

III.— *Tiến triển của dân số :*

Một trong những khó khăn vào hàng đầu, khi nghiên cứu về Đà-lạt, đó là sự biến đổi dân số. Dân số ở đây, không gia tăng điều hòa theo suất sinh hay suất tử, nhưng lại đột tăng, đột giảm theo những thăng trầm của thời cuộc, tai biến của chiến tranh, cùng những thay đổi của cơ cấu tổ chức hành chánh.

Từ năm 1953 đến nay (1969), Ta thấy dân số Đà-lạt tăng giảm rất đột ngột :

a) *Giai đoạn 1953 — 1955 :*

Từ 25.001 người trong 1953 đến 53.390 người trong năm 1955 (riêng 1954, vì những giao động của thời cuộc sau hiệp định Genève, nên không thể có thống kê).

Sở dĩ có hiện tượng gia tăng vô cùng nhanh chóng này, vì cuộc di cư vào 1954, nhằm đưa gần 1.000.000 người từ miền Bắc vào miền Nam để tránh hiểm họa Cộng Sản. Sau khi các trại định cư Sài-gòn không có thể tiếp nhận nữa, chính phủ đã đưa đồng bào di cư lên miền Cao nguyên. Vì thế trong thời gian này, dân số Đà-lạt đã gia tăng. Đến tháng 10-1954 Đà-lạt đã tiếp nhận thêm 3.567 người và cuối năm 1955, con số này đã lên đến 15.456 người [1].

1. Cuộc di cư lịnh sử tại Việc-Nam, Phủ Tổng Ủy Di Cư Tị Nạn 1958, tr. 144 và 159.

Library HoangSa.Org

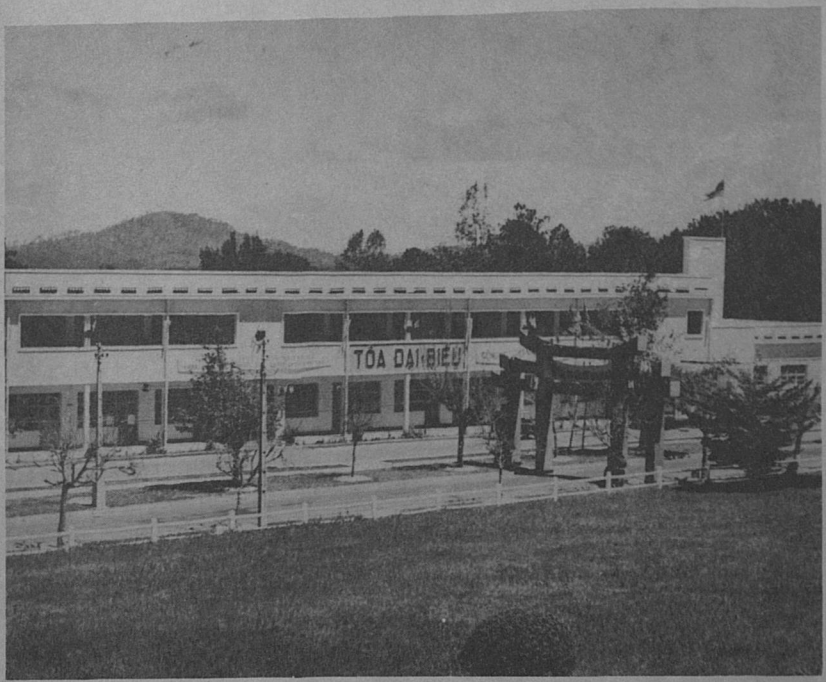

Hình 5 _ Tòa Đại biểu, nay là Tòa Thị chính Dalat — Ảnh Trần văn Châu 1958

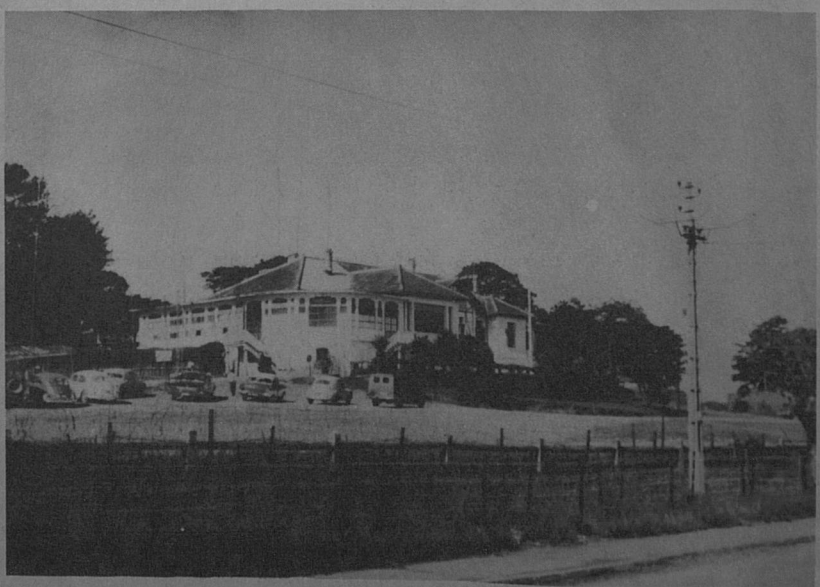

Hình 6 _ Tòa Hành chánh tỉnh Tuyên Đức — Ảnh Đặng văn Thông 1971

Library HoangSa.Org

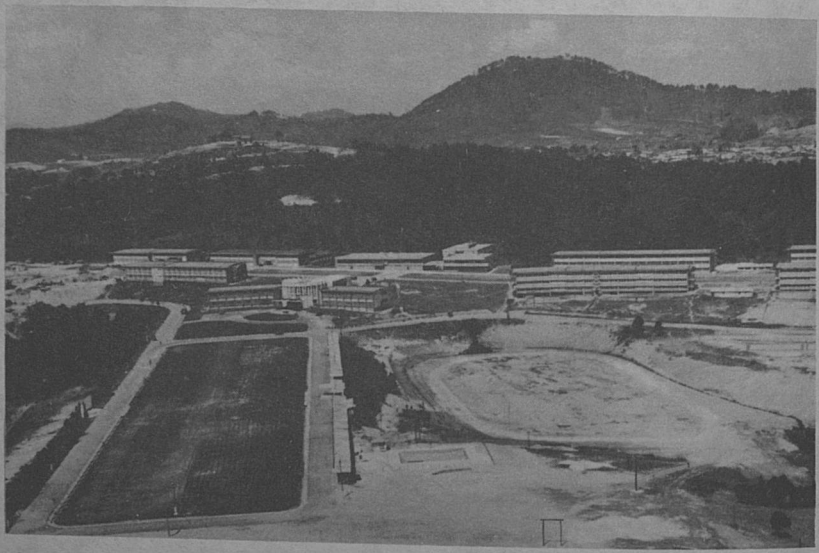

Hình 7 _ Trường Võ Bị Quốc Gia

Ảnh Trần văn Châu 1966

Library HoangSa.Org

Hình 8 _ Trường Chỉ huy và Tham mưu — Ảnh Trần văn Châu 1969

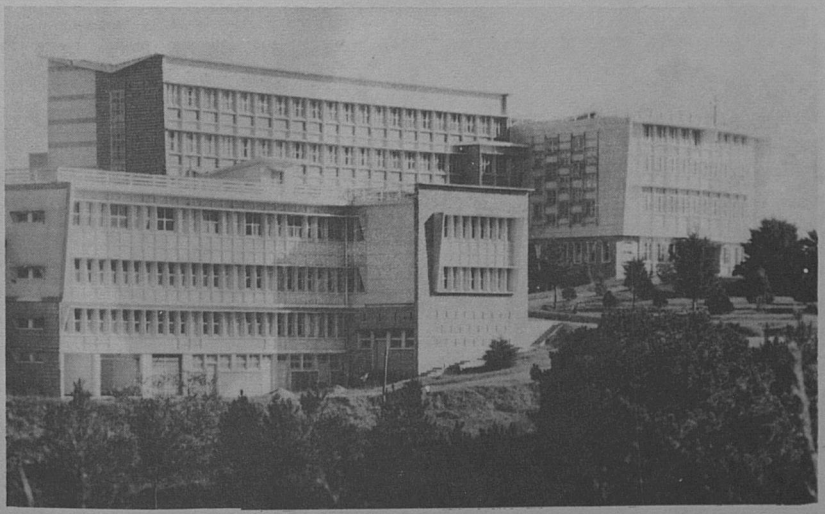

Hình 9 _ Giáo hoàng học viện Pio X

Library HoangSa.Org

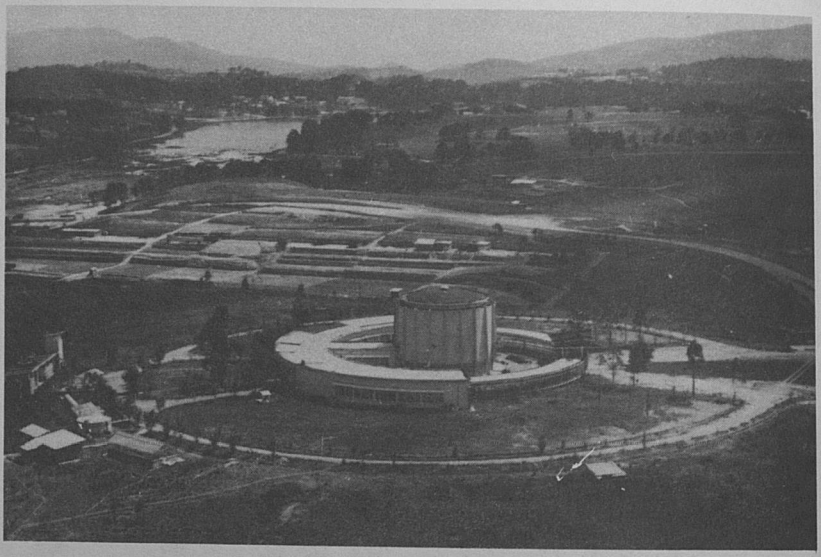

Hình 10 – Trung tâm Nghiên cứu Nguyên tử Ảnh Trần văn Châu

Hình 11 – Viện Đại Học Dalat trước là Ecole d'Enfants de Troupe de Dalat

Library HoangSa.Org

Hình 12 _ Nha Địa dư Quốc gia

Ảnh Đặng văn Thông 1971

Hình 13 _ Viện Pasteur

Ảnh Đặng văn Thông 1971

Library HoangSa.Org

Hình 14 _ Trường Trung học Trần hưng Đạo — Ảnh Đặng văn Thông 1971

Hình 15 _ Trường nữ Trung học Bùi thị Xuân — Ảnh Trần văn Châu

Library HoangSa.Org

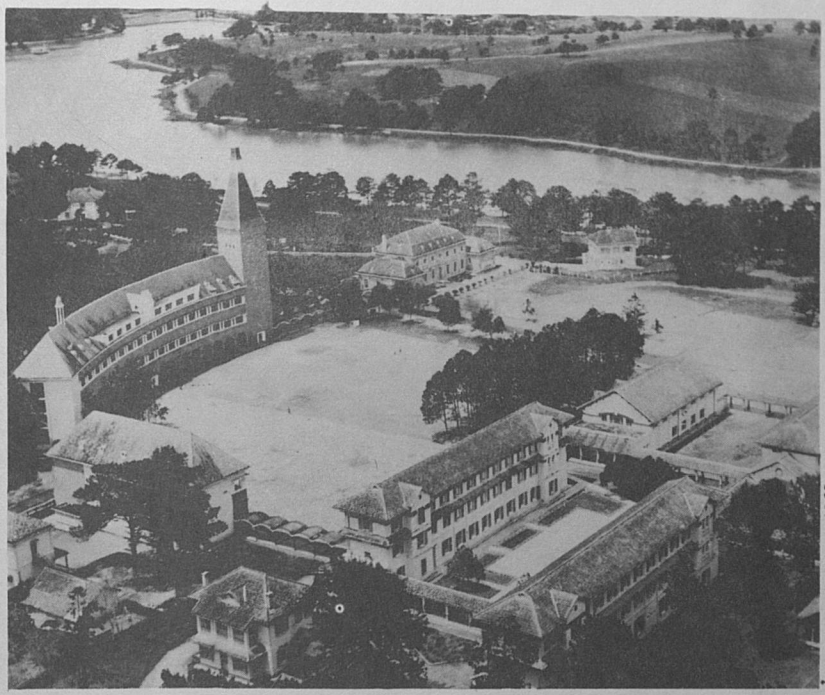

Ảnh Trần văn Châu 1960

Hình 16 - Trung tâm Giáo dục Hùng Vương trước là Lycée Yersin

Hình 17 _ Trường nữ Trung học Couvent des Oiseaux Ảnh Đặng văn Thông 1971

Library HoangSa.Org

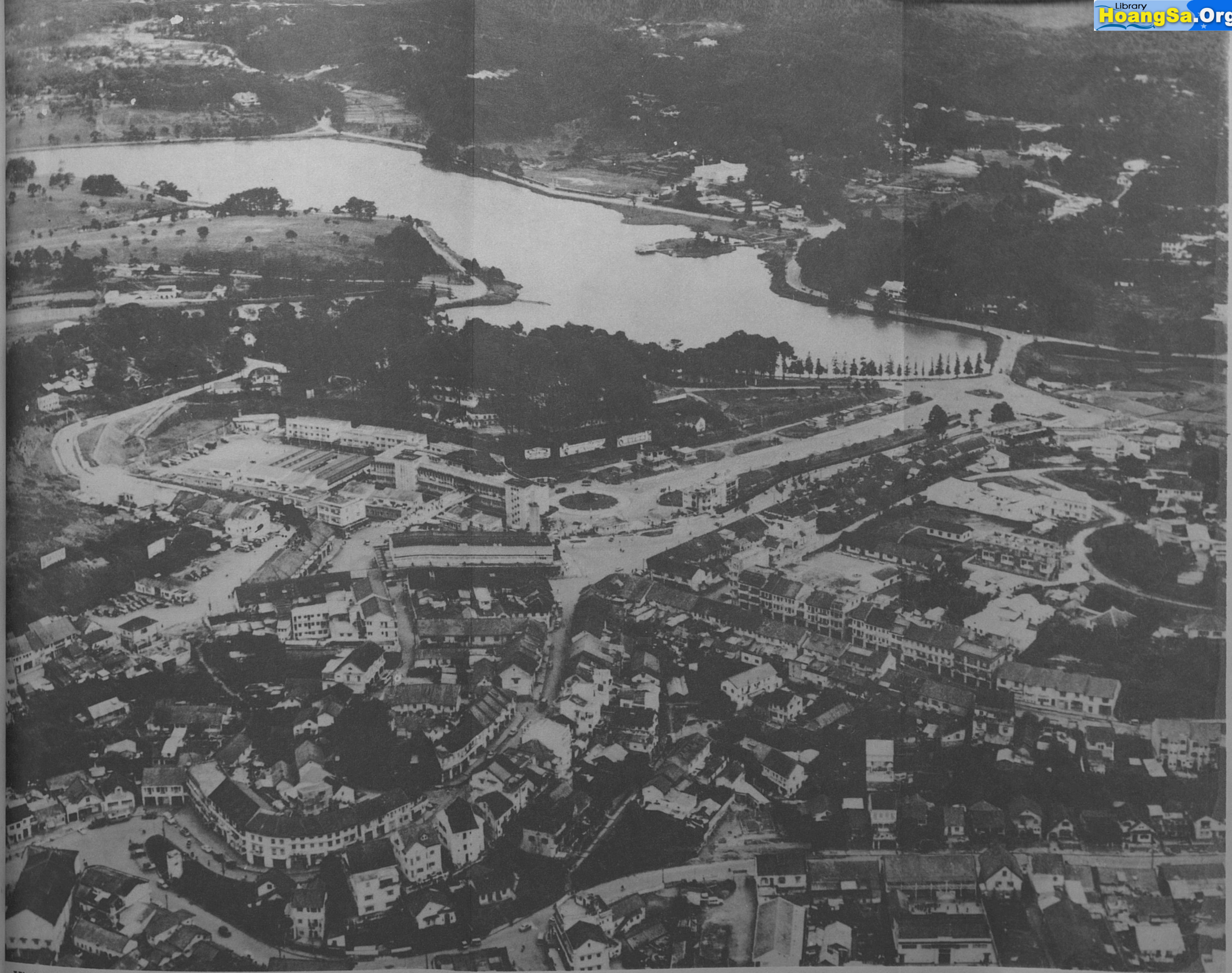

Hình 18 - Khu thương mãi Dalat (Ảnh Trần văn Châu 1966)

Library HoangSa.Org

Hình 19 - Chợ Dalat cũ — Ảnh chụp năm 1949

Hình 20 - Khu Hòa bình — Ảnh Đặng văn Thông 1971

Library HoangSa.Org

Hình 21 – Chợ mới Dalat

Hình 22 – Ngân hàng Phát triển Nông nghiệp Ảnh Đặng văn Thông 1971

Library
HoangSa.Org

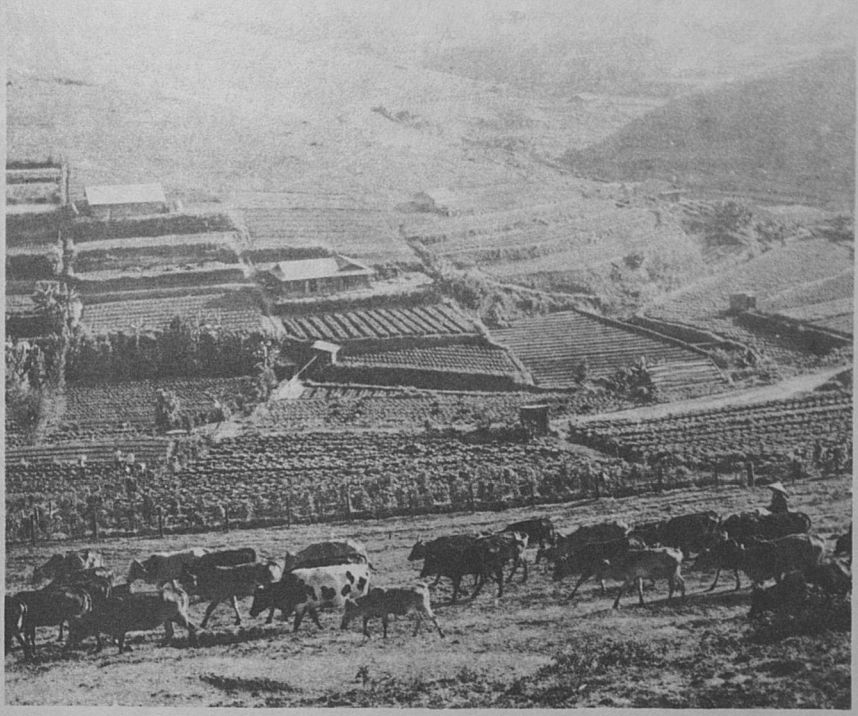

Hình 23 _ **Vườn rau Dalat** Ảnh chụp năm 1957

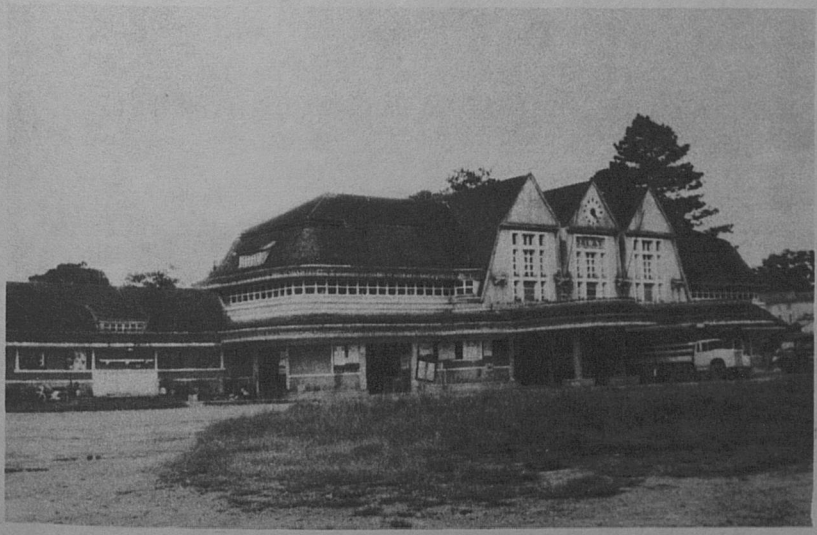

Hình 24 _ **Ga Dalat** Ảnh Đặng văn Thông 1971

Library HoangSa.Org

Hình 25 _ Lữ quán Thanh niên và Lao động

Ảnh Đặng văn Thông 1971

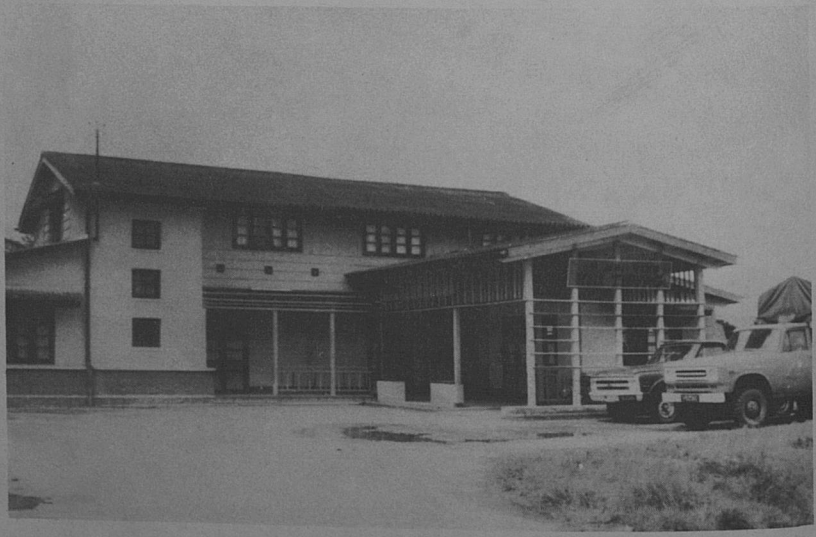

Hình 26 _ Ký nhi viện Nhị Trưng

Ảnh Đặng văn Thông 1971

Library HoangSa.Org

Thêm vào đó, vào cuối năm 1953 và đầu 1954, chiến tranh Việt Pháp đã đạt mức độ khốc liệt nhất trong giai đoạn quyết định. Vì thế, phần lớn dân chúng ở các tỉnh lân cận thuộc miền Cao-nguyên đã đổ xô về Đà-lạt tị nạn chiến tranh rất đông đảo.

Ngoài ra, có một chi tiết khác đáng ghi nhận, chỉ có người Việt và người Trung-Hoa là gia tăng trong thời kỳ này. Còn số người Âu lại giảm sút, từ 1.217 người trong 1953 chỉ còn 608 người trong năm 1955.

b) *Giai đoạn 1955 — 1956 :*

Nếu trong khoảng 1953 — 1955, dân số Đà-lạt đã gia tăng quá nhanh chóng, thì đến 1956 dân số ở đây lại giảm sút không kém đột ngột.

Thực vậy, từ 53.390 người trong 1955 đã giảm xuống còn 23.744 người trong 1956.

Để giải thích hiện tượng này, ta có thể kể những nguyên nhân như sau :

— Một phần đông dân chúng từ các tỉnh lân cận đến tỵ nạn chiến tranh, thấy tình hình tạm yên, đã trở về quê quán.

— Một số công nhân đồn điền là dân các nơi đến làm việc, có cả những người gốc ở Bắc Việt, thấy tình thế yên ổn trở về thăm quê nhà.

— Đội Ngự Lâm Quân của Cựu Hoàng Bảo Đại giải tán.

— Sau hết, một số trại định cư vì không đủ điều kiện sinh sống, đã được di chuyển đi nơi khác như trại Đa Minh dời đi Cái Sắn, và Dakai thuộc Đồng Nai Thượng; Trại Du Sinh, trại Cầu Đất dời đi Pleiku [1].

Khi người Việt và Trung Hoa giảm, con số người Âu lại gia tăng, từ 608 người trong 1955 đã tăng lên 1.088 người trong 1956.

c) *Giai đoạn 1956-1958 :*

Nhưng đến 1957, số người Việt và Trung Hoa lại gia tăng hết sức mãnh liệt nhanh chóng, từ 23.744 người trong 1956 đã lên đến 60.996 người trong 1957, nghĩa là dân số đã tăng lên vào khoảng 37.222 người so với năm trước.

---

1. Cuộc di cư lịch sử tại Việt Nam do Phủ Tổng Ủy Di Cư và Tỵ Nạn ấn hành 1958, tr. 171.

Library HoangSa.Org

Ta có thể giải thích bằng những nguyên nhân sau:

— Một số dân chúng từ phương xa đến lập nghiệp tại Đà-lạt; sau hiệp định Genève, tình thế khá ổn định, đã trở về thăm quê nhà và khi trở lại Đà-lạt đã mang theo một số bà con thân thuộc lên làm ăn.

— Dụ số 21 ngày 11-3-1955 bãi bỏ chế độ Hoàng Triều Cương Thổ. Từ đây mọi người dân Việt được tự do lên Đà-lạt, nhưng mãi hơn một năm sau, Dụ này mới có ảnh trong hưởng thực tế. Vì thế, một số rất đông dân chúng ở Quảng Nam, Quảng-Ngãi đã đổ xô lên thành phố này.

d) *Giai-đoạn 1958-1959:*

Dân số giảm từ 61.985 người xuống 49.000 người. Sự giảm sút này có một lý do khá giản dị hơn:

Đó là sự ra đời của sắc lệnh 261/NV ngày 19-5-58 đã cắt một phần lãnh thổ cùng dân số của Đà-lạt sáp nhập vào tỉnh Tuyên-Đức mới được thành lập.

e) *Giai đoạn 1956-1969:*

Dân số gia tăng điều hòa, không có gì đáng chú ý.

2.— *ĐÀ LẠT, MỘT TRUNG TÂM VĂN HÓA:*

Dưới bầu trời xanh biếc và an lành, Đà-lạt ẩn mình trong những rừng thông xinh đẹp và đầy thơ mộng, giữa không khí im vắng mang chở đầy hương thơm của hoa cỏ núi rừng cùng với khí hậu ấm áp và trong lành; thành phố này đã trở thành miền đất màu mỡ để cho các sinh hoạt và cơ sở văn hóa đua nhau phát triển.

Thật vậy, ngày nay Đà-lạt trở thành một trung tâm văn hóa quan trọng vào bậc nhất tại miền Nam Việt Nam. Sự hiện diện của những trường Đại Học phong phú về phân khoa và mới mẻ trong đối tượng nghiên cứu như Đại Học Chiến Tranh Chính Trị. Trường Chính trị Kinh Doanh thuộc Viện Đại Học Đà lạt, Đại Học Quân Sự, Trường Võ Bị Quốc Gia, Giáo Hoàng Chủng Viện... đã thể hiện rõ rệt đóng góp sâu rộng của thành phố này vào công cuộc phát triển và xây dựng nền văn hóa nước nhà.

1.— *Trường Đại Học Chiến Tranh Chính Trị:*

Được hình thành do sắc lệnh 48/SL/QG ngày 18-3-1966 Trường

Library HoangSa.Org

trực thuộc Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị và Tổng Cục Quân Huấn, bộ Quốc Phòng.

Đây là một trường đại học chuyên về một ngành học rất mới mẻ không những đối với Việt Nam, mà ngay cả những quốc gia tiền tiến Tây Phương.

Thật vậy, ngành Chiến Tranh Chính trị chỉ mới được thiết lập mấy năm trước đây tại Trung Hoa Dân Quốc. Và bây giờ, Việt Nam có một trường Đại Học về ngành này.

Trường nhằm mục đích đào tạo các sĩ quan hiện dịch cho ngành chiến tranh chính trị với một kiến thức quân sự căn bản và một trình độ văn hóa đại học. Chương trình học trong thời chiến là 2 năm và thời bình sẽ là 4 năm.

Hiện giờ (1969), có khoảng 400 SVSQ đang theo học khóa II. Ngoài ra, trường này cũng thường xuyên tổ chức những khóa huấn luyện căn bản, trung cấp và cao cấp dành cho các sĩ quan thuộc mọi cấp bực trong ngành chiến tranh chính trị.

Sau hết, nhà trường còn có một thư viện với khoảng 6.500 cuốn sách... Đặc biệt nhất, có cả những sách về chính trị học, sử học... xuất bản từ thế giới Cộng Sản. Hiện giờ, trường tạm thời đặt tại số 78, đường Võ Tánh.

2 — *Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam:*

Được thiết lập 1948 tại Huế, mệnh danh là Trường Sĩ Quan Việt Nam. Năm 1950, trường chuyển lên Đà-lạt dưới danh hiệu mới, Trường Võ Bị Liên Quân Đà-lạt.

Năm 1959, được đổi thành trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam với quy chế một trường Đại Học bậc cao đẳng chuyên nghiệp. Thời gian thụ huấn là 4 năm, nhưng sau đó, chương trình rút xuống 2 năm. Năm 1965, trở lại chương trình 4 năm.

Mục đích của trường nhằm đào tạo các sĩ quan hiện dịch trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa về đức tính và khả năng lãnh đạo, một kiến thức căn bản về quân sự, một khả năng kỹ thuật chuyên nghiệp về các ngành công chánh, điện tử và công nghệ...

Hiện nay, số SVSQ đang theo học vào khoảng 800 người.

Trường được xây dựng trên một ngọn đồi phía Đông Bắc của thành phố với những dãy nhà đồ sộ, tối tân và được trang bị khá đầy đủ về mọi phương diện.

Library HoangSa.Org

3. Trường Chỉ Huy và Tham Mưu:

Đầu tiên, trường được thiết lập vào năm 1953 tại Hà Nội dưới danh hiệu là Trung Tâm Huấn Luyện Chiến Thuật.

Đến năm 1953, được đổi thành Trung Tâm Nghiên Cứu Quân Sự.

Sau hiệp định Genève, được dời vào Sài-gòn với danh hiệu mới là Trường Đại Học Quân Sự.

Sau đó, trường được di chuyển lên Đà-lạt và đến 1967 lại đổi thành trường Chỉ Huy và Tham Mưu.

Mục đích của trường nhằm kiện toàn khả năng của các sĩ quan lục quân trên lãnh vực chỉ huy và tham mưu.

Ngoài ra, còn sưu tầm và nghiên cứu về các trận đánh lớn, cũng như binh thư và binh thuyết liên quan đến lục quân.

Hàng năm, nhà trường tổ chức những khóa chỉ huy và tham mưu cao cấp, trung cấp dành cho các sĩ quan lục quân từ Đại Úy đến Đại Tá. Cơ sở chính của trường hiện nay thiết lập ở cuối đường Lữ Gia. Ngoài ra, trường còn xử dụng cả « Hôtel du Parc » cũ trên đường Yersin làm trại trú ngụ (Hiện được gọi là Trại Nguyễn Công Trứ).

4.— Giáo Hoàng Học Viện Pie X:

Được thiết lập vào tháng 9-1958. Lúc đầu Học Viện tạm thời đặt ở những dinh thự thuộc cư xá Decoux.

Hiện nay, những dãy nhà tráng lệ và tối tân đã được xây dựng trên ngọn đồi phía nam Viện Đại Học Đà-lạt, làm cơ sở cho Học Viện.

Học Viện trực thuộc Tòa Thánh La Mã. Phần giảng dạy do các Cha dòng Tên đảm trách, nhằm mục đích đào tạo các linh mục Việt Nam có một căn bản về triết học và thần học.

Sau khi đỗ tú tài II, các tu sĩ được nhận vào học viện, phải theo một học trình là 8 năm: 3 năm triết học, 3 năm thần học và 2 năm đi giảng.

Đặc biệt, cử nhân thần học do Học Viện cấp phát đã được chính phủ công nhận có giá trị tương đương như những văn bằng của các Viện Đại Học quốc gia.

Hiện nay, học viện có 162 chủng sinh nội trú, và 28 chủng sinh ngoại trú do các Dòng khác gởi theo học. Điều đáng ghi nhận, học viện có một thư viện qui tụ trên 55.000 cuộc sách, phần lớn chuyên về triết và thần học được viết bằng Anh, Đức, Pháp văn...

Library HoangSa.Org

5.— *Trung Tâm Nghiên Cứu Nguyên Tử :*

Được thiết lập do sắc lệnh 507-TTP ngày 11-10-1958 Trung tâm trực thuộc Tổng Thống Phủ, được xây cất trên một ngọn đồi nằm giữa Viện Đại Học Đà-lạt và Trường Võ Bị Quốc Gia. Mục đích là khảo sát về phương diện khoa học và kỹ thuật để áp dụng nguyên tử năng vào các ngành y học, công chánh, kỹ nghệ, canh nông và chăn nuôi cũng như nghiên cứu và thực hiện các chương trình áp dụng nguyên tử để sản xuất điện lực và nguyên động lực...

Đây là một « nỗ lực của chính phủ để cung cấp cho giới khoa học phương tiện và dịp tốt để học hỏi những kỹ thuật mới, xử dụng những dụng cụ mới, áp dụng những phương pháp mới, hầu đạt đến những kết quả có ảnh hưởng lớn trên nhiều lãnh vực, góp phần cải thiện và quân bình hóa nền kinh tế quốc gia».

Địa chỉ : Hộp thư 60 - Đà-lạt.

6. *Viện Đại Học Đà-lạt :*

Được thiết lập do nghị định số 67/BNV/NA/P5 ngày 8-8-1957, là một tổ chức tư nhân, thuộc quyền sở hữu của Hội Đồng Giám Mục Việt-Nam.

Niên học 1957-1958, Viện có thu nhận một số thanh niên chưa có tú tài với mục đích chuẩn bị cho họ có thể học một trường kỹ thuật.

Nhưng đến niên học 1958-1959, Viện chỉ thu nhận những thanh niên có tú tài 2 vào các phân khoa đại học.

Trong niên khóa này, Viện chỉ có trường Đại Học Văn Khoa và Trường Đại Học Sư Phạm ban Pháp văn và Triết học do Viện Đại Học Sài-gòn gởi theo học.

Năm sau, Viện có thêm trường Đại Học Khoa Học.

Đến niên học 1964-1965, trường Chính Trị Kinh Doanh được thiết lập.

Niên học 1965-1966 trường Đại Học Sư Phạm bị bãi bỏ.

Niên học 1966-1967 trung tâm Sư-Phạm lại được thiết lập với một quy chế và chương trình học riêng biệt khác với các Đại Học Sư Phạm tại Việt Nam hiện nay.

Trong niên khóa vừa qua, số sinh viên đã theo học tại Viện đã lên tới 2.453, gồm 1.881 nam sinh viên và 572 nữ sinh viên. Ngoài công tác giảng huấn này, Đại Học Đà-lạt còn là một Trung tâm sinh hoạt văn hóa phồn thịnh với nhiều trại hè, những khóa tu nghiệp, hội thảo của những

Library HoangSa.Org

hiệp hội, đoàn thể thanh niên, sinh viên, giáo sư, công chức... trong cũng như ngoài nước. Đặc biệt, Hội Đại Học Đông Nam Á (ASAIHL) đã tổ chức hai khóa hội thảo quốc tế tại Viện. Ngoài ra, một khóa hội thảo về «mục tiêu quốc gia» đã được tổ chức với sự bảo trợ của quý vị Viện Trưởng các Viện Đại Học Việt Nam vào 1967.

Hơn nữa, Viện đang dự định thành lập một cơ sở ấn loát và xuất bản nhằm khuyến khích, giúp đỡ, phổ biến những công trình nghiên cứu và biên khảo có giá trị.

Với phương tiện sẵn có, và một tổ chức chu đáo cùng nhiệt tâm và thiện chí tràn đầy của những người có trách nhiệm hiện tại, cho phép người ta đặt thật nhiều hy vọng vào một tương lai rạng rỡ của Viện Đại Học này.

7.— *Nha Địa Dư Quốc Gia:*

Là hậu thân của Sở Địa Dư Đông Dương trước đây, do người Pháp thiết lập vào tháng 7-1899 tại Hà Nội.

— Năm 1940, được dời vào Gia Định.

— Năm 1944, Nha lại phải di chuyển đến cơ sở chính thức vừa được xây cất tại Đà-lạt. Sau Hiệp Định Genève, Sở Địa Dư Đông Dương giải tán, Nha Địa Dư Quốc Gia Việt Nam được thành lập do sắc lệnh 118-QP ngày 20-4-1955.

Mục đích nhằm thực hiện các công tác có tính cách ích lợi chung về trắc địa học, địa hình thái học và các phương pháp đồ bản...

Trong 14 năm qua, ngoài những công tác trắc địa, bình chuẩn đạc, trắc lượng ảnh, Nha Địa Dư đã sản xuất 17.570.998 tờ bản đồ đủ các loại. Và thêm vào đó, Nha đã cố gắng không ngừng trong việc tân tiến hóa kỹ thuật để đáp ứng những đòi hỏi càng ngày càng nhiều và một mức độ chính xác tinh vi trong ngành địa lý.

8.— *Viện Pasteur:*

Viện Pasteur Đà-lạt được thiết lập 1936, trực thuộc Viện Pasteur Việt Nam tại Sài-gòn, Viện Pasteur Việt Nam được công nhận là cơ quan công lập, có tư cách pháp nhân và quyền tự trị về hành chánh và tài chánh.

Hiện nay, ngoài công việc thường lệ của các Viện Pasteur như trị bệnh dại miễn phí, khảo nghiệm và phân tích vi trùng, kiểm nghiệm nước uống cho thành phố. Viện Pasteur Đà-lạt, nhờ khí hậu thích hợp, đã trở thành một cơ sở sản xuất thuốc chủng ngừa và trị bệnh cho đồng bào toàn quốc.

Library HoangSa.Org

Trong trường hợp khẩn cấp, Viện có thể sản xuất tới 300 đến 350 lít thuốc mỗi ngày và được coi là cơ sở chế thuốc chủng lớn nhất tại vùng Đông Nam Á châu này.

9.— *Chi nhánh Nha Văn Khố và Thư Viện Quốc Gia Đà-lạt:*

Được thiết lập năm 1960, trực thuộc Nha Văn Khố và Thư Viện Quốc Gia tại Sài-gòn.

Hiện nay, chi nhánh này được đặt tại số 24 đường Yersin. Tài liệu lưu trữ gồm có 5.000 cuốn sách chữ Hán trong số này có những «ngự thư» (sách vua xem). Nhưng có lẽ đáng kể nhất là 600 cuốn châu bản và mộc bản của các vua triều Nguyễn (từ Gia Long đến Bảo Đại). Ngoài ra, còn một số tài liệu của Tòa Khâm Sứ ở Huế và tất cả giấy tờ, văn thư và hồ sơ của Văn Võ Phòng Đức Quốc Trưởng Bảo Đại.

Một điều đáng buồn là cơ sở hiện tại của chi nhánh quá nhỏ, nên một số mộc bản không có chỗ để, tạm thời được xếp «không mấy trật tự» ở một góc phòng và một số khác được bỏ dưới hầm Tòa Thị Chính. Tình trạng này rất dễ đưa đến mất mác và mối mọt hư hại... không biết những người có trách nhiệm về văn hóa trong chính quyền hiện nay sẽ nghĩ gì?

10.— *Phòng Thống Kê Địa Phương Đà-lạt:*

Được thiết lập 1958, trực thuộc Viện Quốc Gia Thống Kê Việt Nam tại Saigon.

Nhiệm vụ của Phòng Thống Kê này là thu thập tài liệu và tổ chức điều tra về hầu hết các vấn đề như tiêu thụ gạo, dân số, công kỹ nghệ, khí hậu, y tế, giáo dục; giao thông trong 12 tỉnh thuộc Vùng II Chiến Thuật. Ngoài ra, hàng tháng Phòng còn xuất bản một tập san thống kê.

Đây là cơ quan tương đối có khá nhiều tài liệu. Với lối làm việc có phương pháp cùng thái độ hiểu biết và thiện chí của người điều khiển; có thể nói là nơi rất thích hợp cho những người muốn nghiên cứu và tìm hiểu về cao nguyên Nam Trung Phần hiện tại.

Địa chỉ: 16 Nguyễn Tri Phương — Đ.T: 2237.

11.— *Thư Viện Quốc Gia:*

Được thiết lập vào tháng 8-1958 quyền sở hữu của Tòa Thị Chính Đà-lạt.

Sau hơn 10 năm thành lập, Thư Viện cũng đã thực hiện được những tiến bộ đáng kể: từ 6.000 cuốn sách lúc đầu, đến 30.000 cuốn sách trong hiện tại, từ bậc tiểu học đến đại học. Nhưng đặc điểm chính

Library HoangSa.Org

của Thư Viện này phần lớn những sách có tính cách phổ thông ở bậc trung học và được chia ra làm 4 phần : Việt, Anh, Pháp và Hoa ngữ với số lượng gần tương đương nhau.

Hiện nay, Thư viện có 5 phòng: phòng đọc sách tại chỗ, phòng báo chí và tạp chí, phòng đọc sách nhi đồng, phòng tham khảo dành cho du khách, sinh viên và các nhà nghiên cứu.

Địa chỉ : 22 Yersin — Đ.T : 2161.

12.— *Trung Tâm Văn Hóa Mỹ :*

Được thiết lập năm 1963, nhằm mục đích phổ biến và trao đổi văn hóa Hoa Kỳ Việt Nam.

Để thực hiện mục đích đó, Trung Tâm đã tổ chức những buổi thuyết trình phong tục tập quán, trình tấu âm nhạc, triển lãm hội họa... của hai quốc gia để người Việt và Mỹ có thể hiểu biết nhau hơn.

Ngoài ra, trung tâm còn có thư viện gồm khoảng trên 7.000 cuốn sách về triết học, tôn giáo, kinh tế học, chính trị học, xã hội học, sử học và tiểu thuyết... vì với số một số lượng sách không được nhiều lắm, nhưng lại mở rộng trên quá nhiều lãnh vực, nên đây chỉ là một thư viện phổ thông, không giúp ích nhiều cho những người cần nghiên cứu chuyên biệt về một ngành nào đó.

13.— *Trung-Tâm Văn-Hóa Pháp*, 1 đường Yersin

Được thành lập tại Đà-lạt năm 1967, trực thuộc Tổng Lãnh Sự Pháp tại Sài-gòn, có mục đích phổ biến văn-hóa và ngôn ngữ Pháp tại thành phố này.

Để theo đuổi mục đích đó, suốt trong những năm qua Trung Tâm đã mở những khóa học Pháp văn theo sách của Mauger và những khóa học theo phương pháp thính thị... Ngoài ra, còn thường xuyên tổ chức những buổi chiếu bóng hàng tuần dành cho trẻ em và người lớn nhằm trình bày đời sống văn minh cùng những tiến bộ khoa học của nước Pháp.

Thêm vào đó, thỉnh thoảng Trung Tâm còn đứng ra bảo trợ hoặc tổ chức những buổi diễn thuyết cùng triển lãm về văn hóa, khoa học, hội họa... những buổi hòa tấu âm nhạc.

Đến cuối năm 1969 vừa qua, Trung Tâm còn hợp tác với hội Pháp Việt Đồng Minh để thực hiện một thư viện tại trụ sở của Trung Tâm. Khi chúng tôi viết những giòng chữ này, thư viện chưa hoàn tất hẳn, nên không biết chắc chắn số sách là bao nhiêu và chuyên về ngành nào.

Library HoangSa.Org

14.— *Các Trường Trung Học*

Ngoài những cơ sở văn hóa trên, Đà-lạt còn có rất nhiều các trường trung học, và trong số này có những trường tạo được những tiếng tăm lớn lao trên toàn quốc. Như: Lycée Yersin, Couvent des Oiseaux, Adran...

a) *Các trường công lập:*

— Trường Trung Học Trần-Hưng-Đạo, đường Nguyễn-Hoàng.

— Trường Nữ Trung Học Bùi-Thị-Xuân, đường Bùi-Thị-Xuân.

b) *Trường bán công:*

— Trường trung học Quang-Trung, đường Cộng Hòa.

c) *Các trường tư thục:*

✽ *Chương trình Việt:*

— Trung học Minh-Đức.

— Trung học Trí-Đức, đường Nhà Chung.

— Trung học Văn-Học, đường Hoàng-Diệu.

— Trung học Việt-Anh, đường Hải-Thượng.

✽ *Chương trình Pháp và Việt* (Hiện nay (1971) đều chuyển thành chương trình Việt ngoại trừ các lớp chuyển tiếp). [1]

— Trung học Đức Bà Lâm Viên (Couvent des Oiseaux cũ) dành riêng cho nữ sinh, đường Huyền-Trân Công-Chúa.

— Trung học Adran — trước kia chỉ thâu nhận nam sinh mà thôi, nhưng bắt đầu từ niên học 1968-1969 trường đã thâu nhận cả nữ sinh.

✽ *Chương trình Pháp:*

— Trường Lycée Yersin (Hiện nay (1971) được gọi Trung Tâm Giáo Dục Hùng Vương).

d) *Trường chuyên nghiệp:*

✽ *Dạy bằng tiếng Việt*

— Trường trung học Thương Mại, 2 Gia-Long.

— Trường trung học Kỹ Thuật La San, đường Yersin

✽ *Dạy bằng tiếng Pháp*

— Trường Sư Phạm Tiểu Học, 1 đường Yersin (cạnh Trung Tâm Văn-hóa Pháp).

---

1. Trong ngoặc do Tòa soạn ghi chú.

Library HoangSa.Org

3.— TỔ CHỨC HÀNH CHÁNH ĐÀ-LẠT

1.— *Sơ lược về quá trình diễn tiến :*

— Bác sĩ Yersin đã tìm ra Đà-lạt vào ngày 21-6-1893 nhưng mãi đến 6 năm sau, toàn quyền Paul Doumer mới ký nghị định ngày 1-11-1899 [1], để chính thức công nhận Đà-lạt là một đơn vị hành chánh (poste administratif), trực thuộc tỉnh Đồng Nai Thượng (Haut-Donaï).

— Đến 1901, tỉnh Đồng Nai Thượng bị bãi bỏ, Đà-lạt trở thành một quận (délégation), trực thuộc tỉnh Phan Rang vừa được thiết lập, và ông Cunhac là quận trưởng đầu tiên của Đà-lạt.

— Năm 1916, tỉnh Lâm Viên (Lang-Biang) được thiết lập, Đà-lạt lại biến đổi và trở thành tỉnh lỵ của tỉnh mới này. Ông Cunhac được thăng chức và là viên công sứ đầu tiên tại Đà-lạt.

— Năm 1920, Đà-lạt lại chuyển mình một lần nữa để vươn lên thành một tổ chức hành chánh tự trị (circonscription autonome) với qui chế tổ chức gần như một thị xã, nhưng chưa được rõ rệt lắm. Và ông Garnier là người đầu tiên điều khiển đơn vị hành chánh mới được thiết lập này.

— Năm 1926 và 1929 cũng có một vài cải tổ về tổ chức hành chánh tại Đà-lạt, nhưng không mấy quan trọng.

— Năm 1936 với nghị định 10-10-1936 và được sửa đổi bởi nghị định ngày 27-4-1943 do toàn quyền Đông Dương ban hành, Đà-lạt thực sự trở thành một thi xã dưới quyền quản trị của Tòa Đốc Lý. Ông Champoudry, là viên Đốc Lý công sứ (Résident Maire) đầu tiên tại thị xã Đà-lạt. Bên cạnh viên Đốc Lý Công Sứ này, có một quan Quản Đạo, đại diện triều đình Huế phụ trách về hành chánh.

Ngoài ra, theo các nghị định này, trong thị xã còn có một ủy ban thị xã (commission municipale) gồm một thành phần hỗn hợp, giữ nhiệm vụ tư vấn cho viên Công Sứ sở tại.

— Năm 1945, sau khi Nhật đảo chính Pháp, nội các Trần Trọng Kim ra đời ngày 11-4-1945, quyền cai trị thị xã Đà-lạt được chuyển giao cho người Việt. Hoàng thân Ưng An là vị thị trưởng Việt đầu tiên tại Đà-lạt.

---

1. Lúc bấy giờ, các nghị định chỉ ghi ngày tháng... chứ không mang số như ngày nay.

Library HoangSa.Org

— Sau đó, khi Hoàng Đế Bảo Đại thoái vị, chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa ra đời, song hành với biến chuyển đó ở trung ương, tại Đà-lạt, Ủy Ban Nhân Dân Thị Xã lâm thời được thiết lập ngày 25-8-1945 để nắm quyền cai trị với ông Trần Xuân Bền làm chủ tịch kiêm ủy viên nội vụ.

— Ngày 23-9-1945, Pháp chiếm lại Saigon. Tiếp theo Việt Minh và Pháp ký hiệp định sơ bộ 6-3-1946. Và khi hội nghị Đà-lạt giữa Pháp và Việt Minh bế tắc, Cao Ủy Pháp là Thierry d'Argenlieu thành lập ngày 27-5-1946 một Ủy phủ đặc trách Tây Kỳ với mục đích tách rời cao nguyên miền Nam ra khỏi quyền kiểm soát của chính phủ Việt Minh. Vì thế, tại Đà-lạt, quyền cai trị lại trở về tay người Pháp. Và để hợp với hoàn cảnh mới, Tòa Đốc Lý được đổi thành Tòa Thị Chính do một Thị Trưởng (Administrateur Maire) Pháp điều khiển.

— Để rồi, ngày 8-3-1949, một thỏa hiệp ký ở Paris giữa Bảo Đại và Pháp — Theo thỏa hiệp này, Pháp nhìn nhận Việt Nam độc lập và thống nhất — Nhưng trên thực tế, do một sự mặc cả (compromis) riêng giữa cựu hoàng Bảo Đại và Bollaert[1], cao nguyên miền Bắc và miền Nam tách khỏi tổ chức hành chánh chung của Việt Nam để nhận một chế độ tự trị của Hoàng Triều Cương Thổ, trực thuộc Đức Quốc Trưởng do Dụ số 6 ngày 15-4-1950.

Lúc này, Đà-lạt nằm trong tỉnh Lâm Viên, dù trên nguyên tắc có những đổi thay, như vậy trong suốt giai đoạn chuyển tiếp này, những cơ cấu tổ chức hành chánh vẫn giữ nguyên như cũ.

— Sau đó không lâu, Dụ số 4 QT/TD ngày 10-11-1950 tỉnh Lâm Viên bị bãi bỏ, Đà-lạt lại trở thành thị xã với Bác sĩ Trần đình Quế làm thị trưởng và tiếp theo đó, sắc lệnh số 4 QT/TD ban hành ngày 13-4-1953 thì việc điều khiển guồng máy hành chánh thị xã Đà-lạt được cải tổ khá nhiều: Thị Trưởng Đà-lạt do Quốc Trưởng bổ nhiệm. Bên cạnh Thị Trưởng còn có hai phó thị trưởng giúp việc. Ngoài ra còn có một Hội Đồng Thành Phố do dân bầu, vừa có tính cách tư vấn, vừa có quyền biểu quyết.

Và cũng theo sắc lệnh này, Đà-lạt được chia thành 10 khu phố và ranh giới cũng được phân chia rõ ràng hơn.

— Đến Thủ Tướng Ngô Đình Diệm cầm quyền, với mục đích

1. Tài liệu về cuộc mặc cả này còn lưu trữ tại chi nhánh Nha Văn Khố và Thư Viện Quốc Gia tại Đà-lạt.

Library HoangSa.Org

thống nhất hoàn toàn nền hành chánh trong nước, Dụ số 21 ngày 11-3-1955 được ban hành đặt vùng cao nguyên miền Nam thuộc Hoàng Triều Cương Thổ trước kia, dưới quyền cai trị của chính phủ quốc gia. Tiếp theo, Dụ 17 ngày 14-12-1955 các Phủ Thủ Hiến được bãi bỏ để thay thế bằng các Tòa Đại Biểu.

Dầu có những thay đổi như vậy, trong tổ chức công quyền tại trung ương cũng như tại cấp phần, tại Đà-lạt guồng máy hành chánh địa phương vẫn không có gì thay đổi và vẫn bị chi phối bởi sắc lệnh số 4 QT/TD ngày 13-4-1953.

— Tình trạng này kéo dài mãi đến khi Tổng Thống Ngô Đình Diệm ký sắc lệnh 261-NV ngày 19-5-1958 để thành lập tỉnh Tuyên Đức. Sắc lệnh này có 2 điểm đáng chú ý:

✱ Một phần lãnh thổ Đà-lạt bị cắt, để sáp nhập vào tỉnh Tuyên Đức.

✱ Thị Trưởng Đà-lạt sẽ kiêm Tỉnh Trưởng Tuyên Đức và Ông Trần Văn Phước đã được cử giữ chức vụ này.

— Năm 1960, có một cải tổ nhỏ về phương diện điều hành do sự vụ lệnh số 68-VP/NV ngày 9-11-1960 của Thị Trưởng Đà-lạt kiêm Tỉnh Trưởng Tuyên Đức, là kết hợp hai Tòa Thị Chính và Tòa Hành Chánh làm một.

— Năm 1961, Bộ Trưởng Nội Vụ ký nghị định 749 N. V. ngày 3-8-1961 tách rời Tòa Hành Chánh Tuyên Đức khỏi Tòa Thị Chính Đà-lạt. Lúc này, Ông Trần văn Phước vẫn giữ chức Thị Trưởng và Thiếu Tá Ngô Như Bích được cử làm Tỉnh Trưởng.

— Sau ngày 11-1-1963, nghị định số 184-TTP/ĐUHC ngày 9-12-1963 đã trao chức vụ Tỉnh Trưởng Đà-lạt kiêm Tỉnh Trưởng Tuyên Đức cho Trung Tá Đinh Văn Đệ và vị này lại ký quyết định 4-3-1964 sáp nhập Tòa Thị Chính Đà-lạt và Tòa Hành Chánh Tuyên Đức làm một với danh từ «Toà Hành chánh Đà-lạt — Tuyên Đức».

Nhưng đến ngày 19-6-1966 Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương lại ký nghị định bổ nhiệm bà Luật Sư Nguyễn thị Hậu làm Thị Trưởng Đà-lạt. Như vậy, Đà-lạt một lần nữa lại trở thành một tổ chức hành chánh riêng biệt với Tỉnh Tuyên Đức.

— Sau cùng, với nghị định 61a/NĐ/TT do Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa ký ngày 13-3-1969 bổ nhiệm Trung Tá Lộ Công Danh

Library HoangSa.Org

làm Thị Trưởng Đà-lạt kiêm Tỉnh Trưởng Tuyên Đức, Hiện nay [1] dù vị Trung Tá này kiêm nhiệm cả hai chức vụ, nhưng Tòa Thị Chính Đà-lạt và Tòa Hành Chánh Tuyên Đức vẫn biệt lập với nhau.

2.— *Tổ chức Tòa Thị Chính Đà-lạt.*

a) *Tổ chức :*

Hiện nay, Tòa Thị Chính Đà-lạt vẫn được tổ chức theo quyết định số 145/HC/QĐ do bà Thị Trưởng Nguyễn thị Hậu ký ngày 23-8-1967 với một cơ cấu như sau :

1.— Văn phòng

2.— Ty Nội An và Quân Vụ.

3.— Ty Hành Chánh.

4.— Ty Tài Chánh.

5.— Ty Kinh Tế.

6.— Ty Vệ Sinh.

7.— Trung tâm Huấn luyện và Tu Nghiệp.

b) *Điều hành :*

1.— *Văn phòng :* Có Chánh văn phòng gồm 3 ban : Ban Công Văn và Lưu Trữ, Ban Nhân Viên, Ban Giao Tế và Khánh Tiết. Mỗi Ban có một Trưởng Ban điều khiển.

2.— *Ty Nội An và Quân Vụ :* Do một Trưởng Ty điều khiển và chia làm 2 ban :

— Chính Trị Sự Vụ.

— Ban Quân Vụ.

3.— *Ty Hành Chánh :* Do một Trưởng Ty điều khiển và một Phó Trưởng Ty phụ tá và chia làm 3 ban :

— Ban Hành Chánh Tổng Quát.

— Ban Hành Chánh Khu Phố.

— Ban Văn Hóa Xã Hội.

4.— *Ty Tài Chánh :* Do một Trưởng Ty điều khiển, một Phó Trưởng Ty phụ tá và chia làm 2 ban :

— Ban Kế Toán Ngân Sách Thị Xã.

---

1. Năm 1969. Trung Tá Lộ Công Danh (sau được thăng chức Đại Tá) và đã được thay thế bởi Đại Tá Nguyễn Bá Thìn và hiện nay (1971) tại chức là Đại Tá Nguyễn Hợp Đoàn (Tòa soạn ghi chú năm 1971).

Library HoangSa.Org

— Ban Kế Toán Ngân Sách Quốc Gia và Ngân Sách Xây Dựng Nông Thôn.

5.— *Ty Kinh Tế:* Do một Trưởng Ty điều khiển và chia làm 2 ban:

— Ban Phát Triển Kinh Tế.

— Ban Tiếp Tế và Kiểm soát Tài Nguyên.

6.— *Ty Vệ Sinh:* Do một Y Sĩ Trưởng Ty điều khiển, một cán sự y tế Phó Trưởng Ty phụ tá và chia làm 2 ban:

— Ban Vệ Sinh Công Cộng.

— Ban Y Khoa Phòng Ngừa.

7.— *Trung Tâm Huấn Luyện và Tu Nghiệp:* Do một Ban Giám Đốc điều khiển và chia làm 2 ban:

— Ban Nghiên Cứu.

— Ban Giảng Huấn.

3.— *Hội Đồng Thành Phố:*

Thoạt tiên, Hội Đồng Thành Phố Đà-lạt được thành hình do sắc lệnh 4 QT/TD ngày 13-4-1953. Theo tinh thần sắc lệnh này, Hội Đồng Thành Phố Đà-lạt có những đặc điểm:

a) *Tổ chức:*

Gồm có 16 hội viên thực thụ và 6 hội viên dự khuyết, được chia ra như sau:

— 9 hội viên thực thụ và 3 hội viên dự khuyết người Việt-Nam.

— 1 hội viên Thượng thực thụ và một hội viên dự khuyết.

— 6 hội viên Pháp thực thụ và 2 dự khuyết.

b) *Quyền Hạn:*

Hội Đồng này vừa có tính cách tư vấn, vừa có quyền biểu quyết. Nhiệm kỳ là 2 năm.

c) *Thể thức bầu cử và ứng cử:*

— Bầu cử gián tiếp.

— So với các thành phố khác của Việt Nam lúc bấy giờ, đây là một cuộc bầu cử tiến bộ nhất vì lần đầu tiên tại Việt Nam, phụ nữ được quyền bầu cử và ứng cử.

— Mọi công dân nam nữ Việt Nam trên 21 tuổi đều được hưởng quyền bầu cử.

Library HoangSa.Org

d) *Thành phần Hội Đồng Thành Phố Đà-lạt trong cuộc bầu cử 1953:*

Do 2 cuộc bầu cử ngày 1-3-1953 và ngày 26-4-1953, (vì bầu cử gián tiếp), dân chúng Đà-lạt đã có một Hội Đồng thành phố với thành phần như sau:

— *Hội viên chính thức:*

1.— Ông Trần quang Khải, 64 tuổi, cựu công chức.

2.— Ông Nguyễn Vĩ, 43 tuổi, làm báo.

3.— Ông Lê văn Bình, 35 tuổi, Giám đốc AIR VN.

4.— Ông Hoàng Trí, 51 tuổi, thương gia.

5.— Ông Trần quốc Anh, 50 tuổi, làm báo.

6.— Ông Phạm trọng Lương, 49 tuổi, bác sĩ.

7.— Ông Nguyễn văn Huyền, 53 tuổi, làm vườn.

8.— Ông Vũ văn Bách, 45 tuổi, công chức.

9.— Ông Phan Xứng, 34 tuổi, thầu khoán.

e) *Thành phần Hội Đồng Thành Phố hiện tại:*

Dù theo nguyên tắc, Hội đồng thành phố có nhiệm kỳ là 2 năm, nhưng trên thực tế, thành phần được bầu ngày 26-4-1953 trên đây được lưu nhiệm mãi đến năm 1965 (dù năm 1961 có một cải tổ nhỏ, như việc loại bỏ các hội viên người Pháp ra khỏi Hội Đồng), khi sắc lệnh 69/HV ngày 9-4-1965 ấn định lại thể thức bầu cử, tổ chức và điều hành Hội Đồng Nhân Dân Thị Xã.

Ngoài 30-5-1965, Hội Đồng Thị Xã được bầu cử. Trong Hội đồng này, người ta thấy vắng mặt các đại diện của đồng bào Thượng. Thành phần Hội Đồng như sau:

— Ông Nguyễn hữu Dương.

— Ông Nguyễn văn Huyền.

— Ông Đặng duy Lăng.

— Ông Vũ văn Lợi.

— Ông Phạm Trọng Lương.

— Ông Lê Phi.

— Ông Nguyễn duy Quang.

— Ông Hoàng Trí.

Theo nguyên tắc, Hội Đồng nầy đã mãn nhiệm kỳ vào giữa năm 1967. Nhưng trên thực tế, thành phần được lưu nhiệm mãi đến nay.

Library HoangSa.Org

4.— *KINH TẾ*

Đà-lạt vốn là một thành phố nghỉ mát nên các hoạt động thương mại và kỹ nghệ không được chú trọng cho lắm. Sự thật, nhờ khí hậu mát mẻ thuận tiện cho việc canh tác rau cải và các hoa mầu thuộc miền ôn đới, Đà lạt đã giữ vai trò then chốt trong việc cung cấp thực phẩm tươi trong nước. Nếu trước đây rau Đà-lạt đã từng được xuất cảng sang Tân Gia Ba và Nam Dương thì nay nó được quân đội Đồng Minh tiêu thụ với một số lượng đáng kể. Nhưng tài nguyên Đà-lạt không phải chỉ có rau cải không thôi mà còn gồm nhiều khoáng sản, lâm sản và những nguồn lợi khác do ngành chăn nuôi và ngành du lịch mang lại.

1.— *TÀI NGUYÊN*

a) *Khoáng Sản*

Đà-lạt có nhiều tài nguyên thiên nhiên như cát núi, đá hoa cương và đất sét trắng.

1.— *Đá :* Đà-lạt có rất nhiều hầm đá (carrières) lớn nhỏ mà diện tích tổng cộng trên dưới 3 ha. Mỗi năm sản xuất vào khoảng 1.200m^3. Các hầm đá lớn phần nhiều ở Trại Mát và Cam Ly. Đá này dùng xây cất trong thị xã.

2.— *Cát núi :* Các hầm cát thường được khai thác gần các hầm đá. Có nơi cát thường pha với đất đỏ nên phải lọc trước khi đem đi xử dụng.

3.— *Đất sét trắng :* Được tìm thấy rải rác ở các trũng thấp và úng thủy nhưng tập trung nhiều nhất ở Trại Mát (cách thị xã 8km) và một lò gốm được thành lập tại đây. Lò được trang bị 27 máy móc đủ loại (như máy xay đá, máy xay đất, lọc đất, nhồi đất, nặn chén v.v.....). Nhân công vào khoảng 36 người. Mỗi năm khai thác được 289.272 kí lô đất sét và sản xuất lối 207.100 đơn vị gồm có : chén, dĩa, bình trà, thố tròn, thố bầu dục, chung trà.. Các sản phẩm được đem tiêu thụ ở vùng Saigon — Chợlớn và các tỉnh.

b) *Lâm Sản*

1.— *Gỗ ván :* Hàng năm các ấp Đa Hòa, Chi Lăng, ấp Tây Hồ cung cấp lối 6.240m^3 gỗ dùng xây cất trong thị xã. Tính chung, Đà-lạt — Tuyên-Đức có 8 xưởng cưa hoạt động sản xuất 9.400m^3 gỗ hàng năm (theo tài liệu Sở Thống Kê và Kinh Tế Nông Nghiệp của bộ Canh Nông.)

(*Xem tiếp trang 175*)

Library HoangSa.Org

CÁC ĐIỀU-KIỆN ĐẤT-ĐAI VÀ VÀI CẢM-NGHĨ VỀ SINH-MÔI TẠI VÙNG ĐÀ-LẠT

▽ THÁI-CÔNG-TỤNG

I.— ẢNH-HƯỞNG CỦA KHÍ-HẬU TRÊN ĐẤT-ĐAI Ở ĐÀ-LẠT.

Khí-hậu ẩm-ướt và lạnh-lẽo của vùng Đà-lạt ảnh-hưởng mạnh-mẽ đến tiến-trình của các loại đất-đai ở đây. Thực vậy, vì khí-hậu ẩm-ướt (vũ-lượng trung-bình *quãng 1.800 mm/năm*) nên :

1.— Trắc-diện đất thường sâu nghĩa là đất ít có đá trong trắc-diện. Trắc-diện có đủ các tầng A, B, C chuyên-hóa rất rõ-rệt.

2.— Mưa nhiều nên các chất sắt trong đá (hoa-cương, phiến-thạch) được phóng-thích ra trong dung-dịch và do đó trắc-diện đất thường có màu đỏ hay màu vàng. So với vùng khí-hậu khô-khan như Phan-Rang, chất Fe_2O_3 trong trắc-diện của những loại đất cao ở Phan-Rang ít hơn nhiều, dù dùng một mẫu-thạch.

3.— pH đất cao thường thấp từ 4,8 đến 5,2 vì các chất bazơ bị trôi xuống sâu = đất này nghèo các chất Ca và Mg.

4.— Vì khí-hậu lạnh-lẽo (trung-bình hằng năm = 18^0) nên :

— đất cao có một tầng A dày, nhiều chất hữu-cơ.

Trung-bình, chất cacbon biến-thiên từ 4 đến 7% trong lớp đất mặt so với dung-lượng cacbon dưới 1% ở vùng đất dưới đồng-bằng.

— Có sự hiện-diện nhiều chất hữu-cơ ở các thung-lũng.

5.— Cùng một mẫu-thạch nhưng khí-hậu ẩm-ướt sẽ tạo ra các loại đất khác với đất-đai vùng khô-khan. Thực vậy, ở vùng Phan-Rang dù cùng nham-thạch với vùng Đà-lạt (đá hoa-cương) nhưng không thể nào gặp đất podzolic vàng đỏ vì khí-hậu khô-khan, không thể có hiện-tượng trực-di sét, Fe_2O_3.....

Library HoangSa.Org

II.— ẢNH-HƯỞNG CỦA MẪU THẠCH.

Tuy cùng một khí-hậu, nhưng tại Cao-Nguyên Đà-lạt ta có thể gặp các loại đất có những tính-chất lý-hóa-học khác nhau. Đó là do ảnh-hưởng của các loại đá khác nhau: đá *phiến-thạch* và đá *hoa-cương* sinh ra đất podzolic vàng đỏ, *đá huyền-vũ* sinh ra hoặc đất đỏ nếu thủy-cấp sâu hoặc đất đen nếu thủy-cấp cạn. Do đó vùng phi-trường Cam-Ly có các đất latosol nâu đỏ vì mẫu-thạch là do đá huyền-vũ có nhiều oxyd sắt sinh ra. Vùng Tùng-Nghĩa, Liên-Khàng cũng có nhiều đất đỏ là vì cùng một lý-do.

III.— CÁC LOẠI ĐẤT CHÍNH.

1.— *Đất podzolic vàng đỏ:*

Quan-sát trắc-diện đất podzolic vàng đỏ tại vùng quanh thị-xã Đà-lạt, ta thấy từ trên xuống dưới có một tầng A_1 (dày quãng 40 cm) gồm sét nhiều chất hữu-cơ *màu đen* nhiều tế-khổng, dưới đó là tầng B khá dày (quảng 80-100 cm) *màu đỏ*, nhiều sét, cứng, rồi đến tầng sét *màu vàng*, mịn nhiều « thịt » và cuối cùng là *lớp sét trắng* do đá schiste hủy-hoại.

Đó là trắc-diện chính; dĩ-nhiên có nhiều sự biến-thiên quanh trắc-diện chính vừa ghi, như có sự hiện-diện các kết-thể latêrit trong đất, trắc-diện có thể cạn hơn, trắc-diện chỉ gồm các tầng đất màu vàng...

Sau đây là các đặc-tính hóa-học *trung-bình* của những loại đất podzolic vàng đỏ tại Cao-Nguyên Đà-lạt.

- *pH* biến-thiên từ 4, 8 đến 5, 2.
- Chất *C* trên lớp đất mặt, vì khí-hậu lạnh-lẽo nên rất dồi-dào so với các đất podzolic vàng đỏ ở các vùng đồng-bằng khí-hậu nóng. Trung-bình Cacbon tầng A_1 biến-thiên từ 4 đến 7% so với dưới 1% trên tầng A_1 của các loại đất tương-tự ở miền đồng-bằng.
- Chất *P hữu-dụng* từ 6 đến 10 ppm.
- Chất *K hữu-dụng* từ 20 đến 50 ppm.
- *Ca hữu-dụng* và *Mg hữu-dụng* quãng 40 ppm, nghĩa là rất thấp, do đó trên nhiều loại hoa-màu như khoai tây, nho, mận, có triệu-chứng thiếu Mg trên lá.

Tóm lại đất podzolic vàng đỏ rất nghèo về chất lân (thực ra đó

Library HoangSa.Org

là một đặc-tính chung của các loại đất miền nhiệt-đới) nghèo về chất potat và các chất Ca, Mg, chất đạm tương-đối giàu hơn vì lớp mặt có nhiều chất hữu-cơ.

● SiO_2, Al_2O_3 và Fe_2O_3 tăng dần theo chiều sâu. Sau đây là kết-quả phân-tích các chất trên tại Ấp Đa-Thiện:

	SiO_2	Al_2O_3	Fe_2O_3
A_1	40%	21%	6,2%
B	48%	30%	6,9%
C	51%	30%	7,5%

Tỷ-tệ Al_2O_3 và Fe_2O_3 luôn luôn nhỏ hơn trên đất latosol nâu đỏ, do đó đất này, trong bảng phân loại Pháp, có thể được xếp vào hạng «đất sắt-nhôm hơi yếu» (sols faiblement ferrallitiques).

● *Dung-lượng hoán-chuyển cation* (cation exchange capacity). Ở lớp đất mặt thường lớn vì có nhiều chất hữu-cơ ở lớp đất mặt. Có một sự tương-quan khá chặt-chẽ giữa 2 trị-số đó.

Dung-lượng hoán-chuyển cation từ 11 đến 20 meq% ở lớp đất mặt và giảm xuống chỉ còn 3-5 meq% ở các tầng đất dưới sâu.

● *Tổng số các bazờ trao-đổi được* chỉ rất nhỏ:

— ở lớp đất mặt, trị-số này quãng 2 meq% và

— ở các lớp đất sâu chỉ còn 1 mep%.

● *Phân-số bảo-hòa các bazờ* ở lớp đất mặt *thấp* ở lớp đất mặt (10-15%), tăng dần với lớp đất sâu (35-40%).

Do đó muốn tăng độ bảo-hòa này, cần phải *bón vôi* để tăng phân số này. Vôi cần bón dưới dạng dolomit để cung-cấp luôn chất Mg vốn cũng đã rất thiếu trong đất.

Để có thể so-sánh các chất SiO_2, Al_2O_3 à Fe_2O_3 giữa các đất podzolic vàng đỏ vùng Đà-lạt (đất mặt) và các đất tại các vùng khác ở Việt-Nam, bảng sau đây sẽ giúp ta nhận-định rõ hơn:

	SiO_2%	Al_2O_3%	Fe_2O_3%
— Đất podzolic vàng đỏ vùng Đà-lạt	40	21	6,2
— Đất podzolic xám vùng Biên-hòa	88	7,5	1

— Đất latosol nâu đỏ Ban-mê-thuộc.	25	30	17
— Đất ruộng Long-Xuyên .	58	6,5	3,8
— Đất phù-sa Quảng-Ngãi .	58	2,3	0,8
— Đất regur Phú-Bồn . . .	51	17	9

Xem bảng trên, ta thấy đất podzolic vàng đỏ cũng như đất latosol đều nghèo về SiO_2 và chứa nhiều Al_2O_3 và Fe_2O_3. Thực vậy trong vùng khí-hậu ẩm-ướt và trên những đất cao có một thủy-cấp quá sâu thì sự trực-di chất SiO_2 sẽ rất mạnh do đó các loại đất vừa kể không có nhiều SiO_2.

Trái lại các đất có cùng một sa-cấu tương-tự nhưng nếu thủy-cấp gần mặt đất (như trường-hợp đất Long-Xuyên cũng có quãng 60% sét như đất podzolic vàng đỏ Đà-lạt), thì SiO_2 vẫn nhiều lý do ít bị trôi xuống sâu. Dĩ nhiên là những đất có một sa-cấu nhiều cát thì SiO_2 lại càng nhiều đất podzolic xám nhiều cát có 88% SiO_2 và cát biển trắng ở Cam-Ranh có đến 99,5% SiO_2 (dùng làm chai bia, coca...).

Tóm lại, dung-lượng SiO_2 trong đất phụ thuộc vào nhiều điều-kiện như:

— mẫu-thạnh: có loại đá nghèo SiO_2 (huyền vũ) nhưng cũng có loại đá giàu SiO_2 hơn (hoa cương, lưu-vân...)

— sa-cấu : Đất sa-cấu cát thì SiO_2 trong đất cũng nhiều.

— thủy-cấp : Đất thủy-cấp cạn thì SiO_2 ít bị trực-di xuống sâu. Đất thủy-cấp sâu chất SiO_2 bị trực-di mạnh.

— khí-hậu : Vùng khí-hậu khô-khan (Phú-Bồn), chất SiO_2 ít bị trôi trong khi đó ở vùng khí-hậu ẩm-ướt chất SiO_2 bị trôi xuống các tầng sâu của trắc-diện. Ngoài ra, tại vùng khí-hậu khô-khan, ít có sự hủy-hoại hóa-học, sự hủy-hoại thường có tính-cách cơ-học nên đất có nhiều cát và do đó cũng có nhiều SiO_2 hơn. Ở vùng khí-hậu ẩm-ướt, sa-cấu đất thường có nhiều sét nên SiO_2 cũng ít hơn.

Đây là những kết-quả phân-tích của SiO_2, Al_2O_3 và Fe_2O_3 theo chiều sâu của trắc diện một đất podzolic vàng đỏ ở Trung-Tâm Khảo-Cứu Nông-Nghiệp Đà-lạt. Đá ở đây là một loại đá diorit.

Library HoangSa.Org

	SiO_2	Al_2O_3	Fe_2O_3
Tầng B	18%	24%	15%
Tầng C	34%	34%	19%
Tầng R (đá diorit).	50%	11%	6,6%

So-sánh giữa 2 tầng R và C, ta thấy :

— Có một sự trực-di của SiO_2. Trong khi đá nguyên-thủy có quãng 50% SiO_2 thì tầng C chỉ còn 34% và tầng B hạ xuống còn 18%. Vì khí-hậu ẩm-ướt, chất SiO_2 từ đá bị trôi xuống các tầng sâu của đất.

— Có một sự phong-phú-hóa chất Fe_2O_3 từ 6% đến 19%.

— Có một sự phong-phú-hóa chất Al_2O_3 từ 11% đến 34 %.

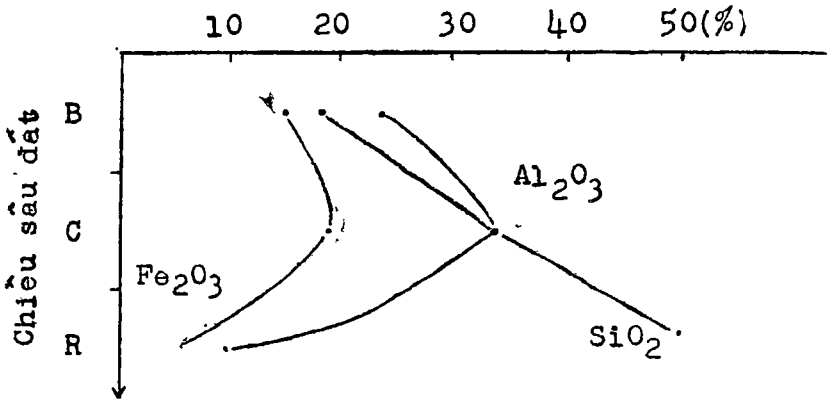

Ở vùng khí-hậu khô-khan (Phan-Rang), ta có các kết-quả phân-tích của đất nâu tại Đèo Cậu gần Nha-Hố. Đất này do đá andésit sinh ra:

	SiO_2	Al_2O_3	Fe_2O_3
B	60	7,7	4,8
C_1	61	7,7	4,8
C_2	63	22	6
R	84	10	7,4

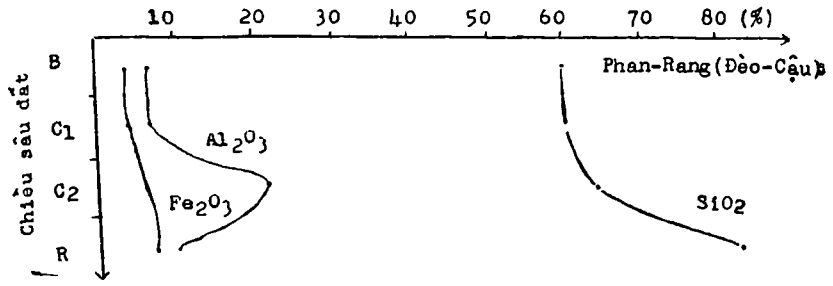

Nếu ta so-sánh các kết-quả phân-tích này với ở vùng Đà-lạt, ta thấy :

1.— Sự trực-di của SiO_2 *hầu như rất kém* (61% — 61% — 63%) và của Fe_2O_3 cũng vậy (4,8% — 4,8% — 6%). Đó là vì ảnh-hưởng của khí-hậu khô-khan tại đây.

2.— Cũng do ảnh-hưởng này mà chất Al_2O_3 và Fe_2O_3 *phóng thích* ra từ đá cũng rất ít so với ở với vùng ẩm-ướt.

Đất ở vùng ẩm-ướt có nhiều chất sắt nên đất có màu đỏ hay vàng, còn đất ở vùng khô-khan ít có chất sắt, nên màu nâu lợt.

Một điểm đặc-biệt của đất podzolic vàng đỏ ở Đà-lạt về phương-diện sa-cấu là ở các lớp đất của tầng A và B thành-phần sét nhiều, nhưng ở *dưới sâu* nghĩa là ở tầng C thì *thành-phần «thịt»* (từ 2-50μ) *nhiều hơn sét.*

Vì lớp đất này mịn và không đến đỗi khó thấm nước như sét nên nông-dân quanh vùng cũng thích xử-dụng lớp đất mịn này (tầng C) để trộn thêm với đất hữu-cơ ở thung-lũng.

Thành-phần «thịt» nhiều ở các tầng C vì là do phiến-thạch (schiste) sinh ra.

Sau đây là các kết-quả phân-tích để chứng tỏ điều vừa trình bày :

	Cát (50μ — 2mm) %	Thịt (2μ — 50μ) %	Sét (<2 μ) %
Tầng A_1	20	20	60
Tầng B_2	13	14	73
Tầng B_3-C	9	84	7
Tầng C	5	88	7

Library HoangSa.Org

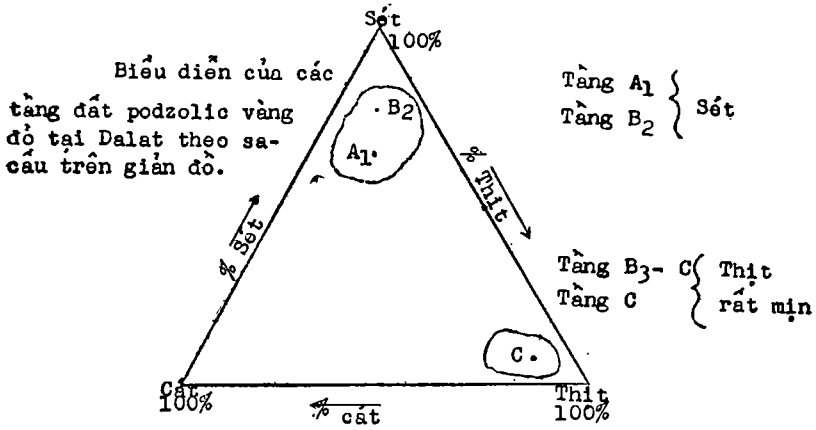

Đất podzolic vàng đỏ có *tầng B* có cơ-cấu ít tế-khổng nên sự di-chuyển xuống của hệ-thống rễ khó-khăn hơn là với đất latosol nâu đỏ. Mức phì-nhiêu thực sự của đất podzolic vàng đỏ *nghèo*, do đó sự cải-thiện và tăng mức phì-nhiêu đòi hỏi cần có nhiều *phân hữu-cơ* và *phân vô-cơ*. Phân hữu-cơ ở đây vừa là phân chuồng, vừa là phân xác mắm mua ở các vùng Phan-Rí, Phan-Thiết hay Sài-gòn chở lên. Phân xác mắm có ưu-điểm là :

— thành-phần đạm nhiều hơn phân chuồng.

— ảnh-hưởng tồn-tại lâu hơn phân chuồng vì ngoài xác mắm nhiều đạm ra, còn có xương cá chứa thêm chất lân và chỉ bị hủy-hoại sau vài mùa trồng-trọt. Tuy nhiên, phân xác mắm có khuyết-điểm là có chứa các muối (ClNa...) nên nếu dùng lâu ngày, cơ-cấu của đất-đai sẽ bị hư-hỏng vì chất Na làm phân-ly các giao-chất sét mùn và làm trở ngại cho sự di-chuyển của không-khí và nước.

Để tránh ảnh-hưởng này, nông-dân thường lấy đất ở hai bên triền đồi hay đất chưa bao giờ rải phân xác mắm để trộn lẫn với đất đã rãi phân xác mắm hầu giảm bớt nồng-độ muối thì sự trồng-trọt mới có hiệu-quả.

Đất podzolic vàng đỏ chiếm đến trên 90% diện-tích của đất-đai quanh vùng thị-xã Đà-lạt, do đó có một ảnh-hưởng kinh-tế lớn hơn các loại đất khác.

Đặc-tính các loại sét.

Để tìm hiểu cơ-cấu của loại sét có tại vùng Đà-lạt, Nha Khoáng-

Library HoangSa.Org

Chất (Bộ Kinh-Tế) đã giúp đỡ trong việc xác-định mẫu sét được gửi đến [1].

Đất sau khi đã được hủy-hoại chất hữu-cơ bằng H_2O_2 và phân ly ra nhờ 1 muối Na được để lắng-tụ lại. H_2O_2 có mục-đích phá-hủy các giao-chất hữu-cơ và muối Na (hexamétaphosphate de Na) dùng để phân ly các giao-chất vô-cơ. Sau một thời gian lắng-tụ, ta có chất sét thuần-túy. Sét thuần-túy này được xác-định cơ-cấu bằng phương-pháp nhiễu-xạ bởi tia X.

Nguyên-tắc chính ở đây là vì sét gồm nhiều lá ngăn-cách nhau bởi các khoảng-cách nhau bởi các khoảng-cách biến-thiên nên khi xác-định được khoảng cách, ta có thể suy ra tính-chất của loại sét.

Thực vậy, nhờ hệ-thống căn-bản $n\lambda = 2\,d\sin\theta$, trong đó λ là độ dài sóng, θ góc tới của tia X, n I số nguyên, ta suy ra d tức là khoảng cách giữa các lá sét.

I mẫu sét được nghiên-cứu theo cả 3 cách sau đây để xác-định tính-chất của nó:

— mẫu sét ở trạng-thái thiên-nhiên.

— mẫu sét nhúng vào glycerol.

— mẫu sét nung lên 550^0 trong 2 giờ.

Và kết-quả nghiên-cứu cho thấy:

1.— Sét ở *vùng Phan-Rang*, lấy trên đất biểu-loại Krong-Pha ở gần Đèo Cậu (Nha-Hố) thì khoảng cách giữa các lá:

— ở mẫu sét thiên-nhiên là 15, 8 ^{0}A.

— ở mẫu sét nhúng vào glycérol là 19 ^{0}A.

— ở mẫu sét nung 550^0 trong 2 giờ là 10 ^{0}A.

Vậy ta thấy sét ở đây toàn là *Montmorillonit*. Điều này cũng có thể hiểu được vì vùng này là vùng khô khan, có rất ít sự trực-di của SiO_2 và có nhiều Ca, Mg.

2.— Sét ở *vùng Đà-lạt*, lấy trên đất biểu-loại Đà-lạt ở gần Nguyên-Tử-Lực Cuộc thì khoảng cách giữa các lá cho thấy sét thuộc loại kaolinit.

2.— *Đất hữu-cơ*.

Tại vùng Đà-lạt, ở các thung-lũng giữa các ngọn đồi ta thường

1. Chúng tôi xin ghi nhận ở đây sự giúp đỡ kỹ-thuật của Cô Hoàng-thị-Thân, Trưởng Phòng Tia X tại Nha Khoáng-Chất.

Library HoangSa.Org

gặp những đất hữu-cơ là những đất đen giàu chất hữu-cơ. Tầng A dày quãng 50-60 cm và dưới là một tầng sét màu trắng. Thủy-cấp cạn.

pH của các loại đất này thường thấp. Vì loại đất này có quá nhiều chất hữu-cơ nên người ta thường lấy thêm đất podzolic vàng đỏ ở các đồi lân-cận để trộn lẫn hầu thêm cho đất một số vật-liệu vô-cơ để cải-thiện đất-đai.

Vì một mặt pH thấp và mặt khác đất nầy nhiều giao-chất hữu-cơ nên lượng vôi dùng để bón cũng phải nhiều. Đó là những đất « *hao vôi* ».

Đất hữu-cơ là những đất có một tỷ-trọng khối nhẹ hơn đất vô-cơ, có nhiều tế-khổng nên khả-năng giữ nước của đất rất lớn. Người dân địa-phương thường nói đây là những đất « *hao nước* » ý nói cần nhiều nước để tưới cho đất này. Đó là những đất khô-khan về phương-diện sinh-lý.

Đất hữu-cơ ở thung-lũng vùng Đà-lạt có các đặc-tính hóa-học như sau (vườn hoa của Đô-Thị Đà-lạt).

Cát%	Thịt%	Sét%	pH	C	Tme	V
37	36	27	5,4	11%	59	62%

Đất hữu-cơ tại *U-Minh-Thượng*, quận Hiếu-lễ (Kiên-Giang) có các đặc-tính sau:

Độ sâu	Cát%	Thịt%	Sét%	pH	C%	Tme	EC
0/20 cm	29	44	27	4,1	11%	35	19
20/60 cm	19	26	57	4,4	3,6	24	20
60/100 cm	13	30	57	4,6	4,2	26	20
100/150 cm	3	40	57	6,1	4,9	27	21

Library HoangSa.Org

Vậy ta thấy đất hữu-cơ U-minh acid trên mặt và bị ảnh-hưởng bởi chất mặn dưới sâu do gần biển. Lớp mặt có nhiều chất hữu-cơ (11%) và số lượng hữu-cơ ít hơn ở dưới sâu nhưng cũng khá cao so với các đất vô-cơ thông thường.

Đất hữu-cơ của 2 vùng có một sa-cấu tương-tự, một dung-lượng cacbon tương-tự nhưng ta thấy pH đất hữu-cơ vùng Đà-lạt ít acid, ít phèn hơn đất vùng U-Minh. Do đó dung-lượng hoán-chuyển cation T ở đất Đà-lạt lớn hơn đất hữu-cơ vùng U-Minh nghĩa là phì-nhiêu hơn.

3.— *Đất latosol nâu đỏ.*

Tại vùng quanh thị-xã Đà-lạt, cũng có những loại đất latosol nâu đỏ như ở gần phi-trường Cam-Ly, nhưng diện-tích của các loại đất này không nhiều so với các đất podzolic vàng đỏ. Đặc-tính lý-hóa-học của đất latosol nâu đỏ này không khác nhiều so với đất tương-tự ở vùng Tùng-Nghĩa, Liên-Khàng hay Ban-mê-thuột. Một cách tổng quát, đó là những đất đỏ do đá huyền-vũ hủy-hoại sinh ra, có một trắc-diện sâu, nhiều sét nhưng cơ-cấu của đất ít chặt-chẽ nên sự di-chuyển xuống của nước được dễ-dàng, có nhiều Fe_2O_3 nên đất màu đỏ, có pH quãng 5.

4.— *Sự tiếp nối các loại đất theo địa hình:*

— Ở những vùng trên đồi, vì thủy-cấp sâu nên sự xoi-mòn xảy ra rất mạnh đối với các cation như Ca, Mg...Trắc-diện có cả 3 tầng A, B, C rõ-rệt.

— Ở các thung-lũng dưới chân đồi, vì thủy-cấp cạn, nên sự oxyd hóa chất hữu-cơ rất kém, do đó có nhiều đất hữu-cơ ở các thung-lũng. Trắc-diện đất ở dưới thung-lũng có một tầng A rất dày đen, dựa trên một tầng C có sét trắng chỉ cách mặt đất chừng 40-50 cm.

✽

Library HoangSa.Org

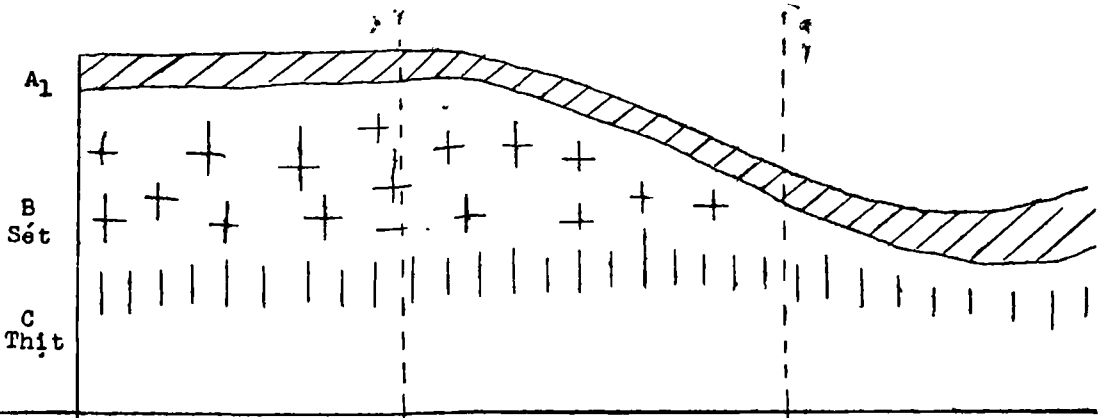

Đất-đai	Đất podzolic vàng đỏ	Đất podzolic vàng đỏ trên đồi	Đất hữu-cơ
Trắc-diện	ABC	ABC	AC
C%	4-7%	4-7%	11%
Thủy-cấp	Sâu - Thoát-thủy dễ-dàng	Sâu - Thoát-thủy dễ-dàng	Cạn - Chậm thoát-thủy
Thảo-mộc thiên-nhiên	Rừng thông 3 lá	Rừng thông 3 lá	Họ Cyperaceae, Droseraceae ...

Library HoangSa.Org

IV.— VÀI CẢM-NGHĨ VỀ SINH-MỐI BẤT QUÂN-BÌNH VÙNG ĐÀ-LẠT.

Sự khai-thác đất-đai để trồng-trọt các loại rau cải cũng như sự đốn phá các rừng rú ở thượng-lưu các dòng suối như ở các vùng Ấp Đa-Thiện, Ấp Cô-Giang, các Ấp quanh trường Võ-Bị đã đưa đến hậu-quả càng ngày càng hiển-nhiên là Hồ Xuân-Hương, một hồ dự-trữ nước của các dòng suối chảy qua các vùng vừa nói, đã *dần dà bị bồi đắp* bởi các vật-liệu mịn trôi từ thượng-lưu xuống. So-sánh 2 không-ảnh chụp năm 1958 và 1968, ta thấy chỉ trong khoảng 10 năm, các cù-lao nhỏ ở đầu hồ năm 1958 nay đã dính liền lại và sự bồi-đắp còn tiến thêm rất xa (xem hình).

Lại nữa, trên các đồi trồng rau cải ở các Ấp thuộc lưu-vực của Hồ Xuân-Hương, nông dân đã xử-dụng nhiều loại thuốc trừ sâu (thuốc có các hợp-chất chlor hay các hợp-chất lân hữu-cơ) và với một vũ-lượng lớn như ở vùng Đà-lạt, các *chất thuốc đã bị trôi xuống* các dòng suối của lưu-vực để rồi tập-trung cuối cùng tại Hồ Xuân-Hương, do đó *nhiều loài cá bị chết tại hồ.*

Câu chuyện vẫn chưa kết-thúc là vì Hồ Xuân-Hương cũng là nơi dự-trữ nước uống cho thành-phố Đà-lạt! Nhà máy bơm được đặt cạnh hồ để bơm nước đó cho thành-phố.

Những cảm-nghĩ trên cũng áp-dụng được cho Hồ Than-Thở ở cạnh Ấp Thái-Phiên.

Tóm tắt, vì Hồ Xuân-Hương càng ngày càng bị bồi đắp và cạn dần nên lượng nước dự-trữ trong hồ càng ngày càng ít. Với sự gia-tăng dân số càng ngày càng đông quanh vùng thị-xã Đà-lạt, lượng nước trên hiện nay không đủ để cung-cấp cho nhu-cầu nước của dân thị-xã, và vấn-đề cung-cấp nước uống cho thị-xã Đà-lạt càng ngày càng trở nên khẩn-yếu, ngay cả trong một tương-lai gần chứ đừng nói đến một tương-lai xa hơn.

Điểm khôi-hài là tại vùng Cao-Nguyên «gió lạnh mưa mùa», mà dân chúng lại thiếu nước.

✠

Library HoangSa.Org

TIẾN-TRÌNH BỒI LẤP CỦA HỒ XUÂN-HƯƠNG (DALAT)

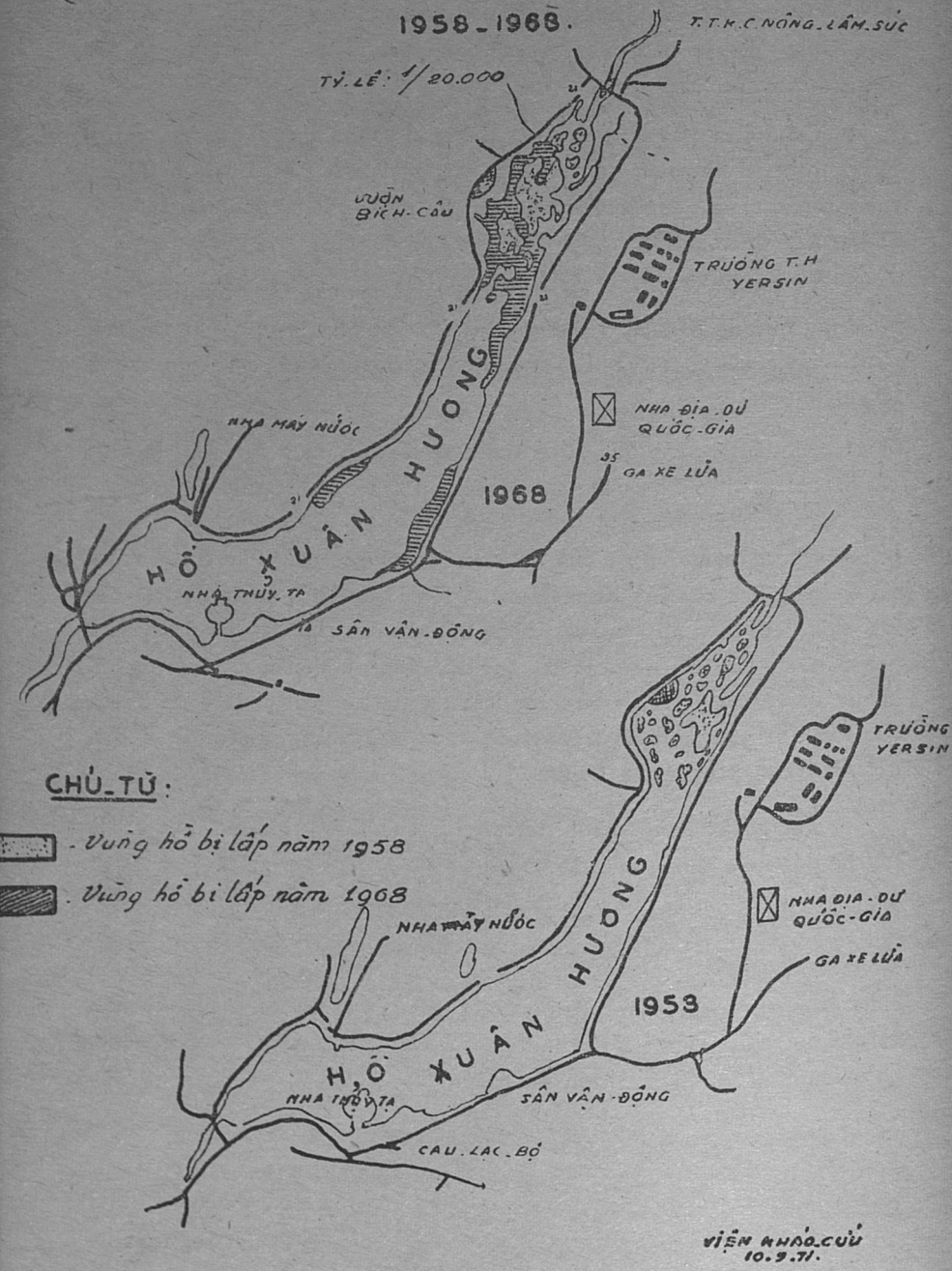

VIỆN NHÁO-CỨU
10.9.71.

Library HoangSa.Org

Ngoài ra, vào mùa mưa, những lúc mưa lớn, nhiều nhà quanh thung-lũng các Ấp Cô-Giang, Ấp Cam-Ly, Ấp ở cạnh Trung-Tâm Khảo-Cứu Nông-Nghiệp đều bị lụt vì mưa trôi xối-xả trên đồi không có vật gì ngăn-cản nổi.

Do đó, ta thấy bình-thường không ai có thể ngờ Đà-lạt lại có thể bị lụt mà trên thực-tế, vẫn có lụt; không ai ngờ Đà-lạt lại có thể bị thiếu nước vì là vùng khí-hậu mát, lạnh, mưa nhiều, mà trên thực-tế Đà-lạt vẫn thiếu nước.

Lý do của tất cả các sự việc trên là vì *nạn phá rừng* bừa-bãi, nạn xử-dụng quá độ đất-đai ở thượng-lưu của một lưu-vực để sự *xoi mòn* có thể xảy ra trên đồi và hiệu-quả là có sự *trầm-tích* các chất mịn xuống hồ nước ở hạ-lưu.

Một biện-pháp khả-dĩ có thể đem ra thực-hiện cấp-thời là việc vét lại các vật-liệu hiện lắng-tụ và bồi-đắp ở trong hồ, tuy nhiên biện-pháp này không thể nào giải-quyết được vấn-đề bởi lẽ như vậy là chưa giải-quyết ngay nguồn gốc của bài toán: sự phá rừng lập ấp ở các vùng sát thượng-lưu của Hồ Xuân-Hương, Hồ Than-Thở, sự trồng-trọt các loại cây hằng niên như rau cải không thể nào che-chở đất-đai chống nạn xoi mòn, sự làm rẫy trên các đất quá dốc, vấn-đề khai-thác gỗ thông mà không có chương-trình trồng cây lại; tất cả các yếu-tố trên đã khiến cho vấn-đề «xoi mòn và trầm-tích» càng ngày càng ảnh-hưởng đến đời sống của dân đô-thị Đà-lạt.

Tác-giả bài này thành-thực nghĩ rằng thay vì trồng rau cải là những hoa-màu không thể nào chống-cự được nạn xoi-mòn vì hệ-thống rễ quá cạn, vì tàn lá quá ít..., nếu trồng các loại cây ăn trái miền ôn-đới như mận, hồng và giữa các hàng cây trồng cỏ dày thì chắc-chắn nạn xoi mòn đất-đai sẽ giảm thiểu rất nhiều. Ngoài ra, trên các đồi trọc, hiện chưa trồng-trọt, thì phải cấp-tốc trồng thông 3 lá để tránh sự xoi mòn và giữ được đất khỏi trôi: sự xoi mòn ở Đà-lạt làm đất trôi từng mảng, và nhiều rãnh lớn hiện ra trên các triền dốc.

THÁI-CÔNG-TỤNG

Tháng 10, 1971

Library HoangSa.Org

(tiếp theo trang 160)

2.— *Nhựa thông* (essence de térébenthine): Trên đường đi Suối Vàng, nhiều rừng được gây dựng để sản xuất nhựa thông dùng vào kỹ nghệ.

c) *Hồ nhân tạo và thủy điện lực*

Những hồ và đập nước ngoài công dụng làm thắng cảnh du lịch, thường được khai thác vào những mục đích:

— Cung cấp nước cho thị xã (hồ Xuân Hương và hồ Than Thở).

— Ngăn đập nước để tưới rau (có 2 đập ở Đa Thiện dài 200 m, rộng 5 m, cao 4 m, chứa 600.000 m^3 nước, đủ tưới cho 140 ha rau mà nhờ đó vùng này sản xuất được 2.800 tấn rau mỗi năm).

— Cung cấp thủy điện lực Đập Ankroet (cách Đà-lạt 20 km về hướng Bắc) được thiết lập từ 1945 đến 1952 cung cấp điện cho thị xã và vùng lân cận. Một nhà máy thủy-điện-lực thứ hai, mà ít người biết đến, được thành lập trước đập Ankroet (Suối Vàng), cách phi trường Cam Ly 100 m về phía Đông Bắc nhưng đã ngưng hoạt động trong Thế Chiến II.

2.— *HOẠT ĐỘNG KINH-TẾ:*

a) *Canh Nông và Chăn Nuôi*

1. — *Canh tác rau cải tại Đà-lạt:*

Hoạt động canh tác rau cải tại Đà-lạt đã bắt đầu từ rất sớm, ngay khi đợt di dân đầu tiên từ Hà-Đông do ông Hoàng-Trọng-Phu đưa vào Đà-lạt. Do đó ấp Hà-Đông là vùng trồng rau đầu tiên tại đây. Ngành trồng rau lan tràn ra khắp nơi trong thị xã: ấp Ánh Sáng, Đa Thành, Đa Cát, Vạn Thành v. v...

Sau năm 1954 canh tác này phát triển nhiều hơn nữa, nhất là khoảng 1956-1962, nhiều ấp mới được thành lập như ấp Đa Thiện, Thái Phiên v. v... Nhưng kể từ khi chiến cuộc bùng nổ mạnh (sau 1963), một số ấp vì thiếu an ninh nên phải bỏ dỡ (vùng ấp Saint Jean).

Sở dĩ ngành trồng rau cải phát triển được mạnh mẽ là vì:

✣ Khí hậu thích hợp cho việc canh tác rau cải.

✣ Rau cải Đà-lạt lấy giống ở Âu Châu nên được người Pháp ưa chuộng và tiêu thụ mạnh.

✣ Đà-lạt ở vào vị trí thuận lợi, cách Sài-gòn 300 km và Nha Trang 200 Km, nên rau cải trong vòng một ngày có thể được đưa từ

Library HoangSa.Org

Đà-lạt xuống Sài-gòn hay ra Nha Trang mà vẫn còn tươi tốt (tỷ lệ hư dập trong lúc chuyên chở là 10%).

✣ Tình hình an ninh của Đà-lạt cho phép người dân Đà Thành yên ổn làm ăn. Ngoài ra các dân tị nạn từ miền Bắc cũng như Trung kéo nhau vào Đà-lạt sinh sống đã khai phá thêm đất đai.

✣ Người nông dân Đà-lạt có óc cầu tiến. Họ đang trên đà cơ giới hóa và tìm mọi cách để thích nghi với địa thế.

Tuy ngành trồng rau đem lại mức lợi tức tương đối cao hơn ngành trồng lúa nhưng đó là một lối canh tác thâm và canh tỉ mỉ. Các vườn rau phần lớn phát triển theo những sườn đồi ven các thung lũng nên phải làm thành bậc để tránh xoi mòn.

Sự bảo vệ mùa màng hết sức chu đáo. Lượng phân bón và thuốc sát trùng dùng ở đây rất cao. Việc tưới nước hầu hết được thực hiện bằng máy bơm đưa nước từ thung lũng hoặc các hồ nhân tạo lên sườn núi có khi cao đến 200 m (như ở ấp Sào Nam).

✣ Sự hiện diện của quân đội Đồng Minh đã giúp cho thị trường rau cải Đà-lạt được mở rộng thêm, từ đó phải gia tăng sản xuất.

Cho tới nay diện tích trồng rau cải tại Đà-lạt đã lên tới 2.812 ha, với sản lượng là 63.845 tấn, các loại rau cải được trồng nhiều nhất là: cải bắp, su su, cải bắp thảo, khoai tây, cải bông (chaufleur), cà rốt, sà lách, xu hào, a-ti-sô, hành tây, củ cải trắng, sa-lách son (cresson), cần nước....

2.— *Các loại hoa màu khác*

— *Bông hoa*

Tại Đà-lạt, hầu hết các Villa đều có trồng hoa không nhiều thì ít dưới hình thức những mảnh vườn nhỏ, nhưng các nhà vườn chuyên môn thường trồng riêng một loại hoa để dễ chăm sóc hơn. Có vườn chuyên trồng hoa hồng như vườn Rosada ở Phan Đình Phùng, có vườn chuyên trồng bông rẽ quạt (glaieul) hoặc cẩm chướng (œillets). Hai loại bông hồng và rẽ quạt được tiêu thụ mạnh nhất. Nếu rau cải được chở bằng đường bộ thì bông hoa phải nhờ đến máy bay vì rất dễ bị hư hại. Phần lớn các giống hoa được nhập cảng từ Âu Châu và từ Nhật Bổn.

— *Dâu tây*

Được trồng trong mùa đông, đòi hỏi một sự chăm sóc kỹ lưỡng. Ngoài công dụng để ăn như các loại trái cây khác, dâu tây được dùng để cất rượu dâu và làm mứt dâu.

Library HoangSa.Org

— *Cây ăn trái*

Đà-lạt tuy không có nhiều loại cây ăn trái như ở vùng Lục Tỉnh nhưng nhờ khí hậu mát mẻ nên trồng được loại mận rất được giới tiêu thụ ưa chuộng, đặc biệt là mận Trại Hầm. Nhà nào cũng có trồng từ đôi ba cây mận đến vài trăm cây. Mận ngon dùng để bán còn mận đắng dùng làm rượu mận và mứt mận.

Đứng hàng thứ hai sau mận là trái bơ (avocat) một loại trái cho nhiều chất béo. Cây bơ (avocatier) ở Di Linh được dân Đà-lạt biết đến chừng 10 năm nay.

Ngoài mận và bơ ra, dân Đà-lạt còn trồng ổi, chuối, đu đủ, hồng, đào và các loại chanh, cam, bưởi nhưng không đáng kể là bao. Đặc biệt tại đồn điền Cam Ly và trường Nazareth có trồng nhiều cây quinquina và xá-lỵ.

— *Các hoa màu phụ*

Ngoài rau hoa và cây ăn trái, người ta còn tìm thấy nhiều vườn khoai lang, khoai mì, củ sắn, đậu phọng, dọc bờ sông Cam Ly hoặc trên những sườn đồi mới được khai phá.

3.— *Chăn nuôi*

Đà-lạt nằm trên một cao nguyên có nhiều đồi cỏ rất thuận lợi cho ngành chăn nuôi. Trong thời gian những hoạt động của người Pháp còn phồn thịnh (trước 1954), nhiều trại chăn nuôi lớn: nuôi bò và cừu, được lập nên nhưng hiện giờ chỉ còn trại của ông bà Faraut là còn nuôi một ít cừu và bò. Các trại khác như trại Dankia ở Suối Vàng, trại Grillet ở Suối Tía và trại Ansêlne ở đồn điền Cam Ly hoặc vì chủ nhân đã hồi hương về Pháp, hoặc vì thiếu an ninh nên các trại này dần dần bị bỏ hoang. Ngày nay dân Đà Thành có khuynh hướng nuôi gà và nuôi heo nhiều. Trại gà Scala lớn nhất do các cha Dòng Chúa Cứu Thế quản trị, kế đến là trại gà của ông Phan-Xứng, trại gà của các Nữ Tu dòng Vinh Sơn ở Domaine de Marie v.v... Đó là chưa kể đến số gà được nuôi theo tính cách gia đình.

Heo phần lớn cũng được nuôi theo tính cách gia đình còn chuồng lớn nuôi từ hai ba chục con đến 100 con thì rất hiếm vì chỉ có các cơ quan từ thiện, các ký túc xá mới đủ khả năng cung cấp thực phẩm cho heo.

Ngoài gà và heo, dân Đà-lạt còn nuôi một ít vịt ngỗng nhưng cũng chỉ để thỏa mãn nhu cầu trong gia đình.

Library HoangSa.Org

Về ngư nghiệp không đáng kể. Hiện giờ chỉ có một trung tâm nuôi cá giống tại hồ «David» ở đường Yết Kiêu. Trong tương lai các hồ nhân tạo sẽ đóng vai trò cung cấp cá tươi cho thị xã nếu người ta biết khai thác đúng mức.

b) *Giao Thông và Thương Mại*

1.— *Giao thông*

Đà-lạt tuy không phải là một thành phố kỹ nghệ quan trọng, nhưng nó là một trung tâm nghỉ mát nên các phương tiện giao thông được khai thác đến mức tối đa bất chấp những trở ngại do địa thế gây nên.

— Về hàng không, Đà-lạt có các đường bay nối liền với các tỉnh khác.

Với hai phi trường Liên Khương (cách Đà-lạt khoảng 30 km) và phi trường Cam Ly (cách Đà-lạt 5 km) vấn đề giao thông với các tỉnh khác được giải quyết phần nào mỗi khi tình trạng an ninh ở đường bộ không mấy khả quan.

Phi trường Liên Khương là một phi trường dân sự cách Thị xã Đà-lạt khoảng 30 km về phía Nam trong khi phi trường Cam-Ly chỉ cách thị xã 5 km về phía Tây Bắc nhưng chỉ dành riêng cho nhu cầu quân sự. Hầu hết các loại rau cải tiếp tế cho quân đội đồng minh khắp các tỉnh đều được chở bằng máy bay vận tải cất cánh từ Cam Ly.

Đường hàng không tuy tiện lợi nhưng không thỏa mãn nhu cầu di chuyển của dân Đà Thành.

— *Đường bộ* nối liền Đà-lạt với các tỉnh khác đều được tráng nhựa. Từ miền duyên hải lên Đà-lạt phải qua thị xã Phan Rang hoặc bằng đường tráng nhựa hoặc bằng đường xe lửa vượt qua đèo Ngoạn Mục (dài 20 km) và đèo Dran (Đơn Dương) dài 10 km. Đà-lạt được nối liền với miền Nam nhờ trục Đà-lạt — Sài-gòn hoặc trục Đà-lạt — Phan-Rang — Sài-gòn, trong khi muốn đi các tỉnh miền Cao Nguyên thì phải đi Ban-Mê-Thuộc hay Quảng Đức qua ngã Fyan hoặc Dilinh. Đường lên Cao Nguyên gập ghềnh và thiếu an ninh nên ít có người xử dụng[1]. Một điểm đặc biệt, Đà-lạt là thị trấn duy nhất thuộc vùng Cao Nguyên có đường hỏa xa nối liền với các tỉnh miền duyên hải từ Nam ra Bắc qua

1. Hiện nay (1970), các trục lộ số 21 và 20 đang được sửa sang thành xa lộ ân tiến, việc di chuyển tương đối đã dễ dàng hơn trước. Tòa soạn ghi chú.

Library HoangSa.Org

trục Đà-lạt — Phan-Rang. Trong thời bình phần lớn các hàng hóa đều được chuyên chở bằng đường sắt nhưng trong thời chiến nhiều khoảng đường thiếu an ninh và bị phá hoại nên các loại xe vận tải hạng nặng lại chiếm ưu thế.

Đà-lạt là một thành phố du lịch nên đường sá trong thành phố luôn luôn được tu bổ.

2. *Thương mại*

Các sinh hoạt kinh tế Đà-lạt là những sinh hoạt thuộc khu vực đệ nhất đẳng (secteur primaire) tức là dựa vào nông nghiệp và những sinh hoạt thuộc khu vực đệ tam đẳng (secteur tertiaire) tức là dựa vào sản xuất dịch vụ.

Trước hết ngành trồng rau hoa là nguồn lợi chính, hàng năm đem lại lợi tức để mua trên 90.000 tấn gạo từ miền Nam. Sau nữa, nhờ ngành du lịch mà nhiều ngành khác được phát triển như: nhà hàng, khách sạn, ngành thủ công nghệ, nhiếp ảnh, chuyên chở, ngân hàng v.v... Hiện nay, Đà-lạt có một chi nhánh của Ngân Khố Quốc Gia, một ngân hàng phát triển nông nghiệp, 2 ngân hàng tư và nhiều tiệm cầm đồ bình dân khác.

Các tiệm buôn và nhà hàng lớn phần nhiều đều do người Trung Hoa nắm giữ. Còn việc buôn bán các nông phẩm, nông cụ và nông cơ thì do Hợp Tác Xã Rau Đà-lạt phụ trách.

Nhưng từ khi quân đội đồng minh bắt đầu tiêu thụ rau cải Đà-lạt, có nhiều nhà thầu đứng ra làm trung gian mua rau cải của các nhà vườn đem về đóng thùng lại rồi đem lên Cam Ly bán cho quân đội đồng minh.

Tóm lại dân Đà-lạt bán các loại sản phẩm địa phương như rau, hoa, cây ăn trái rồi mua cá tươi từ Phan Thiết và gạo từ Sài-gòn lên.

Đà-lạt năm 1969
PHẠM VĂN LƯU
Và Nhóm Sử Địa Viện Đại học Đà-lạt

Library HoangSa.Org

KHÍ HẬU ĐÀ-LẠT

▽ NGUYỄN KIM MÔN

Cao nguyên Lang-Bian, phần núi ngang hiểm trở phía Nam của dãy Trường Sơn, với đỉnh cao nhứt là 2200m, ở về phía Bắc của Nam phần Việt-Nam. Đà-Lạt nằm trên triền phía Nam của dãy núi nầy, ở cao 1500m, và chỉ cách Sài-gòn chừng 250 cây-số hay 1 giờ bay với loại phi cơ hành khách cỡ nhỏ.

Do vị trí địa dư nầy, khí hậu vùng Đà-lạt có nhiều điểm tương đồng với khí hậu của Nam phần Việt-Nam, ngoại trừ khí trời mát mẻ hơn vì ở cao và khí hậu không đồng nhứt trên tất cả mọi địa điểm vì tính cách phức tạp của địa hình. Chính nhờ nhiệt độ thấp mà Đà-lạt thích hợp cho sự du nhập của một số thảo mộc miền ôn đới đến Việt-Nam. Đà-lạt cũng là nơi nghỉ mát ưa chuộng của dân chúng nhứt là đối với người Âu-Mỹ chưa quen sống ở khí hậu nóng bức của thủ đô Sài-gòn.

ĐÀ-LẠT TRONG CÁC HỆ THỐNG GIÓ CHÍNH TẠI VIỆT-NAM

Cũng như Nam phần Việt-Nam hoặc các nơi khác trên bán đảo Đông-Dương, vùng Đà-lạt chịu ảnh hưởng của chế độ gió mùa. Các hệ thống gió chính là: gió mùa Tây-Nam, gió mùa Đông-Bắc và gió mậu dịch. Cùng với yếu tố địa hình, các hệ thống gió nầy xác định khí hậu của vùng Đà-lạt.

Từ tháng 5 đến tháng 10, là thời kỳ mà mặt đất của Bắc bán cầu bị mặt trời hâm nóng nhiều hơn hết. Nhiệt năng được sự dẫn truyền và giác loạn đưa lên không khí trên cao. Không khí trên đất liền trở thành nhẹ hơn không khí trên các vùng biển lân cận ở phía Nam. Do đó, một vùng khí áp tương đối thấp được hình thành trên lục địa Trung Hoa. Vùng áp suất thấp nầy thường được gọi là đê-áp nóng. Đê-áp có đặc tính là thu hút không khí từ ngoài vào trung tâm. Các ngọn

Library HoangSa.Org

gió từ vùng biển phía Nam thổi lên đê-áp trên Hoa Lục gọi là gió mùa Tây-Nam.

Vì gió mùa Tây-Nam ẩm ướt, nóng và không bền vững (chọn lọc) nên mùa gió nầy là mùa mưa tại Việt-Nam (ngoại trừ miền duyên hải Trung phần), do đối lưu nhiệt và đồi núi gây ra. Trong mùa nầy, gió Tây-Nam cũng thường bị xáo trộn bởi bão tố trên biển Nam Hải. Sự hiện diện của bão trên biển làm gia tăng cường độ và thay đổi chiều hướng của gió và gây ra bầu trời u ám với mưa trên Nam phần Việt-Nam. Tuy nhiên, vì bão mùa hạ chỉ đột nhập vào các tỉnh miền Bắc nên Đà-lạt gần như không bị ảnh hưởng trực tiếp về gió mạnhcủa bão.

Tại Đà-lạt, hướng gió gần mặt đất trung bình thay đổi từ hướng Tây Bắc đến hướng Tây Nam. Vận tốc trung bình từ 2 đến 5 m/giây. Gió loạt trong các cơn giông có thể lên đến 20 m/giây.

Từ tháng 10 đến tháng 3, mặt trời di chuyển xuống Nam bán cầu Lục địa Á-Châu bây giờ chỉ tiếp nhận những tia nắng yếu ớt mà thôi. Bức xạ phát ra nhiều hơn bức xạ tiếp nhận vào. Nhiệt lượng mất đi dần. Sự hóa lạnh lâu ngày của mặt đất làm cho không khí ở trên trở thành lạnh và nặng. Do đó, một vùng khí áp cao được thành lập trên lục địa và có trung tâm điểm ở gần hồ Baikal. Cao-áp nầy gọi là cao-áp lạnh. Gió phát xuất từ cao-áp thổi xuống phía Nam, trên miền nhiệt đới và xích đạo gọi là gió mùa Đông Bắc. Vì bắt nguồn từ lục địa lạnh và vì không khí bền vững nên ngọn gió nầy đem đến cao nguyên Trung phần và Nam phần một mùa mát mẻ, khô ráo và gần như không mưa.

Gió mùa Đông Bắc thường thổi từng đợt, gọi là trào gió, khi lơi khi nhặt, tùy theo cường độ và vị trí của cao-áp trên lục địa Trung Hoa. Một trào gió từ miền Bắc tràn xuống miền Nam có đặc tính tương tự như một hàn khí-tuyến của miền ôn-đới. Mây và mưa được thiết lập ở phía sau của trào gió, dọc theo duyên hải Trung phần do sự thăng động cưỡng bách trên triền phía Đông của dãy Trường Sơn. Trong các trào gió mạnh, thời tiết xấu có thể tràn lên miền cao nguyên và đôi khi cũng có thể bành trướng xuống tới Nam phần Việt-Nam. Lúc đầu mùa, tháng 11 và 12, vẫn còn có nhiều bão trên biển Nam Hải gây ra thời tiết xấu cho Việt-Nam. Những bão nầy thường đe dọa các tỉnh phía Nam Trung phần và Nam phần. Tuy nhiên, Đà-lạt vì nằm trên vùng núi non, địa thế gồ ghề, hiểm trở và ở cách khá xa duyên hải nên ít khi bị ảnh hưởng trực tiếp của bão. Bão thường suy yếu khi đụng đến dãy Trường Sơn.

Library HoangSa.Org

Trong mùa nầy, hướng gió tại Đà-lạt thay đổi từ Bắc đến Đông. Gió thổi mạnh hơn trong mùa Hạ; sức gió trung bình tối đa thay đổi từ 3 m/giây đến 6 m/giây. Trong các trào gió mạnh hoặc khi bị ảnh hưởng của bão, sức gió có thể lên quá 20 m/giây.

Từ cuối tháng 3 đến đầu tháng 5, mặt trời đã bắt đầu di chuyển lên Bắc bán cầu và hâm nóng lên dần phần đất phía Nam của Hoa lục. Cao-áp lạnh rút lần về phía Bắc để nhường chỗ cho đê-áp nóng chớm bắt đầu phát triển. Nhịp độ các trào gió lạnh tiến chiếm miền Nam lơi dần và thường ít khi xuống đến Nam phần Việt-Nam.

Vì vậy, trong thời kỳ nầy, ngọn gió chính là gió mậu dịch, phát xuất từ cao-áp cận nhiệt-đới Bắc Thái Bình Dương. Tại Việt-Nam, gió mậu-dịch thường có hướng Đông hoặc Đông Nam, thổi yếu và thường đem lại trời tốt nhờ không-khí giáng-động. Tuy nhiên, Đà-lạt, vì ở cao trên triền núi đưa ra gió, nên sự thăng-động cưỡng-bách phối hợp với đối-lưu nhiệt thường gây ra những trận mưa giông khá quan-trọng vào buổi chiều.

CHẾ ĐỘ MƯA TẠI ĐÀ-LẠT

Các hệ thống gió nói trên giải-thích chế-độ mưa tại Đà-lạt. Mùa mưa bắt đầu vào tháng năm và chấm dứt vào tháng 10 với vũ lượng hàng tháng trên 200 mm. Vì ở gần xích đạo nên chế độ mưa gồm có hai cực-đạo vào tháng 5 và tháng 9 hoặc 10. Tháng 5 ứng với thời kỳ gió mùa Tây Nam bắt đầu di chuyển lên miền Bắc và nhiệt độ tối đa, còn tháng 10 ứng với thời kỳ gió mùa hoạt-động Tây Nam rút lui về phía Nam và đường trũng-áp gió-mùa mạnh trên vùng Đà-lạt. Khi đi từ Liên Khương (Phi trường Đà-lạt), cao độ 961m, đến Đà-lạt vũ lượng tăng dần lên (Bảng 2). Mưa thường xảy ra vào buổi chiều dưới hình thức mưa giông, thường kéo dài cho đến đêm. Đôi khi có mưa đá nhứt là trong các tháng đầu mùa, tháng 4 và 5 với đối-lưu nhiệt mạnh. Trung bình, mỗi tháng có từ 20 đến 25 ngày mưa. Vì vậy, mùa nầy không thuận lợi cho sự du lịch. Các chuyến phi hành đôi khi bị đình hoãn, vì mưa to, mây thấp, năng-kiến độ kém trong những lúc gió mùa Tây Nam thổi mạnh.

Library HoangSa.Org

Sau đây là bảng kê các hướng gió chính và vận-tốc gió trung-bình hàng tháng tại Liên-Khương và Sài-gòn.

Bảng 1.— Hướng gió chính và vận-tốc gió trung-bình hàng tháng (gút).

Tháng		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Liên-Khương (1956-1969)	Hướng gió . . .	Đông	Đông	Đông	Đông	Đông và Tây	Tây	Tây	Tây	Tây	Đông	Đông	Đông
	Vận-tốc gió . . .	7.4	7.4	6.7	5.4	4.9	5.8	6.1	5.9	5.2	5.2	6.2	6.7
	sức gió tối đa...	30	31	40	35	33	34	30	34	29	30	31	30
Sài-gòn (Tân sơn Nhứt) (1950-1969)	Hướng gió . . .	Đông và Bắc	Đông	Đông Nam và Nam	Đông Nam và Nam Đông Nam	Đông và Nam	Tây Nam và Tây	Tây Nam và Tây	Tây và Tây Nam	Tây	Tây	Bắc	Bắc
	Vận-tốc gió . . .	5	5.6	6.3	6.3	5.3	6 1	6.2	6.7	5.9	4 8	4.5	4.6
	sức gió tối đa...	23	24	27	32	35	36	42	44	40	51	35	30

Library HoangSa.Org

Bảng 2.— Vũ-lượng (mm) và số ngày mưa trung-bình hàng tháng tại Đà-lạt Liên-Khương và Sài-gòn.

Tháng		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Năm
Đà-lạt (viện đại học) (1931-43; 54-63)	Vũ-lượng	10	15	40	143	215	202	205	238	279	285	109	28	1769
	Số ngày mưa...	2	3	5	11	20	20	23	23	25	20	12	4	168
Liên Khương (1949-62)	Vũ-lượng	6	20	45	118	244	161	192	201	261	249	74	32	1604
	Số ngày mưa.	1	2	3	10	19	21	24	24	25	19	9	4	160
Sài-gòn (Tân sơn Nhứt) (1907-44; 1947-62).	Vũ-lượng	14	5	11	53	217	313	294	267	333	260	117	54	1937
	Số ngày mưa...	2	1	2	5	17	22	23	22	23	21	12	7	157

Library HoangSa.Org

Mùa khô lâu từ tháng 11 đến tháng 4. Mỗi tháng trong mùa nầy chỉ có độ 2 đến 5 ngày mưa. Riêng tháng 4 và tháng 11 có mưa khá quan trọng với vũ lượng hằng tháng lớn hơn 100 mm và số ngày mưa trung bình hàng tháng quá 10 ngày.

So với Sài-gòn, vũ lượng hàng năm tại Đà-lạt có phần kém hơn, nhưng sự phân phối vũ lượng điều hòa hơn. Ngay trong mùa nắng, vũ lượng tổng cộng cũng khá cao. Mùa mưa có vũ lượng kém hơn nhưng có vẻ lâu hơn. Số ngày mưa trong tháng tư bằng gấp đôi số ngày mưa tại Sài-gòn. Điều nầy là một trong những yếu tố giúp cho sự trồng trọt quanh năm được dễ dàng hơn tại đồng bằng miền Nam.

VÂN LƯỢNG VÀ NHẬT CHIẾU

Trong mùa mưa, vân lượng tại Đà-lạt luôn luôn cao, từ 5/8 đến 6/8 bầu trời bị mây che. Vân lượng trung bình trong mùa khô cũng khá cao gần bằng phân nửa bầu trời. Tháng giêng, hai và ba thích hợp cho những công tác quây phim và chụp ảnh nhứt.

Thời gian nhựt chiếu và cường-độ nắng tùy thuộc chính yếu vào vị trí của mặt trời trong năm và vân lượng. Mùa Thu và Đông, khi mặt trời ở dưới Nam bán cầu, thì thời gian của ngày sáng và cường độ nắng kém hơn mùa Xuân và Hạ. Tuy nhiên, sự biến-thiên nầy rất nhỏ (độ từ 11g15 đến 12g45) nên ảnh hưởng của vân lượng thường thấy quan trọng hơn hết, nhứt là trong mùa mưa. Ngày nào có nhiều mây thì thời gian nhựt chiếu và cường-độ nắng kém hẳn đi.

Nói chung, tổng xạ mặt trời hay cường-độ tại Đà-lạt luôn luôn cao hơn ở Sài-gòn (Bảng 3); vì Đà-lạt ở cao, nên sự tiêu hao bức xạ mặt trời do khí quyển kém hơn ở Sài-gòn.

Vì thời gian của ngày sáng ngắn nên khí hậu của Đà-lạt chỉ thích hợp cho loại thảo mộc quang kỳ ngắn hoặc trung hòa cũng như các vùng khác trên miền nhiệt đới, những cây trường quang kỳ như *bi-na* (*Spinacia oleracea, L.*) không bao giờ trổ bông được. Cường độ bức xạ mặt trời cao và ít thay đổi suốt năm là một trong những yếu tố quan trọng khiến cho năng suất trồng trọt cao. Lượng số tia tử ngoại cao hơn những nơi trên đồng bằng, nhứt là tại thủ đô Sài-gòn. Tại Sài-gòn, ngoài hiệu ứng của cao độ còn có hiệu ứng của bụi bặm từ đường xá bốc lên, và các chất ô-nhiễm khác như oxid lưu huỳnh, oxid nitrogen oxid carbon, khói, mồ hóng phát xuất từ sự đốt cháy trong

Library HoangSa.Org

gia đình, trong các nhà máy và các động cơ xe cộ. Các chất ô-nhiễm này làm tiêu hao bớt bức xạ mặt trời và các tia tử ngoại và ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của dân cư. Tác dụng của tia tử ngoại được biểu lộ rõ ràng bằng sự nám da sau khi lưu trú vài ngày tại Đà-lạt. 7. Chất Dehydrocholesterol của da được tia tử ngoại biến đổi thành sinh tố D rất cần thiết cho việc chữa trị bệnh ốm còi của trẻ con.

ẨM ĐỘ

Vì có nhiệt độ thấp nên mặc dù mưa ít hơn, nhưng ẩm độ tương đối có trị giá trung bình hàng năm cao hơn Sài-gòn đôi chút. Tuy nhiên biên độ biến thiên hàng ngày lớn hơn tại Sài-gòn, nghĩa là ban đêm và buổi sáng khí trời ẩm ướt với ẩm độ lúc sáng sớm gần bằng 100%, còn trưa và chiều thì khô ráo hơn tại Sài-gòn (Bảng 4).

Ẩm đô tương đối tăng dần khi lên cao vì nhiệt độ giảm và vũ lượng tăng. Ẩm độ tại Đà-lạt thay đổi từ 77,9 đến 87,2%. Tháng khô nhứt là tháng 2 và 3 do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc và hiệu ứng Fœhn của ngọn Lang-bian trên luồng gió nầy. Trong các tháng mùa Đông đôi khi ẩm độ xuống quá 10% vào buổi chiều. Tháng ẩm ướt nhứt là tháng 7, 8 và 9 do sự thăng động của gió mùa Tây Nam trên triền núi.

Ẩm độ thấp ban ngày thích hợp cho sự sinh hoạt của những người bệnh phổi.

SƯƠNG MÙ

Sương mù là một hiện tượng thường gây trở ngại cho sự giao thông đối với phi cơ cũng như đối với xe cộ. Trong sương mù dầy, năng kiến độ rất kém khiến cho phi cơ không hạ cánh xuống phi trường được hoặc gây ra tai nạn cho xe cộ. Sương mù tồn tại lâu nhiều ngày cũng gây thiệt hại cho sức khỏe của người và thảo mộc.

Tại Đà-lạt, sương mù thường xảy ra là loại sương mù bức xạ do sự hóa lạnh ban đêm của mặt đất. Hiệu ứng của sự thăng động không khí ẩm ướt trên triền núi đưa ra gió cũng đóng góp vào sự hình thành sương mù. Nhưng khi ánh nắng mặt trời hâm nóng mặt đất lên thì sương mù tan biến nhanh chóng. Duy tại các thung lũng ẩm ướt và lạnh, sương mù có thể tồn tại lâu.

Library HoangSa.Org

Bảng 3.— Vân lượng trung bình (1/8) thời gian nhật chiếu trung bình (giờ) và tổng xạ mặt trời (cal/cm^2) tại Đà-lạt (Liên Khương) và Sài-gòn.

Tháng		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	năm
Liên-Khương	Vân lượng (1940-41 ; 43 : 48-60)	3,7	3,6	3,6	4,6	5,5	6.0	6,1	6,2	6,2	5,6	5,0	4,4	5,0
	Thời gian nhật chiếu (1956-69)	8,3	8,9	8,3	7,1	5,8	5,2	4,6	4,3	4,2	5,6	6,7	7,7	6,4
	Tổng xạ (1964-69)	451	540	548	519	506	483	449	437	408	446	404	492	474
Sài-gòn (Tân Sơn Nhứt)	Vân lượng (1950-69)	4,1	3,7	3,4	4,6	5,9	6,1	6,3	6,4	6,3	6,1	5,4	4,8	5,3
	Thời gian nhật chiếu (1931-42 ; 59-69)	7,4	8,0	8,1	7,3	5,6	5,3	5,9	4 9	5,0	5,4	6,2	6,5	6,3
	Tổng xạ (1964-69)	347	416	448	431	369	379	370	362	343	330	318	326	370

Library HoangSa.Org

Bảng 4.— Am độ tương đối (%) tại Đà-lạt, Liên Khương và Sài-gòn.

Tháng		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	năm
Đà-lạt (1930-43)	Ẩm độ trung bình	79,9	77,9	78,3	82,5	85,7	85,9	88,0	86,6	87,2	86,5	84,6	82,5	83,8
	Ẩm độ tối (1961-70) đê trung bình	48,2	42,0	39,8	47,4	60,9	62.0	63,5	68,8	64,5	62,2	59,4	57,3	56,7
	Ẩm độ tối (1961-70) đê tuyệt đối	8	16	10	7	26	39	40	40	37	28	17	16	7 (4-1961)
Liên Khương (1949-69)	Ẩm độ trung bình	74,5	71,4	71,7	76,7	83,4	85,2	86,1	86,9	88,1	85,9	80,8	77,4	80,7
	Ẩm độtối đê trung bình	48,5	40,9	38,2	43,4	53,2	58,6	60,7	62,4	61,4	59,0	54,5	51,5	52,7
	Ẩm độ tối đê tuyệt đối	19	9	7	7	23	32	40	33	38	35	27	17	7 (III và IV 1.958)
Sài-gòn (Tân sơn nhứt) (1923-25; 27-29; 44, 47-69)	Ẩm độ trung bình	73,9	71,1	71,1	73,8	80,9	83,8	84,3	84,6	86,2	85,3	81,8	77,9	79,6
	Ẩm độ tối đê trung bình	45,8	43,0	43,5	46,4	54,5	59,2	61,3	61,4	64,0	62,3	58,0	52,0	54,3
	Ẩm độ tối đê tuyệt đối	23	22	20	21	35	30	40	45	45	40	35	29	20 (III 1964)

Library HoangSa.Org

Mù mỏng xảy ra thường nhứt. Mùa khô, không khí bền vững thường bị bụi dơ làm mờ đục, nhứt là do sự thiêu đốt cỏ cây để làm rẫy. Khói bụi không phân tán lên cao được, có thể tồn tại và tích lũy nhiều tuần lễ trong lớp không khí gần mặt đất.

Sương mù dày tương đối ít xảy ra hơn. Mùa mưa thường có sương mù hơn mùa nắng. Tháng 9 và 10 thường có sương mù dầy hơn cả với số trung bình lên tới 4,5 ngày mỗi tháng tại Liên Khương. Nguyên do là những tháng nầy có mưa nhiều (ẩm độ cao), gió yếu, đêm dài, và năng lượng mà mặt đất tiếp nhận của mặt trời kém (nhiệt độ hạ thấp).

Bảng 5 : Số ngày trung bình có sương mù dày hàng tháng với năng kiến độ nhỏ hơn 01 cây số tại Sài-gòn, Bảo Lộc và Liên Khương.

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
ài-gòn (Tân sơn nhứt) (1950-69)	1	0,5	0,4	0,3	0,3	0,7	0,6	0,7	0,8	1,9	1,8	2,2
Bảo Lộc (1965-69)	5,4	5,6	8,3	10,6	11,0	4,8	4,4	3,2	6,0	12,3	7,2	6,9
iên Khương (1955-69)	0,7	0,5	2,0	2,6	3,1	3,2	3,3	2,8	5,1	4,2	2,3	1,4

Bảng 5 cho thấy sự đối chiếu số ngày có sương mù hàng tháng tại 3 nơi Sài-gòn Bảo Lộc và Liên Khương.

Khi đi từ Sài-gòn lên Đà-lạt, số ngày có sương mù gia tăng với mức tối đa tại vùng Bảo Lộc. Liên Khương ít có sương mù hơn Bảo Lộc, nhưng nhiều hơn Sài-gòn. Hiện nay, các dữ liệu về sương mù tại vùng Đà-lạt rất thiếu sót, nhưng các dữ liệu tại Liên Khương cũng có thể giúp suy đoán về xác suất của hiện tượng nầy. Vì có mưa nhiều và nhiệt độ thấp hơn, vùng Đà-lạt có thể thường có sương mù hơn vùng Liên Khương.

NHIỆT ĐỘ:

Ngoài mưa ra, yếu tố quan trong cho sự tiện nghi của du khách là nhiệt độ. Đà-lạt tuy nằm trong vùng nhiệt đới, nhưng nhờ ở cao, nên nhiệt độ thấp hơn các địa điểm ở đồng bằng.

Library HoangSa.Org

Bảng 6.— Nhiệt độ tại Sài-gòn, Liên Khương và Đà-lạt.

Tháng		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	năm
Đà-lạt (1933-34; 37-44)	Nhiệt độ trung bình	16,4	16,9	18,1	19,0	19,5	19,4	18,8	18,8	18,6	18,2	17,7	16,2	18,1
	Cực đại trung bình	24,1	25,7	26,3	26,6	26,1	24,8	23,4	23,7	24,3	24,1	23,4	23,0	24,6
	Cực tiểu trung bình	10,3	10,1	11,3	13,2	14,9	15,5	15,5	15,4	14,9	14,0	13,2	11,7	13,3
	Cực đại tuyệt đối (1961-70)	27,2	27,8	29,4	29,2	27,0	26,2	26,3	26,0	26,5	25,5	26,3	26,2	29,4
	Cực tiểu tuyệt đối (1961-70)	4,9	5,0	6,8	8,9	12,7	12,5	12,0	12,9	12,1	10,2	8,0	6,5	4,9

Library HoangSa.Org

Tháng		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	năm
Liên Khương (1949-69)	Nhiệt độ trung bình	19,1	20,0	21,3	22,2	22,3	21,9	21,5	21,4	21,2	20,8	20,2	19,4	20,9
	Cực đại trung bình	26,1	27,5	29,1	29,5	28,6	27,5	26,8	26,7	26,6	26,6	26,2	25,9	27,3
	Cực tiểu trung bình	13,5	14,0	15,2	17,0	18,3	18,5	18,2	18,3	18,1	16,9	15,6	14,2	16,5
	Cực đại tuyệt đối	30,8	32,2	34,2	32,8	32,6	32,1	30,5	30,5	30,2	30,2	29,7	29,2	34,2 (1961)
	Cực tiểu tuyệt đối	7,2	6,4	8,6	10,9	14,4	15,8	15,0	14,8	14,3	11,4	6,6	7,4	6,4 (1962)

Library HoangSa.Org

Tháng		1	3	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	năm
Sài-gòn (1929-44 ; 47-69)	Nhiệt độ trung bình	25,7	26,5	27,8	28,8	28,2	27,3	27,0	27,0	26,7	26,6	26,3	25,7	27,0
	Cực đại trung bình	31,6	32,9	34,0	34,6	33,4	32,1	31,4	31,5	31,2	31,0	30,9	30,7	32,1
	Cực tiểu trung bình	21,0	21,9	23,5	24,9	24,7	24,1	23,9	24,0	23,8	23,6	22,8	21,6	23,3
	Cực đại tuyệt đối	36,4	38,7	39,4	40,0	39,0	37,5	34,6	34,9	35,3	34,6	35,0	36,3	40,0 (1912)
	Cực tiểu tuyệt đối	13,8	16,0	17,4	20,0	21,1	20,4	19,4	20,0	20,8	19,8	17,0	13,9	13,8 (1937)

Library HoangSa.Org

Khi đi từ đồng bằng miền Nam lên Đà-lạt nhiệt độ giảm dần, trung bình độ 0,5 — 0,6°C khi lên 100m. Nhiệt độ trung bình hàng tháng tại Đà-lạt thay đổi từ 16,2 đến 19,5°C (bảng 6). Tháng lạnh nhứt là tháng 12 hoặc tháng Giêng, tháng nóng nhứt là tháng 5. Nhiệt độ cao tuyệt đối không lên quá 30°C trong lúc nhiệt độ cực đại tại Sài-gòn là 40°C và tại Liên-Khương là 34°C2. Vì thiếu quan trắc chính xác cho một thời gian lâu dài nên người ta chưa biết chắc nhiệt độ cực tiểu tuyệt đối tại Đà-lạt là bao nhiêu. Tuy nhiên, trong thời kỳ 1961-1970 nhiệt độ thấp nhứt ghi được là 4,9°C. Nhiệt độ cực tiểu tuyệt đối tại Sài-gòn là 13,8°C và tại Liên-Khương 6,4°C.

Nhiệt độ tại Đà-lạt thay đổi quan trọng từ một địa điểm trong bóng mát đến một nơi phơi bày ngoài ánh sáng hoặc từ ven hồ đến chỗ đất trống. Nhiệt-độ cũng thay đổi nhanh chóng từ lúc có mặt trời chiếu sáng đến lúc mặt trời bị mây che hoặc lặn xuống dưới chân trời. Gió mạnh cũng làm nhiệt độ ban ngày giảm đột ngột do sự bốc hơi và nhứt là do giác loạn hòa trộn không khí lạnh ở cao với không khí nóng gần mặt đất. Phối hợp với ẩm độ trung bình, đồ biểu vùng tiện nghi (Hình 1) cho biết nhiệt độ tại Đà-lạt thích hợp cho sự sinh hoạt của dân chúng. Trời lạnh nhứt thường xảy ra lúc khuya và sáng sớm, nhưng ban ngày, không khí mát mẻ dễ chịu. Nhiệt độ thấp cũng là yếu tố thuận tiện cho việc tích trữ các nông sản vì các nấm mốc không phát triển được mạnh. Điều kiện tối hảo để cho phần đông nấm mốc sinh sản là ẩm độ lớn hơn 90% và nhiệt độ trong khoảng từ 20°C đến 40°C. Vài giống muỗi cũng không tìm thấy ở cao độ của Đà-lạt. Nhiều thảo mộc vùng ôn đới như đào lông, mận tây, dâu tây, cà-rốt, cải bông, khoai tây... trồng rất tốt ở nhiệt độ của Đà-lạt. Nhưng thảo mộc nhiệt đới có nhiệt độ tối hảo và cực tiểu cao như dừa, cacao, café (canephora) chuối v.v... không thích hợp với khí hậu nầy.

Biên-độ nhiệt-biến hàng ngày gia tăng từ đồng bằng lên Đà-lạt. Biên-độ lớn thường gây nên bịnh sổ mũi cho những người chưa thích nghi với khí-hậu miền núi. Tuy nhiên, biên độ nhiệt lớn là yếu tố khí-hậu thuận tiện cho sự phát triển của vài loại thảo mộc như cà chua, khoai tây, ớt... vì nhiệt độ thấp ban đêm làm giảm sự hô hấp còn nhiệt độ cao ban ngày nhưng chưa quá 30°C làm tăng quang hợp, tức là cây cối lớn nhanh khi sự cách biệt giữa nhiệt độ ngày và đêm lớn.

✠

Library HoangSa.Org

Tóm lại, với không khí trong sạch, mát mẻ, ánh sáng nhiều và ẩm độ kém hơn trên vùng đồng bằng, Đà-lạt là nơi nghỉ mát lý tưởng tại Việt-Nam, trong mùa nắng. Khí hậu Đà-lạt thích hợp cho những người thiếu máu, những người đau phổi và những trẻ em thiếu xương. Trái lại, những người đau tim không hợp với khí hậu nầy. Sự trồng trọt có năng suất cao và có thể thực hiện dễ dàng quanh năm. Nhưng chỉ có hoa màu xứ lạnh và ấm thích hợp với khí hậu nầy. Hiện nay Đà-lạt là nơi duy nhứt tại miền Nam sản xuất các loại bông trái và rau cải vùng ôn-đới.

NGUYỄN KIM MÔN

TÀI LIỆU THAM KHẢO

ARLÉRY M. Element de Météorologie Agricole. Direction de la Météorologie nationale de France xuất-bản, 1954 tr. 103.

ĐỖ ĐÌNH CƯƠNG. *Khí Hậu Việt-Nam*, Nha Khí Tượng xuất bản, 1964, bảng trị số nhiệt độ ẩm độ và mưa.

TRUNG BÌNH KHÍ HẬU 1969, Nha Khí Tượng ấn hành.

NGUYỄN KIM MÔN. *Khí Tượng Canh Nông*. Lửa Thiêng xuất bản, 1971.

KHÁCH SẠN MỘNG ĐẸP

KHU CHỢ MỚI ĐÀ-LẠT

Đ.T.: 2.179

— *Tiếp đãi lịch sự.*

— *Nước nóng, nước lạnh, lò sưởi từng phòng.*

— *Chỗ đậu xe an toàn.*

— *Do Phùng Nguyên Quán làm giám đốc.*

Library HoangSa.Org

VÀI NÉT ĐẠI CƯƠNG VỀ HÌNH THỂ ĐẤT ĐAI CỦA VÙNG ĐÀ-LẠT (TUYÊN-ĐỨC)

▽ VÕ-ĐÌNH-NGỘ

Ở cao độ 1500m, Đà-lạt (Tuyên Đức) là một vùng núi non phức tạp. Sự thành hình của loạt trầm tích, những xáo trộn và sự xuất hiện của các loại nham phún xuất ở những thời kỳ riêng biệt cùng sự thoái hóa, sự xâm thực là những tác nhân quan trọng đã nhiều lần làm cho mặt đất thay hình đổi dạng. Hình thể ngày nay là hậu quả tất nhiên của những tác nhân nói trên. Ta thử xem những tác nhân nầy diễn tiến như thế nào và ảnh hưởng của chúng trong sự chi phối hình thể đất đai của vùng nầy.

I.— VÀI NÉT VỀ ĐỊA LÝ

Vì ở miền núi cao, nên khí hậu gần giống khí hậu vùng ôn-đới. Trung bình nhiệt độ hằng năm $17^0 4$ (14) và có thể chia làm hai mùa. Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 5 và mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11. Nhiệt độ tối đa có thể lên đến 28^0, nhiệt độ tối thiểu có thể xuống đến 5^0. Tuy nhiên, nhiệt độ trung bình hàng tháng chỉ thay đổi trong khoảng vài ba độ thôi. Mỗi năm có khoảng 134 ngày mưa và vũ lượng hằng năm khoảng 1612m/m. Đà-lạt hay có những trận mưa đá gây nhiều thiệt hại cho dân chúng địa phương, nhứt là nghề trồng rau. Trời Đà-lạt thường trong sáng và mát mẻ. Về mùa khô, trời ít mưa, đôi khi có tháng không có một giọt mưa nào.

Đặc biệt, Đà-lạt có ít sông ngòi, nhưng nhiều thác hồ rất đẹp.

Hai con sông Da Nhim và Da Dung đều bắt nguồn từ núi cao Lang Biang. Các sông này là nguồn tiếp nước cho sông Đồng Nai.

Các thác nước thường qui tụ chung quanh Đà-lạt mà danh tiếng nhứt là:

Library HoangSa.Org

— Thác Suối Vàng ở về phía Tây Bắc Đà-lạt. Dòng nước chảy trên nền đá hoa cương.

— Thác Cam Ly về phía Tây Đà-lạt và cách đây khoảng 2 cây số theo đường chim bay. Dòng nước cũng chảy trên nền đá hoa cương.

— Thác Da Tanla cách Đà-lạt khoảng 5 cây số về hướng Nam và chảy trên nền nham huyền vũ. Thực ra, vùng nầy có nhiều thác.

— Thác Preen cách Đà-lạt khoảng 10 cây số về hướng Nam. Nền làm bằng nham huyền vũ và dưới lớp huyền vũ là lớp sa thạch.

— Thác Liên Khàng ở dọc theo đường Đà-lạt — Sài-gòn như thác Prenn và cách Đà-lạt khoảng 30 cây số. Thác nầy lớn hơn các thác trên đây và cũng chảy trên nham huyền vũ.

Về các hồ, ta có thể kể hồ Xuân Hương, ở trung tâm thành phố. Mặt hồ rất rộng, chu vi đến 5 cây số. Hồ Than Thở và Mê Linh nằm về phía Đông Bắc. Hồ Vạn Kiếp ở về phía Bắc và cuối cùng là hồ Suối Vàng nằm về phía Tây Bắc.

Vấn đề thường được nêu lên là các hồ nầy có phải do các miệng hỏa sơn cũ hay không? Câu hỏi trên đây tuy không mấy quan trọng nhứt là về phương diện địa chất, nhưng có một số người thắc mắc nhứt là trong giới sinh viên và học sinh mà tôi đã có dịp tiếp xúc. Vì vậy, tưởng cũng cần nêu lên một vài đặc điểm để nhận định một hồ có nguồn gốc là các miệng hỏa sơn để lại và một hồ thông thường.

Về phương diện địa hình, các hồ do các miệng hỏa sơn cũ thường có hình dạng tròn, hoặc bầu dục, hoặc có hình móng ngựa và đặc biệt chung quanh miệng hồ khá đều đặn. Bờ hồ cũng mang một sắc thái riêng; rất dốc ở phía trong của hồ và phía ngoài thì hơi lài lài. Cũng vì lẽ đó mà trên bản đồ địa hình, các đường cao độ chung quanh bờ hồ rất nhặt. Các hồ do miệng hỏa sơn tạo thành thường lồi lõm ở giữa, vả lại độ sâu cũng rất lớn đối với đường kính của mặt hồ. Đáy hồ có thể phẳng hay nhọn. Miệng hỏa sơn Laziale (Ý) sâu từ 400-600m so với đường kính vào khoảng 10km; hoặc miệng Lago di Nemi (Ý) sâu đến 170m so với đường kính của nó là 2km5-4km. Ngoài ra, chung quanh các hồ do miệng hỏa sơn thường lưu lại các lớp dung nham hoặc các vật liệu hỏa sơn.

Trên đây là một vài nét chính tìm thấy nơi các hồ có nguồn gốc địa hình do các miệng hỏa sơn tạo thành. Trong khi đó các hồ ở chung quanh Đà-lạt có hình dạng xuôi theo các thung lũng và không có một

Library HoangSa.Org

đặc điểm nào. Bờ hồ rất lài theo dốc của các sườn núi và đường cao độ rất thưa. Tất cả những tính chất trên đây không gợi cho ta một hình ảnh nào về sự hoạt động của hỏa sơn. Đấy là ta chưa nói đến một nền đá cứng như hoa cương, sự hoạt động của hỏa sơn lại càng khó khăn hơn. Vậy các hồ ở Đà-lạt (Tuyên Đức) không có một nguồn gốc địa hình của các miệng hỏa sơn để lại. Đây chỉ là những hồ nhân tạo mà thôi. Đáy hồ là một loại nham biến tính (mica diệp thạch) và bên dưới lớp mica diệp thạch nầy là nền đá bằng hoa cương. Hồ trực tiếp nhận nước mưa từ các sông suối thuộc miền lân cận và đặc biệt một vài hồ như hồ Xuân Hương và Than Thở và những bồn cung cấp nước cho dân chúng địa phương.

Về phương diện địa hình, ta thấy vùng Đà-lạt (Tuyên Đức) càng giảm xuống khi ta về phía Đông Nam. Cao độ trung bình chung quanh Đà-lạt vào khoảng 1500m, đến vùng Đức Trọng hay Đơn Dương chỉ 1000m. Các loại nham mica diệp thạch, nham hoa cương và dacit chiếm gần hầu hết bề mặt của vùng. Vùng nham mica diệp thạch có một vài đỉnh núi cao như Lap Be Nord (1732m) và Lap Be Sud (1707m). Cả hai ngọn núi nầy đều nằm về phía Bắc hồ Than Thở. Đối với nham hoa cương, một vài đỉnh núi cao như Hurlevent (1621m), Yo Lou Rouet (1600m), B'Nam (1712m). Vùng nham dacit, một số đỉnh núi cao vượt hẳn vùng chung quanh như đỉnh Lang Biang (2153m) Bi Doup (2286m) ở về phía Bắc và Yo Van Hatt (1690m), Quandu (1806m), Munil (1742m) về phía Nam Đà-lạt. Phần lớn các dãy núi cao đều vây quanh Thị Xã Đà-lạt và chính những núi cao đã làm tăng thêm vẻ quyến rũ của miền nầy.

Nơi các vùng núi cao là những vùng rừng rậm, núi non hiểm trở, thung lũng dốc và không có người ở. Càng về phía Nam, ngoài sự thay đổi về phương diện địa hình, khí hậu cũng bắt đầu thay đổi (14).

Dân chúng địa phương thường sống qui tụ quanh Thị Xã, nhứt là phía Bắc hồ Xuân Hương, nơi đây địa thế tương đối bằng phẳng hơn và là trung tâm của thành phố. Ngoài ra, họ còn sống rải rác tạo thành thôn ấp hoặc khu như Xuân Thành, Trại Mát, Trại Hầm, Trạm Hành... Đa số dân chúng sống bằng nghề trồng rau cải, trái cây. Họ canh tác trong các thung lũng thấp, trên các sườn đồi dọc theo tỉnh lộ hay dọc theo các bờ suối, bờ sông, đặc biệt nhứt là dọc theo sông Da Nhim chạy từ Đơn Dương đến Đức Trọng.

Người Thượng sống nơi các vùng xa xôi hẻo lánh như vùng

Library HoangSa.Org

Dang Gia (Dankia) You Boggey (Đông Bắc Đà-lạt), hoặc quanh vùng Ông Lăng gần đèo Prenn...

II.— KIẾN TẠO

Kiến tạo là một trong những nguyên nhân chính yếu tạo dựng những nét địa hình đặc biệt của một vùng.

Như ta đã biết, vùng Đà-lạt (Tuyên Đức) là một phần của khối Nam-Sơn nên nó phải chịu hậu quả chung do sự xáo trộn bởi các chuyển động tạo sơn gây nên. Sau đây là một vài sự kiện mà ta có thể ghi nhận được trên cả loại hỏa nham lẫn biến tính.

A.— QUAN SÁT CÁC SỰ KIỆN.

Các bằng chứng do kiến tạo trước nhứt có thể thấy trên các ngọn đồi hoa cương. Đấy là những đỉnh đồi hình tròn hoặc khum có hình dạng thấu kính rõ ràng. Phần lớn các ngọn đồi đều bị phủ một lớp đất dày bên trên nên vấn đề quan sát các lộ tầng rất hiếm hoi, vì vậy các hầm đá là nơi cung cấp cho ta nhiều sự kiện quí giá nhứt.

Các đường nứt dài gồm có hai loại, một thẳng đứng và một loại nằm ngang. Chúng họp thành một hệ thống và chia khối đá ra thành từng khối vuông. Tính chất nầy là một trong những lý do khiến cho khối đá bị thoái hóa dễ dàng hơn. Các đường nứt thẳng đứng rõ ràng hơn các đường nứt ngang, tuy thế chúng vẫn còn đơn giản (không liên tục). Hệ thống đường nứt thẳng đứng theo hướng Đông Bắc/Tây Nam, hướng nầy cũng là hướng gấp nếp của nham biến tính mà ta sẽ đề cập sau. Sự kiện trên đây thấy rõ ràng nhứt nơi các hầm đá Cam Ly, Xuân An, Tây Hồ, Trại Hầm Trại Mát. Có một điểm đặc biệt là các nơi có những mạch thạch bích xuất hiện, các hệ thống đường nứt dài trông nhặt hơn, đó là trường hợp ở hầm đá đang khai thác ở Trại Mát. Có lẽ sự xuất hiện sau của các mạch thạch bích gây nên một sự dồn ép khiến cho khối nham chung quanh bị nứt nẻ nhiều thêm.

Trong nham hoa cương, ta còn trông thấy hiện tượng trượt. Hiện tượng quan sát được trong hầm đá ở Trại Mát (cây số 7,5 trên đường Đà-lạt đi Đơn Dương). Mặt phẳng trượt là một mặt bình hàng, trên đó còn ghi dấu vết của những đường trượt. Những vết nầy nằm song song với nhau và theo hướng Đông Bắc/Tây Nam. Dưới kính hiển vi, các tinh khoáng nơi mặt phẳng trượt đều bị nghiền nát thành từng

Library HoangSa.Org

mảnh và sắc cạnh. Có lẽ rằng hiện tượng xảy ra khi một trong hai khối nham di chuyển, nhưng ở đây thực khó biết được khối nào đứng yên và khối nào đã di chuyển.

Trên nham biến tính, các đường nứt dài cũng chia khối đá thành từng khối vuông, nhưng không rõ ràng bằng như các đường nứt trong nham hoa cương.

Đối với các loại nham biến tính như mica diệp thạch, đá thạch anh hoặc nhóm sa thạch, ta cũng khó theo dõi toàn diện những tính chất kiến tạo của chúng. Sau khi đã quan sát các lộ tầng dọc theo bờ đường, bờ sông, vách suối và nhứt là sự quan sát các nếp gấp qua không ảnh, ta có thể theo dõi những nét kiến-tạo đặc biệt nơi các lớp nham.

Tính chất bình hàng của các lớp trầm tích xưa kia, nay đã hoàn toàn bị xáo trộn, vì vậy mà các lớp đá gần dựng đứng. Tuy nhiên, tính chất kiến tạo chung cho cả toàn vùng Đà-lạt (Tuyên Đức) khá đồng đều (H. 1). Hướng gấp nếp chung là Đông-Bắc/Tây-Nam, hoặc Đông-Đông Bắc/Tây-Tây Nam. Một vài nơi, hướng nầy có thể thay chút đỉnh theo Bắc-Nam hoặc Đông-Tây. Vài chỗ khác, các nếp gấp lại có tính cách uốn éo như ta đã quan sát dọc theo đường Đà-lạt — Sài-gòn. Hướng nghiêng cũng thay đổi tùy nơi nhưng chung chung thì nghiêng theo Tây-Bắc hoặc Đông-Nam. Vì các lớp đá gan dựng đứng như đã nêu lên ở trên, nên độ nghiêng rất lớn, phần lớn thay đổi trong khoảng từ 65^0-90^0.

Thỉnh thoảng, ta cũng gặp các giải nham biến tính bị kềm kẹp trong nham hoa cương, và khi bị xâm thực xoi mòn còn cho thấy rõ ràng các cả độ nghiêng lẫn hướng nghiêng. Đó là trường hợp quan sát được ở phi trường Cam Ly. Sự kiện nầy chứng tỏ rằng khối trầm tích đã bị ảnh hưởng trong sự phún xuất của nham hoa cương (H. 1.).

Một hậu quả khác do các lực kiến tạo là sự hiện diện của phay trong khối nham biến tính lẫn hỏa nham. Trong vùng, quan sát được một phay lớn chạy qua Thị Xã và theo hướng Tây Bắc / Đông Nam. Như trên bản đồ (H.1), hướng của phay cắt hướng gấp nếp của các vùng nham biến tính. Phay nầy cũng song song với một số mạch thạch anh như ta đã thấy trong nham hoa cương. Có lẽ vì sự hiện diện của phay nầy, một số thác, đèo quanh vùng Prenn đã được thành lập và cũng có lẽ nó là nguồn gốc của hồ Xuân Hương và Vạn Kiếp vậy. Tuy nhiên, vì sự có mặt của lớp thực vật và lớp đất phủ bên trên quá dày nên khó quan sát được các lớp đá bên dưới nên việc định tuổi tương đối rất khó khăn.

BẢN ĐỒ KIẾN-TẠO VÙNG ĐÀ-LẠT

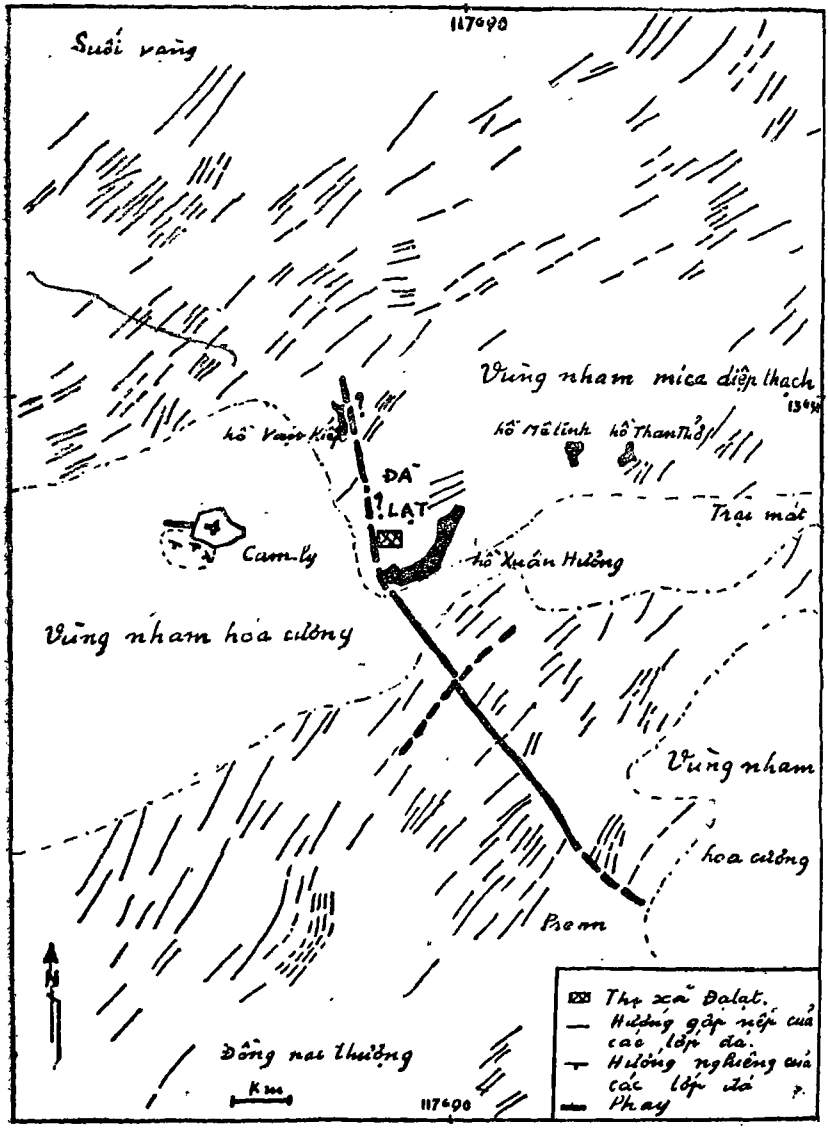

Ngoài ra, trên đường Đà-lạt — Đơn Dương, cũng có nhiều phay nằm song song với nhau (8). Chính loạt phay nầy làm cho địa thể của vùng trở nên phức tạp.

Library HoangSa.Org

Các khối nham biến tính lẫn hoa cương đều bị các mạch thạch anh, thạch bích cắt ngang. Các mạch thạch anh nầy song song hoặc cắt nhau như trong các đồi hoa cương quanh Thị Xã, hoặc cắt nhau theo hình mạng lưới như dọc theo đập điện Suối Vàng. Phần lớn những mạch nầy đều nghiêng hay thẳng đứng, đôi nơi chúng còn mang theo một ít quặng hoàng thiết hoặc sắt, nhưng không đáng kể về phương diện ứng dụng. Một vài nơi như ở ngọn đồi Pin Thouard, trên đường Đà-lạt Suối Vàng và ngọn đồi ở Trường Adran (ấp Xuân An), các mạch thạch anh lớn và chằng chịt mà vùng lân cận đã dùng để tráng đường. Các mạch thạch bích đều thẳng đứng và bằng an-sơn thạch.

B.— QUAN-SÁT SƠ-LƯỢC VỀ NHAM VÀ KIẾN-TẠO DỌC THEO MỘT LÁT CẮT.

Để được rõ hơn về phương diện kiến tạo, địa thể cũng như thứ tự xuất hiện của các loại nham, ta theo dõi một lát cắt đi từ Cam Ly đến Trại Mát xuống Ta Houet (phía Nam Đà-lạt) (H. 2).

Ta khởi đi từ nham hoa cương ở Cam Ly. Nham nầy tiêu biểu cho cả vùng chung quanh Đà-lạt. Đây là nhóm hoa cương kiềm; giàu trực tràng, xuyên tràng và albit, cùng một ít mica đen và trắng. Các hạt thạch anh đều tắc dợn sóng. Nhóm nầy khác với nhóm hoa cương vôi kiềm như đèo Ngoạn-Mục Benom Da Trau gần Dankia, đặc biệt giàu các tinh khoáng màu như mica đen và hàm khoáng. Các nhóm hoa cương nầy cắt các lớp trầm tích nằm bên trên và chúng chỉ để lộ ra ngoài khi nào lớp bên trên hoàn toàn bị bào mòn.

Bên cạnh nhóm hoa cương ở Cam Ly là nham vi hàm lục nằm chung quanh phi trường Cam Ly. Tinh khoáng màu gồm có mica đen và hàm khoáng, đặc biệt mica đen rất dồi dào và thường bị uốn éo.

Cũng tại đây, nham huyền vũ xuất hiện và nằm bên trên nhóm hoa cương và vi hàm lục. Nham nầy cũng tiêu biểu cho cả vùng Đà-lạt (Tuyên Đức). Ở Manlines, nham huyền vũ cũng nằm trên nền hoa cương; ở Dankia; nó phủ trên nhóm mica diệp thạch, ở Prenn trên sa thạch và ở vùng Fimnom, Đức Trọng nằm trên nham dacit. Nham huyền vũ ở Fimnon khác các nhóm kia về phương diện kích thước và thành phần của các tinh khoáng. Nhiều nơi, nham nầy tạo nên những hình trụ thể rất đẹp như ở Prenn, Liên Khàng và nhứt là ngọn đồi ở Đơn-Dương (khoảng chừng một cây số trên đường Đơn Dương—Đức Trọng. Trong nham huyền vũ còn chứa nhiều khổng khoáng huy-khoáng mà kích thước có thể đến 6-7cm.

Library HoangSa.Org

Ta theo dõi lát cắt đến vùng Tây Hồ và Trại Mát. Ở Tây Hồ, mạch thạch bích có bề ngang khoảng om3 và ở Trại Mát, hai mạch thạch bích, bề ngang khoảng 1m. Cả ba mạch nầy đều cắt nham hoa cương và theo hướng Đông Bắc / Tây Nam.

Từ Trại Mát về Prenn là nhóm mica-diệp thạch. Nhóm nầy cũng tiêu biểu cho hầu hết mica-diệp thạch trong vùng Đà-lạt (Tuyên Đức) (H.2). Khi còn tươi, nham có màu xám đen, hạt cực nhuyễn, nhưng khi bị thoái hóa thì ngã sang màu vàng. Trên các lớp nham thoái hóa, ta có thể quan sát sự xen kẻ giữa các dòng mica đen, trắng và các dòng thạch anh. Chính sự xếp dòng nầy đã giúp ta đo và xác định độ nghiêng cũng như hướng nghiêng.

Bên cạnh mica-diệp thạch, còn có nhóm đá thạch anh và sa thạch nằm chung quanh vùng Prenn. Một vài nơi, ta có thể thấy sự xen kẻ giữa các lớp sa thạch và diệp thạch như ở Prenn và Baneur (Phước Thành).

Nham cuối cùng mà ta gặp trên lát cắt là nhóm dacit. Chúng hiện diện rất dồi dào ở phía Đông-Bắc và phía Nam. Ở phía Nam, nham nầy chiếm một vùng rộng lớn chạy từ Ta Houet—Fimnom đến Đơn Dương. Ở gần Đà-lạt, chúng rải rác một vài chỗ như Suối Tiên, Ông Lăng và dọc theo đường Prenn. Nham nầy thường xuất hiện trên nhóm sa diệp thạch và hoa cương.

Đặc biệt, nham dacit nầy thường chứa những thỏi đá cuội xếp dòng có kích thước thay đổi từ vài cm đến đầu nắm tay, và có nguồn gốc do các loại nham đã có trước như sa diệp thạch, porphyrit.

C.— LỊCH-SỬ THÀNH LẬP HÌNH THỂ ĐẤT ĐAI.

Trên đây, ta đã mô tả những nét về kiến tạo, sự tạo sơn cùng sự xuất hiện của các loại nham hiện diện trong vùng. Bây giờ, thử phát họa qua xem hình thể đất đai của vùng nầy đã hình thành trong hoàn cảnh nào và diễn tiến đó như thế nào.

Có lẽ rằng, đầu tiên khối Nam-Sơn, trong đó có vùng Đà-lạt đã nhận các vật liệu của một khối đã có từ trước là khối Kontum. Khối Kontum gồm có nham hoa cương có tuổi 400 triệu năm (3) cắt loạt trầm tích thuộc tiền-cam và biến tính cao độ.

Các vật liệu trên lắng tụ để tạo thành loạt nham đầu tiên được mệnh danh là loạt Đà-lạt (Série de Dalat) (9) và gồm có đá thạch anh và mica-diệp thạch. Loạt nham nầy đã tạo nên cơ cấu đầu tiên của vùng Đà-lạt vậy. Theo các khảo cứu trước (9) thì loạt nham nầy thuộc nhóm

Library HoangSa.Org

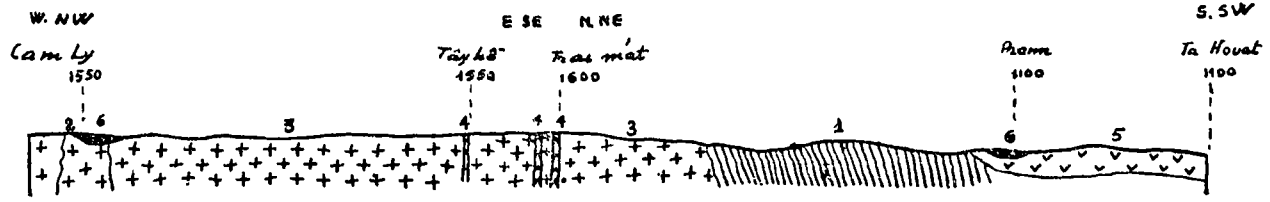

Hình 2 Lát cắt Cam Lý - Tây H8 - Trai mát - Ta Hovet

Ghi chú. 1, sa diệp thạch - 2, vi kam lục - 3, hoa cương
4, an sôn thạch - 5, dacit - 6, huyền vũ.

Km

Library HoangSa.Org

cam-si kỷ và bị gấp nếp do chuyển động tạo sơn calêdonien. Thực ra thì vấn đề còn đang dè dặt vì trong loạt trầm tích trên chưa tìm thấy dấu vết của địa khai.

Trong những năm gần đây, với những khảo cứu mới về kiến tạo và địa thể cùng những khảo cứu mới về diễn tiến sự tạo sơn ở Đông-Dương (11) có thể giúp ta một vài dữ kiện quan trọng có thể viết lại lịch sử của vùng nầy. Như ta đã thấy, các lớp sa và diệp thạch không chứa địa khai đã bị gấp nếp một cách dữ dội. Hướng gấp nếp chính là Đông Bắc/Tây Nam, hoặc Đông-Đông Bắc/Tây-Tây Nam hoặc từ Bắc chí Nam. Như vậy, hướng gấp nếp nầy không giống hướng gấp nếp của Trường-Sơn mà thuộc về Nam-Sơn, như vùng Di-Linh, Bảo-Lộc, Trị-An. Như thế, khó mà cho rằng vùng Đà-lạt có những lớp xưa, cam-si kỷ mà lại có sự gấp nếp giống như các vùng ở dưới Nam.

Trên phương diện nham học, ta thấy sự xen kẻ giữa các nhóm sa và diệp thạch thuộc vùng Đà-lạt (Tuyên Đức) giống sự xen kẻ vùng Di-Linh, Bảo-Lộc, Đèo Chuối. Hơn thế nữa, tuổi tuyệt của hoa cương Đà-lạt nay là Tam-điệp chứ không phải là antéhercynien như trước kia (8) nữa. Như vậy, vùng chung quanh Đà-lạt có tuổi đầu Trung-sinh hay xưa lắm là cuối Cổ-sinh hay Anthracolitique trên phương diện trầm tích và giữa hay cuối Trung-sinh trên phương diện tạo sơn. Nếu quả điều nầy đúng, thì Miền Nam, từ Đà-lạt trở xuống đã là một địa đồng tự hay một phần của địa đồng tự Đông-Dương còn sót lại sau sự tạo sơn của thời Néo-Triassic, chứ không phải là một cái vịnh tầm thường.

Sau khi « loạt Đà-lạt » thành lập xong, đến lượt xuất hiện của hoa cương kiềm và hoa cương vôi kiềm. Trước đây, loại đầu được định là antéhercynien, loại thứ hai là hercynien (9). Nhưng gần đây, việc định tuổi tuyệt đối của hoa cương Đà-lạt là 191 triệu năm (3). Điều nầy chứng tỏ hoa cương Đà-lạt không còn là antéhercynien nữa mà thuộc thời Tam-điệp và rất có thể loạt hoa cương Hercynien cùng một thời với hoa cương Ba Ngòi (Phan Rang) mà tuổi tuyệt đối là 101 triệu năm (3).

Đối với nhóm vi hàm lục, hiện nay chưa có bằng chứng nào để định tuổi tương đối của chúng một cách xác thực.

Tiếp theo là sự xuất hiện của nham an-sơn và nham dacit. Trước kia, nhóm thứ nhứt được coi là ouralien và nhóm thứ hai là permien (8). Nhưng, nay đã biết chắc chắn được tuổi của hoa cương là tam điệp, và hai loại nham an-sơn và dacit đều cắt hoa cương trên nên tuổi tương đối của cả hai loại nầy phải sau tam điệp chứ không thể là ouralien

Library HoangSa.Org

hoặc permien nữa. Vả lại, trước đây, dacit nầy được coi là cùng một thời với dacit ở Châu-Thới vì đều là permien, nhưng khảo cứu gần đây (10) cho biết dacit ở Châu-Thới là Lias. Với hai lý do trên đây cho phép ta kết luận dacit Đà-lạt thuộc thời Lias và nham an-sơn phải trước Lias vì dacit cắt an-sơn.

Sau khi đã thành lập các loại nham kể trên, vùng Đà-lạt (Tuyên Đức) hình như được an nghỉ trong một khoảng thời gian dài cho đến cuối Cận-sinh nguyên đại, vùng nầy mới chịu ảnh hưởng của một chuyển động khác (9). Thực ra, chuyển động nầy không gây nên những sự gấp nếp, mà chỉ tạo ra những đường nứt, nếp toạt (9) và chính nhờ những nếp toạt nầy mà một loại dung nham khác có cơ hội trào ra ngoài tạo nên nham huyền vũ ngày nay. Nhưng đặc biệt, vùng Đà-lạt, nham huyền vũ xuất hiện một cách ít ỏi hơn các vùng ở dưới Nam như Di-Linh, Bảo Lộc..., phải chăng vì sự hiện diện của nền đá cứng hoa cương. Hiện nay, chưa định được tuổi đích xác nhưng có thể nó xuất hiện từ cuối Cận-sinh nguyên đại đến đầu Nhân-sinh.

III.— SỰ XÂM-THỰC

Ta đã đề cập đến hai tác nhân quan trọng là sự thành lập đá và sự nổi núi. Hai tác nhân nầy đã chi phối toàn diện hình thế đất đai và chúng có nguồn gốc từ bên trong vỏ địa cầu nên được mệnh danh là nguyên nhân nội sinh.

Trái lại, một tác nhân thứ ba là sự xâm thực là hiện tượng xảy ra một cách liên tục trên mặt đất được mệnh danh là nguyên nhân ngoại sinh.

Mỗi loại nham, sau khi thành lập, bị bủn nát lần lần để cho ra một loại đất riêng biệt. Bởi vậy, ta thường quen gọi đất hoa cương (do đá hoa cương); đất đỏ huyền vũ (do nham huyền vũ)... Tại vùng Đà-lạt (Tuyên Đức) nhóm mica diệp thạch khi thoái hóa cho ra một loại đất sét màu vàng, đôi nơi có lẫn một ít latêrit; nham hoa cương cho một loại đất sét pha cát màu vàng hay đỏ, giàu chất sắt, chứ không cho loại sa cương như các loại hoa cương thuộc miền duyên hải. Nham huyền vũ thì cho ra lớp đất đỏ.

Tóm lại, lớp đất thoái hóa tại đây rất dày; từ vài ba thước cho đến ba hay bốn mươi thước, ngoại trừ đá thạch anh lớp thoái hóa được coi là mỏng hơn hết.

Tiếp nối sự thoái hóa là sự xâm thực, một bộ máy hết sức hữu hiệu trong sự thay đổi hình dạng của mặt đất mà yếu tố quan trọng nhứt là dòng nước. Tại Đà-lạt, ta có thể ghi nhận một vài hậu quả do sự xâm thực tạo ra.

Library HoangSa.Org

Trước nhứt là trên nhóm mica diệp thạch, sự xâm thực chọn lọc giữa các lớp nham cứng và mềm đã để lại vô số thung lũng và đường đỉnh nằm song song với nhau (H. 3). Tính chất nầy được quan sát rõ ràng chung quanh vùng Phước Thành ở phía Bắc Đà-lạt. Sơn xâm thực còn sang phẳng gần hầu hết sơn tự bằng chứng là ta thấy tất cả những nếp gấp do chuyển động tạo sơn gây nên đều bị vạc đầu, và chỉ thấy những lớp nham nằm dựng đứng. Đôi nơi, sự xâm thực để lộ ra những khối nham cứng như một vài ngọn đồi mà ta thấy ở phía Đông Bắc Đà-lạt (H. 5). Ở phi trường Cam Ly, trên sườn đồi, ta chỉ còn trông thấy một vài giải nhỏ của nham mica diệp thạch còn lại (H. 1), điều nầy chứng tỏ sự xâm thực đã bào mòn các đỉnh đồi một cách mãnh liệt. Đành rằng, ở trong vùng, dốc kiến tạo và dốc địa hình khác hẳn nhau, nhưng điều nầy không làm cho cường độ xâm thực giảm đi bao nhiêu, vì thực ra, sự xâm thực chỉ xảy ra ở các lớp trên mặt thôi (7).

Đối với nham phún xuất, đặc biệt là trên nham hoa cương, không có tính chất thẳng hàng như trong nhóm nham biến tính, các đỉnh thường tròn và bầu bỉnh (H. 4).

Tóm lại, sự xâm thực đã mài bằng mặt đất, đưa các vật liệu từ các nơi cao đến các trũng thấp, nhưng đồng thời cũng để lộ ra những khối nham cứng khác và tựu trung địa thế bằng phẳng hơn.

H 3.— Sự thẳng hàng của các thung lũng trong mica diệp thạch ở Phước Thành (mũi tên). Đằng sau đám sương mù là dãy núi Lang Biang.

Library HoangSa.Org

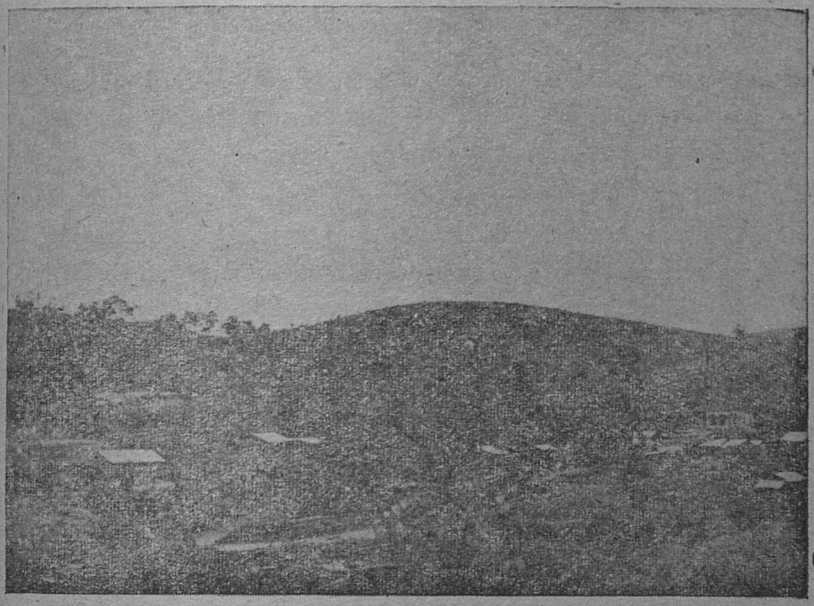

H. 4.— Các đồi hoa cương ở vùng Nam Thiên. Nhìn từ Cam Ly.

H. 5.— Hồ Xuân Hương, một hồ nhân tạo, ở trung tâm thành phố và có một chu vi khoảng 5cây số. Phía Bắc của hồ (mũi tên), địa thế bằng phẳng do sự thoái hóa và xâm thực mạnh mẽ. Xa xa, là hai ngọn núi Lap Be Sud (L.B.S) và Lap Be Nord (L.B.N).

Library HoangSa.Org

IV.— HÌNH THỂ ĐẤT ĐAI NGÀY NAY.

Hình thể đất đai của vùng Đà-lạt (Tuyên-Đức) ngày nay là hậu quả của những tác nhân quan trọng như sự xuất hiện của các loại nham, sự tạo sơn cùng sự xâm thực của thạch quyển.

Như ta đã thấy trong phần trước, thoạt đầu là sự thành lập loạt Đà-lạt gồm có đá thạch anh và mica diệp thạch đã tạo nên cơ cấu đầu tiên của vùng. Tiếp đến là sự tạo thành nhóm sa thạch. Cho đến thời Tam điệp, sự xuất hiện của nham hoa cương, ban đầu dưới dạng những thiền dung chùy, về sau, sự xâm thực mạnh mẽ mới để lộ ra ngoài. Sau khi hoa cương được thành lập, đến lượt nham an-sơn và dacit. Địa hình lại thêm một lần nữa phải thay đổi vì tính chất đặc biệt của loại nham nầy. Mãi cho đến Cận-sinh và trở về sau, chuyển động Hymalayen tạo nên những đường toạt và một loại dung nham khác theo các đường toạt để trang trải và nâng cao địa thế của vùng nầy thêm một lần nữa.

Phụ họa thêm vào những tác nhân trên, sự xâm thực đã liên tục và biến chuyển không ngừng khiến cho các đỉnh núi bị mài mòn, mặt khác thì bị phá hủy, làm cho hình thể mặt đất, càng lúc, theo thời gian, càng bị san bằng để tạo thành một bán bình-nguyên như ngày nay.

Trên đây chỉ là những nét sơ lược về hình thể của vùng Đà-lạt (Tuyên Đức) mà tác giả đã ghi nhận trong một tình trạng thiếu an ninh của hiện tại.

Tác giả ước mong đón nhận những lời chỉ giáo của các bậc thức giả cũng như quí đồng nghiệp, để trong tương lai, vấn đề được phong phú hơn ngõ hầu đóng góp hữu hiệu vào những nỗ lực địa lý học chung.

BẢNG ĐỐI CHIẾU MỘT SỐ DANH TỪ DÙNG TRONG BÀI NÀY

An sơn thạch	*Andésite*
Cam-si kỷ	*Cambro-silurien*
Cận sinh	*Cénozoïque*
Cổ sinh	*Paléozoïque*
Gấp nếp (sự)	*Plissement*
Hoa cương kiềm	*Granite alcalin*
Hoa cương vôi kiềm	*Granite calco-alcalin*
Hoàng thiết khoáng	*Pyrite*
Huyền vũ (đá)	*Basalte*

Library HoangSa.Org

Kiến tạo	*Tectonique*
Lộ tầng	*Affleurement*
Mica diệp thạch	*Micaschiste*
Nam Sơn	*Massif Sud-Annamitique*
Sa cương	*Arène*
Tạo sơn	*Orogénèse*
Tắc dợn sóng	*Exctinction roulante*
Thạch anh (đá)	*Quartzite*
Thạch bích	*Dyke*
Thoái hóa	*Altération*
Tiền-cam	*Antécambrien*
Trung sinh	*Mésozoïque*
Vi hàm lục	*Microdiorite*
Xâm thực	*Érosion*

TÓM-LƯỢC TÀI-LIỆU THAM-KHẢO

1. Blondel, F., 1928. Les altérations des roches en Indochine française. *Bull. Serv. Géol. Indochine.* Vol. XVII, fasc. 3, Hanoi.
2. Derruau, M., 1958. *Précis de géomorphologie.* Masson et Cie, Edt. Paris.
3. Faure, Cl., et Fontaine, H., 1969. Géochronologie du Viet Nam méridional. *Archives géologiques du Viet Nam.* Nº 12, p. 189-194, Saigon.
4. Grawell, R., 1949. The Cooyar basalt, University of Queensland Paper. Vol. III, Nº 8, p. 37.
5. Harker, 1909. The natural history of igneous rock, p. 91-100. London.
6. Marland, 1962. *Structural geology.* Modern Asia.
7. Pouquet, J., 1951. L' Érosion. Presses universitaires de France, Paris.
8. Saurin, E.. 1933. Études géologiques sur l' Indochine du Sud-Est. *Bull. Serv. Géol. Indochine.* Vol. XXII, fasc. 1, Hanoi.
9. . . . . .1937. Notice sur la feuille de Nha trang. *Serv.Géol. Indochine.* Hanoi.
10. Tạ Trần Tấn, 1968. Ammonites sinémuriens à Châu-Thới. *Archives géologiques du Viet Nam.* Nº 11, p. 103-112, Saigon.
11. Trần kim Thạch, 1969. Diễn tiến tạo sơn ở Đông Dương trong khung cảnh Đông Nam Á Châu. *Premier Congrès National des sciences de la terre.*
12. Võ đình Ngộ, 1966. Reconnaissance géologique des Environs de Dalat (Tuyên Đức). *Acta Geologica Vietnamica,* p. 45-47. Fac. Sc., Saigon.
13. . . . . 1970. Études géologiques des Environs de Dalat (Tuyên Đức). *Thèse de doctorat de 3me cycle,* Université de Saigon. Sài-gòn.
14. Đại lược thời tiết do Nha Khí Tượng ấn hành năm 1968. Sài-gòn.
15. Không ảnh của Nha Địa Dư Quốc Gia. Đà-lạt.

Library HoangSa.Org

(*tiếp theo trang 32*)

Về điểm cuối, V.N. Giáp đã đề-nghị hai bên tìm lập-tức những phương-sách cụ-thể và đạt lên Chính-phủ của phe mình. Messmer bằng lòng rồi hẹn rằng vài bữa nữa sẽ trao đổi chiếu-hội [1] về việc ấy.

Buổi chiều hôm ấy, thảo-luận sâu về những vấn-đề Ngoại-thương và Quan-thuế. Mục-đích Pháp là lập Liên-bang mà Cao-ủy cầm đầu nắm hết các quyền định-đoạt. Mà Phái-đoàn ta thì chỉ nhận những giao-kết giữa các nước Liên-bang.

✣

Ngày mai là chủ-nhật, sẽ nghỉ-ngơi. Hai hôm đi đường, hai hôm tranh-đấu gay go. Về cân não nghe đã mệt. Tối nay mới để ý đến sự sống thường. Các phái-viên ở từng một và từng hai tại khách-sạn Langbian, phòng rộng rãi và trơ-trống. Công-nhân giúp việc khách-sạn đều là đàn ông người Huế hay Nam-bộ. Tôi hỏi chơi người giọn phòng rằng: « Anh có làm mật-thám cho Pháp không ? » Anh ta trả lời : « Dạ ! » Đó là tiếng trả lời của người miền Trung, nó có thể có nghĩa là *vâng*, là *có*, là *phải*. Tôi và anh ta chỉ cười. Rồi tôi không hỏi thêm gì, chỉ nhờ đi tìm cho một cái li uống nước. Trong phòng ngủ không có đồ dùng. Muốn đánh giày, cũng không vật-liệu và dụng-cụ. Khi trở vào phòng, anh ta ra vẻ dè-dặt lúng-túng, nói với tôi : « Chúng tôi nghe nói ở Hà-nội đã có *giấy bạc CỤ HỒ*. Ông có đem vào không ? Cho tôi xin một tờ ». Tôi lục ví thấy có hai tờ giấy một đồng, giấy xấu, vẽ khá sơ-sài ảnh Chủ-tịch Việt-nam. Tôi lanh-lẹ trao cho. Anh ta vồ lấy với nét mặt tươi-cười cực điểm và cảm ơn không dứt. Tôi muốn hỏi về tình-hình ở Đà-lạt nhưng coi chừng anh ta sợ ở lâu trong phòng với tôi, nên xin lỗi lui ra, sau khi giấu kĩ hai tấm giấy bạc nhỏ nhàu trong túi áo trong. Trong khi tâm-thần khá hoang-mạng, tôi cảm nghĩ rằng ví anh ta có làm mật-thám cho Pháp đi nữa, thì chỉ bất-đắc-dĩ, chứ tiếng gọi Tổ-quốc vẫn chuyển-động tấm lòng.

Các phòng của Phái-viên gần nhau. Tối lại, anh em họp nhau kiểm-điểm công việc trong ngày và nhất là bàn công việc ngày sau. Kiểm-điểm thì thấy mình đã tranh-đấu cực-lực, để tỏ thái-độ rõ-ràng là: *nếu Pháp đừng tìm cách gò-buộc Việt-nam về phương-diện chính-trị và để Việt-nam hưởng những quyền một nước tự-do, thì các sự sáp-nhập Liên-bang và Liên-hiệp*

1. Memorandum.

Library HoangSa.Org

không khó khăn gì, và Pháp sẽ chiếm phần ưu-đãi về Văn-hóa và Kinh-tế. Nhưng cảm-tưởng chung là: tuy rằng có một vài phái-viên Pháp cảm-thông ý ấy, nhưng chính-quyền Pháp tìm hết cách để bó chặt mình, và Thực-dân ở đây sẽ lấn hết những điều mà họ đã phải nhận khi muốn đồ bộ quân một cách êm-thắm lên đất Bắc.

Về *chuẩn-bị buổi hội-họp sắp tới*, thì chúng tôi đã qui-định một phương-pháp làm việc có qui-mô và kết-quả. Trước hết, mình giả đứng vào địa-vị và lập-trường phái-viên Pháp mà đoán những điểm họ có thể nêu ra và những lí-luận họ có thể khai-triển. Rồi mình tìm chung những lẽ để đối-phó từng câu, từng lẽ, để bảo-vệ những đề-nghị mình đưa ra; lại cắt sẵn người nào trả lời câu nào, người nào bảo-vệ đề-nghị nào. Xong rồi, nếu có thời-giờ thì chia tay tập dượt, kẻ làm phái-viên Pháp, kẻ làm phái-viên ta. Về tranh-lược, thì chia công việc, kẻ xung-phong, kẻ tiếp hậu, kẻ đưa lí-luận «nặng» ra chặn trước, kẻ giữ lí-luận «bất kì» để làm đối-phương lúng-túng. Chúng tôi thường dùng tiếng lóng quân-sự để trỏ các tranh-lược ấy, cho nên đã nghĩ đến... cách thả khói mù khi mình yếu thế để rút lui. Trong phái-đoàn có bác-sĩ Luyện, người rất vui tính vì có nhiều ý nghĩ, nên khi ổng giải-thích, hay muốn đem hết ra giồn-dập, làm cho thính-giả thường không hiểu ổng muốn nói ý gì. Chúng tôi thường đùa nói ổng là chuyên-môn bắn đạn nhả khói!

✠

Sáng chủ-nhật 21 tháng tư. Chúng tôi đưa nhau đi thăm thành-phố. Đà-lạt vẫn đẹp, nhưng người rất thưa-thớt. Khí trời khá lạnh, cho nên thành-phố ra vẻ ảm-đạm e-dè. Chưa có chợ búa. Ở khách-sạn to mà ăn-uống rất sơ-sài. Vào làng Việt-nam thì không thấy đàn ông, một ít đàn-bà trẻ con ra ý tránh gặp. Sang xóm chợ, thấy phố đã phần nhiều mở, nhưng hàng-hóa ít-oi. Nhân dân thấy các phái-viên đi qua, đều trương mắt nhìn theo, nhưng không dám tỏ ý gì cả.

Từ khi Phái-đoàn lên đây, Chính-quyền Pháp phòng-bị rất ngặt về sự *Phái-đoàn tiếp-xúc với nhân-dân*. Nghe nói có lệnh cấm dân ở miền dưới lên đây trong hai mươi ngày. Họ cho chừng sáu chục lính kín lên canh dò. Sau khi họ thấy có nhân-viên Phái-bộ ta ra tiếp-xúc với nhân-dân, họ đã đặt ra hai lệ để cản trở:

Một là phát *tín-bài* cho nhân-viên Phái-bộ, ta và Pháp; họ nói cớ rằng làm vậy để ngăn những người không có chân trong Phái-đoàn không tới quấy công việc Hội-nghị được;

Library HoangSa.Org

Hai là hạn chế-sự *dùng ô-tô* họ cho Phái-đoàn mượn. Nguyên từ ngày lên đây, họ cho Phái-đoàn ta mượn ba ô-tô với tài-xế để đi lại. Nay họ cho biết rằng các xe ấy chỉ đi trong vòng Đà-lạt mà thôi; nếu ta không viết thư báo trước muốn đi đâu, thì xe sẽ dừng ở ranh-giới thành-phố.

Nay lại nghe nói vì có Phái-bộ lên đây, cho nên có mười người bị bắt thêm ở Drang.

Chiều nay, được tin *Phạm Ngọc-Thạch* đến Đà-lạt. Nguyên Thạch có chân chính-thức trong Phái-đoàn, nhưng không có mặt ở Hà-nội khi Phái-đoàn ra đi. Từ khi chúng tôi lên đây, luôn luôn mong đợi. Nhưng thấy thái-độ chính-quyền Pháp, chúng tôi không hi-vọng gì nhiều về sự Thạch có thể đến đây. Khi nghe tin Thạch đã lên, tôi tưởng ảnh đã từ bưng vượt tuyến mà tới. Khi gặp mới thấy cùng đi với *bác sĩ Tung* và *Nguyễn Văn-Sâm* từ Sài-gòn lên. Thạch là một bạn học với tôi khi còn nhỏ. Năm 1943, tôi đã có nhịp ở nhà ảnh tại Sài-gòn. Một bác-sĩ trai trẻ nổi tiếng, nhà phú-hữu, mặt tài-hoa, giao-du rất rộng trong các nhóm chính-trị ái-quốc đang thời và cả với một vài yếu-nhân Nhật-bản ở Sài-gòn. Tính cương-quyết, thích ăn chơi. Chính vì ảnh, nên tôi đã viết bài về Tài-xỉu đăng trong *báo Khoa-học* ở Hà-nội. Nay gặp lại Thạch thấy càng cương-quyết nồng-hậu, tôi rất đỗi mừng. Thạch báo-cáo về việc kháng-chiến hăng-hái ở miền Nam. và rất tin-tưởng vào độc-lập và thống-nhất của nước. Tung, một bác-sĩ, người thấp, mặt tròn, nói rất nhiều, rất hăng, giao-du nhiều với chính-khách Pháp thiên-tả, nên đã lái xe lên lọt đến đây. Còn Sâm thì Trần Trọng-Kim đã nói chuyện đến nhiều và thường khen với tôi là người trầm-mặc Vì vậy chính-phủ T. T. Kim đã giao cho Sâm chức Khâm-sai Nam-bộ khi Nhật chịu giao chính-quyền ở đó. Tôi chưa từng biết Sâm, nên mừng được gặp ở đây. Sâm người to cao, vặm-vỡ, coi vẻ rất điềm-tĩnh.

Sâm cho hay tình-hình chính-trị ở Sài-gòn: trong đám sĩ-phu có bốn hạng:

1.— Nhóm chủ-trương thuộc Pháp: gồm phần lớn *người gốc Pháp*;

2.— Nhóm chủ-trương tự-trị hoàn-toàn, tức là nhóm *bác-sĩ Thinh*;

3.— Nhóm chủ-trương tự-trị hành-chánh nhưng họp với ngoài Bắc thành nước Việt-nam, tức là nhóm *Nguyễn Phan-Long*;

Library HoangSa.Org

4.— Nhóm chủ-trương thống-nhất, trong đó có *bác sĩ Tung*.

Ba nhóm đầu sợ thống-nhất: nhóm đầu vì là tư-bản sợ chế-độ cộng-sản, nhóm nhì vì sợ không được tham-dự chính-quyền, còn nhóm thứ ba thì đã bị cách-mạng ruồng-rẫy nên sợ cho tính-mạng.

Sâm cũng cho biết rằng ở địa-phương, tuy Pháp không lập được chính-quyền, nhưng ta cũng không kiểm-soát được. Quân du-kích đến đánh đồn rồi rút lui. Quân Pháp tới thì khủng-bố dân, cho nên dân khổ. Nếu trưng ý trong trường-hợp nầy thì có thể thua: ba nhóm đầu không chịu thống-nhất, mà dân thì sợ khủng-bố nên cũng theo chúng.

✠

Sáng thứ hai 22 tháng tư, trước lúc họp ủy-ban Chính-trị, Max André trao thư cho Giáp nhờ can-thiệp tha cho mấy người bị bắt (?), trong thư có ý dọa. Không-khí có vẻ lại căng. Chín giờ ủy-ban họp. Messmer chủ-tọa nhắc lại lập-trường của hai bên về điểm đình-chiến; và nói rằng Phái-đoàn Pháp không có quyền bàn đến việc đình-chiến, và đề-nghị giữ mục-hiệu *Trao đổi chiếu-hội* (Echange des memoranda).

V. N. Giáp trả lời dài, tấn-công hăng. Đại ý nói: « Bây giờ trong Nam-bộ vẫn đánh nhau. Chính-quyền Pháp nói đó là dẹp giặc. Nếu nói đó là giặc thì FFI (quân du-kích chống quân chiếm đóng Đức) của Pháp cũng là giặc chăng? Và Hiệp-định sơ-bộ nói rõ ràng rằng phải hai bên đình-chiến. Vậy chúng tôi vẫn giữ yêu-cầu ghi vào nhật-trình Hội-nghị vấn-đề ấy... »

Về việc nầy, ta rất có lí. Nhiều phái-viên Pháp cũng thấy vậy. Nhưng họ có lệnh của D'Argenlieu phải gạt đi. Messmer không chấp-nhận lời Giáp, và bảo lướt qua vấn-đề khác. Ta xin tạm dừng họp. Một giờ sau, họp lại. N. M. Tường giảng rõ rằng sự đề-nghị của ta là theo lời Hiệp-định sơ-bộ; rằng không phải ta yêu-cầu hai phái-đoàn thi-hành đình-chiến, mà chỉ yêu-cầu xét những phương-sách đình-chiến để đề-nghị lên hai Chính-phủ. Vậy ta yêu-cầu ghi câu nầy vào nhật-trình nghị-sự:

Khảo cứu chung những thủ-đoạn sẽ đề-cử để chấm dứt lập-tức chiến-tranh và để gây một hoàn-khí chính-trị thuận-lợi cho những cuộc điều-đình.

Phe Pháp không chịu. Torel bảo: « Hiệp-định Sơ-bộ có hai phần: phần đình-chiến thuộc về các Chính-phủ, phần điều-đình thuộc về Hội-nghị ».

Library HoangSa.Org

Messmer nói thêm: « Chúng tôi không thể bàn về việc nầy, là *bởi phải tuân lệnh.*[1] Chúng tôi cũng hiểu rằng phải gây nên một hoàn-khí thuận-lợi. Nhưng bây giờ chúng tôi nói *Không*, các ông lại nói *Có*, thì không bao giờ xong. Với tinh-thần hòa-giải, tôi đề-nghị đem vấn-đề nầy ra Toàn-thể đại-hội ngày sau ».

Ta phải nhận. Nhưng cảm thấy Phái-đoàn Pháp đã nhận mệnh-lệnh phải găng. Chiều, họp lần đầu Ủy-ban Quân-sự, tướng Salan chủ-tọa. Họp trong phòng nhỏ, hai bàn dài đặt đối, hai tiểu-ban đối-diện. Nhìn sang bên kia, thấy lon những là lon; nhìn lại bên mình, may có ba lon làm sĩ-diện! Ngồi đầu, chàng thư-sinh vai hẹp đối vị tướng-quân cao ngồng. Đây là biểu-hiệu cho hai binh-đội đang đương đầu trên đất Việt-nam.

Ta tấn công; lại nêu vấn-đề đình-chiến về phương-diện kĩ-thuật ra làm chủ. Những điểm đề-nghị của ta như sau:

1.— Thi-hành đình-chiến;

2.— Nghiên-cứu cách hợp-tác Binh-đội Pháp đóng ở Việt-nam và Binh-đội Việt-nam. Dự đảm[2] của Pháp vào bộ-đội Việt-nam: quân-nhu, huấn-viên.

3.— Binh-đội Pháp đóng ở Việt-nam: trách-nhiệm, số-lượng, phân-trí, binh-chủng, thời-hạn đóng quân, hải-cảng và địa-điểm đóng đồn.

Phái-đoàn Pháp không chối-từ điểm đình-chiến, nhưng đề-nghị để xuống cuối cùng và chỉ chịu bàn đến các vấn-đề khác thuộc về địa-bàn *trên vĩ-tuyến thứ 16* (Đà-nẵng).

Thảo-luận càng giằng-co. Tối đến, Max André lại chuyền cho N. T. Tam một lá thư trách rằng có người đã theo Phái-bộ lên đây để ngấm-ngầm làm chính-trị. Không biết họ muốn nói dự-định của ta có người phụ-trách sự liên-lạc với địa-phương, hay là họ ám-chỉ chuyện bác-sĩ Tung đưa P. N. Thạch và N. V. Sâm từ Sài-gòn lên đây.

✱

Sáng thứ ba, 23 tháng tư. Những việc hôm qua là triệu-chứng rằng tranh-biện sẽ rất gay-go. Không biết Hội-nghị có thể qua chướng-ngại nầy không.

---

1. Par discipline.
2. Participation.

Library HoangSa.Org

Quả vậy, Đô-đốc D'Argenlieu tư một bức thông-điệp nói về cái *máy vô-tuyến-điện truyền tin* mà Phái-đoàn ta đã đem lên, và đã dùng trong bốn ngày nay, Thông-điệp bảo rằng: « Đài ấy phải có giấy phép của Chính-quyền Pháp mới được dùng. Vậy yêu-cầu Phái-đoàn Việt-nam tạm thôi dùng máy ấy, và Chính-quyền Pháp sẽ vui lòng đảm-nhận sự thông tin giữa Hà-nội và Phái-đoàn ».

Thật là khéo mỉa-mai! Nhưng cũng là rất vụng, vì muốn lập một khối Liên-hiệp mà bắt đầu đã gây ác-cảm tự trong. Ta cương quyết không nghe. Về sau không thấy Cao-ủy-phủ yêu-sách gì về việc ấy. Chúng tôi phải thán-phục các anh giữ trách-nhiệm thông tin. Đêm ngày, và nhất là đêm, làm việc không ngớt. Các nghị-lục tốc-kí hằng ngày đều hoàn-toàn tin về Hà-nội. Chính-phủ đã theo-dõi từng ngày những khó-khăn mà Phái-đoàn đang gặp, và cho chỉ-thị cấp-tốc. Chắc cơ-quan trinh-thám quân-đội Pháp cũng theo-dõi luồng sóng của ta. Giá-thử họ muốn phá quấy sự truyền tin của mình thì rất dễ-dàng. Nhưng thực ra họ không cần, mà nếu làm thì đã mang tiếng mà không có lợi.

Vì việc đôi bên không hòa-thuận về mục Đình-chiến, nên Ủy-ban dừng họp đợi buổi họp Toàn-thể đại-hội nhóm ngày sau. Sáng nay chúng tôi ở trong phòng làm việc. Mười hai giờ trưa được tin thình-lình *Phạm Ngọc-Thạch đã bị bắt!*

D. B. Mai báo-cáo cho Phái-đoàn họp cấp-tốc biết rằng: Thạch với Mai lúc 12 giờ từ phòng Báo-chí tại khách-sạn Hoa-viên (Hotel du Parc) ra. Trước cửa khách-sạn có hai viên mật-thám và một đại-úy Pháp đứng chờ. Một viên hỏi Thạch: « Ông có phải bác-sĩ Thạch không? » Rồi nó nói có lệnh đưa Thạch về sở Liêm-phóng. Thạch trả lời rằng mình có giấy Chính-phủ Việt-nam ủy sai làm sứ-bộ. Chúng không chịu thả. Thạch lại nói: « Phải để tôi về báo-cáo với trưởng đoàn đã. » Chúng cũng không nghe, và nói: « Nếu ông không bằng lòng đi, thì chúng tôi sẽ dùng võ-lực ép » Thạch bảo chúng: « Muốn dùng võ-lực thì dùng. »

Rồi chúng đẩy Thạch lên xe mà đi hút mất xuống Sài-gòn. Sau lại nghe tin N. V. Sâm và bác-sĩ Tung cũng bị trục-xuất. Đà-lạt là đất của ta, mà ta lại bị cấm giao-thông với Hà-nội, sứ-thần ta và nhân-dân lại bị trục-xuất. Chính-quyền Thực-dân bấy giờ đã tỏ rõ ý định coi Nam-phần từ vĩ-tuyến 16 trở xuống không phải là đất Việt-nam nữa. Thế thì điều đình gì nữa! Trong bụng anh em nhất-quyết soạn-sửa trở về Hà-nội.

Bữa cơm trưa nầy rất buồn rầu. Bực-tức không bờ mà phải tỏ

Library HoangSa.Org

bộ hồn-nhiên. Ăn xong, Phái-đoàn họp để bàn cách đối-phó. Trưởng đoàn viết thư phản-kháng, và điện về báo-cáo cho Chính-phủ hay. V. N. Giáp bàn rằng mình phải bình-tĩnh trước những hành-động khiêu-khích của phái Thực-dân Pháp, và chiều nay vẫn phải họp Ủy-ban Văn-hóa như thường. Tôi đề-nghị rằng : sẽ đi họp, nhưng lên tiếng phản-kháng sự bắt Thạch rồi yêu-cầu hoãn buổi họp. Nhưng nghe lời Trưởng đoàn, lúc ba giờ chiều, chúng tôi tới dự buổi họp Văn-hóa, mà không tỏ vẻ gì khác thường. Buổi họp hòa-nhã, Gourou có lẽ thấy ta vẫn hòa-nhã sau việc Thạch, cho nên cũng rất hòa-nhã. Vả về vấn-đề Văn-hóa, phần lớn, ta bằng lòng trong giới-hạn nếu điều yêu-sách của Pháp không phạm chủ quyền của tự-do ta.

Trong buổi họp nầy Torel đưa vấn-đề lấy tiếng Pháp làm công-ngữ. Ta phản-kháng, nhưng nhận rằng tiếng Pháp được ưu-đãi bực nhất. Hai bên ưng-thuận thảo chung đề-nghị :

1.— Ủy-ban Văn-hóa tuyên ngôn rằng vấn-đề dùng Pháp-ngữ làm công-ngữ thứ nhì ra ngoài phạm-vi Ủy-ban ;

2.— Phái-đoàn Việt-nam tuyên-bố rằng Pháp-ngữ chiếm địa-vị bậc nhất trong các ngoại-ngữ.

Tối hôm nầy, chúng tôi nhóm lại bàn kĩ về cách đối-phó ngày mai, là ngày họp Toàn-thể đại-hội : phản-kháng sự bắt Thạch, đặt lại đề-nghị đình-chiến. Nếu bên Pháp chỉ nhận có « trao đổi chiếu-hội », thì ta yêu cầu biên-bản sự Pháp từ không chịu nhận ghi vấn-đề Đình-chiến vào nhật trình nghị-sự. Nếu bên Pháp định lập ủy-ban hoặc tiểu-ban nghiên-cứu vấn-đề, thì ta sẽ nhận ; nhưng để phản-kháng sự bắt Thạch, ta không nhận liền, mà xin tạm ngừng họp, rồi khi trở vào, xin giải-tán buổi họp.

Bấy giờ anh em kiểm-điểm tất cả những sự-kiện đã xảy ra từ lúc lên đây. Thấy rằng : *Chính-quyền Pháp bị phái Thực dân Pháp chi-phối hoàn-toàn, nhưng các Phái-viên có phần thức-thời hơn, về phương-diện duy-tâm, cũng có cảm-tình với ta.* Họ rất nhã-nhặn. Tuy lúc tranh-luận có lời khó chịu, nhưng ngoài ra thì chuyện trò hồn-nhiên và có khi thân-mật. Chính đó cũng là một cách ngoại-giao khéo của họ, có thể lợi cho sự điều-đình. Hầu hết Phái-đoàn Pháp chắc không muốn phá-hoại cuộc điều-đình, tuy rằng ta cũng đã tỉnh-cờ biết chắc có một cố-vấn hành-chánh và chính-trị đề-nghị « lập một ngân sách trấn-áp rất lớn, đem đày vài vạn người thì Đông-dương trở lại như xưa. » Họ cũng đã

Library HoangSa.Org

nghĩ rằng sự định-đoạt phải qua hai vai chính của Mặt-trận Việt-minh: V. N. Giáp và D. B. Mai. Cho nên họ đã cố chiều-chuộng hai anh, mời-mọc thết-đãi. Messmer và Bousquet thường nói chuyện với Giáp theo ngôn-ngữ của những bạn đồng-chí. Mỗi khi có việc khó khăn, họ cũng gắng dàn-xếp với Giáp để làm bớt găng. Tướng Salan biết Giáp từ khi điều-đình Hiệp-định sơ-bộ, thường tới phòng Giáp và cố giải-thích những điều không đồng ý ở nghị-trường. Ngoài ra, những phái-viên khác cũng có mời mọc nhau. Còn Đô-đốc, thì mời mỗi lần hai phái-viên Việt và hai phái-viên Pháp ăn bữa tối. V.V. Hiền và tôi được mời cùng Pignon và Torel. Ông tiếp rất nhã, nhưng không vồn vã; nói chuyện chung về những chuyện văn-hóa, chứ không hề nhắc đến chính-trị.

✠

Ngày thứ tư 24 tháng tư là ngày họp Toàn-thể đại-hội thứ hai. Vốn là để kiểm-điểm những sự đã thỏa-thuận giữa hai bên. Nhưng cụ-thể thì không có điểm quan-trọng nào đã thỏa-thuận, mà lại còn thêm những sự xung-đột bất-thường, như chuyện bắt Thạch. Phái-đoàn ta đã chuẩn-bị phiên họp kĩ-càng, nên vào phòng họp rất bình-tĩnh.

Max André chủ-tọa, đọc chương-trình nghị-sự, chỉ có đề-nghị *Đình-chiến* đạt ra ngày thứ bảy trước mà họ không chịu bàn. Max André đang trao lời cho Pignon, thì N. T. Tam đứng dậy, trịnh-trọng nói về chuyện Thạch bị bắt, kể lại rõ-ràng sự-kiện đã xảy ra. Các đại-biểu Pháp đều cúi đầu lấy làm phiền. Tam nói tiếp: « Sự ấy là trái với tục-lệ quốc-tế. Là người phụ-trách an-toàn cho đại-biểu Việt-nam, tôi phản-kháng! »

Max André trả lời: « Nghe nói không phải Thạch đã bị bắt. Vì Thạch đã lên Đà-lạt một cách ngấm-ngầm, cho nên đã bị đưa về ».

Giáp nói: « Chúng tôi sẽ nêu vấn-đề ấy sau nầy. Nay xin bàn qua về vấn-đề khác » rồi đem ra bài diễn-văn đã đọc hôm trước trong buổi họp ủy-ban Chính-trị ngày thứ hai. Max André bảo Giáp hãy đọc lại cho toàn ban nghe. Như trước tôi đã ghi, bài nầy đả-kích thái-độ Chính-quyền Thực-dân một cách kịch-liệt, ví Kháng-chiến ta với Kháng-chiến Pháp trong hồi Đức chiếm. Các phái-viên Pháp ngồi nghe, tỏ vẻ khó chịu; nhất là bởi hôm nay có các báo chí dự.

Pignon bèn đem đề-nghị mà Phái-đoàn Pháp đã sửa-soạn cẩn-thận. Đại-lý là: « Hai phái-đoàn đề-nghị lên hai Chính-phủ lập một tiểu-ban

Library HoangSa.Org

riêng, không dính gì với Hội-nghị Đà-lạt, nhưng cũng làm việc ở Đà-lạt, để giải-quyết vấn-đề Đình-chiến và để gây một không-khí hòa-hảo ở cả *năm xứ* Đông-dương » Pignon lại thêm rằng đó là nhượng-bộ cuối cùng.

Tôi xin dừng họp một giờ. Chúng tôi họp bàn. Tất-nhiên ai cũng thấy rằng Chính-quyền Thực-dân càng ngày càng tỏ rõ thâm-ý lập-lại chính-sách Thuộc-địa Đông-dương xưa. Nói *năm xứ* Đông-dương là nói rõ ý phân-tán đất Việt-nam như xưa ra làm ba, có lẽ từ vĩ-tuyến thứ 16 trở lên là nước Việt-nam, Nam-bộ là nước Nam-kì, còn khúc giữa (hoặc chỉ vùng Cao-nguyên) thuộc thẳng Pháp hoặc chính-phủ Đông-dương. Xem vậy thì không những Chính-quyền Thực-dân không chịu đình-chiến, mà còn muốn khiêu-khích để phá các cuộc điều-đình. Sau nửa giờ bàn, ta trở lại tìm các đại-..iều Pháp, nhưng vì đã hẹn nghỉ một giờ, cho nên phần lớn đã tan đi.

Đúng giờ hẹn, ủy-ban lại họp. N. T. Tam xin đình-chỉ buổi họp, và không hẹn ngày họp lại. Nhiều phái-viên Pháp đã tưởng thế nào ta cũng nhận sự « nhượng bộ » của họ, bây giờ thấy ta xin hoãn mà lại không nói hoãn đến hôm nào. Họ rất bực-tức. Gonon hỏi gắn : « Hôm nào họp lại ? phải cho biết liền. » Tam trả lời rằng hai chủ-tịch sẽ định. Bourgoin hỏi ngày nào ủy-ban Chính-trị họp lại. Tôi trả lời tôi cũng không hay. Phái- iên Việt nét mặt lầm-lì nghiêm-trọng, Phái-viên Pháp ngơ-ngác đứng dậy ra về. Cảm-tưởng chung của anh em ta là chúng tôi không thể có hành-động khác. Nếu Hội-nghị có chấm-dứt đột-ngột thì thà nó chấm dứt ở điểm đình-chiến ? Đồng-bào Nam-bộ sẽ thấy rằng Chính-phủ Việt-nam và Tổ-quốc không quên họ. Tuy Tam không nói Phái-đoàn đợi hỏi chỉ-thị của Chính-phủ, nhưng bên Pháp và bên ta ai cũng đoán như vậy.

Tâm-trạng Phái-đoàn ta, thì như thủy-thủ một con thuyền chịu gió bão, cảm-đông nhưng không hoang-mang, xiết chặt cùng nhau vì đoán sẽ phải qua cơn mưa sa sóng dập. Buổi chiều tối hôm ấy, sau khi anh em bàn việc chung xong, N. T. Tam nói :

« Tôi có một tâm-sự muốn nói ra ».

Anh em đều im bặt, hơi ngạc-nhiên, đợi. Tam tiếp :

« Khi trước, anh em phái Quốc-gia và anh em phái Cộng-sản không hiểu nhau. Sau một tuần làm việc với nhau, thấy ai cũng đồng lòng yêu nước. Có kẻ trước mang tiếng thân Pháp, nay cũng đều tranh-thủ cho Quốc-gia ».

Library HoangSa.Org

Tôi không rõ Tam nghĩ đến ai khi đã nói đến «kẻ trước mang tiếng thân Pháp».

V. N. Giáp trả lời: «Anh em càng làm việc với nhau, càng hiểu nhau, càng phải đoàn-kết».

Tôi nghĩ thầm rằng ví như Hội-nghị phải dừng, thì nó cũng không vô-ích, vì nó đã làm cho các lãnh-tụ Đảng-phái hiểu nhau. *Chính-đảng là phương-tiện để làm việc dân, việc nước.* Đảng-nhân có hiểu cho như thế không? Nếu các anh Tam, Giáp thuyết-phục được đồng-chí mình, thì là phúc cho dân và nước ta.

✠

Chiều hôm ấy (24-4), chúng tôi vẫn đi dự ủy-ban Văn-hóa để tỏ rằng mình không thỏa-thuận về chính-trị, nhưng vẫn muốn hợp-tác về Văn-hóa. Gourou hôm nay có đem Ner đến dự. Cả hai người đều là giáo-sư cũ trường Trung-học Pháp ở Hà-nội. Tôi đã là học-trò của hai người. Trước ngày Quân-đội Nhật đảo-chánh, Ner đã có lúc thăm-dò ý-kiến một số trí-thức ta ở Hà-nội. Đề-nghị Pháp muốn ta cam-đoan dạy tiếng Pháp trong toàn quá-trình Trung-học,và một vài môn sẽ dạy bằng Pháp-ngữ; nếu có nhiều ngoại-ngữ bắt-buộc, thì Pháp ngữ đứng đầu. Về nguyên-tắc, chúng tôi không thể cam-đoan, vì đó là vấn-đề nội-trị. Nhưng về thực-tế, thì chúng tôi đồng ý. Tối hôm ấy, Gourou mời Nguyễn Văn-Huyên và tôi ăn cơm. Gourou cho biết rằng Pháp sẽ đòi lại viện Viễn-đông Bác-cổ, nhưng để cho những nhà khảo-cứu Việt-nam dùng; về việc khai-quật thì sẽ thỏa-hiệp với ta. Nước Pháp muốn mở những viện khảo-cứu về mọi ngành ở mọi nơi.

Gourou muốn về Pháp chóng cho nên ủy-ban Văn-hóa họp luôn, kể cả ngày lễ Phục-sinh, 25 tháng tư. Trong những buổi họp ấy, phái-viên Pháp đem những đề-nghị vụn-vặt, như chuyện mở trường, sự cấp học-bổng, sự viện-trợ cán-bộ, giáo-sư. Ta thì vẫn nói rằng những chuyện ấy dễ thỏa-hiệp, nhưng phải có sự thỏa-hiệp giữa hai nước tự-do.

Phái-viên Pháp hết sức dùng ngoại-giao cá-nhân trong mấy ngày nầy. Nhất là Giáp rất được săn đón bởi tướng Salan về vấn-đề Binh-bị và Messmer, Bousquet về vấn-đề Chính-trị.

Sáng ngày 26 tháng tư, ủy-ban Văn-hóa họp phiên cuối cùng. Lại tranh-luận nhì-nhằng những điểm không quan-hệ đối với chính-trị đại-quan. Chiều đến, V.N. Giáp báo-cáo qua về cuộc nói chuyện riêng với

Library HoangSa.Org

Messmer và Bousquet. Giáp tóm tắt rằng: « Họ nói có thể nhượng-bộ về Chính-trị, nhưng sẽ giằng co lấy Kinh-tế, Văn-hóa và Quân-sự. Họ cũng muốn ta làm sao cho Hội-nghị tiến-hành ít nhiều; kẻo như thế này thì họ sẽ về Paris mà không được việc gì hết ».

Ngày hôm sau thứ bảy 27 tháng tư, không hội-họp chính-thức gì nữa. Hội-nghị hình như đã chấm dứt. Phái-đoàn ta họp riêng để trao đổi tin-tức. Bùi Công-Trừng bàn nên họp hội-nghị Toàn-thể gấp đi. Nhưng V.N. Giáp nói để Giáp nói chuyện thêm với Messmer và Bousquet để xem có thỏa-thuận được điểm nào chăng, rồi sẽ đem ra Đại-hội-đồng. [1]

B. C. Trừng nguyên là một thanh-niên cách-mệnh bị công-an Đông-dương bắt giam khi đang còn rất trẻ. Người gầy yếu, ăn nói nhẹ-nhàng, nhưng nghe nói Chủ-tịch Chính-phủ rất tin yêu. Ảnh là phái-viên độc nhất tranh-luận bằng tiếng Việt; có N. M. Tường ngồi cạnh dịch xắp. Trong các buổi họp Chính-trị, Trừng ngồi cạnh *D. B Mai*. Hai người dáng điệu hình-dung trái ngược nhau. Mai cao lớn tráng-kiện, tinh-thần hùng-vĩ, tính nóng như sôi, hình như đã có biệt xưng là « Hổ miền Nam ». Trong khi chia việc tranh-luận trước buổi họp, thường cử Mai làm xung-phong khi ta muốn tấn công. Nhưng khi không muốn có sự xô-xát găng thì, trái lại, dùng Trừng để ăn nói ôn-tồn bằng tiếng Việt để giải nồng. Trừng lại có nhiệm-vụ « kéo áo » Mai, khi Mai can-thiệp vào lúc không định trước hoặc nói hăng quá chớn. Tôi còn nhớ có hôm Mai đang nổi cơn thịnh-nộ đáp lại lời vô-lí của một đại-biểu Pháp, vung tay, vỗ bàn; Trừng ngồi cạnh kéo áo anh ta. Mai tức quá quay lại mắng cả Trừng; đến quá buồn cười! Khiến dũng-khí Mai thành vô-dụng!

Sau khi đi gặp lại hai thuyết-khách Pháp đã nói trên, Giáp trở về báo-cáo rằng:

« *Hai người ấy cho biết các điều yêu-sách của Pháp. Đại-lược như sau:*

« Về Chính-trị.— *Ta sẽ tự-do trong nước. Sẽ trưng-cầu dân-ý ở Nam-bộ. Ta sẽ phải để Pháp chăm-sóc đến dân-tộc thiểu-số: Thái, Mọi vân vân...*

« Về Kinh-tế.— *Các công-nghệ Pháp có từ trước phải để nguyên. Quan-thuế và Hối-đoái chung thuộc Liên-bang. Cơ-quan Liên-bang cũng có những trách-nhiệm về Trang-bị và Bưu-chánh.*

---

1. Tôi dùng hoặc *Toàn-thể đại-hội*, hoặc *Đại hội đồng* để trỏ ý *Séance plenière*.

Library HoangSa.Org

« Về Ngoại-giao và Quân-sự.— *Ta sẽ có nhưng trong hàng-ngũ Liên-hiệp Pháp.*

« Về Văn-hóa. — *dễ thỏa-thuận.* »

Thấy vậy, ta hết hi-vọng đi đến một thỏa thuận can-trọng gì. Nhưng cũng theo đúng chỉ-thị của Chủ-tịch trước lúc đi: hễ gặp việc không thuận thì đừng nói đề hỏi Chính-phủ, cứ bỏ qua mà bàn sang chuyện khác. Vậy cũng phải soạn sửa nhóm họp trở lại với Phái-đoàn Pháp trong tuần sau.

Trưa thứ bảy nầy, Max André mời Phái-đoàn ăn cơm. Có một viên cai-trị người Hòa-lan từ Nam-dương sang dự. Ấy là Broode, người cao to, mắt hiền, chút râu mép, nói tiếng Pháp rất thạo. Khi ăn xong, ông ta lại ngồi cạnh Giáp và tôi, và nói chuyện khá lâu, xem ý muốn lường trình-độ Việt-nam. Tôi có hỏi tình-hình Nam-dương mà chúng tôi biết sắp thoát ách thực-dân. Broode cho hay rằng: « Ở Java, Soekarno trước đã theo Nhật, còn Chariar thì là người chính-kiến tự-do. Nội-các Chariar không quá-khích, nhưng thanh-niên Java đã được Nhật dạy trong ba năm và đã được Nhật cho nhiều khí-giới. Bây giờ tình-thế rất khó khăn cho chúng tôi. Hòa-lan thì yếu, mà Anh, vì việc Ấn-độ không giúp chúng tôi nữa. »

✠

Thấm-thoắt đã đến chủ-nhật lần thứ hai ở Đà-lạt. Hôm nay là ngày 28 tháng tư. *N. T. Tam* bị ốm từ hôm qua, có lẽ bị cảm lạnh. Tôi không biết Tam, trước khi có Phái-đoàn Đà-lạt, nhưng cũng biết ảnh là *Nhất-Linh* trong nhóm *Tự-Lực Văn-Đoàn* và nhất là chủ bút những tạp-chí *Ngày-nay*, *Phong-hóa* đã vang tiếng một thời. Bấy giờ, ảnh người cao nhưng gầy, mặt dài má lép, chút râu trên mép, đôi mắt to nhưng ra vẻ mệt nhọc hay chán-chường. Cử-chỉ lễ-độ, ăn nói chững-chàng, trong buổi xã-giao hội-họp với kẻ Chức-trách, hoặc Phái-viên Pháp, ảnh đã có thái-độ cử chỉ đoan-nghiêm và đúng mức, không làm thẹn chức-vụ bộ-trưởng Ngoại-giao và chủ-tịch Phái-đoàn Việt-nam.

Tới phòng ảnh thăm, rồi một nhóm anh em đi ô-tô giạo một vòng để giải-trí. Tới *hồ Than-thở* (Lac des Soupirs), cây cối vẫn um-tùm, thông vẫn xanh, hoa vẫn thắm, hình như dửng-dưng đối với những biến-cố đau-thương đã xảy ra đây.

Đi qua *xóm Robinson*, phong-cảnh y-nhiên, nhưng bóng người

Library HoangSa.Org

vắng tanh. Ngồi trong xe, hơi chột dạ. Biết đâu những địa-lôi của quân ta chôn đâu đấy không tàn-sát Phái-viên ta!

Về đến *Chợ*, chúng tôi trả ô-tô để đi giạo phố. Người ta trở về khá đông. Phố-xá đã mở lại. Chắc phần lớn là những người hoặc giúp Pháp hoặc không sợ tình-nghi mới dám trở về và mới được trở về trong lúc nầy. Tôi vào một tiệm hớt tóc. Trong khi chủ-nhân cắt tóc, tôi lân-la hỏi chuyện. Người ấy lập-tức biết tôi là nhân-viên Phái-đoàn Việt-nam. Y kể chuyện rằng:

«Tôi người Hà-nội, ở trong nầy đã lâu. Sau ngày cách-mạng, các người ở ủy-ban hành-chánh ở đây bất-lực, nhất là tụi Hà-tĩnh!»

Xong, vào một hiệu bán tạp-hóa. Chủ hàng phàn-nàn đã bị mất hết hàng-hóa, đã bị ta và Tây cướp hết. Y lại cho hay rằng những dân-cư Đà-lạt, khi bị quân Pháp đánh lên, nhiều người chạy xuống vùng Ba-lát (Phan-rang), bị chết rất nhiều.

Buổi chiều, *V. N. Giáp*, V. V. Hiền cùng tôi làm việc dự thảo các đề-án về việc Nam-bộ. Sau khi bàn-luận viết-lách lâu, chúng tôi ngồi nghỉ-ngơi. Tôi mới hỏi Giáp về tình-hình Nam-bộ. Giáp cho hay rằng: «Theo Thạch, thì tình-hình nay khả-quan. Nhân-dân hăng-hái cứu nước. Chỉ một số trưởng-giả bị Pháp lợi-dụng mà thôi. Về binh-bị, thì ban đầu, những lãnh-tụ các binh-đoàn ô-hợp chỉ biết tôn chủ-nghĩa anh-hùng, chiến-đấu hi-sinh như trong những trận chính-qui. Vì vậy đã bị tổn-thất chủ-lực nhiều, rồi sinh ra chán-nản thoái chí. Nay binh-đội biết theo kỉ-luật du-kích, cho nên quân Pháp không thể lập lại chính-quyền».

Giáp tỉ-tê nói chuyện rất thân-mật; ngỏ ý tiếc đã không biết chúng tôi sớm hơn. Tuy anh không nói ra, nhưng cũng đoán rằng những thành-kiến đối với «trí-thức» không đúng. Tôi nhân đó nhắc lại câu chuyện tâm-sự của Nguyễn Tường-Tam hôm trước và tỏ ý ngạc-nhiên trước sự anh em cách-mệnh Mác-xít hiềm-khích với đảng Quốc-dân. Tôi đã nói: «Cả hai đảng hi-sinh xương máu như nhau hồi 1930, 1931».

Giáp trả lời: «Nếu các anh Quốc-dân-đảng như Nguyễn Thái-Học còn thì sao chúng tôi lại không bái-phục. Nay thì khác, có người chỉ dựa tên Đảng, mà làm tay sai cho tụi Đế-quốc để diệt Mác-xít mà thôi. Với những phần-tử Quốc-dân-đảng ái-quốc, chúng tôi vui lòng hợp-tác...» Rồi Giáp thêm: «Quốc-gia như các anh, thì chúng tôi rất qui trọng. Chúng ta hợp-tác dễ-dàng».

✠

Library HoangSa.Org

Lại sang tuần khác. Đã đến 29 tháng tư, mà không có chỉ-thị gì mới. Sau khi về đến Hà-nội, mới biết rõ chuyện xung-đột kịch-liệt giữa lính Pháp và lính Trung-quốc ở bờ Hồ Hoàn-kiếm tại Hà-nội chiều ngày 28. Bấy giờ bộ-đội thuộc tướng *Lư Hán* còn đóng ở Hà-nội. Vì sự đụng chạm giữa xe nhà binh của Hoa và Pháp, các xe khác của đôi bên kéo tới; rồi hai bên bắn nhau dữ-dội, giết và hoại-thương nhiều quân-nhân cả hai bên. Trong vụ ấy quân-đội và cảnh-binh ta không can-thiệp. Nhưng chắc Chính-phủ đã chờ xem hậu-quả cuộc xung-đột ấy ra sao, cho nên đã không vội cho chỉ-thị họp Đại-thể hội-đồng trở lại. Tuy vậy vẫn tiến-hành soạn-sửa họp các Ủy-ban.

Sáng thứ hai ấy, ta trao cho Phái-bộ Pháp đề-nghị về việc Đại-diện Ngoại-giao, và phản-đề-án về việc Đình-chiến để đem ra bàn ở Đại-hội.

Ba giờ chiều, họp ủy-ban Tài-chính và Kinh-tế. Phái-viên ta chịu nhượng-bộ một vài điểm. Bên ta chịu để hàng-hóa và người qua lại tự-do trong các nước và qua biên-giới các nước Liên-bang. Ta cũng nhận sự cần có một cơ-quan chung về quan-thuế, và một cách độc-nhất đánh quan-thuế. Ben Pháp muốn kết-luận rằng ta đã chịu *Liên-hiệp quan-thuế*; nhưng ta cải-chính. Tuy vậy, Pháp mừng lắm về sự nhượng-bộ của ta, rồi vin vào đó để buộc ta đi vào lưới chế- độ *Liên-bang rộng*. Thấy phái-viên Pháp mừng, V. V. Hiền hơi chột dạ, sợ đã hớ. Nhưng khi về kiểm-điểm, thấy về Chính-trị ta không nhận điều gì có tính-cách Liên-bang.

Cũng chiều nầy, ta nhận được một khẩu-điệp [1] của tiểu-ban Quân-bị Pháp, chỉ gồm những đề-nghị thuộc địa-bàn trên vĩ-tuyến thứ 16, để tỏ ý rằng phần dưới nước Việt đã vào chủ-quyền Pháp rồi.

✠

Chiều tối hôm sau, là ngày thứ ba 30 tháng tư, Phái-đoàn Pháp trao lại thông-điệp trả lời đề-nghị về Ngoại-giao của ta, từ chối tất cả đề-nghị của ta. Họ vẫn giữ nguyên-tắc: Việt-nam chỉ có thủ-tục ngoại-giao trong khối Liên-hiệp Pháp, mà lại phải qua thủ-trưởng Liên-bang nữa. Cảm tưởng chung là tuy phải họp trở lại, nhưng chắc không thể thỏa-thuận được một điều gì.

Tâm-trạng ai nấy rất buồn. Nhưng cũng phải nén lòng dự các sự gặp-gỡ ngoại-giao.

---

1. *Note verbale :* văn-kiện trao đổi để báo ý trước, chưa định hẳn.

Library HoangSa.Org

Đại-tướng *Juin* từ Trung-quốc về Pháp, ghé thăm Đà-lạt. Ông đã được Chính-phủ Pháp phái đi Trùng-khánh để tỏ tình thân-thiện của hai nước, và thâm ý là cả hai sẽ đè lên lưng nước ta; như hơn sáu mươi năm trước. Chiều 30 tháng tư, Đại-tướng đến Đà-lạt, bèn mời nhân-viên hai Phái-đoàn đến để gặp trong một tiệc rượu. Khi chúng tôi tới, đã thấy rất đông người, trò chuyện ồn-ào. Đại-tướng người không cao, to bề ngang, nét mặt thô. Đã bị trọng thương ở tay phải, cho nên bắt tay bằng tay trái. Khi bắt tay chúng tôi, ông lại nghiêng mình rất kính-cẩn. Không biết có phải vì ông đã quen lễ ấy trong khi phải thù-tiếp với các nhân-vật Trung-quốc trong hai tuần vừa qua; hay vì bác-sĩ Luyện đã nghiêng mình khi bắt tay ông.

Tướng Salan giới-thiệu Giáp với Juin. Giáp cùng Juin nói chuyện khá lâu. Giáp phàn-nàn về sự vẫn đánh nhau ở Nam-bộ. Juin hứa rằng sẽ nói chuyện ấy với tướng Leclerc và sẽ có sự ngừng chiến; nhưng đó chỉ là lời lẽ-độ đưa đẩy mà thôi.

Trong buổi hội ấy, tôi gặp *P. Mus*, là một nhà khảo-cứu về văn-hóa Đông-phương nhiều và cũng là nhà chuyên-môn về xã-hội-học và làm cố-vấn tâm-lí cho Leclerc. Mus kể chuyện đã được Chính-phủ Pháp cho thả dù xuống Đông-dương trước ngày đảo-chính Nhật, và đã có ý tìm tới gặp tôi, có lẽ vì chuyện liên-lạc giữa tôi và tướng Mordant mà tôi đã kể trên kia. Nhưng bấy giờ sự ông ta nhảy dù xuống Đông-dương phải giữ rất kín đối với quân-đội Nhật, cho nên không có nhịp gặp người Việt-nam. Sau ngày mồng 9 tháng ba, ông ta lại trốn thoát ra ngoài. Nay lên đây để thay thế Gourou cầm đầu tiểu-ban Văn-hóa Pháp.

✠

Thứ tư, mồng một tháng năm, ngày lễ Lao-động của phần lớn thế-giới. Tại Đà-lạt cũng nghỉ họp. Nhưng riêng anh em đây cũng họp dự thảo các lời đáp đề-nghị Pháp về việc Ngoại-giao và về Khối Liên-hiệp Pháp.

Mười một giờ sáng, toàn bộ của Phái-đoàn ta họp ở phòng thường-trực để làm *lễ mồng một tháng năm*, chỉ trừ N.T. Tam còn ốm.

Trần Đăng-Khoa chủ-tọa ngồi đầu bàn. Hai bên tả hữu, ngồi dóng mặt nhau, có Giáp và tôi. Các phái-viên khác theo thứ-tự khi vào phòng, nối nhau ngồi thành hai dãy dài. Sau một phút mặc niệm đến những anh-hùng tử-sĩ đã hi-sinh cho nước, Giáp mở lời nhắc

Library HoangSa.Org

lại lai-lịch lễ *Mồng một tháng năm* ở nước ngoài và ở Việt-nam. Rằng: «Lễ ấy bắt đầu có ở nước Hoa-kì về thế-kỉ thứ mười chín. Ở nước ta, lễ ấy bắt đầu được cử năm 1929 tại Vinh; nhưng bị Chính-quyền Thực-dân đàn-áp. Đến năm 1937, mới chính-thức được tổ-chức ở Hà-nội. Đầu hết, đó là lễ của giai-cấp cần-lao; sau thành quốc-lễ của nhiều nước».

Rồi Giáp tỏ bày ý-kiến. Đại khái, anh nói cần phải thống-nhất về mọi phương-diện mới có thể củng-cố độc-lập. Cuối cùng kết-luận rằng: «Hội-nghị Đà-lạt sẽ có kết-quả hay. Lên đây chúng ta ở chung đụng cùng nhau, hiểu nhau hơn; cho nên sự đoàn-kết lại càng chặt-chẽ, Chắc khi về Hà-nội, sự hiểu nhau ấy sẽ có ảnh-hưởng lớn».

T. Đ. Khoa yêu-cầu cử-tọa phát-biểu ý-kiến. Tất cả ngồi im lặng khá lâu. Giáp bèn bảo tôi: «Anh Hãn nói trước».

Tôi phải đáp lời. Bèn đứng dậy, bắt đầu nói: «Chắc ai cũng nhận-xét như anh Giáp, và cũng hi-vọng như anh... Hôm nay, ta nên nhớ đến một người vắng mặt...» Nói đến đó tôi thấy cử-tọa ra vẻ hơi ngạc-nhiên, có lẽ đã nghĩ đến anh Tam vắng mặt, không biết chỉ vì còn ốm hay không muốn kỉ-niệm ngày mồng một tháng năm. Tôi nói tiếp: «Nên nhớ đến một người vắng mặt, anh Phạm Ngọc-Thạch» Trông mọi người đều đổi sắc mặt, nghiêm-nghị ngồi nghe. Tôi lại tiếp: «Anh Thạch đã tự mình lên được đến đây để nhập vào Phái-đoàn chính-thức của ta. Thế mà lại còn bị trục-xuất. Chúng ta ai mà không tức giận. Ngồi đây còn có một đại-biểu Nam-bộ khác, anh Dương Bạch-Mai. Chúng ta yêu-cầu anh nói một vài lời. Ít ra nữa, chúng ta sẽ được nghe giọng nói của đồng-bào Nam-bộ».

Thế rồi Mai đứng dậy, vung tay xoay mình diễn-thuyết một tràng dài về địa-vị và công-trạng giai-cấp Vô-sản. Anh cương-quyết kết-luận rằng: «Không ai được phỉ-báng và đẩy ra ngoài những người Vô-sản».

Không-khí khá nặng-nề, vì không ai nghĩ đến vấn-đề chính-trị đảng-phái, tuy rằng nhằm ngày mồng một tháng năm. Nhưng ai cũng đã hiểu biết rõ anh D. B. Mai, một tay cách-mạng bồng-bột, trung-thành, nồng-nàn, mà khi nói hăng thì lời dữ hơn bụng. Vì vậy, anh em ai cũng yêu ảnh. Cho đến các người Pháp đã quen không-khí Kháng-chiến trên đất Pháp, thường không giấu ý mến anh ta.

Đến phiên bác-sĩ Luyện đứng dậy bày tỏ những lẽ mà mình đã gia-nhập Mặt trận Việt-minh. Bác-sĩ nói: «Ấy vì tôi đã nhận xét, thấy

Library HoangSa.Org

chỉ quần-chúng mới chịu hi-sinh. Nhưng cũng không nên để Vô-sản dẫn đạo một mình. Đó cũng là bổn-phận của trí-thức...» Vì lẽ đó bác-sĩ kết-luận: «Chỉ có Dân-chủ là phải hơn hết».

Không hiểu vì sao bác-sĩ đã bày tỏ những ý-tưởng ấy. Có ý trả lời D. B. Mai chăng? Vốn thật, trong Phái-đoàn không ai nghĩ đến tranh-luận về chánh-trị. Những lời phát-biểu trên không làm hài lòng cử-tọa lắm; nhất là bác-sĩ Luyện lại nói ấp-úng, dây-dưa hồi lâu. Tôi phải nói lãng ra chuyện khác. Tôi đề-nghị tóm-tắt các công việc đã làm từ lúc lên Đà-lạt để mọi người nghe. Nhiều người vì bận, đã không theo dõi các buổi họp hằng ngày. Cuối cùng Giáp kể tình-hình trong Nam-bộ.

Chiều ngày ấy và cả ngày sau, mồng 2 tháng năm, không hội-họp gì. Chúng tôi cũng không ra ngoài, quây quần cùng nhau hoặc riêng rẽ nghĩ đến phiên họp Đại-hội ngày mồng ba. Phe Pháp đã trả lời không chấp nhận phản-đề-nghị của ta. Phái-đoàn ta bàn phải nhận đề-nghị của họ, nhưng sẽ thêm-thắt một vài điều.

✽

Thứ sáu, mồng 3 tháng 5. Sau chín ngày dừng họp Ủy-ban Chính-trị và Toàn-thể đại-hội, nay bắt đầu họp Đại-hội-đồng để thanh-toán vấn-đề Đình-chiến để có thể bàn đến các việc khác quan-trọng trong chương-trình nghị-sự. Phái-đoàn ta cũng hiểu rõ rằng kéo dài Hội-nghị cũng không đi đến đâu nữa, vì ý định lập Chính-phủ Liên-bang của Pháp rất cương-quyết và chỉ nhận thí cho Việt-nam một vài danh-hiệu trống không. Trái lại Phái-đoàn Pháp có lẽ tiên-đoán ta sẽ tấn-công dữ, nên cũng đã soạn sửa phản-công mãnh-liệt. Lại thêm có những sự bất ngờ sẽ sảy ra, nó sẽ làm phiên họp hôm nay náo nhiệt.

Bốn giờ chiều. Trời vừa mưa. Các phái-viên tề-tựu đông-đủ. Các nhà báo ngồi đợi, tò-mò; chúng ức-đoán sẽ có việc gì quan-trọng.

Đến phiên Nguyễn Tường-Tam chủ-tọa. Tam giảng lí-do phiên họp Đại-hội lần nầy; nhắc lại sự hai Phái-bộ không đồng ý với đề-nghị Đình-chiến của đối-phương, và cuối cùng Phái-đoán Pháp đã kiến-nghị xin hai Chính-phủ lập một ủy-ban ngoài Hội-nghị để nghiên-cứu vấn-đề Đình-chiến. Tam kết rằng: «Hôm nay họp là để Phái-đoàn Việt-nam trả lời kiến-nghị ấy».

Nhìn mặt các người Pháp trong phòng họp bấy giờ, thấy đều lầm-lì. Không-khí nặng-nề. Họ sợ hay mong ta chấm dứt Hội-nghị chăng? Họ sợ ta phản-công chăng?

Library HoangSa.Org

Max André đứng dậy, trịnh-trọng nói rằng: « Ba giờ trước lúc nầy, ông hội-đồng tư-vấn *Trần Văn-Thạch* vừa bị ám-sát tại Sài-gòn. Chúng tôi kính chào linh-hồn người quá-cố, người đã nối lại con đường bằng-hữu giữa Pháp và Việt; và chúng tôi mạt-sát những kẻ sát-nhân và những kẻ xui giục chúng ».

Không-khí phòng hội càng nặng-nề. Tin nầy có lẽ tất cả phái-viên ta bấy giờ mới hay. Ai cũng có vẻ ngạc-nhiên, nhưng cũng đều cúi gầm mặt. Riêng tôi, tôi đã biết T. V. Thạch nầy khi cùng ở nhà Học-xá Đông-dương tại Paris. Khi còn học Dược-khoa, ảnh đã nổi tiếng trong đám sinh-viên là một gã ăn chơi sang-trọng, nhưng học-hành cũng được tốt-nghiệp. Tôi không ngờ nay ảnh đã nhập vào nhóm bác-sĩ Thinh, để đến nỗi thiệt mạng.

D. B. Mai đứng dậy trả lời, với giọng rành-mạch, hùng-tráng, sỉ-mắng « những người bán nước ở Nam-bộ để kéo dài chiến-tranh ». Mai nói tiếp rằng: « Ở Nam-bộ, nước Pháp đang bị lừa-dối bởi những kẻ có tham-vọng đồ-sộ. Nhưng họp hôm nay là bởi Phái-đoàn Việt-nam muốn công việc Hội-nghị tiến-hành, và muốn tỏ lòng hợp-tác với nước Pháp. Vậy Phái-bộ Việt-nam nhận lời đề-nghị của Phái-đoàn Pháp đưa ngày 22 tháng tư; chỉ yêu cầu thêm vào ba điểm để làm thêm rõ-ràng: một là mỗi bên cử ba người vào Ủy-ban nghiên-cứu Đình-chiến; hai là sau khi Hội-nghị Đà-lạt giải-tán, ủy-ban ấy sẽ tiếp-tục làm việc ở Hà-nội hoặc ở Huế; ba là tại phiên họp đầu, Ủy-ban sẽ bàn về Đình-chiến ở Nam-bộ ».

Hội-nghị dừng tạm hai mươi phút để hai bên bàn riêng. Có phái-viên bên ta muốn, lúc vào hội trở lại, trả lời về việc Trần Văn-Thạch, và nên nói : Việt-gian bị giết là đáng. Tôi đáp : « Xin bàn về sự có nên trả lời hay không. Trả lời thì đã có anh Mai làm rồi. Đã chuyện Thạch trước, lại chuyện Thạch sau; ta nên lờ đi kẻo đối-phương dễ tuyên-truyền khiến ta khó nói ».

Khi trở vào hội, bên ta im lặng. Pignon nói Phái-đoàn Pháp ưng nhận những điểm thêm của ta, nhưng « nếu có việc khác cũng quan-trọng như vậy, thì cũng sẽ phải bàn liền ». Phe ta ưng thuận. Ai cũng tưởng về việc xung-đột nầy, như thế là tạm yên. Nhưng Pignon vẫn trách Chính-phủ ta để dân gây nhiều sự quấy rối, giết-gióc, phá-hoại. Giáp trả lời rằng : « Việc Đình-chiến đã thôi bàn ở đây, thì nó sẽ được đưa bàn giữa hai Chính-phủ và ở ủy-ban nghiên-cứu ».

Messmer giơ tay xin nói. Rằng: « Từ trước tôi không muốn can-

Library HoangSa.Org

thiệp vào việc bàn Đình-chiến ở Nam-bộ. Nhưng vì Giáp đã chọn vấn-đề ấy để tranh-thủ, thì tôi phải bàn và trả lời».

Nên để-ý đến cách xưng-hô của Messmer. Ông ta đã nói «Giáp» chứ không nói «ông Giáp». Ấy vì từ lúc lúc chúng tôi lên Đà-lạt, Messmer, với Bousquet đã làm thân với Giáp, bàn luận riêng với nhau nhiều, và có cử-chỉ đối với Giáp như bạn thân. Vả chăng, có lẽ Messmer trong thâm-tâm không đồng ý-kiến với Đề-đốc D'Argenlieu về vấn-đề Nam-bộ, chứng là ông đã có lúc trả lời ta rằng: ông không bàn đến vì phải tuân lệnh. Là một kháng nhân Pháp thành-thực có lẽ ông có cảm-tình với Giáp thực. Nhưng nếu có cảm-tình, thì hôm nay cảm-tình cũng hết rồi.

Messmer nói tiếp: «Đây là giấy má quan-trọng mà chúng tôi đã lượm được tại Nam-bộ. Tôi có cả hồ-sơ lớn, có cả nguyên-văn. Đây là dịch một vài bài. Về việc đốt kho thuốc súng [1], có giấy của chỉ-huy khu 7, Nguyễn Bình, đã ghi rằng «*một cảm-tử ta đã đốt được kho thuốc súng Sài-gòn*». Làm như thế, các anh không nghĩ đến các người sẽ bị nạn ở vùng lân-cận. Có lẽ các anh bảo rằng đó là việc xảy ra trước lúc họp Hội-nghị ở Đà-lạt. Nhưng đây là một mệnh-lệnh khác của chỉ-huy Nguyễn Bình nữa. Lệnh rằng: *Để ủng-hộ Hội-nghị Đà-lạt, có lệnh tổng tấn công*».

Giáp trả lời rằng: «Một là, nếu quân-đội Pháp không đình-chiến, thì quân Việt vẫn phải tự-vệ để bảo-tồn danh-dự và phải bắn trả lại. Nếu quân Việt-nam còn bắn, thì Pháp vẫn đánh lại. Như thế thì chỉ kéo dài sự khủng-bố dân, chứ binh-sĩ hai bên không thiệt-hại gì. Hai là về việc đốt kho thuốc đạn và lệnh tổng tấn-công để ủng-hộ Hội-nghị Đà-lạt, thì chúng tôi không được biết đến. Nhưng sở-dĩ có những việc ấy, là vì quân Pháp bắt đầu tàn-sát nhân-dân. Đây là một vài chứng cứ: trong những ngày 14, 15... tháng tư, máy bay Pháp ném bom giết năm mươi người và làm bị thương một số lớn người, đốt cháy nhiều nhà. Kể ra hết thì vô cùng! Vậy chúng tôi yêu-cầu ngừng hẳn đánh nhau.»

Max André dàn-xếp qua loa. Rồi N. T. Tam nói nên bàn sang mục thứ hai trong chương-trình nghị-sự hôm nay: trao đổi ý-kiến về các đề-nghị đã trao-đổi giữa hai Phái-bộ.

Như trên đã kể, trong khi chờ đợi họp buổi Đại-hội nầy, hai bên vẫn tiến-hành trao-đổi những đề-nghị Kinh-tế và Quân-sự. Về mục các tài-sản, kĩ-nghệ của Pháp hiện có ở đất Việt-nam, Pháp đã đề-nghị phải

1. Kho thuốc súng Sài-gòn bị đốt ngày 8-4, cách bấy giờ gần một tháng.

Library HoangSa.Org

để y nguyên tất cả. Ta đã phản-nghị rằng về một vài ngành cốt thiết cho sự sinh-hoạt của toàn dân thì chủ-nhân cũ phải nhường lại cho nhà nước ta.

Sau lời ôn-hòa của Tam, Bousquet lại đại tấn-công. Rằng: « Đề-nghị ngày mồng 2 tháng 5 của Phái-đoàn Việt-nam về các công-nghệ của Pháp làm cho Phái-đoàn Pháp rất ngạc-nhiên. Đó là một thủ-đoạn lược-đoạt (spolier). Từ bữa sang đây đến nay, chúng tôi gặp-gỡ một vài phái-viên Việt-nam một cách thân-mật. Chúng tôi đã không ngờ rồi có đề-nghị nầy. Các anh sẽ mất cảm-tình của một vài bạn các anh. Cũng thuộc lí-tưởng ấy, các anh đã chiếm-đoạt Viện Pasteur. »

Sự can-dự một cách hung-tợn của hai ông « bạn anh Giáp » làm tôi khá ngạc-nhiên. Họ đã thành-thực có cảm-tình với anh Giap mà nay thành thất-vọng nên đổi thân ra ghét chăng? Hay trước họ giả-dối lấy tình để nhử rồi nay lật rõ bản-tướng chăng? Tôi lại nghĩ: đối với dân Việt-nam, thì những người nầy là người mới, của nước « Pháp mới ». Chắc họ không có những thành-kiến xấu của những kẻ thực-dân bám hại dân ta từ trước. Vì vậy trong khi hoãn Hội nghị mười lăm phút, chúng tôi đã đoán rằng Phái-đoàn Pháp đã dùng một chiến-lược tranh-luận không đúng mức hôm nay mà thôi. Chắc họ tưởng rằng sau khi Hội-nghị sắp bí-tắc, thế nào ta cũng tấn-công dữ, cho nên họ đã cắt công việc cho những Phái-viên chính-trị can-trọng, từ Pháp gửi sang, ra phản-công kịch-liệt. Họ đem những sự-kiện rất bất-lợi cho thanh-thế ta để buộc tội ta đã dùng ám-sát, phá-hoại, lược-đoạt để phá Hội-nghị và cuộc điều-đình. Họ đưa ra những người mà họ coi là thân tả, để tỏ rằng các tả-đảng ở Pháp cũng mất cảm-tình đối với ta, và để bảo trước rằng đừng mong khi sang Pháp sẽ có các đảng ấy giúp nữa. Họ đã không đoán trước thái-độ rất ôn-hòa của Phái-bộ mình, thái-độ mà chúng tôi đã bàn định trước. Vì vậy, họ đã « bắn đại-bác quá xa! », theo lời bình-luận của anh em. Họ đã làm cho những người nhà báo ngồi nghe cũng ngạc-nhiên. Nghe nói có nhà báo Pháp đã nói hoặc viết rằng tụi trẻ kia đã giá-ngự, lung-lạc, trong khi tranh-luận, già-giặn như các cụ râu xồm đảng Cấp-tiến!

Trong khi nghỉ, chúng tôi lại cắt-đặt công việc ai trả lời câu nào. Sau khi tái-nhập Hội-đồng, Trịnh Văn-Bính mở đầu trả lời cho những câu buộc tội của Bousquet. Bính nói: « Chúng tôi lấy làm ngạc nhiên lúc nghe ông Bousquet nói đến chữ *spolier*. Chung tôi đã đọc đi đọc lại bài đề-nghị của chúng tôi, thì tuyệt-nhiên không thấy chỗ nào có thể làm

Library HoangSa.Org

Phái-đoàn Pháp có thể hiểu như vậy. Chúng tôi nghĩ rằng hoặc vì hai chữ *cession obligatoire* chăng? — nhường một cách bắt-buộc — Nếu đúng vì thế, thì xin hiểu câu ấy có nghĩa là *cession onéreuse obligatoire* — nhượng với bồi-thường nhưng bắt buộc — Nhưng thôi! Xin để Ủy-ban Kinh-tế sẽ bàn giải.»

Bousquet vẫn ra mặt giận-giữ, nói lúng-túng mấy câu: «... giao-kết như thịt với nỉa! — *entente entre le bifteak et la fourchette*... Đưa tao đồng-hồ của mầy rồi tao bảo giờ cho! — *donne ta montre et je te dirai l'heure*...» Nhưng rồi cũng chịu để sang phiên Ủy-ban Kinh-tế và Tài-chính sẽ bàn.

Tôi xin nói. Đầu tiên, tôi giải-thích về chuyện Viện Pasteur. Tôi nhắc lại đề-nghị của Phái-đoàn ta ở Ủy-ban Văn-hóa dự-định lập lại các Viện Pasteur ở lãnh-thổ Việt-nam, rồi tôi nói:

«Việc ông Bousquet đã đề-cập là việc Viện Pasteur Hà-nội. Việc ấy như sau. Ngôi nhà viện ấy, nguyên là của chính-quyền cũ ở Bắc-bộ cho viện thuê. Hiện nay về quyền sở-hữu ấy chưa giải-quyết. Vả Viện ấy đã bỏ giao-kèo làm thuốc. Vì vậy, chính-phủ Việt-nam đã phải tạm chiếm lấy Viện để tiếp-tục làm thuốc cho nhân-dân. Nhờ vậy, trong mùa dịch thiên-thời năm 1945, đã có đủ thuốc cứu dân cả Việt và Pháp ở Bắc-bộ.

«Vả sau mấy lời ông Bousquet đã nói, tôi phải xin bày tỏ ý nghĩ chung của Phái-bộ Việt-nam.

«Chúng tôi lên Đà-lạt cốt ý để rèn dây liên-lạc lâu dài nối Việt-nam và Pháp. Nhưng chúng tôi phải trọng sự tự-chủ của Việt-nam và bảo-toàn sự liên-hệ kinh-tế với Liên-bang Đông-dương. Chúng tôi đã mừng được gặp Phái-bộ Pháp gồm những vị thuộc phong-trào Kháng-chiến đã giải-phóng nước Pháp. Chúng tôi cũng đã từng mong gặp nhau sớm hơn, trong khi còn hòa-bình giữa chúng ta. Lên đến đây, chúng tôi những tưởng được làm việc trong bầu không-khí êm-đềm và lặng-lẽ. Những sự xảy ra tại Nam-bộ làm chúng tôi thất-vọng, và nhất là sau khi thấy Phái-bộ Pháp không thể bỏ qua những kĩ-xảo thủ-tục để tránh giải-quyết vấn-đề Đình-chiến, mà ai cũng coi là công-bình và nhân-đạo.

«Vì các lẽ ấy, Hội-nghị Đà-lạt khai mạc đã nửa tháng nay mà còn nằm trong bầu không-khí khó chịu, tuy nhờ sự nhã-nhặn của các Phái-viên Pháp đã làm nó bớt đi nhiều. Nhờ sự giao-thiệp giữa các cá-nhân, cho nên công việc điều-đình vẫn tiến-hành. Nhưng những đề-nghị Pháp đã không khỏi làm cho chúng tôi lo. Những điều yêu-sách về mọi phương-

Library HoangSa.Org

diện, Chính-trị, Kinh-tế, Quân-sự, cho cả đến Văn-hóa, sẽ tạo ra một cơ-quan nó sẽ *bóp chết sự tự-chủ* mà chúng tôi mới cứu-vãn lại.

« Phái-bộ Việt-nam đã tỏ thái-độ thân-thiện và hòa-giải. Chúng tôi đã nhận đề văn-hóa Pháp tự-do truyền-bá ở đất chúng tôi. Chúng tôi đã nhận nguyên-tắc hợp-nhất quan-thuế ; và tuy rằng chúng tôi lấy làm đau-đớn thấy kéo dài sự khổ-sở cho tất cả đồng-bào chúng tôi ở Nam bộ, chúng tôi cũng chỉ đành nhận « một Hội-đồng để khảo-cứu và đề-nghị những phương-pháp đình-chiến » mà thôi.

« Chúng tôi mong rằng Phái-đoàn Pháp hiểu chúng tôi.

« Ừ ! Chúng tôi cũng muốn đem quyền-lợi của một dân-tộc có hơn hai mươi triệu người và hơn một nghìn năm độc-lập, liên-kết với quyền-lợi của nước Pháp Mới. Nhưng chúng tôi không có quyền tiêu-hủy bản-lệnh quốc-gia của chúng tôi. Đây là một dân-tộc mới hồi-sinh và chỉ muốn sống. Chúng tôi quyết không có quyền tái-lập những điều-kiện làm cho nó có thể bị bóp nghẹt.

« Phái-đoàn Pháp có lẽ trách chúng tôi đa-nghi. Không phải thế đâu. Mặc dù những sự xảy ra ở Nam-bộ, chúng tôi cũng đã gắng gây một bầu không-khí tin nhau ; mà nếu không có nó, thì không hiệp-định nào có thể bền chặt, và tôi sợ, « Liên-hiệp Pháp-quốc » cũng không thể lâu dài. »

Tôi đã nói khá lâu, nói thong-thả, giọng trầm-trọng. Càng nói, tôi càng cảm-động, giọng lại càng trầm-trọng, có lúc như muốn tắt. Nhìn xuống cử-tọa, các Phái-viên Pháp và các nhà báo và các tùy-viên, phần lớn cúi đầu. Nguyên những lời suy-nghĩ trên, tôi đã soạn trước, vì tôi cảm thấy ý-chí Chính-quyền Pháp ở đây như hồi thuộc-địa trước, đã định phá-hủy quốc-gia Việt-nam để không khi nào tái-lập lại nữa, cho nên cãi-cọ những chi-tiết không thể đem đến đâu. Vậy tôi đã đề-nghị với anh em để tôi trình bày ý-nghĩ chung cho Phái-đoàn mà cũng là chung cho cả đồng-bào. Họ là sẽ có tiếng giội xa hơn cãi-cọ chi-tiết.

Không-khí sừng-sõ của Phái-đoàn Pháp ban đầu buổi họp đã tan. Max André trả lời hòa-nhã về ba điểm. Một là về việc Viện Pasteur thì ông khuyên nên giải-quyết cho xong. Ông kể rằng : « Trong hồi Paris bị chiếm đóng, người Đức vẫn kính-trọng Viện Pasteur, và mỗi lúc họ vào đó, họ cũng cầm mũ ở tay. Vậy nếu đem việc này ra quốc-tế dư-luận, thì chỉ thiệt cho Viet-nam ». Hai là « Kĩ-xảo thủ-tục », ông nói : « Nếu chỉ vì thủ-tục mà thôi, thì Phái-bộ Pháp có thể vượt qua khó-khăn được. Nhưng về đường thực-tiễn thì Phái-bộ Pháp không giải-quyết được ».

Library HoangSa.Org

Điểm thứ ba là câu « Cơ-quan bóp nghẹt bản-lệnh quốc-gia củaViệt-nam » thì ông nói rằng cơ quan ấy sẽ không bóp nhẹt, nhưng nó cũng không phải chỉ có tính-cách kinh-tế mà thôi.

Nguyễn Mạnh-Tường trả lời Max André về việc Viện Pasteur, trên lập-trường pháp-luật quốc-tế; rồi kết rằng: « Nếu đem chuyện ra dư-luận quốc-tế, thì chúng tôi cũng không sợ thiệt đến thanh-danh », Pignon chêm vào rằng: « Người Pháp đã không làm việc được ở Viện lúc ấy, thì lỗi tại ai? » Tường trả lời: « Đừng quên rằng lúc quân Nhật mới đảo Chính-quyền thuộc-địa ».

Max André thấy phe Pháp thất lí trong việc nầy, bèn nói: « Chúng ta nên nghĩ đến tương-lai. Thôi ! bỏ qua quá-khứ » Rồi đề-nghị với Tam bế-mạc Đại-hội. Mọi người đứng dậy ra về. Trong không-khí cởi mở ồn-ào, có viên giáo-sư Davée, tùy-viên báo-chí Pháp lại gần tôi và ân-cần nói: « Tôi hiểu ông lắm. Tôi chắc nhiều đồng-bào chúng tôi cũng hiểu ». Pignon và Torel cũng cùng lại bắt tay tôi. Pignon bảo: « Ông đã nói rất hay ! » Torel nói: « Ông đã nói giản-dị nhưng rất cảm-động ». Hai ông nầy là hai viên cố-vấn chính-trị của Cao-ủy và là những nhân-viên cao-cấp trong ngành cai-trị thuộc-địa. Lời khen của họ nghe ra không phải lời sáo, vì không gì bắt-buộc họ phải nói. Sự ấy làm tôi mát lòng vì tưởng đã đạt mục-đích ít nhiều; nhất là khi ra qua cửa phòng Hội-nghị, tướng Salan ngực ưỡn, mắt xanh lạnh ngắt, mà cũng kều bàn tay tôi, nắm nhẹ và bảo khẻ: « Chúng tôi hiểu ông ».

Tôi thì tự thấy trong người khá mệt, về phòng, kiểm-điểm, thấy phiên Đại-hội lần nầy rất khó cho ta, nhưng các Phái-viên ta đã làm tròn bổn-phận và trả lời cũng đúng mức. Tuy những dấu cảm-tình của một vài người Pháp làm bớt bực-bội, nhưng chúng tôi đều hiểu rằng nếu không có b nh-lực và tinh-thần đồng-nhất chống cự chính-sách tàm-thực của Thực-dân, thì lời nói chỉ trò suông. Vì vậy Võ Nguyên-Giáp cảm thấy mình cần có mặt ở Hà-nội hơn ở đây. Anh đã ra vẻ tư-lự đăm-đăm và đang liệu cách cáo về như Gourou đã đi và Max André cũng sắp rút lui.

✠

Ngày hôm sau, thứ bảy mồng 4 tháng 5, nghỉ họp, để soạn-sửa sự hội-họp quan-trọng về tất cả những vấn-đề Chính-trị, Kinh-tế, Tài-chánh và Quân-sự, làm sao cho xong cuối tuần sau. Cuối cùng Giáp phải ở lại.

Library HoangSa.Org

Buổi sáng, ngồi thong-thả, tôi ôn lại những chuyện cũ của mình. Nhớ lại ba năm trước đây, trong vụ hè năm 1943, tôi đã lên đây dạy khoa Toán-học cho một số sinh-viên, phần đông người Pháp, dự-bị thi vào lớp võ-bị Saint Cyr. Hồi ấy là hồi phồn-thịnh bực nhất cho đô-thị Đà-lạt. Không những đô-đốc Decoux thích trương thế oai-vệ để gây ấn-tượng cho người Nhật và dân ta, mà các viên-chức cao-cấp Pháp lúc bấy giờ không thể hưu hoặc nghỉ ở Pháp, đều lên Đà-lạt. Tuy vật-liệu hiếm, mà nhà cửa đang xây-cất nhiều, và xây bằng những kiểu đẹp. Lúc bấy giờ có người Pháp hài-hước đã gọi Đà-lạt là một « Nghĩa địa Voi » — *Cimetière des Eléphants* — vì có truyền tưởng rằng những voi khi về già, ốm thì tới một nơi độc-nhất vắng vẻ để chết tại đó. Ở Âu-châu, quân Mĩ đã đổ bộ lên đất Ý, và thống-soái Badoglio đã đầu hàng. Các nước bị Đức Ý chiếm đã có cơ được giải-phóng. Ở đây, dư-luận thầm kín lao-nhao. Người Pháp bắt đầu đã hí-hững, còn người Việt, thì vẫn bị công-an chính-trị thực-dân đè-áp ; và về đời sống, phải cung-cấp cho hai bộ-đội và hai nhóm ngoại-nhân : Pháp và Nhật. Lúc bây giờ, tôi có ghi tâm-sự trong một bài Đường-luật :

Nhìn xem thế-cuộc rối tơi-bời
Đà-lạt, ta nào có nghỉ-ngơi
Giảng dạy công toi gà ấp vịt
Tri-trô chuyện hão vẹt đua người
Lên cao mới thấy trời trong-trẻo
Hưởng mát càng thương chốn nắng-nôi
Hoa suối, Thông rừng, thôi nín trách !
Đợi ngày thong-thả trở lên chơi

Năm nay, đã trở lên Đà-lạt nhưng với trường-hợp khác hẳn, và bi-đát hơn nhiều. Cho nên, khi khuây việc, tôi lại nối mấy vần *Cảm khái* :

« Thông rừng, Hoa suối, nhớ ta không ?
Lỗi hẹn cùng nhau luống ngại-ngùng
Non nước còn vương cơn bối-rối
Tâm tình đâu đến lúc thung-dung
Chào Hoa luống sợ Hoa cười gượng
Ngắm Núi dường e Núi lạnh-lùng
Tấc lưỡi giờ đem đền nợ nước
Khúc mừng mong có lúc ca chung »

Mà cảnh đô-thị Đà-lạt thì đẹp thật, đối với những người quen

Library HoangSa.Org

với cảnh đồng bằng thán-thán, thì cảnh-tượng bày ra trước mắt, khi ngồi trong phòng cao khách-sạn trông ra, thật vừa xinh, vừa êm, vừa biến-thái. Trông gần thì hồ bày bên đồi cỏ, nhà cửa ẩn nấp trong những lùm cây; trông xa thì những dãy núi cao thấp kéo vòng quanh, thỉnh-thoảng mầu lục lại xen rừng thông xanh thẳm. Lối đi đất đỏ quanh hồ rồi ngoắt-ngoéo trườn lên đồi cỏ lục chung quanh. Tôi lắm lúc ngồi lâu, thu hình ảnh nước non vào ảo mộng.

✽

Bữa cơm tối xong, tôi sang phòng *Vũ Văn-Hiền*, ngồi xem buổi Hiền «khảo thi» *bác-sĩ Luyện*. Các việc tài-chính tỉ-mỉ sắp phải đem ra bàn ở Ủy-ban trong tuần tới. Hai bên đã trao đổi đề-nghị. Phái-viên ta, theo lệ, tìm-kiếm lí-lẽ của đối-phương rồi tìm cách đối-phó của mình. Như tôi đã nói trên, anh em lại chia nhau làm địch, làm thân, mà «tập trận»; đứng giữa lại có trọng-tài. Không-khí làm việc rất vui, vì nhiều khi vừa đóng tuồng vừa làm việc. Mang danh sai-sứ, mà sống với nhau như một nhóm sinh-viên, âu-yếm nô-đùa.

Tối hôm ấy, V. V. Hiền, bác-sĩ Luyện và T. V. Bính đang soạn-sửa về vấn-đề tiền-tệ. Pháp đã đề-nghị đồng bạc Đông-dương chung, ta phản-nghị sẽ có thêm nội-tệ, theo Hiệp-định sơ-bộ. Hiền đóng vai Pháp để tìm bịa đặt câu hỏi của phe Pháp. Luyện đóng vai ta, tìm câu trả lời.

Trong bộ quần-áo ngủ lụa mỏng, ngoài còn khoác thêm áo gi-lê, vì trời khá lạnh, Hiền mình béo ồn-ẻn, hình dáng như một nhà tài-chính kếch-xù xoay ra nghề bán thịt lợn quay! Ảnh ngồi, hoặc nói cho đúng thì ảnh nằm ngữa trong chiếc ghế bành, hai chân co xếp lên trên ghế. Tay cầm xấp giấy chép những điểm đề-nghị của Pháp về Tiền-tệ. Trước mặt Hiền, Luyện đứng, mặt tròn như trăng rằm, có mấy làn mây đen bôi vệt: đó là hai đường mày và râu. Tóc lung-tung, mắt trương-trập, miệng ấp-úng, đầu nghiêng đi nghẻo lại. Bác-sĩ đang bị Hiền hỏi vặn. Về người ông trịnh-trọng với cuống mắt thâm, ăn mặc quần-áo chỉnh-tề. Nhưng ông đã hóa ra một cậu học trò, học bài tuy thuộc, nhưng đang trả lời lúng-túng trước một lão quan trường tò-mò thóc-mách.

Hiền bắt chước dọng nói của Gonon, một phái-viên chuyên-môn kinh-tế và tài-chánh Pháp, mà hỏi dồn rằng: «Về việc các anh đề-nghị có hai đồng bạc khác nhau cùng xài, thì theo luật GRESHAM, rồi sẽ ra sao?» Gresham là một nhà tài-chính Anh, đã nổi tiếng vào thế-kỉ thứ 16; y đã xướng ra định-luật tài-chính bất-hủ nói rằng: *tiền-tệ xấu đuổi*

Library HoangSa.Org

tiền-tệ tốt. Nghĩa là nếu trong một xứ và trong một lúc dùng hai tiền-tệ, ví-dụ đồng-bạc thật và đồng bạc giấy, thì người ta cất giấu tiền-tệ tốt mà chỉ xài tiền-tệ xấu mà thôi; vậy trên thị-trường hình như tiền-tệ xấu đã trục-xuất tiền-tệ tốt.

Luyện trả lời: « Chưa biết đồng nào xấu, đồng nào tốt ».

Hiền: « Nhưng cả hai đồng cùng lưu-hành hay sao? »

Luyện: Rất dễ trả lời... »

Hiền: « Trả lời đi! »

Luyện: « Không! Chúng tôi đã có cách chỉ để một đồng lưu-hành trong xứ mà thôi ».

Ý Luyện muốn nói để một đồng, đồng bạc Việt-nam lưu-hành trong nước mà thôi; còn đồng bạc Đông-dương thì dùng vào ngoại-thương. Hiền càng hỏi vặn, thì Luyện càng nói rằng rất dễ trả lời, mà ông càng lúng-túng, cồ càng nghẻo đi nghẻo lại.

Bính, trọng-tài ngồi bên cạnh; ăn bận rất chỉnh-tề, áo màu đen, quần đen sọc dọc, trông như các vị đại lí-tài; mày rậm, mắt to, làm bộ rất nghiêm. Nhưng cuối cùng, Bính không khỏi nhe răng trắng, bưng miệng mà cười. Tôi đứng nghe cũng không thể nào nín cười được. Rồi cả chúng tôi đều cười rinh. Luyện phải phân-trần rằng đã bị lúng-túng vì Hiền hỏi gấp quá! Bác-sĩ Luyện là một người khá tự-ái, nhưng rất thành-thật đối với người rất nồng-hậu. Vì làm thuốc giỏi, gia-tư khá. Ông đã từng khuyến-khích những nhà tài tử, như họa-sĩ, văn-sĩ. Nghe nói Nhóm *Phong-hóa, Tự-lực Văn-đoàn* lúc ban đầu được ông giúp-rập; và về sau, khi những nhóm chính-trị xã-hội được công-khai, ông cũng đã cụ-thể ủng-hộ. Sau ngày khởi chiến-tranh Việt-Pháp ở Hà-nội, ngày 19 tháng chạp 1946, viên quản ngục Hỏa-lò ở Hà-nội báo cho chúng tôi bị giam-giữ ở đó, hay rằng hai cha con bác-sĩ đã bị bắn chết, vì có làn đạn từ trong nhà ông, ở cạnh sở Mật-thám và Hỏa-lò, bắn ra ngoài...

✠

Trong anh em phái-bộ, bây giờ *Nguyễn Tường-Tam* đứng địa-vị rất khó. Danh là Bộ-trưởng Ngoại-giao cầm đầu phái-bộ điều-đình. Nếu phải nhượng-bộ những điều mà từ trước trong đảng mình đã gọi là việc bán nước của Việt-minh thì đồ-đảng không theo; nếu phải dùng cản-lực để che-chở độc-lập, thì đảng mình lẻ-loi; mà nếu muốn bám vào sức quần-chúng thì phải tranh-thủ với Mặt-trận Việt-minh, như

Library HoangSa.Org

thế cũng không làm được. Vì thế, tuy ra Hội-trường, ảnh làm trọn phận-sự, nhưng ảnh ít dự vào những sự soạn bàn. Có hôm tôi sang thăm ảnh đang bị ốm. Tôi nói đến chuyện chính-trị, thì ảnh nói: «Những việc Chính-trị, thôi để các anh làm. Còn tôi thì về văn-hóa mà thôi».

Hôm nay, ảnh ốm đã khỏi. Mặt gầy, trán cao, mắt lõ. Chút râu trên mép chìa ra trước làm cho cằm càng kéo lại sau. Tôi lại thăm ảnh. Sau khi trò chuyện về chính-trị, Tam nói:

«Tôi có câu chuyện triết-lí. Lúc ban chiều, tôi ngồi một mình uống trà. Một con thiêu-thân đớp tới, hút dọt nước đường; trông bộ khoái lắm, quắp râu nầy rồi quắp râu kia. Thình-lình có một con nhện nhảy tới vồ thiêu-thân.»

Tam lại tự hỏi: «Vì có điều gì mà nhện lại ăn thiêu-thân, chứ không cùng thiêu-thân uống nước đường!?»

Tôi ngồi lặng nghe, nhưng không dám hỏi ảnh đã nghĩ đến sự đảng-tranh hay đến sự Việt Pháp tương-tranh.

Tam lại kể chuyện rằng:

«Khi tôi đau, nằm trong giường, dưới chăn, có lúc co một chân; đầu gối đội chăn lên, trông như núi Fuji ở Nhật. Co chân kia nữa, lại thành hai núi. Rồi dựng bàn chân lên, thành ba núi. Hút thuốc hà hơi, trông thật như mây tỏa trên ngọn núi.»

Ảnh đang nằm trong giường, bèn tái-diễn thực-hiện câu chuyện trên kia: núi Phú-sĩ, cửa Thiên-môn, núi Ba vì, mây cuốn la-đà. Con mắt mệt mỏi của anh đã theo cơn mộng. Tôi phải nghĩ ảnh nhiều trí tưởng-tượng mà thật là nhà thơ.

Ảnh thường cũng hay nói khôi-hài, một cách ngỗ-nghĩnh. Một hôm tôi đến thăm bệnh-tình. Thấy có mấy anh em Phái-đoàn ngồi nói chuyện bông-đùa. Rồi trở sang chuyện binh-bị: Tam điềm-đạm thong-thả lí-luận, rằng:

«Muốn mạnh, phải có súng. Muốn có súng, phải có tiền. Bây giờ ta không có tiền, thì phải làm bạc giả. Như vậy thì lôi-thôi. Chi bằng... làm súng giả!

«Vậy ra sắc-lệnh: Mỗi nhà phải sắm vài cây súng giả».

Cử-tọa cười ồ, mà ảnh chỉ cười hơi hơi trên cặp môi thâm.

Câu chuyện ngỗ-nghĩnh ấy thật đúng với trào-phúng trong báo

Library HoangSa.Org

Phong-hóa ngày xưa. Trong trường-hợp bây giờ, ảnh đưa làm vui nhưng cũng mỉa-mai lắm. Nghe những câu chuyện của ảnh, tôi đã hiểu, một phần nào sự xung-khắc giữa những người Mác-xít với ảnh.

✠

Trưa thứ bảy mồng 4 tháng 5 ấy, nhân Max André về Pháp để ứng-cử quốc-hội, Phái-đoàn ta đãi tiệc Phái-đoàn Pháp để đáp bữa mời khi mới tới Đà-lạt. Đặt bàn dài trong phòng khách khách-sạn Hoa-viên (Hotel du Parc). Bữa cơm dọn món Việt-nam. Món chả-dò rất được hoan-nghênh. Các Phái-viên Việt, Pháp, ngồi xen nhau : tôi ngồi giữa tướng Salan và kĩ-sư cau-cống Bourgoin. Đôi b n nói chuyện ồn-ào và rất vui-vẻ. Nhóm các anh Tam Giáp ngồi giữa với Max André, Messmer bông đùa cười ồn rất hồn-nhiên. Thấy quang cảnh không ai đoán những người trong cuộc đã vật lộn hăng trong hội-trường và biết đâu, nếu Hội-nghị thất-bại, sẽ thành những kẻ cừu-địch.

Ngày hôm sau, chủ-nhật mồng 5 tháng 5, là ngày dân Pháp bỏ phiếu trưng-cầu dân ý về hiến-pháp của nước Pháp Mới. Ở Pháp, dư-luận đang sôi nổi giằng co. Chính vì không đồng ý với Quốc-hội hiến-pháp mà tướng De Gaule đã từ chức Thủ-tướng từ ngày 20 tháng giêng. Trong tiệc, các Phái-viên Pháp nói chuyện về việc trưng-cầu dân ý ấy rất nhiều. Không hiểu ai bắt đầu, mà nhiều đại-biểu Pháp đã nói lớn mình sẽ bỏ phiếu ra sao. Max André nói sẽ bỏ phiếu MRP, Messmer nói sẽ bỏ phiếu Xã-hội vì tin tưởng, Salan cũng nói bỏ phiếu Xã-hội và tin-tưởng và vì kỉ-luật. Không ai nói bỏ phiếu Cộng-sản. Nhiều người bỏ phiếu Xã-hội. Sự ấy không lạ gì. Bấy giờ đảng Xã-hội mạnh nhất ở Pháp. Thủ-tướng Gouin ở Paris thuộc đảng ấy.

Khi gần xong tiệc, Tam đứng dậy nói mấy câu chúc Max André về, đi đường bình-yên, và về Pháp sẽ được trúng cử. Ai cũng hân-hoan ; nếu không thành-thực thì cũng vì xã-giao. Max André mở miệng trả lời. Sau một câu ngắn-ngủi cảm ơn, ông bắt sang chuyện điều-đình, rồi nói :

« Những người đã xui giục giết Trần Văn-Thạch là kẻ sát-nhân. Phái-đoàn Việt-nam chớ có ảo-vọng về sự điều-đình ở đây nữa. Nước Pháp đã nhường nhiều. Nước Pháp bây giờ không phải là nước Pháp thời Munich đâu... »

Ai nghe cũng sững-sốt. Trong bữa tiệc mà mình là khách, là chủ-tịch của một Phái-bộ đại-biểu một nước có tiếng thanh-nhã như nước

Library HoangSa.Org

Pháp, sao lại có cử-chỉ ngôn-ngữ lạ-lùng như thế ? Phái-viên Việt-nam tức-tối, nghẹn-ngào, nhưng cũng làm ngơ nói sang chuyện khác. Chúng tôi cũng biết rằng Max André là người thân-tín của các đại tư-bản thực-dân, đảng-viên đảng MRP, đại-diện của bộ-trưởng Ngoại-giao Bidault rất bảo-thủ về chính-trị và rất có óc thực-dân. Tuy bên Pháp, đảng Cộng-sản tham-dự chính-quyền, nhưng họ cũng chẳng rộng-rãi gì hơn phái bảo-thủ. Mà chính những người đồng-chí trong chính-phủ Việt-nam cũng đã biết phải tự liệu lấy, chứ không mong gì họ giúp. Nhưng bấy giờ trong nội-bộ chính-phủ Pháp, thủ-tướng Gouin đang xung-đột với các bộ-trưởng Cộng-sản. Dưới áp-lực của viện-trợ Mĩ, ông đang ép họ phải từ chức. Phái-viên Pháp biết rõ những điều ấy, cho nên Max André mới có thái-độ như trên.

Sáng hôm sau, chủ-nhật mồng 6 tháng 5, có cuộc họp riêng. Max André trao cho Giáp một bức thư đề chuyển cho cụ Chủ-tịch Việt-nam. Bức thư là một tuyên-ngôn với dọng trịch-thượng tột bực. Thư rằng:

« *Nước Pháp Mới không tìm cách đô-hộ Đông-dương, nhưng nhất quyết có mặt tại đó. Không cho rằng công-cuộc của mình ở đó đã xong. Không chịu từ bỏ nhiệm-vụ văn-hóa của mình. Tự thầm rằng chỉ có mình là có thể đảm-bảo sự kích-thích, sự điều-hòa về kĩ-thuật, kinh-tế, ngoại-giao và phòng-thủ. Cuối cùng, bảo-vệ quyền-lợi tinh-thần và vật-chất của những dân nước mình.*

« *Làm các việc nầy mà vẫn kính-trọng hoàn-toàn bản-lệnh quốc-gia và với sự hiệp-tác cần-mẫn và hiếu-hữu của dân Đông-dương.* »

Đà-lạt ngày mồng 5 tháng tư (có lẽ tháng 5) 1946
Kí tên : MAX ANDRÉ

✽

Nguyên Pháp-văn :

La France Nouvelle ne cherche pas à dominer l'Indochine.

Mais elle entend y demeurer présente. Elle ne considère pas son œuvre comme terminée. Elle refuse d'abdiquer sa mission culturelle. Elle estime qu'elle seule est en mesure d'assurer l'impulsion et la coordination de la technique et de l'économie, de la diplomatie et de la défense.

Enfin elle sauvegardera les intérêts moraux et matériels de ses nationaux.

Tout ceci, dans le plein respect de la personalité nationale et avec la participation active et amicale des peuples indochinois

Dalat le 5 Avril (sic) 1946
MAX ANDRÉ

Library HoangSa.Org

Tuần cuối hội-nghị Đà-lạt bắt đầu từ ngày mồng 6 tháng 5. Trong tuần phải bàn qua hầu hết các điểm lớn đã nêu ra từ đầu. Ủy-ban chính-trị, thứ hai bàn về Ngoại-giao, thứ tư bàn về Liên-hiệp Pháp, thứ sáu về Liên-bang Đông-dương và ngày cuối, thứ bảy, 11 tháng 5, thì bàn về dân Thiểu-số và vấn-đề Trưng-cầu dân-ý. Còn hai ngày, thứ ba mồng 7 và thứ năm mồng 9, thì dành cho Ủy-ban Quân-sự và Ủy-ban Tài-chính và Kinh-tế.

Việc Đình-chiến đã bị gạt ra, các phiên-họp nầy đều tiếp tục êm-đềm hơn, chỉ trừ hôm cuối. Những lập-trường hai bên vẫn giữ khác hẳn. Chung-qui chỉ đều là những buổi đấu-khẩu giằng-giai cho đến lúc hai chủ-tịch ban kí nhận « *đồng ý về những điểm không đồng ý* » mà thôi.

Về Kinh-tế và Tài-chính, Hiền, Luyện, Bính bàn cãi rất hăng. Nhưng tôi không dự buổi họp nầy, cho nên tôi không ghi gì vào sổ tay.

Về buổi họp Ủy-ban Quân-sự, [1] vẫn như mọi lần, phần lớn là một buổi hội-đàm giữa Giáp và Salan. Thỉnh-thoảng Tạ Quang-Bửu xen vào ít câu. Về nội-dung, không tiến được bước nào lớn, ngoài sự nước Pháp sẽ huấn-luyện, trang-bị quân-đội Việt-nam. Nhưng ý của Phái-đoàn Pháp là các việc ấy sẽ làm qua Liên-bang Đông-dương. Về các cứ-điểm trên vĩ-tuyến thứ 16 thì có thể thỏa-thuận. Còn ở dưới vĩ-tuyến ấy, thì Salan không chịu nói đến.

Những điểm chính-trị là quan-hệ hơn hết. Họp ba hôm mà cũng phải bỏ qua nhiều vấn-đề. Phái-đoàn Pháp đã cố ý để vấn-đề Trưng-cầu dân-ý về Thống-nhất vào cuối cùng, hoặc họ mong không có thời-giờ bàn lâu tới; hoặc họ biết thế nào Hội-nghị cũng bị tan vỡ nếu đem điểm ấy ra sớm hơn.

Vấn-đề *Ngoại-giao* được đem bàn ngày mồng 6 tháng 5. Là một buổi đấu-khẩu giữa Clarac và Nguyễn Mạnh-Tường, thỉnh-thoảng có Pignon và Hiền xen vào một ít. Clarac bình-phẩm dài về đề nghị ta. Tóm tắt đã nói rằng: « Các anh đòi độc-lập hoàn-toàn. Nhưng đừng quên rằng Hiệp-định mồng 6 tháng 3 không có tính-cách quốc-tế, bởi vì nước Pháp đã được quyền trở lại đây, mà nước Pháp chỉ nhận lời nhường lại cho Việt-nam một ít quyền mà thôi: đó là quyền tự-trị. Vả Liên-bang Đông-dương là một *Liên-bang chính-trị*, chứ không phải Liên-bang Kinh-tế. Ấy vì hai phần-tử kí-ước — parties contractantes — là hai quốc-gia, tức là hai cá-nhân chính-trị, cho nên Liên-bang ấy là chính-trị. Nếu Việt-nam được có chính-trị ngoại-giao riêng, thì nó làm hỗn-loạn ngoại-giao của Liên-hiệp Pháp... Tuy chính-phủ Việt-nam đã vận-động để các nước ngoài nhận, nhưng chưa ai nhận cả. »

Library HoangSa.Org

Clarac đã ngụ ý đến bức điện mà chính-phủ ta đã gửi cho Tổng-thống Mĩ báo tin Hiệp-ước mồng 6 tháng 3 và yêu-cầu Mĩ nhận Việt-nam là một nước tự-do. Tôi còn nhớ rằng trước lúc có Hiệp-định ấy, đài Phát-thanh Mĩ đã truyền lơi tuyên-bố của thứ — quoc-vụ-khanh Hoa-kì[1], bằng tiếng Pháp, rằng: *Les Etats-Unis ne mettent pas en question les droits de la France en Indochine* (Hoa-kì không chối cãi gì đến quyền của Pháp tại Đông-dương). Vì vậy Chính-phủ ta gửi bức điện nầy để bảo rằng Việt-nam cũng là một nước.

Sau nửa giờ nghỉ, Mạnh-Tường trả lời Clarac. Tóm-tắt rằng: « Hiệp-định mồng 6 tháng 3 có tính-cách quốc-tế, vì là một quy-ước giữa *hai nước tự-do*. Sự các nước chưa nhận Việt-nam không làm cho Việt-nam không có tính-cách quốc-tế. Còn nói rằng vì hai quốc-gia, cá-nhân chính-trị, kí nhận Liên-bang thì Liên-bang phải là chính-trị, như vậy thật là vô-lí. Nếu đúng như thế, thì hai quốc-gia kí với nhau một hiệp-ước kinh-tế, hiệp-ước ấy sẽ biến ra chính-trị hay sao? Còn việc Liên-hiệp không phải vì vào Liên-hiệp mà Việt-nam mất quyền ngoại-giao. Còn có những nước khác cũng ở trong Liên-hiệp khác, mà vẫn có ngoại-giao.

« Sự cốt yếu là làm cho ngoại-giao hai bên đi đ i cùng nhau. Khi Việt-nam đã có ngoại-giao rồi, thì có thể dung-hòa với ngoại-giao Pháp... Bây giờ chúng ta như hai trai gái sắp cưới nhau mà vẫn cãi nhau. Cuối cùng, chàng trai lại bắt cô gái mang cái « đai bảo-trinh » hay sao!? »

Các phái-viên Pháp cười ngất-nga ngất-nghẻo. Clarac đáp lại lúng-túng một vài câu.

✠

Ngày mồng 8 tháng 5 họp bàn về vấn-đề *Liên-hiệp Pháp*, mà ngày hôm trước cuộc trưng-cầu dân-ý ở Pháp đã không nhận Hiến pháp mà Quốc-hội Lập-hiến đã soạn, ưng-thuận và trình-bày. Dự-án Hiến-pháp vừa bị bãi bỏ, tất-nhiên gồm Hiến-chương Liên-hiệp Pháp. Vậy thật ra không ai biết Liên-hiệp Pháp là gì. Chính-quyền Pháp đã phái D'Arcy thay thế Max André. Trong buổi họp nầy, D'Arcy đã can-thiệp nhiều và trình-bày Liên-hiệp Pháp theo Hiến-chương vừa bị thôi-từ: « Liên-hiệp Pháp sẽ gồm các nước thuộc-địa và bảo-hộ cũ, có Hội-đồng tối cao Liên-hiệp là Hội-đồng thứ hai của nước Pháp. Nước Pháp có cao-ủy đại-diện ở các Nước ».

1. Hình như tên là Vincent.

Library HoangSa.Org

M. Tường chỉ nhận tính-cách liên-lạc quốc-tế giữa Pháp và Việt-nam, tuy Việt-nam vào Liên-hiệp, vì có hiệp-định giữa hai nước tự-do. Messmer trả lời rằng sự liên-lạc ấy chỉ có tính-cách hiến-pháp tức là nội-qui. Tường nói Việt-nam chỉ nhận Liên-hiệp văn-hóa, kinh-tế và binh-bị mà thôi.

D'Arcy nêu ra những nguyên-tắc của Liên-hiệp: trọng nhân-quyền, phụ-nữ-quyền, cá-nhân-quyền. Bousquet nhấn mạnh về vấn-đề cố-vấn và kĩ-thuật-gia dùng trong các nước Liên-hiệp. Cần đến những người nầy thì phải nhận người Pháp trước. Messmer thêm: nhất là những cố-vấn quân-sự. Giáp nhận nguyên-tắc, nhưng nói: «Việt-nam có quyền từ-chối và chọn lọc, và nếu Pháp không có người đảm-đang được thì có thể dùng người ngoài». Phái-viên ta kết-luận rằng Việt-nam không chịu vào một Liên-hiệp tiên-tạo, và có quyền dự-bàn hiến-chương Liên-hiệp ấy.

✠

Vấn-đề Liên-bang Đông-dương là vấn-đề then-chốt của Phái-đoàn Pháp. Qua Liên-bang, chính-quyền thực-dân Pháp sẽ quản-trị Đông-dương như xưa, với một vị Toàn-quyền đổi tên ra Cao-ủy, và các công-chức chuyên-môn cao-cấp họp thành một thứ nội-các Liên-bang chỉ gồm những quốc-vụ-khanh không trách-nhiệm chính-trị, và chỉ trách-nhiệm trước Cao-ủy. Sẽ có một Hội-đồng Liên-bang, nhưng Cao-ủy không có trách-nhiệm trước Hội-đồng. Torel cho biết rằng Cao-ủy không làm chủ-tịch Hội-đồng. Chủ-tịch sẽ được bầu bởi Hội-viên. Những Hội-viên sẽ chọn thế nào thì không rõ, nhưng dẫu sao thì cũng chỉ có trách-nhiệm biểu quyết về ngân-sách, pháp luật của Cao-ủy lập ra, nghĩa là chỉ có trách-nhiệm cố-vấn mà thôi.

Phái-đoàn ta đã tỏ rõ ý từ đầu rằng không nhận một Liên-bang chính-trị, và chỉ nhận một Liên-bang Kinh-tế mà thôi. Bourgoin trả lời rằng trong hoàn-cầu, không có thứ Liên-bang như vậy. Muốn làm cho ta bớt sợ, ông lại bảo rằng Liên-bang không có Chính-phủ; chỉ có những vụ-trưởng mà thôi, chứ không có bộ-trưởng.

Chúng tôi nghĩ rằng Liên-bang như vậy lại còn chật hơn một Liên-bang chính-trị trong đó chỉ có dân trong nước Liên-bang dự quyền. Liên-bang nầy chỉ là một Liên-bang hành-chính trong đó người cầm hành-chính lại không phụ-thuộc Liên-bang. Cãi-cọ cũng vô-ích. Và thời-giờ còn rất ít, mà chúng tôi muốn bàn cãi về vấn-đề Thống-nhất

Library HoangSa.Org

một cách rộng-rãi. Tôi bèn nói rằng chúng tôi chỉ đặt một số câu hỏi để chính-xác một vài điểm, rồi báo-cáo lên Chính-phủ. Còn sự bàn-luận thì để Hội-đồng Paris.

Trong mục Liên-bang, Phái-đoàn Pháp còn nêu một điểm rất sâu-hiểm là vấn-đề bảo-vệ những dân Thiểu-số, nghĩa là về thực-tế, là sự quản-trị vùng Thượng Tây-nguyên ở Trung-bộ và cả các vùng cao bọc Trung-du Bắc-bộ. Nhưng không còn thời-giờ, họ đề-nghị để lại hôm sau.

✠

Hôm sau, thứ bảy, 11 tháng 5, là ngày cuối-cùng của Hội-nghị Đà-lạt. Cũng là ngày mà Phái-đoàn Pháp chịu nhận đem vấn-đề *Thống-nhất Ba kì* ra Hội-nghị. Ta đã thấy Chính-phủ Pháp không chịu để Việt-nam độc-lập. Còn về vấn-đề Thống-nhất thì sao? Chúng tôi đã biết rằng Chính-phủ Pháp vẫn giữ bí-thuật Thực-dân « *chia để mà trị* », mà họ đã dùng, nhất là ở trên đất Việt-nam. Nhưng chúng tôi cũng cố gắng đánh thức những người mê-muội và những kẻ vong-bản phiêu-lưu phụng-sự chính-sách Thực-dân ấy.

Từ tám giờ sáng chúng tôi đã hẹn nhau sớm tới ở phòng làm việc tại Khách-sạn Hoa-viên để bàn riêng, cắt công-việc trước lúc vào hội. Hồ Hữu-Tường, Nguyễn Mạnh-Tường, Nguyễn Văn-Huyên và tôi bàn đề-nghị để các Phái-viên gốc Nam-bộ, H. H. Tường và D. B. Mai can-thiệp nhiều và bảo tôi, là phụ-trách tiểu-ban Chính-trị, nói cuối cùng. Nguyên, khi thảo đề-nghị về vấn-đề Trưng-cầu dân-ý, tôi đã bàn với các anh em rằng: « Mình phải nghĩ đến sự thực-hiện. Mà thực-hiện thì Nam-bộ bị người Pháp chiếm-cứ với một binh-lực khá mạnh, cho nên họ dễ lung-lạc mà dùng nhóm Nam-kì tự-trị. Trong bọn người nầy, tất-nhiên có tụi Việt-gian vì lợi riêng mà làm tay sai, nhưng cũng có những phần-tử hoặc sợ Cách-mạng vì tài-sản, vì tính-mệnh, hoặc đã bị những hành-động quá-khích của Cách-mạng khi khởi đầu làm tổn-thương đến người thân, ruột thịt người ta. Chính cụ Chủ-tịch cũng đã nói: con dân một nước có người tốt người không, *như bàn tay có ngón ngắn ngón dài*. Vậy ta nên đề-nghị một phương-sách trưng-cầu mà tất cả có thể nhận được. Vậy ta đề-nghị rằng cuộc Trưng-cầu dân ý sẽ tổ-chức ở Nam-bộ bởi một cơ-quan hành-chánh lâm-thời gồm ba mươi người Việt-nam. Chính-phủ Việt-nam chỉ cử mười người, Chính-quyền Pháp cử mười người. Còn mười người nữa thì cử theo thỏa-thuận của hai bên ».

Library HoangSa.Org

Phái-đoàn ta đã bằng lòng đề-nghị ấy, mà ta đã trao cho Phái-đoàn Pháp.

Chín giờ rưỡi, bắt đầu họp. Buổi họp nầy là buổi cuối, trước Đại-hội Bế-mạc tối nay. Các đại-biểu Pháp sắp được về Sài-gòn hay Paris, đều vui-vẻ. Vả chăng đối với họ, sự dự Hội-nghị Đà-lạt chỉ là một sai-dịch đặc-biệt trong đời công-chức của một nước lớn mà thôi. Còn tất cả Phái-viên ta thì nét mặt tư-lự, khổ-tâm vì thấy sự điều-đình đã thất-bại hoàn-toàn, và chính hôm nay, sự thất-bại về vấn-đề Thống-nhất sẽ làm đau-đớn nhất.

Messmer chủ-tọa buổi họp, ngồi ghế giữa cuối phòng khá rộng. Tôi ngồi đối diện đầu phòng, Giáp ngồi sát phía phải tôi. Các Phái-viên Việt-nam ngồi thành dãy dài phía phải tôi, và đối với phía cửa vào. Còn các Phái-viên Pháp ngồi đối-diện với dãy Phái-viên ta. Các cố-vấn và những bàng-quan hôm cuối tới khá đông.

Messmer nói: «Hôm nay đem bàn hai vấn-đề: *Dân Thiểu-số* và *Trưng-cầu dân-ý*».

Một viên công-sứ cũ đứng dậy giảng-giải lâu vấn-đề dân nào là thiểu-số, có phong-tục riêng, không thuộc Việt-nam. Nước Pháp phải bảo-hộ che-chở. Trong khi bàn chuyện với người Pháp hôm qua, tôi đã rõ thâm-ý của Cao-ủy là tách phần-đất Tây-nguyên thành một nước riêng trực-thuộc nước Pháp, để dành cho sự thực-dân của Pháp. Với nước Tây-kì ấy, nước Pháp có một chân trong Liên-bang. Trước chiến-tranh, chánh-quyền Đông-dương cũng đã hạn-chế sự di dân Việt lên vùng ấy.

Tôi đoán ý Phái-đoàn Pháp đem việc nầy ra, một mặt thì tuyên-truyền mạnh để biện chứng cần có Chính-quyền Pháp ở Đông-dương, một mặt thì để làm hết thời-giờ buổi hội, khiến không bàn gì được về vấn-đề Trưng-cầu dân-ý. Vì vậy tôi không xin tạm dừng họp để bàn với anh em, và trả lời lập-tức rằng: «Chúng tôi đã rõ ý của Phái-đoàn Pháp. Chúng tôi sẽ đem trình Chính-phủ. Hội-nghị Paris sẽ bàn lại».

Không ngờ rằng các anh em không hiểu ý. Đang hăng máu vì những lời rất khó nghe của chuyên-viên Pháp, Giáp nói: «Việc ấy là việc nội-trị của chúng tôi. Chính-phủ đã có chương-trình và đã thi-hành chương-trình chính-trị ấy.»

Nhân thế, các Phái-viên Pháp lần-lượt đứng dậy tấn-công. Bourgoin nói rằng: «Việc nầy là bổn-phận của nước Pháp. Nước Pháp có trách-nhiệm trước mặt hoàn-cầu.»

Library HoangSa.Org

Rồi Torel, Bousquet cũng nói hùa vào. Cho đến Ner là một người dự-thính cũng can-thiệp trực-tiếp. Giáo-sư Ner, thạc-sĩ triết-học, đã có lên ở xứ Thượng trong một thời-gian để nghiên-cứu về xã-hội-học. Ner bảo: « Việt-nam cũng phải nhận có cuộc Trưng-cầu dân-ý riêng về các dân Thiểu-số. »

Giáp càng tức, càng hăng, muốn trả lời thêm. Tôi phải biên mảnh giấy nhỏ đẩy sang, Giáp mới thôi. Tôi nói: « Xin để trả lời tại Paris. Nay ta hãy bàn sang điểm Trưng-cầu dân-ý ».

– Messmer nói xin dừng một lúc để đợi đánh máy cho xong lời đáp của Phái-đoàn Pháp về điểm cuối nầy. Mười giờ rưỡi, ủy-ban họp trở lại. Torel đọc lời đáp ấy, khinh-miệt cái hoài-vọng thiên-nhiên của dân-tộc ta, một cách không thể tưởng-tượng. Đại ý rằng:

« *Nước Việt-nam không phải gồm ba xứ. Thành-phần nó là tùy theo kết-quả của cuộc Trưng-cầu dân-ý.*

Cuộc Trưng-cầu dân-ý sẽ chỉ tổ-chức ở Trung-kì và Nam-kì.

Chính-phủ Việt-nam không được dự vào chính-trị của hai xứ ấy trước khi kết-quả cuộc Trưng-cầu dân-ý ấy thuận.

Phái-bộ Việt-nam không có quyền bàn gì đến nội-trị các xứ ấy.

Nước Pháp sẽ tổ-chức cuộc Trưng-cầu dân-ý và sẽ rất công-bằng. »

Tôi xin hoãn buổi họp nửa giờ. Anh em họp riêng trong phòng nhỏ. Uất-khí lên đầy cổ, trước câu « *Vous n'avez rien à dire sur cette question* — Các anh không có điều gì được nói trong vấn-đề nầy » của một Phái-viên Pháp làm nhiều anh tức cực-điểm. Nếu cãi nhau liền, thì có lẽ đến to tiếng. Chúng tôi bàn nên bình-tĩnh trả lời, miễn là tỏ được quyết-tâm của toàn dân mong-mỏi thống-nhất, tỏ cho nước Pháp rằng họ đang đi lầm đường, và báo cho những phần đồng-bào phải sống dưới Chính-quyền Thực-dân, tiếng gọi thiên-liêng của Tổ-quốc.

Phái-đoàn ta dự-định, sau khi vào, các đại-biểu Nam-bộ nói trước, các Phái-viên khác tùy tiện trả lời những lẽ mà phe Pháp sẽ đưa ra, và dành tôi kết-luận.

Khi vào hội lại, trong phòng im lặng lạ-thường. Dương Bạch-Mai đứng dậy. Khác hẳn mọi khi, anh thong-thả cất tiếng nói, nhẹ-nhàng, trầm-tĩnh, nhưng rất buồn rầu. Tôi tiếc đã không chép lại trong sổ tay những câu tuyên-bố của các người trong phiên họp cuối cùng nầy, vì buổi chiều và buổi tối hôm ấy còn họp hai lần, và phải soạn-sửa để ngày sau rời Đà-lạt.

Library HoangSa.Org

Nhưng tôi còn ghi qua rằng Mai đã nói rằng Việt-nam gồm ba kì, kể lại lịch-sử khai-thác Nam-trung-bộ và Nam-bộ, lịch-sử thống-nhất dân-tộc Việt, và vạch thiềm-ý của chính-sách Thực-dân đã chiếm và chia rẽ đất nước ra làm ba để ngự-trị. Rằng sau ngày giải-phóng, dân Nam-bộ đã tỏ lòng cương-quyết thà chết hơn mất độc-lập và thống-nhất.

Pignon đem chuyện Hội-đồng Tư-vấn Nam-bộ không chịu nhận điểm *Thống-nhất Ba kì* và đánh điện cho Sainteny về chuyện ấy; lại nói đến đề-nghị của bác-sĩ Thinh. Rồi ông kết-luận rằng: « Vấn-đề Thống-nhất Ba kì rõ-ràng không phải là một vấn-đề hành-chánh, mà thật là một vấn-đề Chính-trị. »

Giáp trả lời. Ý là Việt-nam vốn chia đất ra ba kì để tiện việc cai-trị. Vậy nay hợp lại chỉ là một vấn-đề cai-trị, nghĩa là hành-chánh.

Messmer nói rằng một nước phải gồm những người cùng sống chung. Nếu có kẻ không muốn, thì chỉ có cách hỏi ý-kiến họ. Rồi Hiền, rồi Bousquet, đem các lời-lẽ pháp-lí chọi nhau để tỏ ai có quyền tổ-chức cuộc trưng-cầu dân-ý.

Về vấn-đề Nam-bộ, Giáp đã có câu « *Nếu Nam-bộ mất thì dân Việt-nam chiến-đấu cho đến khi đòi lại được* ». Mạnh-Tường đã có câu « *Nam bộ là thịt của thịt chúng tôi, máu của máu chúng tôi* » mà sau nầy nhiều người đã dùng làm biểu ngữ. Huyên có câu có lẽ thâm-trầm hơn, là « *Không phải Nam-bộ là của Việt-nam, mà là Việt-nam là của Nam-bộ.* » Sau cuộc cãi nhau hồi lâu, không-khí rất là nghiêm-trọng. Các phái-viên Việt đều tức-giận, xót-xa. Tôi xin nói để kết-luận. Tôi nói khá dài, thật ra thì tôi đã gắng đọc một bài tuyên-ngôn soạn sẵn, mà tôi tiếc đã mất nguyên-văn. Tôi cảm-động cho nên đọc khó ra lời. Tôi nhắc lại sự nhẫn-nhục của Phái-đoàn Việt-nam để tìm một giải-pháp công-bình cho mọi phe về vấn-đề then-chốt của vận-mệnh nước mình, và vạch rõ sự nhẫn-tâm của Thực-dân dùng hết mọi cách để ngăn cản anh em một nhà xum-họp.

Nhìn xuống phòng, thấy các hội-viên đôi bên đều cúi mặt, như bị bầu không-khí nặng nề đè nén trên đầu. Phút chốc Hồ Hữu-Tường đứng dậy, hai mắt đỏ ngầu, đi vòng quanh các ghế, qua trước bàn tôi. Ai cũng nhìn theo đến lúc anh ra cửa. Giáp ngồi bên cạnh tôi cãy-cựa, coi chừng không thể nín giận được nữa. Bèn đứng phắt dậy, ôm cái cặp nặng, đi chóng ra cửa, trước mặt tất cả Hội-viên sững-sốt. Khi ra khỏi cửa rồi, ảnh đóng cửa cái sầm!

Library HoangSa.Org

Trong khi các Phái-viên ta lần-lượt bỏ Hội-phòng, tôi phải dừng đọc. Tôi thấy thoáng qua cái tương-lai không những đen tối, mà còn rất bi-thảm cho sự giao-thiệp Việt Pháp. Cái tiếng đóng cửa sầm của Giáp có đánh thức lòng mê-muội của những người có cao-kiến đến chính-trị Liên-hiệp Pháp không? Còn đối với tôi, thì đó là tiếng sấm đầu-tiên trong cơn giông-tố nó sẽ lôi-cuốn dân Việt vào một cuộc chiến-tranh bắt-buộc để giành Độc-lập và Thống-nhất cho Tổ-quốc. Những hình hàng vạn nhà tan, hàng triệu dân chết hiện thoáng qua mắt mờ vì cảm-động.

Nhưng tôi phải cố gắng đọc rõ mấy câu kết-luận :

« Nếu Nam-bộ bị bão-lực phải chia lìa với Tổ-quốc, thì dân Việt đời đời sẽ tranh-đấu để nối lại. Ý nước Pháp có lẽ muốn dùng việc Nam-bộ để làm một cái « định-ung » — *abcès de fixation*, nghĩa là một cái nhọt mà y-khoa đã cố-ý gây ra tại một chỗ nào trên mình bệnh-nhân, để giồn nọc bệnh vào đó, kẻo nó xâm chỗ khác — Nhưng hãy coi chừng ! Với sự tranh-đấu không dừng của dân-tộc Việt-nam, cái định-ung sẽ hóa ra nhọt thối thịt, nó ăn lan tràn, làm mục nát khối Liên-hiệp Pháp.

« Mặc dầu những kẻ, vì ghét một người hay một chủ-nghĩa, mà phản-bội xứ-sở mình, Nam-bộ không chóng thì chầy, sẽ trở về trong lòng Tổ-quốc. [1] »

Tôi nói xong, mọi người đứng dậy ra phòng, không ai nhìn ai, không ai nói chuyện với ai. Tôi không biết ý nghĩ của các thính-giả Pháp ra sao. Hình như họ đã cố bưng-bít cái buổi họp cảm-kích thương-tâm nầy, nhưng họ cũng thấy rằng vấn-đề Nam-bộ sẽ là khối nặng buộc chân, mà nước Pháp phải kéo lê lâu-dài.

✠

Phái-viên ta ai nấy về phòng mình nghỉ-ngơi một chốc cho nguôi cơn cảm-kích. Xuống ăn cơm trưa rồi ra phố xem có gì Hà-nội hiếm có thể sắm mang về. Cuối cùng mỗi người mua được một đôi dép cao-su ! Hai mươi tờ giấy bạc Đông-dương một trăm đồng còn nguyên, sẽ được mang về nộp Chính-phủ.

Bốn giờ chiều, anh em Phái-đoàn họp riêng để kiểm-điểm công-tác đã làm.

---

1. Nguyên văn : Malgré ceux qui, pour avoir haï un homme ou une idéologie, trahissent leur pays, le Nam bộ reviendra au sein de notre Mère-Patrie.

Library HoangSa.Org

Nguyễn Tường-Tam nói:

«Tuy Hội-nghị Đà-lạt đã không đem đến một sự thỏa-thuận nào giữa Việt-nam và Pháp, nhưng đã có một kết-quả tốt là đã đoàn-kết tất cả anh em chúng mình, như đã hứa cùng Chính-phủ trước khi lên Đà-lạt. Sáng nay, Đà-lạt đã thấy một cảnh-tượng đáng ghi: từ anh Cọng-sản đến kẻ Quốc-gia, cùng rơi lụy trước sự sợ mất một mảnh đất nước nhà.

«Lịch-sử đi đến chỗ đoàn-kết có ba thời-kì: Bắt đầu đánh nhau; đó là thời-kì đau-đớn; sau đến thời-kì đoàn-kết gượng để thành-lập một Chính-phủ đoàn-kết; cuối-cùng là thời-kì đoàn-kết tự-do, không ai bắt-buộc.

«Chúng ta phải đoàn-kết. Các người phụ-trách có thể làm cho đoàn-kết mà không làm thì có tội. Chúng ta phải hẹn cùng nhau đoàn-kết trong một giai-đoạn ít ra cũng mười năm...»

Võ Nguyên-Giáp nối lời:

«Đảng Cọng-sản và Mặt trận Việt-minh cũng chủ-trương toàn dân đoàn-kết. Trong một hội-nghị Việt-minh, đã có đề-nghị giúp Quốc-dân-đảng lập lại và mở rộng để có thể lôi-cuốn tất cả toàn dân.»

Giáp và Tam hứa-hẹn cùng nhau rằng sau khi về sẽ giải-thích cho đảng-phái mình sự ấy. Giáp đã tin rằng mình sẽ đem hết tâm-lực làm việc ấy và sẽ lượm được kết-quả.

Giáp kết-luận rằng: «Ngoài các đảng-phái, anh em khác cũng phải đoàn-kết. Ngoại-giao phải làm từ gốc-rễ.»

Tam lại kiểm-điểm thái-độ chung của Phái-đoàn. Rằng: «Chúng ta đã theo đúng chỉ-thị của Chính-phủ, là phải găng nhưng không đứt, là gạt bỏ những vấn-đề bất-hợp ý-nguyện mình, chứ không làm liên-can đến Chính-phủ».

Riêng tôi xét thì cá-nhân Tam và Giáp bấy-giờ rất thành-tâm muốn bắt tay nhau thật-thà mà làm việc. Qua ba tuần tiếp-xúc với Phái-đoàn Pháp, ai cũng thấy rõ rằng vận-mệnh nước ta nay chỉ còn mong ở sự kháng-cự của dân-ta và nhất là của Chính-quyền ta. Những người Mác-xít ta có lúc tưởng rằng với thắng-thế của hai đảng Xã-hội và Cọng-sản Pháp sau khi Đức thua, nước Pháp sẽ thả Việt-nam nếu ta cũng đồng chí-hướng. Bây giờ họ cũng đã thấy rằng những cuộc điều-đình hoặc ở Hà-nội, hoặc ở Đà-lạt đều đã tiến-triển với Chính-phủ gồm các đảng ấy ở Pháp. Những đảng ấy tuy đông, nhưng không cản nổi, hoặc

Library HoangSa.Org

không muốn cản những nhóm Thực-dân dùng võ-lực để chia-xẻ nước ta ra nhiều mảnh, cắt xẻo những phần cốt-yếu về phòng-thủ và kinh-tế để dần-dần tiêu-tán hoàn-toàn cái quốc-gia Việt-nam, dùng một nhóm người vong-bản để nô-lệ hóa nhân-dân. Vì đều thấy rõ sự ấy, cho nên trước cái họa diệt-vong, Tam và Giáp đã thấy ý-tưởng Đảng là nhẹ mà ý-tưởng Quốc-gia là nặng. Tôi những tâm-nguyện các anh giữ được chí-hướng ấy lâu dài.

Với những ý-nghĩ ấy, tôi cùng tất-cả Phái-đoàn vào dự phiên họp Đại-hội-đồng bế-mạc lúc bảy giờ rưỡi tối.

Bourgoin chủ-tọa, nói tóm-tắt mấy lời, một phần nào tả sự thực. Rằng:

« Hội-nghị đã làm cho hai bên biết rõ lập-trường của đối-phương. Những vấn-đề đều được nêu ra rõ-ràng chính-xác. Những đề-nghị của Pháp đã tôn-trọng sự tự-do dân-chủ của Việt-nam. Cả hai bên đã không mà-cả điểm nào cả... »

Tam trả lời cũng vắn-tắt: « Trước hết cảm-ơn Phái-đoàn Pháp đã tiếp đãi trong thời-gian Hội-nghị. Phái-đoàn Việt-nam cũng đồng ý rằng hai bên tỏ rõ lập-trường nhau và không mà-cả. Những đề-nghị Việt-nam là vừa muốn liên-hiệp với Pháp vừa bảo-vệ sự tự-do của mình. Sự định-đoạt sẽ dành cho Hội-nghị Paris. »

Thế là xong Hội-nghị Đà-lạt. Hơn ba tuần tranh đấu. Phái-viên Pháp có lẽ coi như là một cuộc vừa nghỉ vừa làm việc. Còn Phái-viên ta thì coi đó là cuộc bảo-vệ sự sinh-tồn cho dân-tộc và cho cá-nhân mình. Tối ấy, ngủ đêm cuối cùng ở Đà-lạt, mà không chắc gì còn có thể trở lại ngắm cái cảnh xinh-đẹp của trung-tâm miền Thượng nầy.

✠

Rạng ngày sau, chủ-nhật 12 tháng 5, ô-tô Pháp đem Phái-bộ đi đến sân bay Có lẽ tiễn-tống gì không, tôi không ghi gì lại. Có lẽ chuyến về rất sơ-sài giản-dĩ.

Chín giờ bốn mươi, tàu bay cất cánh, bay thẳng về Bắc. Tàu bay đi chuyến nầy cửa mờ kín, nên khó trông ra ngoài. Anh em có lấy một số báo ở phòng Báo-chí mang về. Ngồi trong tàu, chia nhau đọc cho khuây.

Từ mười hai giờ, hình như trông thấy biển mù xanh. Máy bay bay cao, trông xuống thấy nhiều đám mây trắng nhỏ trôi dưới.

Library HoangSa.Org

Cù Huy-Cận, người nhỏ tuổi nhất, tính rất vui; pha trò làm anh em đỡ buồn. Cận ra câu đối:

Việc nước mười hai ông phái-bộ

Có anh hỏi: «Câu đối như thế thì khó ở đâu?»

Cận bảo là câu đối tức-cảnh và có ghép những tiếng *mười hai* và tiếng *nước*. Tôi phải giải-thích thêm cho các anh không hiểu rằng: «Tục-ngữ có câu: *phận con gái, mười hai bến nước*. Mười hai bến trỏ ý cách xa nhau; đây trỏ ý con gái đi lấy chồng phải lìa nhà mình, làng mình».

Có anh đối đùa rằng: «*Đợi nhà, ba bảy ả K. T.*». K. T. là xóm Khâm-thiên, ngày trước là xóm cô đầu ở Hà-nội. Cận bẻ rằng còn thiếu phần ghép chữ. Tôi cũng đùa theo, xin chữa ra:

«*Đêm mai ba bảy ả K.T.*»

và giải-thích với vế Kiều: «*Quả mai ba bảy đang vừa*», trỏ con gái đến tuổi kén chồng.

Đại-loại, các thơ đùa cũng đã làm trò vui cho quên cái buồn cái mệt đã tích trong mình trong hơn ba tuần lễ. Cận làm thơ *Vô đề* dùng tên hoặc đặc-điểm gì của một vài phái-viên:

Đà-lạt hoa kia biết nói cười
TƯỜNG nam, TƯỜNG bắc, biết theo ai
Trưởng đoàn, đoan trưởng đều cao cả
Thang một làm sao bắc cả hai

Đoan-trưởng là Trịnh Văn-Bính giám-đốc vụ quan-thuế. Trưởng-đoàn là Nguyễn Tường-Tam. Hai người nầy đều cao. Thơ chẳng có nghĩa gì, nhưng bạn đồng-hành vẫn họa chơi. Tôi cũng có họa:

Đà-lạt hoa em mới ngậm cười
Theo làng KHOA, GIÁP chứ theo ai
HOÈ MAI vẫy ngọn cao khôn với
TAM cấp thang đành bước được hai

Thấy các thơ họa cũng vô-duyên như thơ xướng. Tôi mới đem bài thơ, mà tôi đã làm một hôm nghỉ họp trên Đà-lạt, ra cho các anh em xem, rồi mời họa, hoặc làm thơ ghi cảm-tưởng hay tình-tứ. Thế là các anh em ngồi im lặng được khá lâu. Hoè, Cận, Hiền có thơ họa đưa tôi xem. Tôi tiếc đã không chép lại. Tôi đã chỉ ghi lời bình-phẩm: Hoè thơ già-giẵn, Cận lời bóng-bẫy, Hiền chịu khó nhưng chưa quen làm thơ.

Library HoangSa.Org

Rồi các hành-nhân dần-dần ngủ gà ngủ gật. Tiếng chong-chóng tàu như sấm bão, làm cho không nghe người ngồi bên cạnh nói. Cửa sổ gương mờ, chỉ có một lỗ nhỏ ở giữa. Phải ghé mắt gần sát mới thấy mây, đất, núi sông. Gió lọt qua khe hở thổi lạnh cả lưng. Trong lúc tai không bưng mà điếc, mắt không bịt mà mù, tôi chỉ còn cách nhìn quanh trong tàu mà ngắm các anh em : anh ngủ ngon-lành, anh đọc nhật-trình, anh ra vẻ mơ-màng, anh ra dáng mệt mỏi. Lại có bốn anh quay quần đánh bài ở phía sau tàu.

Trong khoảng không-gian chật hẹp ấy, mà tôi thoắt thấy như đang cô-quạnh ở chốn thanh-u. Mơ-màng nhớ cảnh núi hồ Đà-lạt, ngẫm lại những lúc cảm-kích vì phải nghe những lời đối-phương lấn-ép, phải nỗ-lực lấy lẽ phải luận bàn. Tôi nhẩm nghĩ một bài *hát nói* để ghi lại cảnh-vật và tâm-tình.

Bài hát HỘI-NGHỊ ĐÀ-LẠT ấy như sau :

Núi Đà-lạt xa quanh mình uốn-éo
Lững-lưng đồi, ai khéo vẽ rừng thông
Mặt hồ xanh, mây bạc bóng gương lồng
Trên cỏ lục, lối hồng đang uốn khúc
Ngắm cảnh tay người, thêm tấm-tức
Gẫm mình việc nước vẫn đeo-đai !
Giữ non sông, thao lược đã không tài
Nêu sứ-mệnh, một vài câu biện-luận
Thấy lẽ mạnh ép hèn, sôi-nổi giận
Tuốt gươm thù, toan quyết trận phong ba.
Nhớ ra... đã có nghị hòa !

Làm xong, tôi viết vào giấy, rồi trao cho Cận ngồi bên cạnh xem. Cận ngâm-nga lầm-nhầm ; rồi nhà thi-sĩ tặng tôi một câu bình-phẩm : *le poète n'est pas celui qu'on pense* — thi-sĩ không phải kẻ mà người ta tưởng. Lời tán thầm là quá, nhưng đó là lời của một bạn văn thông-cảm với người « *một hội một thuyền* ». Hai nụ cười hóm-hỉnh của Tạ Quang-Bửu khi đọc về « Gẫm mình việc nước vẫn đeo-đai » và về cuối, tỏ rằng ảnh đã hiểu thấu tâm-lí tôi, và khiến tôi thêm cảm-động.

Máy bay đã tiến gần về đất Bắc. Có lúc, bay thấp xuống, để thấy bờ biển, sông núi ; đoán chừng vào chặng Nghệ-an. Rồi dần dần vào thiên-phận Nam-định, Hà-nam. Phía tây thấy dãy núi lèn Nam-công, Hương-tích. Tàu càng xuống thấp. Nầy núi Đọi, nầy sông Châu-cầu. Rồi núi Tam-đảo đã hiện đầu chân trời.

Library HoangSa.Org

Máy bay hạ cánh xuống Gia-lâm. Bây giờ mới một giờ rưỡi, ngày chủ-nhật 12 tháng 5. Phái-đoàn về đến Hà-nội, anh em chia tay nhau sau khi hẹn ngày hôm sau lại họp để phục-mệnh với Chính-phủ.

✠

Mười giờ sáng hôm sau, ngày 13, các phái-viên tề-tựu đến dinh Chủ-tịch. Có đủ mặt các bộ-trưởng.

Nguyễn Tường-Tam nói: «Phái-bộ xin ra mắt Chính-phủ»

Cụ Chủ-tịch: «Hoan-nghênh Phái-bộ Hội-nghị Trù-bị. Tuy kết-quả chưa đủ, nhưng Phái-bộ đã làm cho nước Pháp và Ngoại-quốc biết rõ rằng người nước ta biết tranh-đấu, biết công-tác và biết đoàn-kết...»

Tam báo-cáo về tính-cách của công-tác Phái-đoàn. Đại-cương, có những ý sau nầy:

— Tranh-đấu gắng, thì lúc nào cũng gắng; nhưng không để phá-iệt;

— hết sức làm việc;

— chuẩn-bị kĩ-càng các buổi họp;

— hành-động cá-nhân không làm mất thanh-danh cá-nhân và tổ-quốc;

— ngoài sự đàm-phán, các anh em hiểu rõ nhau hơn, và chắc đã đoàn-kết nhau hơn.

Võ Nguyên-Giáp nối lời, nói cũng đồng-ý với Tam và báo-cáo rằng Hội-nghị đã làm ta rõ lập-trường của Pháp. Lập-trường ấy không khác gì cái mà mình đã thấy trước: lập lại chính-quyền thuộc-địa qua Liên-bang Đông-dương, dùng tay sai mà trực-trị nam-phần Việt-nam, dùng quân-đội hạn-chế quyền tự-chủ của ta ở bắc-phần.

Cụ Huỳnh Thúc-Kháng nói: «Mừng đoàn-kết trong Phái-đoàn và tất cả toàn dân phải đoàn-kết để đánh đổ âm-mưu chiếm-đoạt của thực-dân».

Cụ Chủ-tịch nói: «Phải tiếp-tục tranh-đấu tại Hội-nghị Paris.

Năm giờ chiều hôm ấy, Phái-đoàn cũ lại họp buổi cuối cùng để kiểm-điểm những khuyết- điểm cua sự làm việc, và để rút kinh-nghiệm cho Phái-bộ sẽ đi Paris.

Phần lớn Phái-viên đã nhận rằng về tinh-thần thì Phái-đoàn đã

Library HoangSa.Org

làm tròn nhiệm-vụ một cuộc đàm-phán trù-bị, bày tỏ ý chí mình và dò xét mưu ý đối-phương. Nhưng về phần tổ-chức vật-chất thì có khuyết-điểm.

Giáp kể những khuyết-điểm về giao-hữu giữa nhân-viên Phái-đoàn, về tổ-chức văn-phòng, tổ-chức những tiểu-ban và liên-lạc giữa phái-viên và cố-vấn.

Hiền nhấn về sự anh em thường để ý nhiều về những tiểu-tiết, còn về những việc lớn thì không bàn đến. Hiền cho thí-dụ việc bàn-luận về Liên-bang.

Mạnh-Tường trách rằng về khoản thù-tiếp với các tư-nhân ngoài, với các nhà báo, ta không dự-định. Đáng lẽ phải có ngân-quĩ nhất-định.

Tam thêm rằng: « Nếu cần thì phải ngoại-giao... »

Cuối cùng Giáp nói về phương-pháp làm việc trong các cấp đàm-phán: trong buổi họp Ủy-ban, trong buổi họp Đại-hội, trong khi trao đổi văn-kiện và trong khi tiếp-xúc cá nhân.

Thế là nhiệm-vụ của các phái-viên đã chấm dứt buổi tối hôm ấy.

✠

Dư-ba của Hội-nghị là bữa cơm Chính-phủ đãi anh em Phái-đoàn. Tất-cả các bộ-trưởng, phái-viên, cố-vấn, hành-nhân ngồi chung quanh cái bàn dài trang-hoàng bằng những cụm hoa đỏ xen vàng. Hai cụ Huỳnh, Hồ ngồi giữa. Chuyện trò ồn-ào náo-nhiệt, hầu như ai cũng đã quên những buổi tranh-đấu tổn thương cân não. Có một lúc Cụ Chủ-tịch hỏi các Phái-viên : « Cảnh Đà-lạt có đẹp không ? »

Cù Huy-Cận tả, khoe cái đẹp thiên-nhiên của Đà-lạt.

Cụ lại hỏi : « Thế thì các chú có làm thơ không ? »

Cận trả lời : « Anh Hãn có làm »

Cụ bảo: « Đọc cho nghe nào » Rồi cụ ngảnh tìm tôi. Tôi ngồi khá xa. Vốn không thích đem văn thơ kể tâm-sự ra làm trò chơi ở tiệc công; nhưng buổi họp nầy ; dù có các Cụ, các bộ-trưởng, có không-khí rất gia-đình. Tôi không thể chối-từ, nhưng còn lưỡng-lự nên đọc bài Đường-luật hay là bài Hát-nói. Lại nghĩ rằng về kết của bài Hát-nói ; *Nhớ ra đã có nghị hòa*, có thể nghe ra dáng trách Chính-phủ đã kí Hiệp-định sơ-bộ, tôi đành đọc lại bài kia, tuy rằng nó tả cái đẹp của Đà-lạt không đủ bằng bài Hát-nói.

Library HoangSa.Org

Nghe xong, Cụ hỏi đùa rằng: « Thế thì Hoa có biết nói không? » Rồi Cụ lại hỏi có ai làm thơ Đà-lạt nữa không.

Không ai trả lời. Thấy sự im tiếng khá lâu, tôi lại lên tiếng, nói vọi rằng: « Nhân chuyện tranh-luận ở Hội-nghị Đà-lạt, tôi đã nhớ đến bài thơ Tết của Cụ ».

Cụ ngoái cổ lại, coi vẻ ngạc-nhiên, và cùng cả cử-tọa chờ.

Tôi nói tiếp: « Bữa Tết, tôi đã đọc bài thơ Khai-bút của Cụ cho các Cụ ở trong quê Hà-tĩnh nghe. Các Cụ đều khen thơ Cụ rất hay, khen lời thật mà hay. Nhưng có Cụ lo... »

Ai cũng ngảnh lại phía tôi với đôi mắt tò-mò, mà chắc không ai đoán được tôi muốn nói điều gì.

Tôi nối câu: « ... vì trong thơ có lời sái. » *Sái* trỏ một lời nói hoặc câu văn, tuy tác giả vô-tình, nhưng thính-giả có thể xoay hiểu ra nghĩa không tốt. Người ta thường tin đó là điềm gở.

Cụ hỏi: « Lời sái ở chỗ nào? »

Tôi đáp: « Thưa Cụ, ở câu thực:

Độc-lập đầy vơi ba chén rượu
Tự-do vàng đỏ một chòm hoa

« Vì có bốn chữ *Độc-lập đầy vơi* »

Cụ hiểu ý liền. Nhanh ý, Cụ hỏi lập-tức: « Thế thì các Cụ chữa lại ra sao? »

Chuyện các Cụ Hà-tĩnh bàn tán thơ Khai-bút trên có thật. Tôi đáp: « có Cụ đã xin đổi về trên ra: *Độc-lập say-sưa ba chén rượu* »

Cụ không nói gì. Cử-tọa lao-xao nói chuyện khác.

Hậu-quả cuối cùng, đối với tôi, của Hội-nghị Đà-lạt là đã phải theo cụ Chủ-tịch đón Đô-đốc D'Argenlieu, ngày 19 tháng 5, trước thềm dinh Chủ-tịch.

Sau bữa cơm kể chuyện trên, tôi được rút lui về chăm việc văn-hóa. Thình-lình có điện thoại văn-phòng chủ-tịch gọi lên phủ gấp, vì có Đô-đốc tới thăm. Chủ-tịch nghĩ nên có một người thay Phái-đoàn Đà-lạt ra đón với Cụ.

Tôi theo Cụ trong phòng khách đi ra cửa. Xe Đô-đốc dừng dưới thang cấp trước dinh. Đô-đốc lên khỏi bực thang. Chủ-tịch tiến nhanh-nhẹn ra, ôm lấy Đô-đốc mà hôn má; rồi bắt tay những vị tùy tùng. Cụ

Library HoangSa.Org

giới-thiệu tôi, rồi chủ khách vào phòng khách uống trà, nói chuyện tươi cười.

Đô-đốc chúc thọ Chủ-tịch, vì ngày ấy là ngày sinh-nhật Cụ.

Tôi ngồi một góc, nhìn hai chủ khách mà ngán cho cái trò điền-lễ ngoại-giao. Một bên đắc thế, muốn bóp cổ người,mà vẫn làm như thân-thiện. Một bên biết vậy, mà phải có thái-độ hồn-nhiên.

Cụ Chủ-tịch hồi ấy khí-sắc trông đã vững. Kinh-nghiệm đưa đón của một quốc-trưởng đã khiến cụ có dáng-điệu chững-chàng tuy giản-dị. Cái trách-nhiệm bảo-vệ nền tự-chủ bấp-bênh đang đè nặng trên vai. Mà Cụ không tỏ vẻ lo-âu bực-tức chút nào.

Cuối tháng, Cụ và Phái-đoàn mới sẽ đi Paris. Tương-lai thế nào? Nhân-dân Pháp và các chính-khách bạn Cụ có sẽ làm nhẹ gánh cho Cụ được phần nào chăng? Đó là những ý nghĩ của tôi trong khi phải «bồi thị». Nhưng tôi đã tự hỏi: Võ Nguyên-Giáp đi đâu, không có mặt ở đây? Chắc rằng từ sau khi trên Đà-lạt ảnh bỏ ra ngoài hội-phòng và đóng cửa cái sầm, ảnh rất bận vì phải gây dựng thực-lực để đối-phó tương-lai.

✠

Tương-lai? Tương-lai gần sát là:

— Ngày mồng 1 tháng 6, một ngày sau khi Chủ-tịch và Phái-bộ điều-đình lên máy bay đi Paris, đô-đốc D'Argenlieu «cho phép» Hội-đồng Tư-vấn Nam-kì lập một *Chính-phủ Lâm-thời Nam-kì* có quyền tự-trị, nhập vào Liên-bang Đông-dương và Liên-hiệp Pháp.

— Ngày mồng 6 tháng 7, Hội-nghị Việt-Pháp đáng lẽ mở ở Paris, nhưng Chính-phủ Pháp «đày» ra Fontainebleau.

— Mồng 2 tháng 8, Đô-đốc D'Argenlieu nhóm đại-biểu các Chính-phủ Mên, Lào, Nam-kì, và đại-biểu Nam-Trung-bộ, miền Thượng và mở Hội-nghị Đà-lạt lần thứ hai để lập Liên-bang Đông-dương. Đại-tá Pháp, gốc Việt, *Nguyễn Văn-Xuân* cầm đầu phái-bộ Nam-kì, cùng với một đại-diện Pháp.

— Ngày hôm sau, mồng 3 tháng 8, xung-đột đầu tiên giữa hai quân Pháp Việt xảy ra ở Bắc, tại Bắc-ninh.

— Hội-nghị Fontainebleau tự giải-tán ngày 12 tháng 9.

— Tối 14 tháng 9, riêng Chủ-tịch kí với bộ-trưởng Hải-ngoại

Library HoangSa.Org

Pháp Moutet một tạm-ước, tạm nhận những điều yêu-sách của Pháp, để chờ mở lại điều-đình. Trừ việc Chính-phủ Nam-kì tự-trị thì bỏ lơ không nói đến.

— Ở Bắc, quân-đội Pháp chiếm biên-thùy Đông-bắc để mở những nhóm tự-trị thiểu-số. Chiếm lại phủ Toàn-quyền, sở Tài-chính. Lập lại quan-thuế ở Hải-phòng.

— Ngày 20 tháng 11, quân Pháp đánh chiếm Hải-phòng.

Nói tóm lại, chương-trình lập lại Chính-quyền Thực-dân ở Đông-dương được dần-dần thực-hiện, bằng mọi cách: điều-đình, áp-bức, nội-công, chiếm-đoạt bằng binh-lực.

Những điều Phái-đoàn Đà-lạt đã dự-đoán đều đúng.

«Sự đã rõ-ràng, chỉ còn cách đánh nhau giữa chúng ta» Đó là lời đáp của Tướng Salan cho Hoàng Minh-Giám tại Paris.

«Chim còn hay dựng hầu cất mỏ [1]
Thú còn hay giơ vó nhăn nanh
Sao ta chịu nhuốc cho đành?
So loài cầm thú thẹn mình lắm thay!»

Đó là lời kêu gọi của hồn những người ái-quốc liệt-sĩ.

Tám giờ rưỡi tối 19 tháng 12, bắt đầu cuộc chiến-tranh giải-phóng.

Cái mộng nước Việt-nam giải-phóng với sự thỏa-thuận của nước *Pháp Mới* đã tan. Lời cảnh-cáo của tôi nói ra hai lần trước Phái-viên Pháp rồi cũng nghiệm. Sự chiến-đấu giành độc-lập của dân-tộc Việt-nam đã đánh-thức một số dân thuộc-quốc khác, làm khối Liên-hiệp Pháp dần dần mòn đi. Nó cũng đánh thức những chánh-khách có tầm mắt trông xa trên trường chính-trị Pháp. Nhờ vậy, ngày nay nước Pháp không những về tinh-thần đã chiếm lại được nhiều thanh-danh đối với các nước, mà cả về vật chất, kinh-tế Pháp khỏi ách quân-sự, đã phát-triển mạnh trên xứ-sở; và quyền-lợi Pháp trên các nước ngoài, kể cả các nước cố-thuộc, đã mở-mang rất chóng.

Còn đối với nước ta thì hậu-quả của sự ngoan-cố của phái Thực-dân đến nay còn cay độc. Chiến-tranh còn dày-xéo đất và dân ta. Nhưng

1. Bài *A-tế-á* (Tăng-Bạt-Hổ?)

Library HoangSa.Org

chiến-tranh cũng có ngày hết. Nước Việt-nam độc-lập, hòa-bình sẽ thân-thiện với các nước chuộng hòa bình.

Nay nước ta còn như

Thịt một miếng trăm dao xâu-xé [1]

dao Mĩ, dao Úc, dao Triều-tiên, dao Thái-lan. Nhưng dao Pháp trước cắm sâu như vậy, mà cũng hầu trở thành bàn tay thân-thiện, thì những dao kia cũng rút đi.

Bấy giờ, những điều hòa-bình, độc-lập và cả thống-nhất mà Phái-đoàn Đà-lạt đã hết sức tranh-đấu trong các buổi họp, sẽ bởi dân ta tự định-đoạt. Nếu tất cả mọi người còn nhớ hai tiếng

ĐOÀN KẾT

như tiếng vọng của dĩ-vãng nước nhà mỗi lúc lâm-nguy, thì có lẽ, với lòng ái-quốc của mọi người thành thật, những điều ấy sẽ đạt.

✠

Tỉnh giấc mộng ngâm câu kí vãng
Tải mấy thu ngày tháng như thoa [1]

Từ Hội-nghị Đà-lạt đến nay đã một phần tư thế-kỉ. Đứa con ra đời lúc tiếng súng Điện-biên dừng nổ, nay đã thành-nhân. Chuyện Đà-lạt kia chỉ là chuyện *Đời xưa*. Những người dự cuộc ở phái ta đã một phần không ít quá-cố. Tôi đã thành-thật gắng chép ra những điều tôi đã chứng kiến và đã ghi, hoặc nhớ lại. Chỗ sót chắc nhiều, điều sai gắng tránh. Mục-đích không ngoài ôn chuyện cũ, góp phần cho những nhà viết sử mai sau.

Nếu độc-giả ngày nay có thể rút được một vài kinh-nghiệm để trỏ hướng hành-động của mình cho nước cho dân, thì lại càng làm thỏa lòng tôi thầm nguyện.

Lòng thầm nguyện ấy chắc cũng là chung cho hầu hết đồng-bào, mà nhân-tiện câu chuyện Đoàn-kết trên đây, tôi xin tặng mấy câu tôi đã viết theo lối phong-dao, sau khi Hội-nghị GENEVE cắt đôi đất nước:

---

1. Bài *Trần tình* (Cao Bá-Đạt).

Library HoangSa.Org

PHONG DAO

Ngày xưa NGUYỄN TRỊNH phân-tranh
Chia đôi đất nước, sông Gianh là bờ
BẮC NAM chia nước bây giờ
Thì lấy Bến Hải làm gờ phân-tranh

Xưa kia lỗi chỉ tại mình
Bây giờ xui dại là anh chực ngoài
Chớ nghe miệng chúng dông-dài
Chúng chờ ta vật lộn cho nhoài... rồi chúng xơi!

Lạng-sơn cho đến Cà-mau
Tổ tiên gây dựng biết bao công-trình
Người Thượng cho đến người Kinh
Cũng chung đất nước, cũng tình anh em

Ai ơi! Gẫm lại mà xem
Lẽ nào thân mẹ, con đem chia phần?

Từ Mác-xít đến Giáo-dân!
Bớt phần lí-tưởng, thêm phần yêu-đương
Bớt nghi-kị, bỏ lọc-lừa
Cùng nhau xiết cánh lên đường vinh-quang»

Thiết tưởng những lời ấy, thời nầy cũng chưa lỗi.

Viết tại Paris tháng 10, 1971
HOÀNG XUÂN-HÃN

KHÁCH SẠN **ĐÀ-LẠT**
37 A KHU CHỢ MỚI ĐÀ-LẠT
Đ.T. : 2342

— *Phòng rộng rãi, sạch sẽ.*
— *Đủ tiện nghi.*

Library HoangSa.Org

ÍT DÒNG NHẬT KÝ VỀ HỘI NGHỊ TRÙ BỊ ĐÀ-LẠT 1946

▽ TRẦN VĂN TUYÊN *

NGÀY ĐI

16-4-1946. Khởi hành ở GIA LÂM, 7 giờ 45 sáng.

Pháp cho mượn 2 chiếc máy bay JUNKER, 3 máy, cũ kỹ. Hai anh trưởng và phó phái đoàn (Nguyễn-Tường-Tam và Võ-nguyên-Giáp) cùng đáp một chiếc, cất cánh sau. Bọn tôi đi chuyến đầu gồm Tạ Quang-Bửu, Dương-Bạch-Mai, Kiều-Công-Cung tất cả 12 người.

Gần tới Paksé, gặp bão, nhưng trời nắng đều.

Tới Paksé lúc 11 giờ 20. Không ra thăm thành phố. Máy bay hai anh Tam, Giáp tới sau 20 phút.

12 giờ 30, máy bay chúng tôi cất cánh trước để đi Đà-Lạt.

Tới trường bay Liên-Khàng lúc 3 giờ chiều.

Có các ông Pignon, Davec, Brisson, và anh Lê-Văn-Kim, lúc đó đang làm tùy viên báo chí cho Đô-Đốc D'Argenlieu Cao ủy Pháp, ra đón.

Thêm một nhà nhiếp-ảnh Tiệp Khắc, một phóng-viên Bỉ, cô Anna Lê-Trung-Cang, chủ nhiệm nhật báo Tin-Điện ở Sài-gòn.

Đói, khát — Không có gì ăn uống. Ông Davee kiếm được mười quả « thanh lý » và một ấm nước con.

Chờ chuyến bay thứ hai đến để cùng về Đà-lạt Nhưng mãi không thấy đến. Nhiều người lo ngại đã xảy ra chuyện gì bất trắc. Không liên-lạc được với Paksé, cũng như không liên-lạc được với Sài-gòn. Lo ngại càng tăng.

---

* Luật sư Trần văn Tuyên nguyên là Đổng lý Bộ Ngoại Giao của chính phủ Liên-Hiệp « Việt-Nam Dân chủ Cộng-Hòa », khi Bộ Trưởng Ngoại giao là Nguyễn Tường Tam, đã phụ trách về nội vụ và lễ nghi cho Phái-Đoàn. Xem bài *Một vài kỉ vãng* của Hoàng Xuân-Hãn (Lời Tòa soạn ghi chú).

Library HoangSa.Org

Đã có người lo sợ một « thủ-đoạn » ác-độc của người Pháp. Trời đã về chiều, chờ không được, sợ tối nguy-hiểm, đành phải về Đà-lạt trước.

30 cây số đường rừng, giữa đồi núi và rừng thông trùng điệp.

Xe hỏng máy cách Đà-lạt 5 cây số.

Trăng mọc trên ngàn thông, bao phủ bởi sương trắng. Cảnh vật thật tuyệt diệu!

8 giờ tối mới về tới Đà-lạt.

Thành phố vắng tanh. Tối đen và yên lặng.

Mọi người về Hôtel « Du Parc ». Riêng hai anh Trịnh-văn-Bính và Dương-Bạch-Mai sang Hôtel Lang-Biang.

Cơm đã dọn sẵn cho trên 30 người ăn. Nhưng mọi người chỉ ăn qua loa.

Mệt...

Hoang mang.....

Băn khoăn về số phận của toán thứ hai, phần chủ yếu của phái đoàn.

Ăn cơm xong, các anh em họp lại trong buồng tôi. Đa số tỏ ý lo ngại.

Một số cho rằng, người Pháp chơi xấu, có thể hi sinh một chiếc máy bay và hai phi công, đâm máy bay vào núi. Thế là hết chuyện đàm phán. Vì họ đã thủ tiêu được những người lãnh đạo mà họ lo sợ nhất: Nguyễn-Tường-Tam, Ngoại trưởng chính-phủ Liên hiệp, lãnh tụ cách mạng chống Pháp cực đoan (V.N.Q.D.Đ) và Võ-Nguyên-Giáp, Tổng tư lệnh quân đội giải-phóng, Chủ tịch Quân ủy hội kháng chiến chống Pháp.

Có anh lo sợ cho số phận những người trong phái đoàn đã tới Đà-lạt. E ngại người Pháp bắt luôn tất cả và mang đi cầm tù. Anh Kiều-Công-Cung, đề nghị với tôi đưa cho mỗi người 100$, xuống chợ mua mỗi người một chiếc xe máy, ngay đêm hôm ấy, băng về Phan-Rang.

Một giờ sáng mới được tin chiếc máy bay thứ hai bị hỏng máy quạt, phải ở lại Paksé, chờ hôm sau dưới Saigon đem máy quạt lên thay mới tới được.

Hỏng máy thực hay là đòn tâm lý?

Library HoangSa.Org

KHAI MẠC

18-4-1964. 9 giờ sáng, Phái đoàn V. N. họp sơ khởi để định cách làm việc và chỉ định người vào bốn tiểu ban : (Chính trị, Kinh tế, Tài chánh, Quân sự).

Anh Hoàng-Xuân-Hãn nghe phong thanh rằng Pháp sẽ cử Max André làm trưởng-phái-đoàn. Mọi người bất mãn ra mặt vì cho rằng Max André không đáng nói chuyện với ta, nhất là trước đó đã có tin Trưởng Phái Đoàn Pháp sẽ là Cao-ủy D'Argenlieu.

Thực ra Pháp vẫn chưa chánh thức mời V.N. họp, tuy rằng báo chí đã được Pháp thông báo sẽ có một phiên họp công-đồng chánh thức, giữa hai phái đoàn vào hồi 10 giờ sáng.

11 giờ sáng: nhận được thiệp mời phái đoàn ăn cơm trưa.

11 giờ 55, Tướng Salan, cố vấn Pignon, Tổng thư ký phái đoàn Pháp Brisson, tới gặp Phái đoàn V.N. để đưa một thông điệp:

« Chiếu theo tập quán Quốc-Tế, Đô Đốc D'Argenlieu, Cao-ủy Pháp tại Đông-Dương phải chờ đợi phái đoàn V.N. đến vào hồi 10 giờ 45 để giới thiệu trưởng phái đoàn Pháp. Nay đã 11 giờ 45 mà không thấy Phái đoàn V.N. tới...

Trâng tráo quá ! Xỏ xiên quá ! Pháp có mời mình đâu mà mình đến. Thế rồi họ trách, có vẻ cho rằng mình không hiểu gì về tập tục Ngoại-giao Quốc-Tế »

Ba đại biểu Pháp chờ thư trả lời bên ngoài phòng họp.

Ta gởi thông-điệp trả lời cho Pháp biết là phái đoàn V.N. lấy làm lạ mà thấy rằng Phái đoàn ta chưa hề được hỏi ý-kiến về việc triệu tập buổi họp, cũng như về việc Max André thay-thế Đô-Đốc D'Argenlieu ở chức vụ trưởng phái đoàn Pháp.

Phái đoàn V. N. cũng cho Pháp biết tới 1 giờ sẽ đến ăn cơm, theo như giấy mời.

Khi đưa thông-điệp trả lời cho người Pháp thì đã 1 giờ kém 10.

Tại bữa cơm, Đô-Đốc D'Argenlieu tiếp đãi tử tế. Ăn cơm xong, ông ta móc túi lấy bản diễn văn ra đọc. Ông nói rất nhiều về chủ trương Liên-Bang Đông-Dương của Pháp.

Theo quyết định của anh em, anh Nguyễn-Tường-Tam trả lời bằng tiếng Việt-Nam. Anh Nguyễn-Văn-Huyên [1] làm thông ngôn.

---

1. Ông Nguyễn Văn Huyên, và Nguyễn Mạnh Tường đều cùng phụ trách thông-ngôn cho phái đoàn (lời Tòa Soạn ghi chú).

Library HoangSa.Org

Vụ nói bằng tiếng Việt này làm cho Pháp hết sức ngạc nhiên. Sau này, trong một buổi họp khác, Đô-Đốc D'Argenlieu đã mỉa-mai những người Việt-Nam vô ơn bạc nghĩa, ăn bánh mòn cả răng ở Paris, nay lại làm bộ không biết nói tiếng Pháp.

Thực ra, chúng tôi đã quyết định như vậy vì nhiều lý do thực tế:

1.— Tinh Thần Dân-tộc.

2.— Để người nói có thì giờ suy-nghĩ.

3 — Và nếu cần, để người thông-dịch-viên sửa chữa những sơ hở của người nói.

Anh Tam ngỏ lời cảm ơn vị Cao ủy Pháp về sự đón tiếp, không trách móc về việc trục trặc mời họp lúc ban sáng, tránh dùng chữ Liên-Bang Đông-Dương, chỉ nói phớt qua vấn đề Liên-hiệp-Pháp.

Anh cũng khôn khéo nhắc tới việc Max André làm trưởng phái đoàn, ngỏ ý đòi hoặc để Đô-Đốc D'Argenlieu làm trưởng-phái đoàn hoặc nếu để Max-André làm thì ông này sẽ không bị lệ thuộc Cao ủy Pháp (sợ ảnh hưởng của phe thực dân).

Pháp nhượng bộ chút ít, nhận đề nghị đó, hẹn vài hôm sau sẽ triệu tập một buổi họp khoáng đại tại trường trung học YERSIN và trưởng phái đoàn V.N. sẽ chủ tọa phiên họp đầu tiên, còn việc lôi thôi mời mọc ban sáng họ sẽ cử người dàn xếp.

ĐÀM-PHÁN

24-4-46. Anh Phạm-Ngọc-Thạch một nhân viên của phái đoàn bị Pháp bắt ngày hôm qua. Ngay trước trụ sở phái đoàn V.N., lúc một giờ trưa. Pháp cho rằng họ đã bảo trước cho chính-phủ HÀ-NỘI là không chấp nhận Thạch trong phái đoàn V.N.

Anh Nguyễn-văn-Sâm và Bùi-Quang-Tung bị trục xuất về Sàigon. Pháp lấy cớ là hai người đã không xin phép, mà lại lén lút đi lên.

Đô-Đốc D'Argenlieu gởi giấy cấm không cho Phái đoàn V.N. được dùng đài vô-tuyến riêng để liên lạc với Hà-Nội.

Trước đó, người Pháp đã bảo cho phái đoàn V.N. biết rằng «Xin các ông đừng lấy làm lạ» khi thấy những chiếc xe hơi mà họ đã cho mượn tự nhiên ngừng chạy, vì muốn tiết kiệm dầu săng.

Xe của phái-đoàn chỉ được dùng trong một phạm vi nhất định (nghĩa là từ hôtel Du Parc tới hôtel Lang-Biang cách nhau chừng 50 thước).

Library HoangSa.Org

Đề trả lời thái-độ trẻ con đó, tôi đã bảo trả hết xe cộ lại cho họ.

Tôi phàn nàn với anh Trịnh-Văn-Bính, người giúp chúng tôi liên lạc không chính thức với phái đoàn Pháp. Anh Bính bảo: « Các anh cứ yên-tâm, đừng để cho họ thấy mình lấy làm ngạc-nhiên và chú ý tới những việc châm chọc này. *Trước sau chúng ta vẫn bảo đây là trò hề kia mà.?*

9 giờ sáng, họp phiên khoáng đại. Pháp đề nghị giải quyết vấn đề Nam-Bộ bằng cách lập một hội nghị khác mà nhiệm vụ chánh yếu là nghiên cứu việc đình chiến (Khi đó chỉ mới có Nam-Bộ kháng chiến).

Phái đoàn V.N. tuyên bố ngưng họp để chờ hội ý Chính-phủ.

— Có tin Pháp gửi đại-tá Nguyễn-Văn-Xuân sang Pháp.

Báo-chí ở Paris và Saigon công-kích phái-đoàn V.N. dữ-dội về việc vi-phạm « Nghi lễ » và việc « Học đại học Paris mà giả bộ không nói được tiếng Pháp », và cho đó là một thái độ trẻ con. Họ còn kêu rao « Không biết V.N. muốn gì ? »

Báo chí Pháp cũng công kích chánh sách của Pháp, cho là khiếp nhược. Các báo Populaire, Avenir ở Saigon thóa mạ những « Yêu sách hỗn xược » (Revendications insolentes) của bọn : Bắc Kỳ (Tonkinois), đòi Pháp cho Nam Kỳ tự-trị, chửi bới cố-vấn Vĩnh-Thụy (Được chính phủ V.N. chỉ định cầm đầu một phái-đoàn sang Trùng-Khánh), gọi ông là một tên « phản bội hoàn-toàn (le parfait des traîtres).

NHỮNG NGÀY CUỐI CÙNG

3-5-1946. 3 giờ chiều họp đại hội cộng đồng, 2 phái đoàn Việt-Pháp.

Anh Hồ-Hữu-Tường ngao ngán nghé tai tôi nói « Khổ lắm » !

Anh Nguyễn-Văn-Huyên cười và bảo với tôi « Thắng lợi rồi ».

Anh Nguyễn-Tường-Tam cho rằng Pháp đã « chịu nhượng bộ ».

Pháp nhượng bộ ?

Nhượng bộ đó, là việc thành-lập một ủy-ban hỗn hợp ở Đà-lạt rồi sau đó về Hà-Nội làm việc, nhưng không được vào Nam. Nhiệm vụ của ủy ban sẽ là : nghiên cứu vấn đề đình chiến và tạo không khí thân thiện.

Library HoangSa.Org

Phía bên ta chỉ định ba người tham dự:

Dương-Bạch-Mai

Tạ-Quang-Bửu

Kiều-Công-Cung

Thắng Lợi?

Thắng lợi gì?

Mình đòi cử một «ủy ban đình chiến» vào trong Nam để dàn xếp và thảo luận mọi thể thức ngưng chiến.

Họ chỉ chấp nhận một «ủy ban nghiên cứu» tại Hà-nội.

Nếu cứ thắng lợi như thế này thì chắc đâu có thể dàn-xếp gì được!

Anh Tam kể chuyện nằm mộng thấy, một con thiêu thân và một giọt nước đường.

Con thiêu thân muốn hút nước đường, nhưng ngập ngừng không dám. Một con nhện sa xuống nuốt con thiêu thân.

Không thấy một con chim sa xuống nuốt con nhện, và người cầm nỏ bắn con chim!

Giấc mộng, oái oăm thay!

Buổi trưa, anh Võ-Nguyên-Giáp mời ăn cơm. Đã từ lâu chúng tôi không gặp riêng nhau để nói chuyện. Kể chuyện cũ, nhắc tới những người bạn chung còn hay đã mất, nhắc lại những kỷ niệm về chị Minh-Thái (Vợ anh Giáp, chết trong tù của Pháp, trong khi anh sống ở Trung-Hoa).

Anh thực thà nhận có phần lỗi vì không thường gặp tôi để cho biết rõ tình thế, để đến nỗi có những chuyện «hồ nghi». Anh khuyên tôi hãy trở về hàng ngũ các anh em tranh đấu, và biết tôi thích đọc sách, anh hứa sẽ cho mượn ít quyển sách vừa mới nhận được.

Câu cuối cùng của anh là câu tiếng Pháp «Alors, tu restes mon ami?» (Anh vẫn là bạn tôi chứ?)

Chúng tôi xiết tay nhau, lần chót. Từ đó, mỗi kẻ một đường!

TRẦN-VĂN-TUYÊN

Library HoangSa.Org

THUỐC BÁC-SỸ TÍN VÌ SAO RA ĐỜI?

Gần một trăm năm tiếp-xúc với văn-minh Âu-Mỹ, người mình ít ai chịu khó áp dụng khoa-học để khảo-cứu dược-phẩm trong nước và kiến-tạo một nền dược-học y-học hoàn-toàn Việt-Nam.

Trông thấy khuyết-điểm ấy, Bác-Sỹ Tín lại nhận định rằng một nước độc-lập mà nền khoa-học cũng phải đứng trên những căn-bản độc-lập. Nhiều ngành khoa-học phải khảo-cứu riêng về thổ-sản thổ-nghi và dân-sanh trong nước để áp-dụng vào các ngành nông công, thương thì mới mong phát-triển kịp người.

Vì vậy cho nên Bác-Sỹ Tín đã sang Âu-Châu du-học tìm, hiểu y-lý Tây-phương tận gốc. Trong những năm tòng-sự tại các bịnh-viện và các khảo-cứu-viện ở Ba-lê, Bác-Sỹ Tín đã cố công xem-xét các phương-pháp chế thuốc của Âu-Mỹ, lại có cơ-hội thí-nghiệm những thảo-mộc ở nước nhà gởi sang, lọc những nguyên-chất dùng vào việc chế thuốc thâu thập cái hay của người đặng nâng-cao giá-trị những dược-phẩm dồi-dào của xứ mình.

Kịp khi về nước vào đầu năm 1941 ngay trong thời kỳ chiến-tranh, Bác-Sỹ Tín liền tổ-chức một sở bào-chế, tìm góp những Nam-dược giống như dược-vật Âu-Mỹ chế ra khoa thuốc Bác-Sỹ Tín, thích-hợp với cơ-thể người mình và khí hậu nhiệt đới. Toa nhẫn đều dùng chữ quốc-ngữ và phát-hành khắp tiệm thuốc các nơi, mục-đích là để phổ-thông trong dân chúng, tận xóm làng, thôn lâm, cống hiến cho đồng-bào môn thuốc khoa-học, công hiệu, rẻ tiền và dễ dùng.

Khi thái bình văn hồi, giấy rẻ, in rẻ, Bác-Sỹ Tín sẽ ấn-hành những sách báo dạy về vệ-sinh cần yếu để tránh những bệnh hiểm nghèo suy-nhược, mong đồng-bào giữ vững sức khỏe và bồi bổ sinh-lực của nòi giống.

NHÀ THUỐC BÁC-SỸ TÍN

lại còn có tham-vọng :

1.— Trồng cây thuốc Việt-Nam và cây thuốc nhập-cảng như Ipéca, Quinquina, v. v...

2.— Xuất-cảng những dược-phẩm Việt-Nam.

3.— Đào-tạo những Kỹ-thuật-gia để sản-xuất thuốc hóa-học theo quan-niệm kỹ-nghệ-hóa quốc-gia.

(Viết tại Cholon tháng 3 năm 1945)

Library HoangSa.Org

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN ĐÀ-LẠT (1893-1954)

▽ HÃN NGUYÊN

Cách đây hơn bảy mươi năm, Đà lạt còn là nơi hoang vắng, chưa có một một người Việt. Đà-lạt được thành lập là do sáng kiến và là công trình kiến tạo của người Pháp. Người Pháp thường hãnh diện với công trình này của họ. Trong một bản phúc-trình cho Viên Toàn Quyền, viên đốc-lý công-sứ (Résident-Maire) A. Berjoan đã trình bày: «*Đà-lạt chiếm một vị trí đặc biệt thuận lợi tại Viễn Đông, khí hậu Đà-lạt, vẻ đẹp phong cảnh Đà-lạt, những khả năng mở rộng đã tạo thành một nơi có ưu thế, khiến không một nơi nào có thể sánh nổi... Đà-lạt có thể và phải trở thành một địa điểm nghỉ mát trên miền núi lớn lao của Viễn Đông...* [1].

Cũng như người Hoa Kỳ thành lập Banguio (1800m) ở Phi Luật Tân, người Anh lập Ootacamund (2200m) ở Nam Ấn, người Hòa Lan lập Tosari (1800m) ở Nam Dương (Java), người Pháp thiết lập thành phố Đà-lạt trên cao độ 1500m cốt để cho các viên chức cai trị thuộc địa lên nghỉ mát dưỡng sức thay vì phải về nghỉ tại mẫu quốc, nhất là trong thời gian thế giới chiến tranh, không thể về chánh quốc nghỉ mát được. Lý do rất giản dị là như vậy.

Đà-lạt thật sự có đầy đủ điều kiện để trở thành một trung tâm nghĩ mát lớn lao của Đông-Nam-Á. Với cao độ khoảng 1500 m, Đà-lạt nằm trên cao nguyên Lâm-viên rộng lớn (400 km^2) có đường đi tới dễ dàng, có khí hậu mát mẻ, trong lành, có đất đai màu mỡ, có đủ ẩm độ, mưa khá nhiều có thể cung cấp đầy đủ cho cây cối tốt tươi và sinh vật dồi dào. Nếu tính theo đường chim bay, Đà-lạt cách xa Sài-gòn khoảng 250 km và cách xa các thị trấn, các hải cảng quan trọng tại bờ biển Đông Hải không đầy 100 km, nhứt là hải cảng Cam-Ranh, hiện có rất

1. A. Berjoan, « *Rapport sur la situation de la ville de Dalat et de la Province du Langbian du 21 Janrier au 15 Août 1944* », p. 27. A. Berjoan được bổ nhiệm làm đốc-lý công-sứ bởi nghị định ngày 12-1-1942.

Library HoangSa.Org

nhiều triển vọng được mở mang (Xem bản đồ « Đà-lạt và Các Vùng Phụ Cận»). Trong tương lai, khi Việt-Nam thống nhất, Cam-Ranh có thể trở thành thủ đô như Washington của Hoa Kỳ, Tokyo của Nhật-Bản... Cam-Ranh của Việt-Nam là một hải cảng rất tốt, vừa dùng làm thương-cảng, quân cảng rất quan trọng Cửa ngõ của vùng Tây Nguyên trù phú, lại ở vào vị trí trung tâm giữa Sài-gòn và Hà-Nội, không cách xa thái quá 2 đầu nam bắc, rất thuận tiện làm nơi thủ phủ của nước Việt-Nam thống nhất. Ngoài ra, Cam-Ranh có thể trở thành một « Singapore » của Việt-Nam. Đà-lạt lại có thể là một thủ phủ của Tây Nguyên. Như thế Đà lạt dễ dàng phát triển trở thành một trung tâm nghỉ mát lớn lao, một trung tâm văn hóa và giáo dục quốc-tế khi Cam-Ranh có vị thế như trên cũng như khi các thị trấn Nha-Trang, Phan-Rang, Phan-Thiết phát triển hoặc vùng Tây nguyên trù phú, được phát triển thịnh vượng.

Quá khứ thành phố Đà-lạt còn mới, cho nên khi nghiên cứu về lịch sử thành phố Đà-lạt, tương đối người ta gặp ít khó khăn, may mắn nhất hơn nữa là những chứng nhân, những người khai sáng và kiến tạo đầu tiên ra thành phố Đà-lạt như toàn quyền DOUMER, bác sĩ YERSIN, Ông Cunhac đã kể lại thời kỳ khai sinh của Đà-lạt qua các tài liệu sách báo thời các Ông còn sinh tiền, mặc dù không có là bao. [1]

Nếu xét về khía cạnh phát-triển nhân-văn, kinh-tế, lịch sử của Đà-lạt có thể được coi đã trải qua các giai đoạn sau đây:

Giai đoạn 1: Đà-lạt trong thời kỳ khám phá của người Pháp (1893-1899): giai đoạn này kể từ khi Đà-lạt được Yersin khám phá đến khi toàn quyền P. Doumer quyết định thiết lập nơi nghỉ mát cho người Pháp tại Đông-Dương trên Cao nguyên Lâm Viên.

Giai đoạn 2: Đạt-lạt trong thời kỳ khai sinh (1900-1914): kể từ khi P. Doumer quyết định chọn lựa Đà-lạt thay Dankia vùng Ankroët tới những năm kế tiếp Đà-lạt bị lãng quên khi P. Doumer rời Đông-Dương.

---

1. Paul Doumer kể trong cuốn « Les Souvenirs de l'Indochine, Paris, Vuibert et Nouy Éditeurs, 1905, 392 tr.

Yersin viết trong các nhựt ký và trong Revue Indochine nº 100, 101, với các bài « Rencontre avec des Pirates sur le plateau moï, « Premières Reconnaissances » du plateau du Langbian và Cunhac đã trả lời câu phỏng vấn của Baudrit trong bài « La naissance de Đà-lạt » đăng trong Revue Indochine nº 180, 10 Février 1944...

Library HoangSa.Org

Giai-đoạn 3: Đà-lạt trong thời kỳ tái sinh (1915-1922): giai đoạn này bắt đầu khi Thế Chiến thứ nhất xảy ra, Đà-lạt bừng dậy sau một thời gian đình trệ tới khi Đà-lạt chính thức trở thành một thành phố với sơ đồ, tổ chức của một thành phố.

Giai-đoạn 4: Đà-lạt trong thời kỳ phát triển thành một thành phố (1923-1939):

Khởi đầu từ khi Đà-lạt có đồ án kiến thiết do kiến trúc sư Hébrard và được chấp thuận thực thi của Toàn Quyền Đông-Dương tới khi có sự chuyển mình khác.

Giai đoạn 5: Đà-lạt trong thời kỳ thịnh vượng thời Pháp thuộc (1940-1954): Đà-lạt trở thành thủ đô mùa hè của Đông-Dương.

ĐÀ-LẠT TRONG THỜI KỲ KHÁM PHÁ (1893-1899)

• YERSIN KHÁM PHÁ CAO NGUYÊN LÂM VIÊN (LANGBIAN)

Một trong những người đã khám phá ra Đà-lạt là bác sĩ Alexandre John Emile Yersin. [1] Yersin sinh trưởng tại Thụy-Sĩ, mới nhập quốc tịch Pháp được 2 năm (từ năm 1887) thì Yersin sang Đông-Dương (cuối năm 1889) để làm y sĩ cho hãng tàu Messageries Maritimes. Vốn có óc mạo hiểm, ham hoạt động, khám phá, ông làm việc trên tàu chạy trên lộ trình Sài-gòn — Hải-Phòng, có ghé qua Nha-Trang, Qui-Nhơn, Đà-nẵng. Cuộc sống có vẻ bình lặng quá. Để giết thì giờ nhàn rỗi, ông đã tìm hiểu về ngành hàng hải, ông đã gửi mua một kính thiên văn ở bên Pháp và ông đã tập sử dụng để tính tọa độ địa dư. Nha-Trang cảnh đẹp nên thơ đã lôi cuốn ông ngay từ lần ghé bến Nha-Trang đầu tiên và ông đã đến Nha-Trang ở. Ông coi Nha-Trang như quê hương thứ hai, sống ở đây cho đến ngày ông từ trần vào năm 1943.

Óc mạo hiểm cứ thúc đẩy Ông hành động... Thế rồi vào tháng 7-1890, ông đã nói với hãng tàu rằng trên đường từ Hải-Phòng về Sài-Gòn

1. Theo Giám Mục Cassaigne thì Yersin cùng đi với P. Robert, giáo sĩ Hội Truyền Giáo Paris khi khám phá ra Đà-lạt [«En 1890, le docteur Yersin excursionna en pays moï, où il devait revenir quelques années plus tard accompagné du P. Robert, actuel supérieur de la société des Missions Etrangères de Paris, ces deux hardis pionnier recherchaient un plateau pour y fonder une station climatérique, et c'est à eux que nous devons d'avoir aujourd'hui Dalat). Xem Mgr Cassaigne, les Moïs de la Région Djiring, *Revue Indochine* nº 131, (4 mars 1943), pp. 11-13.]

Library HoangSa.Org

cho ông ghé Nha-Trang và ông sẽ mạo hiểm đi bằng đường bộ qua miền Trường Sơn. Ông dự tính sẽ đi mất khoảng mười ngày và sẽ đến Sài-Gòn trước khi tàu khởi hành ra Hải-Phòng. Ông đến gặp Công Sứ Khánh Hòa, khi ấy là một viên sĩ quan Hải Quân và hỏi ý kiến. Rồi ông dùng ngựa đi trên con đường cái quan vào Phan-Rang, rồi Phan-Rí. Từ đây, ông nhờ một dân địa phương làm hướng đạo viên băng qua miền rừng núi trùng điệp. Ông đã đi tới Djiring. Tại đây ông thấy đường đi vào Sài-Gòn khá gay go, e không kịp hẹn với hãng tàu, ông đành trở ra Phan-Thiết rồi từ Phan-Thiết dùng thuyền buồm ra Nha-Trang rồi Qui-Nhơn để đón tàu từ Sài-Gòn ra mới kịp chuyến đi Hải-Phòng [1]. Đây là chuyến mạo hiểm lần đầu tiên của ông, mở đầu cho những cuộc thám hiểm sau này tại vùng cao nguyên trong đó có Đà-Lạt. Sau chuyến mạo hiểm này, ông bắt đầu say mê cuộc sống thám hiểm. Để được tự do hơn, ông đã xin thôi việc hãng tàu Messageries Maritimes vào năm 1892 và xin phục vụ ngành y-tế thuộc địa và cùng năm này, ông đã quyết định thực hiện một cuộc thám hiểm đi từ Nha-Trang đến Stung Treng để đến bờ sông Cửu-Long [2]. Các cuộc thám hiểm này vừa để thỏa mãn óc mạo hiểm khám phá của ông vừa để thỏa đáp nhu cầu kiểm soát lãnh thổ của người Pháp tại Đông-Dương. Vào cuối thế kỷ 19, các đế quốc Pháp, Anh đang chạy đua tìm kiếm thuộc địa. Pháp cố gắng kiểm soát bằng được sông Cửu-Long, cửa ngõ của Vân-Nam. Do đấy Pháp có nhiều phái đoàn thám hiểm khám phá kiểm soát các vùng đất ven sông Cửu-Long. Chính Yersin đã cho biết đại-úy Cupet trong phái bộ Pavie đã yêu cầu ông thám hiểm vùng Tây-Nguyên và ông đã đã thực hiện điều yêu cầu này vào năm 1892, đã đi từ Ninh-Hòa đến Stung Treng [3].

Tháng 3 năm 1893, Yersin lại bắt đầu một cuộc thám hiểm mới và lần này 4 tháng ông đã khám phá ra cao nguyên Langbian, ông đã kể lại cuộc khám phá này trên báo Indochine :

« ... Tôi đã đem theo một kính thiên văn và những đồng hồ cho phép tôi tính được tọa độ địa dư hầu xác định những địa điểm đặc biệt trong vùng.

---

1. A. Yersin, « Premier Contact avec les Pays Moïs de l'Annam, *Revue Indochine* N⁰ 99 (23 Juillet 1943), p.p 1-3.

2. Le Médecin Général Genevray, « A. Yersin », *Revue Indochine* N⁰ 133 (18 Mars 1943) p. 4 và A. Yersin », Voyage de Nha-Trang à Stung Treng par les Pays Moïs », *Revue Indochine* 1942, N⁰. 103, N⁰. 104 & 109.

3. A. Yersin, « Voyage de Nha-Trang à Stung Treng par le pays Mois », Revue Indochine, N⁰ 103 (20 Août 1942), p. 4.

Library HoangSa.Org

Tôi đã đi khắp vùng trong 5 tháng (từ tháng 3 đến tháng 7), ghi trên bản đồ những dòng sông, định vị những nơi cư dân, trắc diện những dãy núi. Chính trong một dịp tìm biết này mà ngày 21-6-1893, tôi đã tiếp xúc đầu tiên với cao nguyên Lâm Viên (Langbian). Lộ trình đi gần giống như một trong những đường sau này được chọn để thiết lập đường lên Đà-lạt qua ngã Fimnom, Prenn...

«... Tôi đã đi ngang qua cao nguyên suốt theo bề ngang để tới làng mọi Dankia, ở vị trí rất tốt trên bờ sông lớn Da Dong ngay dưới chân núi Lâm Viên ; nơi này với độ cao là 2100 m, chế ngự cả cao nguyên.

«Sau một thời gian lưu trú ngắn tại Dankia, tôi đã trở xuống cao nguyên phía dưới là cao nguyên Dran-Djiring, bằng một lộ trình khác đưa tôi qua Ankroët và một chuỗi những làng đều mang danh xưng chung là Riong.

«Tiếp theo đó, tôi đã đến cao nguyên bằng những lộ trình khác và đặc biệt là biết tới đường đỉnh nối liền Đơn Dương (Dran) với Đà-lạt qua Trạm Hành (Arbre Broyé), Entre-Rays, Bosquet... và cao nguyên Lâm Viên nhỏ (Petit Langbian) mà ở đó, cách đây vài năm, viện Pasteur đã cho thiết lập một thí điểm trồng cây quinquina» [1].

[«... J'étais muni d'un théodolite et de chronomètres, ce qui me permettait de calculer des coordonnées géographiques satisfaisantes pour fixer les points remarquables du pays. J'ai parcouru la région pendant cinq mois (de Mars à Juillet), dans tous les sens, relevant le cours des rivières, l'emplacement des lieux habités, le profil des montagnes. C'est au cours d'une de ces reconnaissances, le 21 Juin 1893, que j'ai pris un premier contact avec le plateau du Langbian. L'itinéraire suivi était sensiblement celui qui a été choisi ultérieusement d'une des routes d'accès et qui passe par Fimnom, Prenn pour aboutir à Dalat.....

«Je traversais le plateau dans toute sa largeur, pour atteindre le village moï de Dankia, si heureusement situé sur le bord de la grand rivière, le Da Dong et au pied même du massif du Langbian, qui domine le plateau, avec ses 2100 mètres d'altitude.

«Après un court séjour à Dankia, je redescendais sur le plateau inférieur Dran — Djiring, en empruntant un autre itinéraire, qui me faisait passer par Ankroët et toute une série de villages portant le nom commun de Riong.

---

1. A. Yersin, « Premières Reconnaissances du Plateau du Langbian, *Revue Indochine*, N° 101 (6 Août 1912), p. 4.

Library HoangSa.Org

«Il m'est arrivé dans la suite, d'accéder au plateau du Langbian par d'autres itinéraires et en particulier de reconnaître le chemin de crêtes, qui relie Dran à Dalat, en passant par l'Arbre Broyé, Entre-Rays, le Bosquet et le plateau du Petit Langbian, où l'Institut Pasteur a installé, il y a quelques années une station d'essais pour la culture des quinquinas.»]

Ông đã dùng ngựa để đi thám hiểm vùng Đà-lạt. Tại Rioung, cọp đã vồ mất một con ngựa trong đoàn tùy tùng của ông [1]. Theo nhựt ký của ông, ông đã đến thác Prenn hồi 1 giờ 25 chiều (ngày 21-6-1893) và đến 3 giờ 30 ông mới lên tới vùng cao nguyên Đà-lạt [2]. Ông đã diễn tả cảm tưởng của ông khi ông đặt chân lên vùng đất Đà-lạt trong một buổi lễ của trường trung học đã lấy tên ông mà đặt tên cho trường vào ngày 28-06-1935 do Toàn Quyền Robin có mỹ ý tổ chức. Ông đã đáp lời như sau: «*Cảm tưởng của tôi thật sống động khi từ rừng thông ra, tôi đã đặt chân trên bờ cao nguyên rộng lớn trơ trụi mà mấp mô chế ngự bởi 3 đỉnh núi Langbian, thế đất mấp mô đã khiến tôi hình dung lại một mặt biển động với một làn sóng vĩ đại như người ta đôi khi có thể thấy ở duyên hải Trung Việt (An-nam) ngay trước một trận cuồng phong.*

«*Sự mát lành của khí trời đã làm tôi quên đi sự mệt nhọc và tôi nhớ lại sự vui mừng mà tôi đã cảm thấy khi tôi chạy hết tốc lực lên xuống những ngọn đồi y như một chú học trò nhỏ*» [3].

[Mon impression a été vive lorsque, débouchant de la forêt de pins, je suis parvenu sur le bord de ce vaste plateau dénudé et accidenté, dominé par le triple pic du Langbian, ses ondulations me rappelaient une mer tourmenté par une houle énorme, comme on peut observer parfois sur la côte d'Annam, au voisinage d'un typhon.

«La fraîcheur de l'air m'avait fait oublier la fatigue et je me rappelle la joie que j'éprouvais à courir, comme un jeune collégien montant et descendait les collines à toute allure.»]

Trong các cuộc thám hiểm trên cao nguyên, Yersin luôn đem theo các vật tùy thân như các dụng cụ khoa học, khí giới tự-vệ, thuốc men, thực phẩm và một số các sản vật dùng để trao đổi. Như chuyến thám

1. Noël Bernard, Yersin, Pionner-Savant-Explorateur, Paris, La Colombe, 1955, p. 59.

2. A. Yersin, (Journal de voyage du Dr Yersin) — Voyage Chez les Moïs. .

3. Noël Bernard, sđd p. 76.

Library HoangSa.Org

hiểm năm 1892 từ Nha-Trang đi Stung Treng, Yersin đã kể ông đã mang kính thiên văn (théodolite), đồng hồ đặc biệt (chronomètre), phong vũ biểu bỏ túi (baromètre anéroide de poche), địa bàn, hàn thử biểu, máy chụp hình. Khí giới thì gồm có súng săn, súng Winchester kiểu 1873 và súng lục. Thực phẩm thì thường là cà phê, mỡ, fromage, sữa, khoai tây và cả rượu Cognac, mỗi thứ một ít. Thường các thực phẩm chỉ đủ để ăn được nửa tháng. Khi thực phẩm đã cạn thì ông phải ăn cơm Việt-Nam. Thuốc men gồm các thuốc quinine, salol, salicyclate de bismuth, chlorodyne, idoforme, acide phénique, onguent styrax, l'onguent mercurial et matrousse. Còn các sản vật để trao đổi thường là vải đủ màu trắng, xanh, đỏ, chăn, khăn tay (mouchoir) đủ màu, vòng, nhẫn đủ loại, dao, ống «Pipe», đồng hồ...» [1]

Nhờ có những sản vật trao đổi này mà đi tới đâu, ông có thể thuê voi, ngựa đi tới đó, ông có thể thuê người hướng đạo, thông ngôn hoặc để ngoại giao với các chức sắc Địa-phương. Dân thượng không bao giờ chịu cho thuê voi ngựa đi quá xa, thường chỉ sang tới làng lân cận cách chừng 15-20 cây số mà thôi. Vấn đề thuê người thông ngôn cũng khá gay go. Có lần trong cuộc thám hiểm 1892, ông đã thuê phải một người nghiện thuốc phiện đang đi nửa chừng, họ thiếu thuốc đã phải bỏ cuộc hành trình, ông phải ngoại giao thật khó khăn lắm mới kiếm được người thay thế.

Đi đến đâu, ông xác định tọa độ địa dư tới đó và đã cố gắng vẽ bản đồ. Khi ông khám phá ra vùng Đà-lạt thì người Pháp đã thiết lập bản đồ Đông Dương với các tấm tỉ lệ 1/100.000, nhưng vùng cao nguyên chỉ có vùng Ban-mê-thuột được biết rõ, vùng phía Lâm Viên còn xa lạ [2].

Đi tới đâu, ông hỏi dân địa phương để biết các địa danh rồi phiên âm viết theo tiếng Pháp. Trong nhựt ký viết về cuộc thám hiểm cao nguyên Lâm Viên (Lang-Bian), ông đã cho biết rằng đã đến hỏi viên tù trưởng về những vùng phía Bắc Cao nguyên Lâm Viên. Người nầy biết rõ Krong Ea, Dadoung và các làng người Bihs [3] và đã kể ra tên nhiều các làng ở địa phương nầy như Damron, Tiel Deung, Siel Moup...

1. Noël Bernard, sđd, p. 52 hay B.S E.I, tome XIX Nº 1, 1er trimestre 1944, p. 82.

2. Henri Jacotot, le Docteur Alexandre Yersin, B.S.E.I, t.XIX, Nº 1, (1er trimestre 1944), p. 82.

3. Người Rhadé.

Library HoangSa.Org

Trong những trang nhật ký nầy, cũng thấy các địa danh như Prenne, Dan Dia, Ankroette.

Cũng vậy, địa danh Đà-lạt là tên gọi do sự hỏi dân địa phương mà ra. Điều nầy, đã được xác nhận bởi ông Cu-nhac, người có mặt trong các phái đoàn đầu tiên thăm dò, nghiên cứu để thành lập Đà-lạt cũng như là người đảm trách những chức vụ cải tổ đầu tiên Đà-lạt cũng như tỉnh Đồng Nai thượng. Ông đã trả lời câu phỏng vấn của Baudrit đăng trong Revue Indochine số 180 như sau:

«*Cho mãi tới những năm sau nầy, khung cảnh ban sơ vẫn không có gì thay đổi. Ở tại chỗ của cái hồ nước trước đó, con suối nhỏ của bộ lạc người Lat*[1] *đã chảy qua và người ta đã gọi suối nầy là Đà-lạt*» (*Da hay dak tiếng mọi nghĩa là nước*) *và không hiểu lý do gì mà người ta đã thay thế danh xưng Việt Nam và Cam-Ly*[2]. Như thế Đà-lạt có nghĩa là nước (l'eau) của người Lat hay suối của người Lat.

Danh xưng Đà-lạt như thế trước hết được dùng để gọi con suối hiện nay gọi là Cam ly. Sau Đà-lạt được dùng gọi cả vùng có con suối trên (Cam ly). Ban đầu, trên bản đồ cũng như sách, người ta chỉ hay nói tới địa danh Dankia hay Langbian. Nhưng sau khi Đà-lạt được dứt khoát chọn làm nơi nghỉ mát thay vì Dankia, nhứt là khi Đà-lạt trở thành một thành phố (sau thế chiến thứ nhứt), địa danh Đà-lạt mới hay được nói tới.

Một người như ông Cunhac, một chứng nhân và cũng là người có công kiến thiết Đà-lạt ngay từ lúc đầu tiên hẳn là có thẩm quyền khiến ta tin tưởng lời nói của ông và như thế mọi giả thuyết về sự phát sinh về địa danh Đà-lạt là giả tưởng, do người về sau tưởng tượng ra.

---

1. Người Lat là sắc dân Indonésien thuộc nhóm Môn Khmer ở cao nguyên Lâm Viên gồm cả giống Scrê, Maa, Cil, ảnh hưởng người Miên. Còn người Koho vẫn thường lầm tưởng là một sắc dân trong nhóm ảnh hưởng Miên này lại chỉ là tiếng người Chàm gọi, (Kahov) dùng để chỉ tất cả những người thượng cũng như tiếng «mọi,» «thượng» của người Việt hay «montagnard» của người Pháp — Như thế về nhân chủng, không hề có một sắc dân nào gọi Koho). Người ta cũng thường dùng tiếng Koho để chỉ một thứ ngôn ngữ chung cho một số sắc dân cư ngụ tại vùng cao nguyên Lâm Viên — Xem Gilbert Bochet et Jacques Dournes, *Lexique Polyglotte*. (Kòho — Vietnamien — Röglai — Francais) — Saigon France Asie, 1953.

2. A Baudrit. «La naissance de Dalat» *Revue Indochine* Nº 180 (10 Février 1944) p. 23 [L'aspect primitif ne s'est guère modifié jusqu'à ces dernières années. A la place du lac coulait le petit ruisseau de la tribu des lat et qu'on appelait «Da lat» (Da ou Dak: eau, en moï et auquel pour une raison que je n'e plique guère, on a substitué le nom Annamite de Camly].

Library HoangSa.Org

Và rồi những người khai sáng ra Đà-lạt đã xác định bằng một câu cách ngôn La Tinh chiết tự khéo léo: Dat Aliis Laetitiam Aliis Temperiem (Elle donne aux uns la joie, aux autres la Santé) có nghĩa là cho kẻ này nguồn vui, cho kẻ khác sức khỏe. Chính André Morval đã viết câu cách ngôn chiết tự ở đầu bài báo nhan đề: « Dalat Cité de la Jeunesse và đã viết ở phía dưới như sau: « Những người khai sinh ra nơi nghỉ mát trên miền núi danh tiếng của chúng ta đã xác định một cách rất hợp lý những nét hấp dẫn và những đặc tính tốt bằng một câu cách ngôn ghép chữ đầu rất khéo léo để liền theo huy hiệu của thành phố. [1]

[« Les fondateurs de Notre fameuse station d'altitude ont fort heureusement défini ses attraits et ses vertus dans l'ingénieuse devise acrostiche qui accompagne les armes de la ville. »]

Câu cách ngôn chiết tự trên đã được làm ra về sau và đã thường viết kèm theo huy hiệu của thành phố và như vậy không hề là câu phát xuất ra địa danh Đà-lạt như nhiều người lầm tưởng.

• NHỮNG PHÁI ĐOÀN NGHIÊN CỨU THIẾT LẬP NƠI NGHỈ MÁT TẠI ĐÀ LẠT

Nghỉ mát dưỡng sức là nhu cầu cần thiết của người Pháp cai trị tại một xứ nóng như Việt-Nam. Ngay từ năm 1870, người Pháp đã thiết lập nơi nghỉ mát dưỡng sức dành cho nhà binh tại Bà-Rịa [2]. Sau chuyến đi Ấn-Độ, toàn quyền P. Doumer thấy cần phải lập nơi nghỉ mát ở miền núi tương tự như ở Ấn rất ích lợi đối với những Pháp kiều bị yếu đau vì khí hậu nhiệt đới.

Sau bốn năm khám phá ra cao nguyên Lâm Viên (Langbian), Bác sĩ Yersin đã cho toàn quyền Doumer biết việc khám phá này, khi đó P. Doumer lại đang có ý định thiết lập một nơi nghỉ mát ở miền núi tại Đông-Dương. Người Pháp đã thực hiện dự tính thiết lập nơi nghỉ mát trên. Paul Doumer đã lần lượt cử 2 phái-đoàn: phái-đoàn do đại

1. André Morval, « Dalat Cité de la Jeunesse », Revue Indochine, Nº 133 (18 Mars 1943) p. IX.

Câu cách ngôn trên cùng huy hiệu của thành phố Đà-lạt trước đây cũng đã được đặt tại mi nhà (Fronton) của chợ Đà-lạt. [Monographie de Dalat, Octobre 1953,]

2. Baudrit, Un Sanatorium militaire à Bà-rịa 1870, *B.S.E.I*, 1938, tome XIII Nº 2, p. 55-59.

Library HoangSa.Org

úy Thouard cầm đầu (1897-1898) và một phái-đoàn do đại-úy Guynet (1899-1900) làm trưởng đoàn. Sau đó vào năm 1900 chính toàn quyền Doumer đã đích thân lên quan sát để có quyết định dứt khoát thiết lập nơi nghỉ mát tại Đà-lạt.

« Trước hết phái đoàn quân sự do đại úy pháo binh Thouard cầm đầu được toàn quyền P. Doumer cắt cử có nhiệm vụ tìm kiếm và nghiên cứu thiết lập một con đường dễ dàng nhất đi tới cao nguyên Lâm Viên (Langbian) khởi từ Nha-Trang. Phái-đoàn còn có trung úy thủy quân lục chiến Wolf phụ tá trưởng đoàn cùng các ông Cunhac, trắc địa viên, đội trưởng (brigadier) Abriac phụ trách chỉ huy bọn phu phen và đoàn xe, cùng tên lính thủy quân lục chiến Missigbrod, tên cựu chiến binh Lê Dương Poméranien, thêm 2, 3 người lính tập Việt-Nam và một hướng đạo viên, trước kia đã từng đi với Yerin lên khám phá Đà-lạt. Phái-đoàn Thouard khởi hành từ Sài-gòn đến Nha-Trang vào cuối tháng 10 năm 1897 và đã men theo thung lũng sông Nha-Trang để lên cao nguyên Lâm Viên.

« Sau khoảng 1 tháng trời, phái đoàn đã tới Đơn Dương (Dran) thung lũng sông Đa-Nhim, rồi dọc theo hữu ngạn sông này tới Fimnom, đến thác « Prem và lên Đà-lạt.

« Sau khi cắm lều hạ trại một thời gian ngắn bên bờ sông Cam-Ly, phái đoàn đã đến trú ngụ tại Dankia. Ở đây có một làng mọi khá quan trọng, trong khi ở vùng cao nguyên còn hoang vắng. Về phía Manline có hai hay ba ấp người Lat. Dankia vừa là trung tâm của vùng, vừa có thể là nơi dễ đổi chác thực phẩm cho phái đoàn. Khi rời nơi đây để về Sài-gòn, phái đoàn đã để lại tên lính thủy quân lục chiến Missigbrod để lập một vườn rau và chăn nuôi, khởi đầu cho nông trại Dankia sau này. Phái đoàn đã trải qua 11 tháng trời công tác nghiên cứu. Đến tháng 9 năm 1898 thì phái đoàn hoàn tất nhiệm vụ ».[1]

Phái đoàn nghiên cứu thấy rằng khó có thể thiết lập con đường thẳng từ Nha Trang lên Cao Nguyên mà phải từ Phan-Rang đi Xom-Gon, Đơn-Dương và theo thung lũng Đa-Nhim qua đèo Prenn và lên Đà-lạt. Phái đoàn Thouard cũng nhận thấy rằng cao nguyên Đà-lạt hầu hết đều bao quanh bởi những phụ lưu của sông Đồng Nai nên khuyến cáo có thể thiết lập con đường thẳng từ Sài-gòn dọc theo thung lũng

1. A. Baudrit, « La Naissance de Dalat », *Revue Indochine* N° 180, (10 Février 1944) p. 23.

Library HoangSa.Org

sông Đồng Nai để tránh phải qua dốc cao tới 800m về phía Phan-Rang lên (đèo Ngoạn Mục).

Tiếp theo phái đoàn Thouard, là phái đoàn thứ hai do Đại úy kỵ binh Guynet cầm đầu (1899-1900) [1], có nhiệm vụ thiết lập con đường lên Cao nguyên. Phái đoàn gồm 20 người Pháp, 70 lính tập, và khoảng 1500 phu làm đường.

Trong số 20 người Pháp trên, người ta thấy có Cunhac với chức vụ bí thư riêng cho Đại úy Trưởng Phái Đoàn và Etienne Tardif là bác sĩ Trưởng của Phái Đoàn. Phái đoàn đã thực hiện công tác trong 13 tháng trời để làm con đường không trải đá dài 120 cây số từ cửa Nại cách Phan Rang 7 cây số, qua Xou-Gom, Đơn Dương, Đà- lạt rồi đến Dan kia. Đại úy Trưởng Phái Đoàn dựng nhà ở tại Phan-Rang. Từ đây Đại úy đã coi sóc công việc làm đường và Đại úy cùng phái đoàn đã nhiều lần lên nghiên cứu tại Đà-lạt, Dankia. Bác sĩ Etienne Tardif đã soạn một bản phúc trình (rapport médical), phân tích tỉ mỉ những lợi điểm của Đà-lạt so với Dankia. nhứt là về phương diện y tế vệ sinh. Bản phúc trình quan trọng trên đã được đại úy Guynet trình tận tay Toàn-Quyền P. Doumer vào năm 1900. Toàn quyền P.Doumer đã hết sức phân vân vì bác sĩ Yersin trước kia lại đề nghị nên thiết lập nơi nghỉ mát tại Dankia. Cuối cùng P. Doumer đã quyết định phải đích thân xem xét tại chỗ rồi mới quyết định và rồi sau chuyến đi của P. Doumer quan sát tận chỗ tại Đà-lạt và Dankia, Đà-lạt đã được dứt khoát chọn làm nơi thiết lập thành phố nghỉ mát. Như thế, bản phúc trình của bác sĩ Etienne Tardif rất quan trọng, đã quyết định sự khai sinh Đà-lạt thay vì Dankia. [2]

Toàn Quyền P. Doumer đã quyết định đi thăm Đà-lạt vào khoảng tháng 2, 3 năm 1900. [3] Toàn Quyền P. Doumer đã cho đánh điện cho bác sĩ Yersin được biết nội trong 48 giờ, Toàn Quyền P. Doumer sẽ tới

1. Theo Baudrit trong bài báo « La Naissance de Dalat » trong Revue Indochine Nº 180, thời gian công tác của phái đoàn là 1898-1899. Nhưng trong cuốn La « Naissance de Dalat » của bác sĩ Etienne Tardif, thời gian công tác của phái đoàn được ghi là 1899-1900, từ tháng 5-1899 đến tháng 6-1900 với nhiều những chi tiết được kể rất tường tận, đáng tin cậy hơn.

2. Etienne Tardif, La Naissance de Dalat (An-nam) 1899-1900 Vienne, Jernet Martin 1949, p. 5, p. 9-10, p. 48-49, p. 128, p. 141-163, p 219-252.

3. Theo Yersin viết trong Indochine Nº 101, năm Toàn Quyền P. Doumer thăm Đà-lạt là 1899 nhưng bác sĩ Tardif có cho biết rõ Toàn Quyền P. Doumer lên quan sát Đà-lạt sau khi đọc bản phúc trình của ông vào năm 1900 — E. Tardif, La Naissance de Dalat, p. 299...

Library HoangSa.Org

Phan-Rang. Bác sĩ Yersin đã phải lật đật đi từ Nha-Trang tới Phan-Rang bằng ngựa. Bác sĩ Yersin kể nhờ có ngựa trạm, cứ khoảng 15 đến 20 cây số lại có trạm ngựa và ông đã đi suốt ngày đêm để đến Cửa Nại (Phan-Rang) đón Toàn Quyền P. Doumer.

Phái-đoàn tháp tùng Toàn Quyền P. Doumer gồm có Đại úy Langlois, sĩ quan tùy viên, viên Công sứ Nha-Trang, và có cả quan phủ địa phương [1].

Từ Phan-Rang, phái-đoàn đã đến đèo Ngoạn Mục rồi lên Đơn Dương (Dran). Tới Trạm Hành (Arbre Broyé) đường dốc quá, phái-đoàn phải dắt ngựa leo dốc. Qua nơi đây nhờ là đường đỉnh nên đi dễ dàng hơn, phái-đoàn có thể dùng ngựa phóng nước đại được.

Phái-đoàn Toàn Quyền P. Doumer đã qua ở tại Dankia một ngày [1]. Sau khi quan sát tại chỗ, P. Doumer đã quyết định thiết lập nơi nghỉ mát dưỡng sức tại Đà-lạt thay vì Dankia.

ĐÀ-LẠT TRONG THỜI KỲ KHAI SINH (1900-1914)

Bác sĩ Yersin kể lại rằng ông đã nhận thư của Toàn Quyền P. Doumer vào khoảng năm 1899 [2] yêu cầu bác sĩ tìm cho một địa điểm từ vùng phía nam Trung Việt, nơi bác sĩ đã từng đi khám phá để thiết lập một nơi nghỉ mát sao cho có đủ các điều kiện sau đây :

— Độ cao thích hợp (altitude convenable).

— Diện tích đủ rộng (surface suffisante).

— Cung cấp nước bảo đảm (alimentation en eau assurée).

— Khí hậu ôn hòa (climat tempéré).

— Có thể tới được dễ dàng (possibilité d'accès).

Cao nguyên Langbian là nơi có đầy đủ các điều kiện ấy và dĩ nhiên bác sĩ Yersin đã đề nghị thiết lập nơi nghỉ mát tại cao nguyên này ở vùng Dankia.

---

1. A. Yersin, « Premières Reconnaissances du Plateau du Langbian » *Revue Indochine*, Nº 101, (Août 1942), p. 4-5.

2. Năm 1897 mới đúng. Theo Yersin viết trong Revue Indochine Nº 101, p. 4 thì thư P. Doumer viết vào năm 1899, nhưng đối chiếu người ta thấy phái đoàn nghiên cứu Thouard được cử lên cao nguyên Lâm Viên sau đề nghị của Yersin, đã từ năm 1897. Có thể bác sĩ Yersin đã nhớ nhầm năm hoặc lỗi của ấn loát.

Library HoangSa.Org

Khởi đầu, người Pháp đã cho thiết lập một vài cơ sở thí nghiệm tại Dankia, cách Đà-lạt hiện nay khoảng 13 cây số về phía Tây bắc. Năm 1898, sở khí tượng và thí điểm nông nghiệp được thiết lập tại Dankia cách Ankroët khoảng 3 cây số. Thí điểm nông nghiệp này do Jacquet, thanh tra canh nông điều khiển.

Cuộc thí nghiệm tại Dankia đã cho biết rằng đất đai ở đây không được phì nhiêu, nhưng rất hạp trồng các loại rau hoa quả giống Tây phương miền ôn đới. Rau trồng có kết quả tương tự như trồng tại Pháp, đặc biệt là các loại đậu, khoai tây, chou-fleurs, artichauts, dâu tây rất dễ trồng. Người ta đã áp dụng các kỹ thuật tháp cây ăn quả của Âu-Châu vào các cây rừng. Về hoa thì thấy các loại hoa ở Pháp đem sang trồng đều rất hợp. Người ta cũng đã thí nghiệm nuôi các bò giống Bretonne, cừu giống Ấn-Độ và Vân-Nam [1].

Sau đó, người ta đã nghiên cứu để chọn lựa giữa Dankia và Đà-lạt để thiết lập nơi nghỉ mát. Trong một bản phúc trình năm 1900 của bác sĩ Tardif, đã phân tích những lợi hại như sau:

— Về điều kiện vệ sinh, Đà-lạt có nhiều ưu điểm hơn Dankia mà điều kiện vệ sinh lại rất quan trọng cho một nơi nghỉ mát dưỡng sức. Đà-lạt là nơi có địa thế liên tục của một chuỗi đất dài có độ dốc thoai thoải, khoảng khoát, dễ tới trong khi Dankia gồm một loạt những núi đồi nhỏ cách biệt nhau bằng những thung lũng lầy lội.

— Về độ cao, Đà-lạt có độ cao đều đều và lại cao hơn Dankia.

— Về đất đai, Dankia có lớp đất sét quá dầy làm đất ít thấm nước, trong khi Đà-lạt có lớp đất sét mỏng vừa đủ điều kiện cho sự trồng trọt.

— Về vấn đề nước, việc dẫn thủy tại Đà-lạt tương đối dễ và nếu sau nầy có máy nước thì sự phân phối nước cũng sẽ dễ dàng vì địa thế Đà-lạt thuận lợi hơn Dankia.

— Về không khí thì Đà-lạt thoáng khí hơn, không khí Đà-lạt mát lành và ít ẩm hơn Dankia. Dankia gần các đỉnh Lâm Viên, ở bên sườn hứng gió ẩm, nhận được nhiều mưa rào hơn, Dankia thường có sương mù dày hơn, thường tới 10 giờ sáng mai mới tan.

---

1. L. Constantin, « Le Sanatorium du Langbian, Rapport de l'Inspecteur général des Travaux Publics », *Revue Indochine*, Nº 3 - 4 (Mars-Avril 1916) pp. 306, 307 pp. 314-15.

Library HoangSa.Org

— Về thảo mộc, Dankia chỉ toàn là đồi cỏ xanh mà thôi, trong khi Đà-lạt lại gần rừng thông, không khí vừa mát lạnh lại thơm ngát vì mùi hương của nhựa thông.

Ngoài ra, khi trở thành một thành phố thì Dankia sẽ bất tiện vì sự mấp mô của các chỏm tròn không tiện cho xe cộ di chuyển [1].

Về việc thiết lập đường xe lửa, đạo luật ngày 25 tháng 12 năm 1898 chấp thuận cho vay một ngân khoản 200 triệu phật lăng với tiền lời 3,5%, đã cho phép Toàn Quyền Paul Doumer thực hiện một chương trình tân trang đường xe lửa qui mô cho Đông-Dương, trong đó Toàn Quyền P. Doumer đã quyết định cho lập chi nhánh của đường Sài-gòn — Khánh-Hòa để lên Đà-lạt [2]. Nhánh đường này khởi từ Phan-Rang lên phía Đơn Dương, đã bắt đầu khởi sự thiết lập từ năm 1903.

Ngoài ra có phái-đoàn Oddera, Garnier, Bernard (1898-1900) cũng đã nghiên cứu con đường đi bộ từ Sài-gòn lên Đà-lạt.

Các công tác đang tiến hành thì đến năm 1901, Toàn Quyền Paul Doumer đã bị đổi về Pháp. Mọi dự án phát triển coi như bị ngưng trệ, và nếu có tiến hành cũng rất chậm chạp. Tới năm 1915, Đà-lạt mới lại chuyển mình phát triển lại. Sở dĩ có sự ngưng trệ vì các viên Toàn Quyền kế tiếp không thiết tha, hay thiếu ngân khoản trong khi công việc phát triển Đà-lạt có nhiều trở lực lớn lao.

Tuy vậy, trong thời gian ngưng trệ này, vẫn có nhiều phái-đoàn được phái lên Đà-lạt tiếp tục nghiên cứu : Phái-đoàn quân sự của tướng Beylié (1903), tướng Pennequin (1904), đại úy Bizar (1905), phái-đoàn Công Chánh Ducla lên nghiên cứu việc thiết lập các con đường đi lên Đà-lạt hay ở ngay tại Đà-lạt, phái đoàn bác sĩ Vassal của viện Pasteur (1905) nghiên cứu về vấn đề vệ sinh, bệnh sốt rét... (Bulletin Economique, 1905, p. 929), phái đoàn Garnier (1906) và phái đoàn Cunhac (1907)

---

1. Docteur Etienne Tardif. *La Naissance de Dalat* (1899-1900), Vienne, Jernet Martin, 1949, pp. 144-148.

2. Con đường Sài-gòn — Khánh-Hòa khởi công năm 1901 và đến năm 1908 mới làm được 132 km, đến năm 1913 thì làm tới Nha-Trang. Trước đạo luật này, Việt-Nam chỉ có đường xe lửa Sài-gòn Mỹ-Tho khởi công năm 1885, đường xe lửa Phủ Lạng Thương — Lạng Sơn năm 1889 và đường Hà-Nội — Đồng Đăng từ năm 1896.— Xem H. Cucherousset, Les Chemins de fer de la Péninsule Indochinoise, *Cahiers de la Géographie de Hanoi*, 1927, 12e Cahier, p. 6.

Library HoangSa.Org

nghiên cứu đường bộ lên qua ngả Djiring [1]. Vào khoảng 1907, các cơ sở tại Dankia bắt đầu bị bỏ như sở khí tượng được dời từ Dankia về Đà-lạt vào năm 1909.

Tuy tiến hành chậm chạp nhưng công tác kiến thiết đường xe lửa đã hoàn tất được một đoạn đường từ Phan Rang đến XomGon trong vòng 6 năm (1903-1909). Đoạn đường này nằm ở phạm vi đồng bằng. Đến năm 1910, công tác kiến tạo xe lửa này phải ngưng lại vì thiếu ngân khoản. Đến năm 1912, công tác đoạn đường này lại được tiếp tục. Đến năm 1913, con đường bộ từ Phan Thiết qua Ma-Lâm lên Djiring cũng lại được tiếp tục thực hiện [1].

Tới năm 1914, đường xe lửa từ Phan-rang đến Xom-Gon để đi Đà-lạt đã bắt đầu được khai thác [2]. Từ Xom-Gon lên Đà-lạt, người ta phải xử dụng ngựa để đi.

Cũng vào năm 1914 khoảng tháng 10, con đường bộ từ Phan-Thiết lên Đà-lạt qua ngã Djiring bắt đầu được mở và chiếc xe ô-tô đầu tiên đã tới Đà-lạt, chỉ mất một ngày đường [2].

Đà-lạt trong thời kỳ khai sinh chưa phải là một thành phố, mà chỉ là một điểm nghỉ mát rất sơ sài dành cho người Pháp.

Về cơ sở hành chánh khi ấy chỉ có một vài tòa nhà bằng gỗ được dựng lên như tòa nhà của viên Toàn Quyền, tòa nhà thương, tòa nhà viên Công Sứ, tòa nhà viên Cảnh Vệ Đông Dương (Garde Indochinoise). Năm 1907, một lữ quán (sala) đầu tiên được thiết lập, sau này trở thành Hotel du Lac và bây giờ là Ty Thông tin. [3]

Tòa nhà đầu tiên được thiết lập tại Đà-lạt có lẽ là tòa nhà bằng tranh để làm đồn nhà binh (poste Commandé par un garde principal de la milice), do Garnier, Công-sứ tại Phan-thiết cho dựng vào năm 1898. [4] Tiếp theo là tòa nhà sàn bằng gỗ, lợp tôle được Outrey, Công-sứ tỉnh Đồng Nai Thượng cho thiết lập năm 1900, sau là tòa thị

1. Le Constantin, « Le Sanatorium du Langbian, Rapport de l'Inspecteur Général des Travaux Publics 17 Décembre 1915, *Revue Indochinoise* N° 3-4, (Mars-Avril 1916), p. 306-307, p. 317.

2. Le Chemineau, « Langbian », *Revue Indochinoise* N° 3-4 (Mars-Avril 1916), p. 2-7.

3. Monographie de Đà-lạt, Oct. 1953, p. 2.

4. Yersin, « Premières Reconnaissances du Plateau du Langbian », *Revue Indochine*, N° 101, (6 Août 1942), p. 5.

Library HoangSa.Org

sảnh của Đốc lý Công-sứ (Hotel de Mr. Le Résidence-Maire) [1].

P. Duclaux, người đã từng đi bằng ngựa từ Vinh vào Sài-gòn mất 42 ngày và ghé qua Đà-lạt, đã tả lại quang cảnh Đàrlạt năm 1908 trong tạp chí Indochine như sau:

« Đà-lạt! 8 hay 10 mái nhà tranh của người Việt, một nhà sàn cho khách viễn du làm bằng các tấm ván thô sơ, một vòi nước nhỏ, chỗ họp chợ, một nhà bưu-điện đơn sơ ở trên một mỏm đồi ẩn sau hàng rào, ở giữa rừng thông, vài nhà bằng gạch của trung tâm hành-chánh Đà-lạt, bởi vì ở nơi đây, thể chế đặc biệt: có một thứ hội đồng thành phố và cũng có một viên thị trưởng. Viên Thị-trưởng này chính là cựu cố vấn hội đồng đô thành Ba-Lê, ông Champoudry, đã được Toàn Quyền Doumer đem sang đây sau vụ thất cử và được coi là sáng lập viên của Đà-lạt. Dân cư ở đây gồm vài tá lưu dân người Việt và vài khách viễn du người Âu đi công tác hay trắc địa viên, những người thợ săn hay một vài khách du lịch rất hiếm hoi cùng các tùy tùng của họ [2] ».

Duclaux kể lại rằng khi ấy tại Đà-lạt có nhiều cọp vô cùng; cọp luôn luôn đe dọa ngay cả thợ săn cũng không có gì bảo đảm. Cọp đã vồ ăn thịt nhiều người Âu, bắt luôn gia súc, chó, ngựa. Ngoài ra, chó sói thường đi từng bầy rất hung dữ. Nếu đi ngoài đường một mình ngay khi trời còn nhá nhém tối thì vô cùng nguy hiểm. Chính Duclaux khi tới Đà-lạt, đến ăn cơm chiều ở đồn (Poste de Milice), khi ra về đã được Canivey cho 4 người lính võ trang hộ vệ [3].

ĐÀ-LẠT TRONG THỜI KỲ TÁI SINH (1915-1922)

Năm 1901, Toàn Quyền P. Doumer về Pháp đã mang theo cả chương trình phát triển Đà-lạt. Chương trình phát triển này rất qui mô với các dinh thự đồ sộ nghỉ hè của giới chức cao cấp thuộc địa cùng

1. A. Baudrit, « La Naissance », *Revue Indochne* N⁰ 180, (10 Fev 1944), p21 — Tỉnh Đồng Nai Thượng được thiết lập năm 1899; đến 1901, tỉnh này bị bãi bỏ, Djiring được sát nhập vào tỉnh Phan-thiết và Đà-lạt được sát nhập vào Phan-Rang.

2. P. Duclaux, « Le Dalat de 1908. A cheval dans La Nature Sauvage », *Revue Indochine*, N⁰ 39, (29 mai 1941), p. 5.

3. P. Duclaux, « Le Dalat de 1908, tlđd p5.

DALAT và các vùng phụ c

Library HoangSa.Org

Tỷ-lệ 1 : 2.000.000

Nha Địa-Dư Quốc-Gia thiết-lập và phát-hành 1971

Library HoangSa.Org

các trường học, trại lính thuộc địa, đã bị ngưng trệ, không còn được các vị toàn quyền khác quan tâm. Đà-lạt hoang vắng với khoảng gần chục tòa nhà bằng gỗ đã ngủ một giấc dài tới năm 1915 mới bừng sống trở lại. Sở dĩ có sự phát triển trở lại là vì Thế Chiến thứ hai xảy ra khiến những người Pháp không thể về chính quốc nghỉ hè. Đồng thời các trục lộ xe lửa từ Phan-Rang tới Đà-lạt cũng như đường bộ từ Phan-Thiết lên Đà-lạt qua ngã Djiring đã hoàn tất giai đoạn sơ khởi, khả dĩ có thể chuyên chở dễ dàng các hàng hóa, hành khách từ Sài-gòn hay các thị trấn ở đồng bằng lên Đà-lạt, tạo điều kiện thuận lợi phát triển Đà-lạt một cách mau chóng. Ngoài ra từ tháng 3 năm 1916, Đạt-Lạt trở thành tỉnh lỵ của tỉnh Langbian mới được thành lập, công sứ là Cunhac, cũng là yếu tố thúc đẩy Đà-lạt phát triển mạnh trở lại.

Chính năm 1915, một làn sóng người Âu đầu tiên đã đổ xô lên Đà-lạt [1]. Trước đó, Đà-lạt chỉ có vỏn vẹn ba người Âu: một nhân viên coi sóc việc làm đường xá, một người quản lý của một khách sạn và một quan cai trị làm cái công việc của một viên thị trưởng [2].

Tới 1915, từ Sài-gòn lên Đà-lạt, người ta có thể đi bằng hai cách:

— Sài-gòn — Đà-lạt qua ngã Ma lâm (gần Phan-Thiết) dài 354 cây số gồm 197 cây số đường xe lửa từ Sài-gòn đến Ma Lâm và 157 cây số đường bộ từ Ma Lâm đến Đà-lạt.

— Sài-gòn — Đà-lạt qua ngã Phan-Rang dài 414 cây số gồm 360 cây số đường xe lửa đi từ Sài-gòn ra Phan-Rang rồi lên Xom-Gon, và 51 cây số đường bộ từ Xom-Gon lên Đà-lạt.

Nếu đi ngã Ma Lâm hay Djiring, thì du khách phải mất một ngày rưỡi. Nếu xe lửa khởi hành từ 6 giờ 50 phút, du khách sẽ đến Ma Lâm lúc 13 giờ chiều, du khách sẽ chuyển sang ô tô để đi và đến Djiring khoảng 17 giờ. Ngủ tại Djiring một tối, du khách sẽ lên Đà-lạt bằng xe ô tô vào sáng hôm sau.

Nếu đi ngả Phan-Rang hay Xom-Gon (gần Krongpha), du khách phải mất hai ngày. Ngày đầu đi từ Sài-gòn ra Phan-Rang du khách sẽ đi từ Phan-Rang đến Xom-Gon mất khoảng 2 giờ bằng đường xe lửa, và từ Xom Gon lên Đà-lạt, du khách phải qua nhiều chặng đường gay go như từ Xom Gon đến Da Ban (khoảng 5km), đường có thể xe ô tô

1. P. Munier, « Dalat », *Revue Indochine*, N° 28, (13 Mars 1941), p. 6.

2. Le Chemineau, « Le Langbian », *Revue Indochinoise*, N° 3 - 4. Mars-Avril (1916), p. 25.

Library HoangSa.Org

đi được, nhưng từ Da Ban lên đèo Ngoạn Mục (dài 8km), thì chỉ là đoạn đường mòn (Sentier muletier). Từ đèo Ngoạn Mục đến Đơn Dương (Dran), dài 7 cây số là đường tốt, xe cộ có thể đi được, đoạn đường từ Đơn Dương đến Trạm Hành (Arbre Broyé) dài 6 cây số là đoạn đường mòn, nhưng từ Trạm Hành đến Đà-lạt, dài 28 cây số lại là đoạn đường tốt, xe ô tô có thể đi được. Nếu du khách khởi hành từ Phan-Rang từ 7 giờ sáng thì phải tới 7 giờ chiều, du khách mới có thể lên đến Đà-lạt.

Đến năm 1920, con đường bộ từ Phan-Rang lên Đà-lạt mới được hoàn tất và cũng bắt đầu khởi công thiết lập đoạn đường xe lửa răng cưa từ Xom Gon lên Đà-lạt [1].

Năm 1916, Toàn Quyền Roume đã quyết định xây cất một đại khách sạn với đầy đủ tiện nghi. Đó là « Hotel du Langbian Palace ». Năm 1922, khách sạn Langbian Palace đã được khai trương [2] và tới năm 1943, khách sạn này được sửa chữa lại nhất là mặt tiền trông ra phía hồ, giống như mặt tiền hiện nay [3].

Hồ Lớn Đà-lạt (Grand lac), nay là hồ Xuân Hương đã được tạo lập vào năm 1919 do sáng kiến của Cunhac và do kỹ sư công chánh Labbé thực hiện bằng cách làm một chiếc đập chắn ngang nhánh sông Cam Ly. Sau đó vào năm 1923, một đập khác được xây cất ở phía dưới chiếc đập trước, đã tạo hai cái hồ. Đến tháng 3 năm 1932, cả hai chiếc đập này bị vỡ sau một trận bão lớn. Mãi vào khoảng năm 1934-1935, một chiếc đập lớn bằng đá được xây cất ở phía dưới cả hai chiếc đập trước. Đó là chiếc đập ngày nay và đã tạo thành hồ lớn, (hồ Xuân Hương) [4]. Như thế, hồ Xuân Hương hoàn toàn là một hồ nhân tạo rộng chừng 4,5ha.

Vào khoảng năm 1918, nhà máy điện được xây cất. Đến 1920, nhà máy nước cũng được xây cất [5].

Trong thời kỳ tái sinh này, một số nhà cửa bằng gạch cũng được xây cất như nhà bưu điện hiện nay, trường Nazareth, nhà Ngân Khố... Đà-lạt mỗi ngày một phát triển [5].

---

1. Constantin, Le Sanatorium du Langbian. (Rapport de l'Inspecteur Général des Travaux Publics, 17 Décembre 1915), *Revue Indochinoise*, Nº 364 (Mars Avril 1916), p. 317, 320, 324.

2. Monographie de Dalat, Octobre 1953, p. 3.

3. Pierre Andelle, « Les transformations du Langbian Palace » *Revue Indochine*, Nº 128 (11 Février 1943), p. VII-XI.

4. A. Baudrit, « La Naissance de Dalat », *Revue Indochine*, Nº 180 (10 Février (1944), p: 24.

5. Monographie de Dalat. Oct. 1953, p. 3.

Library HoangSa.Org

ĐÀ-LẠT TRONG THỜI KỲ PHÁT TRIỂN THÀNH MỘT THÀNH PHỐ (1923-1939)

Năm 1923, Đà-lạt mới thật sự trở thành một thành phố, khi người ta bắt đầu thực hiện đồ án thiết kế đô thị của kiến trúc sư Hébrard [1]. Đồ án này do Toàn Quyền M. Long giao cho kiến trúc sư Hébrard thực hiện. Hébrard đã có cái nhìn rất rộng. Theo đồ án của Hébrard, thành phố có thể phát triển, đông tới 300 ngàn dân, hay hơn thế nữa và giả thuyết rằng Đà-lạt sẽ trở thành thủ đô của Liên Bang Đông Dương.

Ý tưởng chính của đồ án này là tập trung các vùng dân cư chung quanh Hồ Lớn (Grand Lac), một khu quân sự rất quan trọng ở vùng thuộc Viện Đại Học ngày nay và khu Trung Tâm Chính Quyền (Centre Gouvernemental) ở khoảng trường Võ Bị Quốc Gia ngày nay. Khu Trung Tâm Chánh Quyền gồm có các công sở, cư xá, chợ búa, sau này bị bãi bỏ, không được thực hiện.

Theo đồ án trên, trục lộ chính yếu nhất của thành phố Đà-lạt là trục lộ gồm các con đường hiện nay có tên: Hùng Vương — Trần Hưng Đạo — Dọc theo trục này là những cơ sở quan trọng. Kể từ phía thác Cam Ly, về phía nam trục lộ trên, người ta thấy có các dinh Toàn Quyền, trường sơ học, trung tâm hành chánh và một số dinh thự các viên chức cao cấp; về phía bắc trục lộ trên cũng kể từ phía thác Cam Ly, người ta thấy các cơ sở như công chánh, tòa thị chính (mairie).

Cuối trục lộ chính yếu trên là nhà ga, hiện nay vào khoảng giữa đường Lê Thái Tổ. Nhưng nhà ga về sau lại được thiết lập ở vị trí khác, ở gần trung tâm thành phố hơn.

Cũng theo đồ án trên, chung quanh Hồ Lớn (hồ Xuân Hương hiện nay), có các khu công viên, khu thể thao, khu trường học gồm trường nam và trường nữ. Khu chợ tọa lạc ở ấp Ánh Sáng hiện nay.

Đồ án trên cũng dự trù sự phát triển các khu cư dân người Việt về phía Tây Bắc và Đông Bắc khu Hồ Lớn. [2]

---

1. P. Munier, «Đà-lạt», *Revue Indochine*, Nº 28 (13 Mars 1941), p. 7. Theo Munier vào năm 1922, nhưng thật ra phải đến 1923, đồ án này mới được hoàn tất.

2. Xem đồ án của kiến trúc sư Hébrard, L'Illustration, Nº 4172 (17 Février 1923).

Library HoangSa.Org

Đồ án trên đã được thực hiện dần dần vào tới khoảng năm 1933-1935, kinh tế Đông Dương bị khủng hoảng đã làm chậm sự thực hiện.

Những trục lộ giao thông đi Đà-lạt đã được tăng cường, đã góp phần không ít vào sự phát triển Đà-lạt. Năm 1932, đường bộ từ Sài-gòn lên Đà-lạt qua đèo Bảo-Lộc đã được hoàn tất. Xe cộ đã bắt đầu đi thẳng từ Sài-gòn lên Đà-lạt bằng con lộ này, sau được gọi là Quốc lộ 20. Đường xe lửa răng cưa cũng được hoàn tất vào năm 1933 và nhà ga Đà-lạt được xây xong vào năm 1938. [1] Như thế vào những năm thập niên 30, các trục lộ lên Đà-lạt đã hoàn tất như những trục lộ hiện nay.

Trong thời kỳ phát triển của thành phố Đà-lạt, những số vốn quan trọng đã được đầu tư vào thành phố này nhất là trong những công cuộc xây cất bằng gạch.

Năm 1926, trường Trung học bắt đầu xây cất với loại trường công: Le Petit Lycée và Le Grand Lycée. Trường Petit Lycée được hoàn tất vào năm 1927 và trường Grand Lycée cũng được hoàn tất năm 1935. Đến 28 tháng 6 năm 1935, hai trường trên được đặt tên chung duy nhất là Lycée Yersin. Năm 1935, trường Le Couvent des Oiseaux cũng được thành lập. Trường Đức Bà Vâm Liên (Notre-Dame Du Langbian) cũng được xây cất trong hai năm (1934-1936).

Với các trường Trung học quan trọng trên, Đà-lạt đã trở thành thành phố quan trọng hơn. Các giới chức cai trị cao cấp thuộc địa cũng như những nhà khá giả đã gửi con em họ lên học tại Đà-lạt.

Các trại lính bộ cũng như lính thủy cũng đã được thành lập. Trại Courbet đã được sửa sang vào năm 1930. Một trại lính rộng chừng 24 mẫu tây ở phía đông thành phố đã được thiết lập vào năm 1937. Trường Thiếu Sinh Quân hỗn hợp Âu Á được thành lập vào năm 1939, chiếm một diện tích rộng 38 mẫu tây [2].

Nhà máy điện mới cũng được thiết lập vào năm 1927. Nhà máy nước cũng được phát triển.

Vào năm 1923, Đà-lạt chỉ có khoảng chục tòa nhà bằng gỗ. Đến

1. A. Berjoan, « L'effort français en Indochine : Dalat », *Revue Indochine*, N° 126, 1943, p. III.

2. Monographie de Dalat, Octobre, 1953, p. 4.

Library HoangSa.Org

năm 1938, Đà-lạt có tới 398 biệt thự (villas) và đến năm 1939 có tới 427 biệt thự.

Vào khoảng năm 1937 - 1939, nhiều khu biệt thự của tư nhân cũng được xây cất để bán hay cho thuê như cư xá Saint Benoit, cư xá Belle Vue, cư xá Des Piques hay còn gọi là cư xá Decoux.

Năm 1931, nhà thờ Lớn Đà-lạt được xây cất và được hoàn tất vào năm 1942. Từ năm 1927 Giám mục Sài-gòn là Mossart lên Đà-lạt bằng đường Djiring, chọn vị trí cho nhà thờ Lớn này.

Từ năm 1929, khu chợ ở ấp Ánh-Sáng đã được dời lên vị trí khu Hòa-Bình hiện nay. Khu chợ mới này còn gọi là « Chợ Cây » vì chợ được làm bằng cây lợp tôn. Các dãy phố chung quanh chợ phần lớn là những tiệm tạp hóa cũng làm bằng cây lợp tôn. Sau đó khu này bị hỏa hoạn thiêu rụi và được tái thiết lại bằng gạch với kiến trúc đẹp đẽ hơn.

Song hành với sự phát triển xây cất trên, dân cư sinh sống tại Đà-lạt cũng tiến triển mạnh. Khởi đầu năm 1923, dân số Đà-lạt khoảng chừng 1.500 người [1]. Đến năm 1938, dân số tăng lên là 9.500 người và đến năm 1939, dân số Đà-lạt là 11.500 người, trong số đó có 600 người Pháp [2].

Đà-lạt đã thật sự trở thành một thành phố du lịch với phong cảnh đẹp, khí hậu mát lành.

ĐÀ-LẠT TRONG THỜI KỲ THỊNH VƯỢNG THỜI PHÁP THUỘC (1940-1954)

Thế Chiến Thứ Hai xãy ra đã lại tạo ra một cơ hội tốt khiến cho Đà-lạt chuyển mình một lần nữa. Chiến tranh đã khiến người Pháp không thể về chính quốc nghỉ mát, đã đổ xô lên Đà-lạt. Chiến tranh đã khiến cho mọi hàng hóa từ Pháp quốc không thể mang sang Đông Dương. Chính quyền Pháp tại Đông Dương đã phải áp dụng chính sách sản xuất tự túc. Đà-lạt là nơi rất thích hợp sản xuất những sản vật miền ôn đới. Đà-lạt đã được người Pháp chú tâm phát triển.

---

1. A Berjoan, « L'Effort Français en Indochine: Đà-lạt », *Revue Indochine*, N° 126, 1943, p. 111.

2. A. Berjoan, *Rapport sur situation de la ville de Dalat et de la Province du Langbian du 21 Janvier 1942 et Août 1944*, pp. 3-4.

Library HoangSa.Org

Đồ án chỉnh trang và phát triển Đà-lạt do toàn quyền Decoux phác họa từ năm 1940 ngay khi ông mới nhậm chức đã do kiến trúc sư Lagisquet nghiên cứu thực hiện. Đồ án chỉnh trang trên đã được hoàn tất vào cuối năm 1942 và chương trình thực hiện đồ án này được dự trù trong thời gian 6 năm. Đến tháng 3 năm 1943, đồ án trên đã được Toàn Quyền Đông Dương chấp thuận. Đồ án Lagisquet vẫn giữ những nét chính của đồ án Hébrard [1].

Theo đề án Lagisquet, vùng Ankroët được dự trù phát triển. Lagisquet đã nghiên cứu việc kiến tạo những ngã tư cùng những khúc quanh của các đường phố để tránh những sự nguy hiểm cho xe cộ. Lagisquet đã vẽ các kiểu kiến trúc nhà cửa như «Poste de Police du Marché (nay là Ty Cảnh Sát Quốc Gia), nhất là kiểu nhà các cư xá như cư xá Decoux (nay thuộc viện Đại Học).

Cư xá Decoux đã được quyết định thiết lập từ đầu năm 1942. Đến năm 1943, giai đoạn đầu đã được hoàn tất với 31 biệt thự. Đến đầu năm 1944, thêm 20 biệt thự nữa đã được làm xong. Cư xá là nơi nghỉ mát dành cho những gia đình người Pháp đông con, ít dư dả.

Một số các cơ sở khác cũng được kiến thiết trong thời kỳ nầy như sân vận động bên cạnh Hồ Lớn (Grand lac) được xây cất vào năm 1942. Ngoài ra các chùa Linh Sơn, chùa Linh Phong, Viện Mồ Côi, Lãnh Địa Đức Bà cũng được xây dựng thời toàn quyền Decoux. Để công cuộc xây cất được dễ dàng hơn, năm 1942, một lò gạch ngói đầu tiên đã được thí nghiệm làm ngay tại Đà-lạt do ông Beaucarnot chủ trương [1].

Về trường học, Đà-Lạt càng ngày càng có nhiều. Trường Adran được thiết lập năm 1939-1941. Trường «Ecole Montagnard du Langbian» được thiết lập tháng 3 năm 1947, trường Lycée Vietnamien được thành lập tháng 9 năm 1952, trường Bảo-Long và một trường trung tiểu học Việt cũng thiết lập. Ngoài ra còn có trường «Ecole Nationale d'Administration» được thành lập ngày 1 tháng 1 năm 1953 và trường «Ecole Militaire d'Inter-Armes de Đà-Lạt» được thành lập năm 1950. Cho đến năm 1953, Đà-lạt có cả thảy 3 trường trung học công lập (Lycée Yersin, Lycée Bảo Long, Lycée Vietnamien), 7 trường sơ học công lập (trường Nam Đà-lạt, trường Nữ Đà-lạt, trường Đa Nghĩa, trường Đa Thành, trường Xuân An, trường Tây Hồ, và trường Đa Phước), 5 trường tiểu học công lập (trường Đa Lợi, trường Trung Bắc, trường Đa Phú,

---

1. A. Berjoan, *Rapport sur la situation de la ville de Dalat et de la Province du Langbian du 21 Janvier 1942 au 15 Août 1944*, page 26-27.

Library HoangSa.Org

trường Phương Thành, trường Tây Hồ và trường thượng (được thành lập tháng 3 năm 1947). Về trường tư thục, Đà-lạt có 4 trường trung tiểu học (Notre Dame du Langbian, Adran, Institution St. Marie, Ecole Tuệ Quang) và 5 trường sơ tiểu học trong đó có 1 trường Trung Hoa [1].

Về kiến thiết nhà cửa tại Đà-lạt, số biệt thự càng ngày càng được gia tăng, trong vòng 5 năm, số biệt thự tăng gấp đôi:

Năm 1940 : 530 biệt thự
Năm 1941 : 560 —
Năm 1942 : 597 —
Năm 1943 : 743 —
Năm 1944 : 810 —
Năm 1495 : 1000 — [2]

Đà-lạt còn là nơi có khả năng dồi dào nhất của Việt Nam về thủy điện lực. Từ năm 1925, Sở Công Chánh Đông Dương đã đề nghị lập nhà máy thủy điện lực tại Ankroët và tới năm 1929, một công ty đã xin nhượng khai thác nguồn thủy điện lực tại vùng Ngoạn-Mục — Krong-pha. Từ năm 1929, tại nông trại Cam Ly, O'Neil đã khai thác thủy điện để chạy máy điện dùng cho nông trại. Ngoài ra các thác Pongour với sức mạnh của thác nước cao 110-125m có thể thiết lập nhà máy sản xuất trung bình 35.000 Kilowatt-heures [3]. Vào khoảng năm 1942, sau chuyến đi quan sát tại chỗ thác Ankoët, Toàn quyền Decoux đã quyết định cho xây nhà máy thủy điện và vào năm 1944, nhà máy thủy điện này đã bắt đầu hoạt động [4].

Để dễ dàng cho xe cộ đến Đà-lạt bằng quốc lộ số 20, từ tháng 2 năm 1943, đoạn đường từ thác Prenn đến Đà-lạt đã được cải tiến bằng cách bỏ đoạn đường cũ, thay bằng một đoạn đường mới theo một sườn núi khác. Đoạn đường mới có những lợi điểm là rút ngắn còn có 8 km, 600 thay vì dài 14 km như trước. Số khúc quanh chỉ còn 79 thay

1. Monographie de Dalat 1953, pp. 16-17.

2 A. Benjoan, *Rapport sur la Situation de la ville de Dalat et de la Province de Langbian du 21 Janvier 1942 au 15 Août 1944*. p. 4 và Monographie de Dalat, 1953, p. 5.

3. R. Planté, « L'effort Français en Indochine », *Revue Indochine* Nº 111 (15 Octobre 1942), p. II, III.

4. A. Berjoan, « Rapport », ttđđ, p. 2.

Library HoangSa.Org

vì 134; bề ngang tối thiểu rộng 7m tại các khúc quanh, trong khi đường cũ chỉ rộng 5m,5 đến 6m mà thôi; độ dốc của đường cũ từ 8-10%, trong khi đoạn đường mới chỉ từ 3 đến 7%. Xe cộ chạy trên đường cũ phải mất 35 phút từ thác Prenn đến Đà-lạt, trong khi chỉ mất 15 phút khi đi đường mới mà thôi[1].

Đường xá tại Đà-lạt cho tới năm 1944 đã có cả thảy 94 cây số.

Vào năm 1942, một chương trình bành trướng trồng rau qui mô được thực hiện. Trước đây Đà-lạt phải mua rau các vùng lân cận như Đơn Dương, sau chương trình bành trướng này, vào năm 1944, Đà-lạt không những đủ rau ăn mà còn thừa rau bán nhất là vào mùa đông. Trước đó vao năm 1938, chương trình di dân từ miền bắc có khả năng trồng trọt đã khởi đầu thực hiện với việc lập ấp Hà-đông, một ấp chuyên về nghề trồng rau kỳ cựu nhất ở Đà-lạt. Nhưng việc trồng rau của ấp này chưa đáng kể, phải đợi tới năm 1942 trở đi, chương trình lập ấp trồng rau phát triển mạnh và thêm ấp mới như ấp Nghệ Tĩnh (1940).

Theo đà sự phát triển trên, dân số của Đà-lạt cũng mỗi ngày mỗi tăng, trong vòng 5 năm (1940-1945) dân số đã tăng lên gấp đôi:

năm 1940 : 13.500 người
1941 : 13.800 —
1942 : 17.500 —
1943 : 21.000 —
1944 : 25.500 —[2]

Từ năm 1945 trở đi, tình hình bất an, sự giao thông khó khăn, sự di dân lên lập nghiệp tại Đà-lạt bị ngừng trệ, dân số Đà-lạt không còn tăng nữa. Trái lại vào khoảng năm 1946, khi chiến tranh Pháp Việt bùng nổ, dân Đà-lạt phải tản cư, dân số phải giảm xuống. Đến cuối 1947, dân Đà-lạt mới hồi cư và đến 1952, dân số Đà-lạt còn 25.041 người, trong số đó có khoảng 1217 người Âu, 752 người Trung Hoa và 840 người thượng (Lat, Kill, Scré)[3]. Vào cuối năm 1953, đầu năm 1954, dân chúng tại các tỉnh lân cận đến Đà-lạt tị nạn chiến tranh dân số có

1. P.T. « Accès à Dalat par Prenn », *Revue Indochine*, N° 156 (26 Août 1943), p. 17.

2. A. Berjoan. Rapport sur la situation de la ville de Dalat et de la Province du Langbian du 21 Janvier 1942 au Août, p. 3.

3. Monographie de Dalat 1953, p. 12.

Library HoangSa.Org

tăng và sau Hiệp Định Genève (1954), nhờ phong trào di cư từ Bắc vào Nam, dân số Đà-lạt đã tăng gấp đôi. (Năm 1955, dân số Đà-lạt lên tới 53.390 người).

Với sự phát triển về mọi phương diện trên, Đà-lạt đã bước sang giai đoạn thịnh vượng và đã đạt tới mức cực thịnh của thời Pháp thuộc vào năm 1944. Vào năm này, hầu như trong nửa năm trời, Đà-lạt đã thực sự là thủ đô của Đông Dương khi viên Toàn quyền và hầu hết các công sở quan trọng đều dọn lên làm việc tại Đà-lạt. Tới tháng 4 năm 1944, Đà-lạt có tới 5600 người Âu, một con số kỷ lục[1].

Sau hiệp định Genève (20-7-1954), người Pháp đã ra đi khỏi Đông Dương, Đa-lạt lại bắt đầu chuyển mình đổi mới, khởi đầu một giai đoạn lịch sử phát triển mới với dân số đông hơn, khu thương mại, trung tâm thành phố được xây cất lại khang trang hơn, thêm nhiều cơ sở văn hóa giáo dục quan trọng như viện Đại Học được thành lập, các tên đường phố và các địa danh khác được đổi mới, lấy tên Việt thay thế tên Pháp... Đà-lạt còn nhiều hứa hẹn phát triển hơn nữa để trở thành một trung tâm nghỉ mát quan trọng nhất của miền Đông Nam Á.

HÃN NGUYÊN

TÀI LIỆU THAM KHẢO :

Andelle, Pierre. « Dalat ». *Revue Indochine*, Hanoi, 1943 (11 Février), N⁰ 128, pp. VIII-XI.

Baudrit, A. « La Naissance de Dalat ». *Revue Indochine*, Hanoi, 1944 (10 Février), N⁰ 180, pp. 23-24.

Id. un sanatorium militaire à Baria 1870. *B.S.E.I*, Saigon, 1938 tome XIII, N⁰ 2, pp. 55-59.

Berjoan, A. « L'effort français en Indochine, Dalat ». *Revue Indochine*, Hanoi, 1943 (Janvier), N⁰ 126.

Id. *Rapport sur la situation de la ville de Dalat et de la Province Langbian du 21 Janvier 1942 au 15 Août 1944*. Dalat, 1941. 47 trang (Đánh máy).

Bernard, Noël. *Yersin — Pionner — Savant — Explorateur 1863-1943*. Paris : La Colombe, 1953. 183 p.

Berland, N. « Le Docteur Yersin, Mission en Pays Moï ». *Revue Indochine*, 1941 (11 Décembre), N⁰ 66.

1. A. Berjoan, « Rapport... » tlđd, p. 2 và p. 22.

Library HoangSa.Org

Bochet, Gibert et Jacques Dournes. *Lexique Polyglotte* (köho — Vietnamien — Röglai — Français, Saigon. France-Asie, 1953.

Mgr Cassaigne. « Les Moïs de la Région Djiring ». *Revue Indochine*, Hanoi, 1943 (4 Mars), N° 131. p. 11-13.

Chemineau, Le. « Le Langbian ». *Revue Indochinoise*, 1916 (Mars-Avril), N° 3-4. pp. 245-261.

Constantin, L. « Le Sanatorium du Langbian ». *Revue Indochinoise*, 1946 (Mars — Avril), N° 3-4. pp. 306 — 320.

Duchaux, P. « Le Dalat du 1908 — A cheval dans la nature sauvage ». *Revue Indochine*, Hanoi, 1941 (29 Mai), N° 39. pp. 2-5.

Jacotot Henri. « Le Docteur Alexandre Yersin ». *B.S.E.I*, 1944 (1er trimestre), tome XIV, N° 1, pp. 71 — 101.

Lưu, Phạm Văn và Nhóm Sử Địa Viện Đại Học Đà-lạt. Địa Phương Chí Đà-lạt, 120 tr. (bản đánh máy).

Maître, Henri. Les Jungles Moï. Paris : Emile Larose, 1912. 578 p.

Morval, André. « Dalat, cité de la jeunesse ». *Revue Indochine*, Hanoi, 1943 (18 Mars), N° 133. pp. IX — X.

Munier, P. « Dalat », *Revue Indochine*, Hanoi, 1941 (13 Mars), pp. 6-8 I-VI.

Pichon, L. « Dalat, Force, Joie, Santé » *Revue Indochine*, Hanoi, 1943. (8 Juillet), 1943 pp. X-XI.

P.T. « Accès à Dalat par Prenn » *Revue Indochine*, Hanoi, 1943 (26 Août), N° 156, pp. 16-17.

Planté, R. « Les Aménagements hydroélectriques du Sud Annam ». *Revue Indochine*, Hanoi, 1942 (15 Octobre), N° 111, p. I-VII.

Tardiff, Etienne. *La Naissance de Dalat (1899-1900)*. Vienne : Jernet Martin, 1949. 276 p.

Triếp, Phạm Gia. Dalat, 41 tr. (bản quay ronéo).

Vanal, J.J. « Le Langbian ». Revue Indochinoise, 1907 (15-30 Mars), N° 53-54, pp. 340 — 359.

Yersin, A. « Premier Contact avec le Pays Moïs de l'Annam », *Revue Indochine*, 1942 (23 Juillet) N° 99, pp. 1-3.

Id. « Rencontre avec des pirates sur le plateau Moï » *Revue Indochine*, 1942 (30 Juillet), N° 100, pp. 9-10.

Id. « Premières Reconnaissances du Plateau Langbian », *Revue Indochine*, 1942 (6 Août), N° 101, p. 4-6.

Id. « Voyage de Nha Trang à Stung Treng par les pays Moïs. 1er tentative » *Revue Indochine*, 1942 (20 Août), N° 103.

Monographie de Dalat, 1953, 22 p. (Ronéo).

Library HoangSa.Org

PHẦN CHỈ DẪN DU LỊCH VỀ THÀNH PHỐ ĐÀ-LẠT

▽ Nhóm Sử Địa Viện Đại Học ĐÀ-LẠT

1.— ĐỂ TỚI ĐÀ-LẠT

Từ thủ đô Sài-gòn hay các thành phố lớn như Huế, Đà-Nẵng, Nha Trang, Qui Nhơn; du khách có thể đến Đà-lạt bằng máy bay, xe hơi và trong thời bình có thể đi bằng xe hỏa.

A.— *Đi máy bay:*

Nếu du khách dùng máy bay, có thể xử dụng bảng kê giá biểu và thời biểu sau đây:

	Giá biểu			Thời biểu [2] (các chuyến bay trong tuần)
	Một chuyến [1]	Khứ hồi [1]	Hành lý	
Huế — Đà-lạt	VN$ 1660 (2455) [3]	VN$ 3320 (4990)	VN$ 22,10/1kg (47,10/1kg	Thứ 4 và Chúa nhật (1 chuyến thứ 6) [3]
Đà-Nẵng—Đà-lạt	— 1450 (2165)	— 2900 (4330)	— 19,30 — (41,2 /1kg	Thứ 2, 6 và Chúa nhật (1 chuyến thứ 7)
Qui-Nhơn — Đà-lạt	— 890 (1260)	— 1780 (2520)	— 11,20 — (25,3)	Thứ 2, 5 và 7 (1 chuyến C.nhật)
Nha-Trang— Đà-lạt	— 320	— 640	— 4,30 —	Thứ 3, 4, 7 và Chúa nhật (bỏ)
Pleiku — Đà-lạt	— 840 (1190)	— 1680 (2380)	— 11,30 — (23 9)	Thứ 2 và 6 (1 chuyến thứ ba)
Kontum — Đà-lạt	— 980 (1389)	— 1960 (2778)	— 13,10 — (27,8)	Thứ 6 (Tạm bỏ)
Ban-mê-thuột — Đà-lạt	— 560 (790)	— 1120 (1580)	— 7,50 — (15,9)	Thứ 2 và 5 (1 chuyến thứ 7)
Sài-gòn — Đà-lạt	— 980 (1389)	— 1260 (2778)	— 13,10 — (27,8)	Riêng ngày thứ 4 và 7 có 3 chuyến trong mỗi ngày còn các ngày khác trong tuần đều có 2 chuyến (ngày nào cũng có 1 chuyến).

Library HoangSa.Org

Chú giải :

« 1. Giá biểu này sẽ được cộng thêm VN$ 50, nếu đi 1 chuyến và VN$ 100 nếu đi khứ hồi về khoản dịch vụ tiếp chuyển.

« 2. Bắt đầu áp dụng từ 5-11-1959.

« 3. Lời Tòa soạn : Giá biểu trong ngoặc đơn bắt đầu áp dụng từ 31-10-1970. Giá biểu này sẽ được cộng thêm VN$ 100 dành cho người lớn di chuyển 1 chuyến và 50$ dành cho trẻ em mỗi chuyến (khứ hồi gấp đôi) và thêm 3$ tới 5$ tiền tem. Các chuyến bay trong ngoặc đơn bắt đầu áp dụng từ ngày 27-9-1971. »

B.— *Đi xe hơi.*

Hiện giờ, vì tình trạng an ninh không cho phép, các loại xe chở hành khách chỉ có thể đi từ Qui Nhơn, Nha Trang đến Đà-lạt (bằng quốc lộ 1 và khi đến Phan Rang rẽ bên quốc lộ 11 để đến Đà-lạt).

Và nếu từ Sài-gon du khách sẽ dùng quốc 20 lên Đà-lạt.

Nếu dùng xe đò, du khách có thể dùng bảng kê giá biểu sau đây :

	Giá biểu	
	Xe nhỏ	Xe lớn
Nha Trang — Đà-lạt	VN$ 400 (550) [1]	—
Sài-gòn — Đà-lạt	VN$ 540 (750) [1]	VN$ 400 (550) [1]

Nếu du khách dùng xe hơi nhà, sì-cút-tơ hay gắn máy có thể sử dụng bản đồ du lịch sau đây với những ghi chú đầy đủ. (Xem bản đồ Du lịch Đà-lạt do Nha Địa Dư ấn loát).

C.— *Đi xe lửa.*

Trước đây khoảng 6 năm, khi đường xe hỏa xuyên Việt Sài-gòn — Đông-Hà còn hoạt động, ta thấy trên đường này có nhánh từ Tháp Chàm lên Đà-lạt dài 84 km. Đường này qua dốc núi ven Cao nguyên Lâm Viên và chạy theo đường răng cưa. Đường răng cưa bắt đầu thiết lập trên sườn núi cao từ 180m. Đến vùng cao từ 1.000m, xe lửa bắt đầu

1. Bài viết này viết từ cuối năm 1969 và đầu 1970 nên những con số, giá tiền cập nhật hóa hiện nay được Tòa soạn ghi chú trong ngoặc đơn.

Library HoangSa.Org

đi vào những rừng thông và xuyên qua thung lũng thác Danhim. Và từ Đơn Dương đến Đà-lạt, đường răng cưa qua nhiều phong cảnh khác nhau đầy quyến rũ như nương chè, đồi thông, dãy núi Lâm Viên.

Theo đường xe lửa, Đà-lạt cách Sài-gòn 13 giờ 40 phút.

2.— *KHOẢNG CÁCH TỪ CÁC THỊ TRẤN KHÁC ĐẾN ĐÀ-LẠT*

A.— Quảng Trị	944 km
B.— Huế	878 km
C.— Đà Nẵng	773 km
D.— Qui Nhơn	458 km
E.— Nha Trang	206 km
F.— Phan Rang	110 km
G.— Komtum	643 km
H.— Pleiku	593 km
I.— Banmêthuột	406 km
K.— Sài-gòn	300 km
L.— Phan Thiết	265 km

3.— *DI CHUYỂN TRONG THÀNH PHỐ*

A.— Khi tới Trạm Đến của Hàng Không Việt Nam, du khách có thể dùng xe Lambretta 3 bánh, hay taxi để về nhà trọ hay khách sạn. Nhưng nếu quí vị đi chung từ 2 người trở lên, chúng tôi xin đề nghị dùng taxi, vì quí vị có thể dùng 1 taxi chỉ cần trả khoảng 120$. Trong khi đó, dùng xe Lam 3 bánh, phải trả mỗi người 70$. Nhưng nếu quí vị muốn tiết kiệm hơn nữa, chúng tôi mời quí vị đi bộ ra khỏi Trạm Đến của Hàng Không Việt Nam chừng 10m, đón xe «bus» từ Chi Lăng về trung tâm thành phố chỉ mất 7$, sau đó dùng xe Lamb. 3 bánh từ đây về nhà trọ thêm 15$ nữa cho mỗi người.

Ngược lại, di chuyển trong thành phố, quí vị nên dùng xe Lamb. 3 bánh vì từ trung tâm thành phố đến các ngã đường đều có hệ thống xe Lamb. hoạt động thường xuyên, và mỗi lần đi chỉ cần trả 15$ (20$)

Library HoangSa.Org

mỗi người. (Nếu bao xe, du khách phải trả tối thiểu 50$ khi đi một người).[1] Trong khi đó một cuốc taxi ngắn nhất khoảng 100$. (Hiện nay không thay đổi cuốc ngắn, nhưng cuốc dài có thay đổi như đi thác Cam Ly 150$).

Sau đây là danh sách các bến xe taxi và Lambretta 3 bánh :

B.— *Bến Taxi :*

— Bến trước nhà sách Tuyên-Đức (số 1 khu Hòa Bình).

— Bến trước nhà hàng Thượng Hải (38-40 khu Hòa Bình).

— Bến trước khách sạn Mộng Đẹp (khu chợ Mới).

C.— *Bến xe Lambretta ba bánh :*

— Bến cạnh nhà buôn Thiên Hữu (góc đường Phan-Bội Châu).

— Bến trước Ngân Hàng Phát Triển Nông Nghiệp (9, Hàm Nghi).

— Bến cạnh nhà may Văn Gừng (góc đường Tăng Bạt Hổ — Minh Mạng).

— Bến cạnh khách sạn Thủy Tiên (7, Duy Tân).

— Bến cạnh bến xe đò Đà-lạt — Sài-gòn, Đà-lạt — Nha Trang.

— Bến đường Nhà Chung (cạnh Đà-lạt hôtel cũ).

4.— *HỐI ĐOÁI*

Ty Ngân Khố cũng như các chi nhánh Ngân Hàng tại Đà-lạt không nhận chuyển ngân theo hối suất chính thức. Vì thế, quí vị du khách ngoại quốc tốt hơn, nên chuyển ngân ngay tại thủ đô Sài-gòn, trước khi đến viếng Đà-lạt.

5.— *NÊN MẶC Y PHỤC GÌ?*

Ở đây, chúng tôi không dựa vào tính cách chuyên môn về địa lý, chỉ chú trọng đến những yếu tố khí hậu có ảnh hưởng nổi bật nhất, mong giúp cho du khách có thể chọn y phục cũng như sắp xếp những chương trình du ngoạn thích hợp khi viếng thăm Đà-lạt ; từ ý nghĩ đó, ta thấy Đà-lạt có 4 mùa rõ rệt :

1. Trong ngoặc đơn do tòa soạn ghi chú theo thời giá năm 1971.

Library HoangSa.Org

A.— *Mùa khô:* Kéo dài từ tháng 12, 1, 2 và 3: bầu trời xinh đẹp, có nắng suốt ngày, nhưng khí trời khá lạnh, nhiệt độ trung bình là 16°6C. Lúc này, Đà-lạt đẹp hơn bao giờ hết, các loại hoa thi nhau nở đầy cả núi đồi, có lẽ đây là mùa thích hợp nhất cho du khách. Mùa này, du khách nhớ mang theo áo lạnh.

B.— *Mùa mưa giông:* Suốt trong những tháng 4, 5, 6 và 7 có những trận mưa giông xảy ra từ 13 giờ đến 16 giờ, có khi kéo dài mãi đến tối. Nhưng trước và sau những cơn mưa này bầu trời thường quang đãng. Nhiệt độ trung bình 19°1C là mùa ấm nhất trong năm. Đi chơi buổi chiều, quí vị nên dùng áo mưa.

C.— *Mùa mưa thật sự:* Từ cuối tháng 7 đến tháng 10, những cơn mưa tầm tã kéo dài hầu như suốt ngày. Nhiệt độ trung bình là 18°6C. Áo mưa rất cần thiết trong mùa này.

D.— *Mùa gió lớn:* Bắt đầu từ tháng 10 đến tháng 12. Bầu trời đầy mây nhưng rất ít mưa, có gió lớn và thật lạnh. Thỉnh thoảng có những ngày nắng tốt. Nhiệt độ trung bình 17°9C. Có lẽ quí vị dùng áo «manteau» là thích hợp nhất.

6.— *KHÁCH SẠN*

Sau đây chúng tôi xin kê khai giá biểu cũng như đặc điểm của một số khách sạn tại Đà-lạt, để quí vị du khách có thể chọn lựa được một khách sạn thích hợp với sở thích cũng như vừa túi tiền của mình.

A.— *Những khách sạn tối tân:*

a) *ĐÀ-LẠT PALACE*, 2 Yersin — Đ.T. 2203, 2395, 2206.

✣ *Giá biểu:*

— Phòng chiếc VN$ 1.200/1 ngày [1] (1820$ hay 1930$) [2]

— Phòng đôi VN$ 1.400/1 ngày (2481$)

— Phòng lớn VN$ 1.950/1 ngày (3033$)
(dành cho gia đình)

---

1. Giá biểu này có tính luôn tiền 1 bữa ăn (trưa hoặc chiều) dành riêng cho quí vị. Vì thế, trong tất cả các loại phòng trên, ở thêm 1 người phải trả thêm VN$ 700 (vì trong đó có 1 bữa ăn giá VN$ 600 rồi), (năm 1971 lên giá tới 990$).

2. Trong ngoặc đơn do Tòa soạn ghi chú theo thời giá năm 1971.

Library HoangSa.Org

— Phòng đặc biệt (1 phòng 6 người) 3970$
(mỗi người thêm 990$).

✣ *Đặc điểm :*

— Vị trí, nằm trong khu vực yên tĩnh, xinh đẹp, trông ra hồ Xuân Hương.

— Trình bày trang nhã, cổ kính theo lối Tây phương.

— Có điện thoại, lò sưởi và phòng tắm nước nóng (nấu bằng điện) riêng cho mỗi phòng.

— Có nhà hàng ngay tại khách sạn.

— Có phòng khách, phòng ăn và bếp « gaze » trong các phòng lớn dành cho gia đình.

— Có phòng khách danh dự, để các vị thượng khách, chánh trị gia tổ chức các cuộc hội họp hay họp báo, khi cần.

Có lẽ đây là khách sạn lý tưởng và tương đối giá rẻ nhất, so với các tiện nghi mà khách sạn này cung cấp cho quí vị vì nó thuộc quyền quản trị của chánh phủ.

b) *MIMOSA*, 170 Phan Đình Phùng ĐT. 2.408

✣ *Giá biểu :*

— Phòng chiếc VN$ 500/1 ngày (800$)

— Phòng đôi VN$ 700/1 ngày (1.100$)

✣ *Đặc điểm :*

— Ở ngay trên đường phố chính.

— Có phòng ăn và bếp cho gia đình đông người.

— Tiếp đãi lịch sự.

— Có xe du lịch cho khách thuê, với giá biểu sau :

. Mazda VN$ 350/1 giờ VN$ 2.100/1 ngày

. Toyota VN$ 320/1 giờ VN$ 1.800/1 ngày
(hiện nay 5.000$/1 ngày cho mọi loại xe)

c) *THỦY TIÊN*, 7 Duy Tân và 11 Trương Vĩnh Ký
ĐT. 2.224

Library HoangSa.Org

✣ *Giá biểu :*

— Phòng đôi VN$ 1.000/1 ng²y (1.200$)
— Phòng dành cho gia đình VN$ 1.200/1 ngày (1500$)

✣ *Đặc điểm :*

— Ở ngay khu Hòa Bình.
— Tiếp đãi khá lịch sự.
— Phòng tắm nước nóng cho mỗi phòng

d) *DUY TÂN,* 83 Duy Tân — ĐT. 2.216

✣ *Giá biểu :*

— Phòng chiếc VN$ 1.350/1 ngày (1.500$ hay 2.000$)
— Phòng đoi VN$ 1.500/1 ngày (2.000$)
— Phòng lớn VN$ 2.000/1 ngày (3.000$)
cho gia đình

✣ *Đặc điểm :*

— Hơi xa phố.
— Một số quân nhân Hoa Kỳ ở thường xuyên.
— Có nhà ăn tại khách sạn (trước đây còn có cả « bar dancing ».
— Phòng trình bày mỹ thuật.
— Có phòng tắm nước nóng trong mỗi phòng.

e) *MỘNG ĐẸP,* Khu Chợ Mới — ĐT. 2.179

✣ *Giá biểu :*

— Phòng chiếc (1.000$)
— Phòng đôi (1.500$)

✣ *Đặc điểm :*

— Ở ngay khu chợ mới, nên không được yên tĩnh lắm.
— Tiếp đãi khá lịch sự.
— Phòng trình bày mỹ thuật tân tiến.
— Có phòng tắm nước nóng trong mỗi phòng.

f) *SANS SOUCI,* 2 Nguyễn Trường Tộ — ĐT. 2.187

✣ *Giá biểu :*

— Phòng chiếc VN$ 500/1 ngày

Library HoangSa.Org

— Phòng đôi VN$ 700/1 ngày

✣ *Đặc điểm:*

— Trong khu vực yên tĩnh, xinh đẹp, hơi xa phố.

— Không khí gia đình, nhà ăn riêng tại khách sạn.

— Trình bày trang nhã ấm cúng.

g) *CẨM ĐÔ* 81-b Phan Đình Phùng — ĐT. 2.019

✣ *Đặc điểm:*

— Ở gần đường phố chính.

— Có nhà ăn tại khách sạn.

— Ít khi có phòng trống.

h) *LÂM SƠN*, 5 Hải Thượng — ĐT. 2.150

✣ *Giá biểu:*

— Phòng chiếc (900$)

(chỉ có phòng chiếc)

— Đang sửa sang lại thành một khách sạn sang trọng.

i) *VĂN HUÊ*, 124 Phan Đình Phùng

B.— *Các Khách Sạn Bình Dân:*

a) *PHÚ HÒA*, 16 Tăng Bạt Hổ — ĐT. 2.021

✣ *Giá biểu:*

— Phòng chiếc VN$ 200/1 ngày (400$)

— Phòng đôi (không phòng tắm) VN$ 300/1 ngày (600$)

— Phòng đôi (có phòng tắm) VN$ 400/1 ngày (750$)

✣ *Đặc điểm:*

— Đây là khách sạn bình dân, nhưng đầy đủ tiện nghi, sạch sẽ và giá tương đối hạ nên được rất nhiều du khách chiếu cố.

b) *VINH QUANG*, 11 Hàm Nghi

c) *HÒA BÌNH*, 64 Minh Mạng

d) *NAM VIỆT*, 74 Minh Mạng

Library HoangSa.Org

e) *TĨNH TÂM*, 80 Minh Mạng
f) *CAO NGUYÊN*, 90 Phan Đình Phùng
g) *THANH NGỌC*, 37, 37^{A}, 37^{B} Hàm Nghi
h) *THANH TÙNG*, 66 Hàm Nghi
i) *LỮ QUÁN SÀI GÒN*, 67 Minh Mạng

7.— *CÁC NHÀ HÀNG SANG TRỌNG*

A.— *Đặc biệt các món ăn Việt, Pháp, Hoa :*

a) Thượng Hải (Shanghai), 38-40 Khu Hòa Bình
b) Nam Sơn, 54 Khu Hòa Bình
c) Mékong, 18 Khu Hòa Bình
d) Thiên Nga, Kiosque khu Chợ Mới
e) Mỹ Quang, 17 Hàm Nghi
f) Như Ý [1], 149 Phan Đình Phùng
g) Kim Linh [1], 137-139 Phan Đình Phùng

B.— *Đặc biệt các món ăn Pháp :*

a) Dalat Palace, 2 Yersin ĐT. 2.125
b) L'eau Vive, 7 Trần Bình Trọng

Có lẽ đây là 2 nhà hàng lý tưởng nhất địa phương, khung cảnh xinh đẹp, ấm cúng, qui phái... tiếp đãi lịch sự.

C.— *Đặc biệt các món ăn Việt*

a) Nem NINH HÒA, 7 Cường Để — ĐT. 2.383
- Có thịt bò 7 món.

8.— *CÁC NHÀ HÀNG BÌNH DÂN*

A.— *Đặc biệt các món ăn Việt Hoa :*

a) Đông Hải [2], 10 Khu Hòa Bình
(ở đây có bánh bao được nhiều người chú ý)

---

1. Các tiệm ăn này thường được xem như hạng bình dân, nhưng thật sự giá tiền không kém những tiệm ăn sang trọng.
2. Các tiệm ăn này thường được xem như hạng bình dân, nhưng thật sự giá tiền không kém những tiệm ăn sang trọng.

Library HoangSa.Org

B.— *Đặc biệt các món ăn Bắc:*

a) Mỹ Hương, 2-A Khu Hòa Bình.
b) Bắc Hương, 2-B Khu Hòa Bình.

C.— *Đặc biệt các món ăn Huế:*

a) Tiệm ăn Huế, 70 Hàm Nghi
b) Tiệm ăn, 43 Thành Thái
c) Tiệm ăn, 36 Thành Thái
d) Tiệm ăn, 4-A Thành Thái

D.— Ngoài ra, còn có một số rất nhiều các tiệm ăn bình dân khác:

a) Thanh Phương, 36 Võ Tánh

Có lẽ đây là tiệm ăn khá lịch sự, bán với giá bình dân, thích hợp cho các du khách không được dồi dào tiền bạc.

b) Các quán ăn trên đường Trương Vĩnh Ký
c) Các quán ăn ở bến xe Lambretta. (góc đường Phan Bội Châu)
d) Quán cơm xã hội, trong Lữ Quán Thanh Niên (đường Võ Tánh)

9.— *TIỆM PHỞ*

A.— Tùng, 2 Khu Hòa Bình
B.— Bằng, 18 Hàm Nghi
C.— Ngọc Lan, bến xe Đà-lạt — Sài-gòn
D.— Như Ý, đường Nhà Chung
E.— Thành Công, đường Nhà Chung
F.— Đắc Tín, 39 Phan Bội Châu (bây giờ đã dời về nhà hàng Mỹ Quang, 17 Hàm Nghi)
G.— Bắc Huỳnh, trước ga Đà-lạt

10.— *HỦ TIẾU*

A.— Hủ tiếu Nam Vang, 41 Minh Mạng
(Ở đây còn có nhiều món ăn Sài-gòn khác nữa)

Library HoangSa.Org

11.— *MÌ VỊT*

A.— Thành Ký, 175 Phan Đình Phùng

12.— *MÌ QUẢNG* (Quảng Nam)

A.— Quán cạnh rạp Ciné Ngọc Lan
B.— Các quán ăn tầng dưới Chợ Mới Đà-lạt
C.— Và 1 quán trong hẻm đường Hoàng Diệu

13.— *BÚN ỐC, BÚN RÊU*

A.— Thành Công, đường Nhà Chung
(trong quán này, còn có bánh cuốn được nhiều người cho là ngon nhất Đà-lạt)
B.— Các quán ở tầng dưới Chợ Mới Đà-lạt

14.— *BÚN BÒ GIÒ HEO*

* Các tiệm ăn Huế đều có bún bò giò heo, nhưng đặc biệt khi nói đến món ăn này, người ta thường nghĩ tới:
a) Quán cây số 4, góc đường Hai Bà Trưng và La Sơn Phu Tử

15.— *NAI ĐỒNG QUẾ:* (thịt cầy)

A— Lá Mơ, 10 Thành Thái
(cũng có thể đi vào cổng khác trên đường Trương Vinh Ký)

16.— *THỊT DÊ*

A.— Quán Thịt dê, Hồ Than Thở, gần bến xe Chi Lăng

17. *QUÁN BÁNH XÈO*

A.— Góc đường Tăng Bạt Hổ và Minh Mạng

Library HoangSa.Org

B.— Trên đường Thành Thái số nhà 43, 36 và 4-A

C.— Đường Trương Vĩnh Ký (trước trường tiểu học Đoàn Thị Điểm)

18.— *QUÁN NHẬU*

A.— Quán trên đường Trương Vĩnh Ký (trước trường tiểu học Đoàn Thị Điểm).

B.— Hạnh Nhân, Kiosque khu Chợ Mới.

C.— Bar Hồ Xuân Hương, Kiosque khu Chợ Mới.

19.— *QUÁN CHÈ*

A.— Tuổi Ngọc, 97 Hàm Nghi.

B.— Quán chè, 47 Minh Mạng.

C.— Quán chè, đường Trương Vĩnh Ký (trước khách sạn Thủy Tiên. Tại địa điểm này còn có các quán xôi gà, miến gà... Tương đối rẻ mà ngon).

20.— *TIỆM KEM*

A.— Việt Hưng, Kiosque trên đường Thành Thái.

21.— *PHÒNG TRÀ CA NHẠC*

A.— Chic Cabaret, 14 Hoàng Diệu
(thường có nhạc sống và khiêu vũ hàng đêm).

B.— La Tulipe Rouge, khu Chợ Mới
(thường có nhạc sống và khiêu vũ vào tối thứ bảy và Chúa Nhật).

22.— *QUÁN CAFÉ*

A.— Trúc, 66 Hàm Nghi.

B.— Tình Nhớ, 63 Hàm Nghi.

C.— Trăng Cao Nguyên, 58 Hàm Nghi (hiện nay ngưng hoạt động).

D.— Mây, 25 Hàm Nghi.

E.— Yêu, gần số 99 Phan Đình Phùng.

Library HoangSa.Org

F.— Tùng, 6 Khu Hòa Bình

(quán này thường được các sách báo ở Sài-gòn nhắc tới).

G.— Mê Kông, 18 Khu Hòa Bình

(có lẽ đây là nơi ngồi thuận tiện để nhìn các tà áo màu Đà-lạt).

H.— Thủy Tạ, trên hồ Xuân Hương, lối vào nằm trên đường Bà Huyện Thanh Quan (với lối kiến trúc đặc biệt nằm trên mặt nước phẳng lặng của Hồ Xuân Hương; có một quang cảnh khá thơ mộng, nhất là trong những đêm trăng, vì thế được nhiều bạn trẻ và du khách ưa chuộng)

I.— Shanghai, 38-40 Khu Hòa Bình

(thích hợp cho quí vị cần yên tĩnh hay nói chuyện riêng).

23.— *CÁC PHÒNG TẮM NƯỚC NÓNG*

(giá mỗi lần tắm hiện nay là 40$)

A.— Ninh Thuận, 10 Hàm Nghi

B.— Việt Trang, 16 Hàm Nghi

C.— Đồng Tiến, 68-B Phan Đình Phùng

D.— Minh Tâm, 70 Phan Đình Phùng

E.— Đà-lạt, 37 Phan Bội Châu

Tại các phòng tắm này có sẵn xà phòng, khăn tắm... dành riêng cho quý vị. Ngoài ra quí vị còn được đánh giày và yêu cầu những bản nhạc theo ý thích.

24.— *MỸ VIỆN VÀ PHÒNG UỐN TÓC*

A.— Mô Đéc, 29 Minh Mạng

B.— Hoàng Cung, 31 Minh Mạng

C.— Mỹ Dung, 72 Minh Mạng

D.— I-Sa-Na, 70 Minh Mạng

25.— *PHÒNG HỚT TÓC*

A.— Việt Trang, 14 Hàm Nghi

Library HoangSa.Org

B.— Đồng Tiến, 68-B Phan Đình Phùng

C.— Li Do, 6 Duy Tân

26.— CÁC PHÒNG ẢNH

A.— Hồng Thủy, 56 Minh Mạng

(Đây là hiệu ảnh được các giới chơi ảnh tài tử thường xuyên lui tới vì làm việc nhanh chóng, đúng hẹn và lịch sự).

B.— Văn Khánh, 7 Duy Tân

C.— Người Ảnh, 46 khu Hòa Bình

Cũng là những hiệu ảnh rất nổi tiếng được nhiều người ưa chuộng nhận đi chụp hình cho du khách tại các thắng cảnh.

27.— PHÒNG KHÁM BỆNH

A.— BS. Đinh Đại Kha, 70 Minh Mạng

B.— BS. Phan Lạc Giản, Khu Hòa Bình

C.— BS. Nguyễn Văn Thuận, 18/3 Hai Bà Trưng

D.— BS. Nguyễn Văn Thọ, 6 Cường Để

E.— BS. Nguyễn Văn Thạnh, 99-A Phan Đình Phùng

F.— BS. Nguyễn Đình Thiều
và nữ BS Nguyễn Ngọc Diệp, 123 Hàm Nghi

G.— BS. Đào Duy Hách, 47 Minh Mạng. ĐT. 2247

Trên đây chỉ là những phòng khám bệnh, hầu hết đều không có điện thoại. Và thường các Bác sĩ đều ở địa chỉ khác, ban đêm quý vị du khách cần tìm một Bác Sĩ, quả là vấn đề hết sức khó khăn.

28.— TIỆM THUỐC TÂY

A.— Đà-lạt, 3 Khu Hòa Bình

B.— Nguyễn Văn An, 36 Khu Hòa Bình

C.— Hàm Nghi, 8 Hàm Nghi

D.— Duy Tân, 35 Duy Tân

E.— Diên Hương, 3 Cường Để

Library HoangSa.Org

F.— Nguyễn Duy Khang, 72 Minh Mạng

G.— Lâm Viên, 195 Phan Đình Phùng

Vấn đề mua thuốc ban đêm tại Đà-lạt cũng hết sức khó khăn như tìm Bác sĩ vậy. Quí vị du khách nếu cần, nên mua thuốc trước trong giờ làm việc có lẽ tiện hơn.

29.— *PHÒNG RĂNG*

A.— Nha sĩ Võ Thị Sâm, 5 Khu Hòa Bình

B.— Nha sĩ Minh Đa, 33 Duy Tân

C.— Nha sĩ Nguyễn Bá Khuê, Minh Mạng.

30.— *HIỆU SÁCH*

A.— Hòa Bình, 37-38-39 Hội trường Hòa Bình

B.— Liên Thanh, 12 khu Hòa Bình

C.— Tuyên Đức, 1 Khu Hòa Bình

D.— Khai Trí, 48 Minh Mạng

E.— Thiên Nhiên, 30 Minh Mạng

F.— Nhân Văn, 72 Duy Tân

G.— Minh Thu 173 Phan Đình Phùng

H.— Thiên Hương 64 Hàm Nghi

31.— *TIỆM GIẶT ỦI*

A.— Hữu Thành, 39 Minh Mạng

B.— Thanh Châu, 38 Minh Mạng

C.— Đa Thành, 16 Duy Tân

32.— *TIỆM SỬA XE HƠI*

A.— Garage Đà-lạt, đường Hai Bà Trưng

B.— Garage Trung Tính, 2 Hải Thượng

Library HoangSa.Org

33.— *TIỆM SỬA XE GẮN MÁY*

A.— Trung Thành, 41 Hàm Nghi
B.— Phước Thành, 39 khu Hòa Bình
C.— Công Thành, đường Phan Đình Phùng
D.— Tân Tiến, đường Phan Đình Phùng

Hầu hết các ngã đường trong thành phố đều có các tiệm sửa xe gắn máy.

34.— *CÁC RẠP CINÉ*

A.— Hòa Bình, Khu hội trường Hòa Bình
B.— Ngọc Lan, đường Thành Thái
C.— Ngọc Hiệp, đường Phan Đình Phùng

35.— *THỜI BIỂU THÁNH LỄ TẠI CÁC NHÀ THỜ VÀ CHÙA.*

A.— *Tại nhà thờ chánh tòa Công Giáo* (17, Yersin)

✣ *Buổi sáng:* (Chúa Nhật và các ngày lễ trọng)

— Có 4 thánh lễ bắt đầu từ 6 giờ 30, 7 giờ 15, 8 giờ 30, 10 giờ.

✣ *Buổi chiều:* — Chúa Nhật và các ngày lễ trọng, công sở được nghỉ trọn ngày, thánh lễ bắt đầu lúc 17 giờ.

— Trong những ngày lễ trọng nhưng công sở vẫn làm việc, thánh lễ bắt đầu lúc 18 giờ.

B.— *Tại nhà thờ Tin Lành* (đường Hàm Nghi)

— Chỉ có một lễ bắt đầu từ 8 giờ sáng cho Chúa Nhật và các ngày lễ trọng trong năm.

C.— *Chùa Linh Sơn* (đường Hàm Nghi)

— Trong các ngày lễ quan trọng năm, chùa Linh Sơn đều có chương trình đặc biệt được thông báo trước.

Library HoangSa.Org

36.— DANH LAM THẮNG CẢNH

A.— HỒ

a) *Hồ Xuân Hương* (grand Lac)

Ở ngay trung tâm thành phố, rộng khoảng 5 cây số vuông. Mặt hồ im vắng, nằm trũng xuống giữa những đồi thông xinh đẹp. Quanh hồ là những đường vòng uốn khúc trong bóng mát dịu vợi của những cây ngo tùng, bạch tùng xinh đẹp, tạo thành một khung cảnh thơ mộng cho những cuộc hò hẹn... Ngoài ra, trên Hồ những chiếc xe đạp nước xinh xắn hay câu cá là những thú tiêu khiển đầy thi vị của du khách khi đến hồ Xuân Hương.

— *Hồ Than Thở :* Cách Đà-lạt 5km. Viện Đại Học — đường Đinh Tiên Hoàng — hồ Xuân Hương — đường Thống Nhất — đường Nguyễn Trãi — đường Quang Trung — đường Phan Chu Trinh — đường Hồ Xuân Hương.

Những hàng thông tươi đẹp soi bóng trên mặt nước im vắng tạo cho hồ Than Thở một nét quyến rũ và thơ mộng đặc biệt.

Xung quanh những dãy đồi liên tiếp nối nhau như ủ kín không khí hoang vắng và bóng mát ngàn đời của những cuộc tình tự.

Cách đó không xa, trên đường trở về Đà-lạt, quí vị có thể ghé lại quán thịt dê gần bến xe Chi Lăng, một quán ăn được khá nhiều du khách chú ý đến.

B.— THUNG LŨNG TÌNH YÊU :

3km, Viện Đại Học — đường Phù Đổng Thiên Vương—Đa Thiện.

Thung lũng chìm sâu xuống trong những sườn đồi thẳng đứng và cao thăm thẳm. Thông rừng tràn đầy và dày đặc mang bóng mát dịu vợi và tiếng thông như ngàn đời thì thầm cầu nguyện cho những tình tự... mãi mãi thắm thiết.

Còn xa xa, đỉnh Lâm Viên hùng vĩ như đ ềm nhiên trước những mộng ước tươi đẹp hay những hẹn hò đầy nước mắt... tạo cho khung cảnh này những màu sắc cá biệt và đầy thi vị.

Dầu đ ng lạc vao vùng đ t thần tiên cua thương yêu tuyệt vời nếu dùng xe gắn may hay xe hơi, xin quí v lưu y rất de mất đồ phụ

Library HoangSa.Org

tùng. Nhiều vị, bị mất cắp đến độ không còn sử dụng được xe trở về Đà-lạt.

C.— *THÁC NƯỚC VÀ ĐẬP:*

a) *Thác Ankroët*: 18km. Viện Đại Học — đường Nguyên Công Trứ (hay Phù Đổng Thiên Vương) — đường Nguyễn Hoàng.

Nằm phía Bắc Đà-lạt. Năm 1944, dựa vào sức mạnh của thác nước, người Pháp đã thiết lập một nhà máy thủy điện và hồ Ankroët rộng 120 mẫu tây.

Nơi này, còn mang tên là Suối Vàng, hàng năm thu hút rất nhiều du khách đến thưởng ngoạn, nhất là vào mùa nắng.

b) *Thác Cam Ly*. 2km. Viện Đại Học — đường Võ Tánh — đường Phan Bội Châu — khu Hòa Bình — đường Duy Tân đường Huyền Trân Công Chúa.

Sông Cam Ly uốn mình giữa những đồi thông xinh đẹp và nhàn nhã buông mình trên những tảng hoa cương bé nhỏ. Dầu thác này không lớn lắm và ngày nay đã mất đi nhiều vẻ đẹp thiên nhiên; nhưng nhờ gần thành phố nên lúc nào cũng tấp nập du khách.

c) *Thác Da Tan La:* 6km. Viện Đại Học — đường Võ Tánh — đường hồ Xuân Hương — đường Yersin — đường Nguyễn Tri Phương — Quốc lộ 20.

Khi ra khỏi Đà-lat chừng 6 cây số, trên quốc lộ 20, rẽ về phía tay phải, thác Datanla ẩn mình trong cảnh núi rừng trùng điệp.

Dòng nước tuy nhỏ nhưng chảy xiết giữa những vách đá cao thăm thẳm của một trũng sụp tạo cho thác này một vẻ đẹp hùng vĩ giữa một phong cảnh thật hoang dã.

d) *Thác Prenn*. 10km — Quốc lộ 20.

Cũng trên Quốc lộ 20 sau khi rời Đà-lạt chừng 10km và vượt qua quãng đường quanh co uốn mình giữa những triền núi đá và thung lũng sâu thẳm; du khách rẽ về phía tay trái sẽ đến thác Prenn — tục gọi là thác Thiên Sa.

Nước từ trên cao chảy xuống trên một triều đá bằng phẳng, rồi sau đó màn nước gầm thét đổ vào một chiếc hồ xinh xắn bên dưới. Bên

Library HoangSa.Org

trong màn nước này, một cây cầu nhỏ được làm sát vào vách đá. Đứng trên cầu, du khách sẽ được nhìn cảnh vật qua «lăng kính» rực sáng màu hồng, vì màn nước trước mặt đang lấp lánh trong ánh nắng.

Ngoài ra, trong khu rừng ở thác Prenn có nuôi nhiều giống thú: hươu, nai, gấu, hổ, báo, công, trăn, voi...

e) *Thác Liên Khương:* 28km — QL. 20.

Thật ra, nó có tên là Liên Khàng, vì nhiều người Thượng cho rằng nơi đay, ngày xưa có rất nhiều kiến vàng mà các thổ dân quanh vùng đã thui lửa đốt không hết, sau nhờ sông Da Nhim dâng nước tràn qua mới trừ khử nổi.

Mặt thác rộng, có cồn đá lởm chởm, nhưng cũng có và nơi khá sâu, nước chảy chậm chạp, thuyền nhỏ có thể qua lại được.

f) *Thác Gougah:* 40km QL. 20.

Gougah nằm bên trái cách quốc lộ 20 chừng 500m. Ngay sau khi ngừng xe bên vệ đường, tiếng thác nước đã rền rĩ bên tai quí vị.

Thác này còn có tên nôm na là thác «Ồ Gà». Gougah rất hùng vĩ. Với khối lượng nước khổng lồ từ trên cao trút xuống trông nhiều màu sặc sỡ và bắn thành hồi vòng vèo như mây trời: Ở đây, giòng nước phân làm đôi theo chiều dọc: phần nước bên phải âm thầm trong màu vàng đục, phần bên trái bắn tung tóe trong màu trắng như tuyết.

g) *Thác Pongour:* 51 km — QL. 20.

Cũng trên quốc lộ 20, khi vượt qua 45 cây số đường nhựa, rẽ về phía tay phải, đi khoảng 6 cây số đường đất, là đến thác Pongour. Cảnh thác trông rất huyền bí, nhiều người vẫn truyền tụng rằng ngày xưa giòng nước buông mình trên những phiến đá biết rung động, tạo nên những thanh âm huyền dịu như ru hồn khách lãng du. Nhưng từ khi có một xác chết làm vẩn đục, điệu nhạc thần tiên ấy không còn nữa. Và ngày nay, về mùa nước, ta chỉ còn nghe Pongour điên cuồng gầm thét vang xa hàng 3 cây số.

Phong cảnh xung quanh rất hoang dã, vào tháng 11, 12 thác nước như bị ngập chìm trong màu sắc rực rỡ của hoa cỏ núi rừng.

D.— *NHỮNG NGÔI ĐỀN CHÀM CỔ KÍNH*

Bên cạnh những thắng cảnh này, du khách viếng thăm Đà-lạt còn

Library HoangSa.Org

có thể đến thưởng ngoạn những báu vật của các vua chúa Chàm tàng trữ tại hai ngôi đền: SOPMADRONHAY và KRAYO.

a) *Đền SOPMADRONHAY:* 71km, quốc lộ 20.

Từ Đà-lạt, du khách đi theo quốc lộ 20 quãng 46 cây số. Sau đó, rẽ về phía tay trái, đi thêm 25 cây số đường đất sẽ đến đền này. Ở đây, còn tìm thấy được 5 loại bảo vật:

Y phục, binh khí, tự khí, dụng cụ giao thông và vật dụng linh tinh.

b) *Đền KRAYO:* 85km — Quốc lộ 20.

Từ đền SOPMADRONHAY, nếu du khách tiếp tục cuộc hành trình trên con đường đất đó khoảng 14 cây số, sẽ tới đền KRAYO. Các cổ vật hiện còn tàng trữ ở đây gồm những thứ làm bằng vàng và bạc, được đựng trong 6 giỏ đan bằng tre, và những báu vật khác như y phục của vua chúa Chàm cùng vải vóc được đựng trong 3 chiếc rương gỗ sơn đen và đỏ, y phục có hai bộ triều phục bằng gấm Chàm, một số xiêm áo, mũ hia...

E.— NÚI LÂM VIÊN

16km — đường Nguyễn Công Trứ (hay Phù Đổng Thiên Vương — đường Nguyễn Hoàng — Dankia.

Du khách có thể dùng xe hơi đến gần chân núi, rồi dùng ngựa hay đi bộ dọc theo đường mòn để lên đỉnh ngọn thứ nhất 2.100m. Từ đây, quí vị có thể nhìn bao quát cả thành phố Đà-lạt. Nếu thích tìm cái thú «nhọc mệt» khi leo núi, thì ngọn Lâm Viên quả là để quí vị say mê. Từ ngọn này, quí vị cứ tiếp tục leo lên dần ngọn thứ 2, thứ 3, thứ 4, thứ 5.

Trong những ngày trời có mây mù, nếu đứng trên những đỉnh núi này, quí vị sẽ được hưởng cái giá buốt ghê rợn, mỗi khi các khối sa mù «mơn trớn» trên thân thể các bạn.

Dưới chân những ngọn núi này là rừng già vô tận có rất nhiều thú như: mình (gaur), bò rừng, heo rừng và có khi cả voi nữa.

Ngoài ra, cách chân núi không xa, du khách có thể tìm đến làng Thượng B'Neur, nơi đây chỉ cần bỏ chừng vài trăm đồng, quí vị sẽ được thưởng thức những điệu nhạc man rợ của bộ lạc thượng.

Library HoangSa.Org

F.— *NHỮNG CON ĐƯỜNG XINH ĐẸP*

a) *Đường vòng Lâm Viên :*

Đường vòng Lâm Viên hay đường 99 ngoạn cảnh là con đường xuyên sơn dài 20 cây cây số, ngòng nghèo uốn mình trong những khu rừng bát ngát.

Có lẽ không gì thú vị hơn quí vị dùng xe hơi đi dạo trên đường này.

b) *Đường Hoa Hồng :*

Ngày nay, được mang tên là Phạm Phú Quốc. Nơi đây, quí vị sẽ được thưởng thức những ngôi biệt thư xinh xắn, với lối kiến trúc thật quí phái và trang nhã theo lối cổ điển Tây Phương.

Ngoài ra, quí vị còn được say mê với những loài hoa tươi đẹp cùng những thảo mộc hiếm có từ Âu Châu mang đến.

Từ con đường này, quí vị có thể đi đến những con đường kế cận : Huỳnh Thúc Kháng, Pasteur, Hoa Tường Vi... cũng là những con đường nổi tiếng.

c) *Đường Cộng Hòa* (hay con đường Tình Ái)

Đường này còn được các bạn mệnh danh là « con đường Tình Ái », vì chìm ngập trong bóng mát huyền hoặc và tiếng nhạc rì rào muôn thuở của thông rừng. Thật là địa điểm lý tưởng cho những cuộc hò hẹn.

G.— *CÁC DINH THỰ :*

a) *Dinh số 1 :* nằm trên đường Lý Thái Tổ, ngày trước là nơi nghỉ mát của Tổng Thống Diệm. Và sau này, cũng vẫn được dùng làm nhà nghỉ mát cho những vị nguyên thủ quốc gia kế tiếp. Với một lối kiến trúc cổ kính, trang trọng... nằm trong một khu vực yên tĩnh và thơ mộng.

b) *Dinh số 2 :* Ngày trước Toàn Quyền Decoux đã dùng nơi này làm « dinh thự mùa hạ » của ông. Mỗi năm, từ tháng 5 đến tháng 10, vị Toàn quyền này, đã lên làm việc tại đây.

Sau này, dưới thời Đệ I Cộng Hòa, dinh thự này trở thành nơi nghỉ mát của ông Ngô Đình Nhu, cố vấn chính trị tại Phủ Tổng Thống. Ngày nay, công ốc này thuộc quyền xử dụng của Phó Tổng Thống Kỳ.

Library HoangSa.Org

c) *Dinh số 3.* Dưới thời Pháp thuộc, dinh thự này được dùng làm nơi nghỉ mát cho Đức Quốc Trưởng Bảo Đại và gia đình (ngày nay, ta còn có thể nhìn thấy những chiếc giường dành cho Quốc Trưởng Bảo Đại, Hoàng Tử Bảo Long ..)

Đến Đệ I Cộng Hòa, dinh thự này được dành riêng cho các vị thượng khách của Tổng Thống phủ, khi thăm viếng Đà-lạt. Và ngày nay, cũng vậy.

Đặc biệt dinh thự này được xây dựng trong khung cảnh im vắng và vô cùng thơ mộng. Nếu có dịp thăm viếng, quí vị không thể nào quên được những lối đi uốn khúc giữa những tàng cây tươi mát ven sườn đồi, những tầng cấp và chiếc sân cỏ kính ..

d) *Viện Đại Học Đà-lạt :*

Thác nước nhân tạo đang lấp lánh dưới ánh mặt trời, giòng suối êm đềm xuôi giòng dưới chiếc cầu nho nhỏ, nặng chĩu kỷ niệm của tuổi học trò, con đường ôm ấp bóng mát như tâm sự bịt bùng của tuổi 20... Tất cả những hình ảnh đó đã biến Viện Đại Học Đà-lạt thành một trong những thắng cảnh kiều diễm nhất tại địa phương này.

e) *Giáo Hoàng Chủng Viện Pio X.*

Đây cũng là nơi đáng được quí vị du khách thích chụp ảnh mầu lưu ý đến.

H.— *CÁC VƯỜN HOA*

a) *Vườn hoa Thành phố,* trên đường vòng hồ Xuân Hương (gần Trung Tâm Nguyên Tử Lực).

b) *Vườn Rosadala,* 168 Phan Đình Phùng.

c) *Biệt thự Hoàng Lan,* đường Huỳnh Thúc Kháng.

(Nơi đây có nhiều Lan ngoại quốc rất hiếm, được trưng bày ở phòng khách).

d) *Trung Tâm Phi Vân,* số 1 ấp Cô Giang.

(Đây cũng là vườn Lan khá đẹp ; rất có thể quí vị sẽ được chủ nhân giải thích tình đặc điểm của các thứ Lan, vô cùng thú vị).

e) *Vườn Lan,* 3 Hải Thượng.

Library HoangSa.Org

Ảnh Trần văn Châu 1946

Hình 1 _ Hotel du Lac (Bungalow) Khách sạn đầu tiên tại Dalat, hiện nay là Ty Thông tin

Hình 2 _ Khách sạn Palace hoàn tất năm 1921

Ảnh Trần văn Châu 1944

Library HoangSa.Org

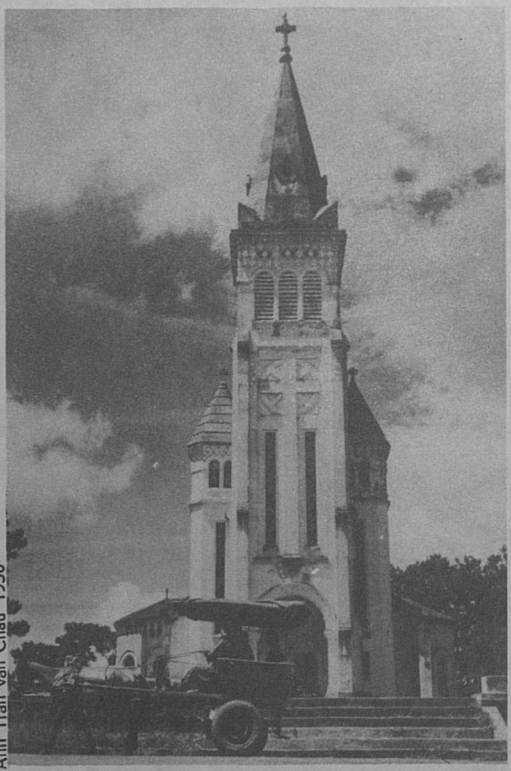

Ảnh Trần văn Châu 1950

Hình 3 – Nhà Thờ lớn xây cất năm 1942

Hình 4 – Nông trại đầu tiên Dankia

Library
HoangSa.Org

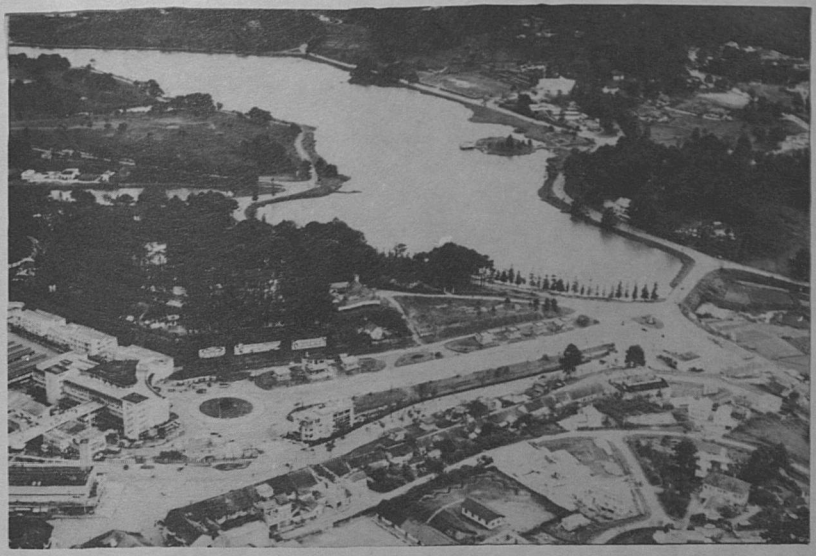

Hình 39 _ Hồ Xuân Hương

Ảnh Trần văn Châu 1966

Hình 40 _ Hồ Than Thở

Ảnh Đặng văn Thông 1971

Library HoangSa.Org

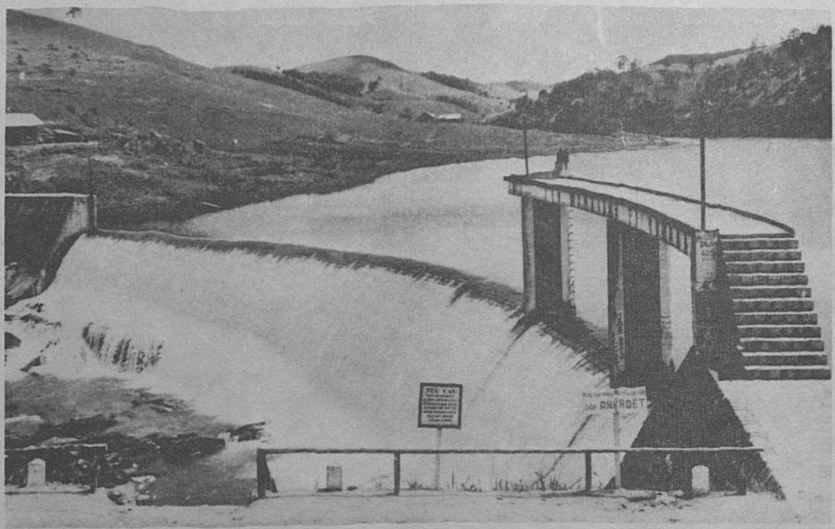

Hình 41 - Đập Ankroët (Suối Vàng)

Hình 42 - Đập Đankia

Library
HoangSa.Org

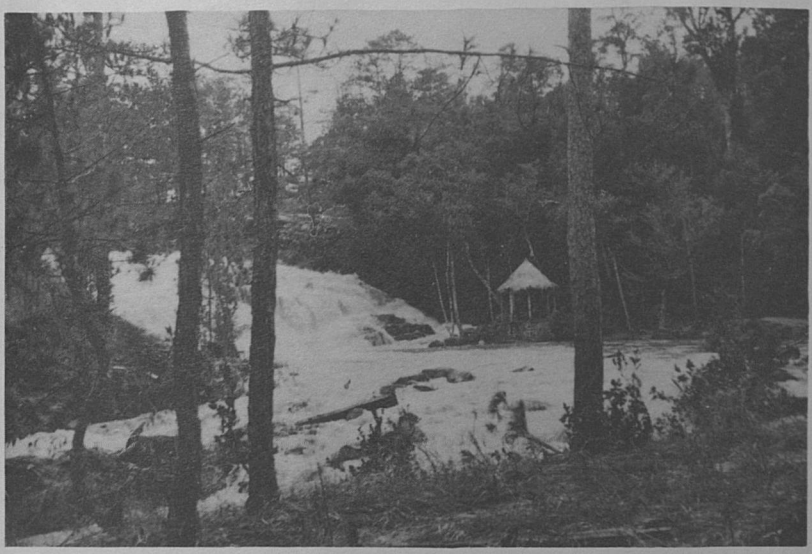

Hình 43 - Thác Cam ly

Ảnh Trần văn Châu 1950

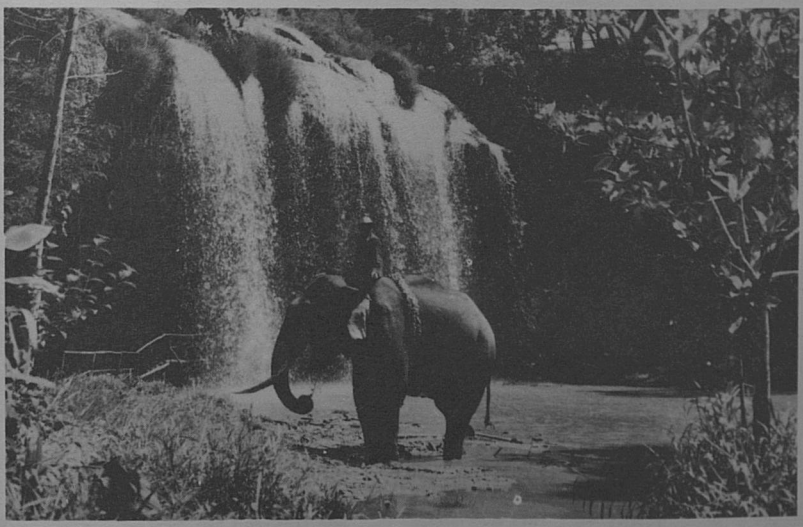

Hình 44 - Thác Prenn

Library HoangSa.Org

Hình 45 _ Thác Liên khương

Ảnh Trần văn Châu 1948

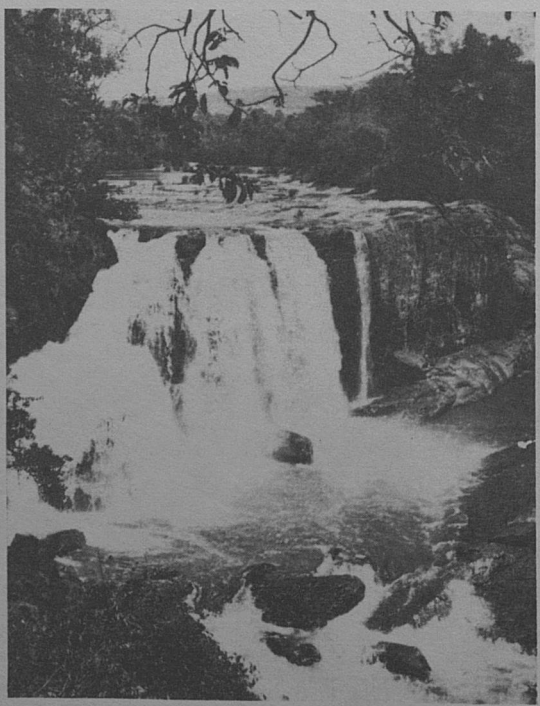

Hình 46 _ Thác Gougah

Ảnh Trần văn Châu 1950

Library HoangSa.Org

Hình 47_ Thác Pongour

Ảnh Trần văn Châu 1955

Library HoangSa.Org

Hình 48 . Đập Đa nhim Ảnh Trần văn Châu 1967

Hình 49 _ Đèo Ngoạn mục Ảnh Nguyễn kim Hồng 1971

Library
HoangSa.Org

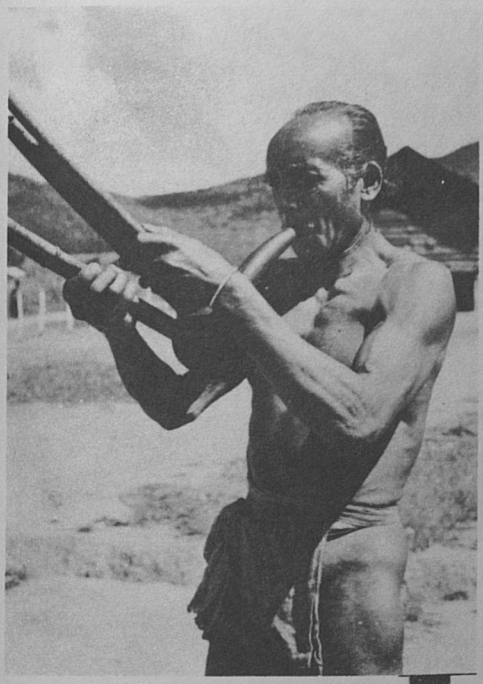

Hình 50

Người Lát tại xã Lát quận Lạc Dương đang thổi khèn

(Ảnh Trần văn Châu)

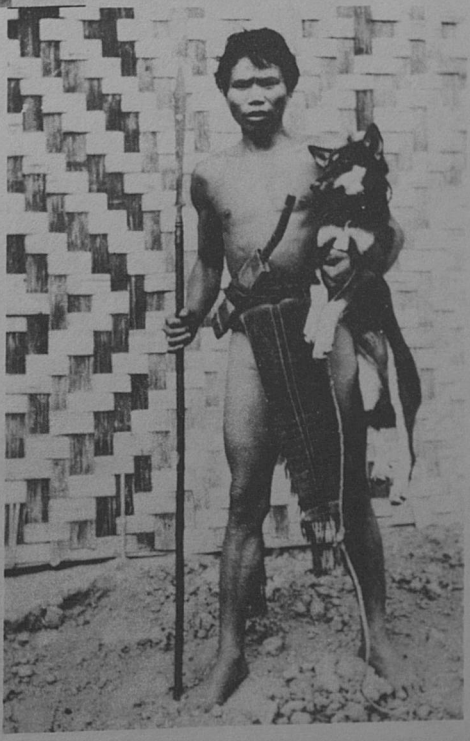

Hình 51

Sắc dân Churu tại quận Đơn Dương

Library HoangSa.Org

Hình 52 - Sắc dân Scré

Hình 53 _ Sắc dân Cil đang đi đổi thực phẩm

Library
HoangSa.Org

Hình 54 – Sắc dân Cil tại làng Đa Mêe, quận Đức Trọng — Ảnh Trần văn Châu

Hình 55 – Sắc dân Maa tại Quận Đức Trọng (Fyan) — Ảnh Trần văn Châu

Library HoangSa.Org

Hình 56

Sắc dân Maa tại quận Đức Trọng

Hình 57

Người Thái trắng tại xã Tùng nghĩa quận Đức Trọng

Library HoangSa.Org

37.— SĂN BẮN

Rừng núi chiếm một diện tích rất lớn quanh vùng Đà-lạt. Vì thế, Đà-lạt rất dồi dào thú săn như: voi, cọp, beo, gấm, min, bò rừng, heo rừng, nai, mang, thỏ, công...

Mùa săn bắn hàng năm bắt đầu từ 15 tháng 9 đến 15 tháng 4. «Ngày nay, để bảo vệ muông thú, chính phủ đã thiết lập những vùng cấm săn bắn tại một vài nơi..., và một khu săn bắn dành riêng cho các thượng khách của chánh phủ là vùng Contrachtria, đồi Cagne thuộc quận Đức Trọng diện tích khoảng 126.560 mẫu tây chạy từ cây số 10 trên liên tỉnh 21 (Liên Khương — Banmêthuột) nối dài tới sông Krong Kno về phía Tây Nam của đường này».

38.— QUÀ LƯU NIỆM

Sau những ngày viếng thăm Đà-lạt, khi giã từ, quí vị có thể mua một số quà đặc biệt của Đà-lạt, để làm kỷ niệm.

✣ *Hoa*: Đà-lạt có rất nhiều loại hoa như: hoa pensée; hoa cúc; hoa hồng, hoa mimosa, glaïeul, hoa huệ... được bày bán ở chợ dưới Đà-lạt.

Ngoài ra, còn có các loại Lan rừng, được bày bán tại những gian hàng bên phải của Hội Trường Hòa Bình. Muốn mua được giá rẻ, khoảng 8 giờ sáng mỗi ngày, đến địa điểm này, quí vị mua trực tiếp các loại Lan do người Thượng mang đến bán, không phải qua trung gian.

✣ *Trái cây và các thức ăn*: Dâu Tây, Mận, Đào, Hồng là những loại trái cây đặc biệt của Đà-lạt.

Ngoài ra, còn có mứt mận, đào... khoai lang được thái mỏng.

✣ *Về rau cải*: Có thể kể sà lách, su su, cải bắp, cải bắp thảo, a-ti-sô, khoai tây, hành tây...

✣ *Các sản phẩm thủ công nghệ*:

— Các nhà sàn, xách tay, thuyền buồm, cùng những đồ trang trí mỹ thuật... được làm bằng mây, tre hay gỗ thông..., các loại hoa ép đều có bày bán tại các quán quanh khu Hội Trường Hòa Bình và các hiệu sách.

Library HoangSa.Org

— Ngoài ra, quí vị cũng có thể mua các cung tên, gùi, vòng đeo tay bằng đồng... của người Thượng được bày bán tại hành lang chợ trên Đà-lạt.

39.— ĐỊA CHỈ CÁC CƠ SỞ QUAN TRỌNG

✣ Tòa Thị Chính,	14 Yersin	ĐT. 2022
✣ Phòng Du Lịch,	2 Yersin	ĐT. 2125
✣ Bưu Điện,	16 Yersin	ĐT. 2004-2009 Tổng Đài : 10
✣ Cảnh Sát,	19 Yersin	ĐT. 2208
— Cảnh Sát Cấp Cứu,		ĐT. 2017
— Cảnh Sát Khu Hòa Bình, 26 Hàm Nghi		ĐT. 2017
✣ Hàng Không Việt Nam, đường Quang Trung		2283
✣ Nha Địa Dư Quốc gia, 14 Thống Nhất		ĐT. 2146
✣ Dân Y Viện,	6 Calmette	ĐT. 2154
✣ Ngân Khố,	1 Yersin	ĐT. 2043
✣ Trường Võ Bị Quốc Gia, Chi Lăng		ĐT. 2309
✣ Trường Chỉ Huy và Tham Mưu, đường Lữ Gia		ĐT. 2232
✣ Đại Học Đà-lạt, đường Phù Đổng Thiên Vương		ĐT. 2246
✣ Trường Đại Học Chiến Tranh Chính Trị, đường Võ Tánh		
✣ Nhà thờ Chánh Tòa,	17 Yersin	ĐT. 2030
✣ Chùa Linh Sơn, đường Hàm Nghi		
✣ Ký Nhi Viện Nhị Trưng đường Võ Tánh		ĐT. 2121
✣ Tòa Hành Chánh Tuyên Đức, 4 Trần Hưng Đạo		ĐT. 2218
✣ Cần biết thêm chi tiết về du lịch, xin liên lạc với Phòng Du Lịch,	2 Yersin	ĐT. 2125
✣ Chi tiết về Lịch sử và Địa lý, có thể liên lạc với Nhóm Sử Địa, Viện Đại Học Đà-lạt (Phòng Tri Nhất IV)		ĐT. 2246.

✣

Library HoangSa.Org

MỤC LỤC PHẦN CHỈ DẪN DU LỊCH

Số thứ tự		*Trang*
1.—	Đề tới Đà-lạt	291
2.—	Khoảng cách giữa Đà-lạt và thị trấn khác	293
3.—	Di chuyển trong thành phố	293
4.—	Hối Đoái	294
5.—	Khí hậu và y phục	294
6.—	Khách sạn	295
7.—	Nhà hàng sang trọng	299
8.—	Nhà hàng bình dân	299
9.—	Tiệm phở	300
10.—	Hủ Tiếu	300
11.—	Mì Vịt	301
12.—	Mì Quảng	301
13.—	Bún ốc bún rêu	301
14.—	Bún bò giò heo	301
15.—	Nai Đồng Quê	301
16.—	Thịt dê	301
17.—	Bánh xèo	301
18.—	Quán nhậu	302
19.—	Quán chè	302
20.—	Tiệm kem	302
21.—	Phòng trà ca nhạc	302
22.—	Quán cà phê	302
23.—	Phòng tắm nước nóng	303
24.—	Mỹ viện và uốn tóc	303
25.—	Hớt tóc	303
26.—	Các phòng ảnh	304
27.—	Phòng khám bệnh	304
28.—	Tiệm thuốc Tây	304
29.—	Phòng chữa răng	305

Library HoangSa.Org

Số thứ tự		*Trang*
30.—	Hiệu sách	305
31.—	Tiệm giặt ủi	305
32.—	Sửa xe hơi	305
33.—	Sửa xe gắn máy	306
34.—	Rạp Ciné	306
35.—	Thời biểu của Thánh lễ tại nhà Thờ và Chùa	306
36.—	Thắng Cảnh	307
	A.— Hồ.	307
	B.— Thung lũng Tình Yêu	307
	C.— Thác nước và Đập.	308
	D.— Những ngôi đền Chàm cổ kính	309
	E.— Núi Lâm Viên	310
	F.— Các con đường xinh đẹp.	311
	G.— Các dinh thự	311
	H.— Các vườn hoa	312
37.—	Săn bắn	313
38.—	Quà lưu niệm	313
39.—	Địa chỉ các cơ sở	314

TIN MỪNG

Nhận được thiệp mừng của Cô Đăng Phương Nghi đẹp duyên cùng Ông François Rideau vào ngày 17-7-1971 tại Pairis. Thành thật chúc mừng Tân Lang và Tân Giai Nhân sắt cầm hòa hợp.

Nguyễn Nhã và Nhóm Chủ Trương
Tập San Sử Địa

NHẮN TIN

Tòa soạn Sử Địa rất mong được biết :

Địa chỉ mới của anh Phạm Văn Lưu.

Library HoangSa.Org

Khóc Học Giả PHAN KHOANG

Phan Tiên Sinh đã từ trần hồi 18 giờ ngày 22 tháng 10 năm 1971 tại Sài-gòn.

Phan Tiên Sinh là người đã thiết tha đến quốc sử, đến văn hóa nước nhà, Tiên Sinh đã từng viết báo cổ võ nghiên cứu quốc sử để kiến thiết quốc gia, cho đó là công việc tối cần thiết vì Tiên Sinh cho rằng lịch sử là một thứ học vấn nắm được sinh mạng của dân tộc, của quốc gia để nhận thức sinh mạng ấy. Chính vì lòng thiết tha ấy, Tiên Sinh đã không nề hà nhận lời hợp tác và đã là một trong những người phụ trách việc lo bài vở cho Tập San từ 5 năm qua.

Tiên Sinh cũng đã từng biên khảo các bộ sách sử như Trung Quốc Sử Lược, Việt Nam Pháp thuộc sử, Việt Sử Xứ Đàng Trong cùng một số tác phẩm đang soạn dở dang như Tổ chức chính quyền dưới triều Nguyễn, Đại Học dịch giải và cũng từng là chủ bút các báo Bình Minh, Việt Nam Mới, Vì Dân, Trách Nhiệm tại Huế t ong khoảng 1947-1955.

Là người đã quan tâm đến vận mệnh đất nước, Tiên Sinh đã từng nhận lãnh các chức vụ Phó Chủ Tịch Hội Đồng Nhân Sĩ (1946), Chủ Tịch Ủy Ban Văn Hóa Xã Hội Hội Đồng Quốc Gia Lập Pháp (1965), Ủy Viên của Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia (1966-1967).

Tiên Sinh còn là người Thày khả kính của các sinh viên Đại Học Văn Khoa Sài-gòn, Vạn Hạnh, Đà-lạt, Cần Thơ, từ 1964.

Tiên Sinh đã nằm xuống để lại bao sự luyến tiếc và bao công trình còn đang dang dở và là một thiệt thòi lớn lao cho giới văn hóa và chính giới nước nhà.

NHÓM CHỦ TRƯƠNG TẬP SAN SỬ ĐỊA

Library HoangSa.Org

Giới thiệu Sách Báo

- NGUYỄN HỮU CHÂU PHAN, *Xã Hội Nhà Lý Nhìn Dưới Khía Cạnh Pháp Luật*, Huế, Sùng Chính Tùng Thư, 1971, 190 tr.

Một buổi chiều trên đường Lê Lợi, trong những kệ đầy sách đủ loại chợt hiện ra một tựa đề tức thời làm chúng tôi chú ý, *Xã Hội Nhà Lý Nhìn Dưới Khía Cạnh Pháp Luật*.

Trước hết, tác giả trình bày xã hội Việt Nam cách đây non 10 thế kỷ, một quá khứ xa cách ít được nghiên cứu vì nhiều lý do trong đó đáng kể là hàng rào ngôn ngữ. Trong một bài điểm sách trước [1], chúng tôi đã có dịp bày tỏ sự hy vọng những tài liệu cổ sử Việt Nam sẽ được chú giải và phổ biến qua khả năng của những nhà tinh thông Hán học. Từ đó chúng tôi đợi chờ và tựa đề của tác phẩm nhắc nhở chúng tôi đến hy vọng ấy. Sau nữa, đây là cái nhìn mới mẻ, dùng ánh sáng của một nền pháp luật mà soi, khoáng trương cả một xã hội cổ thời.

Tác giả chia sách ra làm 3 phần.

Phần thứ nhất (tt. 13-36) tác giả chứng minh pháp luật triều Lý là pháp luật thành văn đầu tiên của người Việt, trái với ý kiến của giáo sư Vũ Văn Mẫu trong tác phẩm *Dân Luật Khái Luận* [2] theo đó dân Việt đã có pháp luật thành văn từ trước khi Mã Viện sang xâm chiếm.

Phần thứ nhì trình bày nội dung của pháp luật triều Lý, xuất xứ của nó và sinh hoạt xã hội Việt Nam trong các thế kỷ XI, XII và XIII qua ánh sáng của những điều luật nhà Lý sót lại. Đây là phần căn cốt của tác phẩm. Nó sẽ chứng tỏ khả năng và phương pháp làm việc của tác giả. Phần này khá dài chiếm quá nửa quyển sách (tt. 37-156). Sau khi bàn xét những ảnh hưởng đè nặng lên pháp luật triều Lý là ảnh hưởng Trung Hoa qua những thế kỷ dài đô hộ mà chính sách được áp dụng là đồng hóa, và ảnh hưởng của Phật giáo mà các tăng sĩ hợp thành tầng lớp trí thức của thời đại, tác giả trình bày bộ mặt xã hội Việt Nam thời nhà Lý (1010-1225) qua những sinh hoạt của giới quý tộc quan lại, quân sự và kinh tế.

---

1. Xem thêm : TAT., « Giới Thiệu Sách Báo. BỬU CẦM, *Quốc Hiệu Nước Ta Từ An Nam Đến Đại Nam*, Saigon, Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa, 1969, 150 tr. », *Sử Địa*, số 17-18 (Tháng 1 đến 6-1970), tt. 242-244.

2. Xuất bản tại Saigon, 1958.

Library HoangSa.Org

Phần thứ ba (tt. 157-188) trình bày sự áp dụng luật pháp thời nhà Lý với đặc điểm là sự khoan dung từng được nhiều nhà nghiên cứu xưa (như Ngô Thì Sĩ) và nhất là nay (như Vũ Văn Mẫu) ca tụng thật ra chỉ là một sự khoan dung có tính toán, nằm trong chính sách cai trị của các vua nhà Lý.

Phải chăng vì quá tin tưởng vào tác phẩm mà chúng tôi đã phải ngỡ ngàng khi đọc đến những giòng kết luận?

Thật ra, quyển sách là sự trích dẫn những đoạn văn liên quan đến pháp luật nhà Lý trong các tác phẩm cổ Việt Hoa [1]. Công trình riêng của tác giả là những ý kiến nhận xét mà chủ đích là phản ứng lại một số ý kiến trong tác phẩm *Dân Luật Khái Luận* của ông Vũ Văn Mẫu, viết với tư cách một giáo sư luật học hơn là một người nghiên cứu sử học. Các độc giả của *Dân Luật Khái Luận* đều đồng ý rằng việc đề cao dân tộc đã được giáo sư Vũ Văn Mẫu thực hiện một cách hăng say nhiệt thành vì ông cho đó là bổn phận của mỗi con dân đất Việt. Nhiệt tình ấy tất nhiên không đi đôi với tinh thần khách quan cần thiết của sử học [2]. Tuy nhiên khi mục đích của một tác phẩm nghiên cứu lịch sử chỉ là bày tỏ sự chống đối, chúng tôi e rằng ông Nguyễn Hữu Châu-Phan đã định cho thái độ đề cao dân tộc trong một tác phẩm luật học một tầm mức quá lớn.

Chúng tôi cũng lấy làm tiếc về sự trình bày rất giáo khoa của tác giả. Đối với một vấn đề, tác giả trích dẫn tất cả, theo sở kiến của mình, những đoạn văn trong các tác phẩm cổ rồi mới nêu nhận xét riêng khiến cho vấn đề trở thành vụn vặt và lập lại nhiều lần. Chẳng hạn những chi tiết về lương bổng quan lại lấy trong *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí* được nhắc lại hai lần. Lần đầu trình bày cách gián tiếp, rồi ghi chú những chi tiết tham khảo (tr. 92), lần hai trình bày cách trực tiếp (tr. 93).

---

1. Đối với những tac phẩm Trung Hoa, tác giả trích dẫn lại những đoạn văn các tác giả khác đã trích dẫn. Điều nầy khiến cho tin lực của tài liệu bị suy giảm.

2. Tuy nhiên, thái độ ấy lại cần thiết trong sự đào tạo những sinh viên luật học, gây niềm hứng khởi cho họ hãnh diện về quá khứ và tin tưởng ở tương lai. Mai đây khi xây đắp nền pháp luật cho thời đại của họ, nền pháp luật ấy mơi có cơ thực sự, chúng tôi xin phép dùng chính lời của tác giả, «là một sản phẩm riêng của một xứ, một sản phẩm của tục lệ xuất phát từ cách tư tưởng, lề lối cảm thức của một dân tộc, là sự hợp thành của những sự kiện lịch sử của dân tộc ấy» (Lời Mở Đầu, tr. XI).

Và đó là sự khác biệt *về bản chất* của hai ngành luật học và sử học.

Library HoangSa.Org

Tuy tác giả dành cả một phần riêng (*Tiết Thứ Nhì. Những Tài Liệu Tham Khảo.* Tt. 25-36) khảo về những tài liệu cổ sử Việt mà tác giả sử dụng nhưng quyển sách lại thiếu bản Sách-Dẫn khiến độc giả theo dõi một cách khó khăn. Chẳng hạn về tác phẩm *Lĩnh Ngoại Đại Đáp* được tác giả nói tới từ trang 88 và nhắc lại liên tiếp trong các trang 91, 111, 118, 119, 144, 145, 151, 152 nhưng mãi đến trang 154 ông mới cho biết một chi tiết tiểu sử của tác giả Chu Khứ Phi làm thông phán ở Ung Châu và soạn niên của tác phẩm là năm 1188.

Quyển sách cũng thiếu cả bản sửa lỗi ấn công khá nhiều. Vài thí dụ:

— Ghi chú 16 (tr. 27) không có.

— núi Bạch *Hạt* (tr. 94) thay vì Bạch Hạc.

— áp *pha* hành điện (tr. 109) thay vì áp nha hành điện.

— nợ *nàng* (tr. 110), thay vì nợ nần.

— ...

Thật ra công trình của ông Nguyễn Hữu Châu-Phan đã cống hiến cho giới nghiên cứu lịch sử một vài tia sáng trong sinh hoạt xã hội Việt-nam nhất là phạm vi pháp luật non 10 thế kỷ trước đây. Việc làm của ông còn đáng hoan nghênh ở những cước chú rất nhiều mà sở kiến Học hán vững chắc của ông đã cung hiến những chi tiết hữu ích. Chúng tôi ước mong ông sẽ sử dụng khả năng Hán học ấy trong công tác dịch thuật chú giải những bản văn cổ hơn là viết sử, công tác mà điều kiện đầu tiên đòi hỏi cái nhìn tổng hợp.

TAT

Tháng 11-1971.

✢

Tập San Sử Địa đã nhận được các sách báo gởi tặng:

▼ **TRADITION ET REVOLUTION AU VIỆT NAM** của các tác giả *Nguyễn Khắc Viên, Paul Mus, Jean Chesneaux, Charles Fourneaux, Jean Raoul Clementin, Georges Condominas, Pierre Brocheux, Phạm Thanh Sơn, Jean Lacouture, Philippe Devillers et Bernard Dranber, Henri Lenoue, Georges Boudarel, René Dumont và Nguyễn Trần Huân.* Editions Anthropos xuất bản — Paris, 1971. 512 p.

Library HoangSa.Org

Mỗi tác giả trình bày một vấn đề riêng biệt hẳn với nhau, không có tính cách nhất quán và liên tục, từ vấn đề Khổng Giáo với chủ nghĩa Mác Xít, tới vấn đề Phật Giáo trong quá khứ cũng như hiện đại, vấn đề Thiên Chúa Giáo, Cao Đài. Tư tưởng quân sự Việt Nam, cuộc tranh thủ thống nhất từ 1954 đến 1961, vấn đề nông nghiệp tại miền Bắc...

▼ BẢY NGÀY TRONG ĐỒNG THÁP MƯỜI của *NGUYỄN HIẾN LÊ*, Sài-gòn, Trí Đăng tái bản, 1971. 176 trang. Giá 170$.

Tập du kí và biên khảo giá trị về vùng Đồng Tháp.

Tác giả đã trình bày một cách sống động khung cảnh địa lý Đồng Tháp gồm các miền Tân An, Thủ Thừa, Mộc Hóa, Tân Châu, Cù lao Giêng, Cao Lãnh..., cùng cuộc sống chất phác hiền hòa của dân Đồng Tháp hay dân miền Nam thời tiền chiến và cuộc chiến đấu lẫy lừng của Thiên Hộ Dương tại Đồng Tháp.

▼ LỊCH SỬ VĂN MINH ẤN ĐỘ của *WILL DURANT* do *NGUYỄN HIẾN LÊ* dịch, Sài-gòn, Lá Bối xuất bản, 1971. 550 trang. Giá 550$.

Đây là trích dịch một phần trong bộ sách «Lịch Sử Văn Minh» (The Story of Civilisation) gồm 10 cuốn bản tiếng Anh hay 33 cuốn bản tiếng Pháp. Một bộ sách sử rất đồ sộ và giá trị.

▼ NỬA THÁNG TRONG MIỀN THẤT SƠN của *NGUYỄN VĂN HẦU*. Sài-gòn, Hương Sen xuất bản, 1971. 266 trang. Bản đặc biệt không đề giá.

Tập bút ký về cuộc du khảo vùng địa thế độc đáo Thất Sơn. Nhiều tài liệu giá trị và hình ảnh quí.

▼ VIỆT NAM TAM GIÁO SỬ ĐẠI CƯƠNG của *NGUYỄN VĂN HẦU*. Sài-gòn, Hương Sen tái bản, 1970. 120 trang. Bản đặc biệt không đề giá.

Lịch sử nguồn gốc học thuyết, giáo lý cùng sự du nhập và vận hành của Khổng Giáo, Lão Giáo và Phật Giáo sang Việt Nam. Tập biên khảo ngắn gọn đặc sắc.

▼ LƯU TRỮ HỒ SƠ của *NGUYỄN HÙNG CƯỜNG*. Sài-gòn, Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa tái bản 1971, 207 trang.

Tác phẩm trình bày về sưu tầm tài liệu, sắp xếp tài liệu, thẻ mục lục cùng lịch sử, tổ chức văn khố và kỹ thuật lưu trữ hồ sơ.

Sách gồm 10 chương và ba phụ lục.

Library HoangSa.Org

▼ **GIA PHẢ KHẢO LUẬN VÀ THỰC HÀNH** của *DÃ LAN NGUYỄN ĐỨC DỤ*. 372 trang (in Ronéo).

Một công trình khảo cứu công phu về cách thức làm gia phả Đông Tây. Tác giả đưa ra một cách thức canh tân để thực hiện một bộ phả đa dụng. Ngoài ra tác giả cũng trích dẫn những bộ phả như Gia phả họ Trịnh Kiểm, họ Bùi Viện, Nguyễn Đức...

▼ **TỈNH BẾN TRE TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM** (từ 1757 đến 1945) của *NGUYỄN DUY OANH*. Sài-gòn, Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa, 1971. 426 trang. Giá 590$.

Đây là một tập địa phương chí giá trị. Tác giả đã chú trọng về phần lịch sử từ lịch sử địa danh, cương vực, các sinh hoạt nhân văn, hành chánh, kinh tế đến tiểu sử các danh nhân Võ Trường Toản, ông già Ba Tri Thái Hữu Kiểm, Trương Tấn Bửu, Phan Thanh Giản, Phạm Hữu Chánh, Nguyễn Đình Chiểu, Trương Vĩnh Ký, Nguyễn Ngọc Tương, Nguyễn Quyền, Bùi Quang Chiêu...

▼ **LÀM THẾ NÀO ĐỂ BÁN MỘT TỔNG THỐNG?** Của *JŒ MC GINNISS. LÊ THÀNH HOÀNG DÂN và HUỲNH VĂN NGÔN* dịch. Sài-gòn, Trẻ xuất bản, 1971. 253 trang. Giá 340$.

Tập bút ký viết về sự tranh cử Tổng Thống Mỹ của một ký giả trẻ J. MC Ginniss, trong bộ tham mưu tranh cử Richard Nixon năm 1968.

▼ **HIỆN TÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI** của *NGUYỄN KHẮC NGỮ, NGUYỄN ĐÔN PHONG* và *PHAN ĐÌNH TIẾU*. Sài-gòn, Hội Giáo Sư Sử Địa xuất bản, 1971. 68 trang.

Những con số thống kê và tình hình tổng quát kinh tế cũng như riêng từng cường quốc kinh tế: Hoa kỳ, Anh, Tây Đức, Nhật Bản, Liên Sô, Trung Cộng, Ấn Độ cùng thống kê về tình hình kinh tế Việt Nam. Các con số được thống kê vào năm 1969.

▼ **NGUỒN GỐC MÃ LAI của DÂN TỘC VIỆT NAM** của *BÌNH NGUYÊN LỘC*. Sài-gòn: Bách Lộc xuất bản, 1971. 893 trang. Giá 950$.

Tác phẩm rất đồ sộ, trình bày những vấn đề liên quan đến cổ sử Việt-Nam như những vấn đề tác giả gọi là sa lầy, sai lầm, những dấu vết Mã Lai trong xã hội Việt Nam qua trống đồng, kiến trúc, đối chiếu chỉ số sọ ngôn ngữ tỷ hiệu...)

Library HoangSa.Org

▼ NẾP CŨ: CON NGƯỜI VIỆT NAM-PHONG TỤC CỔ TRUYỀN, của *TOAN ÁNH*. Sài-gòn: Khai Trí, 1970. 420 trang, Giá 400$.

Tác giả trình bày về đời sống gia đình, văn học, thi cử, hôn nhân, nhà cửa, khao vọng, tang lễ trong xã hội cổ truyền Việt Nam.

▼ NHẬN XÉT VỀ BẢN DỰ THẢO LUẬT SỐ 108/69 HP QUI CHẾ QUÂN NHÂN TRỪ BỊ của *LÊ THÀNH TUỆ*, 1970. 135 trang.

Tác giả ghi lại từng điều trong bản dự thảo kèm theo những nhận xét. Kế tiếp là những ý kiến tổng quát về vấn đề quân nhân tại ngũ và tại gia.

▼ MIỀN NAM ĐẦU THẾ KỶ 20 — THIÊN ĐỊA HỘI và CUỘC MINH TÂN của *SƠN NAM*. Sài-gòn, Phù-Sa, 1971, 300 trang. Giá 380$.

Tác giả trình bày về Thiên Địa Hội từ miền Nam Trung Hoa phát triển xuống Nam Kỳ Lục Tỉnh cùng phong trào Duy Tân (Minh Tân) ở miền Nam với Gilbert Trần Chánh Chiếu cùng các nhóm Nông Cổ Mín Đàm, Lục Tỉnh Tân Văn...

▼ CỔ CHÍ THÌ NÊN của *NGUYỄN VĂN Y*. Sài-gòn, Nam Hà xuất bản, 156 trang. Giá 150$.

Loại sách học làm người. Có phần phụ lục trích đoản văn của Lương Khải Siêu, Hoàng Đạo Thúy, Rudyard Kipling và 100 châm ngôn để luyện chí.

▼ TRẦM MẶC CÂY RỪNG của *VÕ HỒNG*. Sài-gòn, Lá Bối, 1971, 204 trang. Giá 200$.

Tập truyện mới của Võ Hồng gồm các truyện nhan đề Bọt Trắng, Đôi Ngả, Hãy Đến Chậm Hơn Nữa, Những Bước Chân Êm Đềm, Chuyến Về Tuy Hòa, Lương Mai và Trầm Mặc Cây Rừng.

▼ ẢO TƯỢNG của *SƠN NAM, THIỀU CHI, NHẤT HẠNH, HỒ HỮU TƯỜNG, CHINH BA, VÕ PHIẾN, TUỆ UYÊN*. Sài-gòn, Lá Bối, 1971. 178 trang. Giá 180$.

Tuyển tập truyện ngắn.

▼ CHO CUỘC ĐỜI của *TẠ TỴ*. Sài-gòn, Khai Phóng, 1971. 101 trang. Giá 200$.

Tập thơ được xuất bản đầu tiên của một họa sĩ kiêm văn sĩ...

Library HoangSa.Org

▼ **NHÀ VĂN LẮM CHUYỆN** của *VŨ BẰNG*. Sài-gòn: NHÂN VĂN tạp chí, 1971. 150 tr. Giá 95$.

Toàn tác phẩm dày 300 trang được chia thành hai tập, đây là tập thứ nhất, nhà văn Vũ Bằng ghi nhận những nỗi lòng buồn, vui của cuộc đời người cầm bút với 40 năm hành nghề, tác giả còn khéo điểm những khuôn mặt con nhà văn đã từng chung sống.

* *Tạp chí Văn Học* đã thực hiện các số báo mang chủ đề: Nam Cao: Nhà văn hiện thực của Cách mạng và Kháng chiến (95), mùa hoa nở — Kỷ niệm đệ bát chu niên Văn Học (96). Bệnh tật và cái chết những văn thi sĩ Tản Đà — Nhất Linh — Nguyễn Văn Vĩnh — Phạm Quỳnh — Hàn Mặc Tử (98), Phạm Duy: Tâm ca. Du ca. Dân ca (102), Hồ sơ về cái chết Nguyễn Tường Tam (109), Những bí mật về thi sĩ Trần Quang Dũng (125), Hài hước trong tục ngữ ca dao Việt Nam (128), Trên thân thể đó của Trang-Châu (131), Đồ Chiểu: ngôi sao sáng trong văn thơ yêu nước (133), Dương Kiền: Nhà văn trẻ trên sân khấu văn học và chính trị (134), Bưu hoa và nghệ thuật (135).

▼ **CHUYỆN CƯỜI CỔ NHÂN** của *VƯƠNG HỒNG SỂN*. Sài-gòn: Việt Hương xuất bản, 1971. 260 trang. Giá 260$.

Tác giả sưu tầm hơn 200 chuyện cười, tuyển chọn thành một tập hiếm có cho loại văn chương bình dân.

▼ **NHƯ CHIM XA RỪNG** của *HUYỀN GIANG* do tác giả xuất bản. 74 trang.

Tập thơ thứ ba của tác giả được ấn hành sau tập «Một Chút Lửa» và Còn Nhau Trong Cuộc Đời (Thơ do Hoàng-Thanh phổ nhạc).

CHÚC MỪNG

Thành thật chúc mừng các Tân Lang và Tân Giai Nhân:

Trần Quốc Giám và Phan Khánh Thịnh thành hôn vào ngày 25-1-1972.

Trần thị Kim Oanh và Nguyễn Quan Hùng, thành hôn vào ngày 21-1-1972

Trần Văn Anh và Lại Huy Quân thành hôn ngày 25-1-1972.

được trăm năm hạnh phúc

Nguyễn Nhã

Library HoangSa.Org

Đã phát hành:

Chuyện Cười Cổ nhân

do

VƯƠNG HỒNG SỂN sưu tập

— 200 chuyện cười chọn lọc, trích nguyên văn từ những tài liệu khó tìm như *Truyện Đời Xưa* của Đinh Thái Sơn, *Truyện Tiếu Đàm* của Phụng Hoàng San và Dương Diếp, *Truyện Ông Ó* của Bùi Quang Nho, *Chuyện Đời Xưa* của Trương Vĩnh Ký, *Tiếu Lâm An Nam* của Thọ An...

— Nên đọc để giải trí và hiểu thêm về phong tục, tập quán dân Việt hồi đầu thế kỷ.

— Một sự đóng góp đáng kể vào việc nghiên cứu văn chương bình dân, truyền khẩu.

Sách khổ lớn, dày trên 250 trang.

Giá phổ thông

TÌM MUA TẬP NHẠC

10 BÀI ĐẠO CA

của PHẠM DUY

Văn Sử Học xuất bản

* Ý thơ tuyệt diệu.

* Nghệ thuật âm nhạc tuyệt vời

— Đạo Ca Một đắm chìm trong một hòa điệu mờ ảo, dị kỳ

— Đạo Ca Hai với giai điệu dịu dàng trong sáng

— Đạo Ca Ba đạt tới tuyệt đỉnh của nghệ thuật với giai điệu linh động, dồn dập...

— Đạo Ca Bốn với lời thơ cảm động, giai điệu « lang thang », buồn bã, gây cảm tưởng lạ lùng.

— Đạo Ca Năm với giai điệu vô sắc, và «thơm tho» lạ lùng với một hòa điệu chuyển hành đi lên.

— Đạo Ca Sáu với giai điệu vút lên, đơn giản và thanh khiết.

— Đạo Ca Bảy với vẻ đẹp và sức mạnh của những ý nhạc tuyệt vời

— Đạo Ca Tám với những âm hưởng trong suốt tuyệt vời và lạ lùng

— Đạo Ca Chín với một hòa điệu khá linh động, giai điệu trang trọng

— Đạo Ca Mười với giai điệu vui tươi linh hoạt nhịp nhàng.

(Theo lời phê bình của G.E. Gauthier)

KHÁCH SẠN **MIMOSA**

170 PHAN ĐÌNH PHÙNG ĐÀ-LẠT

Đ,T. : 2408

— Tiếp đãi lịch sự

— Đầy đủ tiện nghi

— Có xe du lịch cho mướn

Văn Phòng Sài-gòn
164A Nguyễn Huỳnh Đức
Phú Nhuận — Đ. T. : 41.522

Library HoangSa.Org

MIỀN NAM ĐẦU THẾ KỶ XX:

THIÊN ĐỊA HỘI

và

CUỘC MINH TÂN

biên khảo của Sơn Nam

Với nhiều tài liệu quan trọng, soi sáng một giai đoạn lịch sử ở miền Nam, bấy lâu chưa được nói lên đúng mức: phong trào Cần Vương và phong trào Duy Tân.

do ĐỒNG NAI, 270 Đề Thám Saigon tổng phát hành

CA DAO XUẤT BẢN

CHINUA ACHEBE

QUÊ HƯƠNG TAN RÃ

NGUYỄN HIẾN LÊ và HOÀI KHANH dịch

Cuốn **Quê hương tan rã** *được các nhà phê bình Phi, Âu và Mĩ hoan nghênh nhiệt liệt, coi là tiểu thuyết phong phú nhất chính xác nhất diễn tả thảm trạng của một dân tộc da đen bằng hoại dưới bàn tay thực dân da trắng.*

Tác phẩm đã được dịch ra các tiếng Pháp, Ý, Y-pha-nho, Đức hiện nay được dùng trong nhiều trường dạy Anh ngữ ở châu Phi, như một tác phẩm cổ điển vậy.

Library HoangSa.Org

HÃY TÌM ĐỌC

CUỐN SÁCH VIẾT VỀ CUỘC ĐỜI NHẠC SĨ PHẠM DUY TRÊN ĐƯỜNG SÁNG TẠO

— Cuộc đời PHẠM DUY qua 30 năm sống và sáng tác với bao biến chuyển lịch sử: TIỀN KHÁNG-CHIẾN, KHÁNG-CHIẾN và HẬU KHÁNG-CHIẾN.

— Cuộc đời đầy sống động với bao cuộc tình éo le, với bao vận nước nổi trôi, với bao khắc khoải đã được TẠ TỴ viết thành sách :

PHẠM DUY CÒN ĐÓ NỖI BUỒN
VĂN SỬ HỌC XUẤT BẢN

Các bạn yêu văn chương nghệ thuật yêu nhạc Phạm Duy không thể bỏ qua cuốn sách hay lạ lùng về một người còn sống.

TÌM ĐỌC

TRUNG QUỐC SỬ LƯỢC

của PHAN KHOANG

Văn Sử Học Tái Bản Lần Thứ Tư
(tăng bổ và hiệu đính)

Soạn lại rất công phu phần cổ sử với các thể chế chính trị, văn hóa, xã hội.

Tác phẩm giúp tìm hiểu nguyên ủy văn minh Việt-nam.

Dùng làm món quà tặng và phần thưởng thật trang nhã và bổ ích.

Library HoangSa.Org

Tìm đọc

tuần báo THIẾU NHI

Chủ Nhiệm : NGUYỄN HÙNG TRƯƠNG
Chủ Bút : NHẬT TIẾN

• *Tờ báo giải trí và giáo dục lành mạnh đáng đọc cho mọi gia đình.*

• *Bài thật đặc sắc do chính các nhà văn, nhà giáo tên tuổi viết, làm suy mê các học sinh hiếu học.*

• *Hình thức trình bày trang nhã, vui mắt.*

• *Săn sóc con em không gì hay bằng mua tuần báo Thiếu Nhi cho con em đọc.*

KHÁCH SẠN **THỦY TIÊN**
7 DUY TÂN, ĐÀ-LẠT
Đ.T. : 222A

— *Trang trí lịch sự*
— *Tiện nghi đầy đủ*

Giá Biểu
Phòng Hạng 1 : 1200$,00
Phòng Hạng 2 : 1050$,00

Chủ Nhân
Bà Thái Thị Nho

Library HoangSa.Org

Một miền tạp sắc, bí quái, có một vị thế độc đáo và linh diệu như lời của P. Gourou và Phật Thầy Tây An, chắc không đâu cho bằng miền Thất Sơn — Thất Sơn có những câu hò tình tứ bên cạnh những bài Sấm Kí u vi ; có những thằng ăn cướp cao thủ chen chân với một ông hoàng tầu quốc ; có những nhà cách mạng thất thời với những ông thầy tu nặng lòng hứa quốc ; có những tên nhăng nhít tự xưng Ông Đạo nhưng cũng có nhiều bậc chân tu chứng đắc Bồ Đề — Một kho tàng Sử Địa, một bí tích Văn Hóa tàng ẩn ở Thất Sơn — Giọng hát Lò Khon của người Miên lẫn lộn trong câu kinh Cor'an của người Chàm, người Mã Lai... Những buổi chợ trời đầy gian lận giữa những người Việt người Tàu từ thời Thoại Ngọc Hầu làm Bảo Hộ cho tới khi quân Tây Dương vĩnh viễn rút lui...

Tất cả đều sinh động, hấp dẫn trong :

NỬA THÁNG TRONG MIỀN THẤT SƠN

NGUYỄN VĂN HẦU viết — HƯƠNG SEN x.b.

ĐỒNG NAI TỔNG PHÁT HÀNH

NHÀ HÀNG **MÉKÔNG**

RESTAURANT

18 KHU HÒA BÌNH — ĐÀ-LẠT

— *Tiếp đãi lịch sự vui vẻ*

— *Quí khách sẽ vừa lòng với những món ăn đặc biệt.*

Library HoangSa.Org

Một quyển sử khác lạ về đề tài và phương pháp

NGUỒN GỐC

MÃ LAI

của DÂN TỘC

VIỆT NAM

Với hơn hai trăm biểu đối chiếu sọ và ngôn ngữ Việt Mã, cùng nhiều khám phá bất ngờ về thượng cổ sử 5000 năm của dân tộc Việt Nam.

Bác bỏ các công trình Đông Sơn vốn là một sai lầm vĩ đại, suốt 700 trang sách chữ nhỏ, khổ lớn, viết theo phương pháp khoa học mới nhứt, không dùng giả thuyết, lý thuyết, mà chỉ đơn sơ sự kiện nào có chứng tích mà thôi:

Soạn giả: Bình Nguyên Lộc
Nhà xuất sản Bách Bộc

KHÁCH SẠN **DUY TÂN**

83 ĐƯỜNG DUY TÂN ĐÀ-LẠT

Đ.T.: 2216

— *Có nhà ăn tại khách sạn*

— *Phòng trình bày mỹ thuật*

— *Có phòng tắm nước nóng trong mỗi phòng*

Library HoangSa.Org

NHÀ HÀNG **ĐỒNG KHÁNH**

RESTAURANT

52 KHU HÒA BÌNH ĐÀ-LẠT

Tel : 2284

— *Đặc biệt chuyên chế các món : Việt, Pháp và Trung Hoa*

— *Có phòng ăn trên lầu chu đáo ; sạch sẽ*

— *Nhận đặt tiệc cưới*

— *Tiếp đãi lịch sự, vui vẻ, sẽ làm vừa lòng quí khách*

KHÁCH SẠN **PHÚ HÒA**

16 TĂNG BẠT HỔ — ĐÀ-LẠT

ĐT. 2021

— *Sạch sẽ, đủ tiện nghi*

— *Có nước nóng*

KHÁCH SẠN **LÂM SƠN**

KHUNG CẢNH BIỆT THỰ

KHÔNG KHÍ GIA ĐÌNH

5 Hải Thương
Đ.T : 2150

ĐÀ-LẠT

Library HoangSa.Org

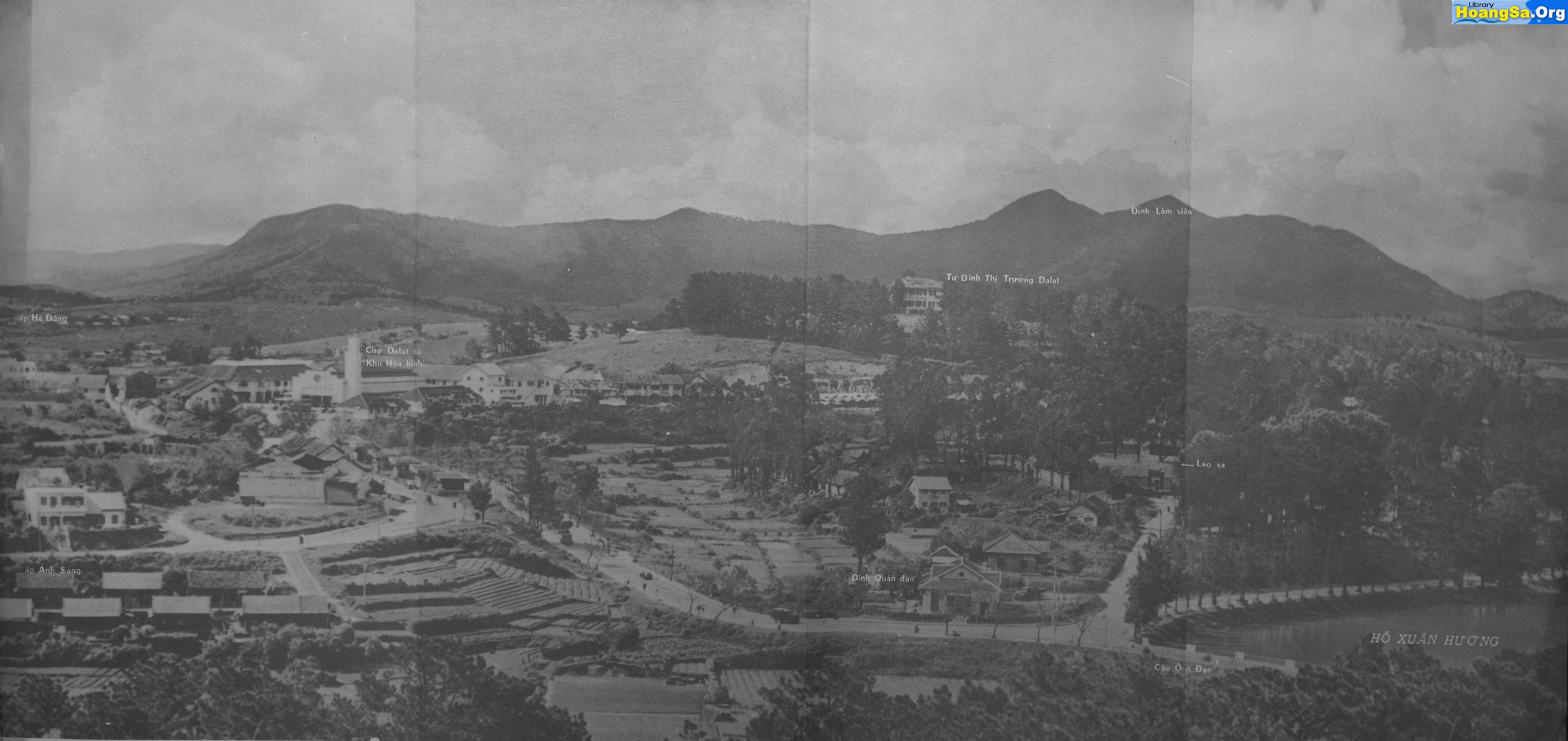

Hình 58 – Khu Trung tâm Dalat năm 1955 (Ảnh Trần văn Châu)

Library HoangSa.Org

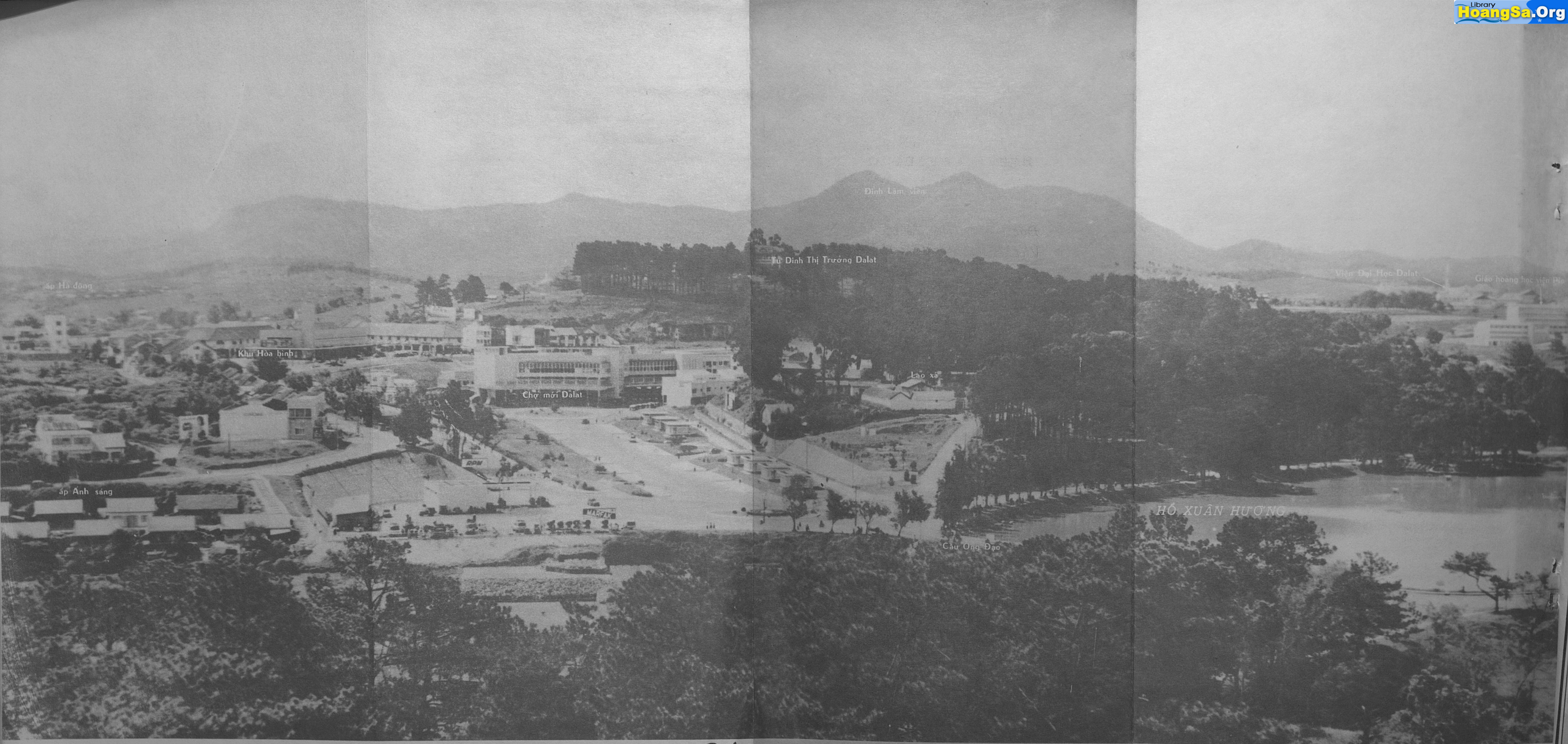

Hình 59 – Khu Trung tâm Dalat năm 1966 (Ảnh Trần văn Châu)

Library HoangSa.Org

THÀNH PHỐ DALAT
Bản-đồ du-lịch

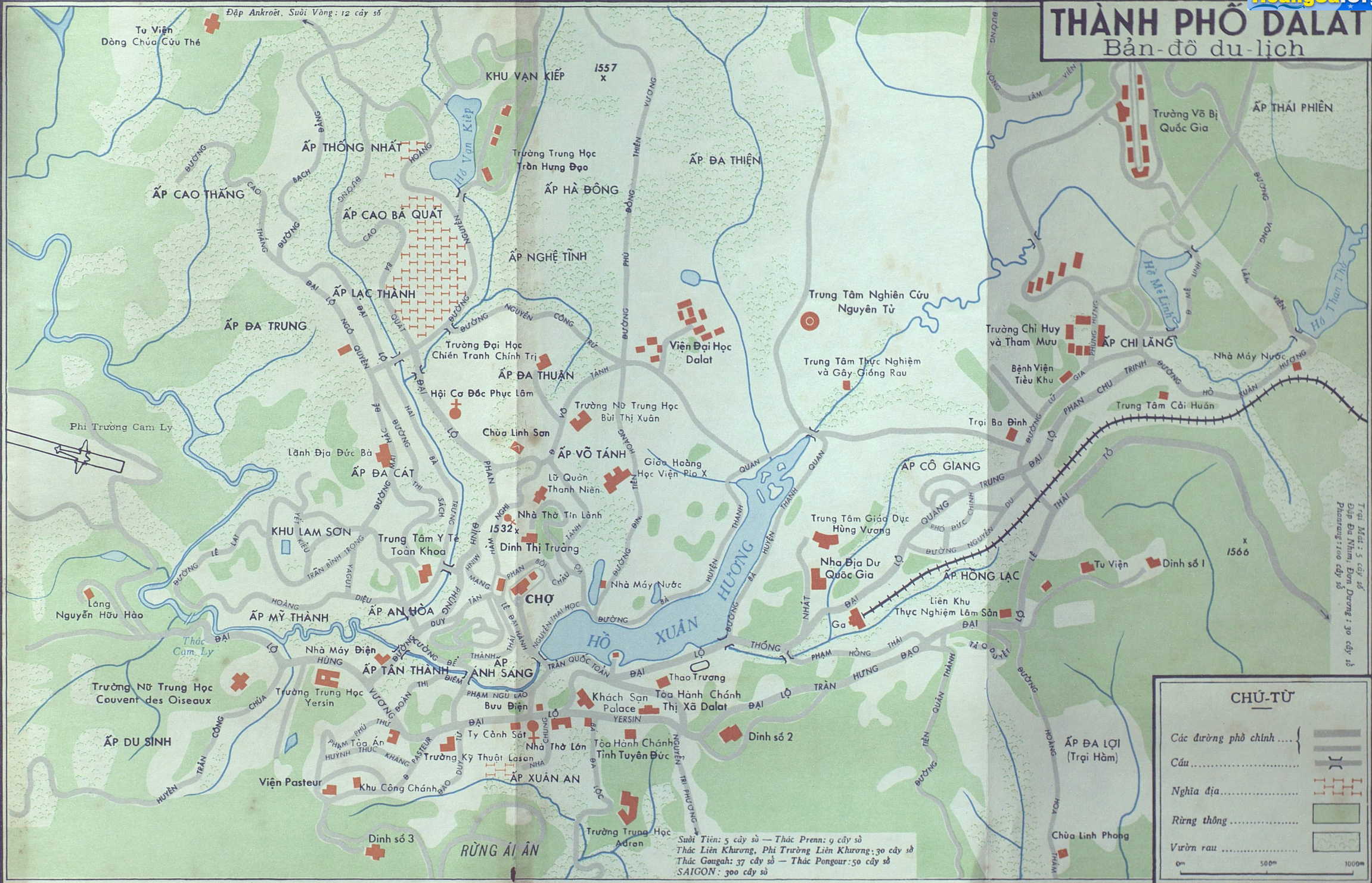

CHÚ-TỪ

- Các đường phố chính ....
- Cầu .....
- Nghĩa địa .....
- Rừng thông .....
- Vườn rau .....

0m 500m 1000m

Nha Địa-Dư Quốc-Gia thiết-lập và phát-hành _1971

Library HoangSa.Org

ĐÃ ẤN HÀNH SỐ ĐẶC KHẢO VỀ:

- TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH
  (Sử Địa số 3, 1966, 172 trang)
- PHONG TỤC TẾT VIỆT NAM VÀ CÁC LÂN BANG
  (Sử Địa số 5, 1967, 240 trang)
- PHAN THANH GIẢN
  (Sử Địa số 7 và 8, 1967, 268 trang)
- QUANG TRUNG
  (Sử Địa số 9 và 10, 1968, 268 trang)
- NGUYỄN TRUNG TRỰC
  (Sử Địa số 12, 1968, 176 trang)
- KỶ NIỆM CHIẾN THẮNG XUÂN KỶ DẬU (Đống Đa)
  (Sử Địa 13, 1969, 232 trang)
- VIỆT KIỀU TẠI CÁC LÂN BANG
  (Sử Địa số 16, 1969, 222 trang)
- NAM TIẾN CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM
  (Sử Địa số 19 và 20, 1970, 312 trang)
- 200 NĂM PHONG TRÀO TÂY SƠN
  (Sử Địa số 21, 1971, 232 trang)

SẼ ẤN HÀNH SỐ ĐẶC KHẢO VỀ:

* **NGUYỄN-TRƯỜNG-TỘ**

* Chủ Nhiệm : *Nguyễn Nhã*
* Quản Lý : *Mai Chưởng Đức*
* Thủ Quỹ : *Phạm Thị Hồng Liên*

Giấy phép xuất bản số 6679 BTLC/BCI ngày 23-11-1965 *và biên lai chính thức số* 291 BTT/NBC/HCBC ngày 12 tháng 3 năm 1970.
In tại nhà in Việt Hương — 34 Lê Lợi, Sàigòn.

Library HoangSa.Org

sử địa NĂM THỨ VI * tam cá nguyệt san—số 23 và 24 tháng 7 đến 12-1971

HÌNH BÌA TRƯỚC : Khu Thương Mãi và Hồ Xuân Hương Dalat (Ảnh Trần văn Châu 1966)

HÌNH BÌA SAU : Không Ảnh Một Phần Thị Xã Dalat (12-1967)

Bìa, các phụ bản và bản đồ
in tại NHA ĐỊA DƯ QUỐC GIA

[redacted]

Công sở giá gấp đôi

Giá : 350$